



Nhớ lại và suy nghĩ

Zhukov

SOY NGH

Fig. 1

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

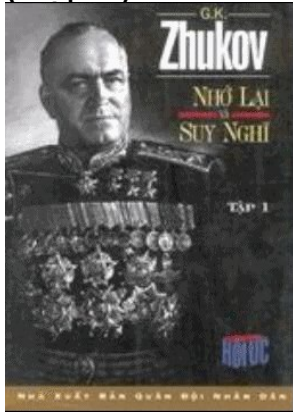
Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

NHỚ LẠI VÀ SUY NGHĨ

Georgi Konstantinovich Zhukov
(Tập 1)



Mục Lục

[Georgi Konstantinovich Zhukov](#)

[Thay Lời Tựa](#)

[Chương 1](#)

[Chương 2](#)

[Chương 3](#)

[Chương 4](#)

[Chương 5](#)

[Chương 6](#)

[Chương 7](#)

[Chương 8](#)

[Chương 9](#)

[Chương 10](#)

Georgi Konstantinovich Zhukov

(1896-1974)

Trong lịch sử chiến tranh thế giới, hiếm có vị tướng nào chưa bao giờ nếm mùi thất bại, chỉ biết có chiến thắng, hết trận này đến trận khác. Trong rất nhiều tướng lĩnh nổi danh trong Thế

chiến thứ hai, G.K. Zhukov được xếp đầu bảng về số lượng trận thắng nhiều và quy mô lớn, chiếm bảng vàng về tài năng chỉ đạo chiến dịch, chiến lược. Những chiến tích sáng chói của ông trở thành tài sản vô giá trong kho tàng di sản văn hoá nhân loại. Nó không những có ảnh hưởng lớn về lý luận quân sự của Liên Xô mà cũng có ảnh hưởng rất lớn đối với sự phát triển của lý luận quân sự thế giới.

Georgi Konstantinovich Zhukov (tiếng Nga: Георгий Константинович Жуков) sinh ngày 1-12-1896 trong một gia đình nghèo tại làng Strenkovka, tỉnh Kluga, con ông Konstantin Zhukov và bà Uxtina Zhukova. Tuổi nhỏ sống rất cực khổ, nhưng học rất giỏi. Năm 12 tuổi, lên Moscow làm thợ học việc trong một cửa hàng đồ da. Năm 1915, ông nhập ngũ, phục vụ trong một đơn vị kỵ binh Sa hoàng, tham gia Thế chiến thứ nhất, và 2 lần được tặng Huân chương Thánh George vì lòng dũng cảm.

Sau Cách mạng tháng Mười Nga, Zhukov gia nhập Hồng quân và trở thành một sĩ quan kỵ binh ưu tú. Ông chỉ huy đơn vị nghiêm minh, quản lý đúng phương pháp, đơn vị ông phụ trách bao giờ cũng là đơn vị tiên tiến, lập nhiều công tích xuất sắc trong thời kỳ nội chiến Nga. Năm 27 tuổi, ông giữ chức trung đoàn trưởng; đến năm 42 tuổi, đã là phó Tư lệnh đại quân khu Bêlorusia.

Tháng 5-1939, quân Nhật khiêu khích vũ trang tại vùng Khangin Khon (Mông Cổ). Zhukov được cử giữ chức vụ Tư lệnh chiến trường. Trong chiến dịch này, Zhukov đã sử dụng lực lượng xe tăng, cơ giới, máy bay và hỏa pháo mạnh để phản kích quân Nhật một cách kiên quyết; mạnh dạn đánh chia cắt và bao vây tập đoàn trang bị nặng của Nhật, gây cho tổn thất nặng nề cho quân Nhật. Qua đó, lần đầu tiên Zhukov thể hiện được tài năng về mặt chỉ huy và hiệp đồng tác chiến, gây sự chú ý của vị thống soái Stalin. Năm 1940, ông được phong hàm Đại tướng, giữ chức Tư lệnh đại quân khu Kiev. Đến đầu năm 1941, ông giữ chức Tổng tham mưu trưởng Hồng quân Liên Xô.

Có thể nói Zhukov đã hội đủ mọi tố chất để trở thành một vị tướng tài ba: Giỏi quan sát và phán đoán địch tình; dự kiến tình huống phát triển một cách chính xác; biết xử trí linh hoạt, ứng phó hữu hiệu với sự thay đổi của tình hình; điều chỉnh bố trí binh lực một cách hợp lý, luôn giáng cho địch những đòn đích đáng. Ông bao giờ cũng chọn đúng điểm đột phá khẩu, biết sử dụng binh đoàn xe tăng, chia cắt và đánh vu hồi, nhanh chóng đập tan tập đoàn địch.

Zhukov còn là một nhà chiến thuật tài năng, hiểu rõ tầm quan trọng của yếu tố địa hình và khí hậu. Trước khi nổ ra chiến dịch, bao giờ ông cũng tiến hành đo đạc địa hình, tính toán cân nhắc cẩn thận, so sánh lực lượng giữa hai bên, dựa vào sức mạnh của các quân binh chủng, nhằm bảo đảm về các mặt hàng không, pháo, công trình và thông tin. Ông không bao giờ chấp nhận một cuộc giao tranh không nắm chắc phần thắng.

Với nhận xét tình huống, Zhukov đã nhận định rằng chiến tranh Xô-Đức là rất không thể tránh khỏi, nên về mặt xây dựng quân đội, ông đã đề xuất thành lập các đơn vị xe bọc thép độc lập để đáp ứng nhu cầu của chiến tranh. Tuy nhiên ý kiến đúng đắn của ông đã không được giới lãnh đạo Liên Xô coi trọng. Điều này chỉ được chứng thực vào tháng 6-1941, khi chiến tranh Xô-Đức nổ ra, thực tế chiến trường đã xác minh hầu hết các luận điểm của ông.

Nhận ra được sai lầm của mình, Stalin thân trọng sử dụng Zhukov vào cương vị Phó Tổng tư lệnh Tối cao, sau đó tin cậy giao trách nhiệm cho Zhukov trên những mặt trận nóng bỏng nhất. Đến lúc này, tài năng của Zhukov được bộc lộ qua hàng loạt chiến dịch lớn. Bất cứ chiến trường nào đang gặp nguy hiểm, khi Zhukov đến chỉ huy, tình thế lập tức thay đổi. Báo chí phương Tây gọi ông với biệt danh "Fireman" – "lính cứu hỏa thiện nghệ", nhân dân Liên Xô gọi ông với cái tên "vị Nguyên soái của Chiến thắng" (Zhukov được phong hàm Nguyên soái Liên Xô năm 1943, và là vị Nguyên soái Liên Xô đầu tiên được phong trong Thế chiến thứ hai). Hàng loạt chiến dịch lớn chặn động địa cầu trên mặt trận phía Đông như Leningrad, Moscow, Stalingrad, Kursk, Berlin... đều có dấu ấn của Zhukov. Hàng loạt danh tướng nước Đức như Von Leeb, Von Bock, Von Paulus, Von Kluge, Von Manstein, Von Keitel ... phải chấp nhận thất bại trước Zhukov. Có thể nói, Zhukov là khắc tinh của quân đội Đức, một đội quân hùng mạnh nhất thế giới thời bấy giờ. Chính Zhukov là thay mặt Hồng quân Liên Xô tiếp nhận sự đầu hàng của nước Đức.

Sau chiến tranh, uy tín của Zhukov được cả thế giới khẳng định. Chính Zhukov là người đại diện cho Stalin duyệt binh mừng chiến thắng. Tuy nhiên, ông là một vị tướng của chiến trường,

không phải là một nhà chính trị. Sau khi Stalin mất, ông được bổ nhiệm là Thứ trưởng Bộ quốc phòng, phụ trách nghiên cứu tác dụng của vũ khí hạt nhân trong chiến tranh hiện đại. Từ 1955-1957, ông giữ chức Bộ trưởng Bộ Quốc phòng. Sau khi bị thất sủng, ông tập trung viết quyển hồi ký “Nhớ lại và suy nghĩ” (nguyên tác tiếng Nga: "Воспоминания и размышления", tiếng Anh: "*Memories and thoughts*") nổi tiếng. Quyển hồi ký này đã được xuất bản vào năm 1969. Ông qua đời năm 1974, thọ 78 tuổi.

Các danh hiệu của G.K. Zhukov

- 4 lần phong tặng Anh hùng Liên Xô (1939, 1944, 1945, 1956),
- 2 Huân chương Chiến thắng, (1944, 1945)
- 2 Huân chương Suvorov hạng I
- Huân chương Vê vang của Hoa Kỳ
- Huân chương Barna hạng I của Anh quốc.

và nhiều huân huy chương, danh hiệu khác...

Thái Nhi

Thay Lời Tựa

NHỚ LẠI VÀ SUY NGHĨ
G.K.ZHUKOV

Nhóm dịch: Lê Tùng Ba - Hồng Lam - Nguyễn Hải Sa – Lê Bá Phán - Trần Anh Tuấn.

TÔI đã miệt mài với cuốn “Nhớ lại và suy nghĩ” này không phải chỉ trong vòng một năm. Từ những tài liệu của cuộc sống rộng lớn, từ rất nhiều các sự kiện và những cuộc tiếp xúc, tôi muốn lựa chọn ra cái gì là thực chất và quan trọng nhất có thể nói lên thật xứng đáng sự vĩ đại của những sự nghiệp và thành tựu của nhân ta.

Nhiều năm đã trôi qua sau khi đã xảy ra các sự kiện được diễn lại trong cuốn sách này, nhưng chắc là ngay đến bây giờ cũng không thể nói một cách chính xác rằng cái gì trong những cái chúng ta đã từng trải qua và từng chứng kiến đó mang trong bản thân nó dấu vết của sự vĩnh cửu...

Mong rằng các bạn chiến đấu sẽ tha lỗi cho tôi nếu như tôi không thể đáp ứng được điều đó với tất cả các bạn. Hãy còn thời gian và hãy còn nhiều đồng chí khác sẽ viết và kể lại về những chuyện đó. Tôi sẽ rất cảm ơn các bạn nào gửi cho những ý kiến nhận xét, phê phán để có thể tiếp tục chỉnh lý cuốn sách này.

Nhiều đồng chí đã giúp đỡ tôi khi chuẩn bị lần xuất bản này. Tôi xin tỏ lòng biết ơn các tướng lĩnh và sĩ quan Viện khoa học quân sự Bộ Tổng tham mưu các lực lượng vũ trang Xô-viết và Viện Lịch sử quân sự, các đồng chí Vụ trưởng các vụ thuộc Bộ Quốc phòng: đại tá Ni-ki-ta Ê-phi-mô-vich Tê-rê-sen-cô và đại tá Pi-ốt Ya-cốp-lê-vích Đô-brô-vôn-xki, các đồng chí biên tập viên Nhà xuất bản Hãng Thông tấn Nô-vô-xti: An-na Đa-vư-đốp-na Miéc-ki-na, Vích-to A-lếch-xăn-đrô-vich Ê-rô-khin cùng tất cả những đồng chí đã chuẩn bị đưa in bản thảo của tôi.

Tôi đặc biệt cảm ơn sự giúp đỡ to lớn và sáng tạo mà đồng chí Va-đim Ghê-ra-xi-mô-vich Cô-mô-lốp đã dành cho tôi trong khi xây dựng cuốn sách này.

10 tháng 2 năm 1969
G. GIU-CÔP

Chương 1

THỜI THƠ ẤU VÀ THANH NIÊN

KHI đã luống tuổi, người ta khó mà nhớ hết những gì đã xảy ra trong đời mình. Năm tháng, sự kiện và công việc đã xoá mất khá nhiều trong trí nhớ tất cả những gì trong thời thơ ấu và thanh niên. Nhớ chẳng được chỉ là những điều không thể quên đi.

Tôi sinh ngày 19-11-1896 (lich cũ) trong một ngôi nhà nằm ở giữa làng Xơ-ren-cốp-ca, tỉnh Ca-lu-ga. Ngôi nhà đó rất cũ kỹ, một góc đã bị lún. Trải qua thời gian, rêu và cỏ đã mọc kín tường và mái. Trong nhà chỉ có mỗi một phòng có hai cửa sổ.

Cha mẹ tôi cũng không biết ai đã cất ngôi nhà này từ bao giờ. Theo các người đã sống lâu năm ở đây kể lại thì hồi xưa có một người đàn bà goá không có con, tên là An-nu-sca Giu-cô-va ở nhà này. Để đỡ cô quanh, bà đã nhận ở trại mồ côi một đứa bé 2 tuổi về nuôi – đó là cha tôi. Không người nào rõ bố mẹ đẻ của đứa bé ấy là ai, vả lại cha tôi cũng không cố công tìm hiểu gốc tích của mình nữa. Chỉ biết rằng một người đàn bà nào đó đã bỏ đứa bé mới 3 tháng ở trước cửa nhà nuôi trẻ mồ côi với một tấm giấy ghi: “Con tôi tên là Côn-stăn-tin”. Không ai biết được tại sao người đàn bà tội nghiệp ấy lại phải bỏ con mình trên thềm nhà nuôi trẻ mồ côi. Người đó đã dẫn tới hành động như thế vì thiếu tình thương con? Hay đúng hơn hết là vì lâm vào một hoàn cảnh khó khăn, không lối thoát?

Khi bà mẹ nuôi chết, cha tôi đã gần 18 tuổi. Cha tôi vào học nghề thợ giày ở làng U-gốt-xki Da-vốt. Sau này cha tôi kể lại rằng học nghề chủ yếu chỉ là làm công việc vặt trong nhà. Lại còn phải giữ con cho chủ và chăn nuôi gia súc. “Học” như vậy được chừng 3 năm thì cha tôi đi tìm chỗ khác. Cha tôi đi bộ đến Mát-xcơ-va và cuối cùng tìm được việc làm ở xưởng giày Vây-xơ. Xưởng Vây-xơ còn có cửa hàng giày mẫu nữa.

Tôi không biết chi tiết, nhưng theo cha tôi kể thì ông cũng nằm trong số nhiều công nhân bị đuổi và trục xuất khỏi Mát-xcơ-va sau sự kiện năm 1905 vì đã tham gia biểu tình. Từ đó cho đến khi chết, vào năm 1921, ông chỉ làm nghề thợ giày và làm ruộng, không đi ra khỏi làng nữa. Mẹ tôi là U-xti-na Ác-tê-mi-ép-na, sinh ra lớn lên trong một gia đình nghèo xác nghèo xơ ở làng Choóc-nai-a Gri-a-dơ bên cạnh.

Khi cưới nhau thì mẹ tôi đã 35 tuổi và cha tôi đã 50. Cả hai người đều tái hôn. Sau khi đã kết hôn lần đầu, hai người đều goá sớm.

Mẹ tôi rất khoẻ. Bà có thể nhấc bổng bao lúa 5 pút[1] và vác đi được một chặng đường rất xa.

Người ta nói là mẹ tôi vốn khoẻ giống ông bố. Ông ngoại Ác-tem của tôi đã từng chui xuống bụng ngựa và nhấc bổng nó lên hoặc nắm đuôi, nhảy tốt một cái ngòi cưỡi lên lưng ngựa.

Cảnh tưng bừng và nghề thợ giày của cha tôi chẳng kiếm chác được bao lăm buộc mẹ tôi phải làm thêm nghề vận chuyển. Mùa xuân, mùa hè và đầu mùa thu, mẹ tôi làm đồng. Cuối mùa thu, bà vào phố huyện Ma-lô-ya-rô-xla-vét lấy hàng thực phẩm phụ để chở thuê đến thành phố U-gốt-xki Da-vốt cho những người buôn. Mỗi chuyến đi bà kiếm được 1 rúp đến 1 rúp 20 cô-pếch. Nhưng nếu trừ tiền cỏ ngựa, ngủ trọ ở thành phố, ăn uống, sửa giày, v.v... thì chẳng còn được bao nhiêu. Tôi nghĩ trong từng đó thời gian, người ăn xin còn kiếm được nhiều hơn.

Nhưng còn việc gì mà làm nữa? Đó là số phận của những người nghèo hồi đó, và mẹ tôi cũng đành phải tảo tần, nhẩn nhục như vậy. Nhiều người đàn bà ở làng tôi cũng phải làm thế để khỏi chết đói. Họ chở hàng từ Mô-lô-ya-rô-xla-vét, Xéc-pu-khốp và những nơi khác, lặn lội đường trơn, gió rét, con mọn để cho các ông bà già yếu ở nhà trông coi.

Phần lớn nông dân làng tôi sống trong nghèo đói. Ruộng đất của họ đã ít lại xấu. Công việc đồng áng chủ yếu do đàn bà, người già và trẻ con làm. Đàn ông đi làm mướn thời vụ ở Mát-xcơ-va, Pê-téc-bua và các thành phố khác. Họ kiếm không được bao nhiêu, ít người trở về làng có năng túi tiền.

Tất nhiên trong làng cũng có bọn phú nông rất giàu. Chúng sống sung sướng, có nhà cao cửa rộng, sáng sủa, đầy đủ tiện nghi; trong chuồng nhiều trâu bò, gà lợn; trong kho sẵn thóc, sẵn bột. Con cái chúng ăn ngon mặc đẹp, học trong các trường tốt. Những bần nông ở làng chúng tôi đều làm việc cho chúng là chính, công sá ít ỏi; kẻ thì lấy được ít bánh mì, người thì đổi thóc giống, có người chỉ kiếm được vài bữa ăn.

Chúng tôi là con nhà bần nông, đã từng chứng kiến bao cảnh nước mắt mồ hôi, cay đắng đó của mẹ chúng tôi. Mừng rỡ biết bao khi mẹ chúng tôi ở Ma-lô-ya-rô-xla-vét đem về cho vài cái bánh báng khô? Nhất là trước ngày lễ Nô-en hay lễ Phục sinh mà mẹ chúng tôi dành dụm được

ít tiền mua cho vài chiếc bánh ngọt có nhân thì thật là vui mừng khôn xiết!
Khi tôi lên năm, chị tôi lên bảy, mẹ tôi lại đẻ thêm một em trai nữa tên là A-lếch-xây. Nó gầy quá, mọi người đều lo nó không sống nổi. Mẹ tôi thì thường khóc và nói:

- Lấy gì để bồi bổ cho con? Bánh mì và nước lã chẳng?

Sau khi đẻ được mấy tháng, mẹ tôi lại quyết định vào thành phố để làm thuê. Láng giềng gần lại, khuyên mẹ tôi nên ở nhà săn sóc thằng bé, nó còn yếu cần phải có sữa mẹ. Nhưng vì sợ cả nhà chết đói, mẹ tôi buộc lòng phải ra đi và để A-lếch-xây lại cho chúng tôi săn sóc. Nhưng được non một năm thì nó chết. Người ta chôn nó vào mùa thu ở nghĩa địa U-gốt-xki Da-vốt. Tôi và chị tôi rất thương tiếc A-li-ô-sa[2] và thường đến thăm mộ nó luôn. Còn nỗi đau buồn của cha mẹ chúng tôi thì thật là khôn nguôi.

Trong năm ấy, chúng tôi lại gặp một chuyện rủi ro khác nữa. Mái nhà sập vì đã quá cũ kỹ.

- Phải rời khỏi nơi này ngay! - Cha tôi nói - Không thì chúng ta sẽ chết bẹp. Bây giờ còn ấm, chúng ta hăng dọn xuống dưới nhà kho rồi sau hãy hay. May ra có ai cho ở nhờ vào nhà tắm hay nhà lẩm cũng được.

Tôi còn nhớ mẹ tôi đã khóc và nói với chúng tôi:

- Biết làm sao bây giờ, các con! Thôi hãy dọn đồ đạc xuống dưới kho.

Cha tôi đắp một cái lò con để nấu ăn, còn chúng tôi cố thu xếp chuyển hết đồ đạc trong nhà vào kho.

Dọn nhà xong, bạn của ba tôi đến và nói đùa:

- Sao, Cô-xchu-kha, nghe nói cậu bất hoà với thổ công nên ông ấy đuổi cậu đi ấy à?
- Sao lại bất hoà? - Cha tôi nói - Nếu bất hoà thì ông ấy đã đè bẹp chúng tôi rồi!
- Bây giờ cậu định liệu thế nào? - Bác Na-da-rút, người bạn hàng xóm của cha tôi hỏi.
- Chưa biết nghĩ thế nào đây...
- Còn nghĩ gì nữa. - Mẹ tôi xen vào - Dắt con bò ra chợ ngay. Bán bò để mua gỗ. Ngoảnh đi ngoảnh lại, mùa hè qua giờ đây, mùa đông đến thì chữa nhà sao được.
- Chị U-xti-na nói đúng đấy! - Đám đàn ông tán thành.
- Đúng thì đúng rồi, nhưng một con bò thì không đủ, - cha tôi nói - Mà ngoài con bò, chúng tôi chỉ còn con ngựa già.

Mọi người đều im lặng, nhưng ai cũng hiểu rằng: cái khó khăn nhất đang ở trước mắt chúng tôi. Sau đó chỉ một thời gian, không biết cha tôi mua ở đâu được một ít gỗ giá phải chăng, lại trả làm nhiều lần. Láng giềng giúp chúng tôi chở về và đến tháng 11 thì nhà làm xong. Mái lợp bằng rạ.

- Không sao, ta cứ ở đây, khi nào giàu ta sẽ làm nhà đẹp hơn, - mẹ tôi nói.

Nhìn ngoài thì nhà chúng tôi xấu hơn các nhà khác, bậc thềm lát bằng ván cũ, cửa sổ thì bằng những mảnh kính ghép lại. Nhưng chúng tôi rất vui, vì mùa đông đến, dù sao cũng có một xó ấm để nướng thân, còn chật thì chật thật, nhưng như người ta nói “chịu chật chứ không chịu nhục”.

Mùa đông năm 1902, tôi lên bảy. Mùa đông ấy gia đình chúng tôi rất khổ. Đó là năm mất mùa, lúa chỉ đủ ăn đến nửa tháng Chạp. Cha mẹ tôi kiếm được bao nhiêu tiền thì chỉ đủ mua bánh mì, muối và trả nợ. May nhờ có hàng xóm khi thì cho chúng tôi bát canh, khi thì bát cháo. Việc tương trợ như vậy ở nông thôn không phải là một trường hợp đặc biệt, mà đó là một tập quán hữu ái, tương trợ lẫn nhau của người Nga trong cơn neo túng.

Sang mùa xuân thì đỡ hơn vì trên sông Ô-gu-bli-an-ca và Rốt-va có khi câu cá rất dễ. Sông Ô-gu-bli-an-ca là một con sông nhỏ, cạn có nhiều chỗ bùn. Phía trên làng Cô-xchin-ca, gần xóm Bô-lốt-xki, nơi các con suối bắt đầu hợp lại thành ngọn sông, có chỗ rất sâu tập trung rất nhiều cá. Trên sông Ô-gu-bli-an-ca, đặc biệt là vùng làng tôi và làng Ô-gúp, có nhiều cá trôi, cá vược, cá mè, có khi câu được hàng giỏ. Những ngày câu được nhiều, tôi còn chia cá cho hàng xóm để trả ơn họ cho canh, cho cháo.

Bọn trẻ con chúng tôi rất thích đi câu cá trên sông Prốt-va ở khu núi Mi-khai-lép-xki. Đường đến chỗ đó phải đi qua khu rừng bồ đề rậm rạp và khu rừng bạch dương thần tiên, có nhiều cây dâu và hoa dại, và cuối mùa hè lại nhiều nấm. Đàn ông ở các làng lân cận thường đến cạy vỏ cây làm dép mà ở vùng chúng tôi người ta thường gọi là “dép rọ ngày lễ”.

Bây giờ không còn các khu rừng đó nữa. Bọn xâm lược Đức đã chặt trụi cả, và sau Chiến tranh giữ nước vĩ đại, nông trường đã cày làm đất trồng trọt.

Một bận, vào mùa hè, cha tôi nói:.

- Này, Ê-go, con đã lớn, tám tuổi rồi. Đến lúc phải đi làm việc rồi đấy! Hồi bằng tuổi con, bố đã làm việc không kém gì người lớn. Ngày mai, vác cào đi với chị mà cắt cỏ, phơi ra rồi chất lại thành đồng.

Tôi rất thích cắt cỏ và thường theo người lớn đi cắt cỏ. Nhưng giờ đây, tôi đi cắt cỏ với ý thức đi làm chứ không phải đi chơi như trước. Tôi rất hãnh diện vì tôi đã tham gia lao động và trở thành có ích cho gia đình. Tôi thấy các bạn cùng lứa tuổi với tôi cũng cầm cào ngồi trên các xe ngựa khác.

Tôi rất cố gắng làm việc, và được người lớn khen, tôi rất thích. Nhưng có lẽ tôi đã cố quá sức nên bàn tay phồng lên. Tôi rất xấu hổ không dám nói với ai cả và cố hết sức chịu đựng. Cuối cùng, những chỗ phồng vỡ ra và tôi không thể nào cào cỏ được nữa.

- Không can gì! - Cha tôi nói và lấy giẻ buộc tay cho tôi. Mất mấy ngày tôi không cầm được cào, mà chỉ giúp chị tôi chuyển cỏ dồn lại thành đồng. Bọn trẻ con cười tôi. Nhưng mấy ngày sau, tay tôi khỏi và lại làm việc không kém gì bọn chúng.

Đến mùa gặt lúa mì, mẹ tôi bảo:

- Con ạ! Đã đến lúc con tập gặt được rồi đấy. Mẹ đã mua cho con một cái liềm mới ở trên phố rồi. Sáng mai mẹ con ta đi gặt.

Tôi gặt không đến nổi tời, nhưng không bao lâu tôi lại thất bại một lần nữa. Muốn cho thành tích của mình nổi bật, tôi hấp ta hấp tấp đưa liềm vào ngón tay út bên trái. Mẹ tôi lo quá. Tôi cũng vậy. Cô Pra-xcô-vi-a là người hàng xóm, cũng làm cạnh đấy, lấy cỏ nhỏ nổi đắp lên tay tôi và lấy giẻ buộc chặt lại.

Đã bao nhiêu năm qua, vết sẹo ở ngón tay út bên trái vẫn còn nhắc tôi nhớ lại thất bại đầu tiên của mình trên mặt trận nông nghiệp...

Mùa hè lao động trôi qua rất nhanh. Tôi đã làm quen công việc đồng áng và khoẻ thêm.

Mùa thu năm 1903 đã tới gần. Đối với tôi từ đây bắt đầu một thời kỳ quan trọng. Bọn trẻ con cùng tuổi với tôi chuẩn bị đi học. Tôi cũng chuẩn bị đi học. Tôi cố gắng học chữ in theo sách tập đánh vần của chị tôi. Mùa thu ấy trong làng có thêm năm đứa trẻ nữa bắt đầu đi học, trong số đó có bạn thân nhất của tôi là Li-ô-sca Cô-lô-tua-nui. "Cô-lô-tua-nui" là tên họ người ta đặt thêm cho nó, còn tên họ chính của nó cũng là Giu-cốp. Trong làng tôi có bảy hộ có họ là Giu-cốp. Để phân biệt người cùng họ, người ta thường gọi thêm tên mẹ. Chị em tôi thì gọi là U-xtin, con nhà khác là Áp-đô-tin, con nhà khác nữa thì gọi là Ta-ti-a-nin, v.v...

Chúng tôi học ở trường dòng của làng Vê-lit-cô-vô, cách nhà tôi một ki-lô-mét rưỡi. Trẻ con bốn làng Lư-cô-vô, Vê-lit-cô-vô, Xto-ren-cốp-ki và Ô-gu-bi cùng học ở đấy.

Nhiều đứa được bố mẹ mua cho cặp da và chúng thường giơ cặp ra khoe. Tôi và Li-ô-sca, không có cặp da mà chỉ có một cái túi xách khâu bằng vải bạt. Tôi báo mẹ tôi là mang túi đi học như đeo bị đi ăn xin ấy, tôi không đeo túi nữa đâu.

- Khi nào bố mẹ có tiền, - mẹ tôi nói - nhất định mẹ sẽ mua cặp cho con. Bây giờ thì con hãy mang túi này đi học đã.

Chị Ma-sa dẫn tôi đến trường. Chị tôi đã học lớp hai. Lớp tôi có 15 đứa con trai và 13 đứa con gái.

Sau khi làm quen với lớp, thầy giám xếp chúng tôi ngồi vào từng bàn. Bọn con gái ngồi bên trái, bọn con trai ngồi bên phải. Tôi rất muốn ngồi với Cô-lô-tua-nui nhưng thầy giáo bảo chúng tôi không ngồi chung với nhau được vì Li-ô-sca chưa biết qua một chữ nào, người lại bé. Nó ngồi ở bàn đầu, còn tôi ngồi ở bàn cuối. Li-ô-sca nói với tôi là nó sẽ cố gắng học nhanh cho thuộc hết chữ cái rồi nhất định chúng tôi sẽ được ngồi chung. Nhưng sự thật lại không xảy ra như vậy. Li-ô-sca luôn luôn ở trong số học sinh kém nhất. Vì nó không thuộc bài nên thường phải ở lại lớp sau khi tan học, nhưng nó lại hết sức chịu khó nên không bị các thầy quở mắng.

Thầy giáo chúng tôi là Xéc-gây Ni-cô-lai-ê-vich Rê-mi-dốp, một nhà giáo có kinh nghiệm và tốt. Thầy không phạt oan và không to tiếng với bọn trẻ bao giờ. Học sinh rất kính trọng và vâng lời thầy. Bố thầy Xéc-gây Ni-cô-lai-ê-vich là một ông giáo trầm tĩnh và tốt bụng, là một chức sắc và dạy "kinh thánh" ở trường chúng tôi.

Thầy Xéc-gây Ni-cô-lai-ê-vich và anh thầy, bác sĩ Ni-cô-lai Ni-cô-lai-ê-vich, đều là người vô thần. Họ đi nhà thờ chỉ vì lịch sự mà thôi, cả hai anh em thầy đều hát trong đội đồng ca của nhà thờ. Tôi và Li-ô-sca đều tốt giọng nên được cho vào đội đồng ca nhà trường.

Tất cả trẻ con làng tôi đều được lên lớp hai với điểm tốt, chỉ có Li-ô-sca mặc dù tập thể chúng tôi đã giúp đỡ nhiều nhưng không được lên, vì nó bị 2 về môn “kinh thánh”.

Chị tôi học cũng kém, phải học lại lớp hai. Cha mẹ tôi quyết định bắt chị tôi thôi học về làm việc trong nhà. Chị Ma-sa khóc nức nở và phân trần là không phải tại chị ấy, chỉ vì phải bỏ mất nhiều bài quá để trông em bé A-li-ô-sa ở nhà khi mẹ đi vận chuyển. Tôi cũng bênh chị Ma-sa, tôi nói, cha mẹ người ta cũng làm việc, cũng đi vận chuyển, nhưng con người ta không phải bỏ học, bạn của chị Ma-sa vẫn đi học. Cuối cùng mẹ tôi đồng ý. Chị tôi mừng lắm và tôi cũng mừng thay cho chị.

Chúng tôi rất thương mẹ chúng tôi. Với trí khôn của trẻ con, chúng tôi cũng biết là mẹ chúng tôi rất vất vả. Hơn nữa, cha tôi ở Mát-xcơ-va lại ít gửi tiền về và mỗi lần gửi thì rất ít. Trước kia, hàng tháng cha tôi gửi 2 - 3 rúp về cho mẹ tôi, gần đây có khi gửi 1 rúp, có khi còn ít hơn. Hàng xóm nói rằng không chỉ một mình cha tôi, mà mọi người công nhân khác ở Mát-xcơ-va đều kiếm được ít tiền như vậy.

Tôi còn nhớ vào cuối năm 1904 cha tôi về làng. Chị; em tôi rất mừng. Chúng tôi vẫn hằng mong cha về cho quà Mát-xcơ-va. Nhưng cha tôi bảo chuyến này không mang được thứ gì về cả. Ông bị mổ ruột thừa mất 20 ngày, nằm bệnh viện ra, về thẳng nhà, tiền xe cũng phải vay bè bạn. Mọi người trong làng đều kính trọng cha tôi. Họ nghe lời ông. Thường trong các cuộc hội họp, ý kiến của ông là ý kiến cuối cùng được mọi người tán thưởng. Tôi rất yêu cha tôi và ông cũng hay chiều tôi. Nhưng cũng có lúc cha tôi nghiêm khắc phạt tôi, thậm chí còn đánh tôi bằng dây da, bắt tôi phải xin lỗi. Nhưng tôi rất bướng, đánh mấy thì đánh, tôi vẫn không xin lỗi.

Một lần cha tôi đánh tôi một trận dữ dội, đến nỗi tôi phải chạy trốn mất ba ngày trong bụi gai gần nhà hàng xóm. Ngoài chị tôi không ai biết tôi ở đâu cả. Tôi dặn chị tôi đừng nói với ai cả và đem thức ăn cho tôi. Người ta tìm tôi khắp nơi nhưng tôi trốn rất kín. Bất ngờ bà hàng xóm thấy tôi và đưa tôi về nhà. Cha tôi còn đánh thêm nữa, nhưng sau ông thương hại và tha cho tôi.

Tôi còn nhớ khi nào vui, cha tôi hay cho tôi đi theo vào quán uống trà. Quán ở làng Ô-gúp bên cạnh. Chủ quán là phú hộ Ni-ki-pho Cu-la-ghin, ông ta buôn nhiều loại hàng thực phẩm. Đàn ông và thanh niên thường họp nhau ở quán. Họ侃 chuyện về các tin tức này nọ, chơi lô-tô, chơi bài với nhau hoặc uống rượu vì một lý do nào đó, đôi khi cũng chẳng có lý do gì, họ cũng uống.

Tôi thích uống trà trong quán cùng với người lớn. Họ nói chuyện thông thạo về Mát-xcơ-va, Pê-téc-bua. Có lần tôi giao hẹn với cha tôi đi đâu cũng phải cho tôi đi để tôi được nghe người lớn nói chuyện.

Người em bà mẹ đỡ đầu của tôi tên là Prô-kho làm đầy tớ trong quán này. Chân cậu có tật, mọi người gọi cậu là “Prô-sca thọt”. Tuy thọt nhưng cậu ấy là một người đi săn rất say mê. Mùa hè cậu ấy bắn vịt trời, mùa đông đi săn thỏ, hồi đó ở vùng chúng tôi rất nhiều thỏ, đặc biệt là thỏ đen.

Cậu Prô-kho thường dắt tôi theo. Đi săn làm cho tôi rất vui. Đặc biệt là khi nào cậu tôi bắn được con thỏ do tôi đuổi cho. Chúng tôi đi săn vịt trời ở Ô-gu-bli-an-ca hoặc ở các hồ. Thường cậu Prô-kho bắn ít khi trượt. Nhiệm vụ của tôi là phải lợi xuống nước nhặt vịt.

Đến nay tôi còn rất mê đi săn. Có thể là do cậu Prô-kho đã tập cho tôi thích đi săn ngay từ hồi còn bé.

Không bao lâu cha tôi lại trở lên Mát-xcơ-va. Trước khi đi cha tôi kể cho mẹ tôi nghe, ở Mát-xcơ-va và Pi-tơ[3], công nhân thất nghiệp và bị bóc lột nặng nề, đình công luôn.

- Bố nó đừng dính dáng vào công việc của họ, không rồi sen đầm lại bắt đi đày xa đấy - mẹ tôi nói.

- Đó là công việc của công nhân chúng tôi. - Cha tôi đáp - Mọi người đi đâu thì mình đi đó với người ta chứ?

Sau khi cha tôi ra đi, lâu lắm chúng tôi không được tin tức gì; ở nhà rất lo.

Ít lâu sau chúng tôi được tin ở Pi-tơ ngày mồng 9 tháng Giêng, bọn lính Sa hoàng đã bắn vào đám biểu tình hòa bình của công nhân đưa đơn đến Sa hoàng đòi cải thiện đời sống.

Cũng mùa xuân năm 1905 ở các làng thường xuất hiện những người lạ mặt, họ tuyên truyền gọi nhân dân đấu tranh chống bọn địa chủ và chế độ chuyên chế của Sa hoàng.

Ở làng tôi, nông dân chưa tích cực hoạt động, nhưng họ rất bất mãn. Họ đều biết tin về những

cuộc bãi công chính trị, cuộc chiến đấu bên chiến lũy và cuộc nổi dậy vũ trang của những nhà cách mạng tháng Chạp ở Mát-xcơ-va. Người ta nói các cuộc nổi dậy ở Mát-xcơ-va và các thành phố khác trong nước Nga của công nhân đã bị chính phủ Sa hoàng đàn áp dã man và nhiều nhà cách mạng đứng đầu giai cấp công nhân tham gia khởi nghĩa đã bị giết hại, giam cầm trong ngục tối hoặc bị đày đi biệt xứ. Người ta cũng nghe tin cả về Lê-nin, người đại diện cho quyền lợi của công nhân và nông dân, lãnh tụ Đảng Bôn-sê-vích, một đảng lấy tôn chỉ mục đích là giải phóng người lao động khỏi bàn tay địa chủ, tư bản và ách thống trị Sa hoàng. Những tin tức ấy do người làng tôi đi làm ở Mát-xcơ-va, Pi-tơ và những thành phố khác ở khắp nước Nga đưa về. Năm 1906 cha tôi trở về làng. ông nói, ông sẽ không đi Mát-xcơ-va nữa vì cảnh sát cấm không cho ông cư trú ở thành phố, nên từ nay ông về quê làm ăn. Tôi rất mừng vì cha tôi sẽ ở nhà mãi mãi.

Cũng năm ấy tôi học hết trường dòng. Ở lớp nào tôi cũng đều đạt điểm “xuất sắc” và được cấp giấy khen. Cả nhà đều hài lòng vì tôi học giỏi và tôi cũng mừng. Để mừng tôi thi đỗ, mẹ tôi tặng tôi một chiếc áo mới, còn cha tôi tự tay khâu cho tôi một đôi giày.

- Bây giờ thì con biết chữ rồi. - Cha tôi nói - có thể gửi con đi Mát-xcơ-va học nghề được rồi đấy.

- Thôi cho con nó ở nhà thêm một năm nữa rồi gửi ra tỉnh. - Mẹ tôi nói - Để cho nó lớn thêm một tí nữa đã.

Từ mùa thu năm ấy tôi lên 11 tuổi. Tôi biết đây là mùa thu cuối cùng được sống ở nhà mình. Mùa đông sẽ đến, rồi tôi sẽ phải đi ở. Tôi phải nai lưng ra làm việc cho nhà người ta. Mẹ tôi vẫn đi vào thành phố làm nghề vận chuyển, còn cha tôi thì khâu giày từ sáng sớm đến tối mịt. Tiền kiếm được chẳng là bao, vì người làng ai cũng túng thiếu, không trả đủ tiền công cho ông được. Mẹ tôi thường kỷ kèo cha tôi vì ông lấy tiền công rẻ quá.

Hễ kiếm được tiền công kha khá là ông đi vào thành phố U-gốt-xki Da-vốt uống rượu. Lúc về chị em tôi ra đón ngoài đường, thế nào cũng được quà, khi cái bánh khô, khi thì ít kẹo.

Mùa đông, khi nào rồi việc nhà, tôi thường đi câu cá, đi trượt băng ở Ô-gu-bli-an-ca hoặc trượt tuyết trên núi Mi-khai-lép-xki bằng những giày trượt tự chế.

Mùa hè đến, lòng tôi càng hồi hộp vì sắp đến ngày tôi phải xa gia đình, xa những người thân yêu, bạn bè để đi Mát-xcơ-va. Tôi biết rằng tuổi nhỏ của tôi đã qua. Thực ra, đối với tôi chỉ những năm đã qua ấy mới có thể tạm cho là thời thơ ấu mà thôi, chứ tôi cũng không rõ bao giờ là thời thơ ấu tươi đẹp hơn nữa.

Tôi còn nhớ một buổi tối có mấy người hàng xóm đến tụ tập trong nhà tôi. Họ bàn chuyện gửi con cái đi Mát-xcơ-va. Người thì nói sẽ đưa con đi nay mai, kẻ thì lại bàn đợi thêm một vài năm nữa. Mẹ tôi bảo sau hội chợ thì cho tôi đi. Ở làng tôi sau ngày lễ Chúa độ một tuần thì có hội chợ. Li-ô-sca Cô-lô-tua-nui đã được gửi đi học nghề trong xưởng thợ mộc. Chủ xưởng là Ma-ra-skin, một nhà giàu trong làng.

Cha tôi hỏi tôi định học nghề gì. Tôi nói tôi muốn học nghề in. Ông nói không có người quen nào có thể đưa tôi vào nhà in. Còn mẹ tôi quyết định sẽ xin người anh ruột của bà là Mi-kha-in cho tôi vào làm trong xưởng thuộc da. Cha tôi đồng ý vì ông nghĩ làm nghề thuộc da kiếm được nhiều tiền. Tôi thì sẵn sàng làm nghề gì cũng được, miễn là có ích cho gia đình.

Tháng 6-1907, người anh mẹ tôi - Mi-kha-in Ác-tê-mi-ê-vích Pi-li-khin về làng Choóc-nai-a Gri-a-dơ bên cạnh. Kể cũng nên nói một chút về ông ta.

Ông Mi-kha-in Pi-li-khin cũng như mẹ tôi, lớn lên trong nghèo đói. Mười một tuổi ông được gửi vào làm trong một xưởng thuộc da. Sau bốn năm rưỡi, ông trở thành thợ cả. Ông Mi-kha-in rất tiết kiệm, sau mấy năm dành dụm, ông có một số tiền và mở được một xưởng nhỏ. ông là một người thuộc da lông thú giỏi, được nhiều khách giàu đặt hàng, ông tha hồ mà “cắt cổ”.

Ông Mi-kha-in Pi-li-khin mở rộng dần xưởng, đưa số công nhân trong xưởng lên đến 8 người, ngoài ra thường xuyên còn có 4 thằng nhỏ học nghề nữa. Ông cũng bóc lột tàn tệ không kém những người chủ khác. Nhờ vậy ông tích lũy được một số vốn khoảng 50.000 rúp vàng.

Đó là ông bác mà mẹ tôi định gửi tôi đến học nghề. Mẹ tôi đến gặp ông ta đang nghỉ hè ở Choóc-nai-a Gri-a-dơ. Khi về, mẹ tôi nói bác ấy bảo đem tôi đến cho bác ấy xem. Cha tôi hỏi ông Pi-li-khin nêu những điều kiện gì.

- Ông biết rồi còn gì. - Mẹ tôi đáp, - sau bốn năm rưỡi làm nhỏ thì thành nghề.

- Thôi đành vậy, biết làm thế nào hơn. - Cha tôi nói - Cứ đưa thằng Ê-goóc-ca đến cho ông Mi-

kha-in.

Hai ngày sau cha tôi dẫn tôi đến làng Choóc-nai-a Gri-a-dơ. Đến gần nhà ông Pi-li-khin, cha tôi dẫn:

- Kia kìa, người ngồi ở thềm là ông chủ tương lai của con đấy. Khi đến gần thì cúi đầu chào và nói: “Chào ông Mi-kha-in Ác-tê-mi-ê-vích ạ!”.

- Không, con sẽ nói: “Cháu chào bác Mi-sa ạ!” - Tôi cãi lại.

- Con đừng có quên rằng: ông ấy là bác con nhưng là chủ tương lai của con, ông chủ giàu không ư có bà con nghèo đâu. Con hãy ghi sâu lấy điều đó vào lòng.

Bước đến thềm, chỗ bác Mi-sa ngồi trên ghế bành mây, cha tôi chào xong, đẩy tôi lên phía trước. Không chào đáp, cũng không bắt tay cha tôi, ông Pi-li-khin quay người nhìn tôi. Tôi cúi đầu chào và nói:

- Chào ông Mi-kha-in Ác-tê-mi-ê-vích!

- Chào cháu. Thằng bé khá lắm! Sao, muốn làm nghề thuộc da à?

Tôi im lặng.

- Nghề thuộc da khá tốt, nhưng khó đấy?

- Cháu nó không sợ đâu, nó đã quen lao động từ bé rồi. - Cha tôi trả lời.

- Có biết chữ không?

Cha tôi đưa giấy khen của tôi ra cho ông ấy xem.

- Khá lắm! - Bác nói, rồi quay về phía cửa, gọi - Ê! Chúng bay đâu? Ra đây bảo.

Hai đứa trẻ béo mập, con bác ta là A-lếch-xăn-đơ và Ni-cô-lai trong buồng chạy ra, ăn mặc tươm tất. Sau cùng bà chủ cũng bước ra theo.

- Xem đây này! Đồ mất xác! Học phải như thế này này! - Bác chỉ vào giấy khen của tôi và nói - Còn chúng mày thì suốt đời điểm ba.

Cuối cùng, bác quay lại nói với cha tôi:

- Thôi, tôi nhận con chú vào học nghề. Thằng bé khỏe và có vẻ thông minh đấy. Tôi còn ở đây ít ngày rồi đi Mát-xcơ-va, nhưng tôi không đem nó theo được. Một tuần nữa, chú Xéc-gây, em nhà tôi đi Mát-xcơ-va sẽ dẫn nó tới chỗ tôi.

Đến đây chúng tôi từ biệt ra về. Tôi rất mừng vì còn sống ở nhà thêm một tuần nữa.

- Sao, anh tôi tiếp bố con ông như thế nào? - Mẹ tôi hỏi.

- Cũng như các ông chủ tiếp ông anh bà thôi.

- Anh ấy không mời uống nước à?

- Thậm chí đi đường xa đến mà anh ấy cũng không mời cha con tôi ngồi nữa là! Anh ấy ngồi, còn chúng tôi đứng như lính hầu. - Và cha tôi nói thêm một cách giận dữ - Cần gì nước của họ. Bây giờ cha con tôi đi vào quán uống, tiền của tôi vậy!

Mẹ tôi gửi cho tôi một cái bánh khô và cha con tôi đi về phía quán trà.

Việc chuẩn bị đi Mát-xcơ-va thật chóng vánh. Mẹ tôi gói cho tôi hai bộ quần áo, một cái khăn bọc chân thay bít tất, một đôi khăn mặt và cho tôi năm quả trứng, một ổ bánh mì đi ăn đường. Chúng tôi ngồi lặng một chút theo phong tục Nga trên chiếc ghế dài.

- Thôi Chúa phù hộ con! - Mẹ tôi nói, rồi không kìm được, mẹ nức nở khóc, siết chặt tôi vào lòng.

Tôi thấy mắt cha tôi cũng đỏ hoe, mấy giọt nước mắt lăn trên má. Tôi suýt bật lên tiếng khóc, nhưng kìm lại được.

Tôi và mẹ tôi đi bộ sang Choóc-nai-a Gri-a-dơ. Con đường này trước kia tôi thường đi học qua và đi vào rừng hái nấm và nhặt hạt dẻ.

- Mẹ! Mẹ có nhớ không? Mẹ và con đã gặt lúa ở chỗ gần ba cây sồi kia kìa, hôm con cắt phải tay ấy mà?

- Mẹ nhớ chứ! Các bà mẹ luôn luôn nhớ những gì đã xảy ra với con mình. Nhưng có nhiều đứa con hư, có khi quên cả mẹ.

- Mẹ ạ, con thì không bao giờ thế đâu! - Tôi nói cứng.

Khi tôi và chú Xéc-gây lên tàu xong thì trời mưa như trút nước. Trong toa tối om. Một ngọn đèn dầu mờ chiếu sáng lối đi chật hẹp trong toa hạng ba. Con tàu phóng nhanh. Bóng đen của rừng cây và ánh lửa ở các làng xa lướt nhanh ngoài cửa sổ.

Tôi chưa được đi xe lửa bao giờ, cũng chưa bao giờ thấy đường sắt. Cho nên chuyến đi này đã gây cho tôi một ấn tượng sâu sắc. Qua ga Ba-la-ba-nô-vô, bỗng phía xa hiện ra những ngôi nhà

hiều tầng sáng rực.

- Bác ơi, thành phố gì thế kia? - Tôi hỏi một người đàn ông đứng tuổi đứng cạnh cửa sổ.

- Không phải thành phố đâu cháu ạ! Đây là nhà máy dệt Na-rô Phô-min-xơ của lão Xa-va Mô-rô-dốp. Bác đã làm ở đây 15 năm. - ông ta buồn bã đáp - Bây giờ bác không làm ở đây nữa.

- Tại sao? - Tôi hỏi.

- Chuyện dài lắm... Bác đã chôn vợ và con gái bác ở đó...

Tôi thấy mặt ông tái đi và ông nhắm mắt lại một lúc.

- Mỗi lần đi qua cái nhà máy đáng nguyên rửa này, bác không thể bình tĩnh được khi nhìn con quái vật đã nuốt mất những người thân yêu của mình...

Ông đột nhiên rời khỏi cửa sổ và ngồi vào một chỗ tối, bắt đầu hút thuốc, còn tôi tiếp tục ngắm "con quái vật đã "nuốt" người kia, không dám hỏi thêm xem nó đã nuốt người như thế nào. Chúng tôi đến Mát-xcơ-va vừa tảng sáng. Nhà ga làm tôi sững sốt. Mọi người hấp tấp ra cửa, mang nào sọt, giỏ, lồng. Tôi ngơ ngác không hiểu sao mọi người vội vã như vậy.

Chú dẫn đường dẫn tôi:

- Ra đây phải trông trước trông sau cho cẩn thận, đây không phải như nhà quê đâu, đừng có há hốc mồm ra nghe không.

Cuối cùng, chúng tôi đến quảng trường ga.

Mặc dù còn sớm, quanh một quán nhỏ, người ta đã xúm xít mua bán quà bánh. Ở đây khách qua đường có thể ăn lót dạ với giá không phải là đắt lắm. Đến nhà ông chủ còn quá sớm, nên chúng tôi vào quán nghỉ chân. Quanh quán trà có những vũng nước lầy và bẩn, trên hè phố có mấy người say rượu ăn mặc rách rưới nằm lăn ngay dưới đất. Trong quán, một điệu nhạc vang lên. Tôi nhận ra bài hát quen thuộc "Trận cháy Mát-xcơ-va âm vang". Mấy người khách rượu đã ngà say đang đứng ngồi lổ nhổ.

Ra khỏi quán, chúng tôi đi đến phố Bôn-sai-a Đrô-gô-mi-lốp-xcai-a đợi xe ngựa. Hồi đó Mát-xcơ-va vừa mới có xe điện, đường phố này xe điện chưa chạy tới. Trong lúc nhốn nháo, vội vã lên xe ngựa, một người đàn ông vô tình thúc gót giày vào mũi tôi. Máu mũi chảy ra.

- Tao đã bảo phải nhìn trước nhìn sau mà? - chú Xéc-gây quát tôi. Còn người kia thì đưa cho tôi một miếng giẻ rồi hỏi:

- Ở nông thôn ra à? Ở Mát-xcơ-va thì phải nhìn cao hơn lỗ mũi một chút, nghe không?

Quảng trường ga, phố xá ngoại ô không gây cho tôi một ấn tượng nào đặc biệt. Nhà ở đây bằng gỗ, nhỏ bé và trơ trụi. Phố Đrô-gô-mi-lốp-xcai-a bẩn thỉu, lầy lội, lòng đường có nhiều vết xe sâu hoắm. Lắm người say rượu, đa số ăn mặc tồi tàn.

Nhưng càng gần trung tâm, cảnh tượng thành phố càng thay đổi dần. Nhà cửa to lớn, phố xá nguy nga, ngựa xe tấp nập. Tôi như bàng hoàng, ngơ ngác. Chưa bao giờ tôi được thấy nhà cao hơn hai tầng, chưa thấy đường phố lát đá, chưa thấy những xe ngựa bánh hơi mà người ta gọi là "xe song mã" phóng nhanh trên đường phố như vậy. Tôi cũng chưa bao giờ thấy phố xá đông đúc như vậy. Tất cả làm tôi ngơ ngác. Tôi im lặng và lơ đãng đi theo chú dẫn đường. Chúng tôi vòng sang Bôn-sai-a Đê-mi-tơ-rốp-ca (bây giờ là phố Pu-skin) và xuống xe ở ngõ Ca-méc-ghéc-xki (nay gọi là ngõ Nhà hát Nghệ thuật).

- Mày sẽ ở nhà này đây - Chú Xéc-gây bảo tôi - Trong sân kia là xưởng thợ. Mày sẽ làm việc ở đây. Cửa chính vào nhà quay ra ngõ Ca-méc-ghéc-xki, nhưng công nhân và đám nhỏ chỉ ra vào theo chiếc cổng đen ở phía sân.

- Nhớ cho kỹ. - Chú Xéc-gây nói tiếp - Kia, cầu Cu-dơ-nét-xki, các cửa hàng lớn nhất Mát-xcơ-va đều ở đây cả. Còn nhà hát Đê-mi-na thì kia, nhưng công nhân không đến đây xem hát được đâu. Đằng xa, ở bên phải là Ô-khết-nưi Ri-át, ở đây người ta bán rau, thịt thú, thịt lợn, bò, cá. Ít nữa mày sẽ đi mua hàng cho bà chủ ở đây đấy?

Đi qua một cái sân lớn, chúng tôi tới chỗ mấy người đang làm việc chào hỏi các ông thợ. Chú Xéc-gây xưng hô với họ một cách kính trọng.

- Tôi đem ở quê lên cho các bác một thằng bé học nghề đây! - Chú Xéc-gây nói.

- Rõ chán! - Một người nói - Phải để cho nó lớn thêm chút nữa có hơn không?

- Cháu mấy tuổi? - Bác già dáng hơi cao, hỏi - Thôi cũng được, nó thấp nhưng vai nó rộng.

- Không can gì, nó sẽ thành thợ thuộc da khá đấy? - Bác thợ già nói một cách dịu dàng.

Đó là bác Phê-do I-va-nô-vich Cô-li-ô-xốp mà về sau tôi được biết là một con người biết điều, giàu kinh nghiệm và có uy tín nhất trong đám thợ ở đây. Chú Xéc-gây dẫn tôi ra ngoài và nói

cho tôi biết tên từng người thợ và từng người học việc, và nói qua cho tôi nghe về họ.

Tôi nhớ rõ nhất anh em nhà Mi-sin.

- Người anh là thợ rất giỏi, nhưng uống rượu ghê lắm. – Chú Xéc-gây nói - Còn người em kia kia, hà tiện từng đồng xu. Người ta bảo là anh ta ăn tiêu cả ngày chỉ hết có 10 cô-pếch. Lúc nào cũng chỉ mơ đến chuyện làm giàu. Còn đây là Mi-khai-lô, anh chàng hay rượu. Sau khi lĩnh tiền vài ngày là uống nhẩn. Anh ta có thể đổi chiếc áo cuối cùng để uống rượu, nhưng lại là tay thợ giỏi tuyệt. Còn thằng bé cao cao kia là Cu-dơ-ma, thằng nhỏ lớn tuổi nhất, nó sẽ là chỉ huy trực tiếp của mày. Sang năm nó thành thợ rồi. Thằng tóc quăn kia là thằng Gri-gô-ri Mát-vây-ép ở làng Tơ-ru-bi-nô, nó còn là bà con xa với mày đấy!

Leo qua một chiếc cầu thang tối tăm và bẩn, chúng tôi lên tầng hai, vào xưởng thợ.

Bà chủ đi ra, chào chúng tôi và nói là ông chủ đi vắng có lẽ cũng sắp về.

- Ra đây, tao chỉ cho mày xem nhà cửa, rồi xuống bếp mà ăn cơm.

Bà chủ giao nhiệm vụ cho tôi một cách tỉ mỉ, nhiệm vụ của một thằng nhỏ bé nhất: quét nhà, lau giày cho chủ và con cái. Bà chỉ cho tôi những cây đèn dầu trên bàn thờ Chúa và cách đốt đèn, v.v...

- Còn gì nữa, thằng Cu-dơ-ma, và bà Ma-tơ-ri-ô-sa sau sẽ chỉ cho mày.

Sau đó, thằng Cu-dơ-ma, thằng nhỏ học việc lớn tuổi nhất, gọi tôi xuống bếp ăn cơm. Bụng đói nên tôi ăn rất ngon lành. Cũng vì thế xảy ra một chuyện không may đối với tôi. Tôi chưa biết cái lệ ở đây là đầu tiên, từ trong bát thức ăn lớn, người ta chỉ được múc nước canh ra ăn, gần xong bữa ăn, khi nào bà thợ cả ăn thịt thì tất cả mới được múc thịt ăn. Mới đầu vào, tôi đã múc ngay hai miếng thịt chén một cách ngon lành và đang sắp múc miếng thứ ba thì bất ngờ bị một cái thìa đập mạnh vào trán nổi u lên.

Tôi rất bức vì trong thời gian nửa ngày ở Mát-xcơ-va đã, hai lần bị đánh.

Thằng nhỏ Cu-dơ-ma tỏ ra là người tốt bụng, nói:

- Không can gì. Có bị đánh cũng chỉ bị một lần thôi.

Ngay hôm đó nó dẫn tôi tới quán mua thuốc lá và rượu cho các bác thợ. Bà Cu-khác-ca Ma-tơ-ri-ô-sa (bà cũng là thợ cả) bảo cho tôi cách rửa bát và đun nước.

Sáng ngày hôm sau, người ta bảo tôi ngồi vào một góc xưởng và học khâu da lông thú. Bà thợ cả đưa kim, chỉ, đồ bao tay và kỹ thuật khâu da cho tôi. Bà ta nói:

- Chỗ nào không khâu được, đến tao bảo cách cho mà làm.

Tôi háng hái thực hiện bài học đầu tiên của mình. Thợ làm việc từ 7 giờ sáng cho đến tận 7 giờ tối, buổi trưa nghỉ 1 giờ để ăn cơm. Bình thường thời gian làm việc là 11 giờ, nhưng hôm nào nhiều việc, có khi kéo dài mãi đến 10 - 11 giờ đêm. Trong những hôm đó, công nhân phải làm đến 15 giờ một ngày, những giờ làm thêm họ được trả thêm tiền.

Trẻ con học việc hôm nào cũng phải dậy từ 6 giờ sáng. Chúng tôi rửa mặt qua loa rồi chuẩn bị nơi làm việc và tất cả mọi thứ cần thiết cho công nhân. Đến 11 giờ đêm, thu dọn và chuẩn bị đầy đủ cho ngày hôm sau xong mới được đi ngủ. Chúng tôi ngủ ngay dưới nền nhà của xưởng. Hôm nào rét quá thì ngủ cạnh lò sưởi ngay lối vào cổng sau.

Mấy hôm đầu tôi rất mệt. Tập quen thức khuya là cả một chuyện khó khăn. Ở nhà quê chúng tôi thường ngủ rất sớm. Nhưng dần dần rồi cũng chịu đựng được chế độ làm việc vất vả đó.

Thời gian đầu tôi rất nhớ nhà, nhớ quê. Tôi nhớ tới những đám rừng đẹp để thần thiết mà tôi thích để đi săn với cậu Prô-kho, và đi hái nấm, nhặt hạt dẻ, hái củi với chị tôi. Lòng tôi se lại và tôi chỉ muốn khóc. Tôi nghĩ rằng không bao giờ lại được gặp cha, mẹ, chị và bạn bè tôi nữa. Bốn năm nữa mới được về thăm nhà, và, tôi thấy hình như thời gian đó không bao giờ tới.

Thứ bảy nào Cu-dơ-ma cũng dẫn tôi đi lễ nhà thờ vào lúc chập tối, còn chủ nhật thì đi lễ lúc sáng sớm và lúc gần ăn cơm trưa. Những ngày lễ lớn, ông chủ dẫn chúng tôi đi lễ sáng, trưa ở Crem-lanh và nhà thờ U-xpen-xki, và đôi khi ở nhà thờ Cri-xtơ cứu thế. Chúng tôi không thích đi nhà thờ và thường tìm cách thoái thác. Tuy vậy chúng tôi thích đi nhà thờ U-xpen-xki vì ở đó có đội đồng ca rất lớn. Ở nhà thờ Cri-xtơ cứu thế thì được nghe phó giám mục Rô-dốp giảng rất hay. Giọng ông như kèn đồng.

Một năm trôi qua. Tôi đã nắm tương đối tốt phần đầu của nghề thuộc da, mặc dù không phải là không gian khổ. Vô ý một chút là người chủ đánh chúng tôi không tiếc tay. Tay hằn như hộ pháp. Công nhân đánh, thợ cả đánh, và cả vợ chủ cũng đánh chúng tôi nữa. Khi nào người chủ không vui thì tốt nhất là đừng có bén mảng đến trước mặt hắn, hắn có thể bọp tai một cách vô

có đến nỗi suốt cả ngày tai vẫn ừ.

Đôi khi chủ xưởng bắt hai thằng nhỏ có lỗi đánh nhau bằng roi đập da, rồi đứng ngoài thúc: “Đánh mạnh, mạnh nữa vào?”. Chúng tôi đành cắn răng mà chịu.

Chúng tôi biết rằng: ở đâu chủ cũng đánh người học việc như thế cả. Đây là quy luật, là tục lệ. Những người chủ nghĩ rằng, họ được giao toàn quyền cai quản, hành hạ trẻ học việc, không có ai phản nản về việc đánh đập, đối xử vô nhân đạo với trẻ học việc cả. Thậm chí không ai để ý đến việc chúng tôi làm ra sao, ăn ở như thế nào? Người phán xét cao nhất của chúng tôi là người chủ. Cứ thế, kéo dài mãi cuộc đời khổ nhục của chúng tôi. Cuộc đời mà không người lớn nào có thể chịu đựng nổi.

Thời gian trôi đi. Tôi đã 13 tuổi, đã hiểu biết hơn và học được nhiều điều trong xưởng thợ. Tuy bận rộn nhiều, nhưng tôi cũng tạo cơ hội để đọc sách. Tôi mãi mãi nhớ ơn thầy giáo Xéc-gây Ni-cô-lai-ê-vích Rê-mi-dốp của tôi đã tập cho tôi ham đọc sách. A-lếch-xăn-đrơ, con trai lớn chủ xưởng cũng giúp tôi học. Tôi với nó cùng tuổi và nó đối xử với tôi tốt hơn những người khác đối với tôi. Ban đầu nó giúp tôi đọc tiểu thuyết “Người nữ y tá”, một chuyện rất hay về Na-chi-a Pin-kéc-tôn-na, cuốn “Cuộc phiêu lưu của Sée-lốc Hôn-mét” của Cô-nan Đuyn và những chuyện phiêu lưu in trong các loại sách rẻ tiền. Đọc như vậy rất thích, nhưng không bổ ích gì cả. Tôi muốn học tập một cách nghiêm chỉnh. Nhưng làm thế nào học được? Tôi trao đổi với A-lếch-xăn-đrơ. Nó tán thành ý định của tôi và hứa sẽ giúp đỡ.

Chúng tôi bắt đầu học thêm tiếng Nga, toán, địa lý và đọc sách khoa học phổ thông. Cả hai đứa thường học chung với nhau, nhất là khi người chủ đi vắng hoặc ngày chủ nhật. Chúng tôi cố giấu nhưng ông ta vẫn biết được việc học hành của chúng tôi. Tôi tưởng là ông ta sẽ đuổi tôi hoặc ít nhất cũng phạt tôi rất nặng. Nhưng thật không ngờ, ông lại khen chúng tôi đã làm đúng. Sau hơn một năm tự học đạt được kết quả, tôi vào học lớp phổ thông buổi tối, theo chương trình các trường trung học thành phố.

Mọi người trong xưởng thợ đều thích tôi, cả chủ xưởng cũng thế, mặc dù đôi khi ông vẫn cho tôi ăn đòn. Ban đầu chủ không muốn cho tôi đi học buổi tối, nhưng sau bốn con ông nói hộ nên ông đồng ý. Tôi rất mừng. Thật ra tôi phải chuẩn bị bài vào ban đêm, bên lò sưởi cạnh cầu tiêu, ở đây chỉ có một ngọn đèn con khoảng 20 oát.

Một tháng trước khi mãn khóa, vào một ngày chủ nhật, chủ xưởng đi thăm bạn bè, chúng tôi ngồi đánh bài. Tôi còn nhớ chúng tôi đánh bài 21 điểm. Khi chủ trở về, không ai biết. ông đi vào bếp. Tôi cầm cái và đang vận đồ. Thình lình ai tát tôi một cái đing người. Tôi quay lại - Hoảng quá? - Chủ xưởng? Tôi lặng người không nói được một tiếng nào. Chúng nó bỏ chạy cả.

- Mày học để làm thế đấy hả? Để tính điểm à? Từ nay tao không cho mày đi đâu nữa hết, tao cấm không cho Xa-sa[4] học với mày!

Sau đó mấy hôm tôi lại đến lớp ở phố Tư-vóc-xcái-a và kể lại chuyện đã xảy ra. Tôi chỉ còn học tất cả hơn một tháng nữa thôi. Người ta cười tôi và cho phép tôi dự kỳ thi. Kỳ thi mãn khóa trường trung học thành phố, tôi đỗ.

Đến năm 1910, tôi đã làm việc ở xưởng 3 năm và được làm trưởng tốp học nghề. Lúc này tôi được cai quản 3 thằng nhỏ. Tôi thuộc đường Mát-xcơ-va nên thường hay phải mang hàng đặt đến cho khách ở các nơi trong thành phố. Tôi vẫn còn muốn tiếp tục học thêm, nhưng không có cách nào học được. Còn đọc thì tôi vẫn có mẹo giải quyết. Báo hàng ngày thì sau khi Cô-li-ô-xốp đọc rồi là đến lượt tôi. Cô-li-ô-xốp có hiểu biết chính trị hơn tất cả đám thợ. Tạp chí thì A-lếch-xăn-đrơ cho tôi mượn. Còn sách, tôi tiết kiệm tiền “đi tàu” để mua. Đôi khi chủ sai tôi đem da cho khách hàng ở Ma-ri-na hoặc Da-mô-xcơ-vô-rét-chi-ê, ông cho tôi tiền đi xe ngựa, nhưng tôi vác da lên vai cuốc bộ, còn tiền thì tôi để dành. Sang năm học nghề thứ tư, tôi đã trở thành một chàng trai khỏe mạnh. Tôi được đi Ni-giơ-ni Nốp-gô-rốt (bây giờ là thành phố Goóc-ki) để dự hội chợ lớn. Ở đây người chủ xưởng thuê một cửa hàng để bán lẻ lông thú thuộc. Hồi đó ông càng giàu thêm, giao thiệp buôn bán rất rộng, và sống cũng càng kiệt hơn. Nhiệm vụ tôi ở hội chợ là đóng gói những hàng đã bán và gửi theo địa chỉ cho sẵn qua bến trên sông Vôn-ga, qua bến Xi-biéc-xcơ trên sông Ô-ca hoặc theo đường sắt qua phòng chuyển hàng. Lần đầu tiên tôi được thấy sông Vôn-ga và tôi đã rất đỗi ngạc nhiên trước cảnh đẹp bao la của nó, trước đó tôi chưa hề thấy con sông nào rộng và lớn hơn sông Prốt-va và sông Mát-xcơ-va. Đó là vào một buổi sáng sớm, sông Vôn-ga lấp lánh dưới ánh bình minh. Tôi say sưa ngắm

cảnh sông nước huy hoàng đó không chớp mắt, lòng thầm nghĩ: “Bây giờ mình mới hiểu tại sao có nhiều bài hát ca ngợi sông Von-ga và tại sao người ta đã gọi nó là người mẹ vĩ đại”.

Người mua và buôn bán khắp nước Nga kéo đến hội chợ Ni-giơ-ni Nốp-gô-rốt. Cả nhiều nước khác cũng đưa hàng đến hội chợ. Hội chợ nằm phía ngoài thành phố, giữa Ca-na-vin và Ni-giơ-ni Nốp-gô-rốt, trong một thung lũng thấp, thường hay bị ngập trong kỳ nước lũ mùa xuân. Ngoài thương gia và người mua hàng, ở hội chợ Ni-giơ-m Nốp-gô-rốt còn có nhiều hạng người, kể đến làm ăn lương thiện, người đến vì mục đích đen tối. Bọn trộm cướp, lừa đảo, gái điếm và những bọn chạy áp-phe khác cũng bầu vào như đàn qua.

Sau hội chợ Ni-giơ-ni Nốp-gô-rốt, trong năm ấy, tôi còn phải đi các hội chợ khác, hội chợ U-ri-u-pi-nô ở tỉnh Vôi-xcô đôn-xcô-i-ê. Lão chủ không đi các hội chợ ấy, chỉ cử viên quản lý Va-xi-li Đa-ni-lốp đi thay. Hội chợ ở U-ri-u-pi-nô không có gì đáng nhớ sâu sắc như ở Ni-giơ-ni Nốp-gô-rốt và Vôn-ga. U-ri-u-pi-nô là một thành phố nhỏ và bẩn thỉu, quy mô hội chợ này cũng không lớn.

Quản lý Va-xi-li Đa-ni-lốp là người hung dữ và độc ác. Đến bây giờ tôi cũng không hiểu tại sao y thích hành hạ một đứa bé 14 tuổi vì những lý do không đâu như vậy. Có một lần tôi không nhịn được, đã dùng thanh gỗ để buộc da quật mạnh vào đầu y. Y ngã xuống và ngất đi. Tôi sợ quá, tưởng là đã đánh y chết, nên tôi bỏ gian hàng trốn. Nhưng sau không có gì lỗi thôi cả. Khi về Mát-xcơ-va y mách với chủ. Không phân phải trái, chủ đánh tôi một trận nên thân.

Năm 1911, tôi được phép về thăm nhà 10 ngày. Lúc đó ở nhà quê đang bắt đầu mùa cắt cỏ, một loại công việc đồng áng thú vị nhất. Đàn ông, thanh niên ở thành phố trở về làng cắt cỏ giúp đàn bà để sớm có thức ăn cho súc vật trong mùa đông.

Khi ở làng ra đi, tôi chỉ là thằng bé. Đến khi về phép tôi đã là một thanh niên cao lớn. Tôi đã 15 tuổi và đã là thợ học việc năm thứ tư. Trong khi đó ở làng đã có bao nhiêu thay đổi, có người đã mất, có người đã đi học việc, có người đã đi làm xa. Tôi không nhận ra nhiều người, và nhiều người cũng không nhận ra tôi. Người thì quá vất vả nên đã già trước tuổi, trong khi đó cũng có những đứa trẻ đã trở thành người lớn hẳn hoi.

Tôi lên chuyến tàu chở khách đi nghỉ đến Ma-lô-ya-rô-xla-vét để về quê. Suốt đường từ Mát-xcơ-va đến ga xép Prốt-va (cách Mát-xcơ-va 150 kilômét) tôi đứng cạnh cửa sổ. Bốn năm trước đây khi lên Mát-xcơ-va, tàu chạy ban đêm nên tôi không nhìn được phong cảnh dọc đường. Hôm nay, tôi say mê ngắm các công trình kiến trúc nhà ga và cảnh đẹp diệu kỳ của các khu rừng ngoại ô Mát-xcơ-va.

Khi ga qua Na-rô Phô-min-xcơ, tôi nghe một người khách nói với người bên cạnh:

- Trước năm 1905 tôi thường đến đây... Anh thấy không, những ngôi nhà gạch đỏ kia là nhà máy của Xa-va Mô-rô-đốp.

- Người ta nói ông ta là người Đảng dân chủ, - người thứ hai nói.

- Dân chủ tư sản thôi, nhưng nghe nói ông ta đối với công nhân tốt lắm. Tuy vậy ban quản trị của ông ta là một lũ lang sói độc ác

- Đều là một giuộc chúng nó thôi, - người bên cạnh bực tức nói.

Thấy tôi lắng nghe chăm chú, (tôi nhớ lại câu chuyện trong toa tàu về nhà máy này mà tôi đã được nghe mấy năm trước đây), họ liền thôi không nói chuyện nữa.

Mẹ tôi đón tôi ở ga xép Prốt-va. Sau bốn năm, mẹ tôi thay đổi nhiều, già hẳn đi. Tôi ghen ngào cố nén để khỏi nắc lên.

Mẹ tôi khóc rất lâu, hai bàn tay sần sùi và chai sạn của mẹ xiết chặt tôi vào lòng nói:

- Con yêu của mẹ! Mẹ tưởng đến chết mẹ không được nhìn thấy mặt con.

- Mẹ nói sao! Mẹ thấy không? Con đã lớn rồi, bây giờ mẹ sẽ đỡ khổ hơn.

- Lạy chúa!

Về đến nhà, trời đã tối. Cha tôi và chị tôi đón chúng tôi trước cổng.

Chị tôi đã lớn và đàn ông như một cô dâu. Cha tôi già đi nhiều quá và lưng càng còng thêm.

Ông đã 70. Ông đón tôi theo cách riêng của ông. Ông hôn tôi. Nghĩ đến điều gì đó, cha tôi nói:

- Hay lắm! Bố sống đến hôm nay, bố đã thấy con lớn lên, rắn rỏi.

Tôi muốn cho cha mẹ và chị tôi mừng, liền mở gói và trao quà cho từng người. Ngoài ra tôi còn đưa cho mẹ tôi ba rúp, hai cân đường, nửa cân chè và một cân kẹo[5].

- Cám ơn con! - Mẹ tôi mừng rỡ - Đã lâu lắm nhà ta không được uống chè chính cống với đường.

Tôi còn biểu cha tôi thêm một rúp để ra quán uống trà.

- Bố con thì hai chuc cô-πέχ cũng đủ - Mẹ tôi nói.

- Tôi đợi con tôi bốn năm nay, bà đừng nói đến tiền nong làm cho nó buồn.

Cách một ngày sau, tôi cùng với mẹ và chị tôi đi cắt cỏ. Tôi vui mừng được gặp lại bạn bè, đặc biệt là Li-ô-sca Cô-lô-tua-nui. Chúng nó đều lớn cả. Ban đầu tôi cảm thấy cắt cỏ không quen. Tôi mệt quá, mồ hôi tháo ra, có lẽ vì bốn năm không làm. Sau dần quen tay, tôi cắt không kém ai, nhưng miệng tôi khô đi và tôi cố cắt cho đến khi giải lao.

- Sao E-gô-ru-sca, công việc nhà nông vất vả lắm phải không? - Bác Na-da nắm vai tôi và hỏi.

- Công việc vất vả, bác ạ! - Tôi đồng ý.

- Ở nước Anh người ta cắt cỏ bằng máy - Một người đàn ông trẻ đi đến chỗ chúng tôi, nói.

Người này trước kia tôi không biết.

- Còn chúng ta thì quanh đi quẩn lại chỉ có cái cày với cái hái. Ê, phải không, chú bé? - Bác Na-da nói.

Tôi hỏi bọn trẻ, người nói đến máy đấy là ai.

- Anh Ni-cô-lai đấy. Con ông trưởng thôn. Anh ta bị đuổi khỏi Mát-xcơ-va vì tội tham gia biểu tình năm 1905. Anh ấy rất bạo miệng, dám chửi cả Sa hoàng đấy.

- Không sao. - Li-ô-sca nói - Chửi Sa hoàng cũng được. Chỉ cần không cho cảnh sát và mật thám nghe là được.

Giờ giải lao đã hết. Mặt trời lên cao. Người ta ngừng cắt cỏ và bắt đầu phơi cỏ. Đến trưa, tôi và chị tôi chất cỏ lên xe rồi đánh xe về nhà. Ở nhà có sẵn khoai tây rán và nước trà đường. Hôm ấy chúng tôi ăn sao mà ngon thế!

Tối đến, quên cả mệt mỏi, đám thanh niên tập trung cạnh kho thóc. Cuộc vui bắt đầu. Họ hát những bài hát trữ tình. Con gái hát giọng cao, trong trẻo. Bọn con trai cố cất giọng trầm còn non choẹt của mình. Rồi họ nhảy múa cho đến mệt lả. Mọi người chia tay nhau vào lúc gần sáng. Chúng tôi vừa mới chợp mắt một tí thì mẹ tôi đã gọi dậy và chúng tôi lại đi cắt cỏ. Tối đến lại diễn lại như thế. Khó mà biết được rằng chúng tôi ngủ lúc nào.

Có lẽ tuổi trẻ có thể làm được tất cả mọi việc! Lúc trẻ, người ta mới khỏe làm sao!

Những ngày nghỉ phép trôi qua rất nhanh. Đã đến ngày phải trở về Mát-xcơ-va. Đêm trước ngày tôi lên đường, làng Cô-xtin-ca bên cạnh có đám cháy. Gió rất mạnh. Bắt đầu cháy từ giữa làng và lan nhanh sang những nhà ngang, kho lúa bên cạnh. Chúng tôi đang đi chơi, bỗng nhìn thấy cột khói lớn ở phứt làng Cô-xtin-ca.

Một người la lớn:

- Cháy!

Mọi người lao tới kho cứu hỏa, mỗi người vớ lấy một dụng cụ rồi xách chạy về phía làng Cô-xtin-ca. Chúng tôi đến cứu trước tiên, thậm chí đội chữa cháy Cô-xtin-ca còn đến sau chúng tôi. Cháy rất lớn, mặc dù các đội chữa cháy của các làng xung quanh đã cố hết sức dập lửa, nhưng cũng bị cháy mất nửa làng.

Trong khi xách thùng nước chạy ngang qua một ngôi nhà, tôi nghe tiếng kêu:

- Cứu, cứu chúng tôi với!

Tôi chạy tới chỗ có tiếng kêu và lôi được ra khỏi nhà một em bé tái đi vì sợ và một ông già đang ốm.

Cuối cùng, ngọn lửa bị dập tắt. Bên cạnh đồng tro tàn, những người đàn bà kể lể, trẻ con khóc. Nhiều người mất hết nhà cửa, tài sản, có kẻ không còn lấy một mẩu bánh mì.

Sáng ra tôi thấy chiếc áo vét mới người chủ cho tôi trước khi đi phép (đây là tục lệ) thùng hai lỗ bằng đồng xu.

- Ấy chết! Ông chủ sẽ mắng mày - Mẹ tôi nói.

- Mặc kệ. - Tôi trả lời - Cho ông ấy mắng, cái áo thùng nhưng cứu được đứa bé.

Tôi ra đi lòng nặng trĩu. Tôi càng cảm cảnh khi nhìn những đồng tro nhà cháy, ở đấy những người chủ bất hạnh đang mò mẫm, đào bới. Họ đang tìm xem may ra còn lại cái gì chưa cháy. Tôi thông cảm với nỗi khổ của họ vì bản thân tôi cũng đã hiểu như thế nào là cảnh vô gia cư.

Tôi đến Mát-xcơ-va vào lúc sáng sớm. Chào chủ xưởng xong, tôi kể về đám cháy trong làng và đưa chỗ áo cháy cho ông xem. Tôi ngạc nhiên vì ông không mắng tôi câu nào, và tôi thầm cảm ơn ông về điều đó.

Mãi sau mới biết là tôi gặp may. Hôm trước, chủ vừa bán được món hàng rất dở và kiếm được

hiều lời.

- Nếu không có cái đó - Phê-do I-va-nô-vich nói - thì mày đã bị đánh tuột da ra như dê tái ấy rồi!

Cuối năm 1911, thời gian học nghề của tôi đã hết. Tôi trở thành thợ trẻ. Chủ hỏi tôi đồng ý ở lại xưởng hay ra ở nhà riêng, ông nói:

- Nếu mày ở lại xưởng, ăn ở dưới bếp với bọn trẻ con như trước thì được lĩnh mỗi tháng 10 rúp, còn ra ở nhà riêng thì được lĩnh 18 rúp.

Kinh nghiệm sống còn ít, tôi nói là sẽ ở lại xưởng. Có lẽ như thế chủ thích hơn vì sau khi tan tầm, tôi luôn luôn phải làm những việc gấp, không công.

Một thời gian sau, tôi quyết định: "Như thế này không ổn. Mình phải ra ở nhà riêng thôi. Buổi tối mình sẽ được đọc sách thoải mái hơn.

Đến lễ Giáng sinh tôi lại về thăm nhà. Bấy giờ tôi đã trở thành người tự lập rồi. Tôi đã 16 tuổi và điều quan trọng nhất là tôi đã thành nghề, mỗi tháng lĩnh được 10 rúp. Điều đó, lúc bấy giờ đâu phải ai cũng làm được.

Hình như chủ tin tôi, vì tôi thật thà. Ông thường sai tôi đến ngân hàng lấy séc hoặc nộp tiền. Ông cho tôi là người dễ bảo nên thường sai tôi đi đến các cửa hàng, ngoài việc thuộc da, còn giao cho tôi đóng gói và gửi hàng đi các nơi.

Tôi thích công việc này hơn làm ở trong xưởng, vì trong xưởng thì ngoài những câu chửi của công nhân, tôi không còn được nghe chuyện gì hơn. Ở cửa hàng thì khác. Ở đây được tiếp xúc với những người có am hiểu ít nhiều, được nghe những câu chuyện họ trao đổi về những biến cố đương thời.

Các bác công nhân ít đọc báo, ngoài Cô-li-ô-xốp, trong xưởng tôi không còn ai hiểu biết về chính trị. Tôi nghĩ ở các xưởng thuộc da khác cũng có tình trạng như vậy. Hồi đó chưa có công đoàn thuộc da, mỗi người hành động theo cách riêng của mình. Mãi sau này người ta mới tổ chức hội liên hiệp thợ da thu hút những người thợ da vào đó.

Trong thời kỳ này thợ thuộc da không tham gia chính trị. Họ sống riêng lẻ, mỗi người có một thế giới riêng. Nhiều người không kể đúng, sai gì hết, cứ cặm cuì gom góp cho được một số vốn nhỏ và ước mơ mở xưởng riêng. Thợ thuộc da, thợ may và các thợ thủ công khác hẳn với công nhân ở các nhà máy xí nghiệp là những người vô sản thực sự vì vậy thợ thủ công chưa có ý thức giai cấp, thiếu tình đoàn kết chặt chẽ của những người vô sản. Công nhân ở nhà máy không mong gì có xưởng riêng. Muốn lập nhà máy phải có hàng nghìn rúp. Họ được lĩnh từng hào, may ra chỉ đủ ăn. Điều kiện làm việc, nguy cơ thất nghiệp đã làm cho họ đoàn kết lại để đấu tranh chống bóc lột.

Công tác chính trị của Đảng Bôn-sê-vich hồi đó tập trung vào giới công nhân trong nhà máy. Bọn men-sê-vich, bọn xã hội cách mạng và các bọn giả danh cách mạng khác hoạt động trong đám công nhân thủ công. Vì vậy không phải ngẫu nhiên mà số thợ thủ công rất ít tham gia cách mạng 1905 và giai đoạn Cách mạng tháng Mười.

Năm 1910 - 1912 không khí cách mạng rất sôi nổi. Các cuộc đình công xảy ra luôn luôn ở Mát-xcơ-va, Pi-tơ và những vùng công nghiệp khác. Sinh viên cũng tham gia các cuộc xuống đường và đình công. Ở nông thôn, yêu cầu cách mạng lên đến cực độ vì nạn đói năm 1912 xảy ra rộng rãi khắp nơi.

Mặc dù sự hiểu biết trong giới công nhân thuộc da kém, nhưng chúng tôi cũng biết về cuộc bắn vào công nhân ở mỏ vàng Lên-xcơ và không khí bất mãn chính trị ngày càng tăng ở khắp nơi. Thỉnh thoảng Phê-do I-va-nô-vich Cô-li-ô-xốp mới có được những tờ báo của Đảng Bôn-sê-vich "Ngôi sao" và "Sự thật". Các báo này giải thích một cách giản dị và rõ ràng, vì sao không thể điều hòa mâu thuẫn giữa công nhân và tư bản, giữa nông dân và địa chủ, phú nông và vạch rõ quyền lợi chung giữa công nhân và nông dân nghèo.

Hồi đó tôi hiểu biết về các vấn đề chính trị còn lơ mơ, nhưng tôi cũng biết là những tờ báo đó phản ánh quyền lợi của công nhân và nông dân, còn tờ báo "Tiếng nói nước Nga" và tờ "Công báo Mát-xcơ-va" phản ánh quyền lợi của bọn chủ ở nước Nga Sa hoàng và của bọn tư bản. Mỗi khi về làng, tôi cũng đã kể chuyện và giải thích được cho bạn bè và đám đàn ông trong làng về một số vấn đề.

Bắt đầu Thế chiến thứ nhất, tôi còn nhớ đã xảy ra cuộc đập phá các cửa hàng ngoại quốc ở Mát-xcơ-va. Nhân viên công an và mật vụ nấp dưới những khẩu hiệu yêu nước, đã tổ chức cuộc đập

phá các hãng Đức và Áo. Việc đó đã thu hút được nhiều người muốn nhân dịp đục nước béo cò. Nhưng vì không hiểu tiếng nước ngoài, nhân dân đã đập phá luôn cả các hãng ngoại quốc khác của Anh, Pháp.

Do ảnh hưởng của tuyên truyền, nhiều thanh niên, đặc biệt trong số con những nhà giàu, được kích động lòng yêu nước, đã tự nguyện ra mặt trận. A-lếch-xăng-đrơ Pi-li-khin cũng quyết định ra mặt trận và luôn luôn khuyên tôi cùng đi.

Ban đầu tôi cũng thích những lời rủ rê đó, nhưng dầu sao tôi nghĩ cũng cần phải hỏi ý kiến bác Phê-do I-va-nô-vich là người có uy tín nhất đối với tôi. Khi nghe tôi nói xong, bác đáp:

- Tao hiểu nguyện vọng của A-lếch-xăng-đrơ. Bố nó giàu vì thế nó phải chiến đấu. Còn mày chiến đấu vì cái gì? Thắng ngốc! Có phải mày chiến đấu vì cha mày bị đuổi khỏi Mát-xcơ-va, vì mẹ mày đói phát phù chằng? Đi về mà quê chân, cụt tay thì ai còn cần đến mày nữa!...

Tôi nghe theo. Tôi nói với Xa-sa là tôi không ra trận đâu. Nó chửi tôi thậm tệ và tối hôm đó nó trốn nhà ra mặt trận. Hai tháng sau nó bị thương nặng, được đưa về Mát-xcơ-va.

Lúc đó tôi vẫn làm việc ở xưởng, nhưng tôi sống ở nhà riêng ở dãy phố Ô-khốt-nuri, trước mặt khách sạn “Mát-xcơ-va” hiện nay. Tôi thuê nhà bà quả phụ Ma-lư-sê-va mỗi tháng 3 rúp. Tôi yêu con gái bà tên là Ma-ri-a. Chúng tôi chuẩn bị cưới nhau. Nhưng chiến tranh, xưa nay vẫn thế, đã phá hoại hy vọng và tính toán của chúng tôi.

Vì tổn thất lớn ở mặt trận nên tháng 5-1915, đã phải động viên các thanh niên chưa đến tuổi ra mặt trận. Tôi cũng đến lượt phải đi.

Tôi không phấn khởi lắm vì mỗi bước đi trên đường phố Mát-xcơ-va, tôi đều gặp những người tàn tật từ mặt trận trở về, trong khi đó vẫn thấy bọn con nhà giàu sống phong lưu, nhàn nhã như xưa. Chúng nó đi nghỉ trên những xe sang trọng đưa ngựa, trượt băng, uống rượu ở tiệm ăn “Ya-rơ”. Nhưng tôi lại nghĩ, nếu người ta lấy tôi vào quân đội, tôi sẽ trung thành chiến đấu cho nước Nga.

Tháng 6-1915 có lệnh động viên thanh niên cùng tuổi với tôi vào lính. Tôi xin phép chủ xưởng về làng từ biệt cha mẹ, đồng thời giúp gia đình thu hoạch lúa mì.

[1] Đơn vị đo trọng lượng Nga bằng 16,3 kg - ND.

[2] Tên gọi thân yêu hơn của A-lếch-xây.- ND

[3] Thành Pê-téc-bua gọi theo tiếng La-tinh. Sau này trở thành Lê-nin-grat - ND.

[4] Tức A-lếch-xăng-đrơ, con chủ xưởng - ND.

[5] Một cân Nga bằng 0,409 ki-lô-gam - ND.

Chương 2

ĐI LÍNH

TÔI được gọi lên huyện Ma-lô-ya-rô-xla-vét tỉnh Ca-lu-ga vào ngày 7-8-1915. Thế chiến thứ nhất lúc đó đương ở vào giai đoạn khốc liệt.

Người ta đưa tôi vào kỵ binh, tôi rất mừng. Tôi vẫn mê binh chủng đầy lãng mạn này. Các bạn của tôi phải vào bộ binh cả và nhiều cậu muốn được như tôi lắm.

Sau đấy mấy tuần, tất cả những người được gọi nhập ngũ đều phải có mặt tại địa điểm tập trung. Chúng tôi được chia về các đội, và tôi không được ở với các bạn đồng hương cùng tuổi. Xung quanh đều là người lạ và trẻ như tôi cả.

Đến tối, người ta ném chúng tôi vào các toa chở hàng và đưa đến chỗ đã định - Ca-lu-ga.

Lần đầu tiên tôi cảm thấy buồn bã và cô độc. Tuổi trẻ của tôi đã hết. Tôi tự hỏi, đã sẵn sàng bước vào cuộc đời gian khổ của người lính chưa, và, nếu cần, đã có thể chiến đấu được chưa? Cuộc sống trước đây đã tôi luyện tôi, và tôi chắc rằng, sẽ hoàn thành một cách vẻ vang bổn phận một người lính.

Các toa chở hàng này mà mỗi toa phải nhét đến 40 người, cho nên suốt dọc đường chúng tôi

phải đứng hoặc ngồi ngay trên sàn toa bồn thiu. Có người hát, có người bói bài, người thì khóc và thổ lộ tâm sự với người bên cạnh. Có người ngồi cắn chặt răng, mắt chăm chăm nhìn vào một điểm cố định và ngẫm nghĩ về số phận người lính tương lai của mình.

Chúng tôi đến Ca-lu-ga vào lúc ban đêm. Chúng tôi xuống xe hỏa ở một đoạn đường cụt nào đó trên sân ga hàng hóa. Rồi chỉ huy hô “Tập hợp”, “Nhìn trước... thẳng”. Chúng tôi đi ngược lối về thành phố. Có cậu nào đó hỏi viên hạ sĩ rằng, họ đưa chúng tôi đi đâu. Viên hạ sĩ, có lẽ cũng là người tốt bụng, thân mật bảo chúng tôi:

- Này các cậu, đừng bao giờ hỏi cấp chỉ huy như vậy. Lính là phải lắng nghe thi hành mệnh lệnh, còn đưa lính đi đâu thì chỉ có chỉ huy mới biết thôi.

Như để xác minh lời nói của anh ta, từ đầu hàng, tiếng đội trưởng vang lên:

- Đi trong hàng không được nói chuyện.

Cô-li-a Xíp-xốp - người bạn mới của tôi - lấy cùi tay thúc vào người tôi, thì thầm:

- Thấy không! Bắt đầu đòi lính đấy.

Đi được độ 3 giờ, tương đối mệt rồi thì chúng tôi được nghỉ một lúc. Trời đã gần sáng, mọi người buồn ngủ quá, vừa ngồi xuống đất, đã nghe tiếng ngáy khắp lượt.

Nhưng mệnh lệnh lại vang lên: “Tập hợp”. Lại lên đường và sau một giờ nữa, chúng tôi đến một trại lính. Chúng tôi được đưa vào một lán gỗ và nằm ngay trên sàn. Chỉ huy bảo có thể nghỉ đến 7 giờ sáng. Ở đây đã có trên 100 người đến trước. Gió thổi vào các khe hở và cửa sổ mở toang. Mặc dù “thông gió” như thế nhưng cũng không ăn thua gì, trong lán vẫn rất ngột ngạt.

Sau khi ăn sáng xong, người ta tập hợp chúng tôi và tuyên bố chúng tôi hiện thuộc tiểu đoàn bộ binh dự bị 189. Ở đây sẽ thành lập trung đoàn kỵ binh dự bị 5. Từ nay cho đến lúc phiên chế vào kỵ binh, sẽ học chiến thuật bộ binh.

Họ phát cho chúng tôi súng bộ binh để tập, tiểu đội trưởng, hạ sĩ quan Sác-vô-rô-xtốp, công bố nội quy và nhiệm vụ của chúng tôi. Anh ta nghiêm khắc cảnh cáo rằng, ngoài trường hợp cần thiết, không ai được đi đâu cả, nếu không muốn bị đưa về tiểu đoàn kỷ luật. Anh ta nói nhát gừng, the thé, nói câu nào cũng nắm tay khoa theo. Trong con mắt ti hí của anh, lộ ra một vẻ độc ác tưởng chừng như chúng tôi là những kẻ thù đáng nguyên rủa của anh ta.

- Vâng, - bọn lính trả lời - Chúng tôi không mong đợi điều đó.

Sau đó một thượng sĩ đi tới. Viên hạ sĩ hô “Nghiêm”.

- Tôi là trung đội trưởng Ma-li-áp-cô, - thượng sĩ nói - tôi mong các anh hiểu rõ những điều giải thích của tiểu đội trưởng, và như thế là các anh sẽ phục vụ trung thành Sa hoàng và Tổ quốc. Tôi sẽ không tha thứ những kẻ ương ngạnh đâu.

Ngày đầu tiên tập đội ngũ bắt đầu. Ai nấy đều cố gắng chấp hành đúng mệnh lệnh, làm đúng động tác đội ngũ và phương pháp sử dụng vũ khí. Nhưng làm hài lòng chỉ huy đã không phải là dễ, thì chuyện được khen lại càng khó. Nếu có ai trong số chúng tôi làm sai thì cả tiểu đội phải ở lại tập thêm. Chúng tôi về ăn cơm tối sau cùng, thức ăn đã nguội ngắt.

Cảm tưởng về ngày đầu thật khó chịu. Mong cho chóng vào ngả lưng xuống sàn và ngủ một giấc. Nhưng trái với ý muốn của chúng tôi, tiểu đội trưởng lại ra lệnh tập hợp và tuyên bố rằng, vì ngày mai phải điểm danh ban đêm, nên tối nay phải học thuộc bài quốc ca “Cầu Chúa phù hộ Sa hoàng”. Tập hát mãi đến khuya, 6 giờ sáng hôm sau đã bị dựng dậy để tập thể dục.

Ngày nào cũng như ngày nào, thật là đơn điệu. Đến ngày chủ nhật đầu tiên, tưởng đã được nghỉ ngơi, tắm rửa, nhưng người ta lại bắt chúng tôi đi dọn bãi tập và xung quanh trại. Dọn dẹp mãi đến lúc ăn trưa. Sau giờ nghỉ thì lau súng và viết thư cho gia đình. Hạ sĩ báo trước cho biết, trong thư không được phản nản gì cả, vì kiểm duyệt sẽ không bỏ qua cho đâu.

Kéo dài như thế này mãi thật là gay go. Nhưng được cái là trước đây khi chưa vào lính, chúng tôi không được cuộc sống luôn luôn nuông chiều cho nên chỉ trong khoảng hai tuần lễ, phần lớn chúng tôi đã quen với kỷ luật nhà binh.

Vào cuối tuần lễ học tập thứ hai, đại úy đại đội trưởng Vô-lô-din tới kiểm tra trung đội tôi. Người ta nói rằng ông ta uống rượu rất dữ, khi nào ông ta say thì tốt nhất là đừng để ông ta nhìn thấy. Trông bề ngoài, đại đội trưởng của chúng tôi thì không khác gì những sĩ quan khác, nhưng có điều dễ nhận thấy là ông ta kiểm tra rất qua loa việc huấn luyện chiến đấu của chúng tôi. Sau khi kiểm tra, ông dặn chúng tôi phải cố gắng hơn vì “thờ Chúa thì cầu kinh, thờ Sa hoàng thì phải cúc cung tận tụy”.

Trước khi chuyển đến trung đoàn kỵ binh dự bị 5, chúng tôi còn gặp đại đội trưởng mấy lần và

hình như lần nào ông cũng ngà ngà hơi men. Còn tiểu đoàn trưởng tiểu đoàn dự bị 189 như thế nào, suốt thời gian tập ở đây chúng tôi không hề gặp.

Tháng 9-1915, người ta chuyển chúng tôi về U-crai-na tới trung đoàn kỵ binh dự bị 5. Trung đoàn này đóng ở Ba-lắc-lê-ya, tỉnh Khác-cốp. Qua Ba-lắc-lê-ya, đơn vị chúng tôi đến ga Xa-vin-xa để chuẩn bị bổ sung cho sư đoàn kỵ binh 10. Các hạ sĩ quan và sĩ quan kỵ binh mặc quân phục mới toanh ra đón chúng tôi ở sân ga. Người thì mặc theo kiểu kỵ binh nhẹ, người thì mặc theo kiểu thương kỵ binh, người thì mặc theo kiểu long kỵ binh[1]. Sau khi được phân lẻ ra, chúng tôi - những người ở các tỉnh Ma-lô-ya-rô-xla-vét, Mát-xcơ-va và một số ở tỉnh Vô-rô-ne-giơ được đưa về đội long kỵ binh.

Chúng tôi bực mình vì không được vào kỵ binh nhẹ, không phải chỉ vì kỵ binh nhẹ ăn mặc đẹp hơn. Người ta còn nói với chúng tôi là ở đơn vị ấy tốt hơn và điều chủ yếu là ở đó có những sĩ quan có lòng nhân đạo hơn. Mà trong quân đội Sa hoàng, số phận người lính nằm trong tay các hạ sĩ quan.

Ngày hôm sau người ta phát quân phục kỵ binh cho chúng tôi và giao cho mỗi người một con ngựa. Tôi được giao một con ngựa cái rất bướng bỉnh có bộ lông màu xám và thuộc loại ngựa "Chà-sét-nai-a".

Phục vụ trong kỵ binh có vẻ thú vị hơn bộ binh, nhưng lại khó hơn nhiều. Ngoài những môn học chung, còn phải tập cưỡi ngựa, sử dụng gươm giáo và chăm nom ngựa. Chúng tôi dậy không phải lúc 6 giờ như bộ binh, mà từ 5 giờ và đi ngủ muộn hơn một giờ.

Khó nhất là những khoa mục của lính kỵ mã nghĩa là phi ngựa, leo dây và tập gươm giáo. Trong thời gian đi ngựa có lúc sảy chân chảy máu nhưng không được kêu ca. Người ta chỉ nói với chúng tôi một điều: Hãy chịu đựng, anh chàng Cô-dắc ơi, anh sẽ trở thành quan đấy". Và chúng tôi đã chịu đựng mãi cho đến khi ngồi vững trên yên ngựa.

Trung đội trưởng của chúng tôi là thượng sĩ Du-rắc-cốp[2] nhưng ngược lại với tên đó, anh ta tỏ ra khá thông minh và tốt bụng. Anh rất nghiêm khắc, nhưng lính bao giờ cũng chịu nghe theo và không bao giờ giận anh. Trái lại, trung sĩ Bô-rô-đáp-cô thì hoàn toàn trái ngược, hay la lối, bông bột và rất hách dịch. Những người kỳ cựu ở đây nói rằng hắn ta đã nhiều lần đánh gãy răng lính.

Hắn ta đặc biệt tàn nhẫn khi chỉ huy cưỡi ngựa. Chúng tôi nhận rõ điều đó trong những lần trung đội trưởng nghỉ ngắn ngày. Bô-rô-đáp-cô, khi tạm thay trung đội trưởng được dịp dở dĩnh. Hắn làm khổ, làm nhục anh em lính chúng tôi không biết bao nhiêu! Ban ngày thì hắn thúc tập cho đến khi ngã gục tại chỗ, đặc biệt hắn trù những người trước khi vào lính đã ở hoặc làm việc tại Mát-xcơ-va vì hắn cho đó là những người thông minh và hiểu biết hơn. Ban đêm thì hắn đi kiểm tra canh gác đến mấy lần, nếu gặp trực ban nào ngủ gật là hắn đánh ngay. Bọn lính chúng tôi căm ghét hắn đến cực độ.

Có một lần sau khi đã bàn với nhau, rình hắn đi vào một góc tối chúng tôi lấy vải bạt chụp lấy đầu và đá cho một trận bất tỉnh nhân sự. Cứ tưởng rằng tất cả chúng tôi phải ra tòa án binh, nhưng cả trung đội không ai việc gì cả, trái lại Bô-đô-đáp-cô phải chuyển sang binh đoàn khác. Đến mùa xuân năm 1916, về căn bản, chúng tôi đã trở thành những kỵ binh được huấn luyện. Người ta báo cho chúng tôi biết sẽ tổ chức thành đại đội kỵ binh chuẩn bị ra trận, và trước khi đi, chúng tôi còn được huấn luyện dã chiến. Những người sinh năm 1897 mới được động viên sẽ thay chúng tôi, còn chúng tôi chuẩn bị chuyển đến một địa điểm khác - làng La-ghe-ri.

Người ta chọn 30 người trong số những người học khá đưa đi đào tạo hạ sĩ quan. Tôi cũng nằm trong số đó. Tôi không muốn vào học lớp này, nhưng trung đội trưởng là người tôi rất kính trọng về trí thông minh, tính kỷ luật và tình yêu đối với binh lính đã khuyên tôi nên đi học.

- Ra trận thì cậu còn chán cơ hội, - anh nói, - nhưng trước hết cậu phải học tập quân sự cho sâu đã, nó sẽ lợi cho cậu về sau. Tôi chắc cậu sẽ trở thành một hạ sĩ quan khá đấy.

Suy nghĩ một lát, anh nói tiếp:

- Tôi cũng chưa vội trở lại mặt trận. Một năm ở tiền tuyến tôi đã hiểu nó ra sao rồi. Tôi hiểu khá nhiều. Tiếc, tiếc quá... nhân dân ta đã hy sinh một cách đại dột và tôi tự hỏi: Hy sinh để làm gì?...

Anh không nói gì nữa. Nhưng tôi cảm thấy rằng trong thâm tâm, anh đã nhìn thấy cái mâu thuẫn giữa nhiệm vụ của người lính và nhiệm vụ công dân không chịu nổi ách chuyên chế của Sa hoàng. Tôi cảm ơn anh đã khuyên tôi và đồng ý vào lớp đào tạo hạ sĩ quan. Lớp này đóng ở

thành phố I-di-um, tỉnh Khắc-cổp. Số anh em chúng tôi đến học có tất cả khoảng 240 người tập hợp từ nhiều đơn vị khác nhau.

Người ta bố trí tất cả chúng tôi vào những căn nhà riêng và lệnh chuẩn bị vào học tập ngay. Không may cho chúng tôi đã gặp phải một cấp chỉ huy rất tệ. Đại úy phụ trách chúng tôi có lẽ còn tệ hơn anh chàng Bô-rô-đáp-cô. Tôi không nhớ tên hắn, tôi chỉ nhớ rằng lính gọi hắn là lão “Bốn ruồi”, vì ngón tay trở bên phải của hắn bị cụt mất một nửa. Nhưng ngón tay cụt không trở ngại gì khi hắn ta nắm tay lại đâm ngã lính. Hắn không thích gì tội hơn những người khác, nhưng không hiểu vì sao hắn lại tránh không đánh tôi. Trái lại hắn xét nét tôi từng li từng tí, đôi khi chỉ vì một sơ suất nhỏ tôi cũng bị phạt rồi.

Không ai phải “mang đầy đủ trang bị chiến đấu đứng nghiêm” hoặc phải vác bao cát từ chuồng ngựa đến lán, cũng không ai phải trực nhật vào ngày lễ nhiều như tôi. Tôi cho rằng đó đều là sự độc ác của một tên ngốc và xấu bụng. Tuy nhiên tôi lại mừng vì hắn không thể kiểm chuyện với tôi trong việc học tập được.

Biết không làm gì được tôi, hắn thay đổi chiến thuật. Có thể là hắn muốn cản trở việc học tập của tôi vì tôi luôn luôn là người khá hơn cả.

Một hôm, vào ngày chủ nhật, hắn gọi tôi vào phòng của hắn và nói:

- Nay tôi thấy anh là một thanh niên có bản lĩnh, hiểu biết và có khiếu về quân sự. Nhưng anh lại là người Mát-xcơ-va, là công nhân, anh học làm gì cho tốn mồ hôi, mệť xác? Anh làm thư ký nghiệp dư cho tôi đi. Anh sẽ thảo các nhật lệnh, làm thống kê báo cáo học tập và những việc khác tôi sẽ giao cho anh.

- Tôi đến đây để học chứ không phải để làm những việc linh tinh, - tôi đáp - Tôi muốn học quân sự một cách đầy đủ và trở thành hạ sĩ quan.

Hắn tức giận, dọa tôi:

- Được rồi xem! Tôi sẽ làm cho anh không bao giờ trở thành hạ sĩ quan!

Đến cuối tháng 6, khi lớp học của chúng tôi sắp hết thì bắt đầu phải thi. Theo thường lệ, những học sinh giỏi trong lớp, khi tốt nghiệp, sẽ được phong hạ sĩ, còn những người khác mang danh hiệu phó hạ sĩ, tức là chuẩn bị làm hạ sĩ quan. Bạn bè tôi ai cũng tưởng là tôi sẽ đỗ đầu, nhất định sẽ được phong hạ sĩ quan và sẽ được bổ sung làm tiểu đội trưởng, vì đây còn khuyết một. Nào ngờ trước khi tốt nghiệp hai tuần, người ta tuyên bố trước đơn vị là tôi bị khai trừ ra khỏi lớp học vì vô kỷ luật và không phục tùng cấp chỉ huy trực tiếp. Mọi người đều biết đó là “Bốn ruồi” trừ tôi Nhưng không còn làm gì được nữa.

Không ngờ lại có người giúp tôi. Nguyên ở trung đội tôi có một học viên tình nguyện là Scô-rin-nô, em của đại đội phó đại đội cũ của tôi.

Scô-rin-nô học rất kém và không thích quân sự, nhưng lại là người tốt và giao thiệp rộng. “Bốn ruồi” cũng gồm anh ta. Scô-rin-nô liền đến ngay cấp chỉ huy nhà trường báo cáo về trường hợp bất công của tôi.

Hiệu trưởng nhà trường cho gọi tôi đến. Tôi rất lo lắng vì từ trước đến nay chưa hề nói chuyện với các sĩ quan của tiểu đoàn, Tôi nghĩ bụng: “Thôi thể là trượt rồi, chắc là phải sang tiểu đoàn kỷ luật thôi”.

Chúng tôi rất ít tiếp xúc với hiệu trưởng. Nghe nói ông ta được làm sĩ quan vì lòng dũng cảm và được thưởng nhiều huân chương Thánh Gioóc và huy chương khác. Trước chiến tranh, hình như ông phục vụ trong trung đoàn U-lan làm chức thượng sĩ kỵ binh chuyên nghiệp. Chúng tôi chỉ trông thấy ông trong các buổi điểm tên buổi tối; người ta nói rằng sau khi bị thương nặng, ông đau ốm luôn.

Tôi rất ngạc nhiên khi thấy ông ta có đôi mắt hiền từ, thậm chí có thể nói là cái nhìn của ông ấm áp và vẻ mặt của ông chân thật vô cùng.

- Sao, phục vụ trong quân đội không chịu nổi à? - ông hỏi và chỉ ghế cho tôi ngồi. Tôi vẫn đứng không dám ngồi - Ngồi xuống chứ, đừng sợ!... Hình như cậu là người Mát-xcơ-va?

- Thưa ngài, vâng ạ. - Tôi trả lời, cố gắng nói to và rành rọt từng tiếng.

- Tôi cũng người Mát-xcơ-va đây. Trước khi nhập ngũ, tôi làm thợ mộc ở Ma-ri-nai-a Rô-sa.

Nhưng mắc kẹt trong quân ngũ, nên bây giờ có lẽ phải hiến thân cho quân sự thôi - ông nói một cách êm dịu - Đây này, bản nhận xét về anh xấu lắm! Ghi là trong bốn tháng học tập anh đã bị phạt mười lần và, trước mặt đồng đội, anh gọi trung đội trưởng là “bộ da gấu” và những tiếng không tốt khác. Có đúng không?

- Thừa ngài, đúng ạ - Tôi đáp - Nhưng chỉ có một điều tôi có thể báo cáo với ngài được là: Ai ở địa vị tôi cũng phải làm như thế.

Tôi thành thật kể lại cho ông nghe mọi việc đã xảy ra. Ông chăm chú nghe và cuối cùng nói:

- Thôi, anh về trung đội và chuẩn bị thi đi.

Tôi rất hài lòng vì mọi việc đã kết thúc một cách tốt đẹp. Nhưng khi tốt nghiệp tôi không được đậu đầu. Scô-ri-nô được phong hạ sĩ quan, còn tôi và những người khác được phong phó hạ sĩ quan.

Bây giờ đánh giá lại các khoá huấn luyện quân sự của quân đội cũ, tôi có thể nói là nói chung người ta dạy rất kỹ, đặc biệt là huấn luyện về đội ngũ. Mỗi học sinh tốt nghiệp đều nắm vững động tác cưỡi ngựa, sử dụng vũ khí và phương pháp huấn luyện chiến sĩ. Không phải ngẫu nhiên mà nhiều hạ sĩ quan quân đội cũ sau Cách mạng tháng Mười đã trở thành những chỉ huy quân sự giỏi của Hồng quân.

Công tác giáo dục, về cơ bản là thô bạo. Những hạ sĩ quan tương lai đó không có thói quen đối xử nhân đạo với binh sĩ, không chú ý đến tâm tư tình cảm của binh sĩ. Người ta chỉ nhằm có một mục đích là làm thế nào để biến các binh sĩ thành những người phục tùng mệnh lệnh một cách máy móc. Kỷ luật xây dựng trên cơ sở tàn bạo. Tuy quy định không được dùng nhục hình, nhưng thực tế đã được dùng khá rộng rãi.

Về quân đội Sa hoàng, người ta viết đã nhiều và thiết tưởng không cần phải nhắc thêm. Tôi chỉ kể lại một số trường hợp mà tôi thấy cần thiết.

Đặc điểm rõ nhất của quân đội Sa hoàng là gì? Trước hết là sự xa cách và không nhất trí giữa quần chúng binh sĩ và hàng ngũ sĩ quan cao cấp.

Trong chiến tranh, đặc biệt là năm 1916 và đầu năm 1917, vì tổn thất quá nhiều nên đội ngũ sĩ quan được bổ sung bằng nhiều đại biểu lao động trí óc, những công nhân, nông dân có học và cả những binh lính, hạ sĩ quan chiến đấu xuất sắc, vì vậy sự khác biệt đó (từ tiểu đoàn đến sư đoàn) mới phần nào giảm bớt. Nhưng nó vẫn còn tồn tại trong các binh đoàn. Sĩ quan và tướng lĩnh không hề gần gũi đồng đảo binh sĩ, không hiểu binh sĩ sống và nghĩ như thế nào. Họ hoàn toàn xa lạ đối với binh sĩ. Tình trạng đó và sự dốt nát khá phổ biến về chiến thuật - chiến lược của bọn tướng lĩnh và sĩ quan cao cấp đã dẫn đến chỗ là các chỉ huy - chỉ trừ một vài người cá biệt - không có uy tín đối với binh sĩ. Trái lại, trong hàng ngũ sĩ quan trung cấp, gần cuối chiến tranh, có nhiều người gần gũi với binh sĩ. Những người chỉ huy như vậy đã được binh sĩ tin yêu và sẵn sàng làm theo trong mọi việc.

Chỗ dựa để quân đội cũ có thể đứng vững được là hàng ngũ hạ sĩ quan. Họ là những người đào tạo, huấn luyện, gắn liền đồng đảo binh sĩ lại với nhau. Hạ sĩ quan được lựa chọn kỹ lưỡng. Những người được lựa chọn phải qua những khoá học đặc biệt, mà ở đó họ được đào tạo thành những lính chiến mẫu mực. Thêm vào đó, như tôi đã nói ở phần trên, nếu phạm một sai sót nhỏ nào là họ lập tức bị phạt, đánh đập và nhục mạ. Do đó, những hạ sĩ quan tương lai, sau khi ra trường, có kỹ thuật chiến đấu giỏi, đồng thời có "kinh nghiệm" bắt các cấp dưới phải tuân theo những đòi hỏi của quân đội Sa hoàng.

Phải nói rằng, sĩ quan phụ trách các phân đội hoàn toàn tin cậy giao phó việc huấn luyện và giáo dục binh sĩ cho các hạ sĩ quan. Sự tin cậy đó nhất định đã làm cho hạ sĩ quan phải đề cao tinh thần chủ động, sáng tạo và có ý thức trách nhiệm tự giác. Trong khi chiến đấu, hạ sĩ quan đặc biệt là hạ sĩ quan đào tạo chính quy, phần lớn là những người chỉ huy giỏi.

Qua nhiều năm thực tiễn tôi thấy rằng ở đâu mà các cán bộ cấp trên cứ bao biện, không tin vào các sĩ quan cấp dưới, thì ở đó không bao giờ có được những cán bộ cấp dưới xứng đáng, vì vậy không thể có những phân đội tốt được.

Vào đầu tháng 8, trung đoàn ra lệnh gửi các học viên kỵ binh vừa mãn khoá vào binh đoàn bổ sung đi chiến đấu. Mỗi tốp 15 người được đưa thẳng ra mặt trận, nhập vào sư đoàn kỵ binh 10. Trong danh sách 15 người, tôi đứng vào hàng thứ hai và tôi không ngạc nhiên mấy về điều đó vì tôi thừa hiểu do bàn tay ai xếp đặt rồi.

Khi người ta đọc danh sách trước đơn vị, "Bốn rưỡi" mỉm cười, tỏ ra rằng: số phận mỗi người chúng tôi phụ thuộc vào hán ta. Sau đó chúng tôi được ăn một bữa theo tiêu chuẩn ngày lễ, rồi lệnh chuẩn bị lên đường. Mang ba-lô lên vai, chúng tôi đi đến nơi tập trung và sau mấy giờ, đoàn chúng tôi đã lên đường đi về phía Khác-cốp.

Đoàn chúng tôi đi rất lâu, có khi phải dừng lại hàng giờ ở ngã tư chờ cho sư đoàn bộ binh nào

đó đi qua. Những người bị thương nặng đưa từ mặt trận về, đoàn tàu quân y cũng phải nhường đường cho các đoàn tàu ra mặt trận. Qua những người bị thương, chúng tôi biết nhiều chuyện, trước hết là chuyện quân đội ta trang bị rất tồi. Binh lính nói rất xấu về các sĩ quan cao cấp, họ đồn là ở bộ chỉ huy tối cao có người được bọn Đức mua chuộc làm phản. Binh lính ăn uống rất khổ. Những tin tức ấy từ mặt trận đưa về làm cho chúng tôi khó chịu. Chúng tôi im lặng, đi lại xung quanh đoàn tàu.

Sáng hôm sau, người ta đổ chúng tôi xuống vùng Ca-mê-nét Pô-đôn-xơ. Đồng thời đơn vị bổ sung cho trung đoàn 10 kỵ binh nhẹ Tu-giéc-man-lan và 100 ngựa của trung đoàn 10 long kỵ binh Nốp-gô-rốt cũng được đổ xuống đây.

Vừa xuống tàu xong thì có báo động. Ai nấy vội vã chạy tìm lấy chỗ nấp. Một máy bay trinh sát của địch đảo trên đầu chúng tôi mấy vòng, ném mấy quả bom nhỏ rồi rút về phía tây. Một người lính chết và năm con ngựa bị thương.

Đây là trận đầu của chúng tôi. Từ nơi xuống tàu chúng tôi đi theo trật tự hành quân tiến về phía sông Đờ-ne-xơ-rơ. Lúc đó sư đoàn chúng tôi đang đóng tại đây làm lực lượng dự bị của Phương diện quân Tây - nam.

Khi đến đơn vị, chúng tôi được tin Ru-ma-ni đã tuyên chiến với Đức và sẽ chiến đấu bên cạnh người Nga chống lại người Đức. Có tin là sư đoàn chúng tôi sẽ ra tiền tuyến trong một ngày rất gần, nhưng chiến trường nào thì không ai biết.

Đầu tháng 9, sư đoàn chúng tôi hành quân tới vùng rừng núi Bư-xơ-rít-xki. Ở đây sư đoàn phải trực tiếp tham chiến nhưng phần nhiều phải chiến đấu như bộ binh vì điều kiện địa lý ở đây không dùng kỵ binh được.

Chúng tôi luôn luôn nhận được những tin tức đáng lo ngại. Quân ta bị thiệt hại nặng. Thực tế không còn tấn công nữa. Mặt trận đã ngừng tại chỗ. Phía quân đội Ru-ma-ni tình hình cũng không tốt đẹp hơn. Họ chưa được huấn luyện kỹ, thiếu vũ khí, nên ngay trong những trận chiến đấu đầu tiên với quân Đức và Áo, đã bị thiệt hại nặng.

Trong binh lính, sự bất mãn ngày càng tăng, nhất là khi họ nhận được thư nhà báo tin về nạn đói và tình trạng rối loạn ở quê họ. Cảnh tượng đó, chúng tôi cũng nhìn thấy ngay trong các làng gần mặt trận ở U-crai-na, Bu-cô-vi-na và Môn-đa-vi. Nông dân ở đây cũng phải chịu những tai họa như vậy dưới ách Sa hoàng; cũng do sự lừa dối của Sa hoàng mà ba năm nay máu của nông dân và công nhân đã đổ? Binh lính đã hiểu rằng: họ sẽ trở thành những người tàn tật, sẽ chết không phải vì quyền lợi của họ, mà vì “những kẻ quyền thế trên đời này”, vì quyền lợi của những kẻ đang bóc lột họ đến xương tủy[3].

Tháng 10-1916, tôi gặp điều không may: trong khi cùng hai người bạn đi trinh sát ở đường vào Xai-rê-ghen, tại một đồn tiền tiêu của địch, chúng tôi đụng phải mìn. Hai người kia bị thương nặng, còn tôi bị sức ép hất tung xuống yên ngựa. Đến ngày hôm sau tôi mới tỉnh lại trong viện quân y. Vì bị chấn thương nặng, tôi được đưa về Khác-cốp và nằm điều trị ở đây cho đến cuối tháng Chạp.

Ra viện lâu rồi mà tôi vẫn chưa được bình phục, nhất là tai nghe không rõ. Hội đồng quân y gửi tôi tới đại đội bổ sung ở làng La-ghe-ri. Tới đây, tôi gặp lại các bạn cùng đại đội tân binh trước kia. Họ đến đóng ở đây từ mùa xuân. Lễ tất nhiên, tôi rất mừng.

Trước đây, từ đại đội vào lớp huấn luyện, tôi còn là một người lính trẻ, giờ đây trở lại, tôi đã là một hạ sĩ quan có kinh nghiệm chiến đấu và được gắn hai huân chương Thánh Gioóc trên ngực vì đã có công bắt được sĩ quan Đức làm tù binh và vì bị thương nặng.

Khi chuyện trò với binh lính, tôi hiểu rằng họ không ham gì “ngủ thuốc súng”, không muốn chiến tranh. Họ có những suy nghĩ khác, không nghĩ tới lời thề với Sa hoàng, mà họ nghĩ về ruộng đất về hòa bình, về người thân của họ. Cuối năm 1916, trong binh lính càng xôn xao về những tin công nhân Pê-téc-bua, Mát-xcơ-va và những thành phố khác đình công, biểu tình. Họ bàn tán về những người Bôn-sê-vich đang đấu tranh chống Sa hoàng để giành hòa bình, ruộng đất và tự do cho nhân dân lao động. Bây giờ, ngay chính binh lính cũng cương quyết đòi chấm dứt chiến tranh.

Mặc dù tôi là hạ sĩ quan, nhưng binh lính vẫn tin tôi và thường nói với tôi những chuyện quan trọng. Tất nhiên lúc đó tôi ít hiểu về chính trị, nhưng tôi cũng biết chỉ có những người Bôn-sê-vich mới đem lại hòa bình, ruộng đất và tự do cho nhân dân Nga. Ngoài họ ra, không còn ai khác. Tôi đã cố hết sức gợi lên ý nghĩ đó trong binh lính và vì thế tôi đã được họ hoan nghênh.

Và sự việc đã diễn ra như dưới đây.

Sáng sớm ngày 27-2-1917, binh đoàn đang đóng ở làng La-ghe-ri, bỗng có báo động. Bộ đội tập hợp ngay gần chỗ ở của đại úy đại đội trưởng kỵ binh, Nam tước Phôn-đéc Gôn-xờ. Tất nhiên là không ai hay biết gì cả. Sĩ quan trung đội tôi là trung úy Ki-ép-xki.

- Thưa ngài, người ta tập trung chúng ta đi đâu mà báo động thế vậy? - Tôi hỏi ông ta.

Ông đáp lại tôi bằng câu hỏi:

- Theo anh thì thế nào?

Tôi nói là binh lính cần biết họ sẽ phải đi đâu, đặc biệt khi thấy người ta phát đạn thật cho chúng tôi.

- Thế thì sao? Có thể cũng cần dùng đến đạn đấy!

Câu chuyện chấm dứt vì đại úy Nam tước Phôn-đéc Gôn-xờ đi tới.

Y là một đại úy phụ trách tác chiến. Y có gươm vàng, có huân chương Thánh Gioóc của quân đội và nhiều huân chương khác. Nhưng y lại là một người đáng ghét, nói năng thô bạo với binh lính nên họ không ưa mà chỉ sợ y thôi.

Sau khi hô "Nghỉm", đại úy chào đại đội.

Nam tước Phôn-đéc Gôn-xờ ra lệnh cho chúng tôi xếp thành hàng ba và cho ngựa đi nước kiệu. Đại đội đi theo đường dẫn tới thành phố Ba-lắc-lê-ya. Bộ tham mưu trung đoàn dự bị 5 đóng ở đây. Khi đến trại trung đoàn, chúng tôi thấy đoàn long kỵ binh Ki-ép và kỵ binh nhẹ In-ghec-man-lan đã tập hợp chỉnh tề. Đại đội của tôi cũng triển khai thành hàng ngang. Những bộ phận khác cũng đã tới. Không ai biết việc gì đang xảy ra.

Một lúc sau mới rõ sự tình như sau. Ở một góc bên cạnh, thấy xuất hiện những người biểu tình mang cờ đỏ không biết từ đâu đến. Viên chỉ huy đại đội chúng tôi thúc ngựa phi về phía ban tham mưu trung đoàn. Những viên chỉ huy các đại đội khác đi theo hẩn ta. Trong lúc đó thì có một quân nhân và công nhân từ trong ban tham mưu đi ra.

Một quân nhân dáng cao cao nói chuyện với binh lính, giọng sang sảng. Anh ta nói: giai cấp công nhân, binh lính, nông dân nước ta từ nay không công nhận Sa hoàng Ni-cô-lai II nữa, cũng không thừa nhận bọn tư bản và địa chủ nữa. Nhân dân Nga không muốn tiếp tục cuộc chiến tranh để quốc đẫm máu này nữa. Họ cần hòa bình, ruộng đất và tự do. Anh ta kết thúc những lời nói ngắn gọn đó bằng các khẩu hiệu: "Đả đảo Sa hoàng! Đả đảo chiến tranh! Hòa bình giữa các dân tộc muôn năm! Xô-viết đại biểu Công Nông Binh muôn năm! Hoan hô!".

Không ai ra lệnh cho binh lính nữa. Tự lòng mình, anh em hiểu phải làm gì. Từ trong hàng ngũ vang tiếng hô đáp lại: "Hoan hô! Hoan hô!...". Binh lính hòa lẫn với đám biểu tình...

Sau đó chúng tôi mới biết đại úy Nam tước Phôn-đéc Gôn-xờ và nhiều sĩ quan khác đã bị ủy ban binh sĩ bắt. Ủy ban này đã ra hoạt động công khai và bắt giữ những ai có thể ngăn cản công tác cách mạng.

Bộ đội được lệnh trở lại hàng ngũ và đợi lệnh của ủy ban binh sĩ. Đứng đầu ủy ban binh sĩ của trung đoàn là đảng viên Bôn-sê-vich Ya-cốp-lép (tôi tiếc rằng không nhớ tên và phụ danh của đồng chí ấy). Sáng hôm sau đồng chí phái tới đại đội tôi một sĩ quan. Sĩ quan đó ra lệnh tập hợp bộ đội để chọn đại biểu vào Xô-viết trung đoàn, đồng thời bầu ủy ban binh sĩ đại đội.

Trung úy Ki-ép-xki, tôi và một người lính nữa ở trung đội 1 (tiếc rằng không nhớ tên họ người lính này) được bầu làm đại biểu Xô-viết trung đoàn.

Vào đầu tháng 3, Hội nghị toàn Xô-viết đại biểu binh sĩ trung đoàn họp ở Ba-lắc-lê-ya. Đồng chí Ya-cốp-lép giải thích rất rõ về nhiệm vụ các Xô-viết, về sự cần thiết phải củng cố sự nhất trí giữa binh lính, công nhân và nông dân để tiếp tục cuộc đấu tranh cách mạng. Chúng tôi nhiệt liệt hoan nghênh lời phát biểu của đồng chí.

Sau đó một hạ sĩ phát biểu tiếp. Lúc đầu anh ta nói cũng hay, hầu như là ủng hộ cách mạng, nhưng gần cuối anh ta lại tán dương chính phủ lâm thời, tán dương việc động viên quân đội ra mặt trận. Những người lính tức giận phản đối nhao nhao. Đến khi bầu Xô-viết trung đoàn, người ta chỉ bầu những ai ủng hộ lập trường của người Bôn-sê-vich. Thế là Xô-viết trung đoàn chúng tôi đã trở thành Bôn-sê-vich.

Đến tháng 5, đồng chí Ya-cốp-lép phải đi công tác nơi khác. Sau khi đồng chí ấy đi, Xô-viết làm việc kém hẳn đi, không bao lâu các đại biểu bị bọn xã hội cách mạng Men-sê-vich lái, Xô-viết trở lại ủng hộ chính phủ lâm thời. Cuối cùng, đến đầu mùa thu, một số đơn vị chuyển sang phía Pét-liu-ra.

Trong đại đội tôi phần lớn là người Mát-xcơ-va và Ca-lu-ga. Ủy ban binh sĩ đại đội cho phép ai nấy trở về nhà. Chúng tôi cấp cho binh sĩ giấy giải ngũ và khuyên họ đem theo súng và đạn. Sau đó chúng tôi được biết đội cảnh giới Gai-đa-mác[4] ở Khắc-cốp đã tịch thu vũ khí của phần lớn các binh sĩ này. Tôi phải trốn ở Ba-lắc-lê-ya ở làng La-ghe-ri mất mấy tuần vì bọn sĩ quan chạy sang phục vụ cho bọn dân tộc chủ nghĩa U-crai-na lòng bất.

Ngày 30-11-1917, tôi về được đến Mát-xcơ-va. Ở đây chính quyền đã nắm vững vàng trong tay Đảng Bôn-sê-vich và đại biểu công nông binh từ tháng Mười.

Tháng Chạp năm 1917 và tháng Giêng năm 1918, tôi về làng với cha mẹ, và sau khi nghỉ ngơi, tôi quyết định tham gia đội Cận vệ đỏ. Nhưng đầu tháng Hai, tôi bị sốt phát ban nặng và tháng Tư tôi lại bị sốt trở lại. Mãi nửa năm sau, đến tháng 8-1918, tôi mới tình nguyện xin vào được trung đoàn kỵ binh 4 thuộc sư đoàn kỵ binh Mát-xcơ-va, từ đó mới thực hiện được nguyện vọng chiến đấu trong hàng ngũ Hồng quân của mình.

Lúc đó Đảng Cộng sản và Chính phủ Xô-viết bắt đầu giải quyết những nhiệm vụ khó khăn và quan trọng là giải thể quân đội cũ và thành lập quân đội mới, quân đội của công nhân và nông dân. Đồng thời mở rộng việc dân chủ hóa quân đội. Chính quyền trong quân đội giao cho ủy ban binh sĩ và các Xô-viết, mọi người trong quân đội đều bình đẳng về quyền lợi, hàng ngũ chỉ huy từ trung đoàn trở xuống do hội nghị toàn thể binh sĩ bầu. Nhờ đó từ trong binh lính, thủy thủ và cả trong sĩ quan nữa đã xuất hiện nhiều cán bộ quân sự có tài đi theo chính quyền Xô-viết.

Trong một bản báo cáo của ủy ban quân sự thuộc Ban Chấp hành Trung ương Đảng toàn Nga, đã viết : “Nếu lúc nào đó có thể nghiên cứu một cách khách quan về tình hình quân đội ta vào thời kỳ cách mạng, thì mọi người đều thấy rằng : chỉ có dân chủ hóa hoàn toàn quân đội, thừa nhận quyền hạn của các cơ quan quân đội do quần chúng rộng rãi binh lính bầu ra và chỉ có chính sách hòa bình mà Hội đồng các Ủy viên nhân dân đã thực hiện mới có thể giữ được quân đội trên các mặt trận cho đến giữa mùa đông năm 1918 và cứu nước nhà ra khỏi tình trạng quân đội tự tiện rút lui về hậu phương”.

Đại hội Xô-viết toàn Liên bang lần thứ III họp tháng Giêng năm 1918 nhất trí quyết định thành lập lực lượng vũ trang của nước ta. Tại Đại hội này đã thông qua “Tuyên ngôn về quyền của người lao động và nhân dân bị bóc lột” do V.I. Lê-nin thảo, trong đó có đoạn nói rõ : “Nhằm bảo đảm toàn vẹn chính quyền của quần chúng lao động và loại trừ khả năng phục hồi chính quyền của giai cấp bóc lột nay ra sắc lệnh vũ trang cho nhân dân lao động, thành lập Hồng quân xã hội chủ nghĩa của công nông...”.

Binh đoàn Hồng quân đầu tiên được thành lập cũng vào tháng Giêng năm 1918 ở Pê-tơ-rô-grát, lấy quân từ mấy trăm chiến sĩ Cận vệ đỏ[5] và binh lính các trung đoàn dự bị của thành Pê-tơ-rô-grát. Đó là quân đoàn 1 của Hồng quân công nông. Cùng lúc đó, một đội quân xã hội chủ nghĩa đầu tiên nữa cũng được phái từ Pê-tơ-rô-grát ra mặt trận phía tây, đội quân này gồm hàng ngàn chiến sĩ Cận vệ đỏ.

Trong buổi long trọng tiễn đưa đội quân này, Lê-nin đã phát biểu ý kiến. Người nói: “Qua các đồng chí, tôi chào mừng những người chiến sĩ tình nguyện anh hùng đầu tiên của quân đội xã hội chủ nghĩa, những người sẽ lập nên quân đội cách mạng hùng mạnh”.

Thủ tục nhận các chiến sĩ tình nguyện vào Hồng quân tiến hành như sau: Mỗi người tình nguyện phải có giấy giới thiệu của ủy ban quân sự, Đảng và các tổ chức quần chúng ủng hộ chính quyền xô-viết khác. Nếu gia nhập thành nhóm thì phải có sự bảo lãnh tập thể. Các chiến sĩ Hồng quân công nông được Chính phủ trợ cấp hoàn toàn, ngoài ra ban đầu mỗi người được lĩnh đến 50 rúp một tháng, sau đó, từ giữa năm 1918, người không có gia đình được lĩnh 150 rúp, người có gia đình - 250 rúp. Mùa xuân năm 1918, Hồng quân đã có đến 20 vạn chiến sĩ, sau đó số tình nguyện gia nhập ngày càng giảm.

Tất nhiên, việc tuyển mộ bộ đội dựa trên cơ sở tình nguyện có những nhược điểm của nó. Không có lực lượng dự bị chiến đấu, không có hệ thống đào tạo quân bổ sung, quân số không đủ đảm bảo mở những chiến dịch lớn, công tác huấn luyện kém, kỷ luật lỏng lẻo.

Thấy vậy, Ban Chấp hành trung ương Đảng toàn Nga đã ra chỉ thị đặc biệt về việc huấn luyện quân sự cho toàn thể nhân dân lao động. Mỗi người lao động từ 18 đến 40 tuổi phải qua một kỳ huấn luyện quân sự 96 giờ, không thoát ly sản xuất, phải thi hành nghĩa vụ quân sự và gia nhập Hồng quân ngay khi có lệnh gọi của Chính phủ Xô-viết.

Trung ương Đảng Cộng sản (b) Nga chỉ thị cho các đảng viên phải tham gia học tập quân sự ngay. Việc bầu các cấp chỉ huy được bỏ, thay vào đó là chế độ bổ nhiệm cán bộ chỉ huy. Các cán bộ quân đội phải do các cơ quan quân sự quyết định và được chọn lọc từ những người đã qua huấn luyện quân sự hoặc những người xuất sắc trong chiến đấu. Đại hội Xô-viết toàn Nga lần thứ V đã ra nghị quyết “Về xây dựng Hồng quân” trong đó đã thông qua các biện pháp của Đảng và Chính phủ về xây dựng quân đội thường trực. Nghị quyết đã nhấn mạnh sự cần thiết phải tập trung lãnh đạo luân đội và đề cao ý nghĩa của một nền kỷ luật sắt, có tính cách nặng trong quân đội.

Đại hội củng cố về mặt pháp lý chế độ chính ủy. Chế độ này đã bắt đầu thi hành từ tháng Mười năm 1917, khi nhiều ủy viên của ủy ban quân sự cách mạng được phái tới nắm các đơn vị và cơ quan quân sự của quân đội cũ. Lúc này các chính ủy đã dựa vào các chi bộ Đảng để giáo dục binh lính, kiểm tra các hoạt động quân sự của các chuyên viên và đồng thời xây dựng trong quần chúng binh sĩ lòng tin tưởng vào các chuyên viên tốt và trung thành. Sau này ta còn có dịp nói đến các chính ủy, nhưng bây giờ tôi muốn nói ngay rằng đó là những người đảng viên cộng sản hoàn toàn tốt, trung thực và sẵn sàng hy sinh.

Đại hội yêu cầu xây dựng quân đội trên cơ sở một nền khoa học quân sự, sử dụng kinh nghiệm các quân đội cũ và đồng thời mở rộng việc đào tạo các cán bộ chỉ huy xuất thân từ công nông. Nghị quyết của Đại hội Xô-viết lần thứ V và Ban Chấp hành trung ương toàn Nga đã được các tổ chức Đảng, công đoàn, các ủy ban dân nghèo và quần chúng công nông giác ngộ thực hiện. Do đó, khi tôi gia nhập Hồng quân thì trong quân đội đã có trên nửa triệu người. Trong những năm khó khăn đó, bằng nhiều nghị quyết và bằng công tác thực tiễn to lớn, Đảng đã đặt cơ sở cho các Lực lượng vũ trang Xô-viết, đã củng cố hạt nhân vô sản vững vàng về chính trị cho Hồng quân và Hải quân làm chỗ dựa cho việc xây dựng quân đội sau này.

[1] Ba loại kỵ binh trong quân đội Sa hoàng - ND.

[2] Tiếng Nga “du-rắc” là “thằng ngốc” - ND.

[3] nguyên văn: “đến lượt da cuối cùng” - ND.

[4] lính phản cách mạng trong thời kỳ nội chiến ở U crai-na - ND

[5] Năm 1917, Cận vệ đỏ là tên của các đội công nhân vũ trang trung thành với cách mạng.

Trước cuộc vũ trang khởi nghĩa tháng Mười, những người Bôn-sê-vích mở rộng việc huấn luyện quân sự cho Cận vệ đỏ. Ảnh hưởng của những người Bôn-sê-vích phát triển nhanh chóng ngoài mặt trận, trong các thành phố lớn ở hậu phương và cả ở hạm đội Ban-tích. Các hoạt động của Cận vệ đỏ, của quần chúng binh sĩ và thủy quân trong thời kỳ Cách mạng và ngay sau cách mạng đều do cơ quan quân sự của Trung ương Đảng Xã hội - dân chủ Nga (b) trực tiếp chỉ đạo và phối hợp lại.

Chương 3

THAM GIA NỘI CHIẾN

CHÍNH phủ Nga hoàng đưa nước nhà đến chỗ suy sụp hoàn toàn. Tình hình càng rắc rối thêm khi bọn ngoại quốc và bọn bạch vệ phiến loạn chiếm đóng một số vùng kinh tế quan trọng trong nước.

Trong vòng vây lửa đạn của bọn can thiệp và bạch vệ, nước Cộng hòa Xô-viết trẻ tuổi đã tiến hành một cuộc chiến đấu rất quyết liệt. Những ai đã sống, làm việc và chiến đấu cho lý tưởng Cách mạng tháng Mười trong thời đó hẳn còn nhớ những giờ phút nặng nề mà nhân dân Xô-viết đã phải trải qua như thế nào.

Mùa xuân năm 1918, quân đội Đồng minh chiếm miền Bắc và Viễn Đông. Tháng 5, một quân đoàn Tiệp Khắc, phục vụ cho khối các nước Anh - Pháp, đã mở rộng các hoạt động chống chính quyền Xô-viết ở U-ran, Xi-bê-ri và Pô-vôn-giê. Quân đội Đức chiếm phần lớn đất U-crai-na và

vùng Pri-ban-tích.

Nửa cuối năm 1918, quân đội đế quốc và bạch vệ ở Nga có đến gần 1 triệu tên lính và sĩ quan, huấn luyện và trang bị hiện đại.

Phân tích cho nhân dân biết nguy cơ ấy, V.I. Lê-nin kêu gọi đảng và nhân dân lao động nỗ lực tăng cường khả năng phòng thủ đất nước. Tháng 9-1918, Ban Chấp hành trung ương Đảng toàn Nga ban hành nghị quyết biến nước Cộng hòa thành một trại quân đội thống nhất. Tháng 11, thành lập Hội đồng quốc phòng công nông do V.I. Lê-nin làm chủ tịch. Hội đồng quốc phòng thống nhất hoạt động của các cơ quan quân sự và cơ quan liên quan đến quốc phòng, của ủy ban cung cấp đặc biệt cho Hồng quân, nó giải quyết những vấn đề quan trọng nhất về tổ chức quân đội và bảo đảm những nhu cầu cần thiết cho quân đội, cụ thể là tìm mọi biện pháp phát hiện và thu thập vũ khí và đồ dùng quân sự do quân đội cũ bỏ lại, động viên sự nỗ lực của công nghiệp, nối liền hậu phương với tiền tuyến. Hội đồng quốc phòng và Hội đồng quân sự cách mạng toàn quốc áp dụng mọi biện pháp để thực hiện chương trình của Lê-nin về xây dựng một quân đội thường trực đông đảo.

Đầu năm 1919, Hồng quân có 42 sư đoàn bộ binh trang bị bằng súng trường và súng máy "Mắc-xim", súng lục, thủ pháo. Kỳ binh có 4 vạn tay gươm; trong quân đội tác chiến có 1.700 khẩu pháo. Lực lượng thiết giáp được mở rộng, trong đó gồm đội xe hỏa bọc thép của quân đội Nga (nó chỉ có một đầu máy hơi nước bọc thép, 2 toa có mui và 2 - 3 toa trần bọc thép) và một đội ô-tô thiết giáp có 150 xe bọc thép. Không quân chiến đấu có gần 450 máy bay. Trong Hải quân tác chiến có 2 tàu bọc thép, 2 tàu tuần dương, 24 tàu khu trục, 6 tàu ngầm, 8 tàu đặt mìn, 11 tàu vận tải và các tàu khác.

Ở Pê-tơ-rô-grát, bộ tham mưu phòng không được thành lập, tiểu đoàn cao xạ đầu tiên được hình thành, tổ chức hậu cần của quân đội được cải tiến, tổ chức quân y được điều chỉnh, mạng lưới các lớp đào tạo cán bộ chỉ huy được mở rộng.

Tất nhiên, đây mới chỉ là những lực lượng vũ trang nhỏ bé. Vậy thì làm sao mà Hồng quân đã chiến thắng được một kẻ địch thường được trang bị đầy đủ hơn nhiều? Chính là nhờ ở lòng yêu nước nồng nàn, chất lượng chính trị và tinh thần đặc biệt của một quân đội công nông chiến đấu để bảo vệ tự do và độc lập của Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Mùa xuân năm 1919, bọn đế quốc tổ chức một cuộc hành quân hợp nhất chống chính quyền Xô-viết.

Lúc bấy giờ ở phía đông nước ta quân đội của Côn-chắc chiếm trận tuyến Péc-mơ - Oóc-xơ. Quân bạch vệ Cô- đắc đóng gần U-ran và chiếm Gu-ri-ép. Quân bạch vệ của Ê-ni-kin đã chuẩn bị sẵn sàng trên sông Tê-réc, chiếm Nô-vô-chéc-ca-xơ, Rô-xtốp trên sông Đông, Yu-dốp-ca và nhiều vị trí khác ở vùng Đôn-bát. Quân đội Đồng minh và chính phủ phản cách mạng U-crai-na (cái gọi là chính phủ Độc chính) sau khi chiếm U-crai-na, đóng trên tuyến Héc-xôn - Ni-cô-lai-ép - Gi-tô-mia - Cô-rô-xten. Bọn bạch vệ La-tút ở vùng biên giới Sa-vli - Mi-ta-va, quân của Yu-ê-nít và bọn bạch vệ E-xtô-ni đóng trên tuyến Vôn-ma - Nác-va nhằm đánh vào Pê-tơ-rô-grát. Bọn Phần Lan trắng, bọn can thiệp và bọn bạch vệ chiếm vùng phía bắc nước ta, chuẩn bị đánh vào Pê-tơ-rô-grát, Vô-lốc-đe, cốt-la-xa. Bọn can thiệp còn làm chủ vùng Cra-xnô-vốt-xơ, Ba-tum, Nô-vô-rô-xi-xơ, Xê-vát-xtô-pôn, Ô-đét-xa.

Nhằm mục đích tiêu diệt chính quyền Xô-viết, các chính phủ đế quốc thỏa thuận với nhau phân chia nước Nga. Chúng âm mưu chia cắt U-crai-na, Ê-lô-ru-xi, Pri-ban-tích, Cáp-ca-dơ, phần đất ở phía bắc và những khu vực quan trọng khác trong nước.

Các nước Đồng minh đã công nhận Côn-chắc là "người cầm quyền tối cao". Mùa xuân năm 1919, riêng quân đội của hãn đã có 30 vạn tên được trang bị đầy đủ, bao gồm bọn phú nông và bọn Cô-đắc phản cách mạng ở vùng Da-bai-can, Xi-bê-ri và cả bọn Cô-đắc trắng ở vùng Ô-ren-bua và U-ran.

Ngoài ra, ở hậu phương quân đội Côn-chắc, còn tập trung đến 15 vạn tên can thiệp Mỹ, Pháp, Anh, Nhật, ý, một quân đoàn Tiệp Khắc phản loạn và những đơn vị quân đội các nước khác. Các chính phủ phương Tây cũng tăng cường cung cấp trang bị cho quân đội của Ê-ni-kin. Bản thân Ê-ni-kin được các nước Đồng minh liệt vào hàng "người cầm quyền thứ hai". Hành động đó chứng tỏ vai trò của bản thân Ê-ni-kin và quân đội của hãn có một tầm quan trọng nhất định.

Đến mùa xuân năm 1919, lực lượng Hồng quân phát triển rất mạnh. Quân số đã lên tới 180 vạn

người, trong đó có gần 40 vạn được trang bị khá đông ở ngay các mặt trận. Các đơn vị này đã được rèn luyện trong chiến đấu và có kinh nghiệm đấu tranh vũ trang. Các chiến sĩ Hồng quân hiểu rất rõ là họ chiến đấu chống bọn can thiệp và bạch vệ vì lý tưởng gì, và họ cũng biết kẻ thù của họ chiến đấu nhằm mục đích gì.

Tất nhiên quân đội của Côn-chắc, Ê-ri-kin và những bọn bạch vệ khác được trang bị tốt hơn Hồng quân. Chúng có quân trang và vũ khí tốt, chúng dựa vào hậu phương có dự trữ phong phú về lương thực, chúng được Đồng minh cung cấp đầy đủ đạn dược, quân dụng và các phương tiện vật chất khác.

Mặc dù tình hình đối nội của nước Cộng hòa xô-viết đã được củng cố, nhưng nói chung còn nhiều khó khăn gian khổ.

Bốn năm chiến tranh đế quốc đã tàn phá nước nông nghiệp có một nền công nghiệp kém phát triển này. Vì thiếu nhân công và nguyên liệu, nhiều nhà máy, xí nghiệp đã phải đóng cửa ngay dưới thời Sa hoàng. Phần lớn quặng sắt, than đá, dầu lửa, bông, độ $\frac{3}{4}$ lúa mì nằm trong vùng do bọn đế quốc can thiệp và bọn bạch vệ chiếm đóng. Chỉ có sự nỗ lực thật dũng cảm của Đảng và nhân dân mới có thể tổ chức được việc cung cấp cho Hồng quân. Phải luôn luôn động viên những nguồn dự trữ vật chất - kỹ thuật nghèo nàn đưa đến địa phương nào lúc đó đóng vai trò quyết định số phận của đất nước. Kim loại, nhiên liệu, áo quần, bánh mì thiếu một cách nghiêm trọng.

Tôi còn nhớ khi đổ trung đoàn chúng tôi xuống ga Êc-sốp, các chiến sĩ Hồng quân ăn đói từ Mát-xcơ-va đã đi thẳng vào chợ mua từng ổ bánh mì tròn và nhai ngấu nghiến ngay tại chỗ. Vì ăn như vậy nên nhiều người đã bị ốm. Ở Mát-xcơ-va họ chỉ được phát có 100 gam bánh mì xấu với canh thịt ngựa hoặc canh cá mương.

Biết được nhân dân lao động Mát-xcơ-va, Pê-tơ-rô-grát và những thành phố khác bị đói, các chiến sĩ Hồng quân bị thiếu ăn, chúng tôi càng căm thù bọn phú nông, bọn Cô-dắc phản cách mạng, bọn can thiệp. Tình hình đó giúp cho việc giáo dục các chiến sĩ Hồng quân căm thù giặc, chuẩn bị sống mái với chúng.

Cuộc hành quân hợp nhất của quân Đồng minh đầu tiên chống nước ta bắt đầu vào tháng 3-1919, mở đầu bằng cuộc tấn công của quân đội Côn-chắc vào Phương diện quân Đông. Ở đây chúng ta có trên 10 vạn bộ đội, lại rải ra trên một mặt trận rất rộng. Nhưng bộ đội của tập đoàn quân 2 và 3 đã chống cự rất kiên cường khiến tập đoàn quân Xi-bê-ri của Côn-chắc tiến quân rất khó khăn; chúng không hoàn thành nhiệm vụ đề ra, và trong vòng trên một tháng rưỡi, sau khi chiếm được Xa-ra-pun và Vốt-kin-xcơ chúng chỉ tiến được từ 80 đến 130 km.

Tập đoàn quân phía tây của Côn-chắc bắt đầu tấn công tiếp theo sau tập đoàn quân Xi-bê-ri. Chiến đấu nổ ra đặc biệt ác liệt ở hướng U-pha. Tại đây các sư đoàn 26, 27 bộ binh của tập đoàn quân 5 Phương diện quân Đông chiến đấu rất anh dũng. Tuy vậy, đến ngày 14-3, quân Côn-chắc vẫn chiếm được U-pha. Trong cuộc chiến đấu ác liệt trên đường vào thành phố, tập đoàn quân 5 của ta bị thiệt hại nặng, đến gần 50% bị giết, bị thương và mất tích. Lúc đó Gi.K. Bli-um-béc chỉ huy tập đoàn quân 5, và đến đầu tháng Tư thì M.N. Tu-kha-chép-xki đến thay thế.

Tình hình ở Phương diện quân Đông càng phức tạp vì có các cuộc nổi loạn của bọn phú nông do bọn xã hội cách mạng xúi bẩy. Bọn phiến loạn nổi lên ở Xa-ma-ra, Xư-dơ-ran, Xen-ghi-lép, Ta-vrô-pôn và Mê-lê-két. Ở Xa-ma-ra, trung đoàn 175 nổi loạn chiếm vũ khí và quân dụng. Bọn cầm đầu, sau khi nắm được trung đoàn, đã phối hợp hành động với bọn Côn-chắc. Các cuộc phiến loạn này bị dập tắt ngay, nhưng nó đã gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình, làm dao động nhiều binh lính của ta.

Mặc dù bị thiệt hại nặng, tập đoàn quân 5 được sự chi viện của các đội vũ trang đường sắt và công nhân, vẫn tiếp tục kiểm chế quân địch. Trước ngày một tháng Tư, quân đoàn phía tây của Côn-chắc không thu được kết quả và bị thiệt hại nặng.

Đầu tháng Tư, tập đoàn quân Ô-ren-bua bạch vệ Cô-dắc của Đu-tốp chiếm được Ác-tiu-bin-xcơ sau khi cắt đứt đường sắt Ô-ren-bua - Ta-sơ-ken, do đó Tuốc-ke-xtan bị cắt rời khỏi nước Nga Xô-viết. Khi bọn bạch vệ tiến gần đến Ô-ren-bua thì bọn phú nông bắt đầu nổi loạn ở các làng Cô-dắc dọc sông U-ran.

Đến giữa tháng Tư, bọn bạch vệ đã ở cách Ca-dan và Xa-ma-ra 85 km, cách Xim-biéc-xcơ 100 km. Nếu quân đội ta tiếp tục rút lui nữa về bên kia sông Vôn-ga thì quân của Côn-chắc sẽ bắt

liên lạc được với quân của Đê-ni-kin. Trong trường hợp đó có thể tạo nên một thế trận liên hoàn để đột kích vào Mát-xcơ-va. Tình hình càng phức tạp thêm vì quân đội bạch vệ và bọn can thiệp cùng một lúc tích cực hoạt động trên mọi hướng chiến lược khác.

Trong giờ phút nguy nan đó, Ban Chấp hành trung ương Đảng Cộng sản (b) Nga đứng đầu là V.I. Lê-nin đã kêu gọi Đảng, nhân dân Xô-viết dốc toàn lực lượng đánh tan quân thù và trước hết là tiêu diệt quân đội của Côn-chắc.

Đảng, giai cấp công nhân và những người tiến bộ nhiệt liệt hưởng ứng lời kêu gọi đó.

Ngày 11-4, Ban Tổ chức trung ương Đảng thông qua “Luận cương của Trung ương Đảng Cộng sản (b) Nga về tình hình mặt trận phía Đông” do Lê-nin viết. Hội nghị toàn thể Ban Chấp hành trung ương Đảng Cộng sản (b) Nga họp ngày 13-4 và Hội nghị Bộ chính trị ngày 23 và 29 tháng Tư đã xét các vấn đề tổ chức chi viện cho Phương diện quân Đông. Đã thông qua nghị quyết mở cuộc động viên mới và gửi ra mặt trận những cán bộ dũng cảm và đã được tôi luyện của Đảng. Ngày 13-5, V.I. Lê-nin báo cáo tại Hội nghị Hội đồng Quốc phòng về vấn đề đạn dược. Trước đó theo đề nghị của Người, 81.000 công nhân các nhà máy quốc phòng quan trọng được chuyển sang chế độ quân nhân, công nhân, các xí nghiệp quốc phòng được miễn gọi nhập ngũ. Nhờ có cao trào cách mạng của quần chúng và công tác tổ chức to lớn của Đảng, việc sản xuất quốc phòng dần dần ổn định.

Việc động viên sức người và sức của của cả nước đã tạo ra khả năng tăng cường về cơ bản cho các tập đoàn quân đã bị kiệt quệ. Ở mặt trận phía đông, chỉ riêng đảng viên trong quân đội ở mặt trận đã lên đến 15.000 người, mà phần lớn đều là chiến sĩ đang trực tiếp chiến đấu. Đó là lực lượng chính trị có tác dụng quyết định, nó đoàn kết và cổ vũ bộ đội xông lên chiến đấu với quân thù.

Sau này, nghiên cứu những biện pháp và kế hoạch của Bộ Tổng tư lệnh Hồng quân và bộ tư lệnh Phương diện quân Đông, ta dễ thấy rằng, Bộ Tổng tư lệnh và bộ tư lệnh Phương diện quân Đông không biết rõ lực lượng của bọn bạch vệ, không phát hiện được âm mưu của chúng và không tổ chức được những cuộc đánh trả quyết liệt.

Khi M.V. Phơ-run-dê đến đó và trực tiếp chỉ huy các cụm quân phía nam của phương diện quân thì tình hình Phương diện quân Đông mới được cải thiện. M.V. Phơ-run-dê đã xác định rất đúng rằng: trong tình hình khó khăn đó, phải giành lại thế chủ động chiến lược từ trong tay bọn bạch vệ càng nhanh càng tốt, phải làm cho quân địch mất tinh thần và củng cố lòng tin tất thắng của quân ta.

Với cái nhìn sáng suốt vốn có của một nhà cầm quân lớn, M.V. Phơ-run-dê hiểu rằng, ngay trong thắng lợi, địch vẫn bộc lộ những chỗ yếu, nếu ta biết lợi dụng thì những chỗ yếu đó có thể làm tiền đề diệt vong của bọn Côn-chắc.

Đồng chí chủ trương, trong khi kiểm chế quân đội của Côn-chắc ở phía trước mặt, phải dùng lực lượng của tập đoàn quân 1 và bộ phận tập đoàn quân 4 Tuốc-ke-xtan cấp tốc đánh mạnh vào cánh trái dài dãi của chúng, rồi tiếp tục biến cuộc phản kích đó thành cuộc phản công mạnh mẽ của chúng ta trên toàn bộ mặt trận phía đông nhằm giải phóng U-ran và Xi-bê-ri. M.V. Phơ-run-dê thấy rằng điểm yếu của quân đội Côn-chắc là ở bên cánh trái và Côn-chắc cũng không thể nhanh chóng cơ động quân chủ lực của chúng đang bị hút vào các trận chiến đấu ở trung tâm mặt trận, trên các hướng Ca-dan, Xim-biéc-xcơ, Xa-ma-ra nhằm tiến ra sông Vôn-ga.

Đề nghị của M.V. Phơ-run-dê được V.I. Lê-nin tán thành. Trung ương Đảng Cộng sản (b) Nga và Hội đồng quân sự cách mạng đã thông qua kế hoạch này.

Khi nói đến vận mạng của Tổ quốc, M.V. Phơ-run-dê không sợ bất cứ trách nhiệm nào, khó khăn nào. Trong một thời gian ngắn, đồng chí đã bố trí lại, bổ sung trang bị và chuẩn bị mọi mặt cho cụm quân phía nam. Lúc bấy giờ, trong điều kiện bị phá hoại nặng nề và đường sắt hầu như không hoạt động được, thì làm được như vậy không phải là dễ dàng.

Kể cũng cần nhắc lại đoạn văn mà sau này M.V. Phơ-run-dê viết về tình hình Phương diện quân Đông như sau:

“Quân đội của Côn-chắc đã di chuyển đến sát sông Vôn-ga, chúng ta vất vả lắm mới giữ được Ô-ren-bua bị bao vây từ ba mặt, tập đoàn quân bảo vệ ở đây luôn luôn có ý định rút lui. Ở phía nam, từ Xa-ma-ra, bọn Cô-dắc U-ran đã chọc thủng mặt trận và đang tiến lên phía bắc, uy hiếp Xa-ma-ra và đường sắt Xa-ma-ra - Ô-ren-bua. Chúng ta đã rút lui ở hầu khắp mọi nơi, nhưng

không thể nói rằng ta là bên yếu hơn. Tuy vậy vì quyền chủ động nằm trong tay bọn bạch vệ, khi thì chúng đánh ở hướng này, khi chúng đánh ở hướng kia nên đã làm cho ta nhụt chí. Đó là điều bất lợi nhất đối với ta. Không những cần phải có ý chí vững vàng mà còn phải tin chắc rằng chỉ có chuyển sang tấn công mới làm cho tình thế biến đổi, phải thực sự bắt đầu tấn công. Phải nhớ rằng lúc bấy giờ không chỉ mình quân đội có xu hướng rút lui, mà còn có áp lực từ trên Bộ Tổng tư lệnh hồi đó do đồng chí Va-xê-tít nắm. Đồng chí chủ trương cho tiếp tục rút lui... Dù vậy chúng tôi vẫn chuyển sang tấn công và bắt đầu mở những chiến dịch lưng lầy đưa đến việc đánh tan hoàn toàn bọn Côn-chắc”.

Sau những thất bại của bọn bạch vệ ở Bu-gun-ma, Bê-lê-bây và của bọn Côn-chắc ở U-pha, số lính bạch vệ đào ngũ tăng lên dữ dội. Phong trào du kích cũng lên mạnh. Sau đây là một đoạn trong cuốn nhật ký của một tên cầm đầu bộ chiến tranh của Côn-chắc viết vào tháng 5-1919: “Không nghi ngờ gì nữa, trên mặt trận của tập đoàn quân phía tây, chủ động đã lọt vào tay bọn Đỏ. Cuộc tấn công của chúng ta đã chấm dứt và tập đoàn quân đã chạy lùi về phía sau, không còn đủ sức bám giữ lấy một cái gì nữa cả... Khi rút lui, bọn lính bị động viên tại chỗ đã bỏ ngũ về làng, đem theo áo quần, trang bị và có khi cả vũ khí nữa... Bọn Đỏ có ưu thế to lớn ở chỗ chúng không ngại lấy lính cũ không cần phải tập luyện nữa để bổ sung, còn chúng ta sợ việc đó như sợ quỷ và đành phải gọi nhập ngũ toàn loại 18, 19 tuổi...”.

Và y viết tiếp:

“Mặt trận vỡ và lùi về phía sau, cần phải suy nghĩ xem ta còn có thể giữ được U-ran nữa chăng...” [1].

Trong khi cuộc phản công ở Phương diện quân Đông đang thắng lợi và quân đội Côn-chắc đang rút lui, thì tình hình ở gần U-ran-xcơ trở nên gay go. Ở đây bọn bạch vệ Cô-dắc bao vây thành phố, cắt rời thành phố khỏi cụm quân phía nam. Những người bị bao vây chống cự một cách kiên cường và không để cho địch chiếm U-ran-xcơ, nhưng tình hình quân khu này rất nghiêm trọng. V.I. Lê-nin rất chú ý theo dõi mọi biến cố ở Phương diện quân Đông. Ngày 16-6, Người gửi cho M.V. Phơ-run-dê bức điện:

“Yêu cầu chuyển lời chào nhiệt liệt của tôi đến các đồng chí đã 50 ngày anh dũng bảo vệ U-ran-xcơ bị bao vây. Mong các đồng chí giữ vững tinh thần, cố giữ thêm mấy tuần nữa. Sự nghiệp anh dũng bảo vệ U-ran-xcơ sẽ hoàn toàn thắng lợi”.

M.V. Phơ-run-dê lập tức ra lệnh điều sư đoàn 25 của Cha-pa-ép vào vùng U-ran-xcơ đang bị bao vây. Và sư đoàn vinh quang này dưới sự chỉ huy tài tình của Cha-pa-ép đã đến chi viện cho những người U-ran-xcơ.

Sư đoàn kỵ binh 1 của Mát-xcơ-va - lúc bấy giờ tôi ở trong sư đoàn này - thuộc quyền chỉ huy của M.V. Phơ-run-dê. Khi tiến đến vùng ga Si-pô-vô, chúng tôi được tin sư đoàn Cha-pa-ép đã đến U-ran-xcơ. Các chiến sĩ chúng tôi liền phấn khởi hẳn lên. Mọi người đều tin rằng bọn bạch vệ Cô-dắc sẽ bị đánh tan.

Cuộc chiến đấu đầu tiên với địch của trung đoàn chúng tôi xảy ra trên đường vào ga Si-pô-vô. Địch chống lại quyết liệt, bỏ vị trí này, chúng lại chiếm vị trí khác. Quân sê của địch đông hơn chúng tôi. Tôi còn nhớ rõ cuộc đâm chém dữ dội ở gần ga.

Một lực lượng khoảng 800 kỵ binh Cô-dắc tiến đánh chúng tôi. Khi chúng đến thật gần, một đại đội kỵ binh có súng đại bác nấp sẵn sau ụ đất liền xông ra đánh. Các chiến sĩ pháo binh, những thanh niên hiên ngang, nhảy lên, nổ súng đánh vào cạnh sườn bọn bạch vệ.

Hàng ngũ bọn Cô-dắc hoàn toàn rối loạn. Các đồng chí pháo binh, bằng hỏa lực chính xác, tiếp tục làm cho địch bị thiệt hại nặng. Cuối cùng bọn bạch vệ không chống nổi, phải rút lui về phía sau. Trận đánh thắng lợi đã nâng cao tinh thần chiến sĩ kỵ binh chúng tôi.

Những ngày đầu tháng 6 đã nổ ra nhiều trận chiến đấu ác liệt. Các đơn vị của sư đoàn tôi chiến đấu rất anh dũng nhưng tiến về phía U-ran-xcơ rất chậm.

Lúc đó chúng tôi được tin mừng: quân của Cha-pa-ép đã đánh tan bọn bạch vệ, chiếm thành phố và gặp các đơn vị bộ đội U-ran-xcơ anh hùng.

Trong khi chiến đấu giành U-ran-xcơ, tôi may mắn được gặp Mi-kha-in Va-xi-li-ê-vích Phơ-run-dê. Lúc đó đồng chí trực tiếp chỉ huy toàn chiến dịch. M.V. Phơ-run-dê đi với V.V. Quy-bi-sép đến thăm sư đoàn 25 của Cha-pa-ép. Đồng chí dừng lại trên trận địa và nói chuyện với các chiến sĩ trung đoàn tôi. Đồng chí rất chú ý đến tinh thần, việc ăn uống và vũ khí của chúng tôi. Đồng chí hỏi gia đình ở nông thôn viết thư đến nói những gì? Các chiến sĩ muốn gì? Tính giản

đi, sức lôi cuốn, đáng người đẹp đẽ của đồng chí đã chinh phục được trái tim các chiến sĩ chúng tôi.

Mi-kha-in Va-xi-li-ê-vích hết sức nồng nhiệt và thân mật kể cho chúng tôi nghe về V.I. Lê-nin, về sự chăm sóc của Người đối với tình hình ở khu vực U-ran-xơ.

- Bây giờ công việc của chúng ta đã khá rồi - M.V. Phơ-run-dê nói - Bọn bạch vệ Cô-dắc ở U-ran-xơ đã bị đánh tan và nhất định một ngày gần đây chúng ta sẽ đánh tan các bọn phản cách mạng khác. Ta sẽ đánh tan Côn-chắc, giải phóng U-ran, Xi-bê-ri và những nơi khác khỏi bàn tay bọn can thiệp và bạch vệ. Lúc đó chúng ta sẽ khôi phục Tổ quốc.

Sau này chúng tôi thường nhắc tới cuộc gặp gỡ này...

Đến tháng 3-1919, tôi ở trong nhóm cảm tình chuẩn bị vào Đảng Cộng sản (b) Nga. Hồi đó chưa quy định thời hạn dự bị gia nhập Đảng. Đến nay tôi vẫn nhớ đồng chí bí thư đảng ủy trung đoàn Tơ-rô-phi-mốp và chính ủy Vôn-cốp và rất biết ơn các đồng chí (Tôi tiếc rằng không nhớ tên các đồng chí này[2]). Các đồng chí đó đã giúp tôi hiểu sâu sắc điều lệ và cương lĩnh Đảng Cộng sản và giúp tôi phấn đấu trở thành đảng viên Đảng Cộng sản (b) Nga.

Nhóm cảm tình trong đại đội có 5 người, nhưng, dù số lượng ít, các đồng chí Tơ-rô-phi-mốp và Vôn-cốp mỗi tuần vẫn đến gặp chúng tôi ít nhất hai lần để nói chuyện về tình hình trong nước và thế giới về các biện pháp đấu tranh của Đảng trên các mặt trận. Những cuộc nói chuyện như vậy kéo dài và rất thú vị, đặc biệt là khi nói chuyện về cuộc đấu tranh của những người Bôn-sê-vích dưới chế độ Sa hoàng và về cuộc chiến đấu nảy lửa trong những ngày tháng Mười ở Pê-tơ-rô-grát, Mát-xcơ-va và những thành phố công nghiệp khác trong nước.

Mãi lúc đó mới thành lập bộ máy “công tác Đảng và công tác chính trị” trong Hồng quân. Thực ra trong quân đội và hạm đội đã có trên 7.000 chính ủy hoạt động dựa vào các chi bộ Đảng gồm trên 50.000 đảng viên. Nhưng còn rất nhiều việc phải làm: xác định nhiệm vụ của các chính ủy, thống nhất hình thức tổ chức các cơ quan Đảng được giao trách nhiệm lãnh đạo công tác chính trị trong quân đội, tập trung về một mối những hoạt động đặc biệt cần thiết và có ích đó đối với quân đội. Vào cuối năm 1918, Trung ương Đảng Cộng sản (b) Nga thông qua nghị quyết đặc biệt “Về công tác Đảng trong quân đội” trong đó Đảng kêu gọi đảng viên giáo dục quân đội về kỷ luật sắt, tinh thần hy sinh và lòng dũng cảm trong chiến đấu chống quân thù. Theo nghị quyết này, các tổ chức Đảng không còn làm chức năng kiểm soát mọi mặt đời sống của quân đội như trong thời kỳ đầu xây dựng các lực lượng vũ trang nữa.

Đảng thực hiện chính sách của mình thông qua các chính ủy, các phòng chính trị thuộc các Hội đồng quân sự cách mạng của Hạm đội và Quân đội. Các phòng này vừa là bộ máy hành chính - quân sự thuộc quyền các cấp chỉ huy quân sự vừa là cơ quan do Đảng lãnh đạo và liên kết tất cả đảng viên cộng sản trong quân đội.

Ngày 1-3-1919 tôi được gia nhập Đảng Cộng sản (b) Nga. Nhiều điều đến nay tôi đã quên đi, nhưng ngày tôi được kết nạp vào Đảng thì suốt đời tôi vẫn nhớ. Từ ấy mọi suy nghĩ, mong muốn, hoạt động của tôi đều nhằm hoàn thành nhiệm vụ người đảng viên, và khi kẻ thù xâm chiếm Tổ quốc, là người đảng viên, tôi đã ghi nhớ sâu sắc yêu cầu của Đảng là phải gương mẫu, phục vụ nhân dân hết lòng hết dạ.

Sau đó không lâu, nhiều đơn vị của sư đoàn chúng tôi từ vùng ga Si-pô-vô được phái đi tiêu diệt bọn bạch vệ ở gần thành phố Ni-cô-lai-ép-xơ. Và tháng Tám năm 1919, trung đoàn kỵ binh 4 của chúng tôi được chuyển đến ga Vla-di-mia-rốp-ca. Sư đoàn chưa được giao nhiệm vụ trực tiếp hoạt động quân sự và còn phải luyện tập chiến đấu.

Ở đây tôi được làm quen với chính ủy sư đoàn cùng họ với tôi là Giu-cốp Ghê-oóc-ghi Va-xi-li-ê-vích. Cuộc gặp gỡ diễn ra trong trường hợp sau đây. Một hôm, vào lúc sáng sớm, khi đi qua bãi quần ngựa, tôi thấy một người đang “tập cưỡi” ngựa. Đến gần, thì ra chính ủy sư đoàn. Biết không thạo động tác lên xuống ngựa, tôi dừng lại xem chính ủy làm như thế nào.

Không chú ý đến tôi, chính ủy mồm hôi tháo ra, đang thúc ngựa phi nước đại từ chân trái. Nhưng ông cố làm thế nào, ngựa cũng không tuân theo và cứ sải chân phải ra. Không kìm được nữa, tôi kêu to:

- Thu ngắn dây cương bên trái lại!

Chính ủy không nói gì, cho ngựa đi trở lại bước một, tiến đến phía tôi và nhảy xuống, bảo tôi:

- Nào, cậu thử xem!

Tôi không phải làm gì nhiều, đập tới bàn đập là đã ngồi lên yên. Đi vài vòng cho quen ngựa, rồi

tôi thúc ngựa cho chạy nước đại từ chân trái. Tôi phi một vòng - tốt, một vòng nữa - cũng tốt. Tôi lại bắt ngựa phi từ chân phải - cũng tốt. Lại bắt đổi chân trái - cũng tốt, ngựa tuân theo.
- Chân cần phải kim ngựa chặt hơn nữa - Tôi nhấn mạnh.

Chính ủy cười:

- Câu cưỡi ngựa mấy năm rồi?
- Thưa bốn năm, nhưng sao ạ?
- Câu cưỡi khá đấy?

Chúng tôi bắt chuyện với nhau. Chính ủy hỏi tôi vào bộ đội ở đâu? Đã chiến đấu ở đâu? Đến sư đoàn từ bao giờ? Vào Đảng bao lâu rồi? Chính ủy kể rằng ông gia nhập kỵ binh 10 năm. Vào Đảng từ năm 1917, ông đã đưa phần lớn trung đoàn kỵ binh quân đội cũ vào Hồng quân. Mọi việc chứng tỏ ông là một người chỉ huy chân chính.

Nhân đây tôi xin nói về một chức năng hàng đầu trong các chức năng của chính ủy mà cơ quan chính trị cụm quân phía nam, do M.V. Phơ-run-dê chỉ huy đã vạch ra. Chức năng đó được quy định như sau: Chính ủy quân đội là đại diện của chính phủ công nông, đem chính sách và tư tưởng của chính quyền Xô-viết vào thực hiện trong quân đội bảo vệ quyền lợi của quần chúng công nông chống mọi sự xâm phạm của những phần tử thù địch, phát triển kỷ luật cách mạng, giám sát việc thi hành đúng đắn các mệnh lệnh tác chiến.

Công tác của chính ủy không chỉ có việc tuyên truyền cổ động, mà trước hết là bản thân chính ủy phải gương mẫu trong chiến đấu công tác và đạo đức. Chính ủy phải biết mọi mệnh lệnh chiến đấu của cấp trên, tham gia nghiên cứu mệnh lệnh (người chỉ huy vẫn có ý kiến quyết định trong các vấn đề có tính chất khẩn cấp), nghiên cứu quân sự một cách kỹ lưỡng. Thường trước một trận đánh, chính ủy phải tập hợp cán bộ chính trị và đảng viên để giải thích nhiệm vụ do người chỉ huy vạch ra và đích thân các chính ủy phải xung phong đến những nơi nguy hiểm và quyết định nhất.

Tên tuổi và hình ảnh người chính ủy trong thời nội chiến quả thật đã xứng đáng được lưu truyền mãi mãi.

Sau này tôi còn gặp chính ủy Giu-cốp nhiều lần, chúng tôi đã nói về tình hình mặt trận và tình hình trong nước. Có một lần đồng chí đề nghị tôi chuyển sang làm công tác chính trị. Tôi cảm ơn đồng chí và nói: tôi thích công tác quân sự hơn. Ông lại khuyên tôi nên đi dự lớp đào tạo sĩ quan Hồng quân. Tôi bằng lòng ngay, nhưng không thực hiện được.

Làng Da-láp-nôi-ê ở cạnh chúng tôi bị bọn bạch vệ vượt sông Vôn-ga ở đâu khoảng giữa Choóc-nui Ya-rơ và Xa-rít-xun tiến sang đánh chiếm bất ngờ.

Cuộc chiến đấu bắt đầu trước khi lớp học khai mạc.

Sau khi Côn-chắc bị đánh tan và bọn tàn quân của chúng rút lui về Xi-bê-ri, các nước Đồng minh vẫn tiếp tục chống lại nước Cộng hòa Xô-viết. Bấy giờ tất cả hy vọng của chúng đặt vào Đê-ni-kin. Những đoàn tiếp tế vũ khí, đạn dược, lương thực không ngừng chuyển từ phương Tây đến cho quân đội chúng.

Chính phủ Pháp và Anh đã tập hợp bọn sĩ quan bạch vệ đào ngũ và bọn tù binh Nga ở trong các trại Đức lại thành mấy đội quân. Chính quyền Đức không chịu để các quân nhân Nga trở về Tổ quốc, mà ép họ gia nhập những đội quân tình nguyện để chống lại Hồng quân.

Nhưng dự định đầy ảo tưởng ấy không đưa lại cho chúng kết quả nào đáng kể. Những lính “tình nguyện” ấy hễ có cơ hội thuận lợi là chạy sang phía ta ngay. Chỉ có những kẻ căm thù chính quyền Xô-viết và coi cuộc chiến đấu chống chính quyền Xô-viết là nợ máu của chúng thì mới đánh lại ta mà thôi. Những tên chống Xô-viết vì thâm thù ấy không có là bao.

Mùa hè năm 1919, quân của Đê-ni-kin trở thành một lực lượng lớn và nguy hiểm. Nhiều đơn vị gồm toàn sĩ quan. Lấy Đê-ni-kin làm chỗ dựa chủ yếu, Đồng minh vẫn nuôi ảo vọng đối với quân đội của Côn-chắc, vẫn cố gắng hồi sức chúng lại, và khi có điều kiện thuận lợi sẽ đưa chúng ra chiến đấu chống Hồng quân từ phía đông.

Ở phía bắc, quân đội bạch vệ của Mi-le chuẩn bị cuộc hành quân mới. Bọn chúng cũng đã nhận được nhiều chuyển tàu tiếp tế quân sự của Đồng minh. Khi trở về, các chuyển tàu đó đã chở về nước chúng hàng tàu đầy da thú, cá, gỗ và những tài sản khác của miền Bắc nước ta.

Ở phía tây-bắc, bọn bạch vệ Phần Lan và quân của Yu-đê-nít cũng chuẩn bị tấn công vào Pê-tơ-rô-grát. Bọn Đồng minh hy vọng lôi kéo các nước tư bản nhỏ tiếp giáp với Cộng hòa Xô-viết vào cuộc tấn công mới chống chính quyền Xô-viết.

Qua các tổ chức chống cách mạng của bọn Men-sê-vích, bọn Xã hội cách mạng, bọn tư sản dân tộc và phú nông ở hậu phương, chúng tổ chức những cuộc nổi loạn, lật đổ, phá hoại ngầm. Chúng làm lật đổ những đoàn xe hỏa chở quân đội ra mặt trận hoặc chuyển lương thực, vũ khí và những hàng thiết yếu khác cho tiền tuyến và hậu phương.

Chúng vu khống, lừa dối, cố làm cho nhân dân mất tin tưởng ở Đảng và Chính phủ, ở Bộ Tư lệnh Hồng quân. Tiếc thay, lúc đầu đôi khi chúng cũng thu được một số kết quả. Đặc biệt là những nơi nào kinh tế bị phá hoại hoàn toàn và luật pháp Xô-viết bị vi phạm thô bạo, thì có một số nhân dân không vững đã nghiêng ngả.

Tôi muốn trình bày ở đây một bức thư của một người bạn thuở nhỏ của tôi là Pa-ven A-lếch-xan-đơr Giu-cốp. Tôi nhận được lá thư đó ở Xa-ri-xun và tôi vẫn giữ mãi đến nay.

“Bạn Ghê-oóc-ghi thân mến! Sau khi cậu gia nhập Hồng quân, hầu như tất cả bè bạn và người quen của chúng ta, cũng được gọi nhập ngũ. Tớ lại không may. Đáng lẽ vào bộ đội tác chiến thì người ta lại phải tớ đến tỉnh Vô-rô-ne-giơ cùng với đội đi thu lương, thu lúa mì của bọn phú nông. Tất nhiên việc này cũng cần, nhưng tớ là lính, biết chiến đấu và tớ nghĩ: những người chưa qua trường quân sự có thể thay tớ công tác ở đây được. Nhưng không phải tớ muốn viết cho cậu về vấn đề này.

Cậu có nhớ chúng ta đã tranh luận và bất đồng với nhau về bọn Xã hội cách mạng không? Hồi đó tớ cho chúng là bạn dân, chiến đấu chống Sa hoàng vì quyền lợi nhân dân, trong đó có quyền lợi của nông dân. Bây giờ thì tớ đồng ý với cậu. Chúng là đồ dê tiện! Chúng không phải là bạn dân mà là bạn của phú nông. Chúng là người tổ chức mọi hành động chống Xô-viết, chúng ăn cướp.

Mới đây, bọn phú nông địa phương, do bọn Xã hội cách mạng bí mật lãnh đạo, đã tấn công vào đội vệ binh của đội thu lương lúc chúng tớ đang đi áp tải đoàn ngựa chở lúa mì. Chúng đã hành hạ họ rất dã man. Chúng đã giết mất người bạn tốt nhất của tớ là Cô-lia Ga-vri-lốp. Cậu ấy là người ở gần Ma-lô-ya-rô-xla-vét. Còn một cậu bạn khác của tớ là Xê-mi-ôn I-va-nhi-sin thì bị chúng đâm lòi mắt, chặt cánh tay phải và vứt ra đường. Tình trạng cậu ta rất nguy ngập, bị bệnh hoại thư, chắc là sẽ chết thôi. Tội nghiệp cậu thanh niên đẹp trai và nhảy múa rất giỏi ấy. Chúng tớ quyết phải trả mối thù này và ghi nợ đó đến suốt đời. Bạn của cậu. Pa-ven”.

Sau bức thư này, một thời gian lâu lắm tôi không biết số phận của Pa-ven Giu-cốp ra sao. Mãi đến năm 1922 mới biết là cậu ấy bị bọn phú nông giết ở một nơi nào đó trong tỉnh Tam-bốp... V.I Lê-nin, Trung ương Đảng và Chính phủ đã tính đến nguy cơ nghiêm trọng mới gây ra ở phía nam này và đã ra nhiều nghị quyết quan trọng.

Ngày 3 và 4 tháng Sáu năm 1919, Hội nghị toàn thể Trung ương Đảng Cộng sản (b) Nga họp. Hội nghị đã chú ý nhiều đến công cuộc bảo vệ Tổ quốc và tình hình ở mặt trận phía nam, coi mặt trận phía nam là mặt trận chính của nước Cộng hòa. Tại hội nghị liên tịch Ban Chấp hành trung ương Đảng toàn Nga, Hội đồng trung ương các công đoàn Liên Xô và Xô-viết Mát-xcơ-va, V.I. Lê-nin đọc báo cáo về tình hình ở mặt trận và nhiệm vụ thanh toán cuộc tấn công của Đê-ni-kin. Lúc đó vấn đề thu nhận các chuyên gia quân sự cũ vào Hồng quân và vấn đề đối xử thận trọng hơn đối với họ lại được đặt ra.

“Hàng trăm và hàng trăm chuyên gia quân sự đã phản bội và sẽ phản bội chúng ta... - Một bức thư của Ban Chấp hành trung ương Đảng Cộng sản (b) Nga viết - Nhưng hiện nay ta có hàng ngàn, hàng vạn chuyên gia quân sự đang công tác một cách đều đặn và lâu dài, thiếu họ thì không thể từ một tổ chức lộn xộn vô kỷ luật lớn mạnh lên thành một đội Hồng quân có thể và đã giành được những thắng lợi rực rỡ ở phía đông. Những người có kinh nghiệm trong Bộ chỉ huy quân sự của ta đã chỉ ra rất đúng rằng: ở đâu thực hiện nghiêm chỉnh chính sách của Đảng đối với chuyên gia quân sự và chủ trương trừ bỏ lề thói du kích, ở đâu có kỷ luật chặt chẽ, ở đâu công tác chính trị và công tác của chính ủy được thực hiện đầy đủ... thì ở đấy số chuyên gia quân sự có ý định làm phản ấy càng ít khả năng thi hành âm mưu của chúng, ở đấy không có hiện tượng vô kỷ luật, ở đấy tổ chức và tinh thần cũng cao hơn, ở đó càng có nhiều thắng lợi”. Khi nhớ lại lúc làm việc chung với các sĩ quan quân đội cũ, tôi thấy rằng phần lớn họ là những người thật thà, tốt bụng và trung thành với Tổ quốc. Trong chiến đấu với quân thù, khi cần, họ đã không chút do dự, sẵn sàng hy sinh tính mạng một cách dũng cảm, vẻ vang. Song họ có một thiếu sót là không gần gũi các chiến sĩ. Họ vẫn giữ nguyên một cái gì đặc biệt, không hòa mình được với quần chúng Hồng quân, chỉ có một số ít đã trở thành người chỉ huy, thủ trưởng và

đồng thời là người bạn lớn tuổi của các chiến sĩ. Tôi còn nhớ, trong tổ chức Đảng, nhiều lần chúng tôi đã nói về mối quan hệ với các sĩ quan cũ, và chúng tôi đã tìm mọi cách để có đủ lòng tin cậy vào các chuyên gia quân sự. Tất nhiên là trong số các đảng viên cũng có những người hay la lối, họ cho rằng những người đó là “bọn đối lập quân sự”, rằng những sĩ quan cũ chủ yếu là bạch vệ rằng họ không thể hòa hợp với chế độ xô-viết, còn kỷ luật và điều lệnh nội vụ chặt chẽ thì họ lại cho là trật tự của chế độ nông nô. Nhưng như mọi người đã biết, quan điểm “bọn đối lập quân sự” đã bị Đại hội Đảng lần thứ VIII bác bỏ bằng đa số tuyệt đối.

Các chuyên gia quân sự đã chú ý theo dõi công việc Đại hội Đảng lần thứ VIII và họ đã hiểu rằng Đảng đã tin tưởng họ, đánh giá đúng họ và chăm sóc đến họ. Họ càng gần gũi quần chúng Hồng quân và các tổ chức Đảng hơn. Đội ngũ cán bộ chỉ huy là sĩ quan quân đội Sa hoàng đã trở nên tích cực và nghiêm khắc hơn đối với kỷ luật và công tác phục vụ trong quân đội. Điều đó được thể hiện rõ ràng ở tinh thần sẵn sàng và khả năng chiến đấu chung của họ.

Những mưu toan làm cho Đảng mất tin tưởng ở các sĩ quan cũ đã bị các chính ủy, cán bộ làm công tác Đảng và công tác chính trị, và thậm chí cả các chiến sĩ Hồng quân kiên quyết ngăn chặn.

Đại hội VIII của Đảng Cộng sản (b) Nga (tháng 3-1919) đã chú ý nhiều đến Hồng quân. Thực chất chính sách quân sự của Đảng là hoàn thành càng nhanh càng tốt việc chuyển quân đội từ chế độ tình nguyện và bán du kích thành một quân đội chính quy thường trực tinh nhuệ có kỷ luật sắt, có một hệ thống trang bị, tổ chức và chỉ huy thống nhất. Những quan điểm nền tảng ấy đã được trình bày trong báo cáo và các bài phát biểu của V.I. Lê-nin, trong Cương lĩnh mới của Đảng và nghị quyết về quân sự đã được Đại hội thông qua.

Cuộc sống đã chứng minh sự đúng đắn của các nghị quyết Đại hội VIII và những biện pháp sau này của Đảng về việc củng cố hàng ngũ Hồng quân. Những nghị quyết đó có ý nghĩa vô cùng quan trọng bởi vì kẻ thù đang cố gắng hết sức nhằm bóp chết nhà nước Xô-viết.

Sau khi quân đội của Ê-đi-kin chiếm Xa-ri-xun, Bô-ri-xô-glép-xcơ, Ba-la-sốp, Cra-xnô-grát và những vị trí quan trọng khác, Đồng minh thúc Ê-đi-kin tiến về Mát-xcơ-va. Được các điệp viên của chúng báo cho biết về việc chuẩn bị phản công của Hồng quân, Ê-đi-kin vội vàng mở trước những cuộc tấn công tập trung để phá vỡ việc chuẩn bị của ta và giành thế chủ động cho chúng.

Tháng 8-1919, quân đoàn kỵ binh của Ma-môn-tốp chọc thủng mặt trận của tập đoàn quân 8 ở vùng Nô-vô-khốp-xcơ và tiến vào hậu phương của Phương diện quân Nam tới Tam-bốp là nơi có những căn cứ lớn của ta. Lúc bấy giờ Ê-đi-kin tung quân đoàn của Cu-tê-pốp vào chỗ tiếp giáp của các tập đoàn quân 13 và 14, chúng bắt đầu đẩy các đơn vị của chúng ta về phía Cuốc-xcơ và Vô-rô-giơ-be.

Nhưng Ê-đi-kin không phá được cuộc phản công của ta.

Tháng 9, các trận đánh ác liệt lại diễn ra ở Xa-ri-xun.

Khi chiến đấu với các đơn vị của tập đoàn quân Cáp-ca-dơ của địch ở vùng Bác-ti-a-rốp-ca, Da-pláp-nôi-ê, chúng tôi nghe rất rõ tiếng đại bác ở vùng Xa-ri-xun và trên các đường từ phía Ca-mư-sin vào Xa-ri-xun. Trong trận chiến đấu giành Xa-ri-xun, tập đoàn quân Cáp-ca-dơ của địch bị thiệt hại nặng, nhưng cả quân ta cũng bị thương vong nhiều.

Trong nửa đầu tháng 9, cuộc chiến đấu lại càng quyết liệt nhưng lần này vận động mạnh mẽ hơn và làm thay đổi hẳn tình hình.

Trong tháng 10, gần Xa-ri-xun, nơi binh đoàn kỵ binh 4 chúng tôi đóng, cuộc chiến đấu diễn ra có tính chất cục bộ và chúng tôi chỉ biết những nét chung về các biến cố lớn xảy ra ở hướng Mát-xcơ-va.

Trong một trận đánh ở khoảng giữa Da-pláp-nôi-ê và Ác-tu-ba trong khi đánh giáp lá cà với bọn bạch vệ Cáp-mút-xki, tôi bị thương vì thủ pháo, Các mảnh đạn xuyên sâu vào chân và sườn trái của tôi, tôi được đưa về trạm quân y lưu động. Ở trạm xá ra tôi rất yếu và được nghỉ một tháng cho lại sức.

Tôi về quê thăm cha mẹ. Nhân dân làng tôi đang ở trong tình trạng rất khó khăn, nhưng họ không hề phàn nàn. Bần nông được tổ chức vào ủy ban bần nông hoạt động rất tích cực góp phần vào việc thu lúa mì của bọn phú nông. Trung nông mặc dù tình hình mặt trận khó khăn, gian khổ, nhưng ngày họ càng ngả về phía chính quyền Xô-viết. Chỉ có một số ít phản ứng tiêu

cực đối với các biện pháp của Đảng và Chính phủ. Số này chủ yếu là trung nông lớp trên, về mặt tài sản, họ đi gần với phú nông.

Thời gian nghỉ phép trôi qua rất nhanh, tôi đến ủy ban quân sự địa phương và yêu cầu gửi tôi về đơn vị chiến đấu. Nhưng vì thể lực còn yếu nên tôi được đưa về một tiểu đoàn hậu bị ở Tơ-ve và sau đó được cử đi học lớp cán bộ Hồng quân.

Lớp kỵ binh Ria-dan đầu tiên mà tôi đến công tác vào tháng Giêng năm 1920 đóng ở Xta-rô-giư-lốp tỉnh Ria-dan trên một khoảnh đất cũ của địa chủ.

Học sinh được tuyển lựa chủ yếu là kỵ binh có thành tích xuất sắc trong chiến đấu. Tôi được giao làm nhiệm vụ tiểu đội trưởng học viên ở đại đội 1. Việc này tôi đã quen thuộc từ khi ở trong quân đội cũ.

Đại đội trưởng đại đội học viên là V.Đ.Khơ-lam-xép giao cho tôi nhiệm vụ dạy các học viên về giáo, kiếm, đâm lê, thể dục và đội ngũ. V.Đ. Khơ-lam-xép là một sĩ quan cũ trong quân đội Sa hoàng, luôn luôn là người lôi cuốn và làm gương cho học viên. Chủ nhiệm huấn luyện đội ngũ là G.X. Ê-xnít-xki cũng xứng đáng với chức vụ của ông. Cán bộ chỉ huy đơn vị phần lớn là những sĩ quan - chuyên gia quân sự cũ. Họ công tác rất nhiệt tình, nhưng có phần hình thức "cứng nhắc". Các tổ chức Đảng và cơ quan chính trị của lớp học làm nhiệm vụ giáo dục tư tưởng, còn giáo dục phổ thông thì do các nhà giáo quân sự hóa đảm nhiệm. Môn kinh tế chính trị học do các giáo viên mới được đào tạo gần đây giảng, nhưng họ cũng thường "bơi" trong vấn đề này, họ sai không kém gì chúng tôi.

Phần lớn học viên không được học đầy đủ chương trình giáo dục phổ thông. Vì họ được chọn từ trong công nhân, nông dân, những người trước cách mạng thường không biết chữ. Nhưng họ phải học bù lại, họ cố gắng học vì họ biết rằng thời gian học tập ngắn, lại phải học nhiều để trở thành người sĩ quan Hồng quân xứng đáng.

Giữa tháng 6 chúng tôi được gấp rút đưa lên tàu. Không ai biết chúng tôi sẽ đi đâu. Chỉ thấy là chúng tôi đi về phía Mát-xcơ-va. Đến Mát-xcơ-va cả lớp tập trung ở trại Lê-pho-tốp-xki, ở đây đã có các học viên Tơ-ve và Mát-xcơ-va đóng sẵn rồi. Chúng tôi được phổ biến rằng các lớp sẽ được biên chế thành một lữ đoàn hỗn hợp và được gửi ra mặt trận để đánh Vran-ghen. Chúng tôi được phát mọi trang bị và vũ khí cần thiết. Trang phục cho người và ngựa hoàn toàn mới, trông bề ngoài rất đẹp.

Ở Mát-xcơ-va tôi có rất nhiều bạn và người quen. Trước khi ra mặt trận tôi muốn gặp họ một chút, đặc biệt là những người mà tôi vẫn hằng nhớ nhung, quyến luyến, nhưng rất tiếc là tôi không được đi thăm người nào cả. Các chỉ huy đại đội thường bận việc phải đi vắng và giao đại đội cho tôi. Tôi đành viết thư cho những người quen mà thôi, không thể đến thăm họ được. Tôi không hiểu có phải vì vậy hay vì lý do khác, giữa tôi và Ma-ri-a có sự bất hòa. Và sau đó tôi được tin là cô ta đã đi lấy chồng, từ đó đến nay tôi không gặp lại cô ta nữa.

Tháng 8, trung đoàn học viên hỗn hợp chúng tôi được phái đến Cra-xnô-đa để từ đó tấn công quân của Vran-ghen.

Đến mùa hè năm 1920 thì rõ ràng là bọn tư sản, địa chủ Ba Lan, tuy còn tạm thời thắng lợi, nhưng chắc gì chúng đã có thể tiếp tục chiến tranh với nước Nga Xô-viết. Lúc đó số lượng Hồng quân đã vượt xa con số 3 triệu người. Vì vậy các chính phủ Đồng minh thỏa thuận với nhau mở thêm một cuộc hành quân thứ ba chống Xô-viết nữa, ngoài lực lượng vũ trang của bọn tư sản Ba Lan, chúng còn dựa thêm vào lực lượng của Nam tước Vran-ghen tổ chức ở Crum. Chúng hứa sẽ giúp đỡ không hạn chế cho Vran-ghen. Còn bản thân Vran-ghen hứa rằng Sa hoàng sau này sẽ trả tất cả số chi phí của đồng minh.

Tháng 5-1920, quân đội Vran-ghen đã có tới gần 13 vạn bộ binh và 4 ngàn rưỡi kỵ binh. Nhưng con số đó chưa đủ để triển khai hoạt động rộng rãi nhằm chống lại Nhà nước Xô-viết. Ở khu vực Crum, Vran-ghen không tìm được nguồn bổ sung nào và quyết định tấn công vào bắc Ta-vri-a. Nhưng ở đây Vran-ghen không thu được kết quả: hắn không thể tấn công lên Đôn-bát và sông Đông được.

"Nguồn bổ sung duy nhất - Vran-ghen viết trong bản hồi ký của mình - chỉ có thể là đất Cô-dắc... Khi các tập đoàn quân của tướng Ê-ni-kin bị đánh tan, hàng ngàn lính Cô-dắc đã giải tán về nhà đem theo cả ngựa, vũ khí và trang bị. Dự trữ chiến đấu to lớn còn nằm ở bắc Cáp-ca-dơ và ở vùng sông Đông... Các vùng này có nhiều tài nguyên địa phương... Điều đó buộc chúng ta phải chuyển cuộc chiến đấu sang vùng Cô-dắc".

Vran-ghen tính rằng có thể phát động phong trào thổ phỉ bạch vệ ở Cu-ban và hấn hy vọng vào cái gọi là quân đội “phục hồi nước Nga” do tướng Phô-xti-cốp chỉ huy. Nhưng hấn đã đánh giá quá cao lực lượng này. Tưởng rằng điều mong muốn của chúng sẽ biến thành sự thật, nhưng Vran-ghen đã sai lầm vì hấn xem phong trào chống đối chính quyền Xô-viết ở Cu-ban của bọn phú nông là phong trào nhân dân.

Lúc này phần lớn bọn Cô-dắc ở vùng Cu-ban nghĩ rằng bọn cầm đầu bạch vệ và “chính phủ tối cao” sẽ đem trợ cấp của Đồng minh đến cho chúng.

Các cán bộ chỉ huy, chính ủy và các chiến sĩ Hồng quân của ta làm mọi cách để giải thích cho những người Cu-ban hiểu rõ mục đích chiến đấu thực sự của ta và sự cần thiết phải nhanh chóng tiêu diệt bọn chống lại Xô-viết.

Đồng thời các gia đình Cô-dắc nghèo và gia đình Hồng quân được giúp đỡ nhiều về mọi mặt. Phần công tác dân vận này có tầm quan trọng đặc biệt, vì trước khi Hồng quân đến, bọn bạch vệ đã áp bức dân nghèo hết sức nặng nề, chúng đã cướp của họ đến miếng bánh mì cuối cùng và đã ngược đãi họ.

Tôi còn nhớ, một buổi tối, chính ủy sư đoàn đến đại đội tôi và đề nghị chúng tôi làm việc giúp các gia đình bần nông và gia đình Hồng quân ít hôm để sửa lại nhà cửa, vườn tược và nông cụ cho họ.

Tất cả chúng tôi đều nhiệt liệt tán thành.

Chính ủy của chúng tôi nhận thấy phần khó khăn nhất là dọn giếng công cộng, mà trước đây bọn bạch vệ đã bỏ xuống đấy biết bao nhiêu thứ rác rưởi. Giếng khá sâu, khi ông ta lặn xuống đến đáy thì suýt bị ngạt. người ta kéo ông lên, ông chỉ còn thở thoi thóp nhưng nghỉ một chút, ông lại ra lệnh thả ông xuống. Được một lúc ông lại phải trở lên và cứ thế tiếp tục cho đến khi giếng được dọn sạch. Tối đến, cả làng đều trầm trồ về tinh thần dũng cảm của chính ủy.

Sau khi công việc đã xong xuôi, những người Cô-dắc đã mời chúng tôi ăn một bữa cơm thân mật với họ. Trong bữa ăn đó, chúng tôi và nhân dân nói chuyện rất chân tình, họ cảm ơn chúng tôi đã giúp đỡ họ. Và không khỏi có chuyện buồn cười. Có một nhóm học viên được giao nhiệm vụ sửa nhà kho và bếp cho một người đàn bà góa Cô-dắc thì họ lại đi làm việc cho một nhà phú nông cùng họ. Chuyện đó làm mọi người phì cười, nhưng “những kẻ mắc sai lầm” lại rất buồn.

Tháng 8, trung đoàn học sinh hỗn hợp của chúng tôi được tung ra đánh lại cuộc đổ bộ của tướng U-la-gai trong quân đội Vran-ghen, sau đó chiến đấu chống bọn phiến loạn Phô-xti-cốp và Crư-gia-vlốp-xki. Bọn phiến loạn bị đánh tan một cách nhanh chóng. Tàn quân của chúng tôi được chính phủ Men-sê-vích Gru-di-a che chở cho chạy trốn.

Chúng tôi không phải tham gia chiến dịch cuối cùng đánh tan Vran-ghen ở Crưm, vì học sinh giỏi được ra trường trước thời hạn và đưa đến bổ sung cho các đơn vị kỵ binh bị mất nhiều cán bộ chỉ huy trong các trận chiến đấu với Vran-ghen.

Lễ bế mạc được tổ chức ở thành phố Ác-ma-via, nơi có cơ quan tham mưu đã chiến của tập đoàn quân 9. Những học sinh còn lại trong trung đoàn hỗn hợp được phái đi truy kích bọn phi chạy vào núi Cáp-ca-dơ. Sau đó ít lâu, chúng tôi được tin trung đoàn học sinh bị phục kích tại một nơi trong núi Cáp-ca-dơ và bị thiệt hại nặng. Nhiều cán bộ chỉ huy và chiến sĩ đã bị bọn phi hành hạ rất dã man. Đồng chí chính ủy mà tất thấy chúng tôi đều yêu mến cũng đã hy sinh. Phần lớn số học sinh tốt nghiệp được phái tới lữ đoàn kỵ binh độc lập 14 đóng ở làng Nô-vô-giê-rê-li-ép-cai-a và tiếp tục chiến dịch tiêu diệt bọn tàn quân của U-la-gai và bọn thổ phỉ ở đấy. Tôi được sung vào trung đoàn kỵ binh 1 do người sĩ quan Cô-dắc sông Đông cũ là An-đrây-ép chỉ huy. Ông ta là một người dũng cảm và là một tay kiếm giỏi. Một số bạn cùng lớp với tôi cũng được đưa về trung đoàn này là Gô-rê-lốp, Mi-khai-lốp và U-khát ô-gô-rô-vích (tiếc rằng tôi không nhớ tên).

Đến cơ quan tham mưu, xuất trình giấy tờ xong, chúng tôi được đồng chí trung đoàn trưởng tiếp. Nhìn vào những chiếc quần đỏ chúng tôi đang mặc, đồng chí nói một cách không hài lòng:

- Các chiến sĩ của tôi không ưa những người chỉ huy mặc quần đỏ.

Bây giờ làm thế nào? Chúng tôi chỉ có một loại quần. Các loại khác, học sinh chúng tôi không được phát. Không hiểu sao vẫn không tin chúng tôi, đồng chí nói tiếp:

- Chiến sĩ của chúng tôi là những người đã từng trải, họ không thích những người chưa từng chiến đấu. .

Sau đó, đồng chí bắt đầu chất vấn - tôi xin nói thẳng - không lịch sự lắm: người nào sinh đẻ ở

đâu? Đảng viên hay ngoài Đảng? Đã chiến đấu chưa? Bao giờ, ở đâu? v.v... Khi biết được chúng tôi không những là người đã từng chiến đấu mà có người đã tham gia Thế chiến thứ nhất, đồng chí mới yên lòng hơn.

Đến đại đội, chúng tôi gặp đại đội trưởng Vi-nép-xki. Thoạt nhìn, chúng tôi không thích anh lắm. Vi-nép-xki gây cho chúng tôi cảm tưởng anh là người không quan tâm đến công việc của đơn vị mình. Không rời khỏi cuốn sách đang đọc, không chú ý chúng tôi là người như thế nào, có khả năng gì. Anh cũng không nói gì về những người mà chúng tôi sẽ gặp và sắp tới có thể sẽ cùng với họ đi chiến đấu. Anh uể oải ra lệnh:

- Đồng chí Giu-cốp đi tiếp nhận trung đội 2 của đồng chí A-ga-pốp còn đồng chí U-khát ô-gô-rô-vích đến chỉ huy trung đội 4.

Tìm được trung đội 2, tôi đến gặp A-ga-pốp, quyền chỉ huy trung đội. Anh là một người đứng tuổi, trước đây là một kỵ binh thường của quân đội cũ đã tham gia Thế chiến thứ nhất. Mới buổi đầu quen nhau, tôi đã có cảm tình với con người giản dị và tốt bụng này.

Rút bản danh sách trung đội từ trong túi ra đưa cho tôi, anh giới thiệu trung đội gồm có 30 người. A-ga-pốp nói:

- Trong trung đội đều là các chiến sĩ cũ, trừ ba, bốn người. Đều là chiến sĩ xuất sắc cả, tất nhiên, họ cũng có phần ương bướng, cần phải biết lãnh đạo họ.

Và anh kể cho tôi nghe tỉ mỉ về từng người:

- Goóc-scốp, một chiến sĩ can đảm, hết sức tự do nhưng trong chiến đấu cũng nhất đấỵ. Đối với anh ta không nên to tiếng, khi anh ta cáu, cần phải khen anh ta nhiều hơn và chỉ cho anh ta những cái sai một cách thân tình tay đôi. Ca-xi-a-nốp - bắn súng máy, người Vô-rô-ne-giơ, một chiến sĩ tốt. Trong chiến đấu không cần giao nhiệm vụ cụ thể, anh ta nhận thức rất rõ mục tiêu nào cần phải tiêu diệt trước hết. Ca-da-kê-vích, Cô-va-lép, Xa-prư-kin là ba người bạn không rời nhau, chiến đấu tốt, nhưng hay đi chơi. Có thể và cần phải quở trách trước đơn vị, dọa đưa lên chính ủy trung đoàn. Chính ủy trung đoàn rất nghiêm và không ưa những người nào không giữ danh dự chiến sĩ Hồng quân.

Cứ như vậy A-ga-pốp kể cho tôi nghe hết từng chiến sĩ. Tôi rất cảm ơn anh về những điều anh đã kể cho tôi nghe.

Sau đó anh ra lệnh tập hợp toàn đơn vị (cả ngựa) để giới thiệu tôi.

Sau khi chào trung đội xong tôi nói:

- Các đồng chí, tôi được cử đến chỉ huy các đồng chí. Tôi là chỉ dù giỏi hay dở, các đồng chí là chiến sĩ tốt hay tồi, sau này chúng ta sẽ biết nhau. Bây giờ tôi muốn xem ngựa và trang bị của các đồng chí như thế nào và tôi sẽ làm quen với từng người.

Trong khi duyệt đơn vị, một số chiến sĩ chăm chú nhìn chiếc quần đỏ của tôi. Thấy thế, tôi nói:

- Đồng chí An-đrây-ép, trung đoàn trưởng đã nói cho tôi biết các đồng chí không ưa quần đỏ. Các đồng chí biết không? Tôi không có quần nào khác. Chính quyền Xô-viết cho tôi sao, tôi mặc vậy. Màu đỏ là gì, như các đồng chí đã biết, nói chung đó là màu cách mạng, đó là biểu hiện của cuộc chiến đấu của nhân dân lao động giành tự do và độc lập...

Hôm sau, cả trung đội tập hợp trong trại, tôi đề nghị các chiến sĩ tự giới thiệu. Một lúc lâu, cuộc nói chuyện vẫn rời rạc. Chiến sĩ bắn súng máy Ca-xi-a-nốp nói:

- Kể gì bây giờ? Ai ở đâu? Chúng tôi là người như thế nào? Trong danh sách của trung đội đã có hết.

Khi đó tôi kể tất cả những điều mà tôi đã biết về các cuộc chiến đấu chống bọn bạch vệ và Vran-ghen ở bắc Ta-vri-a. Các chiến sĩ chăm chú lắng nghe. Đặc biệt họ quan tâm đến việc quân đội Đồng minh có đổ bộ lên nước ta không? Tôi trả lời: các chính phủ Đồng minh muốn đổ quân lên nhưng nhân dân và quân đội các nước Đồng minh lại không muốn chiến đấu chống chúng tôi.

Mấy hôm sau trong chiến dịch quét bọn tàn quân phỉ ra khỏi vùng Pri-moóc-xki tôi dẫn đầu đơn vị đi chiến đấu. Cuộc chiến đấu kết thúc thắng lợi. Bọn phỉ bị tiêu diệt, một số bị bắt làm tù binh và quan trọng nhất là trung đội tôi không có ai bị thương vong cả.

Sau trận chiến đấu, không ai nói gì về chiếc quần đỏ của tôi nữa. Không bao lâu tôi được cử lên chỉ huy đại đội 2 trung đoàn kỵ binh 1.

Cuối tháng Chạp năm 1920, cả lữ đoàn được phái đến tỉnh Vô-rô-ne-giơ để tiêu diệt bọn phú nông nổi loạn và bọn phỉ Cô-lét-nhi-cốp. Bọn phỉ này nhanh chóng bị đánh tan. Bọn tàn quân

chạy sang tỉnh Tam-bốp và câu kết với bọn phú nông xã hội cách mạng An-tô-nốp. Tôi xin kể một ít về tên An-tô-nốp, đầu sỏ cuộc nổi loạn của bọn phú nông xã hội cách mạng này.

An-tô-nốp đẻ trong một gia đình lai tạp ở thành phố Kiéc-xa-nốp, tỉnh Tam-bốp. Học ở trường chuyên nghiệp, nhưng vì tư cách xấu và hành động lưu manh nên bị đuổi. Hắn rời Kiéc-xa-nốp, nhập bọn với những tên tội phạm, làm nghề ăn cướp, nhiều lần giết người. Năm 1906, An-tô-nốp vào đảng xã hội cách mạng. Vì phạm tội nên bị đày đi xi-bê-ri. Hắn trở về Tam-bốp năm 1917 vào lúc Cách mạng tháng Hai. Sau đó hắn làm cảnh sát trưởng quận Kiéc-xa-nốp. An-tô-nốp sắp xếp tay chân của hắn vào khắp nơi. Bè lũ của hắn là mấy tên xã hội cách mạng nổi tiếng Ba-gie-nốp, Mác-nê-vích, Dô-ép và Lô-si-nin.

Tháng 8-1920, An-tô-nốp đã tụ tập được một đội phỉ lớn. Sau khi chiếm được một khu đông dân cư, bọn An-tô-nốp liền xây dựng ngay những toán mới. Các toán phỉ của chúng dần dần tập hợp lại thành những trung đoàn quân số gần một ngàn người.

Lực lượng tấn công chủ yếu của An-tô-nốp là những trung đoàn kỵ binh với quân số từ 1.500 đến 5.000 người.

Cuối năm 1920, các đội phỉ của An-tô-nốp đã tập hợp lại thành một "tập đoàn quân". Bộ tham mưu tập đoàn quân bao gồm những tên xã hội cách mạng cũ như Bô-gu-xláp-xki, Gu-xa-rốp, Tốc-ma-cốp, còn An-tô-nốp là tham mưu trưởng. Không bao lâu chúng đã lập tập đoàn quân thứ hai. Mọi quyền hành quân sự vẫn nằm trong tay An-tô-nốp. Các đơn vị được trang bị bằng súng máy, súng trường, súng lục và kiếm.

Ban chấp hành trung ương đảng xã hội cách mạng cầm đầu tổ chức lãnh đạo cuộc nổi loạn của bọn phú nông xã hội cách mạng. Nhiệm vụ chính của chúng là lật đổ chính quyền Xô-viết. Còn nhiệm vụ trước mắt của bọn An-tô-nốp là:

- Phá hoại việc thực hiện nghĩa vụ cung cấp lương thực và các nghĩa vụ khác do chính quyền Xô-viết đề ra;

- Tiêu diệt các người đại diện của Đảng Cộng sản (b) Nga và chính quyền Xô-viết;

- Tấn công vào những đơn vị nhỏ của Hồng quân để cướp vũ khí;

- Phá hoại đường sắt, kho tàng và các căn cứ Hồng quân.

Xuất phát từ những nhiệm vụ đó, bọn An-tô-nốp thi hành chiến thuật:

- 1- Tránh chiến đấu với các đơn vị lớn của Hồng quân;

- 2- Khi nào chắc thắng và nhất thiết có lực lượng trội hơn thì mới đánh;

- 3- Khi cần thiết chia thành đơn vị nhỏ để thoát khỏi tình trạng bất lợi, khó khăn và rút lui về nhiều hướng rồi tập trung lại một chỗ đã định trước.

Tháng Chạp năm 1920, Chính phủ Xô-viết thành lập Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Tam-bốp để tiêu diệt bọn phỉ. Đến ngày 1-3-1921, lực lượng của Bộ chỉ huy tỉnh Tam-bốp có 32.500 bộ binh, 7.948 kỵ binh, 463 súng máy và 63 cỗ pháo. Đến 1-5, lực lượng ấy tăng thêm 5.000 bộ binh và 2.000 kỵ binh nữa. Nhưng do Bộ chỉ huy tỉnh Tam-bốp thiếu khả năng tổ chức và không cương quyết nên không tiêu diệt được bọn phỉ An-tô-nốp.

An-tô-nốp đích thân lĩnh đội nhập nhiều lần vào các đồn trại của Hồng quân. Chẳng hạn như vào đầu tháng Tư năm 1921, một đội quân 5.000 người của An-tô-nốp đã phá tan một doanh trại và chiếm Ra-xca-dô-vô. Lần ấy, cả một tiểu đoàn của ta đã bị bắt làm tù binh.

Sau đó không bao lâu, đồng chí M.N. Tu-kha-chép-xki, trước là trung úy quân đội Sa hoàng, vào Đảng Cộng sản (b) Nga năm 1918, được cử đến chỉ huy các đơn vị làm nhiệm vụ chống bọn An-tô-nốp.

Chúng tôi được nghe người ta khen nhiều về Mi-kha-in Ni-cô-lai-ê-vích Tu-kha-chép-xki, đặc biệt là về trình độ nắm vững các vấn đề chiến lược, chiến dịch và các chiến sĩ đều vui mừng vì sẽ có một vị tướng tài như vậy chỉ huy mình.

Tôi gặp M.N. Tu-kha-chép-xki lần đầu ở Gia-đép-ca ở Tam-bốp-sin, khi đồng chí đến thăm ban tham mưu lữ đoàn kỵ binh độc lập 14 của chúng tôi. Tôi cũng có mặt trong cuộc nói chuyện giữa đồng chí và lữ đoàn trưởng của chúng tôi. Qua những ý kiến nhận xét của M.N. Tu-kha-chép-xki, người ta cảm thấy đồng chí có những hiểu biết rộng và có những kinh nghiệm lãnh đạo các chiến dịch lớn của một vị tướng cầm quân có tài.

Sau khi thảo luận về những hoạt động trước mắt của lữ đoàn, Mi-kha-in Ni-cô-lai-ê-vích nói chuyện với các chiến sĩ và cán bộ chỉ huy. Đồng chí chú ý hỏi những ai đã chiến đấu ở đâu, tình

hình các đơn vị và nhân dân thế nào, những việc làm có ích của chúng tôi đối với nhân dân địa phương ra sao.

Trước khi đi, đồng chí nói :

- Vla-di-mia I-lích Lê-nin cho rằng, cần phải nhanh chóng tiêu diệt bọn phú nông nổi loạn và bọn phỉ vũ trang của chúng. Chúng ta được giao một nhiệm vụ rất quan trọng. Cần phải làm tất cả để hoàn thành nhiệm vụ một cách nhanh chóng và tốt nhất.

Tôi có biết đâu, chỉ sau đó mấy năm thôi, tôi đã được gặp Mi-kha-in Ni-cô-lai-ê-vích ở Bộ Ủy viên nhân dân quốc phòng trong buổi thảo luận về cơ sở lý luận của nghệ thuật sử dụng chiến thuật của Quân đội Xô-viết!

Sau khi M.N. Tu-kha-chép-xki và V.A. An-tô-nốp Ốp-xen-cô được cử đến chỉ huy thì cuộc chiến đấu chống bọn phỉ được tiến hành theo một kế hoạch rất đúng. Phụ tá của Tu-kha-chép-xki là đồng chí I.P. U-bô-rê-vích. I.P. U-bô-rê-vích đồng thời phụ trách chỉ huy một đơn vị kỵ binh hỗn hợp và bản thân đồng chí cũng trực tiếp tham gia các trận đánh bọn An-tô-nốp. Trong chiến đấu, đồng chí đã tỏ ra rất dũng cảm.

Những trận đánh tiêu diệt các đơn vị An-tô-nốp nổ ra đặc biệt mạnh mẽ vào cuối tháng 5-1921 trong vùng sông Vô-rô-na, ở các khu dân cư: Xê-mê-nốp-ca, Ni-côn-xcôi-ê, Pu-si-nô, Ni-côn-xcôi-ê Pê-rê-vô-dơ, Tơ-ríp-ki, Cli-út-ki, E-ca-tê-ri-nốp-ca, sông Khô-pe. Lữ đoàn kỵ binh của G.I. Cô-tốp-xki và lữ đoàn kỵ binh độc lập 14 chúng tôi hoạt động rất tốt ở vùng này. Nhưng lúc đó ta vẫn chưa hoàn toàn tiêu diệt được bọn phỉ.

Bọn An-tô-nốp bị thất bại chủ yếu ở vùng Xéc-đốp-xcơ, Ba-cu-ra, E-lan là vùng do đồng chí I.P. U-bô-rê-vích chỉ huy chiến đấu. Tàn quân của toán phỉ bị đánh tan đã chạy tán loạn theo hướng chung tới Pen-da. Nhờ sự ủng hộ của nông dân rất căm ghét bọn phỉ, quân đội ta đã tiêu diệt gần hết bọn chúng ở tỉnh Xa-ra-tốp.

Suốt mùa hè năm 1921, các đơn vị dưới sự chỉ huy của đồng chí I.P. U-bô-rê-vích, được sự ủng hộ to lớn của nhân dân địa phương, đã tiêu diệt hoàn toàn cả các toán phỉ của Va-xca Ca-ra-xi-ê và Bô-gu-xláp-xki gần Nô-vô-khô-péc-xki.

Quân ta đã phải chiến đấu với bọn An-tô-nốp nhiều trận gay go. Đặc biệt tôi còn nhớ một trận vào mùa xuân năm 1921 ở làng Via-dô-vai-a Pô-sta gần ga Giéc-đép-ca. Trung đoàn tôi cùng với lữ đoàn được báo động chiến đấu vào lúc sáng sớm. Theo báo cáo của trinh sát, có một toán độ 3.000 kỵ binh của An-tô-nốp tập trung ở cách làng 10 - 15 km. Trung đoàn kỵ binh 1 chúng tôi hành quân bên trái từ Vi-a-dô-vai-a Pô-sta tiến ra; bên phải, cách 4 - 5 km là trung đoàn 2 của lữ đoàn. Đại đội của tôi có 4 súng máy và 1 cỗ pháo được lệnh đi đầu đơn vị.

Đi chưa quá 5 km thì đại đội gặp khoảng 250 kỵ binh của An-tô-nốp. Mặc dù địch có số lượng lớn hơn, chúng tôi vẫn nã súng máy và pháo rồi xông lên chiến đấu. Bọn An-tô-nốp bị thiệt hại nặng, chịu không nổi đòn đánh dữ dội này, phải rút lui.

Trong lúc đánh giáp lá cà, một tên của An-tô-nốp đã bắn chết ngựa của tôi. Ngựa ngã đè lên tôi. Nếu chính trị viên Nô-chép-ka không kịp đến cứu thì tôi đã bị chém chết. Bằng một đường kiếm rất mạnh, anh chém chết tên phỉ rồi nắm lấy dây cương ngựa của nó và giúp tôi leo lên ngựa.

Sau đó chúng tôi thấy một đoàn ngựa của địch vòng đánh thọc vào sườn đại đội. Chúng tôi liền dồn hết hỏa lực về phía chúng và phái liên lạc đi báo tin đó với trung đoàn trưởng. Sau 20-30 phút, trung đoàn chúng tôi tiến đến và bắt đầu một cuộc chiến đấu nảy lửa.

Trung đoàn 2 của lữ đoàn gặp địch quá đông buộc phải lùi lại. Thừa cơ hội đó bọn An-tô-nốp đánh vào sườn chúng tôi. Trung đoàn trưởng quyết định lui về Vi-a-dô-vai-a Pô-sta, dụ địch đến một địa thế bất lợi cho chúng. Đại đội tôi được lệnh bảo vệ cho đơn vị rút lui.

Nhận thấy chúng tôi cơ động, bọn An-tô-nốp tập trung toàn lực tấn công vào đại đội tôi lúc đó đã trở thành hậu vệ của trung đoàn.

Cuộc chiến đấu thật gay go đối với chúng tôi. Địch thấy chúng tôi quá ít nên tin rằng sẽ bóp chết được chúng tôi. Nhưng thực hiện điều đó không phải đơn giản. May thay, như đã nói ở trên, đại đội tôi có 4 súng máy với nhiều đạn dự trữ và một khẩu pháo 76 mm. Phát huy hỏa lực của súng máy và đại bác, đại đội đã bắn chết hầu hết những toán địch xông lên. Chúng tôi nhìn thấy trên chiến trường ngổn ngang xác giặc và dần dần từng bước, chúng tôi vừa đánh vừa rút lui về phía sau. Tôi đã nhìn thấy trung đội trưởng U-gát Ô-gô-rô-vích, bạn tôi, bị thương nặng từ trên ngựa ngã xuống. Đó là cán bộ chỉ huy có khả năng, một con người được

giáo dục tốt. Cha anh, một đại tá quân đội cũ, ngay từ ngày đầu đã đi theo chính quyền Xô-viết, ông là một trong những giáo sư chính của lớp cán bộ ở Ri-a-dan của chúng tôi.

Khi đang mê đi, anh thì thào :

- Báo cho mẹ tôi biết... Đừng bỏ tôi cho bọn phi...

Tất cả thương binh và tử sĩ chúng tôi đều để trên xe súng máy và bộ pháo để chở về không cho bọn phi hành hạ anh em.

Cuộc phản công dự định của trung đoàn không thực hiện được vì lớp băng mùa xuân trên sông mà chúng tôi phải vượt qua sẽ không chịu đựng nổi, chúng tôi đành phải rút về tận Vi-a-dô-vai-a Pô-sta.

Đến ngay giữa làng, để cứu khẩu súng máy còn lại, tôi xông vào đánh một toán phi. Một phát đạn súng trường làm con ngựa thứ hai trong ngày của tôi chết. Với khẩu súng lục trong tay, tôi phải chống đỡ với bọn địch cưỡi ngựa định bắt sống tôi. Một lần nữa chính trị viên Nô-chép-ca cùng các chiến sĩ Brúc-xin, Góc-cốp và Cô-va-lép lại vội chạy lại cứu tôi.

Trong trận này đại đội tôi có 10 người chết và 15 người bị thương. Sáng hôm sau 3 người trong số bị thương chết, trong đó có cả U-khát Ô-gô-rô-vích.

Cuối mùa hè năm 1921 quân ta lùng diệt nốt các toán phi nhỏ chạy trốn rải rác trong vùng Tam-bốp-sin. Cần phải diệt sạch chúng cho thật nhanh. Đại đội tôi có nhiệm vụ tiêu diệt bọn phi của Đơ-vê-rép có đến 150 kỵ binh. Không bao lâu chúng tôi đã tìm thấy bọn chúng. Cuộc tấn công bắt đầu. Lực lượng bọn phi đã yếu đi phần nào. Đến cửa rừng thì chúng tôi đuổi kịp chúng và bắt đầu tấn công.

Trong vòng một tiếng đồng hồ đã kết thúc trận đánh. Chỉ còn 5 tên phi do Đơ-vê-rép cầm đầu lợi dụng lúc trời sắp tối tháo chạy trốn trong rừng. Nhưng không có gì cứu nổi chúng nữa: trận diệt phi An-tô-nốp ở Tam-bốp-sin đã hoàn thành thắng lợi.

Nhớ lại chuyện đó, có một trường hợp xảy ra mà tôi không thể không kể ra đây được.

Khi đuổi theo bọn phi, bất ngờ chúng tôi gặp 2 xe bọc thép từ một làng bên cạnh xuất hiện. Chúng tôi biết rằng, bọn phi không có xe bọc thép, nên chúng tôi không bắn. Nhưng xe bọc thép lợi dụng địa thế, quật súng máy vào chúng tôi. Tại sao vậy? Phái liên lạc tới thì ra đó là xe bọc thép của ta và ngồi trong chiếc xe trước chính là I.P U-bô-rê-vích. Biết bọn phi rút về phía rừng, đồng chí định chộp bọn chúng ở trên đường. May mà phát hiện được, nếu không thì có thể xảy ra chuyện không hay rồi.

Thế là tôi được làm quen đồng chí I.P. U-bô-rê-vích. Sau này, vào những năm 1932 - 1937, tôi được gặp đồng chí luôn. Hồi đó đồng chí là tư lệnh quân khu Bê-lô-ru-xi, ở đấy tôi chỉ huy sư đoàn kỵ binh.

Năm tháng trôi qua. Quên đi rồi, những khó khăn của thời nội chiến mà nhân dân ta đã phải chịu đựng. Nhưng không khi nào xóa mờ được trong tâm trí mỗi người chúng ta lòng tin tưởng sắt đá vào lý tưởng chân chính mà Đảng của Lê-nin đã vạch ra trong những ngày Cách mạng tháng Mười.

Tướng Nốc-xơ người Anh đã viết cho chính phủ của chúng tôi rằng, có thể đánh tan hàng triệu quân đội của bọn Bôn-sê-vích, nhưng khi 150 triệu người Nga đã ghét bọn trắng, lại yêu bọn đỏ, thì giúp bọn trắng cũng vô ích.

Vì hàng loạt nguyên nhân, hồi đó Hồng quân không thể sử dụng hết được kinh nghiệm của những cuộc chiến tranh đã qua trong đó có cả kinh nghiệm của Thế chiến thứ nhất.

Để chiến đấu chống những kẻ thù của Nhà nước xô-viết trẻ tuổi, cần phải xây dựng cho mình một tổ chức vũ trang có đầy đủ tính chất giai cấp, trang bị cho nó những quan điểm mới về thực chất và phương pháp của cuộc đấu tranh.

“Bất kỳ cuộc cách mạng nào cũng chỉ có giá trị khi nó có khả năng tự vệ” - V.I. Lê-nin nói. Đảng, Ban Chấp hành trung ương, bản thân V.I. Lê-nin đã đóng vai trò quyết định trong tổ chức công cuộc bảo vệ Tổ quốc, thống nhất tất cả các lực lượng của hậu phương và tiền tuyến, động viên quần chúng công nhân, chiến sĩ Hồng quân, nông dân đứng lên chiến đấu chống bọn can thiệp và phản cách mạng trong những năm nội chiến. Đã thực hiện hàng trăm hàng ngàn biện pháp để đảm bảo đánh thắng giặc.

Các nhà sử học đã ghi lại được rằng, từ ngày 1 tháng Chạp năm 1918 đến 27 tháng Hai năm 1920 đã có 101 cuộc họp của Hội đồng quốc phòng thảo luận 2.300 vấn đề về tổ chức phòng thủ đất nước, về bảo đảm kỹ thuật chiến đấu, vũ khí, đạn dược, lương thực cho Hồng quân và

Hải quân. Tất cả các cuộc họp, chỉ trừ hai cuộc, đều do V.I. Lê-nin chủ tọa. Nghiên cứu các tài liệu của cuộc nội chiến, ta thấy rằng, các chỉ thị và nghị quyết của Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, những lời dạy của V.I. Lê-nin là cơ sở để xây dựng mọi kế hoạch tác chiến cụ thể của Bộ Tổng tư lệnh Hồng quân, của Hội đồng quân sự cách mạng các phương diện quân. Mọi kế hoạch chiến lược của những chiến cục quan trọng nhất đều được thảo luận một cách toàn diện tại các cuộc Hội nghị toàn thể và các cuộc họp của Ban Chấp hành trung ương Đảng.

Bản thân V.I. Lê-nin rất gắn bó với Bộ Tổng tư lệnh, với các phương diện quân và các tập đoàn quân. Người biết rõ nhiều tướng lĩnh và cán bộ chính trị. Người đã trao đổi rất nhiều thư từ quân sự với họ. Trong những năm nội chiến, theo thống kê chưa đầy đủ, Lê-nin đã ký gần 600 thư và điện về các vấn đề phòng thủ đất nước Xô-viết.

Nhưng cũng trong thời gian đó, V.I. Lê-nin, Trung ương Đảng không làm thay Bộ Tổng tư lệnh và Hội đồng quân sự cách mạng trong công tác lãnh đạo cụ thể các phương diện quân, tập đoàn quân và các hoạt động tác chiến của quân đội.

Khi V.I. Lê-nin nhận được tin rằng có một số cán bộ quân sự nghi ngờ sự đúng đắn của những kế hoạch chiến đấu chống Đê-ni-kin do Tổng tư lệnh X.X. Ca-mê-nép vạch ra, người đã nhân danh Bộ Chính trị trung ương Đảng viết thư cho Tô-rốt-xki: "Bộ chính trị hoàn toàn công nhận quyền hành thực tế của Bộ Tổng tư lệnh và đề nghị đồng chí giải thích đúng đắn cho tất cả các cán bộ có trách nhiệm".

Tổng tư lệnh X.X. Ca-mê-nép có đề nghị với V.I. Lê-nin chỉ dẫn cho Bộ Tổng tư lệnh trước khi soạn những dự thảo chỉ thị về hành quân tác chiến. V.I. Lê-nin có viết lên bản báo cáo của X.X. Ca-mê-nép gửi cho các ủy viên Bộ Chính trị Ban chấp hành trung ương Đảng như sau: "Theo tôi, cần tôn trọng và cho phép đề nghị, khiếu nại: hoặc triệu tập Tổng tư lệnh đến báo cáo hoặc cho Tổng tư lệnh kết luận ngay về những dự thảo chỉ thị".

Hội đồng quân sự cách mạng các nước Cộng hòa, các Hội đồng quân sự các phương diện quân và các tập đoàn quân hoạt động hoàn toàn trên cơ sở các nghị quyết của Trung ương Đảng Cộng sản (b) Nga. Việc cử các tư lệnh và chính ủy ở những nơi quan trọng, việc củng cố khả năng quốc phòng các nước Cộng hòa được thực hiện đúng theo chỉ thị của Ban Chấp hành trung ương. Trong nghị quyết của Ban Chấp hành trung ương Đảng Cộng sản (b) Nga "Về chính sách lãnh đạo quân sự" thông qua cuối năm 1918, theo đề nghị của V.I. Lê-nin, có nhấn mạnh rằng: Đảng chịu trách nhiệm hoàn toàn về mọi việc lãnh đạo quân sự, ảnh hưởng của Đảng phải được phát huy trên mọi mặt xây dựng và chiến đấu của các lực lượng vũ trang Xô-viết. Các Đảng viên cộng sản là lực lượng rường cột của Hồng quân. Trung ương Đảng Cộng sản (b) Nga nhiều lần tiến hành các cuộc động viên đảng viên, đưa đảng viên đến những nơi quyết định trên các mặt trận. Ba vạn rưỡi đảng viên đã nhập ngũ vào tháng 8-1918; sau một năm, số đảng viên trong quân đội đã lên đến 12 vạn, tháng 8-1920 lên đến 30 vạn, nghĩa là gồm phần nửa số đảng viên Đảng Cộng sản (b) Nga lúc đó. Sức mạnh hơn hẳn về chính trị và tinh thần của Hồng quân mà mọi người đều thừa nhận, đã đóng vai quyết định trong cuộc nội chiến. Góp phần tạo ra sức mạnh đó là những hành động yêu nước của các chiến sĩ cộng sản, của các chính ủy, của cơ quan chính trị và của các chi bộ.

Đánh giá vai trò của bộ máy công tác Đảng, công tác chính trị của quân đội trong những năm ấy, M.V. Phơ-run-dê viết:

"Ai đã đưa được trật tự và kỷ luật vào hàng ngũ các trung đoàn Hồng quân trẻ tuổi của chúng ta được xây dựng dưới làn sấm sét của đạn đại bác? Ai, trong những giờ không thắng lợi và thua trận, đã giữ được tinh thần và lòng dũng cảm của chiến sĩ, đã đưa lại sức mạnh mới cho những người đang lao động? Ai đã ổn định hậu phương của quân đội, vun trồng lên chính quyền Xô-viết ở đây và thiết lập trật tự Xô-viết, nhờ đó mà bảo đảm cho quân đội tiến nhanh và thắng lợi? Ai đã kiên trì và tích cực hoạt động để làm tan rã hàng ngũ địch, phá hoại hậu phương của chúng và, nhờ đó, chuẩn bị cho những thắng lợi tương lai?

Đó là việc làm của các tổ chức công tác chính trị trong quân đội và phải nói là việc làm đó thật xuất sắc. Thành tích của họ trong quá khứ là bất tử".

Tôi có thể ký tên tán thành hàng ngàn lần những lời nhận xét ấy và xác nhận thêm một lần nữa rằng những nhận xét đó là hoàn toàn đúng.

Trong những năm nội chiến, Đảng và nhân dân không những chiến thắng được quân thù mà,

trong khi chiến đấu với chúng, còn đặt nền móng cho một quân đội thường trực đông đảo tuyển mộ trên cơ sở nghĩa vụ quân sự của nhân dân lao động. Đã xây dựng các bộ máy chỉ đạo quân sự ở trung ương và địa phương, đã soạn thảo những điều lệ và điều lệnh đầu tiên, đã đặt ra cách tổ chức thống nhất các đơn vị và binh đoàn. Cuối năm 1920 quân số của ta đã lên đến 5 triệu rưỡi người, mặc dù gần 80 vạn người đã chết, bị thương và mất tích ngoài mặt trận, 140 vạn người bị chết vì ốm nặng, vì ăn đói, vì thiếu thuốc không được chạy chữa và thiếu những trang bị cần thiết.

Từ những kinh nghiệm chiến đấu phong phú và lý thuyết tổng hợp trong thời kỳ nội chiến là cơ sở của việc xây dựng các lực lượng vũ trang Xô-viết trong nhiều năm, tôi muốn phát biểu một vài ý kiến như sau:

Thứ nhất là về sự thống nhất giữa quân đội và nhân dân. Nội chiến, với một sức mạnh kỳ diệu đã thể hiện sự thống nhất giữa tiền tuyến và hậu phương, thể hiện ưu thế quân sự to lớn của cả một nước đã biến thành một trại binh thống nhất. Sự thống nhất đó có cơ sở khách quan là chế độ xã hội và nhà nước Xô-viết, khối liên minh công nông và có cơ sở chủ quan là nhân dân và quân đội cùng chung một mục đích. Nhờ đó đã tạo nên một lực lượng làm tăng sức mạnh của vũ khí lên nhiều lần. Nguồn gốc đó, V.I. Lê-nin đã nhìn thấy ở chỗ, lần đầu tiên trên thế giới đã xây dựng được một quân đội hiểu rõ mình chiến đấu cho cái gì, và ở chỗ lần đầu tiên trên thế giới công nhân và nông dân đã chịu đựng nổi những khó khăn không lường được vì có ý thức rõ ràng rằng họ bảo vệ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô-viết, chính quyền của công nhân và nông dân.

Thứ hai là vai trò lãnh đạo của Đảng riêng trong vấn đề quân sự và ảnh hưởng của Đảng đối với quân đội thông qua bộ máy công tác Đảng, công tác chính trị.

Về mặt quân sự, sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, ngoài những ý nghĩa khác ra, còn có ý nghĩa vô cùng to lớn ở chỗ đó là Đảng cầm quyền trong một nước mà công cụ sản xuất là tài sản chung của xã hội. Nhờ đó mà đảm bảo tập trung một cách chưa từng thấy mọi sức lực và tài sản của nền kinh tế quốc dân vào những hướng tác chiến quan trọng nhất; tạo nên một khả năng đặc biệt để cơ động nguồn dự trữ về người và của to lớn nhất, để tiến hành một chính sách quân sự thống nhất; có thể đề ra nghĩa vụ cho mọi người bất cứ ai cũng phải tuân theo các mệnh lệnh, chỉ thị quân sự.

Còn về công tác Đảng, công tác chính trị, thì nhờ có công tác đó mà các lực lượng tự giác và trung thành với cách mạng trong quân đội và hải quân đang cùng hướng vào một mục đích chung được nhân lên gấp bội và đang trở thành nguồn gốc của chủ nghĩa anh hùng của quần chúng rộng rãi.

“Chỉ nhờ có Đảng làm người lính bảo vệ trung thành, - V.I. Lê-nin nói - nhờ Đảng có kỷ luật nghiêm minh nhất, có uy tín lớn lao để thống nhất được các cơ quan và cấp lãnh đạo vào một mối và hể Ban Chấp hành trung ương Đảng đưa ra một khẩu hiệu nào là hàng trăm, hàng nghìn người và cuối cùng là hàng triệu người tức khắc một lòng một dạ tuân theo, và chỉ nhờ chúng ta đã có những sự hy sinh chưa từng có - chỉ nhờ tất cả những cái đó thôi mới có thể và đã xảy ra những chuyện kỳ diệu. Và cũng nhờ thế mà các đế quốc Đồng minh và cả bọn đế quốc toàn thế giới đã hai lần, ba lần, bốn lần tấn công chúng ta nhưng chúng ta vẫn có đủ khả năng giành được thắng lợi”.

Thứ ba - tôi muốn nói thêm về một nguyên tắc xây dựng các lực lượng vũ trang của chúng ta là: tuyệt đối tập trung, một thủ trưởng và kỷ luật sắt, nguyên tắc mà bọn chống đối đã không ngừng công kích.

Nếu thiếu chế độ một thủ trưởng trong quân đội, V.I. Lê-nin cho rằng “...không chóng thì chầy sẽ đưa đến thảm họa, hỗn loạn, kinh hoàng, loạn quyền, thất bại”. Trong nhiều tài liệu cơ bản do các Đại hội Đảng và Hội nghị toàn Ban Chấp hành trung ương thông qua cũng như trong thực tế công tác, những người bên-sê-vích đã đấu tranh không ngừng chống lại âm mưu định đưa các hình thức du kích trong tổ chức (cái mà lúc đầu thường có thể có) ra để đối lập với các nguyên tắc xây dựng quân đội thường trực (cái này mới là cái chủ yếu) nghĩa là đối lập với nguyên tắc chỉ đạo tập trung và thống nhất trong các khâu của quân đội, đối lập với việc tuyệt đối phục tùng cấp trên và kỷ luật.

Tất nhiên, chế độ một thủ trưởng phải được ứng dụng cho thật phù hợp với điều kiện lịch sử cụ thể, phải xét đến tính giai cấp của đội ngũ cán bộ, trình độ chính trị, quân sự và phải chú ý

giáo dục quần chúng về từng hình thức chỉ huy. Dĩ nhiên vì lý do đó mà trong những năm đầu của chính quyền Xô-viết chưa thể thực hiện chế độ một thủ trưởng được. Nhưng dần dần nguyên tắc kiểu mẫu, cơ bản của Lê-nin về chế độ một thủ trưởng kết hợp chặt chẽ với việc đề cao vai trò của cơ quan chính trị và tổ chức Đảng đã trở thành nguyên tắc lãnh đạo chủ yếu trong quân đội xô-viết cùng với kỷ luật sắt dựa trên cơ sở giác ngộ chính trị và tinh thần tự giác sâu sắc thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc của các chiến sĩ, chế độ một thủ trưởng đã trở thành cái nòng cốt để thống nhất mọi ý chí, mọi hiểu biết và mọi chí hướng của quân đội.

Mỗi một giai đoạn phát triển của nước ta đã đem lại những đặc điểm mới cho việc xây dựng lực lượng vũ trang Xô-viết, cho việc củng cố và rèn luyện quân đội để chống xâm lược. Những kinh nghiệm và nguyên tắc đấu tranh quân sự được thử thách trong khói lửa nội chiến với sự đóng góp trực tiếp của V.I. Lê-nin cùng những luận điểm mà tôi đã nói lẻ tẻ ở trên đã được tiếp tục phát triển đặc biệt trong những năm 30, 40 và đã trở thành một bộ phận cấu thành sức mạnh to lớn của quân đội, một quân đội đánh tan được chủ nghĩa phát xít trong Chiến tranh giữ nước vĩ đại.

[1] Nam tước Bút-béc A-lếch-xây: Nhật ký của một tên bạch vệ (anh hùng ca Côn-chắc) “Pri-bôi”, 1929.

[2] Thói quen người Nga thường gọi theo họ.

Chương 4

CHỈ HUY TRUNG ĐOÀN VÀ LỮ ĐOÀN

BƯỚC vào công cuộc những xây dựng hòa bình sau khi đã anh dũng chiến thắng trong nội chiến, nhân dân Xô-viết đã phải đương đầu với nhiều khó khăn lớn trong việc phục hồi nền kinh tế quốc dân bị tàn phá. Hầu như tất cả các ngành kinh tế đều suy sụp đến cùng cực. Tình trạng nguy ngập của công nghiệp, nông nghiệp, giao thông vận tải đòi hỏi phải tập trung toàn bộ lực lượng của đất nước vào mặt trận kinh tế. Cần điều động vài triệu công nhân và nông dân đã giải ngũ vào các công tác phục hồi, cần giảm chi tiêu cho quân đội. Và trong cùng lúc đó vẫn cần duy trì và củng cố quốc phòng. V.I. Lê-nin đã nói: “Bây giờ chúng ta đã đẩy được một loạt cường quốc ra ngoài vòng chiến tranh với chúng ta, nhưng chúng ta không thể quả quyết rằng tình thế này có giữ được lâu hay không”.

Ngay trong những năm 1920 và 1921 đã bắt đầu chuyển hoàn toàn hay từng bộ phận nhiều tập đoàn quân không trực tiếp tham gia chiến đấu sang làm công tác lao động. Nhằm mục đích này đã thành lập một ủy ban trực thuộc ủy ban Lao động và Quốc phòng do M.I. Ka-li-nin và Ph. E. Giéc-gin-xki lãnh đạo. Những đội quân lao động đã làm việc nhiều để nâng cao sản lượng nhiên liệu và nguyên liệu, để đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp.

Nói chung, do thực hiện việc phục viên, đến cuối năm 1924, quân số các lực lượng vũ trang đã giảm từ 5,5 triệu người xuống còn có 562.000 người.

Đương nhiên là việc phục viên đã đáp ứng với lợi ích của hàng triệu chiến sĩ. Họ muốn trở lại với cày bừa và máy móc, muốn trở về với gia đình, nhà cửa. Giữ các chiến sĩ đã được huấn luyện tác chiến chính quy lại trong quân đội là một việc rất khó vì đa số họ lại là nông dân. Nếu vượt qua giới hạn, phục viên có thể “làm xói mòn” hạt nhân của quân đội. Tháng 2-1921, theo quyết định của ban tổ chức thuộc Ban Chấp hành trung ương Đảng Cộng sản (b) Nga, việc đưa những đảng viên cộng sản ra khỏi quân đội đã đình chỉ. Trước đó ít lâu, Ban Chấp hành trung ương Đảng Cộng sản (b) Nga đã gửi cho tất cả các tổ chức Đảng thông tư “Về Hồng quân”, trong đó Ban Chấp hành trung ương kiên quyết nhắc nhở tất cả các tổ chức Đảng không được phép giảm nhẹ quan tâm xây dựng Hồng quân. Nói chung trong quân đội về cơ bản còn lại những người đã căn cứ vào sở trường và khả năng của mình quyết định cống hiến đời mình cho sự nghiệp quân sự.

Trong các điều kiện xây dựng hòa bình hồi đó cần phải đề ra một học thuyết quân sự duy nhất, củng cố Hồng quân thường trực, giải quyết nhiều vấn đề phức tạp mới trong nhiệm vụ xây dựng tổ chức, chấn chỉnh việc đào tạo cán bộ quân sự và chính trị. Ngay lúc đó đã đặc biệt quan tâm đến yêu cầu củng cố các đơn vị kỹ thuật chuyên môn (những đơn vị súng máy, pháo binh, ô-tô, thiết giáp, máy bay và v.v...), cung cấp cho các đơn vị này mọi thứ cần thiết

Những vấn đề ấy đã được thảo luận cặn kẽ tại các đại hội X, XI, XII của Đảng Cộng sản (b) Nga. Không phải là không có những cuộc tranh luận gay gắt. Theo ủy nhiệm của Ban Chấp hành trung ương Đảng, M.V. Phơ-run-dê và X.I. Gu-xép đã chuẩn bị luận cương “Cải tổ Hồng quân”, trong đó hai đồng chí kiên quyết chủ trương duy trì quân đội chính quy và đề ra từng bước chuyển dần thành hệ thống tổ chức cảnh sát, các đồng chí cũng chủ trương phát triển khoa học quân sự Xô-viết. Nhiều đồng chí khác lại khẳng định rằng cần phải lập tức chuyển ngay sang hệ thống tổ chức cảnh sát. Đại hội X Đảng Cộng sản (b) Nga đã chấp nhận đường lối lê-nin-nít trong xây dựng quân đội thời bình. Trong nghị quyết của Đại hội có ghi rõ: “Một số đồng chí tuyên truyền cho việc thủ tiêu trên thực tế Hồng quân hiện tại và chuyển ngay sang xây dựng

cảnh sát Trong hoàn cảnh hiện nay, như vậy là không đúng và trên thực tế là nguy hiểm”.

Dù Đảng đã cố gắng nhiều để củng cố quân đội, vẫn cảm thấy cần phải có, và có càng sớm càng hay, những biện pháp triệt để nhất định.

Từ tháng 6-1922 đến hết tháng 3-1923, tôi làm đại đội trưởng trong trung đoàn kỵ binh 38, sau đó là trợ lý của đồng chí trung đoàn trưởng trung đoàn kỵ binh 40 thuộc sư đoàn kỵ binh Xa-ma-ra 7. Đứng đầu các trung đoàn này là những cán bộ chỉ huy có kinh nghiệm và tôi đã học tập được nhiều ở các đồng chí. Đội ngũ cán bộ chỉ huy, tổ chức Đảng và bộ máy công tác chính trị của các trung đoàn là một tập thể tốt và rất có khả năng công tác.

Hồi đó phần lớn các binh đoàn của Hồng quân còn chưa có doanh trại với đầy đủ tiện nghi, chưa có nhà ở cho cán bộ phụ trách, chưa có nhà ăn, câu lạc bộ và những cơ sở khác cần thiết cho cuộc sống bình thường của quân nhân. Chúng tôi sống phân tán trong các thôn xóm, đóng quân trong các nhà lều của nông dân, nấu ăn trong những bếp dã chiến, để ngựa ở ngoài sân. Tất cả chúng tôi đều coi những điều kiện sinh hoạt như vậy là bình thường vì rằng đất nước chúng ta đang trải qua nhiều khó khăn đặc biệt.

Đội ngũ cán bộ phụ trách của quân đội chủ yếu gồm những cán bộ trẻ tuổi, vững chắc về thể chất, có nhiều nghị lực và kiên trì. Thêm nữa, đa số chúng tôi còn son rỏi và không quan tâm cái gì khác ngoài nhiệm vụ công tác. Chúng tôi say sưa lao mình vào công tác, làm việc đến 15 - 16 tiếng đồng hồ trong một ngày đêm. Dù sao số thời gian ấy cũng vẫn không đủ để có mặt ở mọi nơi và làm kịp được mọi việc.

Mùa xuân năm 1923, có điện của phòng tham mưu sư đoàn gọi tôi lên gặp đồng chí tư lệnh sư đoàn. Tôi không hiểu nguyên nhân của việc này và xin thú thực rằng tôi có bối rối đôi phút: có phải là tôi đã làm điều gì xấu chăng?

Tư lệnh sư đoàn N.D. Ca-si-rin tiếp đón tôi rất chu đáo, mời tôi uống trà và hỏi han nhiều về công tác huấn luyện chiến đấu và chiến thuật trong trung đoàn tôi. Rồi đột nhiên hỏi:

- Đồng chí nghĩ thế nào, kỵ binh của chúng ta đã được huấn luyện tính cách để đương đầu được với một cuộc chiến tranh trong tương lai hay chưa? Và bản thân đồng chí hình dung cuộc chiến tranh trong tương lai ra sao?

Đối với tôi câu hỏi này thật là phức tạp. Tôi đỏ mặt lên và không thể trả lời ngay. Đồng chí tư lệnh sư đoàn hẳn là đã nhận thấy sự lúng túng của tôi và đang kiên trì chờ cho tôi trấn tĩnh lại.

- Cán bộ chỉ huy chúng ta còn thiếu rất nhiều kiến thức và tập quán cần thiết để huấn luyện quân đội theo kiểu hiện đại. - tôi nói - Chúng ta dạy bảo cấp dưới như thể người ta dạy bảo chúng ta trong quân đội cũ. Để rèn luyện quân đội một cách xứng đáng, cần trang bị cho đội ngũ cán bộ chủ trì những kiến thức hiện đại về công tác quân sự.

- Đúng thế, - tư lệnh sư đoàn tỏ ý tán thành, - và chúng ta đang cố gắng sao cho các cán bộ của ta đều qua các lớp huấn luyện và các học viên quân chính. Nhưng đó là một quá trình lâu dài, hiện nay ở nước ta trường sở còn ít ỏi lắm. Trong thời gian đầu, phải tự học thôi.

Đồng chí đi đi lại lại trong phòng và bất thành linh tuyên bố rằng tôi được chỉ định làm trung đoàn trưởng trung đoàn kỵ binh Bu-du-lúc 39.

- Tôi không hiểu đồng chí rõ lắm, nhưng nhiều đồng chí nói với tôi đã đề cử đồng chí vào chức vụ này. Nếu đồng chí không có ý kiến phản đối thì xin mời đồng chí đến phòng tham mưu nhận mệnh lệnh. Quyết định bổ nhiệm đồng chí đã ký rồi.

Cáo từ tư lệnh sư đoàn, tôi rất xúc động. Chức vụ mới là một chức vụ rất vinh dự và nặng nề. Chỉ huy được ở cấp trung đoàn xưa nay vẫn được coi là tiến tới một bước quan trọng nhất về trình độ nắm vững nghệ thuật quân sự.

Trung đoàn là đơn vị chiến đấu cơ bản, ở đây, khi chiến đấu, có sự hợp đồng của tất cả các binh chủng thuộc lực lượng và đôi khi, của các quân chủng khác nữa. Người chỉ huy trung đoàn cần hiểu rõ các phân đội của mình cùng những lực lượng tăng cường mà trung đoàn thường nhận được khi chiến đấu. Đòi hỏi người chỉ huy trung đoàn phải biết chọn hướng tấn công chính trong chiến đấu và biết tập trung những cố gắng cơ bản vào hướng này. Điều đó đặc biệt quan trọng trong điều kiện quân thù có ưu thế rõ ràng về quân số và vũ khí.

Người chỉ huy đơn vị nào nắm chắc được chế độ quản lý trung đoàn và có khả năng bảo đảm cho trung đoàn thường xuyên sẵn sàng chiến đấu, người chỉ huy ấy bao giờ cũng sẽ là một cán bộ quân sự tiên tiến trong tất cả các khâu chỉ huy kế tiếp trong thời bình cũng như trong thời chiến.

Vào chính thời gian cuối cùng của nội chiến, trong quân đội có trên hai trăm lớp huấn luyện và trường đào tạo cán bộ cho tất cả các binh chủng. Trong năm 1920, các lớp huấn luyện chủ chốt đã đào tạo được 26.000 cán bộ chỉ huy Hồng quân. Dần dà thành lập được một mạng lưới rộng lớn các lớp huấn luyện, trường và học viện quân chính, đề ra được một chế độ thống nhất huấn luyện và giáo dục đội ngũ cán bộ chỉ huy và cán bộ chính trị của giai cấp vô sản. Đội ngũ cán bộ chỉ huy sơ cấp bước đầu được đào tạo ở các trường của trung đoàn trong vòng từ 7 đến 10 tháng, đội ngũ cán bộ chỉ huy trung cấp - ở các trường trung cấp quân sự - hải quân, còn đội ngũ cán bộ chỉ huy cao cấp - ở các học viện quân sự. Ở các nước Cộng hòa đều có mở các trường quân sự quốc gia. Kế đó là nhiệm vụ của các lớp bổ túc cán bộ. Tôi cũng đã học tập ở các lớp như thế. Về vấn đề này, tôi sẽ còn nói thêm nữa.

Bây giờ tôi xin nêu một nhận xét là việc rèn luyện và tự học trực tiếp trong các trại huấn luyện, hay, như người ta nói, học mà không thoát lý sản xuất, có ý nghĩa không kém quan trọng trong việc đào tạo cán bộ chỉ huy, đặc biệt trong việc đào tạo cán bộ sơ cấp và trung cấp. Bằng cách học này, hàng chục, hàng trăm nghìn quân nhân đã bồi bổ được trình độ kiến thức, được rèn luyện thêm về động tác chiến đấu trong các buổi huấn luyện, lần tập trận và hành quân. Và những ai, vì lý do này hay vì lý do khác, không thể đi học được thì kiên trì tự bổ túc ở ngay các đơn vị.

Đương nhiên là hồi đó, sau khi đã kết thúc thắng lợi cuộc nội chiến, cũng có những cán bộ tự cảm thấy mình đã điều luyện rồi, tự cho rằng chẳng có gì phải học nữa. Trong số này, sau đó, có một số đã thấy được sai lầm của mình và đã sửa chữa. Nhưng một số khác cứ bám vào vốn liếng cũ của mình và hiển nhiên là chẳng bao lâu sau, họ đã không còn phù hợp nữa với những đòi hỏi mới ngày càng cao và buộc phải chuyển về ngạch hậu bị.

Cuối tháng 4-1923, tôi nhận nhiệm vụ chỉ huy trung đoàn. Lúc đó, trung đoàn đang chuẩn bị đến trại huấn luyện. Từ sau nội chiến, đây là lần đầu tiên có một đơn vị kỵ binh đến trại huấn luyện và nhiều cán bộ chỉ huy đã không hình dung được rõ ràng về công tác trong những điều kiện mới. Khi tiếp nhận trung đoàn, tôi đã phát hiện được nhiều thiếu sót về trình độ sẵn sàng chiến đấu của nó. Kỹ thuật bắn súng và chiến thuật đặc biệt tôi, cho nên các phân đội đều tập trung chú ý tổ chức cơ sở vật chất cho việc huấn luyện trong trại tập huấn.

Đến khoảng giữa tháng 5, trại đã được chuẩn bị xong về cơ bản. Trung đoàn được nhận một khu vực có nhiều trại lợp vải bố trí tốt, một nhà ăn mùa hè tuyệt diệu và một câu lạc bộ. Lều ngựa và nơi buộc ngựa cũng đã được xây dựng xong. Trường bắn để huấn luyện bắn súng và tất cả các loại súng là niềm tự hào của trung đoàn.

Từ ngày 1-6, đợt huấn luyện quân sự và chính trị căng thẳng bắt đầu. Toàn thể chúng tôi

đều hài lòng nhận thấy lợi ích của những công sức và phương tiện của mình đã bỏ ra để xây dựng trại. Các cán bộ chỉ huy đại đội và cán bộ công tác chính trị đã làm việc một cách thân mật đoàn kết và chủ động sáng tạo. Năng lực sáng tạo và tính chủ động của những người cộng sản đã thể hiện trong mọi việc và trong mọi chủ trương.

Tôi muốn đặc biệt tưởng nhớ đến đồng chí chính ủy An-tôn Mi-tơ-rô-pha-nô-vích Ya-nhin của chúng tôi. Đồng chí là một đảng viên Bôn-sê-vich kiên cường, một con người tuyệt diệu, am hiểu tư tưởng, tình cảm của chiến sĩ và biết rõ cần phải đến với ai như thế nào, cần phải đòi hỏi ở ai cái gì. Các cán bộ chỉ huy, cán bộ công tác chính trị và chiến sĩ Hồng quân đều mến yêu và tôn trọng đồng chí. Tiếc rằng người chính ủy xuất sắc ấy không còn sống đến ngày nay - đồng chí đã hy sinh anh dũng năm 1942 trong một trận chiến đấu với bọn phát-xít tại mặt trận Cáp-ca-dơ. Đồng chí hy sinh cùng với người con trai của mình mà đồng chí đã đào tạo thành một người lính dũng cảm bảo vệ Tổ quốc.

Giữa mùa hè, đồng chí G.Đ.Gai, anh hùng nội chiến, đến chỉ huy sư đoàn.

Tôi khoan khoái hồi tưởng lại những ngày cùng công tác với đồng chí tư lệnh sư đoàn G.Đ.Gai. Cuộc gặp gỡ đầu tiên của chúng tôi diễn ra tại lều của đồng chí trong trại, ở đó cán bộ chỉ huy và chính ủy các trung đoàn đang họp. Sau khi đã chính thức giới thiệu với nhau xong, G.Đ.Gai mời tất cả ngồi quây quần xung quanh bàn làm việc. Tôi thấy ở đồng chí một con người đẹp, chừng chạc theo kiểu nhà binh. Đôi mắt đồng chí ánh lên lòng chân thành, còn giọng nói đều đều và bình tĩnh nói lên tính điềm đạm và lòng tự tin. Tôi đã nghe nói nhiều về những sự tích anh hùng của G.Đ.Gai và tôi chăm chú ngắm nhìn đồng chí. Tôi muốn thâm nhập vào thế giới tâm hồn của đồng chí, muốn tìm hiểu con người bình thường và con người cán bộ chỉ huy của đồng chí.

Cuộc nói chuyện kéo dài, nhưng không nặng nề. Lúc chúng tôi chia tay nhau, ai cũng giữ được một ấn tượng tốt đẹp về lần đầu tiên gặp gỡ đồng chí tư lệnh sư đoàn. Lúc tạm biệt, đồng chí nói rằng, trong vài ngày nữa đồng chí muốn kiểm tra công tác huấn luyện đội ngũ chiến thuật cho kỵ binh. Tôi rất cảm động nhận thấy đồng chí chú ý nhiều đến trung đoàn và thú nhận rằng chúng tôi còn có nhiều thiếu sót.

- Chúng ta sẽ cùng nhau khắc phục những thiếu sót đó, - G.Đ.Gai vừa nói vừa mỉm cười, rồi nói thêm - Đồng chí có lòng tự trọng thế là tốt.

Sau đó ba ngày, theo kế hoạch của phòng tham mưu sư đoàn, toàn bộ trung đoàn lên đường đi kiểm tra. Đồng chí tư lệnh sư đoàn cưỡi ngựa ô tứ túc mai hoa đến vùng ngoại ô và chăm chú theo dõi trung đoàn diễn tập. Con ngựa của đồng chí rất hung hăng nhưng bằng tay cương dứt khoát và bằng cẳng chân vững chắc, người kỵ sĩ đó đã kiên quyết bắt nó tuân theo ý muốn của mình.

Cuộc diễn tập diễn ra lúc đầu theo khẩu lệnh, rồi theo hiệu còi (gọi là “diễn tập câm”), và, cuối cùng, theo hiệu kèn. Toàn đơn vị đã thay đổi đội hình, tiến, lùi, đổi hướng, dừng lại và chấn chỉnh hàng ngũ một cách chính xác hơn tôi tưởng. Lúc kết thúc, trung đoàn được triển khai theo đội hình “kỵ binh bao vây” (cách tấn công cũ của người Cô-dắc) và tôi đặt các phân đội thuộc bộ phận giữa của đội hình chiến đấu hướng lên điểm cao, chỗ đồng chí tư lệnh sư đoàn đang đứng. Tập hợp trung đoàn theo đúng đội hình và chấn chỉnh hàng ngũ xong, tôi tiến nhanh tới trước đồng chí tư lệnh sư đoàn để báo cáo rằng cuộc diễn tập đã kết thúc. Không để cho tôi kịp báo cáo, đồng chí tư lệnh sư đoàn đã lên tiếng, hai tay giơ lên cao:

- Tôi xin chịu, chịu đấy!

Sau đó đồng chí tiến lại phía tôi, nồng nhiệt nói:

- Cảm ơn các đồng chí, rất cảm ơn.

Tiến ngang đến giữa trung đoàn, đồng chí tư lệnh sư đoàn đứng thẳng lên bàn đạp của yên ngựa nói chuyện với các chiến sĩ:

- Tôi là một kỵ sĩ lâu năm, và tôi hiểu rõ công tác huấn luyện quân sự cho kỵ binh. Hôm nay các đồng chí đã chứng tỏ rằng các đồng chí đang không tiếc sức mình, toàn tâm toàn ý làm nghĩa vụ người lính Hồng quân của mình đối với Tổ quốc. Phải như vậy, các đồng chí ạ. Được huấn luyện quân sự tốt, có giác ngộ cao về nghĩa vụ của mình trước nhân dân - đó là những cái bảo đảm cho Hồng quân anh hùng của chúng ta không thể bị đánh bại. Xin cảm ơn các đồng chí, hôm nay các đồng chí đã làm cho tôi vui lòng.

Quay về phía tôi, đồng chí tư lệnh sư đoàn bắt tay tôi, mỉm cười và nói:

- Phần hai của cuộc diễn tập, chúng ta để đến lần khác. Đồng chí cho trung đoàn nghỉ, còn chúng tôi sẽ đi thăm xem trại này được bố trí ra sao.

Đồng chí đã đi khắp nơi trong trại, trong hơn hai tiếng đồng hồ, tìm hiểu kỹ lưỡng mọi chi tiết, và sau đó đã ngồi nói chuyện lâu với các chiến sĩ. G.Đ. Gai đã kể lại nhiều giai đoạn chiến đấu trong cuộc nội chiến. Mỗi đến khi có hiệu kèn trực nhật nổi lên báo giờ ăn, đồng chí mới đứng dậy và từ giả chúng tôi.

Tiến đồng chí tư lệnh sư đoàn ra về rồi, tôi đã cùng đồng chí chính ủy A.M. Ya-nhin thảo luận ngay xem phải làm cái gì để “không lóa mắt[1]” trước những thành tích và lời khen. Cần đánh giá đúng các cán bộ và chiến sĩ ta: lời khen của đồng chí tư lệnh sư đoàn đã cổ vũ mọi người, và điều này thể hiện rõ trong những kết quả đạt được của đợt học tập ở trại. Còn đối với chúng tôi, những người cán bộ chỉ huy, thì cách đồng chí tiếp xúc giản dị và theo tình đồng chí với các chiến sĩ Hồng quân thật là một tấm gương đáng noi theo. Tôi muốn nói trước rằng sau này G.Đ. Gai thường đến trung đoàn luôn, nói chuyện lâu với các chiến sĩ và cán bộ, và lúc nào cũng tỏ ra không phải chỉ là người chỉ huy mà còn là một người bạn lớn tuổi, một người cộng sản đáng quý.

Chúng tôi kết thúc đợt huấn luyện ở trại với những kết quả tốt, và cuối tháng 9, sư đoàn kỵ binh Xa-ma-ra 7 của chúng tôi hành quân đến vùng Ốc-sa để tham gia cuộc tập trận của quân khu. Cũng như đợt huấn luyện ở trại, đây là một cuộc tập trận lần đầu tiên được tổ chức từ sau nội chiến. Về quy mô, cuộc tập trận này không lớn, và như người ta thường nói, đây là cuộc tập trận kết hợp trên đường các đơn vị từ trại tập huấn rút về nơi đóng quân của mình. Tuy nhiên, sư đoàn chúng tôi đã được giao một nhiệm vụ khá nặng. Sư đoàn phải thực hiện nhiệm vụ cấp tốc hành quân chiến đấu vào vùng Ốc-sa. Trung đoàn tôi được sư đoàn trưởng chỉ định đi đầu chủ lực của sư đoàn. Điều đó có nghĩa là chúng tôi không những phải hành quân qua một chặng đường dài trong một khoảng thời gian ngắn mà còn phải thực hiện nhiệm vụ cảnh giới, luôn luôn sẵn sàng nhanh chóng triển khai chiến đấu với “đối phương” và tạo những điều kiện thuận lợi nhất cho chủ lực của sư đoàn bước vào cuộc chiến đấu.

Cuộc hành quân chiến đấu cấp tốc của sư đoàn đã được thực hiện xong sau 30 tiếng đồng hồ. Chúng tôi đã vượt qua gần 100 km, có nghỉ hai lần, mỗi lần 5 tiếng đồng hồ. Đây là một thử thách nghiêm trọng đối với đội ngũ ngựa chiến về sức chịu đựng. Còn kỵ sĩ trong lúc nghỉ còn phải cho ngựa ăn uống và kiểm tra lại đồ dùng và vũ khí của mình. Một thì có mệt, nhưng tinh thần mọi người đều lên cao vì được biết rằng tập trận xong, toàn bộ sư đoàn kỵ binh số 7 sẽ về đóng ở Min-xơ.

Lúc rạng đông, đội quân báo phái đi trước báo cáo về cho tôi biết rằng, ở phía bên kia đường sắt Mát-xcơ-va - Ốc-sa có các đơn vị của “đối phương” đang hành quân về hướng ga Ốc-sa. Trên các ngã đường vào Ốc-sa đã có “chiến đấu” với các đơn vị bảo vệ các ngã đường

tiến đến đầu mỗi tuyến đường xe lửa này.

Như thường có trong các cuộc tập trận, những người đạo diễn tay mang băng trắng đã từ khắp các phía tới tập đến trung đoàn. Đạo diễn là các cán bộ có trách nhiệm giúp người chỉ huy điều khiển cuộc tập trận.

- Đồng chí biết gì về “đối phương”?

- Quyết định của đồng chí thế nào?

Nhiều câu hỏi dồn dập.

Tôi trả lời rằng, tôi sẽ lên ngay đội tiền tiêu, tự mình tiến hành điều tra địch tình và sẽ ra mặt trận. Tôi thúc ngựa chạy nhanh hơn và vài phút sau đã tới đội tiền tiêu do Chiu-pin, một đại đội trưởng rất cương nghị và có đầu óc sáng tạo chỉ huy.

Đồng chí báo cáo rằng, có đến hai trung đoàn bộ binh của “đối phương” đã được triển khai theo đội hình chuẩn bị chiến đấu và đang di chuyển bên kia đường sắt hướng chung về phía những điểm cao nằm ở phía trước mặt. Ở đấy, bộ binh của ta đang “chiến đấu” với họ. Rõ ràng là bộ binh của “đối phương” không biết các đơn vị của chúng tôi đang tiến về vùng này, vì chúng tôi hoàn toàn không gặp cả lực lượng cảnh giới lẫn quân báo của “đối phương”.

Đồng chí cán bộ chỉ huy đơn vị tiền tiêu chưa kịp kết thúc báo cáo của mình thì xuất hiện một nhóm người cưỡi ngựa đang tiến gần về phía chúng tôi. Từ xa, thấy con ngựa ô tứ túc mai hoa, chúng tôi đã nhận ra đồng chí tư lệnh sư đoàn G.Đ. Gai. Sau khi đã vắn tắt thuật lại những tình huống đã biết, tôi báo cáo với tư lệnh rằng tình huống này là cực kỳ thuận lợi để bất ngờ tấn công “đối phương” và tôi đã quyết định triển khai ngay trung đoàn theo đội hình chiến đấu và đánh tạt sườn “đối phương”, hơn nữa những

đặc điểm của địa hình này rất thuận lợi cho cuộc tấn công ấy.

Quan sát bằng ống nhòm xong, sư đoàn trưởng nói:

- Trường hợp này hiếm có, hãy hành động mạnh dạn hơn. Hãy cho tất cả các cỡ pháo và liên thanh nổ súng chuẩn bị cho cuộc tấn công. Chủ lực của sư đoàn sẽ đến trong vòng 20 - 30 phút nữa. Chủ lực sẽ đánh thẳng vào hậu tuyến đoàn quân “đối phương” nhằm hoàn toàn đánh bại chúng.

Một tiếng đồng hồ sau, toàn bộ “chiến trường” tràn ngập khói bụi, các trung đoàn kỵ binh của sư đoàn 7 triển khai theo đội hình chiến đấu, lao vào “đối phương”, miệng hô vang “xung phong”. Cảnh tượng thật là ngoạn mục và hấp dẫn: các chiến sĩ mặt đỏ gay, mắt nhìn thẳng về phía trước, tất cả như trong một trận đánh thật sự.

Nhưng “trận đánh” đã ngừng lại theo lệnh “dừng lại”. Đến đây, cuộc tập trận kết thúc. Không có kiểm điểm chung.

Người ta nói với chúng tôi rằng, M.N. Tu-kha-chép-xki đã quan sát diễn biến của “trận đánh” và đánh giá rất tốt các đơn vị chúng tôi. Đồng chí đã đặc biệt khen ngợi sư đoàn kỵ binh 7 về cuộc hành quân chiến đấu cấp tốc và về cuộc tấn công chớp nhoáng. Còn bộ binh thì được biểu dương là đã biết nhanh chóng triển khai sang phía sườn là nơi bị các đơn vị của sư đoàn kỵ binh 7 công kích.

Chúng tôi hài lòng được M.N. Tu-kha-chép-xki khen ngợi và cũng vui mừng vì “đối phương” của chúng tôi cũng được hoan nghênh vì cơ động giỏi.

Nghỉ ngơi xong, vài ngày sau, chúng tôi hành quân đến Min-xơ về địa điểm đóng quân thường xuyên của các đơn vị thuộc sư đoàn.

Hàng ngàn người dân Min-xơ đã đổ ra đường phố. Tiếng “hoan hô”, chào mừng vang khắp các phố chúng tôi đi qua. Nói chung, tôi nghĩ rằng không có quân đội nước nào tranh thủ được thiện cảm và lòng mến yêu của nhân dân như Quân đội Xô-viết chúng ta.

Và giờ đây tôi xúc động hồi tưởng lại, chúng tôi đã được các chiến sĩ cũ của sư đoàn, những người đã tham dự các cuộc hành binh và các trận đánh nổi tiếng ở vùng Xa-rít-xun, Ki-dơ-li-a-rơ, A-xơ-ra-khan, Pu-ga-chép-xơ, Bu-du-lúc, và v.v... tiếp đón như thế nào. Đó chính là những đồng chí đã không tiếc sinh mệnh mình trong cuộc chiến đấu bảo vệ chính quyền Xô-viết chống lại các đơn vị của bọn bạch vệ và bọn phản cách mạng. Những lời nói thân ái, xuất phát từ trái tim của các đồng chí đó đã gây ra trong tâm trí chúng tôi một niềm hân hoan đến xúc động. Nhiều chiến sĩ trong sư đoàn kỵ binh Xa-ma-ra 7 chúng tôi cũng đã trải qua những thử thách hiểm nghèo trên các mặt trận của cuộc nội chiến, và người nào cũng thấu hiểu và cảm thấy rất gần gũi với những cuộc chiến đấu nhớ lại trong quá khứ.

Doanh trại dành cho trung đoàn vẫn do sư đoàn khinh binh 4 đóng vì chưa kịp chuyển quân sang vị trí mới.

Phải tạm thời trú quân trong nhà dân ở ngoại vi thành phố. Chúng tôi bố trí cứ 3 - 4 người một vào các căn buồng ở của tư nhân trong những ngôi nhà thường là ít thuận tiện. Tình hình lại càng gay go hơn vì những trận mưa thu tầm tã đã bắt đầu, mà mưa thì đường lầy lội rất khó đi lại. Trong hoàn cảnh ấy, cần chữa lại doanh trại và nhà ở, phải bảo vệ đội ngũ ngựa chiến, xây dựng các tàu ngựa, đồng thời chuẩn bị cơ sở vật chất và dụng cụ học tập cho đợt huấn luyện mùa đông.

Các tổ chức Đảng họp trước, rồi toàn Trung đoàn họp sau để nghiên cứu tình hình.

Hồi tưởng lại những năm xa xưa nặng nề ấy, tôi thấy cần nêu lên một điểm là quân dân ta rất sẵn sàng hy sinh bản thân mình và chịu đựng mọi thiếu thốn để xây đắp một tương lai tốt đẹp hơn. Đương nhiên, trong hàng ngũ chúng ta, cá biệt vẫn có những người hay kêu ca phàn nàn, nhưng tập thể cán bộ và chiến sĩ trong Hồng quân đã giúp họ chấn chỉnh lại thái độ ngay lập tức. Tập thể lãnh mạnh của Hồng quân là sức mạnh to lớn biết chừng nào? Ở đâu có những người tích cực kiên trì hoạt động rộng rãi thì ở đó lúc nào cũng có một tập thể thực sự hữu nghị. Và đó là cái bảo đảm phát huy nhiệt tình, tính sáng tạo và góp phần làm cho bộ đội luôn sẵn sàng chiến đấu.

Cuối tháng 11, khi đã có tuyết rơi, chúng tôi được chuyển vào doanh trại, còn ngựa thì được đưa vào tàu. Tất nhiên còn phải làm nhiều việc để xây dựng một cuộc sống có tiện nghi, nhưng cái chính yếu thì đã được giải quyết xong xuôi rồi.

Nhiệm vụ được đặt ra trước mắt chúng tôi là tổ chức đúng đắn công tác huấn luyện quân sự và chính trị trong những điều kiện mới.

Bây giờ thì tất cả các chuyện đó đều có vẻ đơn giản. Nhưng hồi đó lúc 26 tuổi, khi chỉ huy một trung đoàn kỵ binh, tôi đã có được cái gì trong vốn sống của mình? Tôi đã tốt nghiệp khóa huấn luyện hạ sĩ quan trong quân đội Sa hoàng và lớp đào tạo cán bộ chỉ huy kỵ binh của Hồng quân. Tất cả chỉ có thế! Thật ra, chỉ sau khi kết thúc nội chiến, tôi mới có điều kiện nghiên cứu các sách quân sự đặc biệt là những sách về chiến thuật.

Hồi đó, tôi cảm thấy mình giỏi công tác thực tế hơn là về lý luận vì tôi đã được đào tạo không đến nổi tồi ngay trong thời gian Thế chiến thứ nhất. Tôi hiểu rõ phương pháp huấn

luyện quân sự và say mê với công việc này. Nhưng về mặt lý luận, tôi hiểu rằng mình đang lạc hậu so với những đòi hỏi mà chính cuộc sống đặt ra cho một trung đoàn trưởng như tôi. Suy đi nghĩ lại, tôi đi đến kết luận: không được lãng phí thời gian, phải kiên trì học tập. Nhưng làm sao thu xếp được vẹn toàn mọi việc khi phải dành cho trung đoàn đến 12 tiếng đồng hồ trong một ngày đêm? Lối thoát chỉ có một: trong chương trình làm việc bình thường hàng ngày đề ra thêm từ 3 đến 4 giờ tự học nữa, còn ngủ nghỉ và nghỉ ngơi thì không cần nghĩ tới, chúng ta sẽ nghỉ, sau khi đã tích lũy được kiến thức.

Không phải một mình tôi nghỉ như vậy. Đa số cán bộ chỉ huy trưởng thành lên trong thời kỳ nội chiến từ chiến sĩ Hồng quân bình thường hay từ binh lính và sĩ quan sơ cấp của quân đội cũ đều nghỉ như vậy.

Đến khoảng thời gian này, hàng ngũ các cán bộ nòng cốt của quân đội đã được kiện toàn một cách đáng kể. Tuy nhiên tình trạng quân số thay đổi luôn vẫn còn chưa được khắc phục, việc cung cấp còn có thiếu sót nghiêm trọng, và trình độ sẵn sàng thực hiện động viên thời chiến của quân đội vẫn chưa được nâng cao đúng mức. Cơ quan lãnh đạo quân đội hồi đó do Tờ-rốt-xki cầm đầu có nhiều thiếu sót nghiêm trọng trong công tác. Mùa hè năm 1925, Hội nghị toàn thể Ban Chấp hành trung ương Đảng Cộng sản (b) Nga quyết định giao cho một Hội đồng quân sự của Ban Chấp hành trung ương, do V.V. Quy-bi-sép rồi S.I Gu-xép lãnh đạo, tiến hành kiểm tra hoạt động của ngành quân sự. Tham gia vào việc chuẩn bị các tài liệu về tình hình trong quân đội để đệ trình Hội nghị toàn thể Ban Chấp hành trung ương Đảng có M.V. Phơ-run-dê, K.E. Vô-rô-si-lốp, A.S. Búp-nốp, G.K. Oóc-giô-ni-kít-dê, A.A. An-đrây-ép, I.S. Un-sơ-lích, N.M. Svéc-ních và nhiều đồng chí khác nữa. Những kết luận chung rút ra từ sự phân tích những tình hình đã thu lượm được đều là đáng buồn và bất ngờ. Đã thấy rõ ràng, nhiệm vụ củng cố lực lượng vũ trang của đất nước đòi hỏi phải có một cuộc cải cách quân sự căn bản. Những đề nghị của Hội đồng quân sự mà Ban Chấp hành trung ương Đảng Cộng sản (b) Nga đã thông qua là nền tảng của cuộc cải cách quân sự ấy.

Một trong những biện pháp quan trọng nhất của cuộc cải cách này là việc thực hiện nguyên tắc xây dựng quân đội địa phương kết hợp với quân đội chính quy.

Nguyên tắc theo địa phương được áp dụng đối với các sư đoàn bộ binh và kỵ binh. Thực chất của nguyên tắc này là nhằm huấn luyện quân sự theo chương trình cần thiết cho một số lượng nhiều nhất nhân dân lao động mà chỉ phải thoát ly lao động sản xuất trong một thời gian ít nhất. Trong các sư đoàn, khoảng 16 – 20% quân số theo biên chế là cán bộ chỉ huy, cán bộ chính trị và chiến sĩ Hồng quân chính quy, quân số còn lại thì mang tính chất lâm thời, gồm những người hàng năm (trong vòng 5 năm) được triệu tập đi tập huấn trong một thời gian là 3 tháng trong năm đầu rồi một tháng trong các năm sau. Số thời gian còn lại, các chiến sĩ làm việc trong công nghiệp và nông nghiệp.

Chế độ này tạo ra khả năng nhanh chóng triển khai, khi cần thiết, một số quân chiến đấu đã được huấn luyện đầy đủ, lấy số cán bộ, chiến sĩ chính quy của các sư đoàn làm hạt nhân. Hơn nữa, số tiền chi tiêu cho việc huấn luyện một chiến sĩ trong đơn vị địa phương trong 5 năm ít hơn rất nhiều so với số chi cho việc huấn luyện một chiến sĩ trong đơn vị thường trực trong 2 năm. Đương nhiên nếu chỉ có quân đội chính quy thôi là tốt hơn cả, song trong hoàn cảnh lúc bấy giờ thì điều này trên thực tế không thể có được.

Những biện pháp cải cách quân sự được khẳng định trong luật nghĩa vụ quân sự mà Ủy ban chấp hành trung ương[2] và Hội đồng Ủy viên nhân dân Liên Xô đã thông qua trong tháng 9-1925. Đó là đạo luật đầu tiên chung cho toàn liên bang quy định nghĩa vụ quân dịch của toàn thể công dân nước ta đồng thời xác định cả cơ cấu tổ chức các lực lượng vũ trang.

Trong quá trình cải cách, bộ máy quản lý công tác quân sự ở trung ương và ở địa phương đều đã được tổ chức lại. Bộ Tham mưu mới của Hồng quân công nông do M.V. Phơ-run-dê

đứng đầu (những người phụ tá là M.N. Tu-kha-chép-xki và B.M. Sa-pô-sni-cốp) đã thực sự trở thành đầu não của Hồng quân. Cơ quan lãnh đạo và chỉ huy được đơn giản hóa, tính linh hoạt và tinh thần trách nhiệm trong công tác được nâng cao. Đảng đã củng cố hệ thống tổ chức mới từ trên xuống dưới để lãnh đạo các lực lượng vũ trang. Tháng 1-1925, đảng viên Bôn-sê-vich và người cầm quân xuất sắc đồng chí Mi-kha-in Va-xi-li-ê-vich Phơ-run-đê, đã được cử làm Ủy viên nhân dân phụ trách quân đội và hạm đội, đồng thời làm Chủ tịch Hội đồng quân sự cách mạng Liên Xô.

Một hôm, người anh hùng ưu tú của cuộc nội chiến V.K. Bliu-khe đến thăm trung đoàn chúng tôi. Trước cách mạng, đồng chí là công nhân xí nghiệp đóng toa xe lửa Mư-ti-sin-xơ, sau đó là sĩ quan trong quân đội Sa hoàng. V.K. Bliu-khe là đảng viên Đảng Bôn-sê-vich từ năm 1916. Tôi đã được nghe nói nhiều về đồng chí, nhưng đây là lần đầu tiên tôi gặp mặt. Cuộc gặp gỡ với V.K. Bliu-khe là một sự kiện lớn đối với toàn thể chiến sĩ và cán bộ chỉ huy của trung đoàn. Tư lệnh sư đoàn G.Đ. Gai mời đồng chí đến trung đoàn tôi kiểm tra công tác giáo dục, huấn luyện. Đương nhiên, đối với trung đoàn đây là một vinh dự lớn.

Trước hết, V.K. Bliu-khe tìm hiểu căn kẽ việc tổ chức nuôi quân và đồng chí đã hài lòng về việc nấu ăn. Lúc ở nhà bếp đi ra, đồng chí đã nồng nhiệt bắt tay tất cả các chiến sĩ cấp dưỡng mà đồng chí muốn nhìn tận mặt. Sau đó, đồng chí đã đi thăm tất cả các nhà ở và các nơi hoạt động văn hóa - giáo dục của trung đoàn. Lúc kết thúc cuộc kiểm tra, đồng chí hỏi:

- Tình hình sẵn sàng chiến đấu ở đơn vị các đồng chí thế nào? Bởi vì chúng ta đóng cách biên giới không bao xa.

Tôi trả lời rằng, cán bộ và chiến sĩ của trung đoàn hiểu rất rõ nhiệm vụ của mình và luôn luôn sẵn sàng hoàn thành nghĩa vụ quân sự đối với Tổ quốc.

- Như vậy thì thật đáng khen. Yêu cầu đồng chí phát tín hiệu “báo động” cho trung đoàn.

Thành thật mà nói, tôi không ngờ có chuyện này, song tôi không bối rối. Tôi hạ lệnh cho đồng chí trực ban trung đoàn:

- Phát tín hiệu “báo động chiến đấu”.

Một tiếng đồng hồ sau, trung đoàn đã tập hợp xong trong khu vực đóng quân. V.K. Bliu-khe rất chăm chú kiểm tra trang bị, vũ khí, đạn dược và khả năng sẵn sàng chiến đấu nói chung của kỵ sĩ. Đồng chí đặc biệt kiểm tra tỉ mỉ đại đội súng máy và phê bình một cách khá nghiêm khắc một khẩu đội súng máy đã không đổ nước vào súng như quy định khi có báo động và không có một chút nước dự trữ nào.

- Các đồng chí có biết trong chiến tranh sự sơ xuất này dẫn tới chuyện gì không? - V.K. Bliu-khe hỏi.

Các chiến sĩ lặng thinh và sau đó thẹn đỏ mặt lên.

- Hãy chú ý đến khuyết điểm này, các đồng chí ạ.

Kiểm tra tình hình sẵn sàng chiến đấu xong rồi, V.K. Bliu-khe nêu thêm một tình huống chiến thuật: “Đối phương” đang hành quân tới một giới tuyến chiến thuật rất quan trọng và muốn nhanh chóng chiếm được giới tuyến này. Khoảng cách từ chỗ “đối phương” đến cứ điểm là 12 ki-lô-mét, khoảng cách giữa trung đoàn và “đối phương” là gần 25 ki-lô-mét, tức là giới tuyến thuận lợi về mặt chiến thuật ở cách “đối phương” cũng như ở cách trung đoàn một khoảng xa như nhau.

Để mất thời gian thông báo tình huống cho cán bộ và giải thích nhiệm vụ chiến đấu lúc này là không hợp lý “đối phương” sẽ tới được giới tuyến đó trước chúng ta. Tôi liền quyết định: đại đội cùng với bốn khẩu đại liên và một khẩu pháo cho ngựa phi nước kiệu theo tôi làm nhiệm vụ tiền đạo. Nhiệm vụ chiến đấu sẽ giao trên đường tiến quân. Chủ lực của trung đoàn, do đồng chí trung đoàn phó chỉ huy, tiến theo sau cách đội tiền đạo 3 ki-lô-mét, và sẵn sàng đánh gấp địch.

Tiến quân lúc theo nước kiệu, lúc theo nước đại, đội tiền đạo đã chiếm được giới tuyến có lợi về chiến thuật trước “đối phương” và bố trí hỏa lực để chặn đánh chúng.

Sau khi trung đoàn đã thu quân, V.K. Bliu-khe nói với trung đoàn:

- Các đồng chí chiến sĩ và cán bộ chỉ huy, cảm ơn các đồng chí đã trung thực làm tròn nhiệm vụ quân nhân. Tất cả những gì mà trung đoàn các đồng chí biểu diễn ngày hôm nay đều đáng khen ngợi. Các bạn, tôi kêu gọi các bạn trân trọng gìn giữ và làm phong phú thêm truyền thống chiến đấu của sư đoàn kỵ binh Xa-ma-ra quang vinh, sư đoàn đã chiến đấu tuyệt giỏi với bọn bạch vệ và bọn can thiệp. Hãy luôn luôn sẵn sàng hoàn thành mệnh lệnh chiến đấu của Tổ quốc vĩ đại của chúng ta!

Tiếng “hoan hô” vang lên như sấm để hưởng ứng lời nói của đồng chí. Rõ ràng là những lời nói nồng nhiệt của V.K. Bliu-khe đã làm cho các chiến sĩ xúc động và phấn khởi.

Tính tình nồng hậu chân thành của một con người như thế đã làm cho tôi cảm phục. Là chiến sĩ vô cùng gan dạ trong cuộc chiến đấu với kẻ thù của nước Cộng hòa Xô-viết, anh hùng nổi tiếng và được nhiều người mến, V.K. Bliu-khe là lý tưởng của nhiều người. Tôi không giấu giếm rằng tôi luôn ao ước được giống như người Bôn-sê-vich ưu tú, người đồng chí tuyệt diệu và người tư lệnh tài ba ấy.

Cuối tháng 7-1924, đồng chí tư lệnh sư đoàn G.Đ. Gai triệu tập tôi đến chỗ đồng chí và hỏi tôi đang học tập nâng cao kiến thức của mình như thế nào. Tôi trả lời rằng tôi đọc nhiều và để tâm nghiên cứu phân tích các chiến dịch trong Thế chiến thứ nhất. Tôi đã chuẩn bị nhiều tài liệu để nghiên cứu cùng với cán bộ của trung đoàn.

- Tất cả những việc đó đều tốt và đáng khen. - G.Đ. Gai nói - Nhưng lúc này làm như cậu hãy còn là ít. Quân sự không dừng ở tại chỗ. Trong việc nghiên cứu các vấn đề quân sự, cán bộ quân sự chúng ta cần được học tập cơ bản hơn. Tôi nghĩ rằng mùa thu này đồng chí cần đến học Trường Cao đẳng kỵ binh ở Lê-nin-grát. Việc này sẽ rất có ích cho hoạt động tương lai của đồng chí.

Tôi cảm ơn đồng chí và nói rằng, tôi sẽ cố gắng hết sức học tập để xứng đáng với sự tin nhiệm này.

Về tới trung đoàn, không để phí thời gian, tôi lại miệt mài với các sách giáo khoa, các điều lệnh và điều lệ, bắt đầu chuẩn bị cho kỳ thi vào trường. Kỳ thi này dễ thôi, nói đúng hơn là nó chỉ có tính chất hình thức, và tôi được xếp vào nhóm thứ nhất. Hồi đó K.K. Rô-cô-xốp-xki, I.Kh. Ba-gra-mi-an, A.I. Ê-rê-men-cô và nhiều cán bộ trung đoàn khác cũng dự lớp huấn luyện này.

Đây là lần đầu tiên tôi cũng như đa số học viên khác đến Lê-nin-grát. Chúng tôi rất chăm chú tìm hiểu các danh lam thắng cảnh, đến thăm các nơi diễn ra những trận đánh lịch sử của tháng Mười năm 1917. Lúc ấy làm sao tôi có thể nghĩ được rằng 17 năm sau, tôi lại được chỉ huy Phương diện quân Lê-nin-grát bảo vệ thành phố của Lê-nin chống lại quân đội phát-xít!

Lãnh đạo Trường Cao đẳng kỵ binh là V.M. Pri-ma-cốp, một cán bộ chỉ huy ưu tú của sư đoàn kỵ binh 8 quang vinh vùng Cô-dắc Chéc-vôn, sư đoàn đã từng gây khủng khiếp cho quân

đội bạch vệ trong những năm nội chiến. Với dáng người mập mạp, tầm vóc trung bình, bộ tóc đẹp, đôi mắt thông minh và khuôn mặt duyên dáng, V.M. Pri-ma-cốp tranh thủ ngay được thiện cảm của học viên. Đó là một người học rộng. Khi trình bày ý kiến của mình, đồng chí nói ngắn gọn rõ ràng.

Một thời gian sau, V.M. Pri-ma-cốp được chỉ định làm quân đoàn trưởng quân đoàn Cô-dắc ở U-crai-na, còn M.A. Ba-toóc-xki, nhà lý luận nổi tiếng của binh chủng kỵ binh, được chỉ định đến thay thế cho Pri-ma-cốp. Tất cả chúng tôi đều mừng vui thấy V.M. Pri-ma-cốp được đề bạt và tin tưởng rằng với những khả năng của mình, đồng chí sẽ là một người cầm quân cỡ lớn.

Chẳng bao lâu sau, Trường Cao đẳng kỵ binh của chúng tôi được cải tổ lại thành các lớp bổ túc cho cán bộ chỉ huy kỵ binh, và thời gian học tập giảm từ 2 năm xuống còn một năm.

Chương trình học tập rất nặng. Sau khi nghe giảng phải tự nghiên cứu nhiều. Bây giờ, vào lúc tuổi đang mãn bóng xế tà, đôi khi tôi cũng phải ngạc nhiên về sức chịu đựng dẻo dai, về tinh thần miệt mài, kiên trì nâng cao kiến thức quân sự hồi bấy giờ.

Tôi chợt nhớ lại lần được giao chuẩn bị trình bày tại Hội khoa học quân sự bản báo cáo về đề tài “Những yếu tố cơ bản có ảnh hưởng đến lý luận nghệ thuật quân sự”. Bây giờ thì đề tài này có thể không có gì khó khăn cả, nhưng lúc đó thì tôi chẳng biết nên đề cập đến khía cạnh nào của vấn đề, nên bắt đầu từ đâu và nên kết luận ra sao. Các đồng chí trong tổ chức Đảng đã giúp đỡ tôi nhiều. Bản báo cáo thậm chí đã được đăng trên bản tin phát hành cho học viên các lớp bổ túc cán bộ chỉ huy kỵ binh.

Tôi cũng nhớ rõ cả sự giúp đỡ thân tình to lớn giữa đảng bộ Lê-nin-grát và đảng bộ lớp học chúng tôi trong việc tổ chức cho quân và dân động viên lẫn nhau. Những người đã tham gia những sự kiện tháng Mười vĩ đại - những công nhân tại các xưởng và nhà máy Lê-nin-grát - thường đến thăm lớp học chúng tôi. Chúng tôi mê mải lắng nghe họ kể về những lần gặp gỡ Vla-di-mia I-lích Lê-nin, về cuộc tấn công đánh chiếm Cung điện Mùa Đông. Đến lượt mình, chúng tôi tới các xí nghiệp kể lại về cuộc chiến đấu chống bọn can thiệp nước ngoài và bọn bạch vệ trên các mặt trận trong thời nội chiến. Vì nhiều người trong chúng tôi mấy năm về trước cũng là công nhân, nên chưa nói hết lời, chúng tôi hiểu nhau ngay, và tình bạn của chúng tôi thật là bền chặt.

Chúng tôi thường tổ chức những cuộc đua ngựa thi và bao giờ cũng có nhiều người dân thành phố Lê-nin-grát đến xem. Cưỡi ngựa hóa trang, đua ngựa có đầu gươm giáo và những cuộc đua ngựa đường bằng và nhảy qua chướng ngại vật là những môn đặc biệt đại chúng trong mùa hè. Trong tất cả những cuộc đua này thế nào cũng có tôi cùng với K.K. Rô-cô-xốp-xki, M.I. Xa-vê-lép, I.Kh. Ba-gra-mi-an và những nhà thể thao khác của lớp bổ túc cán bộ chỉ huy kỵ binh tham gia.

Mùa thu và đông, chúng tôi chủ yếu học lý luận quân sự và học tập chính trị. Chúng tôi thường học lý thuyết trên bàn cát và làm bài tập trên kế hoạch và bản đồ. Chúng tôi cưỡi ngựa - lên ngựa và xuống ngựa, đó là những môn mà hồi đó các cán bộ chỉ huy trung đoàn phải biết thành thạo. Chúng tôi rất chú ý tập đấu kiếm thật và kiếm giả, nhưng đây chỉ là hoạt động ngoại khóa, trong thời gian rảnh rang của cá nhân..

Hè năm 1925, chúng tôi được huấn luyện chủ yếu về chiến thuật dã chiến dưới sự hướng dẫn trực tiếp của đồng chí phụ trách lớp học Mi-kha-in A-lếch-xan-đrô-vich Ba-toóc-xki. Đồng chí đã truyền lại cho chúng tôi nhiều kiến thức và kinh nghiệm.

Việc học tập tại lớp bổ túc cán bộ chỉ huy kỵ binh kết thúc bằng một cuộc hành quân vượt sông Vôn-khốp. Ở đây chúng tôi học bơi cùng với ngựa và vượt sông.

Bơi qua sông cùng với ngựa là một việc khá phức tạp. Mặc cả áo quần đã ít người bơi giỏi, lại còn phải học điều khiển cả ngựa đang bơi nữa. Trong việc đào tạo kỵ binh, người ta chú ý nhiều đến việc rèn luyện cho thành thục những tập quán này. Tôi còn nhớ một trường hợp ngộ nghĩnh trong thời gian học tập trên sông Vôn-khốp. Sau khi kết thúc một buổi học, một học viên trong tiểu đội chúng tôi, Mi-sa Xa-vê-lép, vì muốn làm nổi bật tinh thần dũng mãnh của kỵ binh, đã đề nghị được biểu diễn kỹ thuật đứng trên yên ngựa vượt qua sông để giữ không cho áo quần và đạn dược bị ướt.

Ban phụ trách đồng ý, song ra lệnh cho bơi hai chiếc thuyền trên sông để đề phòng mọi trường hợp bất trắc. Vất bàn đạp qua yên ngựa xong rồi, Mi-sa dũng cảm cho ngựa xuống sông. Ngựa tiến qua giải nước cạn và bắt đầu bơi, còn kỵ sĩ thì vững tâm đứng trên yên, tay cầm chắc dây cương. Thoạt đầu, mọi việc đều trôi chảy cả, nhưng khi đến khoảng giữa sông, ngựa có vẻ đã mệt và bắt đầu luống cuống. Và dù cố lấy thăng bằng trên yên ngựa thế nào đi nữa, người cưỡi vẫn cứ lộn nhào xuống sông và chìm ngấm dưới nước. Nếu không có hai con thuyền bảo hộ thì đã xảy ra tai nạn rồi. Ngựa một mình bơi đến bờ và sau đó con thuyền chở Xa-vê-lép ướn như chuột lột cũng cập bến. Đương nhiên là chúng tôi đón anh ta bằng một trận cười vang và những câu chế giễu, nhưng anh ta thì không còn cười vào đâu được nữa - vì vừa bị mắc cỡ về chuyện bơi qua sông, lại mất tong đôi giày dưới nước. Đôi giày này anh ta vất lòng thông qua cổ lúc vượt sông. Thế là phải đi tất không về trại...

Sau khi lớp học mãn khóa, tôi cùng với trung đoàn trưởng trung đoàn kỵ binh 42 M.Xa-vê-lép, đại đội trưởng thuộc trung đoàn A-xơ-ra-khan 37 N. Rư-ban-kin, chúng tôi quyết định không đi xe lửa và đi ngựa về nơi công tác ở Min-xơ. Con đường phải vượt qua là 963 ki-lô-mét. Hành trình của chuyến đi ngựa này qua Vi-tép-xơ, Oóc-sa, Bô-ri-xốp.

Chúng tôi trình bày kế hoạch của mình với Ban giám đốc lớp bổ túc cán bộ chỉ huy kỵ binh và chúng tôi được phép làm như vậy, nhưng tiếc thay, người ta đã không thể tổ chức các trạm nghỉ và việc cấp dưỡng cho chúng tôi trên đường đi. Dù sao, chúng tôi cũng không từ bỏ quyết định của mình, tuy biết trước là phải đương đầu với nhiều khó khăn, nhất là vì mùa thu lạnh và mưa đã bắt đầu rồi. Chúng tôi quyết định vượt qua chặng đường 963 ki-lô-mét trong 7 ngày đêm. Một cuộc thí nghiệm về thể thao như vậy là chưa từng có ở Liên bang Xô-viết chúng ta cũng như ở các nước khác. Nếu gặp thuận lợi, chúng tôi trù tính lập một kỷ lục thế giới về đi ngựa thành nhóm.

Mục đích cơ bản của cuộc thí nghiệm này là kiểm tra xem khi chuyển sang hành quân đường trường cần luyện tập cưỡi ngựa thế nào cho thích hợp.

Một buổi sáng đầu thu năm 1925, bạn bè chúng tôi và các đại diện Ban giám đốc lớp bổ túc cán bộ chỉ huy kỵ binh đã tập trung 73 đờn tiền tiêu của Lê-nin-grát về phía Mát-xơ-va để chúc chúng tôi lên đường bình yên may mắn.

Sau khi khởi hành, chúng tôi quyết định cho ngựa chạy nước kiệu xen kẽ, tức là chạy nước kiệu nhưng thỉnh thoảng lại chạy nước đại. Trong ngày đầu, chúng tôi đi được ít hơn mức dự định là 10 ki-lô-mét vì cảm thấy rằng ngựa đã mệt, vả lại con Đì-ra của tôi lại bị đau chân. Con ngựa nòi này đã 12 tuổi mà tuổi này đối với loài ngựa đã là già rồi.

Chúng tôi thấy mệt, muốn mau đến chỗ nghỉ. Anh chị em nông dân đã ân cần tiếp đón chúng tôi, cho ngựa ăn và đãi cơm chúng tôi chu đáo.

Sáng hôm sau, tôi vẫn còn vất vả lắm - ngựa chưa khỏi đau chân. Sau khi đã đổ sập vào chỗ thủng và băng móng ngựa lại, tôi quyết định cầm dây cương dắt Đì-ra đi. May sao chẳng bao lâu ngựa khỏi đau chân. Tôi lên yên. Không hề gì, ngựa hết đau chân rồi. Nó phi nước kiệu - thế là tốt rồi. Để giảm bớt gánh nặng cho cái chân phải đang đau, tôi quyết định chỉ cho ngựa đi thong thả bước một và chạy nước đại từ chân trái.

Các đồng chí của tôi ung dung hơn tôi nhiều vì có những con ngựa khỏe. Tôi phải xuống ngựa nhiều lần hơn, phải cầm cương dắt cho ngựa đi nhiều hơn và, đương nhiên, bản thân tôi mệt mỏi về thể xác nhiều hơn. Vì vậy, đến nơi tạm nghỉ, bạn bè đảm đương việc đi kiếm thức ăn và trông nom ngựa.

Đến ngày đường thứ bảy, lúc chúng tôi đã đi qua Bô-ri-xốp rất xa và tiến gần đến Min-xơ, chúng tôi thấy nhiều người mang cờ đỏ và biểu ngữ tụ tập ở ngoài thành phố. Té ra là các đồng chí cùng trung đoàn và nhân dân địa phương đang chờ đón chúng tôi. Thúc cho ngựa chạy nước đại dã chiến, chúng tôi tiến tới gần lễ đài và báo cáo với đồng chí chỉ huy bộ đội và đồng chí chủ tịch Xô-viết thành phố rằng cuộc hành trình đã được hoàn thành một cách thuận lợi. Mọi người nhiệt liệt hoan nghênh chúng tôi.

Hai hôm sau, tiến hành kiểm tra: cho ngựa chạy 2 ki-lô-mét có chướng ngại vật, khám, cân. Kết quả là khả quan và cuộc hành trình của chúng tôi được đánh giá tốt. Sau bảy ngày đêm đi đường, ngựa sụt mất từ 8 đến 12 ki-lô-gam, còn người cưỡi thì mất từ 5 đến 6 ki-lô-gam.

Sau khi nhận phần thưởng của Chính phủ và lời cảm ơn của bộ tư lệnh, chúng tôi lên đường đi nghỉ phép ít lâu. Tôi về quê thăm mẹ và chị.

Trong những năm tôi xa vắng, mẹ tôi đã già đi nhiều nhưng vẫn hay làm như trước. Chị tôi đã có hai con, chị cũng già đi đôi chút. Rõ ràng là những năm sau chiến tranh và nạn đói năm 1921-1922 đã ảnh hưởng nhiều đến mẹ và chị tôi.

Hai cháu nhỏ, con chị tôi, quen tôi ngay. Chúng lục soát va-li của tôi mà chẳng ngại ngần gì, và lôi ra tất cả những gì mà không thích.

Xóm làng còn nghèo, nhân dân ăn mặc chưa tốt, tổng số gia súc giảm bớt và sau vụ mất mùa năm 1921, nói chung nhiều gia đình không còn con nào nữa. Nhưng điều đáng cảm phục là trừ vài trường hợp rất cá biệt còn không ai kêu ca phàn nàn gì cả. Nhân dân đã hiểu đúng những khó khăn sau chiến tranh.

Bọn phú nông và bọn con buôn thì tỏ ra rất kín đáo. Rõ ràng là không còn hy vọng rằng thời đại cũ sẽ quay trở lại, nhất là sau khi tuyên bố chính sách kinh tế mới. Ở U-gốt-xki Da-vốt, trung tâm của địa phương, lại thấy mở những tiệm ăn và hiệu tạp hóa của tư nhân. Mạng lưới các cửa hàng hợp tác mới thành lập đang gắng cạnh tranh với những hiệu buôn này.

Trở lại sư đoàn, tôi được biết rằng sư đoàn đang được biên chế lại sẽ có 4 trung đoàn kỵ binh chứ không phải là 6 trung đoàn như trước. Trung đoàn kỵ binh Bu-du-lúc 39 do tôi phụ trách trước đây nay sáp nhập với trung đoàn 40, còn hai trung đoàn kỵ binh 41 và 42 thì được tổ chức lại thành một trung đoàn mới - trung đoàn kỵ binh Mê-lê-két-xcô Pu-ga-chép-xki 39.

Vấn đề này đụng chạm đến cá nhân chúng tôi - tôi và M.I. Xa-vê-lép trung đoàn trưởng trung đoàn kỵ binh 42. Một trong hai chúng tôi sẽ được giao trách nhiệm phụ trách trung đoàn 39 mới tổ chức này, còn người kia sẽ được điều động đến một binh đoàn khác. Chúng tôi ai cũng muốn ở lại sư đoàn mà mình đã quen thân như ruột thịt. Cấp trên chọn tôi ở lại, còn M.I. Xa-vê-lép thì đi công tác khác.

Tôi hiểu nỗi buồn của anh, nhưng chúng tôi chia tay nhau như những người bạn thân và sau này gặp nhau vẫn coi nhau như những người bạn cố tri.

Các trung đoàn kỵ binh trước đây của sư đoàn được biên chế 4 đại đội còn các trung đoàn mới theo biên chế đề ra trong cuộc cải cách quân sự, đều có 6 đại đội và cứ hai đại đội hợp thành một tiểu đoàn kỵ binh. Ngoài ra, trung đoàn còn có: đại đội súng máy 16 ly, một đại đội

pháo, một trung đội thông tin liên lạc độc lập, một trung đội công binh độc lập, một trung đội hóa học độc lập, và trường đào tạo cán bộ sơ cấp của trung đoàn.

Đối với tôi và tập thể trung đoàn, một thời kỳ công tác sôi nổi đã đến.

Biện pháp quan trọng nhất của cuộc cải cách quân sự là thi hành chế độ một thủ trưởng trong các lực lượng vũ trang Xô-viết.

Chế độ này được thể hiện dưới hai dạng cơ bản. Trong các trường hợp mà người cán bộ chỉ huy là đảng viên cộng sản thì thường là người này đồng thời đảm nhiệm chức chính ủy một mình phụ trách cả việc huấn luyện quân sự, hoạt động quản lý - kinh tế lẫn toàn bộ công tác chính trị và công tác Đảng. Đồng chí này có một trợ lý công tác chính trị. Biện pháp quan trọng này để củng cố kỷ luật và nâng cao tính sẵn sàng chiến đấu trong quân đội đã có thể có đầy đủ cơ sở để thực hiện ngay từ những năm ấy, vì đội ngũ cán bộ chỉ huy đã tiến bộ nhiều.

Nếu như người chỉ huy không phải là người đảng viên thì anh ta chỉ chịu trách nhiệm về mặt huấn luyện quân sự và về các chức năng quản lý - kinh tế, còn công tác Đảng và công tác chính trị thì do chính ủy lãnh đạo, chính ủy cùng với người chỉ huy chịu trách nhiệm về tình hình tư tưởng và khả năng sẵn sàng chiến đấu của đơn vị.

Trong một mệnh lệnh của Hội đồng quân sự cách mạng thời ấy, về nhiệm vụ này có nói rằng: “Thường xuyên ghi nhớ rằng: nhiệm vụ của chính quyền Xô-viết trong lĩnh vực xây dựng quân sự và thực hiện quyền chỉ huy giao cho một người, người chính ủy, một mặt, phải bằng mọi cách giữ quan hệ chặt chẽ với người chỉ huy, làm cho người chỉ huy ngày càng giác ngộ về chủ nghĩa cộng sản, và, mặt khác, tự mình phải chăm chú học tập quân sự để sau này đảm nhận được cả chức trách chỉ huy và quản lý”.

Tôi còn nhớ, mùa xuân năm 1925, chúng tôi đã nhận được chỉ thị của Ban chấp hành trung ương Đảng gửi toàn thể các tổ chức Đảng “Về chế độ một thủ trưởng trong Hồng quân”. Trong chỉ thị này có giải thích rằng toàn bộ công tác của Đảng và của các cơ quan quân sự trong mấy năm qua nhằm củng cố Hồng quân nói chung và đội ngũ cán bộ chỉ huy nói riêng đã tạo ra những điều kiện hoàn toàn thuận lợi cho việc thi hành nguyên tắc một thủ trưởng.

Một số đồng chí lúc đó nghĩ rằng, chế độ một thủ trưởng có thể dẫn tới chỗ hạ thấp ảnh hưởng của Đảng trong quân đội. Nhưng chính người đảng viên cộng sản đã làm người chỉ huy - một thủ trưởng, cho nên vai trò của Đảng không những không sút kém đi, mà ngược lại, còn được tăng cường. Trách nhiệm của người cán bộ trước Đảng về mọi mặt sinh hoạt trong quân đội rộng lớn hơn. Vì thế, kỷ luật được củng cố một cách đáng kể và khả năng sẵn sàng chiến đấu của các lực lượng vũ trang chúng ta được nâng cao thêm.

Qua công tác thực tế, quan hệ qua lại giữa người chỉ huy với chính ủy và cán bộ làm công tác chính trị càng ngày càng chặt chẽ và được cải tiến. Tôi xin nói sớm trước là tôi còn nhớ rằng, trong năm 1928, theo chỉ thị của Ban Chấp hành trung ương Đảng, Hội đồng quân sự cách mạng đã có nghị định ban hành quy chế công tác chính ủy, chỉ huy - một thủ trưởng và trợ lý công tác chính trị. Bản quy chế này khẳng định giao cho các chính ủy quyền lãnh đạo công tác Đảng và công tác chính trị, chịu trách nhiệm về tình hình tư tưởng - chính trị của đơn vị (binh đoàn), người chính ủy được hoàn toàn miễn nhiệm các chức năng kiểm tra.

Học xong lớp bổ túc, tôi làm việc dễ dàng hơn, có thể vững tâm giải quyết một cách độc lập các vấn đề huấn luyện quân sự, chính trị và quản lý trung đoàn.

Trong thời gian này, mọi việc ở trung đoàn tôi không đến nổi tồi. Mùa đông năm 1926, tôi được triệu tập lên gặp đồng chí chính ủy quân đoàn kỵ binh 3 A.P. Crô-khơ-man và đồng chí tư lệnh quân đoàn X.K. Ti-mô-sen-cô vừa tới chỉ huy quân đoàn từ mùa xuân năm ấy.

Bước vào phòng làm việc, tôi thấy ở đây có cả đồng chí tư lệnh sư đoàn chúng tôi K.Đ. Xtép-nôi Xpi-gác-nuri, đồng chí chính ủy sư đoàn G.M. Stéc-nơ và đồng chí chủ nhiệm chính trị L.I. Bô-cha-rốp.

- Chúng tôi mời đồng chí tới đây để đề nghị đồng chí đảm nhận chức trách trung đoàn trưởng kiêm chính ủy trung đoàn, nghĩa là làm chỉ huy - một thủ trưởng, - X.K. Ti-mô-sen-cô nói. - Bộ tư lệnh sư đoàn và phòng chính trị xét thấy đồng chí đã được bồi dưỡng đầy đủ để đảm đương trách nhiệm ấy. Về vấn đề này, ý kiến đồng chí thế nào?

Lặng yên một lúc, có lẽ lâu hơn thời gian cần thiết một chút, tôi trả lời rằng, có sự giúp đỡ tích đáng của bộ tư lệnh và phòng chính trị sư đoàn, tôi hy vọng sẽ đảm đương được những chức trách mới giao cho tôi.

Vài ngày sau, tôi được chỉ định làm chỉ huy - một thủ trưởng. Trong sư đoàn kỵ binh 7, đây là một thí nghiệm đầu tiên có liên quan đến nhiều thứ. Trong công tác tổ chức và công tác tư tưởng, tôi được đồng chí bí thư ban chấp hành Đảng bộ và đồng chí trung đoàn phó phụ trách công tác chính trị giúp đỡ. Hai đồng chí này không ngần ngại gì mỗi khi cần phải theo tình thần Đảng mà uốn nắn và khuyên bảo tôi. Hoàn toàn đương nhiên là trong thời gian đầu, vì không có kinh nghiệm trong công tác mới, tôi đã phạm một số sai lầm, và những sự uốn nắn đó chỉ có lợi cho công việc mà thôi.

Để lãnh đạo đúng đắn công tác giáo dục chính trị, các cán bộ cấp trên phải có trình độ hơn cán bộ cấp dưới mình trong lãnh vực này nhiều. Trong những năm đó, chúng tôi, những người cán bộ chỉ huy, đã tiến bộ nhanh và mạnh về trình độ quân sự hơn về mặt nắm những quan điểm cơ bản của học thuyết Mác - Lê-nin. Sở dĩ thế là vì một mặt chúng tôi người nào cũng tui bụi vào công tác hành chính quản trị, công tác huấn luyện và học tập quân sự mặt khác, nhiều người còn chưa thấy hết sự cần thiết phải nghiên cứu sâu sắc học thuyết Mác - Lê-nin và công tác tổ chức của Đảng trong quân đội. Đương nhiên, trong lĩnh vực này, những cán bộ chính trị được bồi dưỡng tốt hơn các cán bộ chỉ huy như chúng tôi.

Ít lâu sau, đồng chí tư lệnh sư đoàn Đ.A. Smit từ U-crai-na đến phụ trách sư đoàn thay đồng chí tư lệnh sư đoàn K.Đ. Xtép-nôi Xpi-gác-nuri. Đồng chí tư lệnh mới khác nhiều so với đồng chí K.Đ. Xtép-nôi Xpi-gác-nuri về tính tình, kinh nghiệm và tác phong công tác.

Nếu K.Đ. Xtép-nôi Xpi-gác-nuri hiểu động hay nói nhiều, thậm chí có thể nói là ba hoa, thì Đ.A. Smit là một người thông minh, luôn luôn trình bày ý kiến của mình ngắn gọn, nhưng, tiếc thay, lại không ưa làm việc cần cù tỉ mỉ.

Mùa hè năm 1926, sư đoàn lại đến trại huấn luyện. Chúng tôi được ở một khu vực rất ngoạn mục trong vùng Giơ-da-nô-vi-chi-a, cách Min-xơ khoảng 20 ki-lô-mét. Hiện nay, chỗ này đã được đào thành một cái hồ lớn.

Đợt huấn luyện quân sự này rất khẩn trương, căng thẳng. Nội dung huấn luyện được đặc biệt chú ý là môn chiến thuật dã chiến cho các phân đội, cán bộ chỉ huy, cơ quan tham mưu và cho đơn vị nói chung. Phải nói rằng, trong tất cả các môn học quân sự, tôi thích nhất môn chiến thuật và bao giờ cũng hào hứng nghiên cứu môn này.

Như mọi người đều rõ, quân đội là công cụ để tiến hành chiến tranh, nó tồn tại là để đấu tranh vũ trang chống lại kẻ thù của Tổ quốc, và để tiến hành cuộc đấu tranh ấy, quân đội trước hết phải được huấn luyện về chiến thuật. Nếu không, nó sẽ phải học trong quá trình chiến đấu và như thế sẽ chịu nhiều tổn thất lớn lao.

Để trau dồi trình độ chiến thuật, trung đoàn chúng tôi tiến hành nhiều cuộc học thị phạm về

khoa trình sát, tổ chức chiến đấu và hợp đồng với các phương tiện kỹ thuật chiến đấu.

Mọi người đều biết, khâu nút của toàn bộ đợt huấn luyện chiến thuật đối với các trung đoàn là những cuộc tập trận. Bắt đầu từ năm 1925, hàng năm, sau thời gian huấn luyện ở trại, quân khu Bê-lô-ru-xi đã tổ chức nhiều cuộc tập trận.

Sư đoàn kỵ binh 7 cũng đã tham dự những cuộc tập trận này và tôi nhớ, không lần nào sư đoàn bị điểm xấu về huấn luyện chiến thuật cả. Sở dĩ đạt được kết quả đó, trong một chừng mực đáng kể, là do các cán bộ chỉ huy chúng tôi coi trọng những buổi tập chiến thuật. Cần phải nói rằng, tất cả các cán bộ trung đoàn trong sư đoàn chúng tôi đều tương đối thông thạo về chiến thuật và đều say mê luyện tập chiến thuật.

Chỉ huy trung đoàn kỵ binh 37 hồi đó là đồng chí V.I. Vôn-xki, tháng 11-1942, chính đồng chí đã chỉ huy quân đoàn cơ giới của Phương diện quân Xta-lin-grát và cùng với các tập đoàn quân 51 và 64 đột kích ở hướng chung vào Ca-lát, và, chính ở đây đơn vị của đồng chí đã nối liên lạc được với các đơn vị của Phương diện quân Tây-nam. Đứng đầu trung đoàn kỵ binh 38 là V.A. Gai-đu-cốp. Trong cuộc chiến tranh giữ nước vĩ đại, Gai-đu-cốp chỉ huy quân đoàn và nhiều binh đoàn khác. Các trung đoàn và đơn vị khác của sư đoàn cũng đều có những cán bộ chỉ huy có kinh nghiệm.

Việc huấn luyện thể dục thể thao cũng đã được chú ý nhiều. Toàn thể chúng tôi, những quân nhân đã được thử thách nhiều, hiểu rõ hơn ai hết rằng, chỉ có những chiến sĩ tráng kiện đã được tôi luyện mới có khả năng chịu đựng được những vất vả nặng nhọc của chiến tranh. Và thắng lợi của đơn vị nói chung tùy thuộc vào sự rèn luyện của mỗi chiến sĩ. Như mọi người đều biết, trong chiến tranh phải tiến hành những cuộc hành quân chiến đấu căng thẳng trong bất cứ thời tiết nào, cả ngày lẫn đêm, theo đường cái và không theo đường cái, phải triển khai trong hành tiến các đội hình chiến đấu để chớp nhoáng công kích kẻ thù và thường thường phải đuổi đánh để tiêu diệt chúng hoàn toàn. Trong trường hợp chiến đấu không thuận lợi thì điều quan trọng là phải rút quân và tổ chức lại thật nhanh. Chỉ đơn vị nào được rèn luyện tốt về thể lực thì mới đủ sức để làm được tất cả những việc đó. Nếu không, đơn vị sẽ nhanh chóng “mất sức”[3] và ở đâu cũng sẽ chậm chân, phải chịu nhiều tổn thất to lớn, và thậm chí có thể vì không được rèn luyện mà bị tiêu diệt[4].

Cần phải nói rằng, trong các môn thể thao cưỡi ngựa, trung đoàn kỵ binh 39 là đấu thủ chủ yếu của các đơn vị kỵ binh giỏi nhất thuộc Quân khu Bê-lô-ru-xi. Chúng tôi đã xây dựng được trong trung đoàn một nhóm vận động viên thể thao tích cực, trong đó có nhiều cán bộ chỉ huy. Và chính bản thân tôi cũng đã thường xuyên luyện tập về mọi môn thể thao cưỡi ngựa.

Kỹ thuật bắn các loại súng có yếu hơn một chút. Các đội xạ thủ của trung đoàn kỵ binh 40 bao giờ cũng thắng chúng tôi. Nhưng ngược lại, về mặt thể thao cưỡi ngựa, bao giờ chúng tôi cũng vượt xa trung đoàn 40.

Rõ ràng là các đối thủ của chúng tôi rất ngán ngẩm về chuyện đó và họ muốn “vượt” chúng tôi bằng bất kỳ giá nào, thậm chí bằng những mảnh khoe và thủ đoạn không thỏa đáng.

Có lần trong một cuộc đua ngựa của quân khu, để làm nổi tài nghệ của mình và chứng tỏ sức chịu đựng đặc biệt của ngựa, một cán bộ của sư đoàn kỵ binh 6 đã giấu sẵn trong rừng, giữa chằng đường chạy đua, một con ngựa khác hình dáng giống y như con ngựa mà anh ta cưỡi lúc xuất phát. Sau khi đã vượt qua nửa đầu tiên của chằng đường chạy đua với một tốc độ cực kỳ nhanh, anh chàng tinh ma quỷ quái này liền giao chú ngựa đã gần mệt lử cho người của mình, còn anh ta lại chuyển sang cưỡi con ngựa đã giấu sẵn từ trước và hăng hái vượt nốt nửa chằng đường còn lại. Trước sự hân hoan chung của khán giả, giải nhất quân khu đã được trao tặng cho anh ta, nhưng cái vui ngắn chẳng đầy gang. Chẳng bao lâu cái trò lấu cá này đã bị phát hiện và kẻ có tội đã nhận được cái đáng được hưởng.

Nhưng các đối thủ của chúng tôi ở sư đoàn kỵ binh 6 vẫn chưa chịu: khi thì trong lúc đang chạy đua, họ ghìm đối thủ chắc ăn vào “một chiếc hộp con”, khi thì trong lúc thi sức chém, họ đưa ra cho các vận động viên của mình một cành nho tươi mà lại đưa ra cho chúng tôi một cành khô để lưỡi mác của chúng tôi khó chém đứt, và v.v...

Tôi rất nhớ lần Xê-mi-ôn Mi-khai-lô-vich Bu-đi-ôn-nui đến thăm trung đoàn. Trước đó tôi chưa từng gặp Xê-mi-ôn Mi-khai-lô-vich. Nhưng tôi biết rõ những thành tích của đồng chí đối với Tổ quốc trong cuộc chiến đấu với bọn bạch vệ và bọn can thiệp, và tôi rất muốn được làm quen với người tư lệnh kỳ tài này của tập đoàn quân kỵ binh 1.

Sáng hôm đó (một buổi sáng mùa thu năm 1927), tiếng chuông điện thoại réo vang. Đồng chí tư lệnh sư đoàn Đmi-tơ-ri Ác-ca-đi-ê-vich Smit gọi điện thoại đến.

- Có thể là Xê-mi-ôn Mi-khai-lô-vich Bu-đi-ôn-nui sẽ đến trung đoàn đồng chí, cần tổ chức lễ tiếp đón đấy.

- Đến vào lúc nào và cần tiếp đón ra sao? - Tôi hỏi.

- Cụ thể lúc nào thì tôi không biết rõ. Thoạt đầu, đồng chí ấy sẽ đến trung đoàn 37, rồi đến trung đoàn 38, và sau đó, đến trung đoàn đồng chí, trung đoàn 39. Còn tiếp đón thế nào thì đồng chí là người chỉ huy, hãy tự liệu lấy.

Tôi hiểu rằng đồng chí tư lệnh sư đoàn không muốn nói tới những nghi lễ đặc biệt long trọng nào cả mà chỉ cần tiếp đón X.M. Bu-đi-ôn-nui một cách bình thường, như đã quy định trong điều lệnh về việc đón tiếp cán bộ cấp trên đến đơn vị.

Đến trưa, V.A. Gai-đu-cốp, trung đoàn trưởng trung đoàn 38, gọi điện thoại cho tôi:

- Khách đã lên đường đến chỗ cậu đấy, chuẩn bị đón đi.

Không còn thì giờ để bàn bạc nữa. Tôi tập trung những cán bộ giúp việc gần gũi nhất của mình lại: đồng chí trung đoàn phó phụ trách công tác chính trị Phrôn-cốp, đồng chí bí thư ban chấp hành Đảng bộ trung đoàn A.V. Sê-la-cốp-xki, đồng chí tham mưu trưởng, đồng chí chủ nhiệm hậu cần trung đoàn A.G. Ma-lư-sép. Chúng tôi cùng nhau ra cổng trại đứng chờ. Khoảng 5 phút sau, hai chiếc ô-tô con đi vào. Từ trong chiếc thứ nhất, X.M. Bu-đi-ôn-nui và X.K. Ti-mô-sen-cô bước ra. Như quy định trong điều lệnh, tôi báo cáo và giới thiệu các cán bộ giúp việc của mình, X.M. Bu-đi-ôn-nui chào hỏi mọi người.

Tôi nói với X.M. Bu-đi-ôn-nui:

- Xin đồng chí cho chỉ thị.

- Thế đồng chí đề nghị cái gì? - Xê-mi-ôn Mi-khai-lô-vich hỏi lại.

- Đề nghị đồng chí kiểm tra xem chiến sĩ và cán bộ chúng tôi sống và làm việc như thế nào.

- Đồng ý, nhưng trước hết tôi muốn kiểm tra công tác nuôi quân của các đồng chí.

Đến nhà ăn và nhà bếp, Xê-mi-ôn Mi-khai-lô-vich quan tâm tỉ mỉ đến chất lượng, cách chế biến và nấu nướng các món ăn, ghi cảm tưởng vào sổ của nhà ăn, tỏ lời cảm ơn các đồng chí cấp dưỡng và đồng chí phụ trách cấp dưỡng trung đoàn. Sau đó, khi đã kiểm tra quá trình huấn luyện quân sự xong rồi, Xê-mi-ôn Mi-khai-lô-vich nói:

- Nào, bây giờ yêu cầu đồng chí cho xem ngựa của trung đoàn.

Tôi phát tín hiệu cho trung đoàn “ra ngựa”. Mười phút sau các đại đội đã đội ngũ tề chỉnh và ra ngựa xong. Ngựa của trung đoàn rất tốt, móng ngựa đóng rất chắc.

Xê mi-ôn Mi-khai-lô-vich, sau khi khen các chiến sĩ Hồng quân đã nuôi dưỡng ngựa rất chu đáo, lên đường đi sang sư đoàn Chôn-gác-xcai-a 6.

Đồng chí tư lệnh Quân khu Bê-lô-ru-xi A-lếch-xây I-lích Ê-gô-rốp cũng đã đến thăm trung đoàn chúng tôi. Theo các đồng chí đã cùng công tác với A-lếch-xây I-lích kể, tôi được biết rằng đồng chí xuất thân từ một gia đình nông dân, đã làm nghề thợ rèn. Đồng chí đã cố gắng tự học và sau khi bị động viên vào quân đội Sa hoàng, đồng chí vào học trường quân sự và được phong làm sĩ quan. Thời gian cuối cùng trong quân đội cũ, đồng chí là trung tá. Tháng 7-1918, A.I. Ê-gô-rốp vào Đảng Bôn-sê-vich và cho đến phút cuối cùng đồng chí luôn luôn là một đảng viên trung thành và kiên cường của Đảng.

Trong những năm nội chiến, A.I. Ê-gô-rốp tỏ ra là một nhà cầm quân có tài, đồng chí chỉ huy Phương diện quân Nam cho đến lúc hoàn toàn đánh tan quân đội bạch vệ của Đê-ni-kin và, sau đó, đã chỉ huy Phương diện quân Tây-nam chiến đấu chống bọn Ba Lan trắng.

Sau khi nội chiến kết thúc thắng lợi, đồng chí A.I. Ê-gô-rốp, người cán bộ chỉ huy vinh quang, chiến sĩ kỵ binh đã từng được thưởng bốn huân chương Cờ Đỏ và Thanh kiếm cách mạng danh dự, đã chỉ huy nhiều quân khu và năm 1931 được cử làm Tổng tham mưu trưởng Hồng quân. Năm 1935, đồng chí được phong quân hàm nguyên soái Liên Xô.

Năm 1927, sau khi dự Hội nghị toàn thể Ban Chấp hành trung ương Đảng Cộng sản Bê-lô-ru-xi, A.I. Ê-gô-rốp đã bất ngờ đến trung đoàn chúng tôi.

Tôi đang điều khiển buổi tập chiến thuật thường lệ thì được tin đồng chí tư lệnh đến thăm trung đoàn.

A.I. Ê-gô-rốp muốn dự các buổi học về “trung đoàn kỵ binh bí mật tiếp cận sườn và sau lưng quân địch và tấn công chớp nhoáng chúng”.

Mọi việc đều diễn ra trôi chảy, cán bộ chỉ huy các phân đội đều có những quyết định mạnh dạn và chỉ động, sáng tạo. Đồng chí tư lệnh rất hồ hởi, vui đùa nhiều và điều đó làm cho mọi người có mặt cảm thấy thoải mái. Sau khi tôi kết thúc buổi học, A.I. Ê-gô-rốp đã nêu lên một loạt nhận xét và đề nghị. Một chỉ thị của đồng chí mà tôi đặc biệt ghi nhớ là nếu chỉ huấn luyện cho cán bộ về chiến thuật không thôi thì hãy còn là ít, nhất định phải huấn luyện cho họ nắm vững nghệ thuật chiến dịch nữa. Nếu như kẻ thù của Tổ quốc ta gây ra một cuộc chiến tranh thì cuộc chiến tranh đó đòi hỏi nhiều người trong chúng ta phải biết cả các vấn đề về nghệ thuật chiến dịch nữa.

Sau buổi tập, đồng chí tư lệnh hỏi:

- Thế còn việc xây dựng kế hoạch hoạt động của trung đoàn khi có động viên chiến tranh thì ra sao?

- Chúng tôi đã suy nghĩ nhiều về kế hoạch này, nhưng chúng tôi thấy có một số vấn đề mà cấp trên còn chưa giải đáp được, - tôi trả lời.

- Nào, nếu vậy thì đồng chí hãy trình bày kế hoạch đó và các vấn đề cần giải quyết, chúng ta sẽ cùng nhau xem xét - A.I. Ê-gô-rốp nói.

Trong gần một tiếng đồng hồ, tôi và đồng chí tham mưu trưởng trung đoàn đã báo cáo về việc xây dựng kế hoạch hoạt động của trung đoàn và trả lời các câu hỏi của đồng chí tư lệnh. Sau đó đồng chí tư lệnh nói:

- Khá đấy, khá đấy. Các đồng chí chưa rõ điểm gì nào?

- Điều phức tạp trong tình hình của chúng tôi là ở chỗ trung đoàn đóng gần biên giới quốc gia. Lúc báo động, trung đoàn sẽ phải tham chiến với một biên chế rất không đầy đủ. Ngoài ra, trung đoàn còn phải tách một bộ phận khung thuộc quân số của mình để thành lập các thê đội thứ hai. Đánh trận đầu tiên với quân thù mà quân số trung đoàn lại sút giảm như vậy thì có thể ảnh hưởng đến tinh thần của bộ đội, - tôi kết luận.

- Đúng là như vậy, - A.I. Ê-gô-rốp nói - Nhưng chúng ta không còn có cách nào nữa. Việc thành lập các thê đội thứ hai của các trung đoàn là rất cần. Không được đánh giá thấp kẻ thù. Cần phải nghiêm chỉnh chuẩn bị cho chiến tranh, phải sẵn sàng đánh một kẻ thù thông minh, có nghệ thuật và mạnh. Còn nếu như trên thực tế kẻ thù tỏ ra không mạnh và không thông minh, thì điều đó chỉ sẽ có lợi cho ta mà thôi.

A.I. Ê-gô-rốp quan tâm đến nhiều thứ: nào tình hình các kho dự trữ, nào nhà ở của quân nhân, cách ăn ở của cán bộ. Chúng tôi báo cáo rằng, nói chung, cán bộ sinh sống ở các khu nhà riêng, mỗi gia đình có một buồng theo quy định.

Tôi còn nhớ là hồi đó chúng tôi đã tự nguyện đem các vật quý của bản thân góp vào quỹ vàng của đất nước để góp phần xây dựng các nhà máy và xưởng. A.I. Ê-gô-rốp cũng quan tâm cả đến chuyện này nữa. Đồng chí hỏi:

- Thế bản thân đồng chí trung đoàn trưởng đã quyên góp cái gì?

- Bốn chiếc tẩu thuốc lá bằng bạc được thưởng trong các cuộc thi đấu thể dục cưỡi ngựa, một chiếc nhẫn vàng và một đôi hoa tai của vợ tôi. Nói đúng ra thì mọi người đều hành động như vậy cả.

Đồng chí tư lệnh liếc nhìn chúng tôi và nói: “Rất tốt, các đồng chí ạ, không thể khác thế được!”

Công việc ở sư đoàn sôi nổi hẳn lên, khi Đa-ni-lô Xéc-đích, người Xéc-bi, một cán bộ vẻ vang của tập đoàn quân kỵ binh 1 đến thay Đ.A. Smit làm tư lệnh sư đoàn. Đ. Xéc-đích đã hoạt động tích cực ngay và gây được uy tín trong hàng ngũ cán bộ chỉ huy các đơn vị. Tôi đặc biệt thích đồng chí ở chỗ đồng chí rất nghiêm khắc và luôn tìm mọi cách thường xuyên cải tiến công tác huấn luyện quân sự và chính trị. Đ. Xéc-đích tích cực đi sâu vào tất cả các vấn đề sinh hoạt Đảng và là một người chỉ huy giỏi toàn diện. Trong đời sống cá nhân, đồng chí rất khiêm tốn.

Tất cả các buổi tập dã chiến và những lần diễn tập quân khu có Đ. Xéc-đích dự đều bổ ích và đều mang lại kết quả vẻ vang cho sư đoàn kỵ binh Xa-ma-ra 7. Tất cả chúng tôi cảm thấy mình trưởng thành lên về mặt chiến dịch - chiến thuật và đều hiểu rằng, trong đó có công sức lớn lao của cá nhân đồng chí tư lệnh sư đoàn chúng tôi. Nói tóm lại, đồng chí là một người cán bộ chỉ huy xứng đáng và một nhà giáo dục có tài.

Năm 1929, K.K. Rô-cô-xốp-xki được cử đến làm tư lệnh sư đoàn kỵ binh Xa-ma-ra 7, còn đồng chí tư lệnh sư đoàn Đ. Xéc-đích được bổ nhiệm làm tư lệnh quân đoàn thay X.K. Ti-mô-sen-cô. Ít lâu sau, tháng 5-1930, tôi được chỉ định làm lữ đoàn trưởng lữ đoàn kỵ binh 2 thuộc sư đoàn kỵ binh Xa-ma-ra 7.

Như đã nói ở trên, tôi đã cùng học tập với K K. Rô-cô-xốp-xki trong những năm 1924 - 1925

ở Lê-nin-grát tại lớp bồi dưỡng cán bộ kỵ binh và chúng tôi rất hiểu nhau. Đồng chí đối xử với tôi rất lịch thiệp. Về phần mình, tôi thấy rất rõ đồng chí có trình độ uyên bác về quân sự, kinh nghiệm phong phú về lãnh đạo huấn luyện quân sự và giáo dục chính trị cho cán bộ và chiến sĩ. Tôi hoan nghênh việc bổ nhiệm đồng chí và tin tưởng rằng K.K. Rô-cô-xốp-xki sẽ tiếp tục các truyền thống của Đ. Xéc-đích trong sư đoàn. Và sự thật đã là như vậy.

Tôi chỉ huy trung đoàn kỵ binh 39 gần 7 năm. Đó là một trường học tốt. Ngoài thực tế phong phú ra, trong thời gian ấy tôi còn được bồi dưỡng nhiều về lý luận quân sự nói chung và về nghệ thuật chiến dịch - chiến thuật nói riêng khi tham gia các cuộc tập trận của quân khu, các buổi học tập và diễn tập quân sự của sư đoàn và quân đoàn. Là người chỉ huy - một thủ trưởng, tôi đã hiểu sâu sắc hơn về vai trò lãnh đạo, tổ chức của Đảng ta trong công cuộc xây dựng và trong những hoạt động hàng ngày của các đơn vị Hồng quân.

Đương nhiên đạt được tất cả kết quả đó không phải là dễ dàng, trong công tác cũng mắc sai lầm. Không ai là người không phạm sai lầm? Trừ phi người đó chỉ công tác theo chỉ dẫn của cấp trên, không hề có tính chủ động sáng tạo. Nói chung, theo tôi, vấn đề chủ yếu không phải là ở chỗ có sai lầm mà là ở chỗ có thấy được và sửa chữa được sai lầm nhanh hay không.

Tôi thường bị trách là hay nghiêm khắc quá đáng mà nghiêm khắc thì tôi coi là một đức tính của người cán bộ chỉ huy Bôn-sê-vich. Nhìn lại bước đường đã qua, tôi nghĩ rằng, có lúc quả thực tôi đã đòi hỏi quá đáng và thường không giữ được bình tĩnh trước các khuyết điểm của những người dưới quyền. Nhưng trước thái độ thiếu ý thức trong công tác, trong tư cách của người quân nhân thì tôi không thể thờ ơ được. Một vài người không thấy điều đó, nhưng tôi thì rõ ràng là cũng chưa đủ độ lượng đối với các nhược điểm của con người.

Đương nhiên là bây giờ những khuyết điểm này thấy được rõ hơn, kinh nghiệm sống đã dạy bảo cho nhiều. Nhưng cả lúc này nữa tôi vẫn cho rằng không ai có quyền được hưởng một cuộc sống nhàn vào lao động của người khác. Và nhận thức cho ra điều đó là đặc biệt quan trọng đối với một quân nhân, người nhận nhiệm vụ đi đầu trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc trên chiến trường mà không luyến tiếc tính mệnh mình.

Lữ đoàn 2 mà tôi có nhiệm vụ chỉ huy gồm có 2 trung đoàn kỵ binh - trung đoàn 39 và trung đoàn 40. Tôi phải nghiên cứu cẩn thận tình hình công việc ở trung đoàn kỵ binh 40 mà lúc đó người chỉ huy là I-vlêp, một con người ít cởi mở, xuất thân từ hàng ngũ cựu sĩ quan của quân đội Sa hoàng. Anh này không chú ý đến kỹ thuật sử dụng và chăm nom ngựa. Nhưng am hiểu và chăm chỉ huấn luyện môn bắn súng. Về phương diện này, trung đoàn của anh luôn luôn đứng ở hàng đầu.

Có lẽ do đã quen thuộc trung đoàn 39 trong nhiều năm và do đã từng chan hòa như anh em ruột thịt với cán bộ và chiến sĩ của trung đoàn này mà tôi cho rằng trung đoàn 39 được huấn luyện quân sự tốt hơn và có tổ chức hơn. Nhưng tôi cũng hiểu rằng các cán bộ chỉ huy và cán bộ công tác chính trị của trung đoàn kỵ binh 40, những người cũng biết trọng danh dự của trung đoàn mình, có thể có phản ứng xấu nếu như tôi nêu trung đoàn kỵ binh 39 ra làm mẫu để so sánh.

Họ có cái gì là tốt hơn, dù nhỏ, tôi cũng đều cố gắng biểu dương, nêu ra làm gương cho các trung đoàn khác. Tôi thường tổ chức những buổi tập mẫu của cả hai trung đoàn về các môn chiến thuật, bắn súng, cưỡi ngựa cũng như về các vấn đề huấn luyện và giáo dục chính trị. Và cách làm này chẳng bao lâu đã đưa lại những kết quả tốt. Lữ đoàn 2 đã trở thành lữ đoàn đầu tàu của sư đoàn kỵ binh Xa-ma-ra 7, điều này được nêu lên nhiều lần và làm cho tất cả chúng tôi vui mừng hân hoan.

Nói tóm lại toàn thể chúng tôi đều làm việc một cách hòa thuận, say mê. Trong công tác của mình, các cán bộ chỉ huy đều biết dựa vào các tổ chức Đảng, hướng tính tích cực và nghị lực

của toàn thể cán bộ và chiến sĩ vào việc nâng cao khả năng thường xuyên sẵn sàng chiến đấu.

Có thể dẫn ra nhiều ví dụ, nhưng tôi nghĩ rằng không cần thiết phải làm như vậy. Tôi chỉ nói trong phạm vi các việc mà tôi nhớ rõ nhất.

Có lần đồng chí bí thư Ban chấp hành Đảng bộ trung đoàn 39 đến gặp tôi đề nghị mở rộng việc trao đổi kinh nghiệm công tác của các trung đoàn ra toàn lữ đoàn. Trong cuộc hội nghị liên tịch của các Ban chấp hành Đảng bộ hai trung đoàn, đã quyết định tổ chức một buổi họp với một nhóm chiến sĩ để bàn về phương pháp giải thích những vấn đề phức tạp nhất trong đường lối của Đảng cho các chiến sĩ Hồng quân lạc hậu nhất.

Buổi sinh hoạt đầu tiên do Bô-rít A-pha-na-xi-ê-vích Giơ-mu-rốp, một đại đội phó của trung đoàn 39, điều khiển và phải nói rằng đồng chí đã điều khiển buổi sinh hoạt này một cách xuất sắc. Sau đó, theo sáng kiến của các cán bộ công tác chính trị trung đoàn 40, chúng tôi đã mở cuộc hội nghị nói thẳng với tất cả những chiến sĩ Hồng quân vô kỷ luật nhất để qua đó tìm ra nguyên nhân những sai lầm của họ. Té ra là phần lớn những vụ vi phạm kỷ luật không chỉ do lỗi lầm của chính các chiến sĩ Hồng quân gây ra mà còn là vì những cán bộ quân sự và chính trị đã không hiểu tính nết và những đặc điểm về cá tính của các chiến sĩ của mình, đã không thường xuyên đánh giá đúng hành động của họ, do đó đã mất uy tín. Và các chiến sĩ Hồng quân thường có thái độ thô bạo đối với những người phụ trách như vậy. Cần phải nói rằng những cuộc hội nghị nói thẳng như vậy rất có ích cả cho các chiến sĩ Hồng quân cũng như cho các cán bộ.

Cuối năm 1929, tôi được cử đến Mát-xcơ-va tham dự lớp bồi túc cán bộ cao cấp. Tôi được bố trí ở khách sạn thuộc Câu lạc bộ trung ương của Hồng quân. Các buổi học được tiến hành ở phố Phơ-run-dê trong tòa nhà của Bộ Ủy viên nhân dân quốc phòng, nơi có bố trí các lớp và các phòng làm việc. Việc học tập ở lớp bồi túc cán bộ cao cấp được tiến hành theo một chương trình rất cao. Người lãnh đạo tổ chúng tôi là người phó của nguyên soái V.K. Bliu-khe, tư lệnh sư đoàn Mi-kha-in Vla-di-mi-rô-vích Xan-gua-xki, một người có nhiều kiến thức. Tất cả những bài giảng và những báo cáo mà đồng chí đã đọc về các vấn đề khoa học quân sự đều được lý giải chu đáo bằng những ví dụ rút ra từ trong Thế chiến thứ nhất và nội chiến. Và những giáo viên khác của chúng tôi đều là những chuyên gia lớn về chiến thuật cũng như về nghệ thuật chiến dịch.

Tại các lớp bồi túc cán bộ cao cấp, toàn thể chúng tôi đều dần dần say mê học lý thuyết quân sự, tìm đọc từng cuốn sách mới, thu thập tất cả những gì có thể thu thập được trong các tài liệu quân sự để mang theo về đơn vị. Lúc đó nền khoa học quân sự Xô-viết cũng đã được xây dựng. Các tác phẩm của M.V. Phơ-run-dê đã chiếm vị trí hàng đầu trong khoa học này.

Trong toàn tập tác phẩm của đồng chí xuất bản năm 1929, đã trình bày những vấn đề về mối tương quan giữa con người và kỹ thuật trong cuộc chiến tranh tương lai và về tính chất của cuộc chiến tranh đó, về sự phát triển nhịp nhàng của tất cả các quân chủng, binh chủng trong lực lượng vũ trang, về vai trò của hậu phương và tiền tuyến. M.V. Phơ-run-dê kiên quyết đòi phải xây dựng một học thuyết quân sự duy nhất. Học thuyết này xác định tính chất của việc xây dựng các lực lượng vũ trang, ấn định những phương thức huấn luyện quân sự cho quân đội, đề ra phương pháp chỉ huy quân đội dựa trên những quan điểm chính thống trong nước về tính chất và phương thức giải quyết những nhiệm vụ quân sự, M.V. Phơ-run-dê đã tổng hợp một cách sâu sắc kinh nghiệm nội chiến, đã phát triển những luận điểm sau này làm nền tảng cho hệ thống những điều lệnh và điều lệ mà một quân đội kiểu mới - Hồng quân Xô-viết - nhất định phải có.

Cuối những năm 20, một tác phẩm quan trọng của B.M. Sa-pô-sni-cốp, cuốn “Đầu não của quân đội” ra đời, trong đó đã phân tích nhiều tài liệu lịch sử, mô tả toàn diện vai trò của Bộ Tổng tham mưu, đề ra một số luận điểm quan trọng về chiến lược quân sự. Đồng chí cũng đã viết nhiều tác phẩm nổi tiếng, như “Kỵ binh”, “Trên sông Vi-xla”. A.I. Ê-gô-rốp có viết một số

tác phẩm lịch sử quân sự quan trọng, trong đó có cuốn “Đánh tan Đê-m-kin”.

Đến khoảng thời gian này cũng bắt đầu xuất bản các tác phẩm của M.N. Tu-kha-chép-xki, một trong những nhà lý luận quân sự có tài nhất của chúng ta. Đồng chí có nhiều suy nghĩ sáng suốt về tính chất của cuộc chiến tranh tương lai. M.N. Tu-kha-chép-xki đã đề ra nhiều luận điểm sâu sắc mới về lý thuyết, chiến thuật, chiến lược, nghệ thuật chiến dịch, đã vạch ra mối quan hệ khăng khít giữa các nguyên lý và thực tiễn xây dựng quân đội với chế độ xã hội và cơ sở sản xuất trong nước.

Gây cho chúng tôi những cuộc thảo luận sôi nổi là cuốn “Tính chất các hoạt động của những quân đội hiện đại” của đồng chí Tổng tham mưu phó Hồng quân công nông V.K. Tơ-ri-an-đa-phi-lốp, một cuốn sách rất nổi tiếng ngay sau khi ra đời. Trong sách này đã nêu lên nhiều quan điểm mạnh dạn và sâu sắc về tình trạng và triển vọng phát triển của các quân đội thời bấy giờ, đã mô tả những con đường cơ bản để trang bị kỹ thuật và tổ chức quân đội. Về vai trò của xe tăng trong cuộc chiến tranh tương lai, V.K. Tơ-ri-an-đa-phi-lốp đã viết:

“Bây giờ không ai hoài nghi ý nghĩa chiến thuật to lớn của xe tăng trong cuộc chiến tranh tương lai. Việc tăng thêm số vũ khí tự động trong lực lượng, khuynh hướng tiếp tục phát triển về số lượng và cải tiến về chất lượng loại vũ khí đó, việc sử dụng rộng rãi những chương ngại vật nhân tạo trong phòng ngự và tình trạng lạc hậu của các phương tiện chế áp (pháo binh) so với các phương tiện phòng thủ - tình hình đó làm cho xe tăng nổi lên như một trong những công cụ tấn công rất mạnh để tiến hành chiến tranh tương lai”.

Trong phần hai của cuốn sách, V.K. Tơ-n-an-đa-phi-lốp đã nghiên cứu những vấn đề thuộc nghệ thuật chiến dịch, những dự kiến về khả năng tấn công và phòng thủ của sư đoàn, quân đoàn, tập đoàn quân, cụm tập đoàn quân, đã xem xét những vấn đề tiếp cận chiến trường, thời gian và chiều sâu của chiến dịch, bề rộng của chính diện tấn công, các chiến dịch phòng ngự, v.v... Đáng tiếc là V.K. Tơ-ri-an-đa-phi-lốp đã hy sinh bi thảm năm 1931 trong một tai nạn máy bay và đã không thể làm nốt những công trình nghiên cứu của mình nói về cuộc chiến tranh tương lai và những luận điểm quan trọng nhất về chiến lược quân sự Xô-viết và nghệ thuật chiến dịch.

Những tác phẩm của X.X Ca-mê-nép, A.I. Goóc-cơ, I.P. U-bô-rê-vich, I.E. Ya-kia và của nhiều thủ lĩnh quân sự và nhà lý luận lớn của chúng ta cũng đã chứa đựng nhiều điều có giá trị và thực sự có ích đối với mỗi quân nhân chuyên nghiệp. Nói tóm lại, chúng tôi có đầy đủ các món ăn tinh thần, chỉ có điều là không kịp nghiền ngẫm để nắm vững tất cả mà thôi...

Trong buổi học tại lớp bồi túc cán bộ cao cấp đã có một không khí thật là sáng tạo, chúng tôi luôn tranh luận với nhau. Tôi nhớ rằng chúng tôi đã tranh luận với A-lếch-xăn-đrơ Va-xi-li-ê-vích Gốc-ba-tốp nhiều hơn cả. Lúc này, đồng chí ấy chỉ huy một lữ đoàn trong quân đoàn kỵ binh số 2. A.V. Gốc-ba-tốp là một cán bộ chỉ huy được bồi dưỡng đầy đủ và có trình độ uyên bác, thảo luận với đồng chí ấy thật là thú vị.

Ở đây, tại lớp bồi túc cán bộ cao cấp, các học viên đã nghiên cứu sâu sắc hàng loạt đề tài quan trọng nhất về chiến dịch - chiến thuật và về các chuyên đề, đã tìm hiểu nhiều mẫu kỹ thuật và vũ khí mới vừa được cấp phát cho các đơn vị Hồng quân.

Lúc này, về mặt kỹ thuật, Hồng quân được trang bị như thế nào? Trong những năm 1920 - 1925, về cơ bản chúng tôi phải bằng lòng với những vũ khí mà quân đội Sa hoàng cũ, yếu và lạc hậu về mặt này, để lại. Nền công nghiệp còn chưa thể cung cấp cho Hồng quân kỹ thuật chiến đấu hiện đại. Nhưng đủ loại biện pháp đã được đề ra và thi hành nhằm cải tiến tình hình trang bị kỹ thuật của quân đội và hạm đội.

Tại Đại hội các Xô-viết toàn Liên bang lần III, đã thảo luận riêng vấn đề xây dựng cơ sở kinh

tế vững chắc cho công cuộc phòng thủ Liên Xô và bảo đảm cho Hồng quân có được những thiết bị quân sự mới. Lúc đó, theo chỉ thị của Đảng, đã bắt đầu xem xét lại số vũ khí của bộ binh, pháo binh và không quân để chọn lấy những loại tốt nhất và tìm cách cải tiến chúng. Kinh phí để trang bị kỹ thuật cho quân đội được tăng lên, các xí nghiệp công nghiệp luyện kim, trong đó có các xí nghiệp quốc phòng, đã được phục hồi lại.

Ngay từ đầu, Đảng đã biến việc xây dựng không quân và hạm đội nước ta thành sự nghiệp của toàn dân. Ngay trong năm 1921, Ủy ban Lao động và Quốc phòng đã thông qua một quyết định đặc biệt về việc soạn thảo một chương trình tối thiểu xây dựng không quân. Hàng chục triệu rúp vàng đã được chi cho việc phát triển không quân. Mùa xuân năm 1923 đã thành lập Hội những người bạn của không quân và trong hai năm Hội đã quyên được 6 triệu rúp vàng. Với số tiền ấy, đã đóng được trên 300 máy bay chiến đấu. Kết quả là ngay năm 1925 chúng ta đã ngừng mua máy bay của nước ngoài.

Từ năm 1922, đoàn Côm-xô-môn đã làm chủ Hải quân. Sau ba đợt tự nguyện tòng quân, đã có 8.000 đoàn viên Thanh niên Cộng sản vào hạm đội. Hải quân lúc đó gồm có Hạm đội Ban-tích, Hạm đội Hắc Hải, các đội tàu chiến trên biển Ba-rên-xếp, biển Ca-xpien và Bạch Hải cùng một số đoàn tàu chạy trên hồ và trên sông đang được khôi phục và củng cố về tổ chức. Hạm đội Ban-tích đã hiện đại hóa và đã đại tu chiếc thiết giáp hạm "Cách mạng tháng Mười" (trước đây tên là "Gan-gút"), bảy chiếc khu trục hạm, đã đóng xong chiếc tuần dương hạm "Prô-phin-téc"; ở Hắc Hải, tuần dương hạm "Chéc-vô-na U-crai-na", gần 60 tàu chiến và tàu yểm trợ đã được tu sửa lại và đi vào hoạt động. Nói chung việc khôi phục và hiện đại hóa các tàu chiến của Hải quân đã hoàn thành về cơ bản trong năm 1928.

Để sáng chế ra những kỹ thuật chiến đấu của nước nhà và thiết kế những mẫu vũ khí mới, hiện đại, cần có một cao trào tìm tòi thiết kế sáng tạo. Năm 1924, Hội đồng quân sự cách mạng Liên Xô đã phê chuẩn quy chế về ủy ban sáng chế phát minh quân sự và trong thành phần của ủy ban này có X.X Ca-mê-nép, M.N. Tu-kha-chép-xki, I.X. Un-sích và nhiều đồng chí khác. Đã thành lập một loạt cơ quan nghiên cứu khoa học và đề án thiết kế. Nhiều nhà bác học nổi tiếng, như A.P. Crư-lốp và X.A. Cha-plư-ghin đã góp ý kiến vào công tác của ủy ban thí nghiệm đặc biệt các loại pháo. Việc xây dựng thí nghiệm những hình mẫu máy bay, và động cơ máy bay mới của nước nhà đã được tổ chức tại điện khí thủy động lực học trung ương. Ở đây, N.N. Pô-li-các-pốp, A.N. Tu-pô-lép và nhiều đồng chí khác đã thiết kế nhiều hình mẫu thí nghiệm máy bay khu trục và máy bay phóng pháo, trong đó có máy bay TB-1 là loại máy bay vượt các máy bay cùng loại của nước ngoài về các chỉ tiêu kỹ thuật hàng không.

Bằng những công trình nghiên cứu xuất sắc trong lĩnh vực động cơ phản lực và những chuyến bay trong vũ trụ, K.E. Xi-ôn-cốp-xki và Ph.A. Xan-đe đã làm cho khoa học Xô-viết thêm phong phú; những nhà sáng chế tài ba N.N. Ti-khô-mi-rốp, Ph.V. Tô-ca-rép và nhiều người khác đã được giúp đỡ bằng mọi cách. Năm 1927, V.A. Đéc-ti-a-rép cùng với V.G. Phê-đô-rốp đã sáng chế ra súng tiểu liên loại mới, hơn hẳn những súng máy nhãn hiệu ngoại quốc về tính năng cấu tạo và chiến đấu. Ngay hồi đó chúng tôi đã nhận được pháo trung đoàn cỡ 76 mi-li-mét chế tạo trong nước, và sau đó là pháo cao xạ.

Tuy nhiên, nói chung, trang bị kỹ thuật của Hồng quân trong những năm 20 vẫn còn ở trình độ thấp. Tình hình kinh tế khó khăn của đất nước và sự phát triển - chưa đầy đủ của công nghiệp quân sự đã ảnh hưởng tới tình trạng ấy. Không có đủ đại liên và nhất là tiểu liên, còn chưa có súng trường tự động, và loại súng Nga cũ kỹ thì cần được hiện đại hóa. Pháo đã cũ về mặt thiết kế, lại mòn nhiều. Đến cuối những năm 20 chỉ có 7.000 cỗ pháo, chủ yếu là pháo nhẹ. Hoàn toàn không có pháo cao xạ, pháo chiến xa và pháo chống tăng. Đến năm 1928 chỉ có tất cả 1.000 máy bay quân sự, chủ yếu là máy bay kiểu cũ, 200 xe tăng và xe bọc thép. Lục quân được cơ giới hóa ở mức thấp. Đáng buồn cười là đến cuối năm 1928 trong quân đội chúng ta chỉ có 350 ô-tô tải và 700 ô-tô con, 67 máy kéo chạy bằng xích sắt? Nhưng nguyên nhân là do đến năm 1928 chúng ta vẫn chưa có cả công nghiệp ô-tô lẫn công nghiệp máy kéo.

Trong lúc đó thì các nước đế quốc lớn đã tăng cường lực lượng vũ trang của họ. Trong trường hợp có chiến tranh, nước Anh chẳng hạn có thể sản xuất được 2.500 xe tăng trong một tháng, còn Pháp thì sản xuất được 1.500 chiếc, không quân của họ có đến hàng chục ngàn máy bay, quân đội của họ được cơ giới hóa nhanh chóng. Nói tóm lại, kẻ thù trước đây (và bọn đang hình thành) của chúng ta đã tiến bộ nhiều trong lĩnh vực vũ trang so với thời kỳ Thế chiến thứ nhất.

So sánh đối chiếu những số liệu này, ta hãy cứ suy đi nghĩ lại mà xem: chúng ta đã bắt đầu cuộc thi đua với thế giới tư bản từ những điểm xuất phát không cân xứng như thế nào mà lịch sử đã khách quan định ra cho chúng ta! Tự nhiên ta sẽ cảm thấy tự hào vô cùng về cái chế độ xã hội mà nhờ nó trong một thời gian ngắn nhất chúng ta đã đuổi kịp và vượt các cường quốc thế giới phát triển nhất về mặt quân sự, và sau đó quân và dân ta đã có thể đánh tan được kẻ thù đế quốc mạnh nhất.

Như vậy đã rõ ràng là chỉ có xây dựng được ở trong nước một nền công nghiệp phát triển mới có thể cung cấp được cho Hồng quân và hạm đội những loại vũ khí hiện đại. Chỉ có công nghiệp hóa mới bảo đảm được khả năng quốc phòng của Liên Xô. Kỹ thuật phải quyết định tất cả. Và các nhà lãnh đạo quân sự của chúng ta hồi ấy đã không nhầm trong vấn đề này, họ đã hình dung một cách đúng đắn tính chất và đặc điểm của cuộc chiến tranh tương lai.

Ngay trong năm 1925, khi báo cáo tổng kết về cuộc cải cách quân sự tại Hội nghị toàn thể tháng Giêng của Ban Chấp hành trung ương Đảng Cộng sản (b) Nga. M.V. Phơ-run-dê đã nói: “Nhiều đồng chí chúng ta, đặc biệt những đồng chí đã có mặt trên các chiến trường của cuộc nội chiến, chắc hẳn vẫn suy nghĩ như chúng ta đã suy nghĩ trong thời kỳ nội chiến. Tôi khẳng định rằng suy nghĩ như thế là rất nguy hại vì rằng cuộc chiến tranh sẽ xảy ra sau này không giống như cuộc nội chiến. Đương nhiên nó sẽ mang những tính chất giai cấp của một nội chiến, do đó chúng ta sẽ thấy có bọn bạch vệ trong hàng ngũ đối phương, và ngược lại chúng ta sẽ có các đồng minh trong phe thù địch của chúng ta. Nhưng về mặt kỹ thuật, về phương thức tiến hành chiến tranh thì đó sẽ không phải là cuộc chiến tranh giống như cuộc nội chiến của chúng ta. Chúng ta sẽ phải tiếp chiến với một quân đội thiện chiến được vũ trang bằng tất cả những thiết bị kỹ thuật cải tiến hiện đại nhất, và, nếu như trong quân đội của mình, chúng ta không có được những cải tiến ấy thì triển vọng đối với chúng ta sẽ là hoàn toàn bất lợi, rất bất lợi. Chúng ta phải chú ý điều này khi giải quyết vấn đề chuẩn bị chung cho công cuộc quốc phòng”.

Mùa xuân năm 1930, sau khi kết thúc lớp bồi dưỡng cán bộ cao cấp chúng tôi lại quay trở về đơn vị của mình.

Tôi đã chỉ huy lữ đoàn kỵ binh 2 trong hơn một năm và phải nói rằng, công tác này đã mang lại cho tôi nhiều cái mới và đã bồi bổ nhiều cho vốn lý luận và thực hành của tôi.

Cuối năm 1930, tôi được biết rằng, việc đề cử tôi vào chức vụ trợ lý thanh tra kỵ binh của Hồng quân công nông Nga đang được xét định. Hoạt động của cơ quan thanh tra hồi đó đã được đánh giá cao trong các đơn vị kỵ binh. Nhưng tôi phải thú nhận rằng, tin này không làm cho tôi vui mấy. Tôi rất quen với sự đoàn của mình và tự coi mình là thành viên tất yếu trong gia đình thuận hòa của những chiến sĩ Xa-ma-ra.

Nhưng vấn đề đã được quyết định và tôi phải đi Mát-xcơ-va. Thành thật mà nói thì cũng cần phải thu xếp một chiếc áo bành tô và vài bộ quần áo. Toàn bộ gia tư chúng tôi hoàn toàn có thể xếp gọn trong một va-li. Hồi đó không ai trong chúng tôi còn có một tài sản gì khác và chúng tôi coi điều đó là một chuyện rất thường.

Một hôm, về chiều, K.K. Rô-cô-xốp-xki gọi điện thoại cho tôi và nói rằng đã nhận được từ Mát-xcơ-va lệnh bổ nhiệm tôi vào chức vụ mới.

- Đồng chí cần bao nhiêu lâu để thu xếp? - đồng chí ấy hỏi.

- Đề nghị xin 2 giờ, - tôi trả lời.

- Chúng tôi không đồng ý, - K.K. Rô-cô-xốp-xki nói, - vì đồng chí là chiến sĩ lâu năm của sư đoàn 7 cho nên anh em cán bộ quân sự và chính trị của sư đoàn 2 muốn tiễn đưa đồng chí một cách xứng đáng.

Tôi rất lấy làm cảm động.

Vài ngày sau đã mở một bữa tiệc liên hoan của toàn bộ cán bộ quân sự, chính trị của hai trung đoàn 39 - 40, có cả bộ tư lệnh sư đoàn tham dự. Tôi được nghe nhiều đồng chí nhiệt tình động viên khen ngợi tôi. Đó là những lời thốt ra từ đáy lòng và tôi nhớ đến suốt đời

Sáng hôm sau tôi đã sẵn sàng ra đi. Một lần nữa tôi lại sang các phân đội chia tay với cán chiến sĩ và cán bộ.

Trên đường qua nhà, tôi thăm lại thành phố Min-xơ yêu dấu. Tôi đã sống ở đây 8 năm, gần gũi hiểu biết rất rõ nhân dân Bê-lô-ru-xi hiền hậu, chăm chỉ làm ăn. Tôi đã được tận mắt nhìn thấy đất nước Bê-lô-ru-xi khắc phục thắng lợi hậu quả của 2 cuộc chiến tranh.

Chiều hôm đó, cùng với nhà tôi và cháu gái Ê-ra lên hai, chúng tôi về Mát-xcơ-va.

[1] Nguyên văn: không choáng váng đầu óc - ND

[2] Tức Xô-viết tối cao sau này - ND.

[3] Nguyên văn: “thở hắt ra” - ND

[4] Nguyên văn: có thể trở thành vật hy sinh của tình trạng không được rèn luyện - ND

Chương 5

TẠI BAN THANH TRA KỶ BINH HỒNG QUÂN CÔNG NÔNG NGÀ

CHỈ HUY SƯ ĐOÀN KỶ BINH 4

Ban Thanh tra kỷ binh trong những năm này do Xê-mi-ôn Mi-khai-lô-vích Bu-đi-ôn-nui phụ trách.

Sau khi đã đến nhiệm sở mới rồi, tôi liền đi trình diện với ban lãnh đạo tương lai. Song, X.M. Bu-đi-ôn-nui không có mặt ở Ban Thanh tra. Người thư ký riêng của đồng chí, P.A. Bê-lốp (anh đã lừng danh trong Chiến tranh giữ nước vĩ đại), nói với tôi rằng hiện nay, thực ra Xê-mi-ôn Mi-khai-lô-vích không làm công tác thanh tra mà đang nghiên cứu, học tập trong một nhóm đặc biệt của học viện. Toàn bộ công việc do người phó thứ nhất của đồng chí, tư lệnh quân đoàn I.Đ. Cô-xô-gốp, điều khiển.

Tôi trình diện với I.Đ. Cô-xô-gốp và sau đó làm quen với những người giúp việc của đồng chí thanh tra kỷ binh là các đồng chí B.K. Véc-khốp-xki, Ph.R. Giê-mai-ti-xơ, P.P. Xa-bi-ôn-ni-cốp, I.V. Tiu-lê-nép, A.Ya. Tơ-rây-man. Đó là những cán bộ thông thạo công việc của mình.

Sau khi đã sơ bộ tìm hiểu tôi, I.Đ. Cô-xô-gốp nói rằng, tốt nhất là tôi nên theo dõi các vấn đề huấn luyện quân sự cho kỷ binh vì tôi có khá khá thực tế trong lĩnh vực này.

Khoảng gần một tháng sau, tôi đã hoàn toàn nắm được công tác mới.

Và ba tháng sau, mở hội nghị các đảng viên cộng sản trong các cơ quan thanh tra và các cục có liên quan đến công tác huấn luyện quân sự thuộc Bộ Ủy viên nhân dân phụ trách Quân đội và Hạm đội[1].

Trong hội nghị này, tôi được bầu làm bí thư Ban Chấp hành Đảng bộ, còn I-van Vla-đi-rô-vích Tiu-lê-nép được bầu làm phó bí thư.

Trong lúc phải dành khá nhiều công sức và số thời gian nhiều hơn mức quy định để làm tròn các nghĩa vụ theo chức năng của mình, những người đảng viên trong đảng bộ chúng tôi vẫn không sao lãng công tác xã hội. Chúng tôi thường hay đến nói chuyện tại các nhà máy và xí nghiệp cũng như tại các tổ chức và cơ quan dân sự. Công nhân và viên chức đã niềm nở tiếp đón những người cộng sản trong quân đội và rất hài lòng khi nghe nói chuyện, đặc biệt là khi được nghe về tình hình quốc tế và về những quyết định mới nhất của Đảng và của Chính phủ. Cuối những năm 20 - đầu những năm 30, tình hình quốc tế trở nên căng thẳng. Người ta đã thấy hình thành rõ rệt một khối các nước đế quốc - trước hết là Đức, Nhật và Ý. Chính phủ các nước này, thực hiện ý chí của các giới độc quyền, ngày càng tích cực tìm lối thoát ra khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế bằng cách chia lại thế giới một lần nữa. Năm 1931, quân đội Nhật, không hề tuyên chiến, đã tấn công Trung Quốc và chiếm đóng Mãn Châu. Đương nhiên là khi thực hiện các kế hoạch đó, bọn xâm lược Nhật cũng muốn xây dựng được một bàn đạp để tấn công vào Liên bang Xô-viết.

Tháng Giêng năm 1933, ở Đức, bọn phát-xít lên nắm chính quyền, bọn này ngay từ đầu đã thi hành đường lối nhằm giành quyền bá chủ thế giới. Hẳn là nhân dân Anh, Mỹ, Pháp lúc đó đã hoài nghi rằng, sao các lực lượng đế quốc chủ nghĩa nước họ phục vụ họ thì tồi tệ như thế mà chúng ta lại giúp Đức khôi phục nền công nghiệp nặng tích cực đến thế. Mỹ đã cung cấp 70% tổng số tín dụng dài hạn cho bọn độc quyền Đức. Sau khi Hít-le lên cầm quyền, nguồn tiền ngoại quốc đổ vào Đức lại tăng nhanh hơn.

Đức, Nhật, Ý đã chuyển nền kinh tế nước họ sang kinh tế chiến tranh. Ngân sách quân sự tăng lên đến cùng cực. Cuộc chạy đua đó đã lên đến mức làm cho sau này, trong nửa cuối những năm 30, các nước hiếu chiến ở châu Âu trên thực tế đã sẵn sàng tham gia vào một cuộc chiến

tranh lớn. Lực lượng vũ trang Đức đã vượt quá con số 1 triệu người, ngoài ra còn có gần 2 triệu người trong các tổ chức phát-xít quân sự hóa. Trong trường hợp có chiến tranh, quân đội Đức có thể nhanh chóng tăng lên 5 - 6 lần. Ở Ý, trong thời bình, quân đội có 40 vạn người, nhưng trong thời chiến số này có thể dễ dàng tăng lên 5 lần nữa.

Đương nhiên là trong tình thế ấy, cần phải có những biện pháp kiên quyết để tăng cường lực lượng quốc phòng của đất nước ta. Tăng cường lực lượng không phải chỉ là về số lượng. Lực lượng vũ trang chúng ta phải vươn lên trình độ có một chất lượng mới. Nhiều biện pháp nhằm phát triển quân đội và hạm đội đã được thi hành. Khâu chủ yếu là kỹ thuật. Cấp dưỡng, trang bị đầy đủ kỹ thuật hiện đại cho các lực lượng vũ trang xô-viết - nhiệm vụ trọng đại này chỉ có thể được giải quyết bằng con đường công nghiệp hóa.

Đường lối công nghiệp hóa - phát triển toàn diện công nghiệp nặng trên cơ sở điện khí hóa, đổi mới thiết bị kỹ thuật và xây dựng lại công nghiệp, vận tải, nông nghiệp - đã được Đảng quyết định trong Đại hội XIV cuối năm 1925. Hai năm sau, Đại hội Đảng lần thứ XV đã trực tiếp ghi vào các chỉ thị xây dựng kế hoạch 5 năm lần thứ nhất.

"Xét thấy các nước tư bản chủ nghĩa có thể vũ trang tấn công nhà nước vô sản, trong khi soạn thảo kế hoạch 5 năm, cần chú ý phát triển nhanh nhất những ngành nào trong nền kinh tế quốc dân nói chung và trong công nghiệp nói riêng sẽ giữ vai trò chủ yếu trong việc bảo đảm quốc phòng và ổn định nền kinh tế nước nhà trong thời gian chiến tranh". Công việc diễn ra rất sôi nổi.

Đến đây, tôi xin nói ra ngoài đề một chút. Nói chung nhân dân thế giới đã thừa nhận rằng châu Âu được cứu thoát khỏi bệnh dịch hạch của chủ nghĩa phát-xít trước hết là do các chiến sĩ Xô-viết, vũ khí Xô-viết và việc đánh tan nước Đức Hít-le là chiến công lịch sử vĩ đại nhất của nhân dân Liên Xô. Theo tôi, chiến công này, thắng lợi này đã bắt đầu có từ lúc nhân dân Liên Xô, theo lời kêu gọi của Đảng, bắt tay vào công nghiệp hóa nước nhà.

Tôi không có trong tay những số liệu cần thiết, vả lại đây không phải là nhiệm vụ của tôi, để nêu ra toàn diện ý nghĩa của công cuộc công nghiệp hóa đối với việc phát triển nền kinh tế quốc dân, với việc nâng cao phúc lợi của nhân dân và củng cố chế độ nông trường, v.v... Còn nói về lực lượng vũ trang thì số phận của nó và kết quả của cuộc chiến đấu vì tự do và độc lập của chúng ta trong những năm Chiến tranh giữ nước vĩ đại đều trực tiếp tùy thuộc ở tốc độ công nghiệp hóa, ở chỗ có tích cực thực hiện công nghiệp hóa hay không.

Rất có thể là chúng ta hoãn lại năm bảy năm chưa phát triển thật mạnh công nghiệp nặng để công nghiệp nhẹ có thể cung cấp thật nhanh và thật nhiều hàng tiêu dùng cho nhân dân là những người rất xứng đáng được hưởng sự ưu đãi đó. Phải chăng đó không phải là một việc rất hấp dẫn? Nhưng giả sử chúng ta làm như thế, thì biết được lúc nào thời kỳ đầu của cuộc chiến tranh, thời kỳ gay go nhất sẽ chấm dứt, và ở gần thành phố nào, trên các sông nào chúng ta sẽ chặn được quân phát-xít.

Đường lối của Đảng đã được lịch sử, người phán xét cuối cùng và tối cao, đánh giá là một đường lối khôn ngoan, sáng suốt cùng với phương hướng phát triển đúng đắn của đất nước và chủ nghĩa anh hùng trong lao động của nhân dân hồi bấy giờ đã đặt nền móng cho mọi thắng lợi của chúng ta trong cuộc Chiến tranh giữ nước vĩ đại.

Các Đại hội XVI và XVII của Đảng, sau khi chỉ rõ nguy cơ ngày càng tăng của một cuộc chiến tranh mới, đã kiên quyết đòi hỏi phải tập trung sự quan tâm của nhân dân vào việc tăng cường sức mạnh của Hồng quân và Hạm đội. Đảng đã trực tiếp chỉ thị đẩy nhanh tốc độ phát triển công nghiệp, đặc biệt là ngành luyện kim, tăng cường thêm các nguồn dự trữ của nhà nước, xây dựng lại ngành vận tải một cách cơ bản. Đảng đã đề ra nhiệm vụ mở rộng những khả năng có thể huy động của toàn bộ nền kinh tế quốc dân, xây dựng và bố trí các cơ sở công nghiệp sao cho trong trường hợp bị tấn công có thể nhanh chóng chuyển nền công nghiệp vào con đường sản xuất thời chiến và bảo đảm nó triển khai nhanh chóng theo lệnh động viên.

Trong tổ chức Đảng của chúng tôi, ngoài những đảng viên của cơ quan thanh tra kỵ binh, còn có những người cộng sản thuộc các cơ quan thanh tra bộ binh và huấn luyện xạ kích, pháo binh, bộ đội thông tin và bộ đội công binh, cục huấn luyện quân sự Hồng quân công nông và các cơ quan khác của Bộ Ủy viên nhân dân.

Chúng tôi cố gắng động viên anh em của các cục và các ban thanh tra tích cực thực hiện những yêu cầu mà Đảng, Chính phủ và đồng chí Ủy viên nhân dân đã đề ra.

Bộ Ủy viên nhân dân phụ trách Quân đội và Hạm đội và hạt nhân lãnh đạo của Đảng trong cơ quan này đã đảm đương nhiệm vụ lớn. Dưới đây là một số vấn đề của thời ấy.

Cuộc cải cách quân sự trong Hồng quân và Hạm đội đã được hoàn thành, trong đời sống của các lực lượng vũ trang đã có nhiều thay đổi quan trọng. Toàn bộ quá trình huấn luyện và giáo dục quân đội đã được cải thiện, kỷ luật được tăng cường, việc chỉ huy quân đội từ trên xuống dưới đã được xây dựng theo nguyên tắc một thủ trưởng, các điều kiện để bổ túc cán bộ quân sự đã có đủ. Có thể và cần phải tiến xa hơn nữa.

Giữa năm 1929, Ban Chấp hành trung ương Đảng ra quyết định “Về tình hình phòng thủ đất nước” trong đó trình bày đường lối cải tổ căn bản về kỹ thuật của lục quân, không quân và hạm đội. Hội đồng quân sự cách mạng Liên Xô và Bộ Ủy viên nhân dân phụ trách Quân đội và Hạm đội được giao nhiệm vụ làm sao trong một thời gian ngắn nhất, đi đôi với việc cải tiến số vũ khí hiện có, phải có được những mẫu vũ khí đưa ra thí nghiệm và sau đó trang bị cho quân đội hàng loạt pháo hiện đại các cỡ, các phương tiện phòng hóa chất, xe tăng và xe thiết giáp hiện đại đủ các loại, sản xuất hàng loạt máy bay và động cơ kiểu mới.

Quyết định này là nền tảng của kế hoạch 5 năm đầu tiên xây dựng quân sự. Kế hoạch này quy định nhiều việc làm trong đó có việc xây dựng những binh chủng kỹ thuật mới, việc cơ giới hóa và tổ chức lại các binh chủng cũ, việc đào tạo hàng loạt cán bộ kỹ thuật và nhiệm vụ huấn luyện cho toàn quân nắm vững kỹ thuật mới. Tháng Giêng năm 1931, Hội đồng quân sự cách mạng Liên Xô quy định lịch xây dựng Hồng quân công nông trong những năm 1931 - 1933 và thế là đã hoàn thành quá trình soạn thảo một cách khoa học kế hoạch 5 năm lần thứ nhất xây dựng quân đội[2].

Do phải giải quyết nhiều nhiệm vụ công tác mới nên đã có một số thay đổi trong bộ máy quân sự ở trung ương. Nói riêng thì việc định ra chức chủ nhiệm quân giới Hồng quân công nông để lãnh đạo toàn bộ vấn đề đổi mới trang bị kỹ thuật cho quân đội đã có một ý nghĩa to lớn. Đến năm 1931, chức vụ này do I.P. U-bô-rê-vích đảm nhiệm và sau I.P. U-bô-rê-vích là M.N. Tu-kha-chép-xki. Năm 1929, trong hệ thống Bộ Ủy viên nhân dân phụ trách Quân đội và Hạm đội, thành lập cục cơ giới hóa và cơ khí hóa Hồng quân công nông. Cục này trong nhiều năm nằm dưới quyền điều khiển của những người rất thành thạo và say mê công việc sáng chế xe tăng là I.A. Kha-lép-xki và K.B. Ca-li-nốp-xki. Những phòng xe tăng và xe bọc thép cũng đã được thiết lập ở các quân khu.

Trên thực tế, cho đến năm 1929, chúng ta còn chưa có công nghiệp xe tăng và chưa đủ cán bộ thiết kế và sáng chế xe tăng. Trong khi đó, Đảng và Chính phủ đã thấy vai trò của xe tăng trong cuộc chiến tranh tương lai. Những nhiệm vụ thích ứng đã được đề ra cho cơ quan quân sự. Hội đồng quân sự cách mạng Liên Xô đã có một quyết định riêng quy định chế tạo các loại xe tăng sau đây: tăng loại nhỏ, loại vừa, loại lớn (tăng hạng nặng) và tăng lội nước; tính năng chiến đấu và kỹ thuật của các loại xe tăng này cũng đã được ấn định. Trong một thời gian ngắn nhất, các nhà thiết kế đã sáng chế ra nhiều mẫu xe tăng sản xuất trong nước. Trong thời gian 1931 - 1935 Hồng quân đã được trang bị xe tăng loại nhỏ T-27, xe tăng hạng nhẹ T-24 và T-26, xe tăng BT có bánh và xích sắt chạy nhanh, xe tăng loại vừa T-28 và rồi xe tăng hạng nặng T-35 và xe tăng lội nước T-38. Trong kế hoạch 5 năm đầu tiên, công nghiệp đã sản xuất được gần 10.000 xe tăng, xe tăng loại nhỏ và xe thiết giáp.

Cơ quan lãnh đạo quân sự Liên Xô đã tích cực chăm lo soạn thảo kế hoạch mới xây dựng không quân Hồng quân công nông. Đầu năm 1930, Hội đồng quân sự cách mạng Liên Xô đã phê chuẩn chương trình chế tạo nhiều loại máy bay của lục quân và hải quân, sản xuất khinh khí cầu, máy chụp ảnh từ trên máy bay và phụ tùng, trong đó sự quan tâm chủ yếu được dành cho máy bay ném bom và tiêm kích. Hai năm sau, những điều cơ bản về tổ chức không quân Hồng quân công nông bắt đầu được thực hiện, trong đó các vấn đề chiến lược và chiến dịch - chiến thuật đã được giải quyết xuất phát từ quan điểm bảo vệ đất nước trong trường hợp bị tấn công. Không quân ném bom tầm xa đã được tổ chức thành những binh đoàn có khả năng độc lập giải quyết các nhiệm vụ chiến dịch. Một năm sau nữa, các binh đoàn máy bay ném bom hạng nặng đã được tổ chức lại thành những quân đoàn.

Trong công tác, Ban Thanh tra kỹ binh Hồng quân công nông kết hợp chặt chẽ với cục huấn luyện quân sự Hồng quân. Ở đây lần đầu tiên tôi quen biết A-lếch-xan-đơ Mi-khai-lô-vích Va-xi-lép-xki và trong những năm Chiến tranh giữ nước vĩ đại, chúng tôi đã gắn bó cùng nhau

công tác tại các phương diện quân với tư cách là những đại diện của Đại bản doanh Bộ Tổng tư lệnh tối cao. Từ hồi này, A-lếch-xăng-đơr Mi-khai-lô-vích đã hiểu biết rất thành thạo công việc của mình vì đã từng chỉ huy trung đoàn trong một thời gian dài và đã nghiên cứu sâu sắc đặc điểm của công tác huấn luyện quân sự. Trong cục này ai cũng rất quý trọng đồng chí. Mọi người đều biết các hoạt động có kết quả của các đồng chí lãnh đạo cục này là tư lệnh quân đoàn A.Ya. La-pin và sau đó, người kế tục đồng chí, tư lệnh tập đoàn quân hạng hai A.I. Xê-đi-a-kin. Giữa năm 1931, Ban Chấp hành trung ương Đảng Cộng sản (b) Liên Xô đã thông qua quyết định "Về đội ngũ cán bộ chỉ huy và cán bộ chính trị của Hồng quân công nông", trong đó nêu lên những thành tích và thiếu sót cơ bản trong công tác giáo dục chính trị và huấn luyện quân sự cho cán bộ quân đội. Trong quyết định này, đã đặc biệt chú ý tới việc mở rộng nội dung huấn luyện kỹ thuật, tăng cường số lượng cán bộ kỹ thuật công binh cao cấp, cải tiến công tác giáo dục chính trị trong quân đội. Đến khoảng thời gian này, chế độ chung đào tạo cán bộ chỉ huy Hồng quân công nông đã hình thành về cơ bản.

Trong các trường quân sự thông thường thì hết sức chú ý đến các trường không quân, xe tăng, xe bọc thép, pháo binh và các trường kỹ thuật. So với năm 1924, số học viên sĩ quan sơ cấp (lúc đó là gần 25.000 người) đã tăng gấp đôi. Để mở rộng công tác đào tạo đội ngũ cán bộ cao cấp đã quyết định thành lập trên cơ sở các khoa của Học viện kỹ thuật quân sự các Học viện cơ khí và cơ giới, pháo binh, hóa học quân sự, kỹ thuật điện quân sự, công binh; đã xây dựng Học viện vận tải quân sự và mở rộng nhiều việc tuyển học viên vào Học viện quân sự M.V. Phơ-run-đê và Học viện quân chính. Như vậy là số lượng các trường quân sự cao cấp đã tăng lên gần gấp đôi, và số học viên đã tăng từ 3.200 người trong năm 1928 lên tới 16.000 người trong năm 1932.

Cục huấn luyện quân sự đã triển khai các hoạt động của mình, xuất phát từ các chỉ thị mới của Đảng và từ nhận thức cho rằng việc tăng cường khả năng chiến đấu của quân đội trước hết phụ thuộc vào trình độ nắm vững kỹ thuật và các hình thức phức tạp của chiến đấu hiện đại. Theo tinh thần đó, đã vạch ra và thực hiện hàng chục biện pháp có liên quan không những đến công tác đào tạo cán bộ tại các trường quân sự và tại các lớp bổ túc khác nhau mà liên quan cả đến việc huấn luyện quân sự trực tiếp trong các đơn vị.

Đến khoảng thời gian này, gần 100% số cán bộ chỉ huy đã có trình độ quân sự chuyên ngành. Đã dành 42 tiếng đồng hồ trong một tháng, chứ không phải chỉ 6 - 8 tiếng như trong năm 1929, để cho cán bộ học tập; bên cạnh việc huấn luyện chiến thuật và xạ kích, việc huấn luyện kỹ thuật bắt đầu có một vị trí quan trọng. Huấn luyện kỹ thuật được tiến hành theo chương trình tối thiểu bắt buộc về kỹ thuật cho từng binh chủng và từng loại cán bộ chỉ huy. Trong các lớp tập huấn cán bộ chủ chốt của lực lượng hậu bị cũng cho nghiên cứu kỹ thuật và vũ khí mới. Tập thể ban thanh tra pháo binh đứng đầu là thanh tra pháo binh N.M. Rô-gốp-xki đã tiến hành một khối lượng công tác rất to lớn. N.M. Rô-gốp-xki biết rất rõ binh chủng pháo binh và rất có uy tín trong binh chủng. Các tư lệnh quân khu, các chỉ huy binh đoàn, các kỹ sư phục vụ trong pháo binh đều quý trọng N.M. Rô-gốp-xki và sẵn sàng tiếp thu ý kiến của đồng chí.

Những ai đã phụ trách các vấn đề pháo binh trong thời gian này đều phải giải quyết nhiều nhiệm vụ khó khăn. Khí tài vật chất của pháo binh đã bị mòn nhiều, đã lạc hậu nhiều về mặt chiến thuật, kỹ thuật. Tất cả những thứ đó về cơ bản đều là những thứ mà chúng tôi thừa hưởng được của quân đội cũ.

Nhưng ngay giữa năm 1929, Hội đồng quân sự cách mạng Liên Xô đã vạch ra kế hoạch 5 năm trang bị lại pháo cho Hồng quân công nông, tăng cường hỏa lực, sức bắn xa, bắn nhanh và bắn chính xác của vũ khí, thành lập những phòng thiết kế pháo binh lớn. Nhiều nhà máy sản xuất pháo đã được xây dựng, những nhà máy này sau đó đã cho phép tổ chức sản xuất nhiều loại pháo mới và cải tiến cùng là đạn được dùng cho các loại pháo đó; đã có những biện pháp đào tạo kỹ sư và kỹ thuật viên giỏi. Từ năm 1928 đến hết năm 1933, công suất của các nhà máy sản xuất pháo tăng hơn 6 lần, còn công suất của các nhà máy sản xuất súng cỡ nhỏ thì tăng những 35 lần.

Đến cuối thời gian công tác của tôi trong giai đoạn này, ở cơ quan Bộ Ủy viên nhân dân quốc phòng, chúng tôi đã bắt tay dự thảo kế hoạch 5 năm lần thứ hai xây dựng Hồng quân công nông cho những năm 1934 - 1938. Chỉ thị cơ bản của Đảng trong việc này là làm sao hoàn thành việc thiết bị lại kỹ thuật đang tiến hành và lấy kỹ thuật hiện đại để vũ trang cho quân đội. Muốn thế,

phải cung cấp cho bộ đội thật nhiều phương tiện chiến đấu có giá trị quyết định như không quân, chiến xa, pháo binh, bảo đảm cho Hồng quân có khả năng đẩy lùi bọn xâm lược. Để thực hiện đường lối này, Ủy ban Lao động và Quốc phòng đã thông qua các nghị định “Về chương trình xây dựng quân đội và hạm đội trong những năm 1933 – 1938”, “Về hệ thống trang bị pháo cho Hồng quân công nông trong kế hoạch 5 năm lần thứ hai”, đã phê chuẩn kế hoạch phát triển không quân trong những năm 1935 - 1937.

Nói về Bộ Ủy viên nhân dân quốc phòng hồi đầu những năm 30, tôi không thể không nêu lên hoạt động của Ban Chấp hành Đảng bộ các cơ quan trung ương của Bộ. Đây là một cơ quan có uy tín rất lớn đã lãnh đạo các tổ chức Đảng chúng tôi một cách sáng tạo. Toàn thể các tổng cục của bộ và các ban thanh tra của Hồng quân đều công tác tích cực, sáng tạo, nội bộ hòa thuận như ruột thịt. Việc nghiên cứu lý luận Mác - Lê-nin, công tác giáo dục phổ thông và công tác văn hóa quần chúng được tiến hành rất tốt. Các cuộc họp Đảng rất sôi nổi và thắm nhuần tinh thần tự phê bình nghiêm túc.

Ban Thanh tra kỵ binh Hồng quân công nông hồi đó rất có uy tín trong các đơn vị kỵ binh, vì rằng ngoài các lần đi thanh tra, ban còn tổ chức các cuộc diễn tập cán bộ chỉ huy và cơ quan tham mưu rất bổ ích, các buổi huấn luyện dã chiến, các buổi tổng kết nghiên cứu những kinh nghiệm tiên tiến trong huấn luyện chiến đấu cho bộ đội.

Nói chung, hồi đó, các đơn vị kỵ binh của Hồng quân công nông đều đứng đầu về mặt huấn luyện quân sự và không phải là ngẫu nhiên mà những cán bộ ưu tú nhất trong đội ngũ cán bộ kỵ binh đã được điều động đến công tác trong các binh chủng mới xuất hiện, đặc biệt là binh chủng xe tăng và bộ đội cơ giới.

Theo trách nhiệm được phân công trong ban thanh tra, tôi đã tham gia soạn thảo các điều lệnh và điều lệ của nhiều binh chủng và cơ quan phục vụ quân đội.

Tôi phải nói rằng, nội dung các điều lệnh trong Hồng quân công nông rất được coi trọng. Mỗi lần soạn thảo nó là một lần củng cố các thành tựu của khoa học quân sự. Các điều lệnh đều được xây dựng trên cơ sở một nền kỹ thuật hiện đại, đều tính đến những sự thay đổi trong tính chất các hoạt động quân sự. Loại điều lệnh đầu tiên tổng kết kinh nghiệm trong Thế chiến thứ nhất và nội chiến, cùng những sự cải tổ gắn liền với cuộc cải cách quân sự, đã được đưa ra áp dụng trong bộ đội vào những năm 1924 - 1925. Phần lớn đó là những điều lệnh tạm thời: điều lệnh nội vụ, cảnh vệ, kỷ luật và xa kích, điều lệnh công tác trên tàu chiến, điều lệnh chiến đấu của kỵ binh, pháo binh, bộ đội thiết giáp của Hồng quân công nông.

Tinh thần xuyên suốt của các bản điều lệnh ấy được phản ánh đầy đủ nhất trong điều lệnh dã chiến tạm thời của Hồng quân công nông (năm 1929), phần II (sư đoàn, quân đoàn) là yêu cầu phải coi trận chiến đấu như là trận đánh binh chủng hợp thành mà thắng lợi của nó phải dựa vào sự hiệp đồng chiến đấu của tất cả các binh chủng. Điều lệnh cũng đã nói đến cách thức sử dụng xe tăng, tổ chức phòng, chống tăng, chống máy bay và chống hỏa chất, cách thức sử dụng không quân, công binh.

Giờ đây đã thi hành một loạt điều lệnh và điều lệ mới thay thế và bổ sung cho các điều lệnh của những năm 1924 - 1925. Đó là: điều lệ tạm thời về công tác nguy trang của Hồng quân công nông, điều lệnh chiến đấu của Không quân Hồng quân công nông, điều lệnh sử dụng điện thoại - điện tín, dùng thủy lôi và những điều lệnh và điều lệ khác, v.v...

Để không quay lại chủ đề này nữa, tôi nêu lên một nhận xét và nói chung, mọi người đều đánh giá cao bản điều lệnh dã chiến tạm thời năm 1936, trong đó đã đề cập đến và giải quyết đúng những vấn đề quan trọng nhất của việc chỉ huy một trận đánh hiện đại. Nói chung, ngay hồi giữa những năm 30, Hồng quân đã có được một nền lý luận quân sự tiên tiến và vững chắc, lý luận này được khẳng định trong hệ thống những bản điều lệnh và điều lệ có chất lượng cao.

Năm 1931, A.I. Ê-gô-rốp đến phụ trách Bộ Tham mưu Hồng quân công nông. Ban thanh tra kỵ binh, theo đặc điểm hoạt động của mình, ít có liên hệ với Bộ Tham mưu Hồng quân công nông, nhưng chúng tôi biết rất rõ ràng, đa số cán bộ đều hoan nghênh quyết định bổ nhiệm A.I. Ê-gô-rốp làm Tham mưu trưởng Hồng quân công nông.

Chúng tôi cho rằng, Phó Ủy viên nhân dân thứ nhất M.N. Tu-kha-chép-xki, Tham mưu trưởng Hồng quân công nông A.I. Ê-gô-rốp và nhà lý luận quân sự tài giỏi Tham mưu phó Hồng quân công nông V.K. Tô-ri-an-đa-phi-lốp sẽ giúp đỡ đắc lực Ủy viên nhân dân K.E Vô-rô-si-lốp.

Trong thời gian công tác tại Ban thanh tra kỵ binh, tôi may mắn được hiểu biết Mi-kha-in Ni-

cô-lai-ê-vích Tu-kha-chép-xki hơn. Như đã nói, cá nhân tôi quen biết Mi-kha-in Ni-cô-lai-ê-vích ngay từ trong thời gian thanh toán cuộc nổi loạn của bọn phú nông ở An-tô-nốp năm 1921. Là một người có thân hình lực sĩ, đồng chí có một bề ngoài rất đáng yêu. Lúc đó chúng tôi đã nhận thấy rằng đồng chí không ở trong số những người nhát gan: với những phương tiện tự vệ rất ít ỏi, đồng chí đã đi khắp các khu vực có bọn thổ phỉ ẩn náu.

Bấy giờ, trên cương vị là Phó Ủy viên nhân dân quốc phòng thứ nhất, Mi-kha-in Ni-cô-lai-ê-vích Tu-kha-chép-xki đã tiến hành công tác một cách rất có tổ chức, sáng tạo và khoa học. Trong những lần tiếp xúc với đồng chí, tôi đều cảm phục nhận thấy đồng chí hiểu biết toàn diện các vấn đề khoa học quân sự. Là một quân nhân thông thạo nghề nghiệp, thông minh, học rộng, đồng chí giải đáp rất thấu đáo các vấn đề chiến thuật cũng như các vấn đề chiến lược.

M.N. Tu-kha-chép-xki hiểu rõ vai trò các binh chủng của các lực lượng vũ trang chúng ta trong các cuộc chiến tranh hiện đại và rất sáng tạo khi đề cập tới bất kỳ vấn đề nào.

Mi-kha-in Ni-cô-lai-ê-vích đã xây dựng tất cả những kết luận có tính nguyên tắc của mình trong lĩnh vực chiến lược và chiến thuật dựa vào sự phát triển mạnh mẽ của khoa học kỹ thuật ở trong và ngoài nước ta, nhấn mạnh rằng tình hình đó sẽ có ảnh hưởng quyết định đến việc xây dựng các lực lượng vũ trang và đến các phương thức tiến hành cuộc chiến tranh tương lai. Ngay trong những năm 30, M.N. Tu-kha-chép-xki đã báo trước kẻ thù số một của chúng ta là Đức, nước này đang ra sức chuẩn bị một cuộc chiến tranh lớn và chắc chắn là trước hết nhằm chống Liên Xô. Sau này, trong những tác phẩm đã được in ra của mình, đồng chí đã nhiều lần nhấn mạnh rằng, Đức đang chuẩn bị một lực lượng tấn công mạnh bao gồm những đơn vị không quân, quân đổ bộ và cơ động nhanh, mạnh, chủ yếu là những đơn vị cơ giới và xe tăng, xe bọc thép. Đồng chí chỉ rõ, tiềm lực công nghiệp chiến tranh của Đức đang tăng lên rõ rệt và Đức có khả năng sản xuất hàng loạt máy bay chiến đấu và xe tăng.

Mùa hè năm 1931, ở trại huấn luyện của quân đoàn kỵ binh 1, tôi đã soạn thảo các dự án điều lệnh chiến đấu của kỵ binh Hồng quân công nông (phần I và phần II) với sự tham gia của trung đoàn trưởng trung đoàn kỵ binh Ni-cô-lai I-va-nô-vích Gu-xép và nhiều đồng chí khác trong sư đoàn kỵ binh 1. Mùa thu năm đó, sau khi đã được đem ra thảo luận tại ban thanh tra, các bản dự án điều lệnh này được báo cáo lên M.N. Tu-kha-chép-xki xét duyệt.

Cùng với đồng chí phó thanh tra tư lệnh quân đoàn I.Đ. Cô-xô-gốp tôi nhiều lần bảo vệ điều khoản này hay điều khoản khác trong bản điều lệnh dự thảo. Song, tôi phải thú nhận rằng chúng tôi thường bị cụt lý trước những ý kiến phản đối xác đáng và logic của M.N. Tu-kha-chép-xki và chúng tôi phải cảm ơn đồng chí vì đã đưa ra những luận điểm xuất sắc làm phong phú thêm các dự án điều lệnh của chúng tôi.

Sau khi được M.N. Tu-kha-chép-xki sửa chữa, các bản điều lệnh này đã được ban hành và các đơn vị kỵ binh đã có một tài liệu tốt để huấn luyện quân sự.

Tôi gặp Mi-kha-in Ni-cô-lai-ê-vích lần cuối cùng năm 1931 tại một cuộc họp những cá nhân tích cực của Đảng khi đồng chí đến báo cáo về tình hình quốc tế. M.N. Tu-kha-chép-xki, với một sức thuyết phục cao, đã báo cáo về sự hùng cường đang độ phát triển của nhà nước ta, về những triển vọng to lớn của nền kinh tế, khoa học, kỹ thuật xã hội chủ nghĩa của chúng ta và về sự hưng thịnh của nền văn hóa. Nói về vai trò của Đảng Bôn-sê-vích chúng ta trong sự nghiệp xây dựng nhà nước và quân đội kiểu mới, Mi-kha-in Ni-cô-lai-ê-vích đã nồng nhiệt nhắc nhở tới V.I. Lê-nin mà đồng chí đã được gặp nhiều lần và cùng công tác.

Trong cuộc họp này, Mi-kha-in Ni-cô-lai-ê-vích đã đưa ra những ý kiến trình bày trong tác phẩm chuyên khảo mà đồng chí đang viết lúc đó. Nội dung tác phẩm này là nghiên cứu những vấn đề mới về chiến tranh. Lúc ấy, tuy ít ham mê các vấn đề khoa học quân sự nhưng chúng tôi đã say sưa lắng nghe đồng chí. Người ta cảm thấy rằng M.N. Tu-kha-chép-xki là nhà tư tưởng quân sự xuất chúng, một ngôi sao loại lớn nhất trong số những nhà quân sự xuất sắc của Tổ quốc ta.

Sau này, phát biểu ý kiến trong năm 1936 tại khóa họp thứ II của Ủy ban chấp hành Liên xô, M.N. Tu-kha-chép-xki lại lưu ý nguy cơ nghiêm trọng đang đe dọa từ phía nước Đức phát-xít. Đồng chí đã củng cố bài nói rõ ràng, đầy nhiệt tình yêu nước của mình bằng một sự phân tích sâu sắc và những số liệu về tình hình vũ trang và tham vọng xâm lược của Đức.

Ban thanh tra kỵ binh đã tiến hành nhiều công tác nhằm xem xét lại việc tổ chức các đơn vị và các binh đoàn kỵ binh, hệ thống trang bị và phương pháp tiến hành chiến đấu.

Các cuộc bàn cãi rất lâu trong nội bộ Ban Thanh tra và các cuộc thảo luận tỉ mỉ với tư lệnh các binh đoàn kỵ binh đã đi đến quyết định là mỗi sư đoàn phải có trong biên chế của mình 4 trung đoàn kỵ binh, một trung đoàn cơ giới và một trung đoàn pháo. Các trung đoàn kỵ binh phải gồm 4 đại đội có vũ khí bạch binh (gươm, kiếm), một đại đội súng máy, một đại đội pháo trung đoàn, một trung đội cao xạ, một trung đội thông tin liên lạc độc lập, một trung đội công binh độc lập, một trung đội bộ đội hóa học độc lập và những cơ quan quản lý kinh tế thích ứng. Trung đoàn pháo cần có trong biên chế của mình một tiểu đoàn pháo 122 mm và một tiểu đoàn pháo 76 mm. Trung đoàn cơ giới phải được trang bị xe tăng BT-5.

Như vậy là kỵ binh của Hồng quân đã được vũ trang bằng những phương tiện kỹ thuật và hỏa lực khiến tính chất tổ chức và cách thức tiến hành chiến đấu của nó đã thay đổi rõ rệt. Lúc này, bằng phương tiện hỏa lực của bản thân và sức công kích của xe tăng, kỵ binh có thể mở đường tiến lên nhằm đánh tan kẻ địch trực diện với mình.

Những điều lệnh chiến đấu mới và hàng loạt chỉ lệnh do Ban thanh tra kỵ binh khởi thảo đều bắt nguồn từ những nguyên tắc cơ bản tiến hành một chiến dịch sâu rộng và một trận chiến đấu thọc sâu.

Xây dựng được lý luận chiến dịch tấn công sâu rộng là một thành tựu quan trọng của nghệ thuật quân sự chúng ta. Nói chung, chiến dịch có đặc điểm là xe tăng, máy bay, pháo và quân đổ bộ đường không được sử dụng ào ạt hàng loạt, vì đã trù tính đưa các tập đoàn quân hiện đại và đầy đủ trang bị kỹ thuật vào chiến đấu. Thực chất của chiến dịch sâu rộng là như sau: Nhiệm vụ đầu tiên là phải phá vỡ chính diện của đối phương bằng cách đồng thời đột kích trên toàn bộ chiều sâu chiến thuật của chính diện đó; nhiệm vụ thứ hai là tức thời đưa bộ đội cơ giới vào đánh phá, và hiệp đồng tác chiến với không quân, tấn công vào toàn bộ chiều sâu dải phòng ngự chiến dịch của địch cho đến khi đánh bại toàn bộ cụm quân địch.

Trong vấn đề này đã trù tính rằng, nói chung, chiến tranh sẽ do những quân đội gồm hàng triệu người tiến hành trên những khoảng không gian rộng lớn, còn thắng lợi của chiến dịch đánh thọc sâu sẽ dĩ bảo đảm được là do việc dùng không quân và pháo binh tập kích tiêu diệt địch trên toàn bộ chiều sâu phòng ngự của chúng cộng với những hành động kiên quyết ở bên sườn và phía sau quân địch nhằm bao vây và tiêu diệt chúng.

Nền khoa học quân sự mà các cán bộ chỉ huy của Hồng quân luôn luôn dựa vào đã thay đổi cùng với sự xuất hiện của kỹ thuật mới, vũ khí mới và những khả năng mới của đất nước và đương nhiên, cùng với trình độ khả năng chiến đấu của kẻ địch sẽ gặp phải.

Trong khi vũ trang cho quân đội những phương tiện chiến đấu hiện đại, Ban Chấp hành trung ương Đảng đã giúp cho cơ quan lãnh đạo quân sự đào sâu suy nghĩ hơn nữa về những sự thay đổi trong lĩnh vực các ngành khoa học quân sự. Nhằm mục đích đó nhiều vấn đề lớn trong chiến lược quân sự, nghệ thuật chiến dịch và trong việc vũ trang lại cho quân đội và hạm đội về mặt kỹ thuật đã được mang ra thảo luận một cách có hệ thống tại Bộ Chính trị và Tổng Hội đồng quân sự. Các tư lệnh quân khu, hạm đội không quân, theo lệ thường, đã có mặt trong các cuộc họp này. Những kết luận và chỉ thị của Hội nghị đều được phổ biến đến toàn thể cán bộ lãnh đạo của lục quân, hải quân và không quân.

Đối với chúng tôi, những người công tác tại Ban Thanh tra, việc vũ trang lại cho kỵ binh và việc làm cho các trung đoàn kỵ binh nắm vững tổ chức mới và các điều lệnh chiến đấu có một ý nghĩa đặc biệt, vì rằng lúc đó đa số các trung đoàn được bố trí trên những hướng chiến lược quan trọng nhất gần các biên giới quốc gia, tình hình đó đòi hỏi kỵ binh phải luôn luôn rất sẵn sàng chiến đấu.

Một hôm đồng chí phó thanh tra kỵ binh thứ nhất I.Đ. Cô-xô-gốp triệu tập tôi lên chỗ đồng chí và báo cho biết đề nghị bổ nhiệm tôi làm tư lệnh sư đoàn kỵ binh 4 đã được báo cáo lên K.E. Vô-rô-si-lốp xét định.

I.Đ. Cô-xô-gốp hỏi tôi có ý kiến gì đối với việc đề nghị bổ nhiệm này và công tác ở Quân khu Bê-lô-ru-xi có thích hợp với tôi không. Tôi trả lời rằng, tôi coi việc được cử làm nhiệm vụ chỉ huy một sư đoàn nổi tiếng như vậy là một vinh dự đặc biệt. Tôi hiểu rõ Quân khu Bê-lô-ru-xi vì đã công tác 10 năm trong quân khu này. Tôi quen biết đồng chí tư lệnh quân đoàn 6 Ê.I. Gô-ri-a-chép, đồng chí là một cán bộ kỵ binh rất có kinh nghiệm.

Đến đây cuộc nói chuyện với I.Đ. Cô-xô-gốp kết thúc. Lúc chia tay, đồng chí nói rằng X.M. Bu-đi-ôn-nui sẽ còn nói chuyện với tôi nữa.

Cuộc nói chuyện này đã diễn ra sau đó vài hôm, khi lệnh bổ nhiệm tôi đã được đồng chí Ủy viên nhân dân ký rồi. Lúc chia tay, X.M. Bu-đi-ôn-nui xúc động nói:

- Sư đoàn 4 đã luôn luôn là sư đoàn ưu tú nhất của kỵ binh và nó nhất định phải là ưu tú nhất! Tôi lấy làm hài lòng mà nêu lên rằng, những mong muốn này của Xê-mi-ôn Mi-khai-lô-vích đã thành hiện thực. Nhưng cho đến lúc sư đoàn lại vươn được lên hàng đầu thì toàn thể chúng tôi, đặc biệt là các cán bộ chỉ huy, cán bộ chính trị và các tổ chức Đảng, đã phải bỏ ra nhiều công sức.

Trong cuốn “Bước đường đã qua” của X.M. Bu-đi-ôn-nui, đã nói khá chi tiết về những thắng lợi rực rỡ của sư đoàn kỵ binh 4. Tôi chỉ muốn nói về một vài kỷ ức riêng có liên quan tới thời gian tôi chỉ huy sư đoàn vinh quang này.

Sư đoàn kỵ binh 4 mang tên K.E. Vô-rô-si-lốp là hạt nhân của tập đoàn quân kỵ binh 1 thần kỳ. Trong những trận đánh ác liệt thời nội chiến, sư đoàn đã thể hiện tinh thần dũng cảm tuyệt vời và chủ nghĩa anh hùng tập thể.

Cho đến năm 1931, sư đoàn thuộc biên chế Quân khu Lê-nin-grát và đóng quân ở những thành phố mà trước đây, dưới chính quyền Sa hoàng, các đơn vị kỵ binh bạch vệ đã đóng (Gát-chi-na, Pê-téc-gốp, Đét-xcôi-ê Xê-lô). Cũng như trong những năm nội chiến, sư đoàn 4 vẫn là một trong những sư đoàn ưu tú của binh chủng kỵ binh chúng ta. Đội ngũ cán bộ và chiến sĩ của sư đoàn 4 thận trọng gìn giữ các truyền thống chiến đấu vinh quang của sư đoàn, đã giáo dục có kết quả cho các chiến sĩ kỵ binh trẻ tinh thần trách nhiệm cao và nghĩa vụ quân nhân.

Năm 1932, sư đoàn được điều động cấp tốc sang Quân khu Bê-lô-ru-xi, đến thành phố Xlút-xcơ. Sau này tôi được biết sở dĩ chuyển quân như vậy là theo những dự kiến đặc biệt. Tuy vậy, lúc đó không hề có lý do gì cần phải vội vã điều động sư đoàn tới một căn cứ hoàn toàn không được chuẩn bị trước như vậy. Nhấn mạnh điều này là quan trọng vì rằng, trong suốt một năm rưỡi, sư đoàn đã phải xây dựng lấy doanh trại, tàu ngựa, các nhà làm việc, nhà ở, kho tàng và toàn bộ cơ sở học tập. Kết quả là cái sư đoàn được huấn luyện rất khá này đã trở thành một đơn vị quân đội công tác tồi. Tình trạng thiếu vật liệu xây dựng, thời tiết mưa dầm và hoàn cảnh không thuận lợi khác đã không cho phép sư đoàn kịp thời chuẩn bị cho mùa đông và điều này đã tác động một cách cực kỳ nặng nề đến tình trạng chung và khả năng sẵn sàng chiến đấu của sư đoàn. Kỷ luật giảm sút, ngựa thường ốm đau luôn.

Bộ tư lệnh quân đoàn đã không thể giúp đỡ được gì cho sư đoàn vì các trung đoàn khác của quân đoàn Cô-dắc 6 cũng ở trong tình thế như vậy, cũng bị điều động vội vã đến quân khu và đến cùng một căn cứ đó.

Mùa xuân năm 1933, tư lệnh quân khu Bê-lô-ru-xi, tư lệnh tập đoàn quân hạng nhất I.P. U-bô-rê-vích, sau một thời gian ngắn đi thanh tra các đơn vị của quân đoàn, đã thấy rõ sư đoàn - lúc này đã đổi tên thành sư đoàn Cô-dắc 4 sông Đông - đang trong tình trạng cực kỳ sa sút. Cần phải vạch ra rằng, vào lúc cần thiết đồng chí tư lệnh tập đoàn quân đã không dành cho sư đoàn một sự giúp đỡ thích đáng trong các vấn đề xây dựng và không chú ý đến hoàn cảnh sinh hoạt của các trung đoàn. Bấy giờ đồng chí lại vội vã khẳng định người có lỗi chủ yếu về tình trạng không hay của sư đoàn là tư lệnh sư đoàn G.P. Clét-xkin.

Đương nhiên, tư lệnh trong chế độ một thủ trưởng là người phải chịu trách nhiệm về sư đoàn. Nhưng một cấp trên theo chức trách của mình và với tư cách là người đồng chí cao cấp hơn bắt buộc phải có tinh thần khách quan. Do bản tính nóng nảy của mình, I.P. U-bô-rê-vích đã báo cáo lên đồng chí Ủy viên nhân dân quốc phòng K.E. Vô-rô-si-lốp về tình hình sư đoàn 4 và yêu cầu cách chức ngay tư lệnh sư đoàn G.P. Clét-xkin. Đương nhiên trong sư đoàn có nhiều thiếu sót, nhưng I.P. U-bô-rê-vích dù sao đã tô đậm lên khi khẳng định rằng sư đoàn đã để mất dần toàn bộ những truyền thống tốt đẹp của mình và hiện đang không có khả năng chiến đấu.

Đối với K.E. Vô-rô-si-lốp, báo cáo của I.P. U-bô-rê-vích thật là điều cực kỳ không hay: sư đoàn mang tên đồng chí, đồng chí đã gắn bó ruột thịt với sư đoàn này nhiều năm, đã nhiều phen chiến đấu trong hàng ngũ sư đoàn này. Sư đoàn đã đào tạo được hàng loạt cán bộ chỉ huy và cán bộ chính trị tài ba. Đối với đồng chí thanh tra kỵ binh X.M. Bu-đi-ôn-nui thì sư đoàn 4 cũng là đứa con thân yêu. Chính đồng chí đã tổ chức sư đoàn này và dìu dắt nó đi chiến đấu.

K.E. Vô-rô-si-lốp báo cho X.M. Bu-đi-ôn-nui biết về những điều mà I.P. U-bô-rê-vích đã báo cáo lên, và đề nghị tìm một sư đoàn trưởng mới cho sư đoàn.

Và thế là ngày lên đường đã đến. Tôi cùng vợ và con gái lại đáp xe hỏa về Bê-lô-ru-xi quen

thuộc. Tôi biết và rất yêu mến đất nước và phong cảnh Bê-lô-ru-xi có nhiều rừng, hồ, sông kỳ thú; là người thích săn bắn và đi câu, tôi rất vui mừng lại được rơi vào những địa phương tươi đẹp này. Trong thời gian công tác ở Bê-lô-ru-xi, tôi đã nghiên cứu đặc điểm của địa phương từ biên giới phía bắc đến biên giới phía nam. Điều đó về sau có ích cho tôi biết chừng nào! Nhưng chủ yếu là trong Quân khu Bê-lô-ru-xi tôi có nhiều bạn, nhiều đồng chí, đặc biệt là trong các trung đoàn và binh đoàn kỵ binh.

Thật ra, tôi hiểu biết ít về sư đoàn 4. Tôi chỉ ở sư đoàn này có một lần trong năm 1931, và trong một thời gian rất ngắn. Tôi hầu như không hiểu những con người của sư đoàn, trừ đồng chí tư lệnh G.P. Clét-xkin, đồng chí tư lệnh phó phụ trách công tác chính trị N.A. I-un-gơ, đồng chí tham mưu trưởng A.I. Véc-tô-grát-xki, đồng chí trung đoàn trưởng trung đoàn cơ giới V.V. Nô-vi-cốp và một số đồng chí cán bộ khác. Mà không hiểu biết con người, những mặt mạnh và yếu của họ, không hiểu biết những khả năng của các cán bộ phụ trách thì không thể lãnh đạo được các đơn vị, đặc biệt là không thể lãnh đạo được tập thể đồng đảo các chiến sĩ.

Chúng tôi đến Xlút-xcơ vào thời kỳ mưa xuân, đường khó đi. Ở ga, đường ngập bùn và cho đến khi về đến đơn vị, vợ tôi đã nhiều lần tuột giày trong bùn. Ngồi trên vai tôi, Ê-ra, con tôi hỏi:

- Tại sao ở đây lại không có vĩa hè như ở Xô-cô-ni-ki?

Tôi trả lời:

- Ở đây cũng sẽ có vĩa hè và quảng trường đẹp, nhưng sau này thôi...

Gia đình chúng tôi phải tạm thời sống chật chội trong một buồng 8 m² trong căn nhà của đồng chí chủ nhiệm hóa học sư đoàn V.M. Đơ-voóc-xốp. Đồng chí này mến khách đến mức là chuyển chính gia đình mình sang ở một buồng còn hẹp hơn nữa. Tất cả chúng tôi đều hiểu những khó khăn về nhà cửa và không ai đòi có chỗ ở tốt hơn, khi mà chỗ "tốt hơn" ấy chính chúng tôi chưa xây dựng được.

Nửa tiếng đồng hồ sau, tôi đã có mặt ở phòng tham mưu sư đoàn, phòng tham mưu cũng được bố trí ở ngay ngoài sân. Tư lệnh sư đoàn G.P. Clét-xkin không có mặt tại phòng tham mưu: đồng chí cho biết là không được khỏe và không thể tiếp tôi được. Tất nhiên tôi hiểu tâm trạng đồng chí và không đòi được gặp ngay lập tức.

Chính ủy sư đoàn Ni-cô-lai An-béc-tô-vích I-un-gơ và tham mưu trưởng sư đoàn A-lếch-xăn-đrơ I-va-nô-vích Véc-tô-grát-xki đã giới thiệu cận kề với tôi về tình hình công việc trong sư đoàn. Tôi cảm ơn các đồng chí đã biết trình bày toàn bộ tình hình một cách nhanh chóng và đầy đủ. Song, việc chủ yếu được đặt ra cho tôi là phải trực tiếp đi xuống các đơn vị, tự mình tìm hiểu tỉ mỉ tình hình, xác định những thiếu sót, tìm ra nguyên nhân những thiếu sót đó và cùng với các cán bộ chỉ huy chính trị vạch ra những phương sách khắc phục nó.

Cũng trong ngày hôm đó, tôi đã đến trung đoàn Cô-dắc Ma-nút-xki, trung đoàn đầu tàu, kỳ cựu nhất của sư đoàn, do Phê-đo Ya-cốp-lê-vích Cô-xten-cô, một trong những chiến sĩ Hồng quân đầu tiên, chỉ huy. Trước đây, tôi không quen biết đồng chí, nhưng đã được nghe nói nhiều về người cán bộ chỉ huy tận tụy này, một người rất say mê binh chủng kỵ binh, không hề vắng mặt trong các cuộc thi thể dục kỵ binh rất thịnh hành lúc bấy giờ trong binh chủng.

Khi chiến tranh giữ nước vĩ đại bắt đầu, Ph. Ya. Cô-xten-cô chỉ huy tập đoàn quân 26 chịu trách nhiệm bảo vệ biên giới quốc gia của chúng ta ở U-crai-na. Dưới quyền chỉ huy của đồng chí, các trung đoàn và binh đoàn của tập đoàn quân này đã chiến đấu kiên cường đến mức là quân đội Đức phát-xít dù đã cam chịu nhiều tổn thất to lớn cũng không thể tiến sâu vào U-crai-na ngay trong những ngày đầu chiến tranh. Rất tiếc là Phê-đo Ya-cốp-lê-vích Cô-xten-cô không còn sống được đến ngày nay. Đồng chí đã hy sinh anh dũng trong một trận đánh ác liệt trên hướng Khác-cốp, khi làm phó tư lệnh Phương diện quân Tây-nam. Người con trai cả yêu quý của đồng chí, Pi-ốt cùng hy sinh với đồng chí trong trận đánh này. Pi-ốt rất đáng yêu. Mọi người còn nhớ rằng, ngay lúc còn là một chú bé, Pi-ốt đã nghiên cứu về quân sự, đặc biệt thích cưỡi ngựa và múa kiếm. Phê-đo Ya-cốp-lê-vích rất hài lòng về đứa con, hy vọng Pi-ốt sẽ trở thành một cán bộ, một kỵ sĩ xứng đáng, và đồng chí đã không lầm.

Sau trung đoàn Ma-nút-xki 19, tôi đã tìm hiểu cận kề các trung đoàn Cô-dắc 20, 21 và 23, trung đoàn pháo kỵ binh 4, trung đoàn cơ giới 4 và sau đó là các đại đội độc lập của sư đoàn. Trung đoàn kỵ binh 20, đóng quân tại làng Cô-nhiu-khi cách thành phố Xlút-xcơ 20 km, đang ở trong tình trạng gay go nhất. Chỉ huy trung đoàn này là Vla-đi-mia Vích-tô-rô-vích Criu-cốp, sau này Criu-cốp trong chiến tranh giữ nước đã chỉ huy quân đoàn kỵ binh và nhiều lần được biểu

đương trong các mệnh lệnh của Bộ Tổng tư lệnh tối cao. Trung đoàn đóng quân ở gần biên giới quốc gia và coi như đơn vị tiền tiêu của sư đoàn.

Dù gặp nhiều hoàn cảnh khó khăn, toàn bộ cán bộ và chiến sĩ của trung đoàn vẫn giữ được tinh thần hồ hởi. Ngay cả các bà vợ sĩ quan, dù phải xa rời những căn nhà êm ấm ở Lê-nin-grát, cũng không tỏ ra buồn chán. Họ chỉ phàn nàn có một điều: không có chỗ cho con cái đi học, không có trường.

Trung đoàn Cô-dắc 21 do I-van Ni-cô-lai-ê-vích Mu-dư-chen-cô chỉ huy. Tôi biết đồng chí này từ khi ở lữ đoàn kỵ binh độc lập 14, tại đây trong thời gian nội chiến đồng chí làm phụ tá của chính ủy trung đoàn. Lúc chiến tranh giữ nước bắt đầu, đồng chí chỉ huy tập đoàn quân 6 ở Ucraina, mà cơ quan tham mưu đóng ở Lvốp. Vì nhiều nguyên nhân I.N. Mu-dư-chen-cô gặp ngay chuyện bất hạnh trong hồi đầu chiến tranh. Trong khi buộc phải rút sâu vào nội địa Ucraina, trước sức tấn công của những lực lượng địch đông, mạnh hơn mình nhiều, đồng chí đã bị thương nặng, bị bắt làm tù binh và trong suốt thời gian chiến tranh đã bị dày vò trong các trại tù binh ở Đức.

Trung đoàn Cô-dắc 21 đã gây cho chúng tôi một ấn tượng tốt hơn đôi chút về tính tổ chức, tình hình các cơ quan và trật tự chung của nó. Cán bộ chỉ huy và cán bộ chính trị ở đây đã tỏ rõ là có khả năng tổ chức hơn.

Trung đoàn cơ giới 4 do Va-xi-li Va-xi-li-ê-vích Nô-vi-cốp chỉ huy. Trong thời gian Chiến tranh giữ nước vĩ đại, V.V. Nô-vi-cốp chỉ huy quân đoàn rồi tập đoàn quân cơ giới và nhiều lần được nêu tên trong các mệnh lệnh của Tổng tư lệnh tối cao. V.V. Nô-vi-cốp, cán bộ kỳ cựu của tập đoàn quân kỵ binh, trong một thời gian dài đã làm trưởng ban tác chiến của sư đoàn kỵ binh 4. Chính ủy trung đoàn là đảng viên Bôn-sê-vích xuất sắc Ác-tem Xéc-gây-ê-vích Din-chen-cô, chiến sĩ kỵ binh kỳ cựu đã từng chiến đấu dưới ngọn cờ của tập đoàn quân kỵ binh 1 ngay từ khi mới thành lập. Trong Chiến tranh giữ nước Ác-tem Xéc-gây-ê-vích đã làm chính ủy nhiều viện quân y lớn ở tiền phương.

Nhiều cán bộ chỉ huy và cán bộ chính trị, hiện nay đang đảm nhiệm những chức vụ quan trọng trong Bộ Tổng tham mưu và các Tổng cục thuộc Bộ Quốc phòng và trong các quân chủng, đã được rèn luyện trong hàng ngũ trung đoàn cơ giới 4. Xưa kia là những thanh niên công nhân và nông dân, họ đã trở thành những chuyên gia quân sự giỏi, sĩ quan cao cấp và tướng lĩnh.

Vì các đơn vị cơ giới, đặc biệt là các quân đoàn, đã giữ một vai trò xuất sắc trong những năm chiến tranh giữ nước vĩ đại và vì trong thời gian sát trước chiến tranh đã gặp những khó khăn đáng kể trong việc thành lập các quân đoàn cơ giới, nên tôi xin phép được nói vắn tắt về lịch sử xuất hiện các quân đoàn cơ giới, nhấn mạnh công đi đầu của tập đoàn quân chúng tôi trong vấn đề này.

Năm 1929, Hội đồng quân sự cách mạng Liên Xô (theo báo cáo của V.K. Tơ-ri-an-đa-phi-lốp) thông qua một quyết định trong đó có nói: "Xét thấy binh chủng mới là các lực lượng thiết giáp còn chưa được nghiên cứu đầy đủ để sử dụng trong chiến thuật (để độc lập tác chiến và phối hợp tác chiến với bộ binh và kỵ binh) và cũng chưa tìm ra được những hình thức tổ chức có lợi ích cho nó, cần phải tổ chức trong năm 1929 - 1930 một đơn vị cơ giới thường xuyên làm đơn vị thí điểm".

Thực hiện quyết định này, ngay trong năm đó đã thành lập trung đoàn cơ giới thí điểm. Trung đoàn này, ngay trong năm 1929, đã tham gia vào các buổi huấn luyện của toàn quân ở Quân khu Bê-lô-ru-xi chúng tôi. K.E. Vô-rô-si-lốp, B.M. Sa-pô-sni-cốp và V.K. Tơ-ri-an-đa-phi-lốp đã lãnh đạo những cuộc học tập này.

Năm 1930, trung đoàn đã mở rộng thành lữ đoàn cơ giới, lữ đoàn này liền được nghiên cứu sử dụng ngay trong các buổi diễn tập của quân khu. Năm 1932, trên cơ sở lữ đoàn này đã thành lập quân đoàn cơ giới đầu tiên trên thế giới, quân đoàn gồm có 2 lữ đoàn cơ giới, 1 lữ đoàn súng máy bộ binh và một tiểu đoàn pháo cao xạ độc lập. Trong quân đoàn có 500 xe tăng và 200 ô-tô. Đến đầu năm 1936, đã xây dựng được 4 quân đoàn cơ giới, 6 lữ đoàn cơ giới độc lập và chừng ấy trung đoàn xe tăng độc lập, 15 trung đoàn cơ giới của các sư đoàn kỵ binh, hơn 80 tiểu đoàn và đại đội xe tăng trong các sư đoàn bộ binh.

Việc xây dựng và thực tế kiểm nghiệm các binh đoàn cơ giới lần đầu tiên của chúng ta đã là cơ sở tốt để phát triển hơn nữa lý luận về việc sử dụng rộng rãi binh chủng cơ giới.

Chúng tôi bắt đầu cuộc kiểm tra trung đoàn cơ giới 4 bằng một cuộc báo động chiến đấu. Tất

nhiên các cấp chỉ huy không ngờ tới, vì trung đoàn vừa mới chuyển xong những đơn vị cuối cùng của mình từ Quân khu Lê-nin-grát sang. Buổi đầu làm quen với nhau, tôi đã phải nhấn mạnh với các cán bộ chỉ huy phân đội rằng, cái chủ yếu đối với trung đoàn cơ giới là biết nhanh chóng triển khai đơn vị, hiểu biết tường tận xe pháo, khí tài và nắm vững nghệ thuật bắn súng của xe tăng, xe bọc thép. Đương nhiên và đúng như đã dự kiến, cuộc bảo động chiến đấu tiến hành trong một đêm mưa đã làm bộc lộ nhiều thiếu sót, đặc biệt trong việc lái xe trên địa hình không quen biết và trong môn xạ kích.

Trong khi nghiên cứu tình hình tại các trung đoàn, tôi cũng tìm hiểu cẩn thận về phòng tham mưu sư đoàn, các cán bộ chủ chốt và cán bộ chính trị.

Ở phòng tham mưu và phòng chính trị cũng có không ít khuyết điểm trong việc chỉ đạo các đơn vị trong sư đoàn. Nói riêng, việc kiểm tra quá trình huấn luyện quân sự chưa được tốt, không nghiêm khắc đối với việc thi hành mệnh lệnh. Đặc biệt chậm chạp là công tác nghiên cứu, tổng kết và phổ biến những kinh nghiệm tiên tiến về huấn luyện quân sự. Các đơn vị đều “đèn ai nấy rang” và đã có những trường hợp là đơn vị này phải mất rất nhiều công phu để “phát hiện ra” những phương pháp hoàn thiện hơn trong một mặt huấn luyện nào đó, trong khi đơn vị khác đã vận dụng những phương pháp ấy từ lâu rồi.

Như tôi đã nói ở trên, tham mưu trưởng sư đoàn là A-lếch-xăn-đrơ I-va-nô-vích Véc-tô-grát-xki, một cựu sĩ quan quân đội Sa hoàng rất am hiểu về quân sự. Và chủ nhiệm phòng chính trị sư đoàn là N.A. I-un-gơ một cán bộ chính trị rất có khả năng. Ít lâu sau đồng chí này đã được đề bạt lên làm phó tư lệnh phụ trách công tác chính trị của quân đoàn kỵ binh 3 và đồng chí đã đi Min-xơ.

Tổng kết và thảo luận về tình hình trên trong các đồng chí lãnh đạo của sư đoàn, chúng tôi đi đến quyết định là trước hết cần họp các cá nhân tích cực của Đảng và nói với các đảng viên cộng sản về tất cả các mặt tích cực và tiêu cực trong sinh hoạt của sư đoàn. Sau đó sẽ triệu tập một cuộc họp mở rộng của toàn thể cán bộ chủ chốt có mời các tư vụ trưởng đại đội[3] dự; các đồng chí tư vụ trưởng giữ vai trò đặc biệt lớn trong việc tổ chức toàn bộ công tác nội vụ.

Hội nghị các đồng chí tích cực của Đảng được tiến hành rất tốt. Phát biểu ý kiến tại cuộc họp này, nhiều đảng viên cộng sản đã nhấn mạnh rằng không thể tha thứ những thiếu sót hiện có, họ đã kiên quyết đấu tranh với những ai định lấy những nguyên nhân khách quan ra biện hộ cho tình trạng kỷ luật tồi và huấn luyện yếu.

Sau hội nghị các đồng chí tích cực của Đảng, đã thấy rõ rằng, sở dĩ có sự sa sút toàn diện trong tình hình sư đoàn là vì công tác chính trị và công tác huấn luyện chiến đấu không được tiến hành đúng mức. Các buổi học tập hầu như bị hoàn toàn đình trệ, vì toàn bộ lực lượng đã bị chuyển sang làm công tác xây dựng. Do đó, cần phải nhanh chóng tổ chức việc huấn luyện quân sự theo kế hoạch, triển khai đầy đủ công tác Đảng và công tác chính trị, còn các công việc thuộc phạm vi xây dựng và sinh hoạt kinh tế thì giải quyết trong những ngày dành riêng theo kế hoạch. Ngoài ra chúng tôi cũng hy vọng bộ tư lệnh quân khu sẽ giúp đỡ nhiều hơn mức giúp đỡ từ trước đến nay.

Ý kiến của Hội nghị các đồng chí tích cực của Đảng và những đề nghị của bộ tư lệnh sư đoàn đã được toàn thể hội nghị cán bộ chỉ huy và cán bộ chính trị tiếp nhận và ủng hộ nhiệt liệt.

Trong lĩnh vực huấn luyện quân sự, chúng tôi trù tính tập trung cố gắng chủ yếu vào việc rèn luyện phương pháp huấn luyện cho cán bộ tất cả các cấp. Về mặt huấn luyện chiến thuật, chúng tôi trực tiếp điều khiển một loạt buổi huấn luyện mẫu. Những buổi tập mẫu về huấn luyện xạ kích được giao cho trung đoàn 21, về kỹ thuật dùng ngựa giao cho trung đoàn 19 và riêng cho Ph.Ya. Cô-xten-cô, người am hiểu thành thạo việc này. V.V. Criu-cốp đảm nhiệm các buổi tập về đội hình và thể dục thể thao. Trung đoàn 23 được lệnh chuẩn bị và tiến hành những buổi bồi dưỡng về phương pháp đào tạo cán bộ sơ cấp, còn trung đoàn pháo kỵ binh và trung đoàn cơ giới 4 được giao phụ trách các buổi học tập về hiệp đồng của pháo và xe tăng, thiết giáp với kỵ binh trong những điều kiện chiến đấu tấn công.

Trước mắt phải giải quyết tốt nhiều vấn đề về tổ chức và phương pháp huấn luyện, vì rằng những kết quả tích cực chỉ có thể đạt được khi nào các buổi học tập được tiến hành ở một trình độ cao nhất và gây được hào hứng cho người học.

Chúng tôi đã tập trung những cố gắng chủ yếu trong huấn luyện chiến thuật vào việc huấn luyện cho từng cán bộ chỉ huy trung và cao cấp. Bằng kinh nghiệm và thực tế nhiều năm của

mình, tôi tin tưởng rằng chỉ những cán bộ chỉ huy thành thạo về chiến thuật mới có thể đào luyện trong thời bình được một phân đội chiến đấu tốt, và trong thời chiến mới giành được thắng lợi với những tổn thất nhỏ nhất.

Tôi thấy cần nêu lên một lần nữa rằng, bản thân tôi thường rất ham thích việc huấn luyện chiến thuật, coi nó là lĩnh vực quan trọng nhất của toàn bộ công tác huấn luyện chiến đấu cho quân đội. Tôi đã nỗ lực nghiên cứu chiến thuật trong suốt 43 năm phục vụ quân đội từ khi là chiến sĩ cho đến lúc làm Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

Trong phần lớn thời gian học tập, sự đoàn đều ở ngoài trời, có chú ý tiến hành tỉ mỉ công tác tổ chức và thực hành chiến đấu trong các điều kiện phức tạp. Tất cả cán bộ đều thích những cuộc hành quân cấp tốc đến vị trí xuất phát tấn công, những phút gay go trong tình huống đã đặt ra. Chúng tôi kiên trì làm cho cán bộ quân sự và chính trị nắm vững nghệ thuật chỉ huy đơn vị một cách chính xác trong chiến đấu vì nếu không làm được như vậy thì không thể đánh tan được đối phương trong điều kiện các trận đánh hiện đại cơ động rất cao.

Hồi đó kỵ binh là binh chủng có sức cơ động ào ạt nhất của lục quân. Nó được chỉ định làm nhiệm vụ nhanh chóng vu hồi, bao vây và tấn công vào các phía sườn và phía sau quân thù. Trong điều kiện đánh gặp địch, kỵ binh phải cấp tốc triển khai đội hình chiến đấu nhanh chóng nổ súng vào đối phương, dũng cảm đưa chủ lực vào khu vực xuất phát tấn công và không ngừng đuổi đánh kẻ thù khi chúng rút lui.

Việc tăng cường cho kỵ binh các phương tiện xe tăng, xe bọc thép, việc các trung đoàn pháo kỵ binh có lựu pháo đã cho phép nó không những bề gãy được sức đề kháng của đối phương mà còn giải quyết tốt nhiệm vụ chiến đấu tấn công và phòng ngự.

Đương nhiên, không phải việc nắm vững kỹ thuật mới, đặc biệt là sử dụng nó trong chiến đấu, lúc nào cũng đều trôi chảy. Cái trở ngại là trình độ kiến thức phổ thông của nhiều chiến sĩ và cán bộ chỉ huy còn tương đối thấp, dụng cụ, vũ khí thường khi có chỗ hư hỏng, thiếu cán bộ kỹ thuật, mà mọi người thì không có trình độ kỹ thuật nên không hiểu làm thế nào để sửa chữa. Cần phải xây dựng lại các binh chủng cũ, xây dựng những binh đoàn của binh chủng mới, huấn luyện lại cán bộ bộ binh và kỵ binh thành cán bộ chỉ huy không quân và xe tăng, đồng thời phải duy trì khả năng sẵn sàng chiến đấu của quân đội đề phòng trường hợp có xâm lược. Đi đôi với những việc đó vẫn phải chấn chỉnh quân đội về mặt tổ chức.

Mặt khác, kỹ thuật mới cũng có sức lôi cuốn quần chúng trong quân đội, đã hấp dẫn họ bằng những khả năng mới, đã kêu gọi lòng ham thích của họ. Những kiến thức kỹ thuật quân sự được tuyên truyền rộng rãi trên báo chí, qua đài và bằng phim ảnh.

Dưới sự lãnh đạo của các tổ chức Đảng các chiến sĩ Hồng quân và cán bộ chỉ huy say mê nghiên cứu trong rất nhiều nhóm kỹ thuật quân sự (trong quân khu chúng tôi năm 1932 gần 80% quân số theo học trong các nhóm ấy và tại các lớp huấn luyện, còn trong lục quân và hạm đội lúc đó có gần 5.000 nhóm kỹ thuật quân sự); họ nghe các bài giảng và báo cáo về các đề tài kỹ thuật quân sự, tham dự các buổi sát hạch và thi đua giành nhiều kiến thức tốt nhất về kỹ thuật và vũ khí.

Ở khắp các đơn vị đều có những bảng trưng bày và triển lãm tranh ảnh do thanh niên cộng sản tổ chức để phổ cập kiến thức kỹ thuật; nhiều cuộc hội nghị, mít tinh chớp nhoáng đã được tổ chức để nói về nhiệm vụ bảo quản kỹ thuật; nhiều dạ hội giới thiệu sách kỹ thuật quân sự đã được tiến hành, những cuộc triển lãm và thao diễn kỹ thuật và cuộc vận động quần chúng dự thi giành danh hiệu xạ thủ ưu tú đã được tổ chức.

Được sự giúp đỡ của Trung ương Đoàn thanh niên Cộng sản và của nhiều Hội tình nguyện quốc phòng khác nhau, lớp thanh niên trong tuổi tòng quân đã tích cực tham gia học tập kỹ thuật mới. Chẳng hạn như trong những năm 1934 - 1935 đã có trên 1,5 triệu nam nữ thanh niên đạt tiêu chuẩn về trình độ hiểu biết máy nổ, 1 triệu nam nữ thanh niên đạt tiêu chuẩn về kỹ thuật phòng, chống máy bay và hóa chất của địch.

Nói tóm lại, lời kêu gọi của Đảng “nắm vững kỹ thuật” là nội dung chủ yếu trong các hoạt động của các tổ chức Đảng trong quân đội của công đoàn và tổ chức Đoàn thanh niên Cộng sản, của các cán bộ chỉ huy và cán bộ chính trị. Hơn nữa, chiến sĩ và cán bộ chỉ huy không những chỉ nắm vững được kỹ thuật mà còn tự mình cố gắng cải tiến kỹ thuật. Chỉ riêng trong quân khu chúng tôi, năm 1933 đã thu thập được trên 4.000 đề nghị cải tiến kỹ thuật. Dĩ nhiên là quá trình này đã được cổ vũ bằng mọi cách.

Chúng tôi coi việc nắm vững nghệ thuật chỉ huy đơn vị trong các điều kiện chiến đấu gặp địch bất ngờ là một trong những nhiệm vụ chủ yếu của công tác huấn luyện cán bộ và cơ quan tham mưu. Việc này đòi hỏi phải từ bỏ lối điều khiển quen thuộc bằng những mệnh lệnh viết tay, điện thoại và bằng tất cả những gì có liên quan đến các đường dây điện thoại đặt sẵn. Cần phải kiên quyết chuyển sang lối điều khiển bằng vô tuyến điện, sang chế độ ra những mệnh lệnh tác chiến ngắn gọn “ngồi trên yên ngựa mà điều khiển” như các kỵ binh thích gọi hồi bấy giờ.

Trong việc huấn luyện chiến thuật cho tất cả các cấp cán bộ trong sư đoàn và các trung đoàn, chúng tôi đã cố gắng rèn luyện cho anh em biết giữ thật kín các hành động của bộ đội và của phân đội để bảo đảm công kích đối phương một cách bất ngờ.

Cho đến bây giờ, tôi vẫn không quên một cuộc tập trận hai bên rất lý thú mà chúng tôi đã tiến hành trong năm 1933.

Trung đoàn Cô-dắc 21 được tăng cường, dưới quyền chỉ huy của I.N. Mu-dư-chen-cô, làm quân phòng ngự. Trung đoàn được điều đến trận địa hai ngày đêm trước bên tấn công là trung đoàn 20, và trong thời gian đó thực tế đã xây dựng được tuyến phòng ngự trên khắp chiều sâu chiến thuật. Trung đoàn kỵ binh 20 không hề biết tí gì về cuộc tập trận sắp tới và về việc trung đoàn kỵ binh 21 đang đóng ở đâu đó trên trận địa và đang tổ chức phòng ngự. Trung đoàn được lệnh báo động.

Trong khu vực tập kết đã có những lực lượng tăng cường đến phối thuộc với trung đoàn 20: một đại đội xe tăng và một tiểu đoàn lựu pháo kỵ binh. Cũng tại đây, cấp chỉ huy trung đoàn được biết rõ tình huống chiến thuật đòi hỏi phải xuất phát ngay lập tức. Làm nhiệm vụ chi đội phải đi trước của sư đoàn, trung đoàn phải hành quân 46 km tới đánh chiếm một bàn đạp ở nơi trung đoàn kỵ binh 21 đang phòng ngự.

Đến xế chiều, các phân đội đi đầu của trung đoàn kỵ binh 20 đã tới sát đơn vị cảnh giới của trung đoàn kỵ binh 21. Trời đã tối, vì không kịp trình sát phòng ngự của “đối phương” lúc trời sáng, trung đoàn trưởng V.V. Criu-cốp quyết định ban đêm điều tra “đối phương” rồi tấn công chúng vào lúc bình minh. Đương nhiên là không thể quyết định khác thế được.

Lịch sử chứng tỏ rằng, nói cho cùng, kết quả của một trận đánh tùy thuộc ở chỗ người chỉ huy và cơ quan tham mưu của anh ta chuẩn bị tấn công một cách có chủ định, có tổ chức và chăm chú như thế nào. Trong toàn bộ công tác phức tạp này, trinh sát có ý nghĩa quan trọng hàng đầu. Có nắm được cách bố trí, lực lượng và phương tiện chiến đấu của đối phương, cũng như có nắm vững được những đặc điểm của địa hình nơi đối phương chiếm đóng thì mới có thể xác định đúng đắn phương thức chúng hành động.

Xuất phát từ kinh nghiệm, tôi hiểu rằng tiến hành trinh sát chu đáo là quan trọng như thế nào. Việc này đặc biệt cần thiết khi thực hành tấn công tuyến phòng ngự của đối phương vào lúc bình minh vì rằng suốt đêm, trong màn tối, đối phương dễ có thể thay đổi đội hình chiến đấu. Trinh sát như vậy lại càng cần thiết trong trường hợp phải đánh một kẻ thù có kinh nghiệm.

Đương nhiên là về mặt lý thuyết, trung đoàn trưởng trung đoàn kỵ binh 20 V.V. Criu-cốp thừa hiểu điều đó, nhưng đồng chí đã biểu thị tính coi thường không được phép có và đã không trù tính rằng “đối phương” của mình cũng có nhiệm vụ chiến đấu là không để cho “đối phương” chọc thủng phòng tuyến của mình và phải đánh tan “đối phương” khi có điều kiện thuận lợi.

Quyết tâm của trung đoàn trưởng trung đoàn kỵ binh 21 I.N. Mu-dư-chen-cô như sau:

1. Cho đến lúc tối trời, dùng hỏa lực ở tiền duyên, có pháo binh yểm trợ, đẩy lùi “đối phương” mưu toan chọc thủng tuyến phòng ngự và không để cho chúng lấn vào trận địa một.
2. Lợi dụng tiếng nổ âm ỉ của trận đánh, thực hiện đầy đủ biện pháp nghi binh, lúc tối đến, bắt đầu rút đội hình chiến đấu của trung đoàn về trận địa phòng ngự thứ hai đã định từ trước và đã được chuẩn bị một cách thích đáng.

3. Để cho “đối phương” không phán đoán được cuộc cơ động của mình, đứng trước bình minh, rút các đơn vị bố trí lại chiến hào một trên tuyến tiền duyên phòng ngự của trung đoàn về, chỉ để lại một lực lượng làm tiền tiêu để theo dõi “đối phương” mà thôi.

Lúc sẩm tối, trung đoàn trưởng trung đoàn 20 phái những tổ trinh sát tiền tiêu được tăng cường tới tiền duyên phòng ngự. Gặp hỏa lực địch, họ nằm lại trước hàng rào dây thép gai và bắt đầu tiến hành quan sát. Trong đêm, trung đoàn trưởng trung đoàn 20 được báo cáo đều đặn rằng “đối phương” vẫn ở chiến hào đầu tiên như cũ và thậm chí nó muốn bắt tù binh. V.V.

Criu-cốp tin rằng “đối phương” của mình, đã chôn chân xuống đất, sẽ phòng ngự trên các vị trí mà họ đã chiếm giữ.

Lúc bình minh, sau khi pháo binh bắn chuẩn bị, chắc chắn là sẽ giành được thắng lợi, trung đoàn trưởng phát tín hiệu bắt đầu tấn công. Pháo binh tăng cường lưới lửa, cuộc tấn công quyết liệt bắt đầu. Xe tăng với một tốc độ lớn đã vượt qua chiến hào một, tiến nhanh đến chiến hào thứ hai. Chiến hào một đã bị chiếm! Nhưng thế này là thế nào? Tại sao xe tăng lại dừng lại?

- Báo cáo đồng chí tư lệnh sư đoàn, - trung đoàn trưởng trung đoàn 20 nói với người lãnh đạo cuộc tập trận, - cho phép tôi được tiến lên phía trước và tự mình xác định xem vì sao các đơn vị đang tiến công lại dừng lại.

- Được thôi, “mắt mình là kim cương”, hãy đi mà quan sát, hãy tìm hiểu tình hình.

Đến gần chiến hào thứ hai, V.V. Criu-cốp gặp đại đội trưởng đại đội 2 E.M. Bu-sơ.

- Có chuyện gì thế? Vì sao mà dừng lại?

- Báo cáo trung đoàn trưởng, chúng tôi đang hỏi ý kiến đại đội trưởng đại đội xe tăng xem nên làm gì nữa.

- Làm gì nữa? Đánh tan “đối phương”!

- Đồng ý, nhưng ở đây không có chúng?!

- Sao lại không? Chúng biến đi đâu rồi? Suốt đêm, trinh sát đã báo cáo rằng “đối phương” đang phòng ngự cơ mà?

- Xin phép cho tôi được báo cáo! - Người đạo diễn, một cán bộ chỉ huy xe tăng, nói với trung đoàn trưởng. - Đây là mảnh giấy buộc lại trên một cái cọc trong chiến hào, có thể là nó cho biết cái gì chẳng?

Cầm lấy mảnh giấy, trung đoàn trưởng đọc to lên: “Xin chào các chàng bị thịt, hãy đi tìm chúng tôi như gió tìm trên đồng nội. Chúng tôi khuyên lần sau phải cảnh giác hơn!”.

Tất nhiên là mọi người xung quanh đều ngơ ngác và lúng túng vì bị trung đoàn 21 đánh lừa đã bắn phí hết cả đạn vào một chỗ không người. Nhưng điều chủ yếu là: vậy thì “đối phương” đã rút đi đâu?

- Vla-di-mia Vích-tô-rô-vích a, chính I-van Ni-cô-lai-ê-vích đã thâm độc bày cho anh trò “nhào lộn - hài hước” này đó - người chỉ huy đạo diễn đi theo trung đoàn kỵ binh 20 Ph.Ya. Cô-xten-cô hóm hỉnh nhận xét.

- Có khi còn xấu hơn nữa ấy. - V.V. Criu-cốp trầm ngâm nói, lúc thì chăm chú nhìn vào bản đồ, lúc thì nhìn khắp khu vực trước mặt. Và dường như để xác nhận lời nói này, các đồng chí đạo diễn đã cho gây ra những tiếng nổ báo hiệu rằng pháo binh trung đoàn 21 đang bắn vào đội hình chiến đấu đã dừng lại của trung đoàn 20.

Thật là hoàn toàn bị mắc cở!

Khi kiểm điểm buổi tập, các hành động của hai bên đều được xem xét rất tỉ mỉ và những sai lầm của trung đoàn kỵ binh 20 – tính tiêu cực không thể tha thứ được trong khi trinh sát “đối phương” - đã được đặc biệt đem ra phân tích. Còn các hành động của trung đoàn kỵ binh 21 thì được nêu lên làm mẫu mực cho việc huấn luyện động tác đánh lừa địch.

Cuộc tập trận này đã được những người tham dự ghi nhớ lâu dài và sau đây còn được làm lại dưới nhiều phương án khác nhau.

Trong huấn luyện và giáo dục cho các đơn vị, việc trau dồi bản lĩnh xác định các mục tiêu và nhiệm vụ trong những điều kiện phức tạp đã được đặc biệt chú ý. Để làm việc đó, chúng tôi đã dùng biện pháp gì?

Thông thường, tôi giữ tuyệt mật ý đồ của cuộc tập trận. Trung đoàn tham gia huấn luyện nhận lệnh báo động và được báo cho biết khu vực tập kết. Ở khu vực này, cấp chỉ huy trung đoàn được phổ biến về tình huống chiến thuật và được giao mệnh lệnh chiến đấu đòi hỏi phải tiến hành một cuộc hành quân - cơ động qua những khu vực khó vượt, lầy lội hay rừng núi. Đường hành quân được chọn sao cho đơn vị phải làm nhiều việc để dọn và đắp đường, lát những chỗ lầy lội và bắc cầu qua sông, qua suối bằng nguyên vật liệu có trong tay. Đã thế lại thường không được tăng cường công binh để rèn luyện cho chỉ huy các cấp biết cách tự lực vượt qua hoàn cảnh khó khăn bằng các phương tiện ở ngay tại chỗ.

Những cuộc tập luyện như vậy là rất mệt về thể lực. Đôi khi cán bộ chiến sĩ mệt nhoài ra vì thường mất ngủ và ăn uống thất thường trong vài ngày đêm liền. Nhưng chiến sĩ và sĩ quan hân hoan biết chừng nào khi đơn vị của họ hoàn thành được một nhiệm vụ khó khăn nhất, đạt

được mục tiêu đã đề ra! Lần sau, lâm vào hoàn cảnh khó khăn, họ sẽ không nghi ngờ gì về khả năng đạt được mục tiêu mà họ cần đạt. Cán bộ chỉ huy, các cơ quan tham mưu và toàn thể cán bộ và chiến sĩ sẽ có được thói quen thực tế là tích cực vượt qua bất kỳ hoàn cảnh khó khăn nào. Những buổi liên hoan thân mật do các cán bộ chính trị tổ chức sau các cuộc tập trận đã giúp rất nhiều cho việc giáo dục phẩm chất đạo đức trong chiến sĩ và sĩ quan. Những người tham gia “các trận đánh” cùng nhau trao đổi cảm tưởng, phê bình những thiếu sót, thân ái chế điều những ai đã tiêu cực trước trở ngại hay do vô ý hoặc sơ suất của mình mà gây thêm khó khăn. Nhờ những cố gắng của toàn thể cán bộ và chiến sĩ trong sư đoàn, trong năm 1935 công việc xây dựng đã hoàn thành: tất cả các trung đoàn đều đã có nơi ăn ở và cơ sở vật chất huấn luyện tốt. Đội ngũ ngựa chiến của sư đoàn cũng được tăng cường và củng cố.

Đến khoảng thời gian này mọi mặt huấn luyện chính trị và quân sự đã đạt được những kết quả không đến nỗi tồi. Một số bộ đội và phân đội đã đạt được những tiêu chuẩn cao về kỷ luật, về công tác phục vụ và về trình độ tổ chức chung.

Năm 1935, ở sư đoàn chúng tôi đã có những sự kiện lớn rất đáng ghi nhớ. Một là, trong các buổi thao diễn kiểm tra, tất cả các trung đoàn thuộc sư đoàn đều đạt điểm cao, kể cả trong khoa mục khó khăn nhất trong huấn luyện kỵ binh là khoa mục huấn luyện xạ kích. Thứ hai là, do các thành tích trong huấn luyện, sư đoàn được tặng thưởng huân chương cao nhất của Chính phủ - Huân chương Lê-nin.

Nhiều sĩ quan, hạ sĩ quan và chiến sĩ cũng được tặng thưởng huân chương và huy chương. Cả tôi cũng được thưởng Huân chương Lê-nin. Tất cả những điều đó đã làm tôi cảm động sâu sắc. Đọc xong lệnh tặng thưởng huân chương, tôi đã suy nghĩ kỹ càng xem chúng tôi phải làm gì để nâng cao hơn nữa trình độ huấn luyện quân sự và tình hình chung của sư đoàn.

Đối với chúng tôi, những quân nhân, năm ấy còn đáng ghi nhớ vì Đảng đã có thêm một biện pháp nữa để nâng cao uy tín của các cán bộ chỉ huy - thực hiện chế độ phong quân hàm.

V.K.Bliu-khe, X.M. Bu-đi-ôn-nui, K.E. Vô-rô-si-lốp, A.I. Ê-gô-rốp, M.N. Tu-kha-chép-xki đã trở thành những nguyên soái đầu tiên của Liên bang Xô-viết.

Việc Xê-mi-ôn Mi-khai-lô-vích Bu-đi-ôn-nui đến sư đoàn là một sự kiện lớn. Xê-mi-ôn Mi-khai-lô-vích đã kiểm tra tỉ mỉ công tác huấn luyện quân sự của sư đoàn, đặc biệt là tình hình huấn luyện ngựa chiến, xạ kích và chiến thuật. Tất cả các buổi diễn tập để kiểm tra đã diễn ra một cách xuất sắc và dường như một lần nữa xác nhận kết quả cao của công tác huấn luyện cán bộ và chiến sĩ.

Để nhận Huân chương Lê-nin, sư đoàn đã tập trung theo đội hình kỵ binh tại một trong những bãi trống của thành phố. Toàn thể cán bộ và chiến sĩ đều phấn khởi, mỗi đơn vị đều tập hợp bên cạnh lá quân kỳ bay phấp phới mà cán bộ, chiến sĩ thuộc thế hệ trước đây đã giương cao trong các trận chiến đấu với bọn bạch vệ và Ba Lan trắng.

Trong sự yên lặng trang nghiêm, sau cuộc diễu binh danh dự và sau khi nhận báo cáo, X.M. Bu-đi-ôn-nui bước lên lễ đài. Theo hiệu lệnh của đồng chí, cùng với đội bảo vệ cờ, tôi tiến lại gần lễ đài, tay cầm quân kỳ của sư đoàn. X.M. Bu-đi-ôn-nui gắn Huân chương Lê-nin vào quân kỳ và chúng tôi cầm cờ phi nước kiệu đã chiến trước hàng quân.

Hàng ngàn tiếng “hoan hô” và hàng loạt súng đại bác hùng dũng bắn chào đã nói lên lòng biết ơn chân thành nhất của toàn thể cán bộ và chiến sĩ của sư đoàn đối với Đảng và Chính phủ đã lấy phần thưởng cao quý để biểu dương những cố gắng của chiến sĩ, hạ sĩ quan và sĩ quan trong diễn tập và huấn luyện chiến đấu thời bình.

Sau khi đi duyệt đội hình xong, Xê-mi-ôn Bu-đi-ôn-nui đã phát biểu đôi lời với sư đoàn. Đồng chí đã rất xúc động. Mà không xúc động sao được! Chính cái sư đoàn do đồng chí gây dựng đã được nhận phần thưởng cao quý nhất. Cần phải nói rằng các chiến sĩ kỵ binh, đặc biệt là những ai đã cùng đồng chí trải qua bước đường khó khăn của thời nội chiến, rất quý trọng X.M. Bu-đi-ôn-nui.

Sau những lời nói tốt đẹp và nồng nhiệt của X.M. Bu-đi-ôn-nui, tôi lên phát biểu ý kiến và thay mặt toàn thể quân nhân của sư đoàn, tôi yêu cầu Xê-mi-ôn Mi-khai-lô-vích báo cáo lại với Ban Chấp hành trung ương Đảng và Chính phủ rằng, sư đoàn 4 sẽ trân trọng giữ vững và phát triển thêm truyền thống chiến đấu, luôn luôn sẵn sàng hoàn thành bất kỳ mệnh lệnh nào của Tổ quốc.

Kết thúc buổi lễ là cuộc diễu hành trọng thể của các đơn vị.

Duyệt binh xong, tư lệnh sư đoàn mở tiệc chiêu đãi, trong buổi chiêu đãi, Xê-mi-ôn Mi-khai-lô-vích và các chiến sĩ Hồng quân cũ đã kể lại các chuyện thời nội chiến, các cuộc hành quân chiến đấu và nhắc tới các anh hùng không còn sống cho đến ngày nay. Và lần này người kể chuyện hay nhất là thành viên kỳ cựu của sư đoàn, Va-xi-li Va-xi-hê-vích Nô-vi-cốp, trung đoàn trưởng trung đoàn cơ giới 4. Trí nhớ lạ lùng đã giúp cho đồng chí giữ được cả những chi tiết nhỏ nhất của đời sống chiến đấu.

Trong những năm sau, khi tôi còn chỉ huy sư đoàn, Xê-mi-ôn Mi-khai-lô-vích đã đến thăm sư đoàn 3 lần nữa và lần đến thăm nào cũng đều làm cho cán bộ và chiến sĩ vô cùng thích thú. Cần nói rằng X.M. Bu-đi-ôn-nui biết chuyện trò với chiến sĩ và cán bộ. Đương nhiên là đồng chí không điều khiển các buổi học, các buổi tập trận hay các buổi diễn tập tham mưu của cán bộ và chiến sĩ. Nhưng không ai vì thế mà trách đồng chí cả.

Đồng chí tư lệnh Quân khu Bê-lô-ru-xi I.P. U-bô-rê-vích cũng đã đến thăm sư đoàn vài lần. Đồng chí là một chỉ huy quân sự Xô-viết chân chính, hoàn toàn nắm vững nghệ thuật chiến dịch - chiến thuật. Đồng chí đến các đơn vị lúc người ta ít chờ đợi nhất. Mỗi lần đồng chí đến thường mở đầu bằng lệnh báo động các trung đoàn và đều kết thúc bằng các buổi học chiến thuật hoặc bằng một buổi học tập chỉ huy.

Lần đầu tiên I.P. U-bô-rê-vích đến sư đoàn là trong năm 1934. Sau khi đã chào hỏi tôi xong, đồng chí nói rằng đồng chí đến để kiểm tra xem sư đoàn học tập ra sao. Tôi trả lời rằng tôi rất mừng, mặc dù, thành thật mà nói, tôi đang hồi hộp.

- Bây giờ cho đồng chí 4 tiếng đồng hồ, - I.P. U-bô-rê-vích nói. - Hãy cho trung đoàn kỵ binh 21 ra dã ngoại và trình bày xem sư đoàn đã đạt được kết quả gì. Khoa mục do đồng chí tùy ý lựa chọn. Tôi sẽ chờ người cán bộ giúp việc đồng chí tại phòng tham mưu sư đoàn bộ binh 4.

- Thời gian như vậy là ít, không đủ để tổ chức một cuộc tập chiến thuật, - tôi thử hỏi vặn lại - Thậm chí chúng tôi không kịp hướng dẫn cho các đạo diễn và chỉ định đơn vị làm “đối phương”.

- Đúng, thời gian không nhiều, - I.P. U-bô-rê-vích tán thành, - nhưng trong chiến đấu vẫn có thể xảy ra như thế.

Tôi hiểu rằng có phản đối nữa cũng là vô ích và cần phải hành động.

Sau khi dùng điện thoại chuyển đạt cho trung đoàn trưởng trung đoàn kỵ binh 21 I.N. Mu-dư-chen-cô khẩu lệnh tập báo động và vị trí xuất phát, tôi dựa vào bản đồ đọc một mệnh lệnh chiến thuật ngắn. Trong khi mệnh lệnh đang được đánh máy, tham mưu trưởng sư đoàn và một trợ lý tham mưu đã nhanh chóng chuẩn bị các bản đồ nhiệm vụ và đích thân mang tới trung đoàn 21 để thông giáo cho các cán bộ chỉ huy. Đúng thời gian quy định, tất cả đều đã sẵn sàng.

Đúng 4 tiếng đồng hồ sau, I.P. U-bô-rê-vích cùng với người cán bộ giúp việc của tôi phái đến đã đến thao trường tới vị trí xuất phát.

Chào hỏi trung đoàn trưởng trung đoàn 21 xong, đồng chí ra lệnh báo cáo tình huống và quyết tâm.

I.N. Mu-dư-chen-cô đã báo cáo được quyết tâm của mình với I.P. U-bô-rê-vích. Nhìn thấy tư lệnh mỉm cười, tôi hiểu rằng bước đầu của buổi tập đã làm đồng chí ưng ý.

- Chúng ta cùng đi ngựa theo dõi trung đoàn hành động, - đồng chí cười, nói.

Cuộc tập trận diễn ra trong 5 tiếng đồng hồ. Trong thời gian đó, đồng chí tư lệnh đã kịp đi kiểm tra tất cả các tiểu đoàn của trung đoàn đang hoạt động với tư cách làm “đội tiền tiêu của sư đoàn”. Đồng chí đã cưỡi ngựa vượt trên 80 km và khi rõ ràng là đã mệt, đồng chí hạ lệnh ngừng tập.

Sau khi nhận xét buổi tập xong, I.P. U-bô-rê-vích cảm ơn mọi người dự tập và sau đó, lúc chia tay với các đồng chí lãnh đạo sư đoàn, đã nói:

- Hãy huấn luyện các trung đoàn theo kiểu hiện đại. Chúc các đồng chí thành công. Tôi không thể nản ná được, tôi vội đến biên giới quốc gia, nhưng tôi sẽ trở lại sư đoàn trước khi tập dã ngoại.

Mọi người đều hài lòng vì các kết quả của buổi tập và thành thật mà nói, cả vì I.P. U-bô-rê-vích không có thời gian để lưu lại sư đoàn lâu hơn nữa.

Tôi đã tham dự nhiều cuộc tập trận của quân khu. Nhưng thu nhận được những kinh nghiệm đặc biệt quý giá về mặt chiến dịch - chiến thuật là khi tôi tham dự các cuộc tập trận lớn của

quân khu. Cần phải đánh giá đúng sự cống hiến của I.P. U-bô-rê-vích, của tham mưu trưởng quân khu B.I. Bô-brốp, trưởng ban huấn quân khu N.A. Su-mô-vích và của toàn thể các cơ quan quân khu bộ, các đồng chí đã biết tổ chức những buổi tập dã ngoại rất có ích, biết thành thạo phân định hành động của các bên diễn tập và nhận xét kết quả của buổi tập. Đặc biệt in sâu vào trí nhớ tôi là cuộc tập trận năm 1936, và nói riêng cuộc vượt sông Bê-rê-di-na. Chính trên con sông này, năm 1812, Na-pô-lê-ông đã chôn nốt tàn quân của mình trong lúc rút khỏi nước Nga.

Chúng tôi được tin đồng chí Ủy viên nhân dân quốc phòng K.E. Vô-rô-si-lốp và nhiều cán bộ quân sự khác cũng đến tham dự cuộc tập trận. Đương nhiên là trung đoàn nào, binh đoàn nào cũng mong chờ K.E. Vô-rô-si-lốp đến thăm đơn vị mình. Còn chúng tôi, những cán bộ của sư đoàn Cô-dắc sông Đông mang tên của đồng chí, chúng tôi cho rằng lẽ tự nhiên là đồng chí Ủy viên nhân dân sẽ đến thăm sư đoàn mình. Nhưng lúc nào? Chúng tôi mong muốn rằng đồng chí sẽ đến trong một ngày đẹp trời, khi toàn thể chúng tôi có vẻ vui hơn, đẹp đẽ hơn. Tiếc thay, như thường xảy ra vào mùa thu, trời cứ mưa sục sùi, dai dẳng.

Sau khi đã tập trung các trung đoàn của sư đoàn ở vùng vượt sông và đã giấu quân chu đáo trong những khu rừng cách sông 4 - 5 km, chúng tôi triệu tập các đồng chí chỉ huy đến sở chỉ huy để trực tiếp chỉ thị về nhiệm vụ hợp đồng chiến thuật với các đơn vị bên cạnh sau khi vượt sông. Chúng tôi chưa kịp mở bản đồ thì một đoàn ô-tô đã chạy gần tới sở chỉ huy. K.E. Vô-rô-si-lốp, A.I. Ê-gô-rốp và I.P. U-bô-rê-vích từ chiếc xe đầu tiên bước xuống. Tôi trình diện với đồng chí Ủy viên nhân dân quốc phòng và báo cáo ngắn gọn về việc sư đoàn 4 đang chuẩn bị vượt sông và các trung đoàn trưởng đang có mặt tại đây để nhận những chỉ thị cuối cùng.

- Được, - đồng chí Ủy viên nhân dân nói, - chúng tôi sẽ nghe những chỉ thị của đồng chí.

K.E. Vô-rô-si-lốp chú ý rất tỉ mỉ đến kỹ thuật cho xe tăng chạy qua quãng sông sâu quá chiều cao của xe tăng BT-5 để vượt sông. Sau khi đồng chí trung đoàn trưởng trung đoàn cơ giới đã báo cáo tỉ mỉ, đồng chí Ủy viên nhân dân nói với các trung đoàn trưởng và chính ủy trung đoàn mà đồng chí quen biết từ thời ở tập đoàn quân kỵ binh:

- Kỵ binh của chúng ta đã thay đổi biết bao? - Đồng chí nói, - trong thời gian nội chiến, chúng tôi cùng với Bu-đi-ôn-nui chỉ có vài chiếc xe bọc thép cổ lỗ sĩ cho toàn tập đoàn quân kỵ binh, nhưng giờ đây mỗi sư đoàn kỵ binh đều có cả một trung đoàn xe tăng tuyệt diệu có khả năng lội qua những quãng sông, chướng ngại phức tạp. Này anh bạn cố tri ời, anh nghĩ thế nào về xe tăng, - đồng chí Ủy viên nhân dân nói với Phê-đo Ya-cốp-lê-vích Cô-xten-cô - chúng có làm cho chúng ta lúng túng không? Có thể là ngựa lại đáng tin cậy hơn đấy.

- Không phải thế, Kli-men Ê-phrê-mô-vích ạ - Ph.Ya. Cô-xten-cô trả lời - chúng ta không quên ngựa, gươm kiếm và giáo mác. Thiết nghĩ rằng chôn vùi kỵ binh lúc này là quá sớm, kỵ binh còn phục vụ được cho Tổ quốc. Nhưng chúng ta phải thực sự quan tâm đến xe tăng, đó là một binh chủng cơ động mới.

- Thế còn đồng chí chính ủy nghĩ thế nào? - đồng chí Ủy viên nhân dân hỏi A.X. Din-chen-cô mà đồng chí cũng quen biết từ hồi ở tập đoàn quân kỵ binh I.

- Tôi nghĩ rằng Phê-đo Ya-cốp-lê-vích đã báo cáo đúng với đồng chí, - A.X. Din-chen-cô trả lời và nói thêm, - tôi sẽ là một chính ủy tồi hay nói cho đúng hơn, một chính ủy vô tích sự của trung đoàn cơ giới nếu tôi hoài nghi về tương lai rộng lớn của kỹ thuật xe tăng, xe bọc thép. Theo tôi, thì cần phải mạnh dạn hơn nữa trong việc phát triển bộ đội cơ giới, đặc biệt là các binh đoàn xe tăng mà chúng ta hiện đang có ít.

- A-lếch-xăn-đrơ I-lích, - K.E. Vô-rô-si-lốp nói với đồng chí Tổng tham mưu trưởng, - chúng ta không quấy rầy bộ tư lệnh sư đoàn nữa. Tôi xin chúc toàn thể các đồng chí thành công, chúng ta sẽ còn gặp nhau và sẽ nói chuyện với nhau nữa.

Chúng tôi hiểu rằng, đồng chí Ủy viên nhân dân sẽ đích thân theo dõi cuộc vượt sông, vì cả đoàn xe đã chuyển bánh về khu vực hoạt động sắp tới của sư đoàn chúng tôi. Sau khi pháo binh đã bắn chuẩn bị trong 30 phút, các đơn vị xung kích của các trung đoàn thuộc sư đoàn đã dàn hàng ngang tiến gần đến con sông. Một biên đội máy bay bay thấp dọc sông thả hỏa mù để che mắt "đối phương" không cho chúng thấy hoạt động của thê đội đổ bộ đầu tiên. Khi khói mù bắt đầu tan, các tiểu đoàn xung kích đã bám chắc được bờ sông bên kia. Đó đây vẳng lên tiếng hô "hu-ra", tiếng súng máy và tiếng đại bác nổ giòn và khi khói mù đã tan hẳn, người ta thấy rõ 15 xe tăng của trung đoàn cơ giới đã rú máy ầm ầm nhô lên phía bờ của "đối phương", rồi vừa

chạy vừa bắn, nhanh chóng tiến gần tới các phân đội đang tấn công trên bàn đạp vừa chiếm được. Chẳng bao lâu sau, toàn bộ sư đoàn đã ở phía bờ bên kia và tiếp tục tiến quân thẳng lợi sau khi đã quật đổ “đối phương”.

Trong buổi phân tích cuộc tập trận, đồng chí Ủy viên nhân dân đã đánh giá cao sư đoàn chúng tôi, khen ngợi sư đoàn đã tổ chức vượt sông tốt và khen ngợi tinh thần sáng tạo của các chiến sĩ xe tăng đã chạy vượt qua được một con sông sâu như sông Bê-rê-di-na.

Tại các cuộc họp trung đoàn, chúng tôi đã kể lại cho chiến sĩ, hạ sĩ quan và cán bộ chỉ huy biết những nhận xét đó. Sau khi họp xong, họ còn tiếp tục cùng nhau trao đổi cảm tưởng về cuộc tập trận vừa qua chứ không chịu chia tay nhau về doanh trại ngay.

Sáng hôm sau có cuộc duyệt binh lớn. Trời tuyệt đẹp, mặt trời dường như đặc biệt sưởi ấm trái tim chúng tôi. Các đơn vị tham gia tập trận của quân khu, sau khi đã chỉnh đốn hàng ngũ, đang chờ lệnh “Nghiem” để đón tiếp đồng chí Ủy viên nhân dân quốc phòng. Tôi thấy hình như các cán bộ chỉ huy các đơn vị thuộc sư đoàn kỵ binh 4 hồi hộp hơn ai hết. Nhưng không, bộ mặt của các chiến sĩ của các cán bộ chỉ huy đều phải bình thản, vững tin là mọi chuyện sẽ tốt đẹp cả.

Những ý nghĩ này đã bị cắt ngang bởi khẩu lệnh “Nghiem!”, “Bên phải, quay!”. Đồng chí Ủy viên nhân dân quốc phòng đang tiến gần tới hàng quân.

Đồng chí tư lệnh quân khu I.P. U-bô-rê-vích báo cáo ngắn gọn và đồng chí Ủy viên nhân dân đi về phía các đơn vị. Việc thăm hỏi các đơn vị bộ binh đã kết thúc. Dàn nhạc sư đoàn dạo bài nhạc đón tiếp. Đồng chí Ủy viên nhân dân cười ngửa ô phi nước đại đã chiến đến sư đoàn chúng tôi. Thoạt tiên K.E. Vô-rô-si-lốp dừng lại bên trung đoàn kỵ binh Ma-nút-xki 19 mà đồng chí đã cùng với nó nhiều lần có mặt đi tiến công các trung đoàn bạch vệ và Ba Lan trắng.

- Chào mừng các đồng chí! - K.E. Vô-rô-si-lốp nói, giọng nồng nhiệt đặc biệt, mắt đưa nhìn khắp hàng quân.

Thăm sư đoàn 4 xong, đồng chí Ủy viên nhân dân cũng phi nước đại đã chiến tới thăm sư đoàn Cô-dắc Chôn-gác-xcai-a 4. Sư đoàn này cũng không kém phần nổi tiếng trong những năm nội chiến. Cùng với sư đoàn chúng tôi, nó đã chiến đấu giỏi dưới ngọn cờ của tập đoàn quân kỵ binh 1.

Sau đó, K.E. Vô-rô-si-lốp lên lễ đài, đọc diễn văn, trong đó đồng chí nói tóm tắt về đường lối và các biện pháp của Đảng trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, về tình hình quốc tế, về sự cần thiết củng cố lực lượng quốc phòng của nước ta và hoan nghênh các binh chủng đã hoàn thành thắng lợi cuộc tập trận mùa thu. Tiếp đó bộ binh diễu hành, rập bước theo tiếng quân nhạc hùng tráng. Sau bộ binh là kỵ binh.

Thông thường, khi diễu binh, kỵ binh đi nước kiệu nhưng lần này chúng tôi đã vận động được đồng chí tư lệnh cho phép phi nước đại trường đua. Nhưng chẳng hiểu sao mà khi diễu qua lễ đài nước đại trường đua lại trở thành nước đại đã chiến, và khi đoàn xe có lắp súng máy tiến tới gần thì nước đại thường lại tăng lên thành nước đại nhanh. Tư lệnh quân đoàn X.K. Ti-mô-en-cô bắt đầu hồi hộp, đưa mắt nhìn về phía tôi, nhưng tôi cũng chẳng có thể làm gì được.

Đoàn xe chạy vun vút như các mũi tên vừa bật ra khỏi nỏ. Chúng tôi chỉ ngại có một điều: nhờ một chiếc xe nào đó long mất bánh, như đôi khi đã xảy ra trong các cuộc diễu binh, thậm chí trong các cuộc diễu binh ở Mát-xcơ-va thì thật là không may. Tôi nhìn lên đồng chí Ủy viên nhân dân và tôi yên lòng. Đồng chí Ủy viên nhân dân đang mỉm cười và vẫy tay chào mừng các chiến sĩ súng máy hiên ngang của sư đoàn.

Trong những năm sau, sư đoàn Cô-dắc sông Đông 4 vẫn dự đều các cuộc tập ngoài trời của quân khu. Sư đoàn đã lên đường đi tập là đều được chuẩn bị tốt và không lần nào sư đoàn không được bộ tư lệnh cấp trên hoan nghênh.

Tôi nhớ lại một trong những buổi tập trước khi đi tập ngoài trời. Buổi tập này diễn ra ở vùng thành phố Xlút-xcơ dưới sự lãnh đạo của tư lệnh I.P. U-bô-rê-vích và của tư lệnh phó quân khu X.K. Ti-mô-sen-cô. Khoa mục tập là “Một trận đánh gặp địch của sư đoàn bộ binh với sư đoàn kỵ binh”.

Hồi đó sư đoàn bộ binh đã được trang bị tốt rồi. Nếu mười năm về trước một sư đoàn bộ binh với 12.000 người trong biên chế chỉ có 54 đại bác, 189 đại liên và 81 trung liên, còn hoàn toàn không có xe tăng và pháo cao xạ thì một sư đoàn bộ binh năm 1935 với một quân số gần như vậy đã có 67 xe tăng, hàng trăm đại bác, 180 đại liên, trên 350 trung liên và 18 súng máy cao xạ.

Buổi tập bắt đầu trong một buổi sáng sớm tháng 9. Trời đẹp. Khí trời mát mẻ của mùa thu làm cho các chiến sĩ thêm sáng khoái, mọi người đều phấn khởi. Cán bộ và chiến sĩ đã được phổ biến về nhiệm vụ chiến thuật từ chiều hôm trước và trong đêm, các đơn vị thuộc sư đoàn đã chuẩn bị sẵn sàng cho buổi tập. Trong giai đoạn đầu, phải đánh chiếm và vượt qua một khe núi hẹp.

Cuộc tập trận này có một ý nghĩa quan trọng, đặc biệt là đối với các đơn vị đi đầu, vì rằng bên kia vùng lầy lội là tuyến điểm cao quan trọng về mặt chiến thuật, từ các điểm cao này có thể quan sát rõ địa hình cả vùng. Chính vùng này bảo đảm có thể phân tán cả sư đoàn ra trên một chính diện rộng, đó là một điều luôn luôn cần có trong điều kiện chiến đấu gặp địch. Chúng tôi quyết định giao nhiệm vụ làm chi đội phái đi trước của sư đoàn kỵ binh cho một bộ phận lực lượng gồm có xe tăng hạng nhẹ, xe bọc thép, bộ binh cơ giới và pháo của trung đoàn cơ giới 4. Dựa vào sức cơ động của mình, đội này phải nhanh chóng chiếm và vượt qua khe núi rồi tiếp tục tiến đến các tuyến quan trọng nhất. Ngoài ra, chúng tôi còn phải nhanh chóng tiếp xúc với “đối phương” nữa.

Ở hai bên, cách không xa đường tiến quân, trên những địa hình kín đáo, chúng tôi cho các đội trinh sát kỵ binh nhỏ, lẻ hành quân. Ngay sau khi nhận được tín hiệu vô tuyến của đội tiền tiêu báo rằng các phân đội đi đầu đã vượt qua khe núi và đang tiến đến tuyến thứ nhất, chúng tôi liền phát tín hiệu vô tuyến ra lệnh cho chủ lực sư đoàn lập tức bắt đầu hành tiến từng thể đội một qua khe núi, nhằm tiến đến các khu vực xuất phát để đánh chiếm phòng tuyến cơ bản. Hai tiếng đồng hồ sau, toàn bộ chủ lực của sư đoàn đã vượt qua được quãng đồng lầy và tiến vào hướng hành quân của mình. Lúc đó phòng tham mưu và bộ tư lệnh sư đoàn đang ở giữa các lực lượng chủ yếu. Các báo cáo của đội tiền quân chi đội phái đi trước và của các cơ quan trinh sát của nó cho biết rằng, trên hướng cơ bản có một đoàn quân gồm hai trung đoàn cùng pháo binh đang tiến về phía sư đoàn chúng tôi. Ngoài ra có một đoàn quân độc lập nữa gồm một trung đoàn có pháo binh tăng cường cũng đang tiến theo hướng đoàn quân nói trên. Trinh sát của “đối phương” đi trước đội tiền quân độ 6 - 8 km. Nhưng thấy không có máy bay trinh sát của họ hoạt động, chúng tôi tin là “đối phương” vẫn chưa phát hiện thấy đơn vị chúng tôi trên đường tiến quân.

Một cách bất ngờ như mọi khi, đồng chí tư lệnh quân đoàn hạng nhất I.P. U-bô-rê-vích đã cùng X.K. Ti-mô-sen-cô đến phòng tham mưu.

- Đồng chí được biết những gì về “đối phương”? Các trung đoàn thuộc sư đoàn đồng chí ở đâu? - Đồng chí hỏi.

Tôi lấy bản đồ của mình ra và chỉ rõ nơi có các đơn vị của “đối phương” và báo cáo các đơn vị của sư đoàn tôi đang ở đâu, thuộc cánh quân nào và cả quyết tâm của tôi nữa. I.P. U-bô-rê-vích yêu cầu tôi chỉ và đánh dấu vào bản đồ của đồng chí khu vực mà tôi định tấn công “đối phương” và hướng tấn công của các trung đoàn.

- Đó là quyết tâm sơ bộ, nếu như tình hình không có những thay đổi quan trọng, - tôi nói. Qua nét mặt của X.K. Ti-mô-sen-cô, tôi hiểu rằng mình đã xử lý đúng. Điều đó làm cho tôi thêm tin tưởng.

- Đồng chí sẽ truyền mệnh lệnh của mình đến các trung đoàn như thế nào và chính bản thân đồng chí sẽ ở đâu lúc tiếp cận và bắt đầu trận đánh? - I.P. U-bô-rê-vích hỏi.

Tôi trả lời:

- Đồng chí trưởng ban tác chiến Ác-khi-pốp sẽ đến cánh bên phải là trung đoàn kỵ binh 20, trung đoàn này có nhiệm vụ kiềm chế “đối phương”. Trung đoàn kỵ binh 19 được tăng cường thêm một tiểu đoàn pháo và một đại đội xe tăng sẽ đánh vào chính diện chủ lực của “đối phương”. Đồng chí tư lệnh phó sư đoàn, lữ đoàn trưởng Drây-e sẽ truyền mệnh lệnh của tôi đến đó. Còn chủ lực của sư đoàn làm nhiệm vụ vòng qua phía sườn của “đối phương” và tấn công chúng từ phía sau, thì do chính tôi truyền lệnh. Tôi sẽ ở đó cho đến lúc kết thúc trận đánh. Bây giờ trong khi các phái viên của tôi đang đi đến các đơn vị, tôi sẽ truyền đạt những mệnh lệnh ngắn bằng vô tuyến điện thoại.

- Tôi chúc các đồng chí thành công - I.P. U-bô-rê-vích nói, rồi cùng với X.K. Ti-mô-sen-cô lên ô-tô đi về phía “đối phương”.

Đúng như chúng tôi đã tru tính, các trung đoàn kỵ binh 19 và 20 đã từ phía chính diện bắt đầu giao chiến ác liệt với “đối phương” đang tiến lại gần họ, điều này đã làm cho chủ lực của chúng

tôi dễ nắm được tình hình hơn. Nhưng “đối phương” của chúng tôi mới vô ý làm sao? Chúng tôi đã vòng qua phía sườn của họ và chủ lực của chúng tôi đã triển khai ở sau lưng họ rồi mà họ chẳng phát hiện ra chúng tôi gì cả.

Dừng lại trên một trong các điểm cao, chúng tôi nhìn thấy một trung đoàn bộ binh của “đối phương” đã triển khai chính diện về phía tây và đang giao chiến với trung đoàn kỵ binh 19 của chúng tôi. Trung đoàn 19 đã chiếm được một tuyến hỏa lực rất tốt. Một trung đoàn khác đang tiến vòng qua ruộng, rõ ràng là nhằm mục đích đánh tạt sườn trung đoàn kỵ binh 19 mà “đối phương” cho là cánh quân chủ yếu của chúng tôi.

Lúc đó, xe tăng của chúng tôi đã triển khai thành đội hình chiến đấu từ phía sau rừng tiến ra, chủ lực của sư đoàn theo đội hình chuẩn bị chiến đấu tiến theo xe tăng. Xe tăng và pháo binh bắt đầu nổ súng xối xả như bão táp. Và sau đó vang lên hàng ngàn tiếng hô “xung phong”. Như thường xảy ra trong một trận đánh gặp địch, cái gì đã diễn ra tiếp theo thì khó mà biết được. Vậy cái gì đã vẫn cứ xảy ra? Bên nào đã cơ động giỏi hơn, đã triển khai nhanh hơn và đã giáng cho đối phương những đòn thành công hơn? Chúng tôi chỉ biết được về những vấn đề này trong cuộc họp ngay trên thao trường để nhận xét về cuộc tập trận. Đồng chí tư lệnh I.P. U-bô-rê-vích đích thân điều khiển cuộc họp này.

Sau khi đã vạch ra một loạt thiếu sót nghiêm trọng trong hành động của sư đoàn bộ binh 4, I.P. U-bô-rê-vích nói rằng sư đoàn kỵ binh 4 đã gây cho đồng chí một ấn tượng tốt. Những người kỵ binh chúng tôi khoan khoái nghe những lời khen ngợi của đồng chí tư lệnh nhưng đồng thời chúng tôi cũng không hoàn toàn vui trước sự thất lợi của sư đoàn bộ binh 4 vì chúng tôi ở trong cùng một quân khu và rất thân thiết với nhau.

Trong các cuộc tập dã ngoại khác, bộ tư lệnh sư đoàn bộ binh 4 lại không gặp may. Cùng với các sư đoàn khác, sư đoàn này lại bị bao vây ở vùng Trô-xi-a-nét (cách Mìn-xơ không xa). Nhưng đó mới chỉ là nửa tai họa, cái chính là sư đoàn hoàn toàn không biết làm thế nào để thoát ra khỏi vòng vây. Và, lần này nữa, “đối phương” chủ yếu của sư đoàn, cũng như trong cuộc tập ở vùng Xlút-xơ, vẫn là sư đoàn kỵ binh 4 chúng tôi.

Thoát vây có lẽ là một cách đánh khó khăn và phức tạp nhất trong các hoạt động chiến đấu. Để nhanh chóng chọc thủng được trận tuyến của đối phương, người chỉ huy cần phải có nghệ thuật cao, có ý chí kiên quyết, có khả năng tổ chức và đặc biệt là có khả năng điều khiển quân chính xác.

Bí mật chuyển các đơn vị đến khu vực định phá vây, đột phá mạnh bằng hỏa lực và không quân, chớp nhoáng đánh vào đội hình chiến đấu của đối phương, tung hỏa mù làm cho pháo của đối phương không thể quan sát được, đó là những cái bảo đảm cho các đơn vị bị bao vây chọc thủng được vòng vây và thoát ra một cách thắng lợi. Tiếc thay, bộ tư lệnh sư đoàn đã không thể tổ chức được các hành động như vậy. Lần cuối I.P. U-bô-rê-vích đến kiểm tra sư đoàn chúng tôi là trong năm 1936.

Nhờ có sự cố gắng của toàn thể cán bộ và chiến sĩ, tình hình sư đoàn đã rất tốt. Về công tác giáo dục chính trị, về kỷ luật, về tính tổ chức, về trình độ thường xuyên sẵn sàng chiến đấu, sư đoàn đã nhận được toàn là điểm “khá” và “giỏi”. Là người luôn luôn thận trọng trong việc khen thưởng, đồng chí tư lệnh đã nhiệt liệt hoan nghênh các cán bộ, chiến sĩ và đã trao những tặng phẩm rất quý cho nhiều người.

Năm 1937, I.P. Bê-lốp được cử làm tư lệnh Quân khu Bê-lô-ru-xi.

Nhìn về trước, tôi phải nói rằng tư lệnh tập đoàn quân hạng nhất I.P. U-bô-rê-vích là người tư lệnh quân khu ưu tú nhất. Trong số các tư lệnh không ai có nhiều cống hiến vào việc huấn luyện chiến dịch - chiến thuật cho cán bộ chỉ huy và cơ quan tham mưu binh đoàn bằng I.P. U-bô-rê-vích và phòng tham mưu quân khu dưới sự lãnh đạo của đồng chí.

Tôi làm tư lệnh sư đoàn hơn 4 năm và trong toàn bộ thời gian ấy tôi đã nuôi một ý nghĩ là làm cho sư đoàn mình trở thành sư đoàn ưu tú nhất trong hàng ngũ Hồng quân, sư đoàn tiên tiến nhất. Tôi đã dành nhiều công sức, nghị lực và lao động cho việc huấn luyện sư đoàn để kéo nó ra khỏi cảnh sa sút, huấn luyện cho các cán bộ chỉ huy và cơ quan tham mưu về nghệ thuật chiến thuật hiện đại, nghệ thuật tổ chức và những phương pháp chỉ huy các phân đội, các trung đoàn và sư đoàn.

Tôi không ngần ngại khẳng định rằng hồi đó chúng tôi đã làm tất cả những cái cần làm. Về phía

chúng tôi đã có những khuyết điểm, sai lầm và thiếu sót nhưng với một lương tâm tỉnh táo, tôi có thể nói rằng trong việc huấn luyện sư đoàn, các cán bộ chỉ huy và cán bộ chính trị hồi đó không thể làm được gì nhiều hơn nữa, vì tất cả những gì mà họ có thì họ đã đem ra cống hiến hết rồi.

Nói chung sinh hoạt của quân đội trong những năm 1929 – 1936 gắn liền trước hết với công cuộc thực hiện chương trình Lê-nin-nít xây dựng chủ nghĩa xã hội. Trên cơ sở phát triển kinh tế của đất nước, trên cơ sở những thắng lợi của khoa học và kỹ thuật, lục quân, không quân và hạm đội đã có đầy đủ vũ khí mới, cơ cấu tổ chức của các quân binh chủng đã được hoàn thiện, việc huấn luyện kỹ thuật cho cán bộ đã được mở rộng. Việc tăng cường tình đoàn kết nhất trí của nhân dân về mặt chính trị, xã hội và tư tưởng do có thắng lợi của chủ nghĩa xã hội đưa lại, tình hữu nghị bền vững của các dân tộc Liên Xô, địa vị thống soái của thế giới quan duy vật những yếu tố đó đã ảnh hưởng tốt đến việc giáo dục tinh thần yêu nước cho quân đội.

Trong chương này và chương trên, không phải ngẫu nhiên mà tôi đã nói đến nhiều cuộc diễn tập và tập ngoài trời khác nhau. Nguyên do vì nhiệm vụ chủ yếu trong những năm đó là thực hiện đường lối làm cho quân đội thực sự nắm vững được kỹ thuật mới, nắm vững tất cả các cách đánh khá phức tạp trong nghệ thuật quân sự.

Hội đồng quân sự cách mạng Liên xô, các cơ quan ở trung ương và ở quân khu thuộc Bộ Ủy viên nhân dân quốc phòng, các cán bộ cao cấp, trung cấp và sơ cấp, các cơ quan chính trị, các tổ chức Đảng và Đoàn thanh niên Cộng sản, các chiến sĩ trong tất cả các quân chủng, binh chủng đều kiên trì và tôi có thể nói, đều say mê, nhiệt tình chấp hành những nhiệm vụ mà Ban Chấp hành trung ương Đảng Cộng sản (b) toàn Liên bang và Hội đồng Ủy viên nhân dân đề ra trong phong trào nắm vững kỹ thuật mới và nắm vững chiến thuật đang cải tiến do có kỹ thuật mới. Nhiều chiến sĩ lái máy bay đã nắm vững rất xuất sắc nghiệp vụ của không quân, hàng ngàn người ưu tú trong học tập quân sự và chính trị đã xuất hiện trong các binh chủng lục quân. Đương nhiên, không phải ở đâu công việc cũng trôi chảy tốt đẹp như nhau. Trong một loạt trường hợp, cán bộ và chiến sĩ đã tỏ ra về kỹ năng quân sự chưa đủ đáp ứng với những hoàn cảnh phức tạp công tác chỉ huy còn khập khiễng trong nhiều đơn vị, có nhiều cơ quan tham mưu chưa thành thạo trong việc tổ chức nhanh chóng và chính xác sự hiệp đồng tác chiến của các binh chủng khác nhau. Nhưng, nói chung, do kiên trì làm công tác cán bộ trong những năm cuối nên đã tạo được một bước ngoặt trong việc làm cho các cán bộ chỉ huy, các cơ quan tham mưu và các binh chủng nắm chắc được nghệ thuật quân sự.

Rất tiêu biểu về mặt này là cuộc tập ngoài trời mùa thu năm 1936 tổ chức trong Quân khu Bê-lô-ru-xi chúng tôi nhằm kiểm tra tình hình huấn luyện quân sự mùa hè của các binh chủng. Nhiều binh đoàn lớn, được trang bị đầy đủ kỹ thuật, đã tham gia cuộc tập trận này. Các cán bộ chỉ huy và các đơn vị nói chung đã tỏ ra có bản lĩnh tiến hành chiến đấu hiệp đồng của tất cả các binh chủng trong những điều kiện tình huống thay đổi mau lẹ. Những cuộc diễn tập và tập ngoài trời này cùng nhiều cuộc diễn tập và tập ngoài trời khác đã xác nhận sức mạnh đang lên của Hồng quân và xác nhận rằng Hồng quân đang trở thành một quân đội loại nhất.

Sau khi tôi đi nhận một chức vụ mới thì trung đoàn trưởng trung đoàn kỵ binh 21 I-van Ni-cô-lai-ê-vích Mu-dư-chen-cô lên phụ trách chỉ huy sư đoàn.

Từ đó đến nay trên 30 năm đã trôi qua, nhưng tôi vẫn còn giữ được nhiều kỷ ức tốt đẹp nhất về các cán bộ quân sự, chính trị và các chiến sĩ trong hàng ngũ sư đoàn Cô-dắc sông Đông 4.

[1] Ở dưới đây sẽ nói nhiều cấp khác nhau trong bộ máy lãnh đạo quân sự của Liên Xô, tôi xin nêu một số tình hình như sau:

Sau khi Mi-kha-in Va-xi-li-ê-vích Phơ-run-dê mất năm 1925 (lúc đồng chí 40 tuổi), K.E. Vô-rô-si-lốp được cử làm Ủy viên nhân dân phụ trách Quân đội và Hạm đội đồng thời làm Chủ tịch Hội đồng quân sự cách mạng Liên Xô (Hội đồng quân sự cách mạng Liên Xô hoạt động như một tập thể phụ trách Bộ Ủy viên nhân dân).

Trong Hội đồng các Ủy viên nhân dân có Ủy ban quốc phòng thường trực do V. M. Mô-lô-tốp đứng đầu. Ủy ban này nghiên cứu trước và vạch ra những vấn đề cơ bản có tính nguyên tắc trong việc xây dựng các lực lượng vũ trang và trong công cuộc phát triển quốc phòng của Liên Xô, để rồi đưa những vấn đề này ra thảo luận và quyết định, theo nguyên tắc pháp lý, tại Ủy ban

Lao động và Quốc phòng.
Kinh nghiệm chỉ rõ rằng, Ủy ban quốc phòng và Hội đồng Quân sự cách mạng Liên Xô làm trùng công việc của nhau, nên năm 1934, Hội đồng quân sự cách mạng giải thể, còn Bộ Ủy viên nhân dân phụ trách Quân đội và Hạm đội đổi tên thành Bộ Ủy viên nhân dân quốc phòng. Lúc đó một cơ quan tư vấn trực thuộc Bộ này đã được thành lập lấy tên là Hội đồng quân sự, những quyết định của Hội đồng này đều do Ủy viên nhân dân phê chuẩn và được thực hiện theo lệnh của Ủy viên nhân dân.

Năm 1937, Hội đồng các Ủy viên nhân dân giải thể Ủy ban Lao động và Quốc phòng và cải tổ Ủy ban quốc phòng trực thuộc Hội đồng các Ủy viên nhân dân Liên Xô thành Hội đồng quốc phòng, Chủ tịch Hội đồng quốc phòng vẫn là V.M. Mô-lô-tốp, các ủy viên là I.V. Xta-lin, K.E. Vô-rô-si-lốp và nhiều đồng chí khác. Cùng trong thời gian này đã thành lập Bộ Ủy viên nhân dân Hải quân toàn Liên bang. P.A. Xmiéc-nốp được cử làm Ủy viên nhân dân phụ trách cơ quan này. Năm 1938, thành lập Tổng Hội đồng quân sự của Hồng quân công nông trực thuộc Ủy viên nhân dân quốc phòng. Tham gia Tổng Hội đồng có K.E. Vô-rô-si-lốp (chủ tịch), V.K. Bliu-khe, X.M. Bu-đi-ôn-nui, G.I. Cu-lích, L.Đ. Mê-khơ-lit, I.V. Xta-lin, I.Ph. Phê-đơ-cô, B.M. Sa-pô-sni-cốp, E.A. Sa-đem-cô. Đồng thời thành lập Tổng Hội đồng quân sự Hải quân gồm P.A. Xmiéc-nốp (chủ tịch), L.M. Ga-le-rơ, A.A. Giơ-đa-nốp. I.X. Xa-cốp, N.G. Cu-dơ nét-xốp, G.I. Lép-chen-cô và nhiều đồng chí khác nữa. Các Tổng Hội đồng quân sự của hai cơ quan Dân ủy trên nghiên cứu những vấn đề cơ bản để củng cố khả năng quốc phòng của Liên Xô và để xây dựng quân đội và hạm đội.

Các Hội đồng quân sự cũng đã được thành lập ở các quân khu, các hạm đội và các tập đoàn quân. Các hội đồng này trực tiếp đặt dưới quyền điều khiển của Ủy viên nhân dân quốc phòng Liên Xô. - TG

[2] Việc hoàn thành kế hoạch này đã đem lại cho Quân đội và Hạm đội nhiều thứ. Nhưng vấn đề trang bị lại kỹ thuật một cách cơ bản vẫn còn đặt ra trước mắt. Để làm được việc này cần nhiều tài nguyên, vật chất và phải có khả năng sản xuất to lớn của cả nước. - TG

[3] Theo đúng nghĩa của từ này trong thuật ngữ quân sự trước đây - ND.

Chương 6

CHỈ HUY QUÂN ĐOÀN KỶ BINH 3

VÀ QUÂN ĐOÀN CÔ-DẮC 6

NĂM 1937. Hai mươi năm tồn tại chính quyền Xô-viết, 20 năm chiến đấu gian khổ và chiến thắng vẻ vang, sự phát triển kinh tế, văn hóa, những thành quả đạt được trong hết thảy mọi lĩnh vực xây dựng chủ nghĩa xã hội, tất cả những cái đó đã chứng minh cho sự vĩ đại của những từ Cách mạng tháng Mười.

Chúng ta đã làm được nhiều việc, nhiều việc chưa từng thấy trong một thời kỳ lịch sử ngắn như vậy. Trước lúc bắt đầu công nghiệp hóa, trình độ kỹ thuật của đất nước ta kém Anh 4 lần, Đức 5 lần và Mỹ 10 lần. Trong thời gian kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1929 - 1932) và kế hoạch 5 năm lần thứ hai (1933 - 1937) đã sản sinh ra nhiều ngành công nghiệp mới; ngành luyện kim đen và màu, ngành hóa chất, khai thác năng lượng, chế tạo máy đã vượt xa lên phía trước. Tổng sản lượng công nghiệp của Liên Xô trong năm 1937 so với năm 1929 tăng gấp 4 lần, và nếu như so sánh với năm 1913, năm trước chiến tranh, thì tổng sản lượng sản xuất của ngành chế tạo máy và luyện kim tăng 35 lần.

Trong các kế hoạch 5 năm trước chiến tranh đã xây dựng khoảng 9.000 xí nghiệp công nghiệp lớn, đã lập nên cơ sở công nghiệp mới vững mạnh ở phía đông đất nước rất có lợi cho chúng ta trong những năm Chiến tranh giữ nước vĩ đại. Về khối lượng sản xuất công nghiệp, về trang bị kỹ thuật cho những xí nghiệp mới được xây dựng, Liên Xô đã đứng hàng đầu ở châu Âu và đứng hàng thứ hai trên thế giới.

Ngày nay khi nói những chuyện tương tự với lớp người trẻ, ta thấy các con số và tài liệu này không làm cho họ xúc động mấy. Có lẽ trong một mức độ nào đấy, đó là một lẽ đương nhiên vì thời gian đã khác quy mô lại mới, những lo nghĩ và nhu cầu cũng đã khác xưa. Nhiều việc đã làm xong, nhiều việc nay đã sẵn sàng, những nấc thang ban đầu chúng ta đã bước đi nay không nhìn thấy nữa. Nhưng, với lớp người ngày nay ở lứa tuổi 50, và nhất là đối với chúng tôi, đã trải qua những năm trước cách mạng, thì những con số ấy chứa đựng nhiều ý nghĩa. Chúng tôi đã nghiên cứu, đã nhập tâm, đã tự hào về những con số ấy. Có lẽ, trước mắt là vì trong những con số đó chính có cuộc sống của chúng tôi, trong những con số đó bao hàm lao động của chúng tôi, lao động có khi quên mình và lúc nào cũng với một niềm tin sắt đá, nhiệt thành rằng, những cố gắng ấy sẽ đem lại lợi ích chung.

Tôi không có tham vọng nói về đạo đức, không muốn chê trách lớp trẻ ngày nay, mặc dầu cái đó hiện nay quá hợp thời. Tôi chỉ muốn nói một điều: thế hệ trẻ cần hiểu thời kỳ xa xưa trước đây, chỉ hiểu bằng lý trí chứ không phải bằng cảm tính như chúng tôi rằng, nhịp độ phát triển trước chiến tranh là một bằng chứng cực kỳ vĩ đại cho sự tiến bộ của chế độ ta, rằng các nhà viết sử, các nhà xã hội học, triết học, các nhà báo rồi sẽ còn trở lại nhiều lần với những thời kỳ đó để mô tả và nghiên cứu những bí ẩn, những chiếc lò-so gây ra sức bật lên phía trước mạnh như thế cho một chế độ xã hội mới.

Thế là cơ sở quốc phòng hùng mạnh của đất nước đã được xây dựng. Quân đội ta, sau cuộc cải cách kỹ thuật tiến hành trong những kế hoạch năm năm trước chiến tranh, ra sao?

Nói chung, quân đội ta từ một quân đội còn lạc hậu về kỹ thuật đã trở thành một quân đội tiên tiến, hiện đại. So sánh về mặt quân chủng, binh chủng, về cơ cấu tổ chức và trang bị kỹ thuật, quân đội ta đã đạt trình độ của quân đội các nước tư bản phát triển. hàng chục, hàng trăm xí nghiệp quốc phòng đã được xây dựng nên. Chúng tôi còn nhớ, sau cuộc nội chiến, đất nước không có những công xưởng chuyên sản xuất xe tăng, máy bay, động cơ máy bay, các cỡ pháo

có uy lực mạnh, những phương tiện thông tin vô tuyến và các loại binh khí kỹ thuật hiện đại khác. Hầu như phải bắt đầu tất cả trên một bãi hoang. Do chỗ tình hình quốc tế phức tạp, có nguy cơ bị các nước đế quốc xâm lược, nên trong thời kỳ kế hoạch 5 năm lần thứ nhất và lần thứ hai, Đảng đã quy định nhịp độ phát triển công nghiệp quốc phòng phải cao hơn mọi ngành công nghiệp khác. Một nhiệm vụ đặt ra trước các nhà bác học, kỹ sư, những người sáng chế, phát minh là phải chế tạo ra những kiểu vũ khí và dụng cụ chiến tranh không thua kém nước ngoài, mà tính năng chiến đấu có thể còn ưu việt hơn của nước ngoài. Thực tế trong từng quân chủng, binh chủng đã lập nên những phòng kỹ thuật quân sự, phòng thí nghiệm và những viện nghiên cứu khoa học, sản sinh ra hàng chục tập thể những người chế tạo có tài năng, hăng hái bắt tay vào công việc.

Phương hướng cơ bản phát triển vũ khí của bộ binh là làm cho cơ cấu thì đơn giản, trọng lượng giảm bớt mà xạ tốc lại tăng hơn. Khẩu súng trường Nga nổi tiếng do đại úy Mô-xin trong quân đội Nga chế tạo đã được cải tiến. Đã sản xuất hàng loạt súng trường tự động của S.G. Xi-môn-nốp (kiểu năm 1936), carbin (kiểu năm 1932), trung liên của V.A. Déc-ti-a-rép và những súng máy đặt trên xe tăng, súng máy cao xạ, súng máy đặt trong máy bay chế tạo dựa trên cơ sở trung liên của Déc-ti-a-rép. Năm 1938, đã trang bị khẩu trọng liên đầu tiên của nước ta của Déc-ti-a-rép - Spa-ghin có tính năng chiến đấu rất ưu việt. Năm 1939, quân đội tiếp nhận đại liên kiểu mới của V.A. Déc-ti-a-rép.

Quân đội rất thích loại súng lục liên thanh bắn bằng đạn súng lục của V.A. Déc-ti-a-rép (P.P.D.) và đặc biệt là kiểu mẫu thiết kế thật mới của G.S. Spa-gin (P.P.S.). Từ năm 1930 - 1931 đến hết năm 1938, súng trường sản xuất tăng từ 174.000 lên tới 1.174.000 khẩu, súng máy - khoảng từ 41.000 lên tới 74.500 khẩu. Căn cứ vào số lượng trung liên và đại liên trang bị cho quân đội, và căn cứ cả vào số đạn sản xuất tính theo từng phút cho từng người chiến sĩ, thì đến cuối kế hoạch 5 năm lần thứ hai, Hồng quân đã vượt quân đội các nước tư bản trong thời kỳ đó.

Sản xuất xe tăng cũng tăng nhanh. Trong thời gian kế hoạch 5 năm lần thứ nhất sản xuất được 5.000 chiếc, đến cuối kế hoạch 5 năm lần thứ hai quân đội đã có 15.000 chiếc (trong đó có chừng 12.000 xe tăng các kiểu cơ bản). Tất cả những chiếc xe ấy có đặc điểm là hỏa lực mạnh, chạy nhanh. Thời gian đó, đối phương của chúng ta chưa có những loại xe tăng có tính năng chiến đấu tương tự. Thật ra thì xe tăng vẫn còn kém cơ động, dễ bị pháo bắn. Tính năng kỹ thuật và tinh năng chiến đấu của xe tăng vẫn còn ở mức thấp, rất hay trục trặc; vì chạy bằng dầu xăng, nên dễ bị bốc cháy và vỏ thép chưa được bền vững.

Sản xuất xe tăng hàng năm từ 740 chiếc trong những năm 1930 - 1931 đã lên tới 2.271 chiếc trong năm 1938.

Sự say mê đối với xe tăng trong một chừng mực nào đã gây ra tâm trạng xem nhẹ pháo binh. Thậm chí có một vài nhà hoạt động quân sự đã nghĩ là nên chuyển pháo nòng dài thành pháo vạn năng và bán vạn năng[1]. Ban Chấp hành trung ương Đảng Cộng sản (b) toàn Liên bang đã chú ý tới khuynh hướng sai lầm ấy, vạch ra mối tương quan đúng đắn giữa pháo nòng dài và lựu pháo. Từ cuối năm 1937, một số nhà máy chế tạo máy chuyển sang sản xuất kỹ thuật pháo mới, công suất những máy ấy tăng rất nhiều. Trong những năm 1930 - 1931 sản xuất hàng năm được 2.000 khẩu, trong năm 1938 - hơn 12.500. Năm 1937 chế tạo được lựu pháo và pháo nòng dài 152 mm, cải tiến pháo nòng dài 122 mm, năm 1938 sản xuất ra lựu pháo 122 mm. Tất cả những loại pháo ấy cũng đều là pháo tốt. Ví như, pháo chống tăng 45 mm kiểu năm 1937 có thể xuyên thủng vỏ thép các loại xe tăng trang bị trong thời gian đó của các nước tư bản. Đến đầu năm 1939, số lượng pháo trong quân đội từ 17.000 (năm 1934) tăng lên tới 56.000. Song, một số kiểu pháo cũ đã lỗi thời vẫn còn được sử dụng trong một thời gian khá lâu, vì lúc đó chưa thể giải quyết được nhiệm vụ trang bị pháo binh hàng loạt.

Trong thời gian kế hoạch 5 năm lần thứ hai, bộ binh nhận được súng cối cỡ 50 mm. Súng cối 82 mm và 120 mm của nhà sáng chế rất có tài năng B.I. Sa-vu-rin, đã được sản xuất ra từ lâu trước chiến tranh. Sau này, quân đội mới chính thức được trang bị súng cối.

Cải cách kỹ thuật đã làm thay đổi bộ mặt của không quân ta. Ngành công nghiệp hàng không đã sản xuất hàng loạt các kiểu máy bay khác nhau của nước nhà. Các phi công quân đội nhận được những máy bay ném bom XB bay nhanh có hai động cơ, máy bay ném bom hạng nặng TB-3, những máy bay ném bom hoạt động tầm xa, máy bay tiêm kích I-15, và I-16 cơ động nhanh. Ai mà chẳng nhớ đến những chuyến bay thần thoại của M. Grô-mốp, V. Chơ-ca-lốp, V. Cốc-ki-

na-ki? Các chuyến bay đó đã được tiến hành bằng những máy bay của nước ta. Năm 1937, các phi công chúng ta đã giành được chừng 30 kỷ lục quốc tế về bay xa, bay cao và bay nhanh. Trong những năm ấy, trình độ kỹ thuật của ngành hàng không Liên Xô không thua kém nước ngoài. Tiếc là lúc đó khả năng kinh tế chưa cho phép ta chuyển sang sản xuất hàng loạt những kiểu máy bay nổi tiếng ấy. Còn nói về số lượng, thì ngành công nghiệp hàng không đã đáp ứng được yêu cầu của thời đại, đã sản xuất ra trong năm 1938 được 5.500 máy bay, so với năm 1930 chỉ sản xuất được 860 chiếc.

Những thành tựu công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa cho phép tăng nhanh trình độ kỹ thuật và khả năng chiến đấu của Hải quân. Từ năm 1929 đến năm 1937 đã đóng được 500 tàu chiến và tàu bổ trợ các loại mới. Theo sáng kiến của Ban chấp hành trung ương Đảng, năm 1932 đã thành lập ra hạm đội Thái Bình Dương, năm 1933 - hải đoàn phía bắc; củng cố các giang đoàn Ca-xpien, A-mua, Đơ-nép. Mở rộng việc đóng những tàu lớn cho hạm đội hoạt động ở các đại dương, sản xuất hàng loạt tàu ngầm kiểu K, L, S, X, và các xuồng phóng lôi, khu trục hạm, tuần dương hạm hạng nhẹ kiểu "Ki-rốp", "Cha-pa-ép"; thành lập các đại đội pháo bờ biển, củng cố không quân của hạm đội. Cuối năm 1937, thành lập Bộ Ủy viên nhân dân công nghiệp đóng tàu, đặt kế hoạch xây dựng một hạm đội lớn cho kế hoạch 5 năm sau.

Sau khi quân đội và hạm đội đã được trang bị kỹ thuật lại rồi, thì đương nhiên phải chuyển hệ thống quân chính quy và quân địa phương hỗn hợp sang nguyên tắc duy nhất là xây dựng những lực lượng vũ trang chính quy. Đó cũng là một điều hợp với logic. Kỹ thuật quân sự mới làm thay đổi về cơ bản những phương pháp tiến hành chiến tranh, đề ra những nhiệm vụ độc đáo và phức tạp trong việc sử dụng các quân chủng, binh chủng và tổ chức hiệp đồng trong các trận đánh. Những lớp tập huấn ngắn ngày không đủ; đòi hỏi phải huấn luyện lâu, liên tục và có hệ thống hơn. Khả năng kinh tế cũng cho phép thực hiện việc chuyển biến đó (vì tổ chức quân đội chính quy tốn kém nhiều hơn).

Bộ Chính trị Ban Chấp hành trung ương Đảng Cộng sản (b) toàn Liên bang và Chính phủ đã đồng ý và phê chuẩn những đề nghị của Hội đồng quân sự cách mạng Liên Xô về việc tăng nhanh số lượng các sư đoàn chính quy và tăng cường những nhân tố chính quy trong các sư đoàn quân địa phương còn lại. Tiến trình ấy sẽ làm cho quân số Hồng quân tăng lên. Trong năm 1933, Hồng quân có 88,5 vạn người, nhưng đến năm 1937 đã có hơn 1,5 triệu. Số sư đoàn chính quy tăng gấp 10 lần, đến năm 1939 thì hoàn thành việc chuyển sang hệ thống tuyển mộ và tổ chức quân đội chính quy. Đến cuối năm 1938, những sư đoàn bộ binh của các quân khu biên giới hầu như hoàn toàn chuyển sang hệ thống chính quy.

Chúng ta cần phải thường xuyên sẵn sàng chiến đấu. Các nước đế quốc chính đang bắt đầu phát triển quân đội đông đảo, càng ngày càng tung nhiều tiền vào việc chuẩn bị một cuộc chiến tranh mới. Tỷ lệ chi phí cho chiến tranh trong ngân sách nước Nhật trong thời kỳ từ năm 1934 đến cuối năm 1938 tăng từ 34% lên tới 70%, nước Ý từ 20% lên tới 52%, nước Đức tăng hơn 3 lần, từ 21% tới 61%.

Trong năm 1935, phát-xít Ý đánh chiếm A-bi-xi-ni, năm 1936, Đức và Ý mở rộng can thiệp chống nước Cộng hòa Tây Ban Nha. Đã bắt đầu có những trận đánh lớn, nhỏ không chỉ ở mức những nước này chống lại nước kia, mà là ở trên một quy mô rộng lớn - những lực lượng phản động và phát-xít chống lại những lực lượng dân chủ và xã hội chủ nghĩa.

Những người ngày nay tuổi trên 50 hẳn còn nhớ rõ là, thực hiện nghĩa vụ quốc tế của mình, chúng ta đã giúp đỡ cho chính phủ hợp pháp và nhân dân nước Cộng hòa Tây Ban Nha tất cả những gì có thể: vũ khí, lương thực, thuốc men. Các chiến sĩ phi công, xe tăng, pháo binh, những người lính bình thường và cả những chỉ huy quân sự lỗi lạc bừng sôi bầu nhiệt quyết và tinh thần lãng mạn cách mạng đã tình nguyện lên đường sang Tây Ban Nha.

Nói chung, đặc điểm của thời kỳ ấy là một thời kỳ cao trào ở trong nước, kinh tế và văn hóa đang lên mạnh, đời sống được cải thiện rõ rệt, có hàng ngàn người lao động tích cực đã đạt được những kỷ lục lao động trong công nghiệp và nông nghiệp. Chúng tôi nhớ, tên tuổi của những người đó đã vang dội khắp đất nước.

Một dân tộc vĩ đại, đông đúc, cần có những tư tưởng vĩ đại để mà tin tưởng và cần có những con người gương mẫu để mà noi theo.

Quân đội ham mê học tập, ước mong nắm chắc chuyên môn của mình. Chất lượng tinh thần và

chính trị của bộ đội rất tốt. Tào nên được không khí đó là nhờ có công tác to lớn của Đảng nhằm nâng cao trình độ văn hóa chung của quần chúng Hồng quân, nhờ có mạng lưới học tập hết sức rộng rãi, nhờ có sự biến chuyển của bản thân đội ngũ cán bộ quân đội.

Đến năm 1937, Hồng quân trở thành một quân đội tất thảy đều có văn hóa, hàng ngũ Hồng quân được bổ sung những thanh niên có nghề chuyên môn lái máy kéo, máy liên hợp, lái xe, v.v... Một số tiền lớn - mỗi năm hơn 200 triệu rúp - đã được chi cho công tác văn hóa, giáo dục. Số lượng sách trong các thư viện quân đội có tới 25 triệu cuốn, bộ đội đặt mua hàng triệu ấn phẩm xuất bản trong từng định kỳ một. Số lượng các cung văn hóa của Hồng quân, các trung tâm phát thanh, các nhà chiếu bóng, các đội chiếu bóng lưu động, các câu lạc bộ tăng lên rất nhanh. Quân đội tích cực tham gia vào các sinh hoạt chính trị của đất nước.

Số thanh niên học tập trong 75 trường quân sự đều có trình độ văn hóa trên lớp 7. Đoàn thanh niên Cộng sản lúc đó là tổ chức đỡ đầu cho lực lượng không quân đã cung cấp hàng ngàn thanh niên ưu tú cho hải quân và không quân. Trong số những thanh niên ấy, có những người đã trở thành phi công, cán bộ chỉ huy, cán bộ chính trị lỗi lạc. Các khóa huấn luyện luôn luôn được cải tiến, trong chương trình huấn luyện có đầy đủ các môn học lý thuyết và những bài tập thực hành dạy cách sử dụng kỹ thuật mới trong chiến đấu.

Viện đào tạo cán bộ cho các quân chủng, binh chủng đang phát triển nhanh được đặc biệt chú ý. Ban Chấp hành trung ương Đảng thường đề ra những nghị quyết riêng về vấn đề này. Trường quân sự cao cấp được mở rộng. Đến cuối kế hoạch 5 năm đã có 13 học viện quân sự, 1 viện nghiên cứu quân sự và 5 hệ quân sự trong các trường đại học thường.

Thành phần giai cấp trong quân đội đã có những biến đổi có tác dụng tốt. Số chuyên viên quân sự cũ chỉ còn lại những người đã được thử thách, trung thành với chính quyền Xô-viết, còn những chuyên viên, cán bộ mới thì xuất thân từ công nhân và nông dân, đã trải qua trường học của cuộc nội chiến, hoặc đã được học khoa học kỹ thuật và chính trị trong các trường quân sự. Đến năm 1937, công nhân và nông dân chiếm hơn 70% trong các tổ chức của Đảng và của Đoàn, hơn một nửa số cán bộ chỉ huy là đảng viên và đoàn viên thanh niên Cộng sản.

Tóm lại, công việc tiến triển tốt. Đó là trong lúc Liên Xô đang một mình xây dựng thế giới mới, đang bị các nước tư bản thù địch bao vây, trong lúc tình báo nước ngoài không tiếc người tiếc của đang âm mưu làm trở ngại cho nhân dân chúng ta. Nhưng đất nước ta và quân đội ta vẫn vững mạnh lên ngày một nhanh chóng; đường lối phát triển kinh tế, chính trị rõ ràng được mọi người tiếp nhận, tán thành; khí thế lao động sôi sục trong quần chúng nhân dân.

Vì vậy càng thấy rõ những vụ bắt giam xảy ra trong quân đội trong năm 1937 là không có căn cứ xác đáng, không hợp với quy luật phát triển, hoàn toàn không hợp với bản chất chế độ, không thích hợp với tình hình cụ thể trong nước trong năm ấy.

Bắt giữ những quân nhân nổi tiếng tất nhiên, không thể không có ảnh hưởng trong chừng mực nào tới sự phát triển của các lực lượng vũ trang chúng ta.

Năm 1937, theo mệnh lệnh của Bộ Ủy viên nhân dân quốc phòng, tôi được cử làm quân đoàn trưởng quân đoàn kỵ binh 3 và chỉ huy quân đoàn này chừng 7 tháng. Khi Ê.I. Gô-ri-a-chép, quân đoàn trưởng quân đoàn Cô-dắc 6 được bổ nhiệm làm phó tư lệnh Đặc khu Ki-ép, thì tôi được đề cử giữ chức quân đoàn trưởng quân đoàn ấy. Về trình độ huấn luyện và chung các mặt, quân đoàn 6 hơn quân đoàn 3, nhưng điều đáng chú ý là trong quân đoàn 6 có sư đoàn Cô-dắc sông Đông 4. Tôi đã có dịp chỉ huy sư đoàn này hơn 4 năm, lẽ tự nhiên là tôi rất gắn bó với sư đoàn.

I.T. Chê-rê-vi-chen-cô, một cán bộ chỉ huy kỵ binh lâu năm, giàu kinh nghiệm, thay thế tôi làm quân đoàn trưởng quân đoàn kỵ binh 3.

Ở quân đoàn 6, tôi phải làm nhiều công tác chỉ đạo cụ thể. Chúng tôi đã nghiên cứu nhiều nhất về vấn đề sử dụng kỵ binh nằm trong biên chế của tập đoàn quân kỵ binh cơ giới. Hồi đó, đây là một vấn đề rất lớn. Chúng tôi dự kiến nếu biên chế cho một tập đoàn quân kỵ binh cơ giới 3 - 4 sư đoàn kỵ binh, 2 - 3 lữ đoàn xe tăng, 1 sư đoàn bộ binh cơ giới, lại có sự hiệp đồng chặt chẽ với máy bay ném bom và tiêm kích và, nếu sau này hiệp đồng với cả các đơn vị đổ bộ đường không, thì nó sẽ có thể giải quyết được những nhiệm vụ chiến dịch rất lớn khi chiến đấu trong đội hình của phương diện quân, nó có thể góp phần thực hiện thắng lợi những mục tiêu chiến lược.

Chúng tôi hiểu rằng, trong chiến tranh tương lai, xe tăng và các binh đoàn xe tăng sẽ có tác

dụng quyết định một phần lớn, vì vậy phải nắm thật vững những vấn đề hiệp đồng với bộ đội xe tăng và việc tổ chức chống tăng trong chiến đấu cũng như trong chiến dịch.

Trong những lần tập bài và diễn tập ở ngoài trời trong quân đoàn 3 cũng như trong quân đoàn 6, tôi đã có dịp được công tác thực tế với lữ đoàn xe tăng độc lập 21 (lữ đoàn trưởng M.I. Pô-ta-pốp) hoặc với lữ đoàn xe tăng độc lập 3 (lữ đoàn trưởng V.V. Nô-vi-cốp). Cả hai đồng chí chỉ huy lữ đoàn ấy trước đây đều là đồng sự của tôi, nên “trong tình huống chiến đấu”, chúng tôi chưa nói hết lời đã hiểu nhau.

Về mặt sẵn sàng chiến đấu, quân đoàn Cô-dắc 6 tốt hơn nhiều đơn vị khác. Ngoài sư đoàn Cô-dắc sông Đông 4 ra, còn có sư đoàn Chôn-gác-xcai-a 6 là một sư đoàn cũng được huấn luyện tốt, nhất là trong lĩnh vực chiến thuật, kỹ thuật sử dụng kỵ binh và bắn súng. Cần phải đánh giá thích đáng công lao của đồng chí L.I. Vây-ne, nguyên sư đoàn trưởng sư đoàn Chôn-gác-xcai-a, người đã bỏ ra nhiều công sức để nâng cao trình độ sẵn sàng chiến đấu của sư đoàn lên mức cao.

Sư đoàn kỵ binh 29 đóng quân trong thành phố Ô-xi-pô-vi-chi có yếu hơn đôi chút. Chỉ huy sư đoàn là lữ đoàn trưởng K.V. Páp-lốp-xki, một người không có đức tính của một chàng kỵ binh. Thêm nữa, về mặt trình độ chung, cũng chưa bằng các đồng chí sư đoàn trưởng khác.

Trong thời kỳ này, chỉ huy bộ đội của quân khu là tư lệnh tập đoàn quân bậc một, I.P. Bê-lốp. Mùa thu năm 1937, đồng chí đã tiến hành rất giỏi những cuộc diễn tập trong quân khu, có các tướng lĩnh và sĩ quan bộ tổng tham mưu Đức tham quan. Ủy viên nhân dân quốc phòng K.E. Vô-rô-si-lốp và Tổng tham mưu trưởng B.M. Sa-pô-sni-cốp có đến xem những cuộc diễn tập ấy.

Sau I.P. Bê-lốp, tư lệnh tập đoàn quân bậc 2 M.P. Cô-va-lép được bổ nhiệm làm tư lệnh quân khu.

Tôi biết Mi-kha-in Prô-cô-phi-ê-vích Cô-va-lép trong nội chiến. Đồng chí đang giữ chức phó tư lệnh quân khu thì được đề bạt làm tư lệnh quân khu. Đồng chí là một người rất chân thật, thông hiểu những vấn đề chiến dịch, chiến lược, nhưng sở trường của đồng chí là về chiến thuật. Đồng chí nắm rất vững chiến thuật cả trên lý luận và thực hành. So với Bê-lốp, đồng chí có yếu hơn đôi chút, vì I.P. Bê-lốp, như người ta thường nói, là một cán bộ sành sỏi về chiến dịch vì trong nhiều năm đồng chí đã chỉ huy các quân khu.

Nhiều cán bộ mới còn non về kinh nghiệm chỉ huy và trình độ kiến thức chung được bổ sung về quân khu. Các đồng chí ấy cần phải tự rèn luyện, nghiên cứu rất nhiều để trở thành người chỉ huy xứng đáng, những người giáo dục bộ đội có tài năng.

Tôi không thể không nhớ đến I.X. Cu-ti-a-cốp, bạn cũ của tôi. Tôi đã biết I-van Xtê-pa-nô-vích hơn 20 năm và luôn luôn cảm phục đồng chí là một cán bộ chỉ huy, một con người dũng mãnh và kiên nghị. I.X. Cu-ti-a-cốp là lính cũ trong quân đội Sa hoàng. Đồng chí có uy tín lớn trong trung đoàn của mình, và trong những ngày đầu cách mạng được anh em binh sĩ bầu làm trung đoàn trưởng. Đây là một niềm vinh dự lớn - được quần chúng binh sĩ đã ở tiền tuyến bầu ra. Muốn được thế phải có những phẩm chất tốt đẹp như thường xuyên gương mẫu trước các đồng chí của mình, tâm hồn trong sáng, lòng vị tha, hiểu biết và yêu mến mọi người, hiểu được tâm tư và nguyện vọng của họ.

Trong những năm nội chiến, I.X. Cu-ti-a-cốp đã chỉ huy lữ đoàn bộ binh thuộc sư đoàn Cha-pa-ép 25. Sau khi Va-xi-li I-va-nô-vích Cha-pa-ép hy sinh, I.X. Cu-ti-a-cốp được cử làm sư đoàn trưởng thay Cha-pa-ép. Vì đã lãnh đạo các đơn vị chiến đấu thắng lợi chống bọn bạch vệ, đồng chí được tặng thưởng 3 Huân chương Cờ Đỏ và Huân chương Cờ Đỏ của nước Cộng hòa Khô-rem-xki. Năm 1937, I.X. Cu-ti-a-cốp được đề bạt làm phó tư lệnh quân khu Pri-vôn-giê.

Trong thời kỳ chỉ huy quân đoàn 6, tôi đã ra sức nghiên cứu những vấn đề chiến dịch chiến lược, vì thấy hiểu biết của mình trong lĩnh vực này chưa được là bao. Tôi nhận thức thấy rõ rằng, một quân đoàn trưởng hiện đại cần phải hiểu biết rất nhiều, nên đã kiên trì học tập để nắm vững các môn khoa học quân sự.

Khi đọc các tài liệu lịch sử viết về những cuộc chiến tranh trước đây, các tác phẩm kinh điển nói về nghệ thuật quân sự và các cuốn hồi ký, tôi cố gắng rút ra những kết luận về đặc điểm của chiến tranh hiện đại, của những chiến dịch và các trận đánh hiện đại. Việc trực tiếp biên soạn những bài tập chiến dịch, chiến thuật để tiến hành các cuộc diễn tập chỉ huy của các sư đoàn, quân đoàn, các cuộc diễn tập cán bộ chỉ huy, cơ quan tham mưu và diễn tập có thực binh đã

làm cho tôi học tập được rất nhiều.

Sau mỗi lần diễn tập như vậy, tôi cảm thấy thu hoạch được thêm nhiều kiến thức, kinh nghiệm và cái đó hoàn toàn cần thiết không riêng cho sự trưởng thành của mình, mà cho cả những cán bộ trẻ do tôi phụ trách. Thật vui mừng biết bao khi thấy những cuộc tập bài hoặc diễn tập với các đơn vị, với cơ quan tham mưu hoặc với các tổ sĩ quan đã đem lại những lợi ích thiết thực cho những người tham dự. Tôi cho rằng, đó là phần thưởng to lớn nhất cho sự cố gắng của mình. Nếu trong một cuộc tập bài mà chẳng ai thu hoạch được gì mới và không khai thác được kiến thức gì trong vốn liếng hiểu biết của cán bộ cấp trên, thì nội dung cuộc tập bài ấy theo quan điểm của tôi, thật đáng chê trách đối với lương tâm người chỉ huy, và phải khẳng định rằng chất lượng buổi tập bài ấy chưa đạt yêu cầu. Mà việc gì phải giấu giếm khuyết điểm là có nhiều đồng chí chỉ huy chúng ta về mặt kiến thức chưa hơn những đồng chí cấp dưới của mình. Nếu trong những vấn đề quân sự tôi đã được may mắn nghiên cứu một cách cơ bản và liên tục, từng bước một, cả về lý thuyết cũng như thực hành, thì đối với học thuyết Mác - Lê-nin, tôi đã phải tìm hiểu trong từng giai đoạn, không thành hệ thống, và theo từng chuyên đề một. Hồi ấy, không chỉ riêng tôi, mà nhiều đồng chí chỉ huy khác cũng thế. Song, Đảng đã làm tất cả những gì có thể để nâng cao trình độ tư tưởng của các cán bộ chỉ huy trong Hồng quân. Trong mọi trường cao đẳng đều đã có đầy đủ toàn bộ chương trình học tập chủ nghĩa Mác - Lê-nin, nhưng có lẽ, đối với chúng ta, những người cán bộ chỉ huy, cần có nhiều cố gắng lớn lao hơn nữa theo phương hướng này. Trước đây, những đồng chí may mắn được theo học các khóa huấn luyện về chính trị tại Học viện chính trị Tôn-ma-chép chưa có là bao.

Trong thời gian chỉ huy quân đoàn, tôi nhận rõ sự cần thiết phải học tập nghiêm chỉnh những vấn đề về Đảng và chính trị, nên nhiều hôm tôi đã ngồi thâu đêm đọc các tác phẩm kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Phải nói là, tiếp thu được những tác phẩm ấy không phải chuyện dễ dàng, nhất là bộ "Tư bản" của Các Mác và những tác phẩm triết học của V.I. Lê-nin. Song, tinh thần trách nhiệm đã buộc tôi phải lĩnh hội bằng được tài liệu đó. Sau này, tôi lấy làm hài lòng thấy mình không lùi bước trước khó khăn, và như người ta thường nói, là đủ tinh thần học tập liên tục. Việc học tập ấy đã giúp tôi biết định ra phương hướng trong các vấn đề tổ chức lực lượng vũ trang, trong các chính sách đối nội và đối ngoại của Đảng.

Trong khi tự học, tôi đã yêu cầu các đồng chí cấp dưới cũng phải thường xuyên học tập chiến lược và sách lược của Lê-nin, vì không học tập thì không thể lãnh đạo bộ đội có kết quả, không thể huấn luyện và giáo dục bộ đội để khi cần, biết chiến đấu để bảo vệ Tổ quốc.

Cuối năm 1937, chúng tôi, tất cả những cán bộ chỉ huy các binh đoàn trong quân khu được triệu tập về họp để tổng kết và thảo luận nhiệm vụ huấn luyện cho bộ đội.

Tư lệnh quân khu M.P. Cô-va-lép và ủy viên hội đồng quân sự I.O. Xu-xai-cốp đọc báo cáo. Báo cáo của M.P. Cô-va-lép được hoan nghênh. Bản báo cáo đó có chất lượng và bao quát được mọi việc, nhưng ai nấy đều thấy rõ đây là Cô-va-lép chứ không phải U-bô-rê-vích và thậm chí cũng không phải Bê-lốp. Rõ ràng là đồng chí cần phải cố gắng rất nhiều để trở thành một tư lệnh xứng đáng của một quân khu lớn như Quân khu Bê-lô-ru-xi hồi đó.

Hội nghị kết thúc bằng việc phổ biến những chỉ thị chung của Hội đồng quân sự. Hội nghị bế mạc hoàn toàn không giống như hồi còn I.P. U-bô-rê-vích trước đây. Thời ấy sau hội nghị nào cũng đều giới thiệu những khí tài mới, tổ chức các buổi học tập mẫu của lực lượng quân và không quân, hoặc những cuộc diễn tập và báo cáo về các chuyên đề lịch sử.

Năm 1938, công tác huấn luyện bộ đội về cơ bản tiến hành bình thường, và đến cuối năm, các đơn vị của quân đoàn Cô-dắc 6 đã đạt được những chỉ tiêu cao.

Cuối năm 1938, tôi được đề cử giữ chức vụ mới - phó tư lệnh Quân khu Bê-lô-ru-xi. Trong thời kỳ ấy, phó tư lệnh thứ nhất quân khu là quân đoàn trưởng Ph.I. Cu-dơ-nét-xốp (chính Cu-dơ-nét-xốp sau này đã chỉ huy Phương diện quân Tây-bắc trong thời kỳ đầu chiến tranh). Tôi được cử thay I.R. A-pa-xen-cô, đồng chí này chuyển sang làm phó tư lệnh Quân khu Ki-ép ở chỗ X.K. Ti-mô-sen-cô.

Thời bình tôi phụ trách việc lãnh đạo huấn luyện các đơn vị kỵ binh của quân khu và những lữ đoàn xe tăng độc lập dành để phối hợp hành động với kỵ binh theo kế hoạch động viên chiến đấu. Còn nếu xảy ra chiến tranh, tôi được phân công chỉ huy một cụm lực lượng kỵ binh cơ giới, thành phần có 4 - 5 sư đoàn kỵ binh, 3 - 4 lữ đoàn xe tăng độc lập và những đơn vị tăng cường khác.

Tôi không muốn rời khỏi quân đoàn mà tôi mới kịp quen biết. Nhưng triển vọng của những ngày công tác phụ trách một khối lực lượng cỡ chiến dịch lớn cũng thật hấp dẫn, nên tôi đồng ý nhận sự bổ nhiệm mới.

Lữ đoàn trưởng A.I. Ê-rê-men-cô được cử làm quân đoàn trưởng quân đoàn 6 thay tôi. Chia tay với các đồng chí chỉ huy và cán bộ chính trị của các sư đoàn và đơn vị trong quân đoàn, tôi lên đường tới Xmô-len-xcơ. Thời gian ấy bộ tham mưu của Quân khu Bê-lô-ru-xi đóng tại đây. Tư lệnh quân khu M.P. Cô-va-lép đón tiếp tôi rất nồng nhiệt. Thời kỳ công tác tại các quân đoàn kỵ binh 3 và 6 đã cho tôi nhiều kinh nghiệm và kiến thức. Tôi biết ơn mãi mãi những đồng chí đã giúp tôi trong công tác, những đồng chí đã lao động trung thực vì sự nghiệp vĩ đại phòng thủ đất nước chúng ta.

[1] Quan điểm này đi đến coi nhẹ vai trò của lựu pháo - ND.

Chương 7

CUỘC CHIẾN TRANH KHÔNG TUYÊN BỐ Ở KHAN-KHIN GÔN

CUỐI tháng 5-1939, khi đang làm phó tư lệnh Quân khu Bê-lô-ru-xi, tôi cùng các đồng chí trợ lý chỉ đạo cuộc diễn tập cán bộ chỉ huy và cơ quan tham mưu ở ngoài trời trong vùng Min-xcơ. Tham gia diễn tập có chỉ huy các binh đoàn kỵ binh và một số binh đoàn xe tăng trong quân khu, các đồng chí chỉ huy và cán bộ tác chiến của các cơ quan tham mưu.

Cuộc diễn tập tham mưu kết thúc và ngày 1-6 chúng tôi tiến hành tổng kết ở phòng tham mưu quân đoàn kỵ binh 3 ở Min-xcơ. Bổng đồng chí chính ủy sư đoàn I.D. Xu-xai-cốp, ủy viên hội đồng quân sự quân khu báo cho tôi biết, đồng chí vừa nhận được điện từ Mát-xcơ-va lệnh cho tôi phải lên đường ngay để sáng mai gặp Ủy viên nhân dân quốc phòng.

Tôi đáp chuyến xe lửa chạy qua đầu tiên để về Mát-xcơ-va, và sáng ngày 2-6 tôi đã có mặt tại phòng khách của K.E. Vô-rô-si-lốp

Đồng chí R.P. Khơ-men-nít-xki, cán bộ phụ trách các nhiệm vụ đặc biệt ở Bộ Ủy viên nhân dân quốc phòng tiếp tôi và cho biết là K.E. Vô-rô-si-lốp đang đợi.

- Đồng chí tới gặp đi, còn tôi sẽ ra lệnh chuẩn bị ngay cho đồng chí hành lý để đi công tác xa.

- Công tác xa gì thế?

- Đồng chí cứ gặp Ủy viên nhân dân thì sẽ biết tất cả những điều cần biết.

Vào đến văn phòng của Ủy viên nhân dân, tôi báo cáo với đồng chí là tôi đã có mặt. K.E. Vô-rô-si-lốp thăm hỏi sức khỏe rồi nói:

- Quân Nhật đã bắt ngờ xâm nhập vào biên giới nước Mông Cổ anh em của chúng ta, và theo hiệp ước ký kết ngày 12-3-1936, Chính phủ Liên Xô có trách nhiệm bảo vệ nước Mông Cổ chống bất kỳ mọi cuộc ngoại xâm nào. Bản đồ tình huống diễn biến ngày 30-5 đây.

Tôi bước lại chỗ bản đồ.

Ủy viên nhân dân chỉ cho tôi biết:

- Đây là chỗ đã diễn ra trong một thời gian dài những cuộc đột nhập khiêu khích vào những chiến sĩ biên phòng Mông Cổ, còn chỗ kia là nơi quân Nhật thuộc lực lượng đóng quân tại Khai-la đã xâm nhập lãnh thổ nước Cộng hòa nhân dân Mông Cổ và tấn công vào những đơn vị biên phòng Mông Cổ đang làm nhiệm vụ bảo vệ đoạn đất đai phía đông sông Khan-khin Gôn.

- Tôi nghĩ là, - Ủy viên nhân dân tiếp - một cuộc phiêu lưu quân sự nghiêm trọng đã mở đầu. Dù

trong trường hợp nào, vấn đề chưa phải đã hết... Đồng chí có thể đi ngay tới đây được không, và nếu cần, có thể đảm nhiệm cả việc chỉ huy bộ đội được không?

- Tôi sẵn sàng đi ngay trong giờ phút này.

- Rất tốt, - Ủy viên nhân dân nói. - Máy bay dành cho đồng chí sẽ sẵn sàng tại sân bay trung ương lúc 16 giờ hôm nay. Đồng chí ghé qua chỗ I.V. X-mô-rô-đi-nốp để nhận những tài liệu cần thiết, và bàn thêm về việc liên lạc với Bộ Tổng tham mưu. Một tổ sĩ quan chuyên viên thuộc quyền đồng chí sẽ cùng đáp máy bay đi với đồng chí. Chúc đồng chí thành công, tạm biệt đồng chí!

Chia tay với Ủy viên nhân dân, tôi đi tới Bộ Tổng tham mưu gặp đồng chí I-van Va-xi-li-ê-vích X-mô-rô-đi-nốp, quyền Phó Tổng tham mưu trưởng mà trước đây tôi có quen biết. Trên mặt bàn làm việc của đồng chí ấy cũng đang trải rộng tấm bản đồ giống như ở chỗ đồng chí Ủy viên nhân dân. I.V. X-mô-rô-đi-nốp nói rằng, đồng chí không nói gì thêm về tình hình mà Ủy viên nhân dân đã cho tôi biết, mà chỉ bàn về việc đặt liên lạc với tôi thôi.

- Tôi đề nghị, - I.V. X-mô-rô-đi-nốp nói, - khi đến nơi, đồng chí hãy nghiên cứu xem sự việc đang xảy ra ở đây thế nào và báo cáo về cho chúng tôi những ý kiến thẳng thắn của đồng chí.

Đến đây chúng tôi chia tay nhau.

Một lát sau, máy bay chúng tôi đã cất cánh và bay về hướng Mông Cổ. Chúng tôi nắm tình huống cuối cùng ở Chi-ta trước khi rời biên giới nước ta. Hội đồng quân sự quân khu mời chúng tôi đến để thông báo tình hình. Chúng tôi gặp tư lệnh quân khu V Ph. Ya-cốp-lép và ủy viên Hội đồng quân sự Đ.A. Ga-pa-nô-vích trong cục tham mưu quân khu. Các đồng chí cho biết những diễn biến mới nhất: điểm mới là máy bay Nhật đã bay sâu vào lãnh thổ nước cộng hòa nhân dân Mông Cổ và đuổi theo bắn phá các xe của chúng ta.

Sáng ngày 5-6, chúng tôi đến Tăm-xắc Bu-lắc, vào phòng tham mưu quân đoàn đặc biệt 57, ở đây chúng tôi gặp sư đoàn trưởng N.V. Phéc-len-cô, chính ủy sư đoàn M.X. Ni-ki-sép[1], tham mưu trưởng tư lệnh lữ đoàn A.M. Cu-sép và những đồng chí khác.

Khi báo cáo tình hình, A.M. Cu-sép nói đón trước ngay là tình hình chưa được nghiên cứu kỹ. Căn cứ vào báo cáo, thấy rõ là, bộ tư lệnh quân đoàn không nắm được tình huống thực. Tôi hỏi N.V. Phéc-len-cô là đồng chí tính thế nào, ở cách chiến trường hàng 120 km thì có thể chỉ huy bộ đội được không?

- Chúng tôi ở đây, tất nhiên là nơi xa đây, - đồng chí đáp lại, - nhưng ngoài ấy chưa được chuẩn bị về mặt tác chiến. Không có lấy một km đường dây điện thoại và điện báo, chưa chuẩn bị xong sở chỉ huy và các bãi đổ quân.

- Vậy cần phải làm như thế nào để có mọi thứ ấy?

- Tôi thấy cần phải người đi tìm gỗ lạt, vật liệu và bắt tay vào xây dựng sở chỉ huy.

Té ra là các đồng chí trong bộ tư lệnh quân đoàn, trừ đồng chí chính ủy M.X. Ni-ki-sép, chưa lần nào tới khu vực đang xảy ra các sự kiện nói trên. Tôi đề nghị quân đoàn trưởng phải lên ngay phía trước và nghiên cứu kỹ càng tình huống tại nơi đó. Viên cố Mát-xơ-va có thể gọi điện thoại nói chuyện với đồng chí đó bất kể vào lúc nào, quân đoàn trưởng đề nghị chính ủy M.X. Ni-ki-sép sẽ đi cùng với tôi.

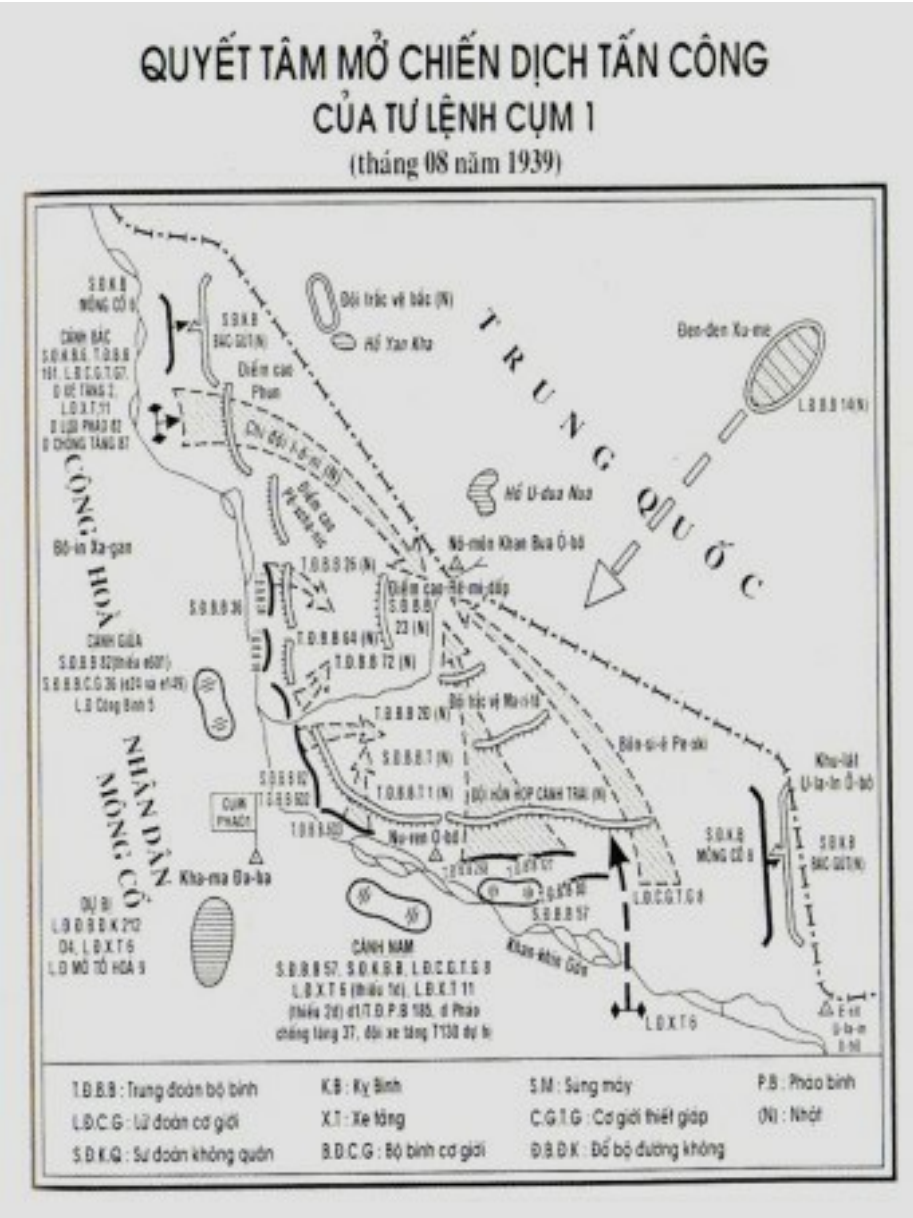
Trên đường đi, đồng chí chính ủy đã kể lại chi tiết về khả năng chiến đấu, cơ quan tham mưu, về từng đồng chí cán bộ chỉ huy và cán bộ chính trị trong quân đoàn. M.X. Ni-ki-sép đã để lại cho tôi một ấn tượng rất tốt. Đồng chí hiểu biết công việc của mình, hiểu biết mọi người, những mặt ưu điểm và khuyết điểm của họ.

Do được nghiên cứu tỉ mỉ địa hình ở khu vực đang có những sự biến, được trao đổi ý kiến với các đồng chí chỉ huy và chính ủy các đơn vị bộ đội của ta và của quân đội Mông Cổ và với cả những cán bộ tham mưu, tôi đã có thể hiểu rõ đặc điểm, quy mô những sự kiện đã xảy ra và khả năng chiến đấu của quân Nhật. Đồng thời cũng nhận ra những thiếu sót trong các hoạt động của bộ đội ta và Mông Cổ. Một trong những thiếu sót chủ yếu là không tổ chức trinh sát kỹ càng quân địch.

Tất cả đều nói lên rằng đây không phải chỉ là vụ xung đột ở biên giới, rằng quân Nhật chưa từ bỏ âm mưu xâm lược miền Viễn đông của Liên Xô và nước Cộng hòa nhân dân Mông Cổ, rằng chỉ trong thời gian rất ngắn nữa sẽ có những hành động với quy mô còn rộng lớn hơn.

Trong khi đánh giá tình huống chung, chúng tôi đã đi đến kết luận là, với những lực lượng hiện có trong biên chế của quân đoàn đặc biệt 57 đang đóng ở nước Cộng hòa nhân dân Mông Cổ, sẽ

không thể chặn được cuộc phiêu lưu quân sự của Nhật, nhất là khi chúng tổ chức hoạt động đồng thời trên cả những vùng khác và từ những hướng khác nữa. Trở về sở chỉ huy và hội ý với bộ tư lệnh quân đoàn, chúng tôi gửi báo cáo lên Ủy viên nhân dân quốc phòng. Trong báo cáo trình bày ngắn gọn kế hoạch hành động của bộ đội Xô - Mông là: bám chắc lấy căn cứ bàn đạp bên hữu ngạn sông Khan-khin Gôn, đồng thời chuẩn bị phản kích từ bên trong ra. Ngày hôm sau nhận được tin trả lời. Ủy viên nhân dân hoàn toàn đồng ý với việc đánh giá tình hình và kế hoạch hành động của chúng tôi. Ngay ngày hôm ấy chúng tôi cũng nhận được cả lệnh huyền chức quân đoàn trưởng quân đoàn đặc biệt 57 đối với N.V. Phéc-len-cô và cử tôi chỉ huy quân đoàn này.



Nhận thức rõ toàn bộ sự phức tạp của tình hình lúc đó, tôi đề nghị lên Ủy viên nhân dân quốc phòng tăng cường cho lực lượng không quân của chúng tôi và điều động tới vùng đang xảy ra chiến sự ít ra là 3 sư đoàn bộ binh, 1 lữ đoàn xe tăng và cho thêm pháo binh. Không có thể thì, theo ý kiến của tôi, không thể thu được thắng lợi. Ngày hôm sau, nhận được thông báo của Bộ Tổng tham mưu cho biết là những đề nghị của chúng tôi đã được thông qua. Đang gửi máy bay bổ sung tới, và ngoài ra, trong số các phi công có 21 đồng chí lái là Anh hùng Liên Xô do đồng chí Ya.V. Xmu-skê-vích, một anh hùng nổi tiếng, dẫn đầu. Tôi biết rất rõ Xmu-skê-vích từ hồi còn ở Quân khu Bê-lô-ru-xi. Đồng thời, chúng tôi còn nhận được cả những máy bay cải tiến - máy bay I-16 và "Chai-ca". Các phi công Anh hùng Liên Xô đã tiến hành những công tác huấn luyện giáo dục sâu rộng trong quân đoàn chúng tôi và truyền đạt kinh nghiệm chiến đấu của mình cho các phi công trẻ

mới bổ sung đến. Kết quả đã đạt được ngay trong một thời gian rất ngắn. Ngày 22-6, 95 máy bay tiêm kích của ta đã mở một trận không chiến quyết liệt với 120 máy bay Nhật trên bầu trời nước Cộng hòa nhân dân Mông Cổ. Nhiều đồng chí Anh hùng Liên Xô đã tham gia trận đánh này và đã cho bọn phi công Nhật một bài học đích đáng. Ngày 24-6, máy bay Nhật lại tới bắn phá, và lại bị đánh lui. Bị thất bại, bộ chỉ huy quân Nhật đã cho máy bay của chúng tháo lui vô cùng hỗn loạn.

Ngày 26-6, chừng 60 máy bay Nhật xuất hiện trên hồ Bu-ia Nua tại vùng Môn-gôn-rư-ba. Tại đây đã nổ ra trận không chiến gay go, ác liệt với các máy bay tiêm kích của ta. Có nhiều dấu hiệu chứng tỏ rằng lần này nhiều giặc lái Nhật có kinh nghiệm hơn tham gia, nhưng chúng vẫn không thể thu được thắng lợi. Sau này được biết là bộ chỉ huy quân Nhật đã tung vào đây những tên giỏi nhất trong hàng ngũ phi công lấy từ tất cả các đơn vị đã hoạt động ở Trung Quốc.

Tổng cộng trong những trận không chiến từ ngày 22 đến 26 tháng 6, quân địch mất 64 máy bay.

Những trận không chiến, tuy có bớt ác liệt hơn trước, nhưng vẫn tiếp tục gần như hàng ngày cho tới ngày 1-7. Trong những trận chiến đấu ấy, các phi công chúng ta được nâng cao thêm về tay lái và càng tôi luyện thêm về ý chí giành thắng lợi.

Với lòng biết ơn của một quân nhân, tôi thường nhớ đến những đồng chí phi công xuất sắc X.I. Grít-xép, G.P Gráp-chen-cô, V.M. Da-ba-lu-ép, X.P. Đê-ni-xốp, V.G Ra-khốp, V.Ph. Xcô-ba-ri-khin, L.A. Oóc-lốp, V.P. Cu-xtốp, N.X. Ghê-ra-xi-mốp và nhiều, nhiều đồng chí khác. Đội trưởng đội phi công là đồng chí Ya.V. Xmu-skê-vích, một người có tài tổ chức, rất thông thạo kỹ thuật bay chiến đấu và nắm được hoàn toàn nghệ thuật bay. Đồng chí là một con người cực kỳ khiêm tốn, một chỉ huy ưu tú và một đảng viên có nguyên tắc tính. Tất cả các phi công đều chân thành yêu mến đồng chí.

Việc không quân địch ngày một hoạt động tích cực hơn cũng không phải là ngẫu nhiên. Chúng tôi cho rằng, bọn chúng rõ ràng nhằm mục đích gây cho không quân ta những tổn thất nặng và làm bá chủ trên không để phục vụ cho chiến dịch tấn công lớn sắp tới của quân Nhật.

Thật vậy, như sau này được biết, trong suốt tháng 6, Nhật đã tập trung quân ở vùng Khan-khin Gôn và chuẩn bị mở chiến dịch lấy tên là "Thời kỳ thứ hai của biến cố Mông - Hán" nằm trong kế hoạch xâm lược bằng quân sự của chúng. Mục tiêu trước mắt của chiến dịch này của quân Nhật là:

- Hợp vây và tiêu diệt tất cả các cụm quân Liên Xô và Mông Cổ đóng tại phía đông sông Khan-khin Gôn.

- Vượt sông Khan-khin Gôn và tiến sang bờ phía tây sông đó nhằm đánh tan những lực lượng dự bị của ta.

- Đánh chiếm và mở rộng căn cứ bàn đạp phía tây sông Khan-khin Gôn để bảo đảm cho những hành động tiếp sau.

Để mở chiến dịch đó, địch điều động từ khu vực Khai-la những lực lượng dành để tác chiến trong biên chế của tập đoàn quân 6 đã triển khai xong.

Theo tính toán của bộ chỉ huy Nhật thì chiến dịch tấn công sắp tới phải hoàn thành trong nửa đầu tháng 7 để trước khi thu sang, chiến sự trong phạm vi biên giới nước Cộng hòa nhân dân Mông Cổ có thể chấm dứt được. Bộ chỉ huy Nhật chắc chắn là chúng nhất định thắng đến nỗi đã mời một số phóng viên và tùy viên quân sự nước ngoài tới vùng xảy ra chiến sự để quan sát những thắng lợi của chúng. Trong số khách mời đến, có các phóng viên và tùy viên quân sự của nước Đức Hít-le và nước Ý phát-xít.

Trước lúc tảng sáng ngày 3-7, đại tá I.M. A-phô-nin, cố vấn của Quân đội Mông Cổ, ra núi Ba-in Xa-gan kiểm tra trận địa phòng ngự của sư đoàn kỵ binh Mông Cổ 6. Hoàn toàn rất bất ngờ, đồng chí thấy ở đây đã có quân Nhật. Lợi dụng đêm tối chúng đã bí mật vượt sông Khan-khin Gôn, tấn công vào các phân đội của sư đoàn kỵ binh 6 của nước Cộng hòa nhân dân Mông Cổ. Dựa vào ưu thế lực lượng, trước lúc tảng sáng ngày 3-7, chúng đã đánh chiếm núi Ba-in Xa-gan và những đoạn địa hình tiếp giáp đó. Sư đoàn kỵ binh Mông Cổ 6 rút về phía tây bắc của núi Ba-in Xa-gan.

Nhận ra mối nguy cơ của tình thế mới, đại tá I.M. A-phô-nin liền tới ngay sở chỉ huy của đồng chí tư lệnh Quân đội Liên Xô (ít lâu sau, đến ngày 15-7, quân đoàn 57 đã triển khai thành cụm

1[2]), và báo cáo tình hình đã diễn ra tại núi Ba-in Xa-gan. Rõ ràng là ở khu vực này không đủ lực lượng để ngăn chặn được cụm quân Nhật đang mở mũi đột kích vào sườn và sau lưng của chủ lực ta.

Đứng trước tình huống đang phức tạp như vậy, tất cả những lực lượng dự bị của ta được báo động chiến đấu và nhận nhiệm vụ phải tiến quân ngay theo hướng chung đến núi Ba-in Xa-gan để tấn công quân địch. Lữ đoàn xe tăng 11 do lữ đoàn trưởng M.P. Ya-cốp-lép chỉ huy nhận lệnh đánh địch trong hành tiến. Trung đoàn bộ binh cơ giới 24 được tăng cường thêm một tiểu đoàn pháo binh do trung tá I.I. Phê-điu-nin-xki chỉ huy nhận lệnh hiệp đồng với lữ đoàn xe tăng 11 tấn công quân địch. Lữ đoàn cơ giới bọc thép 7 do đại tá A.L. Lê-xô-vưi chỉ huy được giao nhiệm vụ từ phía nam đột kích vào quân địch. Tiểu đoàn xe bọc thép của sư đoàn kỵ binh Mông Cổ 8 cũng được điều động tới đây.

Sáng sớm ngày 3-7, bộ tư lệnh Liên Xô tới vùng núi Ba-in Xa-gan. Tiểu đoàn pháo binh hạng nặng thuộc trung đoàn pháo binh 185 được lệnh phải trinh sát tới núi Ba-in Xa-gan và bắn vào quân Nhật. Đồng thời ra lệnh cho pháo binh đang bố trí ở phía sau sông Khan-khin Gôn (đang chi viện cho lữ đoàn cơ giới bọc thép 9) chuyển vào núi Ba-in Xa-gan. Tất cả máy bay của ta đã được lệnh báo động, cất cánh.

Lúc 7 giờ sáng, những tốp máy bay ném bom và tiêm kích đầu tiên của ta bay tới, bắt đầu ném bom và bắn phá núi Ba-in Xa-gan. Nhiệm vụ rất quan trọng lúc đó của chúng ta là phải dùng máy bay và pháo binh bắn phá làm tê liệt quân địch, ghìm chúng lại, trước khi lực lượng dự bị của ta tới mở trận phản kích.

Máy bay và pháo binh được lệnh tăng cường và liên tục bắn phá vào những bến vượt sông Khan-khin Gôn để làm chậm trễ quá trình vượt sông và tập trung lực lượng của địch ở vùng núi.

Khoảng 9 giờ sáng, những phân đội phải đi trước của tiểu đoàn tiền vệ thuộc lữ đoàn xe tăng 11 bắt đầu tiếp cận địch.

Tương quan lực lượng trực tiếp ở vùng Ba-in Xa-gan hình thành như sau:

Quân địch đã kịp tập trung tại núi Ba-in Xa-gan hơn 1 vạn lính bộ binh, bộ đội Liên Xô mới có khả năng tập trung hơn 1.000; quân Nhật có khoảng 100 đại bác và 60 pháo chống tăng, chúng ta mới có hơn 50 khẩu, kể cả số pháo từ bờ sông Khan-khin Gôn chi viện sang.

Tuy nhiên, trong hàng ngũ chúng ta lại có lữ đoàn xe tăng anh hùng 11 có tới 150 xe tăng, lữ đoàn cơ giới bọc thép 7 với 154 xe bọc thép và tiểu đoàn xe bọc thép Mông Cổ 8 được trang bị pháo 45 mm.

Như vậy, chủ bài của chúng ta là những binh đoàn xe tăng, xe bọc thép, và chúng tôi quyết định phải nhanh chóng lợi dụng những binh đoàn ấy để tiêu diệt trong hành tiến những đơn vị quân Nhật mới vượt sông, không cho chúng kịp ẩn nấp ở dưới đất và tổ chức phòng ngự chống tăng. Không thể trì hoãn việc tổ chức phản kích được nữa, vì, quân địch đã phát hiện ra những đơn vị xe tăng ta đang tiến gần đến, chúng đang nhanh chóng áp dụng những biện pháp phòng ngự và bắt đầu cho ném bom vào những đội hình hàng dọc xe tăng của ta. Mà bọn chúng cũng không có nơi để ẩn nấp - xung quanh hàng trăm km là địa hình trống trải, thậm chí đến một bụi cây nhỏ cũng không có.

Lúc 9 giờ 15 phút, chúng tôi gặp lữ đoàn trưởng lữ đoàn xe tăng 11 M.P. Ya-cốp-lép. Đồng chí đi với lực lượng chủ yếu của tiểu đoàn tiền vệ và đang chỉ huy tiểu đoàn tác chiến. Sau khi thảo luận tình hình, chúng tôi quyết định cho toàn bộ không quân lên hoạt động, đẩy mạnh tốc độ tiến quân của xe tăng và pháo binh, và phải tấn công quân địch trước 10 giờ 45 phút. Lúc 10 giờ 45 phút, chủ lực của lữ đoàn xe tăng 11 đã triển khai xong và tấn công trong khi hành tiến vào quân Nhật.

Tên lính Nhật Na-ca-mu-ra đã ghi những sự kiện trong ngày 3-7 vào cuốn nhật ký như sau: "Hàng mấy chục xe tăng bất ngờ tập kích vào các đơn vị ta. Hàng ngũ quân ta hỗn loạn kinh khủng, ngựa hí vang trời, chạy toản loạn lồi theo những xe kéo pháo, ô-tô chạy khắp các ngã. Trên trời, 2 máy bay ta bị bắn rơi. Toàn thể bộ đội mất tinh thần. Trong những lời thốt ra từ mồm các lính Nhật, thường nghe thấy những tiếng "kinh khủng", "đáng buồn", "mất tinh thần", "thật khủng khiếp"...".

Chiến đấu tiếp diễn cả ngày và đêm mùng 4-7. Đến 3 giờ sáng ngày 5-7, sức chống cự của quân địch hoàn toàn bị bẻ gãy, chúng vội vã rút về bến vượt. Nhưng bến vượt đã bị công binh của

bọn chúng phá hủy vì sợ xe tăng ta đột phá vào. Bọn sĩ quan Nhật mang cả trang bị nhảy xuống nước tự tử, chìm ngấm ngay trước mắt các chiến sĩ xe tăng của ta.

Số tàn quân Nhật chiếm lĩnh ngọn núi Ba-in Xa-gan bị hoàn toàn tiêu diệt tại sườn núi phía đông, ở chỗ nước cạn của sông Khan-khin Gôn. Hàng ngàn xác chết, hàng đồng thây ngựa, vô số pháo các loại, súng cối, súng máy và ô-tô bị hư hỏng và phá hủy nằm ngổn ngang trên núi Ba-in Xa-gan. Có 45 máy bay Nhật, trong đó có 20 chiếc máy bay bổ nhào, bị bắn rơi trong những trận không chiến những ngày hôm ấy.

Tướng Ca-ma-su-ba-ra, tư lệnh tập đoàn quân 6 của Nhật (trước đây đã từng làm tùy viên quân sự ở Liên Xô), thấy cảnh tượng tiến triển như vậy nên ngay đêm rạng ngày 4-7 đã cùng với nhóm sĩ quan tác chiến của hắn rút lui về bên kia sông. Chuẩn úy Ô-ta-ni, làm việc trong cơ quan tham mưu của hắn đã mô tả cảnh ngài tư lệnh quân Nhật cùng các sĩ quan tùy tùng rời khỏi chiến trường trong cuốn nhật ký như sau:

“Xe của tướng Ca-ma-su-ba-ra lặng lẽ và thận trọng chuyển bánh. Trăng chiếu trên cánh đồng, sáng như ban ngày. Đêm im lặng và căng thẳng giống hệt như tâm trạng chúng tôi. Vùng Khan-khu[3] rực rỡ ánh trăng, ánh lên những ngọn lửa của bom chiếu sáng do đối phương ném xuống. Cảnh tượng thật là khủng khiếp. Cuối cùng, chúng tôi cũng tìm ra cầu và bình an vượt sang sông trở về. Nghe nói, các đơn vị quân ta đang bị nhiều xe tăng đối phương bao vây và đang đứng trước nguy cơ bị tiêu diệt hoàn toàn. Phải đề phòng”.

Sáng ngày 5-7, trên núi Ba-in Xa-gan và bên bờ phía tây sông Khan-khin Gôn đã im tiếng súng. Trận đánh kết thúc bằng việc tiêu diệt lực lượng chủ yếu của quân Nhật. Đây là một chiến dịch phòng ngự tích cực cổ điển của Hồng quân. Sau chiến dịch, quân Nhật không còn dám liều lĩnh vượt sông sang bờ phía tây sông Khan-khin Gôn nữa.

Trong khi ấy bên bờ phía đông sông Khan-khin Gôn vẫn tiếp tục những trận đánh ác liệt như trước. Quân địch tuy bị đánh tan tại núi Ba-in Xa-gan, nhưng vẫn cố rút tàn quân sang bờ phía đông hòng chi viện cho cụm ở Ya-xu-ô-ca của chúng đang bị kiềm chế, cụm này đã tổn thất nặng mà không đạt được thắng lợi.

Việc tiêu diệt một lực lượng lớn quân Nhật tại núi Ba-in Xa-gan và giữ vững phòng ngự trên bờ phía đông sông Khan-khin Gôn là nguồn cổ vũ tinh thần đối với bộ đội ta và các đơn vị Mông Cổ. Chiến sĩ, sĩ quan và các đồng chí chỉ huy các đơn vị bạn và những người bạn chiến đấu của mình đã thu được thắng lợi.

(từ ngày 20 đến ngày 31 tháng 08 năm 1939)



Vai trò chủ yếu trong trận đánh tại núi Ba-in Xagan thuộc về lữ đoàn xe tăng 11, lữ đoàn cơ giới bọc thép 7, tiểu đoàn xe bọc thép Mông Cổ 8 và những đơn vị pháo binh, không quân cùng tham gia hiệp đồng. Kinh nghiệm chiến đấu ở vùng Ba-in Xagan chỉ ra rằng, biết sử dụng khôn khéo bộ đội xe tăng và cơ giới hiệp đồng ăn ý với không quân và pháo binh cơ động có nghĩa là chúng ta đã có trong tay phương tiện quyết định để tổ chức những chiến dịch tấn công nhanh với những mục tiêu kiên quyết.

Lúc này, đối phương chỉ còn hạn chế trong những hành động trinh sát chiến đấu mà thôi. Tuy nhiên, ngày 12-8, một trung đoàn bộ binh Nhật được tăng cường pháo binh, xe bọc thép và một bộ phận xe tăng, có 22 máy bay ném bom chi viện, đã tấn công vào trung đoàn kỵ binh Mông Cổ 22 và đã chiếm lĩnh điểm cao Bôn-si-ê Pê-xki tại đoạn phía nam mặt trận. Quân địch tích cực xây dựng phòng ngự trên toàn bộ chính diện: chở các vật liệu bằng gỗ tơi, đào đất, xây đắp hầm hào, tăng cường công trình phòng ngự. Không quân của chúng bị tổn thất nặng (trong thời gian từ 23-7 đến 4-8 đã bị bắn rơi 115 máy bay) chỉ hạn chế hoạt động trong những vụ bay do thám và những vụ ném bom bắn phá nhỏ vào bên vượt chính giữa, các trận địa pháo binh và những đội dự bị.

Bộ tư lệnh quân đội Xô - Mông đang chuẩn bị kỹ lưỡng việc tổ chức một chiến dịch tổng tấn công trước ngày 20-8 nhằm tiêu diệt hoàn toàn quân địch đã xâm nhập vào biên cương nước Cộng hòa nhân dân Mông Cổ.

Để tổ chức chiến dịch đó, theo đề nghị của Hội đồng quân sự, cần điều động gấp từ Liên Xô đến cho cụm 1 những lực lượng, phương tiện mới, và cả những dự trữ vật chất, kỹ thuật, 2 sư đoàn bộ binh, 1 lữ đoàn xe tăng, 2 trung đoàn pháo binh và những đơn vị khác được bổ sung đến.

Tăng cường cả máy bay ném bom và máy bay tiêm kích.
Để tiến hành chiến dịch rất phức tạp sắp tới, chúng ta phải chuyển vận qua những con đường đất từ trạm cung cấp đến sông Khan-khin Gôn trên một chặng đường dài 650 km những thứ sau đây:

- Đạn pháo: 18.000 tấn.
- Đạn cho không quân: 6.000 tấn
- Các loại chất đốt, xăng, dầu mỡ: 15.000 tấn
- Lương thực các loại: 4.000 tấn
- Nhiên liệu: 7.500 tấn
- Những vật dụng khác: 4.000 tấn

Để chuyển vận tất cả những thứ hàng trên đến trước lúc bắt đầu chiến dịch, yêu cầu phải có 3.500 xe chở hàng, và 1.400 xe chở dầu, mà lúc bấy giờ ở đây chỉ có 1.724 xe chở hàng và 912 xe chở dầu. Sau ngày 14-8, được bổ sung thêm 1.250 xe chở hàng và 375 xe chở dầu từ Liên Xô tới. Thế là còn thiếu mất 726 xe chở hàng và 113 xe chở xăng.

Việc vận chuyển chủ yếu dựa vào các phương tiện ô-tô vận tải của bộ đội và các loại xe có trong biên chế kể cả những xe kéo pháo. Chúng tôi quyết định phải áp dụng biện pháp hãn hữu này, vì một là, chúng tôi không còn đường giải quyết nào khác, và hai là, chúng tôi cho rằng phòng ngự của bộ đội ta đã vững.

Những dũng sĩ lái xe đã đảm đương trong thực tế những việc tưởng chừng không thể làm nổi. Trong điều kiện nóng nực như thiêu đất và gió hanh làm hao mòn sức lực con người, công tác vận chuyển kéo dài trong 5 ngày trên một chặng đường đi - về 1.200 - 1.300 km.

Quân khu Da-bai-can đã giúp đỡ chúng tôi rất nhiều trong việc xây dựng hậu phương và tổ chức vận chuyển. Không có sự giúp đỡ ấy chắc là chúng tôi không thể làm tròn nhiệm vụ xây dựng trong một thời gian rất ngắn những dự trữ vật chất, kỹ thuật cần cho chiến dịch.

Chúng tôi cho rằng, nhân tố quyết định thắng lợi trong chiến dịch sắp tới là sự bất ngờ về chiến dịch và chiến thuật, nó sẽ đặt địch vào một tình thế không thể đối phó lại đòn đột kích quyết liệt của chúng ta và không thể tổ chức được cuộc kháng cự. Chúng tôi đặc biệt có tính toán là bọn Nhật không có những binh đoàn xe tăng và cơ giới tốt nên không thể nhanh chóng điều động những đơn vị của những khu vực thứ yếu và trong tung thâm ra chống lại những tập đoàn đột kích của ta hoạt động ở hai bên sườn phòng ngự của địch nhằm hợp vây tập đoàn quân 6 của chúng.

Để đánh lừa địch và giữ gìn tuyệt mật những biện pháp của ta, Hội đồng quân sự trong khi xây dựng kế hoạch chiến dịch đã đồng thời vạch ra kế hoạch đánh lừa địch về mặt chiến dịch và chiến thuật bao gồm những nội dung sau đây:

- Bí mật tiến hành điều động và tập kết quân tăng cường từ Liên Xô đến.
- Bí mật điều chỉnh lực lượng và phương tiện đang phòng ngự bên kia sông Khan-khin Gôn.
- Tiến hành trinh sát thực địa những khu vực, những đoạn xuất phát và hướng tác chiến của bộ đội.
- Đặc biệt bí mật soạn thảo nhiệm vụ của mọi binh chủng tham gia trong chiến dịch.
- Dùng mọi binh chủng, quân chủng bí mật tiến hành trinh sát bổ sung.
- Hoang báo và đánh lừa địch làm chúng lầm lẫn ý định của ta.

Chúng tôi đã dùng những biện pháp trên nhằm gây cho địch có ấn tượng phía ta không có dấu hiệu gì tỏ ra đang chuẩn bị tấn công, mà chỉ thấy ta đang triển khai rộng rãi việc cấu trúc phòng ngự, và chỉ có phòng ngự mà thôi. Vì vậy đã quyết định mọi việc chuyển quân, tập trung quân và điều chỉnh bộ đội chỉ tiến hành vào ban đêm là lúc hoạt động của máy bay trinh sát và đài quan sát mặt đất của địch bị hạn chế đến mức tối đa.

Kiên quyết cấm điều bộ đội trước ngày 17 - 18 tháng 8 ra khu vực dự định sẽ từ đó đột kích vào sườn và phía sau lực lượng bố trí của địch. Các cán bộ chỉ huy tiến hành trinh sát thực địa phải mặc binh phục chiến sĩ Hồng quân và nhất thiết phải đi bằng xe tải.

Chúng tôi nắm được quân địch đang tiến hành do thám bằng vô tuyến điện và rình nghe những câu chuyện nói bằng điện thoại, nên đã vạch ra một chương trình hoang báo trên hệ thống liên lạc vô tuyến và hữu tuyến. Các cuộc đàm thoại chỉ nói về việc xây dựng phòng ngự và chuẩn bị phòng ngự cho chiến cục thu đông thôi. Việc lừa địch bằng vô tuyến điện chủ yếu dựa vào những bộ mã dễ địch.

Cho phát thanh hàng ngàn truyền đơn và một số cuốn sách hướng dẫn chiến sĩ trong phòng ngự. Để những truyền đơn và sách đó lọt vào tay địch là nhằm cho chúng biết việc chuẩn bị về mặt chính trị của bộ đội Xô - Mông đang đi theo phương hướng nào.

Việc tập trung bộ đội của những cụm đột kích hai bên sườn và động tác tiến ra những khu vực xuất phát tấn công được quy định tiến hành trong đêm 19 rạng ngày 20 tháng 8. Rạng sáng, tất cả phải che dấu trong các lùm cây dọc theo sông, trong các công sự đã được chuẩn bị riêng. Dùng những mạng lưới nguy trang làm bằng vật liệu kiếm được ở địa phương để giấu kín pháo, súng cối, xe kéo và những khí tài khác. Các đơn vị xe tăng sẽ thành từng tổ nhỏ từ nhiều hướng tiến ra khu vực xuất phát ngay trước lúc pháo binh và không quân bắn chuẩn bị. Tốc độ của xe tăng cho phép làm như vậy.

Mọi việc chuyển quân ban đêm được nguy trang bằng những tiếng động gây nên bởi động cơ máy bay đang bay, pháo, súng cối, súng máy, súng trường bắn ra do các đơn vị tiến hành chặt chẽ theo một kế hoạch ăn khớp với việc chuyển quân.

Để nguy trang việc chuyển quân, chúng tôi đã sử dụng những máy phát ra những tiếng động giống hệt như tiếng bánh xe lăn, tiếng máy bay, tiếng xe tăng chạy, v.v... Chừng 12 - 15 ngày trước lúc bắt đầu chuyển quân của các cụm đột kích, chúng tôi đã tập cho địch nghe quen những tiếng động ấy. Thời gian đầu, quân Nhật nhận lầm, cho là bộ đội chuyển quân thật và cho bắn phá vào những vùng chúng nghe thấy những tiếng động ấy. Sau này, hoặc là chúng đã quen, hoặc chúng nhận thấy chẳng đáng quan ngại gì nên thường không chú ý tới những tiếng động ấy nữa, cái đó rất có lợi cho chúng tôi trong thời gian chuyển quân và tập trung thật.

Các đồng chí tư lệnh, ủy viên Hội đồng quân sự, chủ nhiệm chính trị, tham mưu trưởng và trưởng phòng tác chiến chịu trách nhiệm trực tiếp vạch ra kế hoạch tổng tấn công trong cơ quan tham mưu để những tin tức về chiến dịch tấn công không lọt sang bên quân địch. Các đồng chí tư lệnh và chủ nhiệm các binh chủng, đồng chí chủ nhiệm hậu cần chỉ nghiên cứu những vấn đề trên theo kế hoạch đã được tư lệnh phê chuẩn. Đánh máy kế hoạch chiến dịch, mệnh lệnh, chỉ lệnh chiến đấu và các văn kiện tác chiến khác giao riêng cho một nữ thư ký đánh máy phụ trách.

Gần đến ngày mở chiến dịch, cán bộ chỉ huy các cấp lần lượt được giới thiệu kế hoạch chiến dịch. Bắt đầu giới thiệu trước 4 ngày, và kết thúc trước khi mở màn tác chiến một ngày đêm. Các chiến sĩ và hạ sĩ quan nhận nhiệm vụ chiến đấu trước lúc tấn công 3 tiếng đồng hồ.

Những sự kiện sau này và toàn bộ quá trình chiến dịch tấn công của chúng ta chỉ ra rằng, những biện pháp đặc biệt nhằm hoang báo và nghi binh lừa địch cùng những biện pháp khác nhằm chuẩn bị một chiến dịch bất ngờ và giữ một vai trò tối quan trọng, và quân địch thực sự đã bị bất ngờ.

Việc tổ chức trinh sát kỹ lưỡng quân địch đã được đặc biệt chú ý trong lúc chuẩn bị chiến dịch tháng 8. Nhiều cán bộ chỉ huy, tham mưu và các cơ quan trinh sát lúc bắt đầu tác chiến tỏ ra còn thiếu kinh nghiệm. Các đồng chí giao cho trinh sát rất nhiều nhiệm vụ mà thường là những nhiệm vụ không thực hiện nổi và không có ý nghĩa quan trọng lắm. Kết quả là những cố gắng của các cơ quan trinh sát bị phân tán, ảnh hưởng đến những mục tiêu trinh sát chủ yếu.

Thường thường chính các trinh sát viên đã làm cho bộ chỉ huy đi tới những kết luận sơ bộ lầm lẫn, vì chỉ dựa vào một số những dấu hiệu và xét đoán nào đó thôi.

Tất nhiên, trong lịch sử những trận đánh và những chiến dịch cũng có những trường hợp có những kết luận sơ bộ tương tự mà vẫn chính xác, nhưng chúng ta không thể xây dựng một chiến dịch quan trọng lại dựa vào những tin tức còn đang nghi ngại. Trong chiến dịch hợp vây và tiêu diệt tập đoàn quân của địch sắp tới, điều chính mà chúng ta cần nắm chắc là vị trí bố trí chính xác và quân số của địch.

Việc khai thác tin tức địch càng gặp khó khăn thêm vì đây là vùng không có nhân dân sinh sống. Dựa được vào dân, ta có thể tìm ra tin tức. Hàng binh Nhật cũng không có. Còn những người Bắc-gút[4] chạy sang hàng ngũ ta thường lại không biết gì về vị trí và quân số của các đơn vị, binh đoàn quân Nhật. Chúng tôi, nhận được những tin tức tất nhất là do trinh sát chiến đấu. Tuy nhiên, những tin tức ấy mới chỉ là những tin về ngoài tiền duyên và những trận địa gần nhất của pháo binh và súng cối địch.

Máy bay trinh sát của ta cung cấp được nhiều bức ảnh tốt chụp được phòng ngự bên trong của địch, nhưng cũng phải chú ý là địch thường áp dụng rộng rãi những mô hình và hoạt động nghi

binh, nên chúng ta phải rất thận trọng khi kết luận và phải kiểm tra đi lại nhiều lượt để xác định đâu thật, đâu giả.

Những toán trinh sát nhỏ của ta ít khi lọt được vào bên trong phòng ngự của địch, vì quân Nhật kiểm soát địa hình khu vực đóng quân của chúng khá chặt.

Tuy vậy, dầu có những hoàn cảnh không thuận lợi ấy, chúng ta vẫn tổ chức được trinh sát và thu được nhiều tin có giá trị.

Trinh sát của trung đoàn cơ giới 149 hoạt động giỏi; thiếu tá I.M. Rê-mi-đốp, trung đoàn trưởng, Anh hùng Liên Xô, đã trực tiếp đứng ra tổ chức việc trinh sát của trung đoàn. Đồng chí là người hiểu biết toàn diện đặc điểm của công tác trinh sát. Tôi đã trông thấy thiếu tá I.M. Rê-mi-đốp ngoài bãi huấn luyện. Đồng chí trình bày làm mẫu cho các trinh sát viên cách mai phục bắt tù binh thế nào cho tốt, và bằng cách nào lọt qua lưới canh gác của địch trong đêm tối.

Thiếu tá là một người sành sỏi về cách phân biệt những tin tức trinh sát không đúng sự thật. Các chiến sĩ trinh sát rất vui lòng thấy người trung đoàn trưởng mà mình hằng yêu mến và kính trọng lại đích thân đứng ra huấn luyện cho họ.

Chúng tôi cho rằng chỗ yếu trong cụm quân Nhật là hai bên sườn phòng ngự và chúng không có những đội dự bị cơ động. Còn nói về địa hình thì chỗ nào cũng đều khó khăn cho bộ đội tấn công.

Căn cứ vào những nhiệm vụ cụ thể, đã vạch ra cả kế hoạch công tác Đảng và công tác chính trị bảo đảm cho chiến dịch. Kế hoạch gồm hai giai đoạn: giai đoạn chuẩn bị và giai đoạn thực hành.

Trong giai đoạn chuẩn bị, chủ yếu là đề ra công tác bảo đảm thực hiện những biện pháp của Hội đồng quân sự nhằm tập trung lực lượng và phương tiện cho chiến dịch, làm việc với các đơn vị mới điều trong nước ra, truyền thụ kinh nghiệm chiến đấu cho họ. Để hoàn thành nhiệm vụ rất quan trọng đó, đòi hỏi tất cả các đảng viên cộng sản, các cán bộ chính trị và các cán bộ chỉ huy phải hoạt động tích cực trực tiếp trong các tiểu đội, trung đội và đại đội. Phải chú ý đến nhiều các cơ quan hậu cần, vì việc bảo đảm vật chất - kỹ thuật kịp thời cho chiến dịch phụ thuộc phần lớn vào những cơ quan đó.

Bộ đội Liên xô nhận thức rằng, nghĩa vụ quốc tế vô sản của chúng ta là không bỏ nhân dân Mông Cổ anh em trong những giờ thử thách nặng nề.

Báo "Hồng quân anh hùng" đã tích cực mở rộng công tác chính trị. Số nào cũng phổ biến gương chiến đấu của chiến sĩ, cán bộ, các đơn vị và truyền thống chiến đấu của Hồng quân. Công tác tích cực với báo này có các nhà văn V. Xtáp-xki, K. Xi-mô-nốp, L. Xla-vin, B. La-pin, D. Kha-xrê-vin, V. Vi-snép-xki, E. Pê-tơ-rốp và những phóng viên nhiếp ảnh đã từng đi khắp mọi nơi - M. Béc-stanh và V. Tê-min. Tôi muốn đặc biệt nói về Vla-đi-mia Xtáp-xki. Đồng chí là nhà văn, một cán bộ tuyên huấn xuất sắc, đã cùng ăn ở và sinh hoạt chung với các chiến sĩ. Tôi cho rằng đồng chí đúng là một phóng viên mặt trận ưu tú. Rất tiếc là nhà văn phóng viên mặt trận chân chính ấy đã hy sinh, hy sinh như một chiến sĩ trong những trận đánh ở gần Mát-xcơ-va năm 1941.

Chủ bút báo là D. Ốc-ten-béc, một cán bộ có khả năng và tháo vát. Đồng chí biết đoàn kết tập thể các cộng tác viên của tờ báo, lôi cuốn được nhiều chiến sĩ, cán bộ chỉ huy, cán bộ công tác Đảng và công tác chính trị tích cực tham gia viết báo.

Lúc bắt đầu chiến dịch, ban biên tập báo chủ yếu phải cho in và phát hành thật nhanh chóng những truyền đơn để phổ biến cho các chiến sĩ và cán bộ.

Ngày 20-8-1939, bộ đội Liên Xô và Mông Cổ mở chiến dịch tổng tấn công nhằm hợp vây và tiêu diệt quân Nhật.

Hôm ấy vào ngày chủ nhật, tiết trời ấm áp, thanh bình. Bộ chỉ huy quân Nhật, tin là bộ đội Xô - Mông chưa nghĩ đến tấn công và cũng chưa chuẩn bị cho tấn công, đã cho phép các tướng lĩnh và sĩ quan cao cấp nghỉ ngày chủ nhật. Nhiều tên hôm ấy đi rất xa: có tên đi Khai-la, Gan-dua, có tên đi Gin-gin-xu-mê. Chúng tôi đã tính đến tình hình không kém phần quan trọng đó và hạ quyết tâm mở chiến dịch đúng vào ngày chủ nhật.

Lúc 5 giờ 45 phút, pháo binh ta bắn mạnh và bất ngờ vào pháo cao xạ và súng máy cao xạ của địch. Có những khẩu pháo được tách riêng ra để bắn đạn khói vào các mục tiêu cho máy bay ném bom ta tới oanh tạc.

Ở vùng sông Khan-khin Gôn, tiếng động cơ máy bay đang bay tới ngày một mạnh thêm. 150

máy bay ném bom và chừng 100 máy bay tiêm kích đã cất cánh. Cuộc bắn phá của không quân rất mạnh, nâng cao thêm khí thế của chiến sĩ và cán bộ ta.

Lúc 8 giờ 15 phút, pháo binh, súng cối tất cả các cỡ bắt đầu nhả đạn vào những mục tiêu quân địch, bắn tới mức tối đa của khả năng kỹ thuật.

Lúc 8 giờ 30 phút, máy bay ta lại tới. Qua tất cả đường điện thoại và vô tuyến, truyền đi bằng mật mã mệnh lệnh: 15 phút nữa bắt đầu tổng tấn công.

Đúng 8 giờ 45 phút, khi máy bay ta công kích quân địch, ném bom vào pháo binh của chúng, thì những pháo hiệu đỏ bắn lên lệnh cho bộ đội bắt đầu vận động ra tấn công. Các đơn vị tấn công được pháo binh bắn yểm hộ đã vọt nhanh về phía trước.

Máy bay và pháo binh ta bắn phá mãnh liệt và rất có kết quả, chế áp được cả tinh thần, lực lượng của địch và trong suốt một tiếng rưỡi đồng hồ đầu, pháo của chúng không bắn trả được.

Những đài quan sát, thông tin hên lạc và các trận địa hỏa lực của pháo binh Nhật bị phá vỡ.

Đợt tấn công diễn ra rất khớp với kế hoạch chiến dịch và các kế hoạch của trận đánh, chỉ riêng có lữ đoàn xe tăng 6 vì chưa vượt được hết sông Khan-khin Gôn nên chỉ có một bộ phận lực lượng tham gia chiến đấu ngày 20-8. Đến cuối ngày hôm ấy, lữ đoàn hoàn thành vượt sông và tập trung quân.

Ngày 21 và 22 tháng 8 xảy ra những trận đánh rất ngoan cường, nhất là ở vùng Bôn-si-ê Pe-xki, nơi quân địch chống cự lại mạnh hơn ta dự kiến. Để sửa chữa khuyết điểm ấy phải đưa lữ đoàn xe bọc thép 9 lấy trong đội dự bị vào chiến đấu và tăng cường thêm pháo binh.

Sau khi đánh tan các cụm quân địch đóng ở hai bên sườn, chiều ngày 26-8, các đơn vị xe tăng bọc thép và cơ giới đã hợp vây xong toàn bộ tập đoàn quân 6 của Nhật, và từ sau ngày hôm ấy bắt đầu cắt địch ra từng bộ phận và tiêu diệt chúng.

Chiến đấu gặp nhiều khó khăn vì có những bãi cát bùn nhùng, những thung lũng sâu và những đồi cát. Các đơn vị quân Nhật chiến đấu đến tận lính cuối cùng. Song dần dà binh lính chúng cũng nhận rõ thấy việc tuyên truyền lừa bịp về sự bất khả chiến thắng của quân đội Nhật hoàng, bởi vì quân đội chúng đã bị thiệt hại rất nặng, và trong 4 tháng chiến tranh không thắng được một trận nào.

Xem những dòng chữ ghi chép lại của binh lính và sĩ quan Nhật nói lên cảm tưởng của bọn chúng trong thời gian ấy cũng cảm thấy thú vị.

Ví như cuốn nhật ký của Pha-cư-ta:

“20-8-1939.

Từ sáng, tiết trời êm đẹp. Có tới 50 chiếc máy bay tiêm kích và ném bom của đối phương bay thành từng tốp xuất hiện trên bầu trời. Lúc 6 giờ 30 phút, pháo binh đối phương bắt đầu bắn phá với toàn bộ sức mạnh hỏa lực. Đạn pháo gầm rít trên đầu. Hàng loạt đạn rơi gần chỗ chúng tôi. Thật là khủng khiếp. Đội quan sát dùng tất cả mọi cách để phát hiện ra pháo binh đối phương nhưng không có kết quả, vì những máy bay ném bom giội bom xuống, còn máy bay tiêm kích thì bắn quét vào bộ đội ta. Đối phương thắng lợi trên khắp mặt trận.

7 giờ 45 phút.

Thật khủng khiếp. Những tiếng rền và nổ gọi lên cảnh địa ngục. Tình huống rất là gay go nặng nề. Tình cảnh tồi tệ, chúng tôi bị vây rồi. Nếu đêm mà trời tối thì cứ phải nằm giữ đội hình trong các hào giao thông. Binh lính chán nản. Tình hình chúng tôi kém sút, rối ren, phức tạp 8 giờ 30 phút.

Pháo binh đối phương vẫn không ngừng bắn phá vào các đơn vị chúng tôi. Chui vào đâu cũng không có lối thoát, đạn nổ khắp nơi. Lối thoát của chúng tôi chỉ ở Bơ-đi-xát-va[5].

14 giờ 40 phút.

Trận đánh diễn ra ác liệt. Bao nhiêu người bị giết và bị thương, chúng tôi không biết... Bắn phá vẫn không ngớt.

21 tháng Tám.

Nhiều máy bay của không quân Xô - Mông oanh tạc các trận địa chúng tôi, pháo binh cũng làm chúng tôi suốt ngày lo lắng. Sau các trận ném bom và pháo bắn, bộ binh đối phương leo lên xung phong. Số bị giết ngày một tăng. Đêm tối, máy bay địch ném bom vào các đơn vị hậu cần.

22 tháng Tám - 9 giờ 30 phút.

Bộ binh đối phương bắt đầu xung phong, súng máy của họ bắn rất mạnh. Chúng tôi bị nguy ngập hẳn rồi, sợ quá. Khí sắc mọi người xấu hẳn. Khi tất cả các sĩ quan bị chết, tôi được cử làm

đại đội trưởng. Việc này làm tôi lo lắng quá đỗi và suốt đêm không ngủ được.” Cuộc đời và cuốn nhật ký của Pha-cư-ta đến đây cũng chấm dứt.

Trong quân đội Nhật hồi đó có chú ý đặc biệt đến việc nhồi sọ tư tưởng cho bọn binh lính được phái đi đánh nhau với Hồng quân Bọn chúng mô tả quân đội ta là quân đội còn lạc hậu về mặt kỹ thuật, chiến đấu giống như quân đội Sa hoàng ngày xưa trong thời đại chiến tranh Nga - Nhật năm 1904 - 1905. Vì vậy, những điều binh lính Nhật đã trông thấy trong các trận đánh tại sông Khan-khin Gôn khi xe tăng, pháo binh, không quân và bộ binh ta hiệp đồng chặt chẽ tiến hành tấn công, đã làm chúng bị hoàn toàn bất ngờ.

Binh lính Nhật bị mê hoặc rằng, nếu bị bắt làm tù binh thì thế nào chúng cũng bị xử bắn, và trước hết sẽ bị hành hạ, tra tấn đến sống dở chết dở. Phải nói là, kiểu tác động tinh thần quân Nhật trong thời kỳ đó cũng đã đạt được mục đích nhất định.

Song, lối tuyên truyền, tác động ấy đã bị thực tế làm cho sụp đổ. Tôi còn nhớ, sáng một ngày tháng 8, người của ta dẫn đến chỗ tôi ở đài quan sát một tù binh Nhật, mặt mũi bị muỗi đốt sần sùi. Tên này bị các trinh sát viên của trung đoàn I.I. Phê-điu-nin-xki bắt được trong bãi cỏ.

Tôi hỏi ai đã làm tội tình hằn như vậy, và hằn bị hãm ở đâu mà đến nỗi thế. Hằn trả lời là từ chiều hôm qua cấp trên bắt hằn cùng với những binh sĩ khác bí mật mai phục ngoài bãi cỏ để quan sát những hành động của quân Nga, nhưng lại không cấp cho bọn chúng màn chống muỗi. Đại đội trưởng của hằn ra lệnh không được động đây để đối phương không phát hiện ra. Đêm đến, muỗi bay ra tập kích bọn chúng, nhưng chúng vẫn phải nhẫn nhục chịu muỗi đốt và ngồi cho đến sáng, không được động đây để khỏi lộ.

- Đến khi người Nga kêu lên tiếng gì đó và giơ súng lên - tên tù binh thuật lại - tôi bèn giơ hai tay lên, vì không thể chịu cảnh khổ nhục này hơn nữa.

Chúng tôi cần lấy tin quân Nhật ở khu vực bắt được tên tù binh ấy. Muốn cho hằn cung khai, tôi lệnh rót cho hằn nửa cốc rượu vốt-ca. Tôi ngạc nhiên xiết bao, thấy hằn nhìn đến cốc rượu, nói rằng:

- Xin ngài hợp cho một ngụm, tôi sợ bị đầu độc. Cha tôi có mình tôi là người con trai độc nhất, ông ta lại có cả một cửa hàng bách hóa, nên tôi là người độc nhất được thừa kế gia sản của ông ta.

Đồng chí phiên dịch của ta nhận xét là theo cẩm nang cấp trên trao cho các binh sĩ Nhật, thì binh sĩ Nhật phải chết một cách can đảm, miệng hô “Ban-dai[6]”. Tên tù binh khẽ cười đáp :

- Cha tôi dặn là tôi phải cố sống mà trở về nhà.

Ngày 30-8-1939, chúng ta đã tiêu diệt hoàn toàn tập đoàn quân 6 Nhật xâm nhập vào biên giới nước Cộng hòa nhân dân Mông Cổ. Đồng chí Kh. Chôi-ban-xan lúc đi thăm các đơn vị bộ đội ta đã chân thành cảm ơn các chiến sĩ, những người Xô-viết đã lấy máu mình để chứng minh lòng trung thành với nghĩa vụ quốc tế. Đòn đánh trả quyết liệt của bộ đội Xô - Mông, trận tiêu diệt chưa từng thấy những lực lượng tinh nhuệ của cả một tập đoàn quân Nhật đã buộc các giới cầm quyền Nhật lúc đó phải xem xét lại những quan điểm của chúng về sự hùng cường và khả năng chiến đấu của các lực lượng vũ trang Liên Xô, nhất là tinh thần kiên cường của các chiến sĩ Xô-viết.

Ủy viên nhân dân quốc phòng K.E. Vô-rô-si-lốp viết trong nhật lệnh ngày 7-11-1939: “Về vang thay các chiến sĩ và cán bộ đã tham gia chiến đấu trong khu vực sông Khan-khin Gôn. Tinh thần dũng cảm và anh hùng, quyết tâm hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ chiến đấu của các đồng chí tham gia chiến đấu ở khu vực sông Khan-khin Gôn rất xứng đáng được hoan nghênh”. Đảng Cộng sản và đội ngũ đảng viên ở tiền tuyến (tổ chức Đảng của tập đoàn quân) là linh hồn của những hành động anh hùng của các chiến sĩ chúng ta. Các đảng viên cộng sản đã nêu những tấm gương dũng cảm, cổ vũ các chiến sĩ xông lên lập chiến công.

Tôi muốn nói đến những cán bộ chỉ huy và cán bộ chính trị, bằng sức mạnh của tổ chức mình, bằng công tác chính trị và công tác Đảng, bằng cách chỉ huy khôn khéo, đã đẩy mạnh tốc độ tiêu diệt quân Nhật, làm rạn vỡ Hồng quân Liên Xô.

Tôi thành tâm nhớ đến đồng chí chính ủy sư đoàn M.X. Ni-ki-sép. Là một cán bộ lãnh đạo sáng suốt, một đảng viên có nguyên tắc tính rất cao, đồng chí đã khéo léo làm công tác Hội đồng quân sự khiến cho trong bất kỳ tình huống phức tạp và căng thẳng nào cũng không hề nảy sinh những hoài nghi và bất hòa trong hàng ngũ chúng tôi. Và tất cả chúng tôi, những người đã

tham gia chiến đấu tại Khan-khin Gôn, đau buồn sâu sắc khi được tin đồng chí hy sinh trong thời kỳ đầu cuộc Chiến tranh giữ nước vĩ đại ở U-crai-na, ở đây đồng chí giữ chức ủy viên Hội đồng quân sự của tập đoàn quân 5 thuộc Phương diện quân Tây-nam.

Không thể quên những chiến công anh hùng của các phi công Xa.V. Xmu-skê-vích, X.I. Grít-xê-vét, V.M. Da-ba-lu-ép, G.P. Tráp-chen-cô, V.M. Xcô-ba-ri-khin, V.G. Ra-khốp và những đồng chí khác đã nêu những điển hình về lòng dũng cảm và trí can trường.

Một hôm trong khi truy kích tốp máy bay Nhật, đồng chí lái máy bay tiêm kích X.I. Grít-xê-vét, hai lần Anh hùng Liên Xô, phát hiện thấy trong đội thiếu máy bay của đồng chí Anh hùng Liên Xô V.M. Da-ba-lu-ép, người chỉ huy của mình. Sau khi bắn một loạt đạn vào máy bay quân địch đang rút chạy, đồng chí ngừng đuổi đánh chúng và bắt đầu tìm kiếm chiếc máy bay bị mất tích. Đồng chí lượn vòng quanh khu vực mới công kích và nhận ra chiếc máy bay đó trên bãi cỏ thuộc vùng đất đai quân Nhật.

Lúc bay là xuống thấp, X.I. Grít-xê-vét trông thấy V.M Da-ba-lu-ép bên cạnh chiếc máy bay. Có lẽ , xảy ra tai nạn nào đây. Làm thế nào bây giờ? Mặc dù hạ cánh xuống vùng sau lưng địch là một việc tối nguy hiểm, X.I. Grít-xê-vét vẫn không ngần ngại hạ quyết tâm: dầu thế nào cũng phải cứu bằng được đồng chí chỉ huy của mình. Gương “cảm tử cứu bạn” đó chúng ta đã có từ thời Xu-vô-rốp.

Người phi công gan dạ và rất bình tĩnh đó đã khéo đổ máy bay xuống một bãi đầy hố bom. Anh lái máy bay tới ngay chỗ V.M. Da-ba-lu-ép và đỡ đồng chí ấy vào trong buồng lái chiếc máy bay chỉ có một chỗ ngồi của mình. Xong, anh cho máy bay quành lại ngược gió và cất cánh bay cao, chở cả hai người bình an trở về sân bay của mình trước mắt bọn địch đang ngây người dõi theo.

Trong một trận trinh sát chiến đấu chống Nhật, chi đội của thiếu tá I.L. Ca-xpê-rô-vích bị hỏng một chiếc xe “Gát”. Chiến sĩ lái xe Ti-mô-khin không chịu rời xe, anh ở lại bãi chiến đấu cố sửa chỗ bị hỏng. Bọn Nhật nhận thấy những hành động can đảm đó của chiến sĩ ta, quyết định bắt sống đồng chí. Ti-mô-khin đã chiến đấu như một chiến sĩ xô-viết chân chính. Tuy bị thương nặng, đồng chí vẫn tiếp tục chiến đấu.

Thiếu tá I.L. Ca-xpê-rô-vích, chỉ huy chi đội, bất chấp mọi tình huống khó khăn lúc bấy giờ, đã có một quyết định rất táo bạo: phải cứu cho được người chiến sĩ của mình. Sau khi lệnh cho tập trung pháo bắn thẳng vào những hỏa điểm quân Nhật, đồng chí đã triển khai đại đội và dẫn đại đội tấn công quân địch. Đồng chí ngồi trên xe bọc sắt, lái thật nhanh tới chỗ xe của Ti-mô-khin và móc xe kéo về. Khi trở về nơi đóng quân, Ti-mô-khin cảm động ứa nước mắt, cảm ơn người chỉ huy và các đồng chí đã liều mình cứu anh khỏi cái chết khó còn cách nào tránh khỏi.

- Tôi tin chắc là các bạn không quên tôi, không bỏ tôi trong lúc hoạn nạn, - anh nói trước khi đi bệnh viện, - và điều trị xong, tôi sẽ trở về ngay với các bạn, các bạn thân mến ạ

Thượng úy phi công Anh hùng Liên Xô V.Ph. Xcô-ba-ri-khin trong một trận đánh không cân sức đã lao máy bay mình vào máy bay tiêm kích Nhật, cứu được thượng úy V.N. Bu-xơ, đồng đội của mình, và sau khi diệt chiếc máy bay tiêm kích ấy, lại tham chiến ngay với 2 máy bay khác. Các phi công Nhật nhận ra là chúng đang phải đương đầu với một địch thủ như thế nào, nên đã cho vòng máy bay, bay về hướng sân bay của chúng. Mặc dù máy bay của mình bị hỏng, V.I. Xcô-ba-ri-khin vẫn lái được về sân bay an toàn. Sau khi hạ cánh, người ta thấy trên máy bay của đồng chí còn dính những mảnh vỡ của máy bay tiêm kích Nhật.

Đặc biệt nổi lên trong các trận không chiến là thượng úy Anh hùng Liên Xô V.G. Ra-khốp. Ngày 29-7, đồng chí đã mặt giáp mặt với một phi công đại tài và đầy kinh nghiệm của Nhật. V.G. Ra-khốp lượn vòng lao vào đánh địch. Trong quá trình trận đánh, phi công Nhật Ta-kê-ô đã thi thố hết cả nghệ thuật của hắn, nhưng cuối cùng V.G. Ra-khốp vẫn bắn cháy được chiếc máy bay của Ta-kê-ô. Phi công Nhật nháy dù ra khỏi máy bay và, khi nhận ra là dù của hắn rơi xuống địa hạt Mông Cổ, hắn định tự vẫn, nhưng đã bị bắt làm tù binh.

Được các cán bộ Hồng quân đối xử tốt, và sau khi hết những nỗi lo sợ, Ta-kê-ô xin được gặp đồng chí phi công của ta đã đánh giết và bắn rơi chiếc máy bay của hắn. Lúc V.G. Ra-khốp bước đến, tên phi công Nhật cúi gập người xuống chào, chúc mừng người chiến thắng.

Với lòng biết ơn, tôi nhớ đến nhiều đồng chí cán bộ đã cộng tác với tôi trong thời gian ấy. Lúc đầu chiến sự ở khu vực sông Khan-khin Gôn, I.I. Phê-điu-nin-xki làm trợ lý của trung đoàn

trưởng, phụ trách về mặt quản lý kinh tế. Khi cần một cán bộ chỉ huy trung đoàn bộ binh cơ giới 24, I.I. Phê-điu-nin-xki được đề cử trước tiên. Và chúng tôi đã không nhầm. Trong mọi trường hợp khó khăn, I.I. Phê-điu-nin-xki đã biết tìm ra cách giải quyết đúng đắn và đến khi bộ đội ta bắt đầu tổng tấn công, trung đoàn do đồng chí chỉ huy đã chiến đấu thắng lợi.

Lúc kết thúc chiến sự tại sông Khan-khin Gôn, I.I. Phê-điu-nin-xki được cử làm sư đoàn trưởng sư đoàn 82. Trong thời kỳ đầu cuộc Chiến tranh giữ nước, sư đoàn 82 đã chiến đấu rất ngoan cường trên hướng Mô-gia-ích, và nguyên sư đoàn trưởng I.I. Phê-điu-nin-xki đã chỉ huy quân đoàn bộ binh chiến đấu thắng lợi trên mặt trận tây-nam.

Lữ đoàn trưởng Mi-kha-in I-va-nô-vích Pô-ta-pốp là trợ lý của tôi. Đồng chí đảm nhiệm công tác lớn là phụ trách việc tổ chức hiệp đồng các binh đoàn và các binh chủng và, khi chúng ta bắt đầu tổng tấn công, Mi-kha-in I-va-nô-vích được ủy nhiệm lãnh đạo mũi đột kích chủ yếu bên cánh phải của mặt trận. Đặc điểm của M.I. Pô-ta-pốp là tính tình điềm đạm. Không một việc gì làm đồng chí nổi nóng. Thậm chí ngay trong những lúc tình huống phức tạp, đáng lo ngại, đồng chí vẫn hết sức bình tĩnh và cái đó rất có lợi cho bộ đội. Trong cuộc Chiến tranh giữ nước vĩ đại, khi chỉ huy tập đoàn quân 5 của Phương diện quân Tây-nam, đồng chí vẫn giữ được tác phong ấy.

Công tác thông tin liên lạc trong chiến đấu và chiến dịch giữ một vai trò quyết định. Vì vậy tôi muốn dùng những lời tốt đẹp nói về đại tá A-lếch-xây I-va-nô-vích Lê-ô-nốp. Trong bất cứ điều kiện nào, đồng chí vẫn bảo đảm thông tin liên lạc không bị gián đoạn trong khi chỉ huy bộ đội. Tôi đã đề cập tới việc tổ chức công tác Đảng và công tác chính trị trong các đơn vị chúng ta. Các tổ chức Đảng đã có những đóng góp to lớn vào việc giải quyết các nhiệm vụ chiến đấu. Đứng hàng đầu là những đồng chí chủ nhiệm chính trị, chính ủy sư đoàn[7] Pi-ốt I-va-nô-vích Gô-rô-khốp, chính ủy trung đoàn Rô-man Páp-lô-vích của quân đoàn đặc biệt, A-lếch-xây Ba-bi-chúc, bí thư ủy ban đảng[8] Mi-khai-lô-vích Pô-mô-gai-lô, chính ủy I-van Va-xi-li-ê-vích Da-cô-vô-rốt-nui.

Đặc biệt nổi lên trong số cán bộ chính trị các binh đoàn là chính ủy trung đoàn Va-xi-li An-đrây-ê-vích Xư-chếp chính ủy lữ đoàn cơ giới bọc thép 9, trước kia là công nhân luyện kim ở U-ran. Va-xi-li An-đrây-ê-vích giúp đồng chí lữ đoàn trưởng được nhiều việc và trong những tình huống phức tạp, đã nhiều lần dẫn đầu các đơn vị, nêu gương dũng cảm lôi cuốn các đơn vị xông lên lập chiến công. Trong những năm Chiến tranh giữ nước vĩ đại, khi làm ủy viên Hội đồng quân sự tập đoàn quân, đồng chí đã thực hiện các nhiệm vụ trao cho với một ý chí vẫn can trường như vậy.

Các cán bộ quân y ngày đêm lao động khẩn trương trong những điều kiện dã ngoại phức tạp, đã chăm sóc sức khỏe và cứu sống các chiến sĩ và cán bộ chúng ta, mà cũng không phải chỉ cứu sống cán bộ và chiến sĩ chúng ta. Các đồng chí tỏ ra có lòng nhân đạo cao độ đối với các tù binh Nhật bị thương.

Tôi còn nhớ mãi buổi gặp gỡ giáo sư M.V. A-khu-tin. Một hôm các đồng chí báo cáo cho tôi là giáo sư M.V. A-khu-tin mõi nhiều nên đang bị mệt quá sức, gần như đứng không vững. Đồng chí lại đang ra lệnh lấy máu của mình tiếp cho một cán bộ bị thương. Tôi gọi điện thoại nói chuyện với đồng chí và khuyên nên lấy máu của một bác sĩ khác trẻ hơn. Giáo sư M.V. A-khu-tin đáp lại cụt lùn:

- Tôi không còn thời gian tìm loại máu thích hợp.

Và sau khi đề nghị dừng ngăn cản đồng chí, đồng chí liền tiếp ngay máu của mình cho người bị thương. Giáo sư M.V. A-khu-tin đã nghiên cứu tổ chức một mạng lưới điều trị thương binh chia thành giai đoạn rất tốt. Đồng chí đã góp phần giúp đỡ to lớn cho các cán bộ quân y của quân đội Mông Cổ anh em. Làm việc 15 - 18 giờ trong một ngày đêm, đồng chí quan tâm nhiều đến việc đào tạo và bổ túc cho các bác sĩ phẫu thuật. Tôi nghĩ mình không nhầm, nếu nói rằng ai đã làm việc và học tập cạnh giáo sư M.V. A-khu-tin ắt là lĩnh hội được nhiều trong khoa phẫu thuật.

Dưới sự lãnh đạo của đồng chí, nhà phẫu thuật trẻ tuổi có tài năng A.A. Vít-snép-xki đã trưởng thành vượt bậc, nay là một viện sĩ công huân lớn ở trong nước và ở cả ngoài nước.

Bộ đội Mông Cổ hoạt động trong khu vực sông Khan-khin Gôn đã hiệp đồng chặt chẽ với bộ đội Xô-viết. Tôi được dịp thấy tận mắt tập thể các chiến sĩ dũng cảm và những cán bộ Mông Cổ. Cho phép tôi nhắc đến tên tuổi những đồng chí xuất sắc nhất. Đó là các đồng chí chiến sĩ Ôn-

đor-vôi, đồng chí lái xe bọc thép Khai-an-khiếc-va, các pháo thủ cao xạ Chun-tem, Găm-ba-xu-ren, kỵ sĩ Khéc-lô. Bộ tham mưu Quân đội nhân dân Cách mạng Mông Cổ đứng đầu là đồng chí chính ủy quân đoàn G.L. Khơ-va-xu-ren, Phó Tổng tư lệnh Quân đội nhân dân Mông Cổ đã tiến hành một công tác sáng tạo lớn lao.

Đài kỷ niệm những anh hùng đã hy sinh tại Khan-khin Gôn có khắc những dòng chữ thật xứng đáng:

“Vinh quang đời đời thuộc về các chiến sĩ anh hùng Quân đội Liên Xô và những chiến sĩ dũng cảm của Quân đội nhân dân Cách mạng Mông Cổ đã hy sinh trong những trận đánh với quân xâm lược Nhật tại khu vực sông Khan-khin Gôn cho tự do và độc lập của nhân dân yêu chuộng hòa bình Mông Cổ, cho hòa bình và an ninh của các dân tộc, chống sự xâm lược của bọn đế quốc”.

Để ghi nhớ công lao to lớn của các chiến sĩ Xô-viết, Chính phủ Liên Xô đã tặng thưởng cho 70 đồng chí danh hiệu Anh hùng Liên Xô. Các phi công X.I. Grít-xê-vét, Ya.V. Xmu-skê-vích, G.Ph. Tráp-chen-cô được tặng thưởng Huân chương sao vàng Anh hùng Liên Xô lần thứ hai.

Khi chấm dứt chiến sự tại khu vực sông Khan-khin Gôn, bộ tư lệnh và tham mưu cụm quân (cuối tháng 10-1939) trở về đóng tại U-lan Ba-to - thủ đô nước Cộng hòa nhân dân Mông Cổ. Trước kia tôi mới biết Mông Cổ qua sách báo, ngày nay được dịp tìm hiểu gần gũi đất nước này.

Thật vui mừng biết bao khi nhớ lại mối tình chân thành mộc mạc của nhân dân Mông Cổ, tình cảm nồng hậu và lòng tin sâu xa của họ đối với Liên Xô. Tôi đến bất cứ chỗ nào, trên các quảng trường hay trong nhà, trong các cơ quan hay đơn vị bộ đội, đâu đâu cũng thấy có treo chân dung Lê-nin ở một vị trí danh dự nhất và người dân Mông Cổ nào nói đến Lê-nin cũng tỏ lòng kính yêu sâu sắc.

Các chiến sĩ chúng ta thường đến thăm các bạn bè Mông Cổ và các đồng chí Mông Cổ đều có mặt cùng với chúng ta trong các cuộc diễn tập, các buổi tập bài và thi đấu thể thao. Chúng tôi cố sức truyền đạt cho các đồng chí kinh nghiệm thu hoạch trong những trận chiến đấu trước đây.

Nhân dân Mông Cổ rất tôn kính và yêu mến Khoóc-lô-ghin Chôi-ban-xan. Tôi được làm thân với đồng chí hồi tháng 8, đồng chí đến sở chỉ huy của tôi đóng trên núi Kha-ma đa-ba. Kh. Chôi-ban-xan là một người xuất chúng, có tấm lòng rất nồng nhiệt, một người bạn trung thành của Liên Xô. Khoóc-lô-ghin Chôi-ban-xan là một chiến sĩ quốc tế chân chính, đã cống hiến cả cuộc đời mình cho sự nghiệp đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc và chủ nghĩa phát-xít. Tôi được gặp đồng chí lần cuối trong thời gian Chiến tranh giữ nước vĩ đại, nhân dịp đồng chí mang quà của nhân dân Mông Cổ tặng các chiến sĩ Hồng quân ngoài tiền tuyến.

Chúng tôi thấy rõ, đồng chí Yum-gia-ghin Xê-đen-ban, Bí thư Ban Chấp hành trung ương Đảng Nhân dân cách mạng Mông Cổ là người có uy tín rất lớn trong nhân dân. Đồng chí có học thức cao sâu và thông minh, đã làm việc nhiều năm bên cạnh Kh. Chôi-ban-xan và các đồng chí ủy viên khác trong Ban Chấp hành trung ương Đảng. Sau khi Kh. Chôi-ban-xan mất, Yu. Xê-đen-ban đã lãnh đạo Đảng và Nhà nước trong nhiều năm, thực hiện thắng lợi việc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Nói trước lên một tí, tôi muốn nhấn mạnh sự giúp đỡ mà nhân dân Mông Cổ đã đưa lại cho Liên Xô trong thời gian Chiến tranh giữ nước vĩ đại chống nước Đức phát-xít.

Riêng trong năm 1941, các chiến sĩ Xô-viết đã nhận của nước Cộng hòa nhân dân Mông Cổ 140 toa xe quà tặng các loại, tổng số trị giá 65 triệu tu-grích. Ngân hàng nước ngoài nhận được 2,5 triệu tu-grích, và 10 triệu đô-la Mỹ, 300 kg vàng. Với số tiền ấy đóng được 53 xe tăng, trong đó có 32 xe tăng T-34, ngoài thành xe có ghi những tên tuổi vẻ vang của Xu-khê Ba-to và những anh hùng khác của nước Cộng hòa nhân dân Mông Cổ. Nhiều xe trong số đó đã chiến đấu thắng lợi với quân Đức, các xe ấy thuộc biên chế của lữ đoàn xe tăng 112 thuộc tập đoàn quân xe tăng cận vệ đã tiến đến tận Béc-lanh.

Ngoài xe tăng ra, những lực lượng không quân Liên Xô còn được chuyển thuộc cả phi đội “A-rát Mông Cổ” [9]. Phi đội này gia nhập vào thành phần của trung đoàn không quân cận vệ Oóc-san 2. Phi đội “A-rát Mông Cổ” kết thúc chặng đường chiến đấu thắng lợi của mình tại vùng Cơ-ních-béc, khi đang ở trong biên chế của Phương diện quân Bê-lô-ru-xi 3.

Năm 1941 - 1942, Hồng quân còn nhận được quà tặng 35.000 ngựa và số ngựa ấy đã bổ sung

ngay cho các đơn vị kỵ binh Liên Xô.

Trong suốt quá trình cuộc Chiến tranh giữ nước, Kh. Chôi-ban-xan, Yu. Xê-đen-ban và những người hoạt động nhà nước khác thường dẫn đầu những người lao động nước Cộng hòa nhân dân Mông Cổ đến thăm các chiến sĩ vẻ vang của chúng ta. Mỗi lần đi thăm như vậy lại càng thắt chặt thêm tình hữu nghị anh em giữa các dân tộc Liên Xô và Mông Cổ.

Đại sứ Liên Xô ở nước Cộng hòa nhân dân Mông Cổ I.A. I-va-nốp đã làm nhiều việc trong thời kỳ chiến sự xảy ra ở Khan-khin Gôn. Nhờ có sự quan tâm của đồng chí mà bộ đội ta không bao giờ gặp khó khăn về tiếp tế lương thực. I.A. I-va-nốp được nhân dân Mông Cổ, những người lãnh đạo Nhà nước và Đảng tôn trọng. Bản thân đồng chí cũng đã hết lòng giúp đỡ lại bằng cả lời nói và việc làm.

Mùa đông, bộ đội ta sau khi trở về doanh trại đã tiến hành tổng kết các cuộc chiến đấu vừa qua. Thật vui mừng nhận thấy các chiến sĩ và cán bộ đã trưởng thành lên biết bao. Những chiến sĩ và cán bộ chỉ huy ưu tú được phái tới những đơn vị chưa trực tiếp tham chiến để truyền đạt kinh nghiệm rút ra từ những trận đánh với quân đội Nhật. Công tác chính trị bảo đảm huấn luyện chiến đấu của bộ đội được cải tổ lại một cách kiên quyết.

Tất cả những công việc trên, nói chung, đã đem lại những kết quả thiết thực trong việc chuẩn bị và sẵn sàng chiến đấu của bộ đội Không phải ngẫu nhiên mà các binh đoàn ở trên đất Mông Cổ trong những năm 1939 - 1940, được điều động sang vùng Pốt-mô-xô vi-ê năm 1941, đã chiến đấu với quân Đức vượt quá mọi sự khen ngợi.

Đầu tháng 5-1940, tôi nhận được lệnh của Mát-xcơ-va trở về Bộ Ủy viên nhân dân quốc phòng để đi nhận công tác khác.

Khi tôi đến Mát-xcơ-va thì đúng lúc công bố nghị quyết của Chính phủ phong quân hàm cấp tướng cho các cán bộ cao cấp của đồng quân. Tôi là một trong ba người được phong đại tướng. Mấy ngày sau, tôi được I.V. Xta-lin trực tiếp gặp và cử giữ chức tư lệnh Quân khu đặc biệt Ki-ép. Trước kia, tôi chưa được gặp I.V. Xta-lin, nên lúc đến gặp và dự buổi tiếp đãi này, tôi bị xúc động mạnh.

Ngoài I.V. Xta-lin ra, trong phòng còn có M.I. Ca-li-nin, V.M. Mô-lô-tốp và những đồng chí ủy viên khác của Bộ Chính trị.

Chào hỏi xong, I.V. Xta-lin châm lửa vào tẩu thuốc, hỏi ngay:

- Đồng chí đánh giá quân Nhật như thế nào?
- Binh sĩ Nhật chiến đấu với chúng tôi tại Khan-khin Gôn được huấn luyện tốt, nhất là lối đánh giáp lá cà, - tôi đáp - Chúng có kỷ luật, linh hoạt và ngoan cường trong chiến đấu, đặc biệt là trong phòng ngự. Bọn chỉ huy sơ cấp được huấn luyện rất tốt và chiến đấu ngoan cố, mù quáng. Thông thường, bọn chỉ huy sơ cấp không chịu bắt làm tù binh, và không chịu dừng lại trước “Ha-ra-ki-ri[10]”. Số sĩ quan, nhất là sĩ quan cao cấp và trên nữa, được huấn luyện tồi, kém chủ động và có khuynh hướng hành động một cách máy móc.

Còn nói về tình trạng kỹ thuật của quân đội Nhật, tôi thấy nó còn lạc hậu. Những xe tăng Nhật, giống như kiểu MC-1 của chúng ta, đã quá lỗi thời. Trang bị của chúng kém và chạy không được xa.

Cũng phải nói là lúc bắt đầu chiến cuộc, không quân Nhật đã đánh được không quân của ta. Khi ta chưa tiếp nhận máy bay “Chai-ca” cải tiến và I-16 thì máy bay của chúng có hơn máy bay của ta. Song, đến khi tổ phi công Anh hùng Liên Xô dẫn đầu là I.V. Xmu-skê-vích bổ sung đến, thì quyền khống chế trên không lại thuộc hẳn về ta.

Điều cần chú ý là chúng ta đã đụng độ với các đơn vị tinh nhuệ gọi là đơn vị thiên hoàng của quân đội Nhật.

I.V. Xta-lin rất chú ý nghe tất cả, sau đó hỏi:

- Bộ đội ta chiến đấu ra sao?
- Bộ đội chính quy của ta chiến đấu tốt. Đặc biệt là sư đoàn cơ giới 16 do Pê-tơ-rốp chỉ huy và sư đoàn bộ binh 57 do M.V. Ga-la-nin chỉ huy từ Da-bai-can đến chiến đấu rất giỏi. Sư đoàn bộ binh 82 ở U-ran đến, thời gian đầu, chiến đấu kém. Biên chế của sư đoàn có những chiến sĩ và cán bộ chỉ huy trình độ huấn luyện chưa tốt. Sư đoàn ấy được triển khai và bổ sung trước lúc lên đường sang Mông Cổ.

Các lữ đoàn xe tăng, đặc biệt là lữ đoàn xe tăng 11 do lữ đoàn trưởng Anh hùng Liên Xô M.P. Ya-cốp-lép chỉ huy, chiến đấu rất giỏi, nhưng các xe tăng BT-5 và BT-7 rất dễ bị bốc cháy. Nếu như

trong tay tôi không có 2 lữ đoàn xe tăng và 3 lữ đoàn cơ giới bọc thép, chắc là chúng tôi không thể hợp vây và tiêu diệt tập đoàn quân 6 của Nhật nhanh như vậy. Tôi thấy, chúng ta cần phát triển mạnh bộ đội xe tăng và cơ giới trong các lực lượng vũ trang.

Pháo binh của ta về mọi mặt đều hơn pháo binh Nhật, nhất là khi bắn. Nói chung, bộ đội ta chiến đấu giỏi hơn quân Nhật khá nhiều.

Bộ đội Mông Cổ sau khi tiếp thụ kinh nghiệm, được rèn luyện và được các đơn vị Hồng quân chi viện, đã chiến đấu tốt, nhất là tiểu đoàn xe bọc thép của Quân đội Mông Cổ chiến đấu trên núi Ba-in Xa-gan. Cần nói là kỵ binh Mông Cổ đã nhiều lần bị máy bay và pháo binh địch tập kích và bị thiệt hại nặng.

I.V. Xta-lin lại hỏi:

- Cu-lích, Páp-lốp và Vô-rô-nốp đã giúp đồng chí ra sao?

- Vô-rô-nốp giúp được nhiều trong việc đặt kế hoạch pháo bắn và tổ chức vận chuyển đạn được lên phía trước. Còn nói về Cu-lích, tôi không thể nêu lên những mặt công tác nào và hữu ích của đồng chí ấy. Páp-lốp giúp các chiến sĩ xe tăng của ta, trao đổi với anh em những kinh nghiệm rút được ở Tây Ban Nha.

Tôi chăm chú theo dõi I.V. Xta-lin, và thấy đồng chí quan tâm nghe. Tôi tiếp tục:

- Đối với tất cả bộ đội và cán bộ chỉ huy các binh đoàn, đơn vị chúng ta và riêng đối với tôi, cuộc chiến đấu ở Khan-khin Gôn là một trường học kinh nghiệm chiến đấu lớn. Tôi nghĩ là phía Nhật, chúng sẽ rút ra những kết luận đúng đắn hơn về sức mạnh và khả năng của Hồng quân.

- Đồng chí cho biết, bộ đội ta vấp phải những khó khăn gì ở Khan-khin Gôn - M.I. Ca-lin-nin tham gia ý kiến.

- Khó khăn chính, - tôi nói, - là vấn đề bảo đảm vật chất - kỹ thuật cho bộ đội. Chúng ta buộc phải chuyên chở mọi thứ cần thiết cho chiến đấu và cho đời sống của bộ đội trên chặng đường dài 650 - 700 km. Những trạm cung cấp gần nhất đặt trên đất đai thuộc Quân khu Da-bai-can. Ngay như củi đốt để nấu ăn cũng phải chở xa 600 km. Xe của ta phải chạy một vòng đi về 1.300 - 1.400 km nên tốn rất nhiều xăng, mà xăng thì phải chở từ Liên Xô đến.

Hội đồng quân sự Quân khu Da-bai-can và thượng tướng G.M. Séc cùng với các cơ quan đã giúp đỡ chúng tôi rất nhiều trong việc khắc phục những khó khăn đó. Muối cũng làm cho bộ đội ta bực mình mà ở Khan-khin Gôn có rất nhiều muối. Tối đến, chúng bay từng đàn đến thối chúng ta. Bọn Nhật có những màn riêng che chở, còn chúng ta không có, và mãi sau này mới may được.

- Theo ý của đồng chí thì chính phủ Nhật khi gây xâm lược, theo đuổi mục đích chủ yếu gì? -

M.I. Ca-li-nin hỏi.

- Mục đích trước mắt là đánh chiếm vùng đất đai nước Cộng hòa nhân dân Mông Cổ ở phía bên kia sông Khan-khin Gôn, rồi sau đấy cấu trúc phòng tuyến trên sông Khan-khin Gôn để yểm hộ con đường sắt thứ hai đang được dự kiến xây dựng, con đường này có tác dụng chiến lược và sẽ chạy tới biên giới miền Da-bai-can của ta ở phía tây con đường sắt cũ.

- Bây giờ đồng chí đã có kinh nghiệm chiến đấu, - I.V. Xta-lin nói, - đồng chí sẽ phụ trách quân khu Ki-ép, và sử dụng kinh nghiệm của mình vào việc huấn luyện bộ đội.

Thời gian ở nước Cộng hòa nhân dân Mông Cổ, tôi không có điều kiện theo dõi sát tiến trình những cuộc chiến đấu giữa nước Đức và khối Anh - Pháp. Tiện dịp tôi hỏi:

- Nên hiểu tính chất hết sức tiêu cực của cuộc chiến tranh ở phía tây như thế nào, và chiến sự dự kiến sẽ phát triển sau này ra sao?

I.V. Xta-lin khẽ cười, nói:

- Chính phủ Pháp do Đa-la-đi-ê cầm đầu và chính phủ Anh do Săm-béc-lanh cầm đầu không muốn nhảy vào chiến tranh thực sự với Hít-le. Chúng vẫn nuôi hy vọng đẩy Hít-le gây chiến với Liên Xô. Năm 1939, chúng từ chối không thành lập khối chống Hít-le với chúng ta, như vậy là chúng không muốn bó tay Hít-le trong việc xâm lược Liên Xô. Nhưng không có kết quả gì đâu. Chính bọn chúng rồi sẽ phải đền tội về đường lối thiển cận ấy.

Trở về khách sạn "Mát-xcơ-va", tôi mãi không ngủ được, trong lòng còn in sâu những cảm xúc về buổi nói chuyện với các đồng chí ủy viên Bộ Chính trị.

Về ngoài của I.V. Xta-lin, giọng nói trầm trầm của đồng chí, những nhận xét cụ thể và sâu sắc, việc am hiểu tường tận những vấn đề quân sự, sự quan tâm của đồng chí khi nghe báo cáo, đã để lại cho tôi một ấn tượng rất tốt.

- [1] Các đồng chí này là cấp sư đoàn nhưng giữ chức vụ tư lệnh và chính ủy quân đoàn - ND.
- [2] Nguyên văn: một cụm cố tập đoàn quân
- [3] Khan-khur là tên gọi khu vực Bắc Mông từ giữa thế kỷ 16 đến những năm 20 của thế kỷ 20. Ngày nay là phần đất chủ yếu của nước Mông Cổ - ND.
- [4] Dân địa phương Nội Mông ở phía tây dãy Đại-khin-gan gần biên giới Xô - Mông - ND.
- [5] Thiên đường - ND.
- [6] xung phong - ND.
- [7] Tổ chức của Quân đội Liên Xô trong thời kỳ này có phân biệt giữa cấp và chức:
- Về cán bộ chỉ huy có những cấp: trung đoàn trưởng, lữ đoàn trưởng, sư đoàn trưởng, quân đoàn trưởng, tư lệnh tập đoàn quân bậc 1 và bậc 2.
 - Về cán bộ chính trị có những cấp: chính ủy trung đoàn, chính ủy lữ đoàn, chính ủy sư đoàn.
- Ví dụ như: Cấp lữ đoàn trưởng nhưng có thể giữ những chức: lữ đoàn trưởng, sư đoàn trưởng và quân đoàn trưởng. Cấp chính ủy sư đoàn nhưng có thể giữ những chức: chủ nhiệm chính trị tập đoàn quân, ủy viên Hội đồng quân sự tập đoàn quân, ủy viên Hội đồng quân sự quân khu, ủy viên Hội đồng quân sự phương diện quân. Sau này, khi phong quân hàm sự phân biệt về cấp và chức dễ theo dõi hơn, cấp là cấp quân hàm, còn chức là chức vụ phụ trách - ND.
- [8] Trong quân đội Liên Xô từ cấp sư đoàn trở lên có cơ quan gọi là ủy ban Đảng phụ trách công tác nội bộ của Đảng, không có cấp ủy Đảng - ND.
- [9] A-rát là nông dân và những người lao động trong nước Cộng hòa nhân dân MôngCổ - ND.
- [10] Tức mổ bụng tự sát - ND.
-

Chương 8

CHỈ HUY QUÂN KHU ĐẶC BIỆT KI-ÉP

TÔI coi việc được chỉ định làm tư lệnh một quân khu lớn nhất là một vinh dự đặc biệt và tôi đã làm tất cả để xứng đáng với lòng tin lớn lao của Ban Chấp hành trung ương Đảng và của Chính phủ đối với tôi.

Quân khu đặc biệt Ki-ép là một trong những quân khu tiền duyên. Lúc công tác ở quân khu Bê-lô-ru-xi trong thời gian 1922 - 1929, chúng tôi, “những người Bê-lô-ru-xi” đã rất quý trọng các đơn vị quân đội của quân khu Ki-ép, đã đánh giá cao công tác huấn luyện quân sự và sự trưởng thành về mặt chiến dịch - chiến thuật của đội ngũ cán bộ phụ trách các cơ quan tham mưu và các cơ quan chỉ huy ở đó.

Tôi còn vui mừng vì tại quân khu này tôi sẽ được công tác cùng với những cán bộ quân sự và những cán bộ chính trị có kinh nghiệm. Trong số này tôi đã quen riêng nhiều người, được nghe các sĩ quan và tướng lĩnh khác cho biết về nhiều người và đã công tác cùng với một số trong nhiều năm.

Tham mưu trưởng Quân khu đặc biệt Ki-ép hồi đó là trung tướng M.A Puốc-ca-ép. Tôi đã cùng công tác với M.A Puốc-ca-ép tại quân khu Bê-lô-ru-xi lúc đồng chí làm tham mưu trưởng quân khu. Đó là một vị tướng có kinh nghiệm và thấu hiểu toàn diện công tác của mình, một người có trình độ văn hóa cao và một sĩ quan tham mưu cỡ lớn.

Tư lệnh pháo binh quân khu là tướng N.Đ. Ya-cốp-lép, một chuyên gia nổi tiếng về kỹ thuật và cách sử dụng pháo binh trong chiến đấu. Với tướng I.N. Mu-dư-chen-cô và tướng Ph.Ya. Cô-xten-cô, hai tư lệnh tập đoàn quân, tôi đã có dịp cùng công tác rất lâu ở sư đoàn Cô-dắc sông Đông 4. Trưởng phòng tác chiến bộ tham mưu quân khu là đại tá P.N. Rúp-xốp thì tôi đã được cơ quan trung ương của Bộ Ủy viên nhân dân quốc phòng giới thiệu rồi. Ít lâu sau, đại tá I-van Khri-xtô-phô-rô-vích Ba-gra-mi-an được điều động đến thay P.N. Rúp-xốp. Tôi biết I-van Khri-xtô-phô-rô-vích là một cán bộ rất chín chắn, bình tĩnh, cần mẫn và tác chiến giỏi. Chủ nhiệm hậu cần quân khu là V.E. Bê-lô-cô-xcốp là bạn thân của tôi.

Tôi muốn dành những lời tốt đẹp để nói về đồng chí tư lệnh không quân quân khu, tướng E.X. Ptu-khin. Đó là một phi công và cán bộ chỉ huy xuất sắc, một người con trung thành của Đảng và một người đồng chí tốt.

Sau một thời gian ngắn, tôi đã gần gũi tìm hiểu được các đồng chí có cương vị phụ trách khác của quân khu. Đó là những cán bộ chỉ huy thạo việc và có kiến thức. Nhiệm vụ công tác nào họ cũng đều hoàn thành một cách thông thạo, cẩn thận và sáng tạo.

Nắm được tình hình quân khu rồi, tôi tự thấy bốn phận của mình là phải đến gặp đồng chí bí thư Ban Chấp hành trung ương Đảng Cộng sản U-crai-na. Sau khi thuật lại hoạt động của quân ta trong cuộc chiến đấu đánh tan tập đoàn quân 6 của Nhật tại Khan-khin Gôn và trình bày những cảm nghĩ đầu tiên của mình về quân khu, tôi đã yêu cầu được giúp đỡ về mặt bảo đảm cung cấp những tư liệu sinh hoạt cho quân khu. Tôi được tiếp đón rất niềm nở và tôi vui mừng vì mọi việc đều được thu xếp tốt đẹp cả.

Trong tháng 6-1940 tôi đã đến thăm hầu hết các đơn vị và các binh đoàn. Sau đó cùng với bộ tham mưu quân khu đã tiến hành một cuộc diễn tập chỉ huy và tham mưu trong một cuộc hành quân dã chiến lớn với đủ các phương tiện giao thông liên lạc tới vùng Téc-nô-pôn, Lvốp, Vla-đi-mia Vô-lun-xcơ, Đúp-nô là vùng mà một năm sau, năm 1941, quân Đức, theo kế hoạch “Bác-ba-rô-xa”, đã tiến qua để đánh đòn đột kích chủ yếu của chúng trên đất U-crai-na .

Cuộc diễn tập chứng tỏ rằng đứng đầu các tập đoàn quân, các binh đoàn và các cơ quan tham mưu là những sĩ quan và những tướng lĩnh trẻ có khả năng. Tuy vậy họ còn cần được huấn luyện một cách nghiêm chỉnh thêm về mặt chiến dịch - chiến thuật vì rằng họ chỉ vừa mới được đề bạt từ những cương vị thấp lên trong thời gian gần đây. Các cán bộ lãnh đạo đã được lưu ý đến vấn đề này.

Mùa hè và mùa thu năm 1940, các đơn vị của Quân khu đặc biệt Ki-ép đã tiến hành một đợt

huấn luyện chiến đấu khẩn trương. Đã tiếp thụ được những kinh nghiệm chiến thuật mà Hồng quân đã rút ra trong cuộc chiến tranh với Phần Lan và trong các trận chiến đấu với quân Nhật ở vùng sông Khan-khin Gôn. Ngoài ra, những kinh nghiệm chiến đấu của quân đội phát-xít Đức chống lại một loạt nước châu Âu cũng được nghiên cứu.

Đến khoảng thời gian này, Thế chiến thứ hai đang diễn ra sôi sục. Từ cuối năm 1936, Đức và Ý đã ký hiệp ước thành lập “trục Béc-phanh - Rôm” khét tiếng bỉ ổi, còn Đức và Nhật thì đã ký “công ước chống Quốc tế Cộng sản”, nói là để chống lại Quốc tế Cộng sản nhưng thực ra là để liên kết bọn xâm lược lại với nhau trong cuộc đấu tranh giành quyền bá chủ thế giới. Năm 1937, Ý đã tham gia công ước này. Cùng vào lúc ấy, Nhật đã mở lại cuộc chiến tranh nhằm thôn tính toàn bộ Trung Quốc. Năm 1938, quyền độc lập quốc gia Áo bị thủ tiêu. Đồng thời cuộc vũ trang tấn công vào Tiệp Khắc cũng đã chín muồi. Chính phủ Liên Xô kêu gọi các quốc gia yêu chuộng hòa bình: “Để đến ngày mai thì có thể đã muộn rồi, nhưng hôm nay vẫn còn thời gian hành động tập thể nếu như tất cả các quốc gia, đặc biệt là các đại cường quốc, đều có một lập trường rõ ràng, kiên quyết đối với vấn đề chung sức cứu vãn hòa bình”.

Những đề nghị của Liên Xô đã không được chấp nhận.

Tại các hội nghị nổi tiếng một cách đáng buồn ở Mui-ních trong ngày 29 - 30 tháng 9-1938, Anh và Pháp đã thỏa thuận giao cho Đức vùng Xu-đét để “cứu vãn hòa bình vào phút cuối cùng”. Phái đoàn Tiệp Khắc chờ đợi quyết định về số phận nước mình ở ngoài lề hội nghị, còn Liên Xô thì không được mời dự. Chúng ta đã chuẩn bị giúp đỡ Tiệp Khắc, bộ đội không quân và xe tăng của chúng ta đã ở tư thế sẵn sàng chiến đấu; gần 40 sư đoàn đã được tập trung trong các vùng kế cận biên giới phía tây. Nhưng các giới cầm quyền hồi đó của Tiệp Khắc đã khước từ sự giúp đỡ này vì họ đã lựa chọn con đường đầu hàng nhục nhã. Ngày 16-3-1939, Đức chiếm đóng Pra-ha. “Việc hòa giải” với Hít-le đã đưa tới hậu quả tự nhiên của nó.

Một sự chuyển biến như vậy của tình hình, mà Liên Xô đã nhiều lần vạch ra từ trước, đã đặt ra cho Anh và Pháp một câu hỏi là: nếu Hít-le, mà họ đang xúi bẩy tấn công sang phía đông, lại bất thành lĩnh quay về đánh phía tây thì sao? Thế là lại diễn ra vòng mới những cuộc thương lượng, những cuộc gặp gỡ và những cuộc hội họp nhằm làm cho Hít-le khiếp sợ trước khả năng có một sự liên minh quân sự với Liên Xô. Trong lúc yêu cầu Liên Xô giúp đỡ trong trường hợp Đức xâm lược thì Đa-la-đi-ê và Săm-béc-phanh lại không chịu đảm nhận bất kỳ một nghĩa vụ nghiêm chỉnh nào.

Các cuộc thương lượng năm 1939, kể cả các cuộc thương lượng giữa các phái đoàn quân sự ba nước mà chúng tôi sẽ nói tới dưới đây, đều đã bế tắc.

Tóm lại, nếu nói đến châu Âu là phải nói đến áp lực của Hít-le và tính tiêu cực của Anh và Pháp. Nhiều biện pháp và đề nghị của Liên Xô nhằm xây dựng một hệ thống an ninh tập thể có hiệu lực đều đã không được các nhà lãnh đạo các nước tư bản chủ nghĩa ủng hộ. Và điều này cũng là tự nhiên thôi. Toàn bộ sự phức tạp, trái ngược và sự bi thảm của tình thế đã sản sinh ra từ chỗ các giới cầm quyền ở Anh và ở Pháp mong muốn đẩy cho Đức và Liên Xô chạm trán với nhau. Khi mà bom còn chưa nổ trong nhà riêng của họ thì các lợi ích giai cấp của bọn đồng minh xưa kia trong cuộc đấu tranh chống lại Nhà nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên đã dẫn tới một thái độ: lùi bước trước Hít-le. Đa-la-đi-ê và Săm-béc-phanh ảo tưởng rằng họ sẽ thành công trong việc làm đảo lộn được tất cả kịp thời, chạy thoát được khỏi bức tường phát-xít màu nâu đã nghiêng ngả và sắp đổ sập, thậm chí họ còn tưởng rằng, đến phút cuối cùng sẽ xô được nó sang phía Liên Xô. Thậm chí, đến ngày 1-9, khi Đức đã tấn công Ba Lan rồi mà Anh và Pháp, đồng minh của Ba Lan, trên thực tế, vẫn không hề nhúc nhích tí nào tuy họ có tuyên chiến với Đức.

I-ốt, tham mưu trưởng tác chiến thuộc bộ chỉ huy tối cao của Đức, đã công nhận trước tòa án Nu-rem-be rằng: “Nếu chúng tôi không bị đánh bại ngay trong năm 1939 thì chỉ là vì khoảng 110 sư đoàn của Anh và của Pháp, đóng đối diện với 23 sư đoàn Đức lúc chúng tôi đang đánh nhau với Ba Lan đã hoàn toàn án binh bất động ở phía tây”.

Chính phủ quý tộc Ba lan đã khước từ sự giúp đỡ của Liên Xô. Họ “cảnh giác” xây dựng những tuyến phòng thủ và chiến lũy ở phía đông để chuẩn bị chiến tranh với Liên Xô trong khi đó thì quân đội Hít-le lại từ phía tây, phía bắc và phía nam tiến vào và đã nhanh chóng chiếm đoạt được các kho vũ khí. Dù những người yêu nước Ba Lan đã chiến đấu rất anh hùng, quân Đức vẫn vây hãm được quân đội Ba Lan vào trong một cái “chảo” lớn. Thế chiến thứ hai tiếp diễn trên một quy mô ngày càng lớn.

Trong thời gian đáng báo động này, Hồng quân chúng ta như thế nào?
Tại Đại hội lần thứ XVIII của Đảng (tháng 3-1939) đồng chí Ủy viên nhân dân quốc phòng, nguyên soái Liên Xô K.E. Vô-rô-si-lốp đã báo cáo rằng, so với năm 1934 quân số của chúng ta đã tăng hơn gấp đôi và trình độ cơ giới hóa quân đội đã tăng 260%. Đồng chí đã nêu ra những số liệu tổng quát về hỏa lực của các quân đoàn bộ binh, hỏa lực này không thua kém hỏa lực của các quân đoàn Đức hay Pháp. Kỵ binh tăng một lần rưỡi và được tăng cường đáng kể (bình quân là 35%) về đại bác, trung liên, đại liên và xe tăng. Tổng số xe tăng cũng tăng gần 2 lần và hỏa lực của nó tăng gần 4 lần. Pháo tầm xa, các hệ thống pháo bắn nhanh, đặc biệt là pháo chống tăng và pháo của chiến xa đều được tăng cường. Nếu trong năm 1934, toàn bộ lực lượng không quân của chúng ta có thể chở 2.000 tấn bom trong một chuyến bay thì bây giờ đã mang được một khối lượng bom 280% lớn hơn. Không phải chỉ máy bay khu trục mà cả máy bay phóng pháo đều có khả năng bay nhanh trên 500 km/h và bay cao tới 14.000 - 15.000m. Trong báo cáo về công tác của Ban Chấp hành trung ương Đảng Cộng sản (b) Liên Xô đọc trước Đại hội lần thứ XVIII của Đảng, đánh giá nguy cơ của một cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa mới, I.V. Xta-lin đã nói rằng, tuy trước sau vẫn thực hành một đường lối chính trị nhằm giữ gìn hòa bình, nước ta đã đồng thời triển khai một công tác quan trọng nhất nhằm tăng cường khả năng sẵn sàng chiến đấu của Hồng quân và Hạm đội của chúng ta. Và trên thực tế, đúng là như vậy.

Trong ngành nghiên cứu sử học của ta thường biến mất những tài liệu rất quan trọng liên quan đến người và thời gian phát biểu hoặc in các tài liệu đó. Đôi khi một số ý nghĩ và lập luận về những năm trước chiến tranh rút ra từ những tài liệu gián tiếp và các công trình nghiên cứu phụ lại được xem như là những phát kiến mới, mặc dù những ý nghĩ, lập luận và ngay cả đến những việc thực ấy vốn đã sẵn có trong các sách rất dễ tìm thấy ở thư viện.

Nói riêng, những văn kiện của các Đại hội Đảng thời gian ấy có nhiều tư liệu lịch sử phong phú nhất phản ánh một công tác to lớn mà Đảng và nhân dân ta đã tiến hành trong mọi lĩnh vực của cuộc sống. Tiện đây xin nói là những văn kiện ấy không phải do những cá nhân mà là do hàng trăm, hàng ngàn chuyên gia thông thạo - những người đã tham khảo hàng núi tư liệu thực tiễn - nghiên cứu kỹ trước khi đưa một con số nào đó vào một bản báo cáo quan trọng.

Đương nhiên là phát biểu tại Đại hội lần thứ XVIII của Đảng, đồng chí Ủy viên nhân dân quốc phòng đã không thể nêu ra những con số tuyệt đối thể hiện sự hùng cường của quân đội. Nhưng tại những cuộc thương lượng của các phái đoàn quân sự ba nước Liên Xô, Anh và Pháp trong tháng 8-1939 - những cuộc thương lượng này tất nhiên là những cuộc thương lượng bí mật - thì những số liệu cụ thể đã được dẫn ra.

Những cuộc thương lượng này rất đáng được chú ý. Tại đây đã thể hiện rõ ràng là, Chính phủ Liên xô nghiêm túc và thực sự muốn xây dựng cho được một hệ thống an ninh tập thể ở châu Âu, đã thiết thực, sẵn sàng tiến tới rất nhiều trong vấn đề đó Chính phủ Liên Xô đã trực tiếp ủy nhiệm cho các đại biểu quân sự của mình “ký kết một công ước quân sự về các vấn đề tổ chức việc vũ trang phòng vệ của Anh, Pháp và Liên Xô chống xâm lược ở châu Âu”.

Nhưng có điều chúng ta phải nói thẳng ra là Anh và Pháp đã cử những nhân vật thứ yếu đến thương lượng, đã thể những người này đến thương lượng lại không phải với lòng thành thật quan tâm đến việc xây dựng cho được một sự hợp tác quân sự mà chỉ là để “bắt mạch”, “thăm dò”, mà thôi. Trong một chỉ thị mật gửi phái đoàn Anh, người ta đã không giấu giếm rằng, chính phủ Anh “không muốn nhận lấy cho mình những nghĩa vụ cụ thể nào” có thể “bó chân bó tay” mình. Phái đoàn được ủy nhiệm tiến hành thương lượng “rất chậm rãi”, “tiếp xúc một cách dè dặt” với người Nga, và, trong vấn đề hiệp ước quân sự thì “cố gắng giới hạn được bao nhiêu hay bấy nhiêu trong những điều khoản chung chung mà thôi”.

Xin trích dẫn một số đoạn trong các biên bản hồi đó, những đoạn nói lên khả năng chiến đấu của lực lượng quân đội mà chúng ta sẵn sàng triển khai tại vùng biên giới phía tây đất nước mình.

BIÊN BẢN PHIÊN HỌP
CỦA CÁC PHÁI ĐOÀN QUÂN SỰ LIÊN XÔ, ANH VÀ PHÁP

Ngày 15 tháng 8 năm 1939

Phiên họp bắt đầu lúc 10 giờ 07 phút,
kết thúc lúc 13 giờ 20 phút.

Tư lệnh tập đoàn quân B.M. Sa-pô-sni-cốp: Tại phiên họp trước của các phái đoàn quân sự, chúng ta đã nghe trình bày kế hoạch triển khai quân đội Pháp ở phía tây. Theo đề nghị của các phái đoàn quân sự Anh, Pháp và được sự ủy nhiệm của phái đoàn quân sự Liên Xô, tôi xin trình bày kế hoạch triển khai các Lực lượng vũ trang của Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô-viết tại biên giới phía tây nước mình.

Để chống lại một cuộc xâm lược ở châu Âu, Hồng quân tại phần đất ở châu Âu của Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô-viết sẽ triển khai và huy động ra mặt trận:

120 sư đoàn bộ binh, 16 sư đoàn kỵ binh, 5.000 súng lớn (trong đó có cả pháo nòng dài và lựu pháo) từ 9.000 đến 10.000 xe tăng, từ 5.000 đến 5.500 máy bay chiến đấu (không kể máy bay trợ chiến), tức là những máy bay tiêm kích và máy bay ném bom.

Trong số lượng này, không kể đến những đơn vị quân đội tại các khu vực đã được củng cố, những đơn vị phòng không, những đơn vị biên phòng, những đơn vị dự bị để chuẩn bị bổ sung và những đơn vị hậu cần.

Không đi miên man vào các chi tiết về cách tổ chức Hồng quân, tôi xin nói ngắn gọn là: mỗi sư đoàn bộ binh của lực lượng gồm 3 trung đoàn bộ binh và 2 trung đoàn pháo binh. Quân số của một sư đoàn thời chiến là 19.000 người.

Mỗi quân đoàn gồm 3 sư đoàn và có lực lượng pháo binh của mình là 2 trung đoàn (đô đốc Đắc-xơ hội ý với tướng Hây-vút rồi đề nghị cho một sĩ quan sẽ ghi lại nội dung thông báo của tư lệnh tập đoàn quân B.M. Sa-pô-sni-cốp và đề nghị này đã được chấp nhận).

Các tập đoàn quân gồm một số quân đoàn - từ 5 đến 8 quân đoàn, đều có lực lượng pháo binh, không quân và xe tăng riêng của mình.

Các đơn vị thuộc những khu vực đã được củng cố có thể sẵn sàng chiến đấu trong khoảng thời gian từ 4 đến 6 tiếng đồng hồ sau khi có báo động chiến đấu.

Liên Xô có những khu vực đã được củng cố khắp dọc toàn bộ biên giới phía tây của mình từ biển Lê-đô-vít đến Biển Đen.

Việc tập kết một tập đoàn quân được thực hiện xong trong vòng từ 8 đến 20 ngày. Mạng lưới đường sắt không những cho phép tập kết được một tập đoàn quân đến biên giới trong khoảng thời gian vừa nói mà còn cho phép thực hiện việc chuyển quân dọc theo mặt trận. Dọc biên giới phía tây chúng tôi có từ 3 đến 5 tuyến đường bộ với một chiều sâu là 300 km.

Hiện nay chúng tôi có một số lượng đầu máy xe lửa lớn và mạnh cùng những toa xe chở hàng nhiều gấp đôi trước đây. Các đoàn xe lửa của chúng tôi có sức trọng tải lớn hơn trước hai lần.

Vận tốc của đoàn tàu cũng đã được nâng cao hơn.

Chúng tôi có một lực lượng đáng kể xe hơi vận tải và những tuyến đường bộ cho phép thực hiện việc tập trung vận tải bằng xe hơi dọc theo mặt trận...

Bây giờ tôi xin trình bày ba cách hành động chung có thể có của các lực lượng vũ trang Anh, Pháp và Liên Xô trong trường hợp có xâm lược ở châu Âu. Phái đoàn quân sự Liên Xô đã duyệt y ba cách hành động này.

Cách thứ nhất là trong trường hợp khối xâm lược tấn công nước Anh và nước Pháp.

Trong trường hợp này Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô-viết sẽ huy động một lực lượng vũ trang bằng 70% tổng số lực lượng vũ trang mà Anh và Pháp sẽ trực tiếp đưa ra chống lại kẻ xâm lược chủ yếu là Đức. Tôi xin nói rõ điểm này. Ví dụ như nếu Pháp và Anh huy động 90 sư đoàn bộ binh ra trực tiếp chống Đức thì Liên Xô sẽ huy động 63 sư đoàn bộ binh, 6 sư đoàn kỵ binh với một số lượng pháo, xe tăng, máy bay tương ứng, cộng khoảng gần 2 triệu người tất cả...

Hạm đội miền Bắc Liên Xô sẽ tuần tiễu ở gần bờ biển của Phần Lan và Na Uy, ngoài vùng biển thuộc các nước này, phối hợp với hạm đội của Anh - Pháp... Hạm đội Ban-tích của Liên Xô có thể triển khai tuần tiễu, mở rộng hoạt động của tàu ngầm và thủy lôi ven bờ biển Đông Phổ và Pô-mê-ra-ni. Những tàu ngầm thuộc Hạm đội Ban-tích của Liên Xô sẽ ngăn cản việc vận chuyển nguyên liệu công nghiệp từ Thụy Điển sang cho kẻ xâm lược chủ yếu.

(Tư lệnh tập đoàn quân B.M. Sa-pô-sni-cốp trình bày kế hoạch hoạt động đến đâu thì đô đốc Đắc-xơ và tướng Hây-vút ghi lại tình huống đến đấy lên những tấm giấy vẽ dày mà họ có sẵn bên mình).

Cách thứ hai cần có hoạt động quân sự là khi Ba Lan và Ru-ma-ni bị xâm lược. Liên Xô chỉ có thể tham gia chiến tranh khi Pháp và Anh đã thỏa thuận được với Ba Lan và nếu có thể cả với Lit-va cũng như với Ru-ma-ni về việc để cho quân đội của chúng tôi hoạt động qua hành lang Vi-len-xki, Ga-li-xi và Ru-ma-ni...

Trong trường hợp này, Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô-viết sẽ huy động một lực lượng quân sự bằng 100% tổng số lực lượng vũ trang mà Anh và Pháp sẽ huy động ra trực tiếp chống Đức. Chẳng hạn, nếu Pháp và Anh huy động 90 sư đoàn bộ binh ra chống Đức thì Liên Xô cũng huy động 90 sư đoàn bộ binh, 12 sư đoàn kỵ binh cùng một lực lượng pháo, máy bay và xe tăng tương ứng.

Nhiệm vụ của hải quân Anh và Pháp vẫn là những nhiệm vụ như đã nói trong cách thứ nhất... Ở phía nam, Hạm đội Biển Đen của Liên xô, sau khi đã ngăn chặn không cho các tàu ngầm của kẻ xâm lược và của những lực lượng hải quân khác đột nhập vào cửa sông Đa-nuýp, sẽ phong tỏa Bô-xpha không cho hạm đội tàu nổi và tàu ngầm của kẻ thù tiến vào Biển Đen.

Cách thứ ba: Cách này được dự kiến cho trường hợp khi kẻ thù chính sử dụng lãnh thổ của Phần Lan, E-xtô-ni-a và Lát-vi-a tiến hành xâm lược Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô-viết.

Trong trường hợp này, nước Pháp và nước Anh phải tham gia ngay vào cuộc chiến tranh chống lại xâm lược hay khối xâm lược.

Gắn bó với Anh và Pháp bằng các hiệp ước, Ba Lan nhất thiết phải đứng lên chống Đức và để cho quân đội của chúng tôi tiến qua hành lang Vi-len-xki và Ga-li-xi theo như các chính phủ Anh và Pháp đã thỏa thuận với chính phủ Ba Lan.

Ở trên đã nói rằng, Liên Xô sẽ triển khai 120 sư đoàn bộ binh, 16 sư đoàn kỵ binh, 5.000 súng hạng nặng, từ 9.000 đến 10.000 xe tăng, từ 5.000 đến 5.500 máy bay. Trong trường hợp này Pháp và Anh phải huy động một lực lượng bằng 70% lực lượng vừa nói của Liên Xô và bắt đầu có ngay những hoạt động tích cực chống lại kẻ xâm lược chủ yếu.

Hạm đội quân sự Anh - Pháp cũng phải tiến hành những hoạt động như đã nói trong cách thứ nhất.

BIÊN BẢN PHIÊN HỌP CỦA CÁC PHÁI ĐOÀN QUÂN SỰ LIÊN XÔ, ANH VÀ PHÁP

Ngày 17 tháng 8 năm 1939

Phiên họp bắt đầu từ 10 giờ 07 phút,

Kết thúc lúc 13 giờ 43 phút.

Nguyên soái K.E. Vô-rô-xi-lốp (chủ tọa phiên họp). Tôi xin tuyên bố: phiên họp của các phái đoàn quân sự bắt đầu.

Trong phiên họp ngày hôm nay, chúng ta sẽ nghe thông báo về các lực lượng không quân của Liên Xô. Nếu không có vấn đề gì khác tôi xin mời tư lệnh tập đoàn quân bậc 2, tư lệnh các lực lượng không quân của Hồng quân công nông Nga Lốc-ti-ô-nốp phát biểu ý kiến.

Tư lệnh tập đoàn quân A.D. Lốc-ti-ô-nốp: Tổng tham mưu trưởng Hồng quân, tư lệnh tập đoàn quân bậc 1 Sa-pô-sni-cốp trong báo cáo của mình tại đây đã nói rằng, trên chiến trường Tây Âu, Hồng quân sẽ triển khai từ 5.000 đến 5.500 máy bay chiến đấu. Số lượng này là lực lượng không quân tuyển một, không kể lực lượng dự trữ.

Trong số máy bay này 80% là máy bay hiện đại có các tốc độ bay như nhau: máy bay tiêm kích - từ 465 đến 575 km/h và hơn nữa, máy bay ném bom - từ 465 đến 575 km/h. Sức bay xa của máy bay ném bom - từ 1.800 đến 4.000 km. Sức tải bom: từ 600 kg trên các máy bay kiểu cũ đến 2.500 kg...

Tỷ lệ giữa máy bay ném bom, máy bay tiêm kích và máy bay trực thuộc các đơn vị là như sau: máy bay ném bom - 55%, máy bay tiêm kích - 40% và máy bay trực thuộc các đơn vị - 5%. Các xí nghiệp sản xuất máy bay của Liên Xô lúc này đang làm việc một ca, chỉ có một số làm việc hai ca, và cung cấp cho các nhu cầu cần thiết trung bình được 900 - 950 máy bay chiến đấu trong một tháng, không kể máy bay dân dụng và máy bay huấn luyện.

Do nạn xâm lược đang lan rộng ở châu Âu và ở phía đông, ngành công nghiệp máy bay của chúng tôi đã có những biện pháp cần thiết để mở rộng sản xuất đáp ứng thật đầy đủ những nhu

cầu của chiến tranh...

Những binh đoàn cơ bản của không quân sẵn sàng chiến đấu trong vòng từ 1 đến 4 tiếng đồng hồ sau khi có lệnh báo động, còn các trung đoàn trực ban thì thường xuyên sẵn sàng chiến đấu. Trong giai đoạn đầu của chiến tranh, lực lượng không quân sẽ hoạt động đúng theo những kế hoạch đã được vạch ra của Bộ Tổng tham mưu. Nguyên tắc chung cho hoạt động của không quân sẽ được xác định theo nguyên tắc tập trung cố gắng của tất cả các phương tiện, trên mặt đất cũng như trên không, vào hướng đột kích chính. Do đó hoạt động của không quân sẽ phối hợp chặt chẽ với các đơn vị mặt đất trên trận địa và trên chiều sâu của chiến dịch.

Những mục tiêu của máy bay ném bom và sinh lực địch và hàng loạt căn cứ quân sự quan trọng của chúng. Ngoài ra lực lượng đó sẽ nhận nhiệm vụ đánh vào cả những căn cứ quân sự ở sâu trong hậu phương địch. Không quân Xô-viết không đặt ra cho mình nhiệm vụ oanh tạc vào thường dân.

Bên cạnh việc hiệp đồng chặt chẽ với các phương tiện phòng không khác - pháo cao xạ và những phương tiện tương tự - để bảo vệ hàng loạt căn cứ quân sự, tuyến đường sắt và đường bộ quan trọng, các nơi tập kết lực lượng quân và không quân, bảo vệ các thành phố lớn, lực lượng máy bay tiêm kích còn có nhiệm vụ chiến đấu với không quân địch và bảo đảm cho các hoạt động chiến đấu của lực lượng máy bay ném bom và máy bay cường kích trên chiến trường trong sự hiệp đồng chặt chẽ với các lực lượng đó.

Nguyên soái K.E. Vô-rô-xi-lốp: Xin mời thống chế Béc-nét phát biểu ý kiến.

Thống chế Béc-nét: Nhân danh các phái đoàn của Pháp và của Anh tôi xin cảm ơn tướng Lốc-ti-ô-nốp đã trình bày bản thông báo của mình một cách chính xác. Nghị lực mà tính tổ chức mà Liên Xô dựa vào để đạt được những thành tựu xuất sắc như vậy trong việc xây dựng lực lượng không quân của mình đã gây ra cho tôi một ấn tượng mạnh mẽ...

Những người viết sử và những người viết hồi ký thích đặt câu hỏi: “Nếu,... thì sẽ thế nào?”. Quả thật là, nếu như các chính phủ Anh và Pháp ngay từ năm 1939 đã muốn liên kết lực lượng quân sự của mình với Liên Xô để chống lại kẻ xâm lược như chúng ta đã đề nghị thì số phận châu Âu sẽ khác...

Tháng 3-1940, Ban Chấp hành trung ương Đảng Cộng sản (b) Liên Xô họp hội nghị. Cuộc họp này có ý nghĩa to lớn đối với sự tiếp tục phát triển hơn nữa các lực lượng vũ trang chúng ta. Hội nghị đã tổng kết cuộc chiến tranh với Phần Lan. Cuộc thảo luận thật là sâu sắc, chế độ huấn luyện quân sự và giáo dục quân đội đã được đem ra phê phán nghiêm khắc, vấn đề nâng cao một cách đáng kể khả năng chiến đấu của bộ binh và hạm đội đã được đặt ra.

Giữa tháng 4, theo chỉ thị của Bộ Chính trị Ban Chấp hành trung ương, Tổng Hội đồng quân sự đã họp hội nghị mở rộng. Những người tham gia cuộc chiến tranh với Phần Lan, những cán bộ lãnh đạo bộ máy quân sự trung ương, các quân khu và các tập đoàn quân đã được mời dự cuộc họp này. Hội nghị đã đi đến kết quả là xác định được những nguyên tắc quan trọng nhất trong việc huấn luyện quân sự cho quân đội cho phù hợp với yêu cầu của tình thế. Theo quyết định của Ban Chấp hành trung ương Đảng Cộng sản (b) Liên Xô và của Chính phủ, một ủy ban đặc biệt đứng đầu là các đồng chí A.A. Giơ-đa-nốp và N.A. Vô-đơ-nê-xen-xki đã tiến hành kiểm tra công tác của Bộ Ủy viên nhân dân quốc phòng. Ủy ban đã yêu cầu cơ quan trung ương của ngành quân sự tăng cường một cách đáng kể toàn bộ công tác nhằm củng cố lực lượng, không quân và hạm đội. Dựa vào chỉ thị của Ban Chấp hành trung ương Đảng Cộng sản (b) Liên Xô và dựa vào các ý kiến của Tổng Hội đồng quân sự, Bộ ủy viên nhân dân quốc phòng đã ban bố chỉ lệnh “Huấn luyện quân sự và chính trị cho quân đội trong mùa hè năm 1940”.

Thực chất những đòi hỏi mà giữa năm 1940 Đảng và Chính phủ đã đề ra cho các lực lượng vũ trang của chúng ta là gì?

Căn cứ vào những kết luận về cuộc chiến tranh Liên Xô - Phần Lan và nhất là vào tính chất các hoạt động quân sự của cuộc chiến tranh thế giới đã bắt đầu, nhiệm vụ đặt ra một cách nghiêm chỉnh và toàn diện là: hôm nay huấn luyện cái gì ngày mai cần thiết trong chiến tranh. Tất cả các quân chủng, binh chủng đều bắt đầu được cải tổ lại những biện pháp nghiêm túc nhằm củng cố chế độ một thủ trưởng, trật tự và kỷ luật trong quân đội đã được đề ra. Mệnh lệnh của Bộ Ủy viên nhân dân quốc phòng đòi hỏi các chỉ huy và phụ trách tất cả các cấp cũng như các cơ quan tham mưu phải sửa đổi chế độ huấn luyện và giáo dục quân đội theo quan điểm phù

hợp với đòi hỏi của chiến tranh. Phải huấn luyện cho quân đội gần gũi với những điều kiện của thực tế chiến đấu, luyện tập cho cán bộ và chiến sĩ có sức khắc phục được những sự căng thẳng kéo dài về thể chất, tiến hành những buổi tập chiến thuật cả ban ngày lẫn ban đêm, trong mọi thời tiết, có nghĩa là phải tính đến yếu tố bất ngờ, tuân thủ nguyên tắc luôn luôn ở tư thế sẵn sàng chiến đấu. Chỉ lệnh đòi hỏi các cán bộ chỉ huy binh chủng hợp thành phải nghiên cứu sâu sắc khả năng và đặc tính chiến đấu của các binh chủng khác để biết phối hợp với họ trong mọi hình thức chiến đấu hiện đại.

Cùng với đồng chí ủy viên Hội đồng quân sự quân khu Vla-di-mia Ni-cô-lai-ê-vích Bô-ri-xốp, các cán bộ phòng huấn luyện và phòng tác chiến, chúng tôi đã sinh hoạt ở dưới các đơn vị suốt cả mùa hè. Chúng tôi chú ý chủ yếu đến việc huấn luyện dã chiến cho các cán bộ, các cơ quan tham mưu và cho bộ đội tất cả các quân binh chủng.

Tháng 9-1940, đồng chí Ủy viên nhân dân quốc phòng X.K. Ti-mô-sen-cô đã đến kiểm tra quân đội quân khu (X.K. Ti-mô-sen-cô được cử làm Ủy viên nhân dân quốc phòng ngày 8-5-1940).

Từ 22 đến hết 24 tháng 9, kiểm tra công tác huấn luyện chiến thuật của sư đoàn bộ binh số 41 tại vùng Ra-va Ru-xcai-a. Cuộc diễn tập dã chiến hai bên có cả không quân của quân khu tham gia. Pháo binh của sư đoàn bộ binh 41 học tập rất tốt.

Từ 25 đến hết 27 tháng 9, sư đoàn 99 diễn tập. Sư đoàn đã đạt kết quả loại giỏi và được tặng Huân chương Cờ Đỏ. Pháo binh của sư đoàn được tặng cờ đỏ luân lưu của pháo binh Hồng quân.

Từ 27 tháng 9 đến hết ngày 4 tháng 10, diễn tập dã chiến của các cơ quan tham mưu thuộc quân đoàn bộ binh 37, quân đoàn bộ binh 6, lữ đoàn xe tăng 36 và sư đoàn bộ binh 97. Các cơ quan tham mưu đều tỏ ra có năng lực tổ chức cao và có thái độ sáng tạo trong công tác, bảo đảm cho bộ tư lệnh có được mọi điều kiện để liên tục điều khiển được quân đội trong một tình huống phức tạp và biến đổi nhanh chóng.

Do đạt được kết quả huấn luyện hạng giỏi, cơ quan tham mưu của quân đoàn bộ binh 37 được tặng Cờ Đỏ luân lưu của Bộ Tổng tham mưu Hồng quân còn đồng chí tư lệnh quân đoàn X.M. Côn-đru-xép và đồng chí tham mưu trưởng Men-đrốp được thưởng đồng hồ vàng. Nhiều cán bộ chỉ huy đã nhận được những tặng phẩm quý giá.

Gần một năm sau những cuộc diễn tập này, quân đoàn bộ binh 37 cũng như các sư đoàn bộ binh 41, 99 và 97 đã chiến đấu với những đội quân tinh nhuệ của bọn phát-xít. Chiến sĩ và cán bộ những binh đoàn này đã chiến đấu dũng cảm trong những ngày đầu khó khăn nhất của chiến tranh.

Phải nói rằng những cuộc kiểm tra diễn tập có các đồng chí lãnh đạo quân sự cao cấp tham dự đã có rất nhiều tác dụng giáo dục và động viên. Đồng chí X.K. Ti-mô-sen-cô am hiểu cặn kẽ việc huấn luyện quân sự cho chiến sĩ và cho các đơn vị, đồng chí rất thích công việc này. Từ khi đồng chí được cử làm Ủy viên nhân dân quốc phòng, theo yêu cầu của Đảng, một phương hướng đúng đã được vạch ra để huấn luyện quân sự cho quân đội, đó là phương châm huấn luyện những gì cần thiết cho chiến tranh. Chúng tôi bắt đầu chăm lo đặc biệt nhiều tới công tác quân báo và việc lợi dụng địa hình trong chiến đấu tiến công cũng như trong chiến đấu phòng ngự.

Chúng tôi không ngừng giáo dục cho chiến sĩ, hạ sĩ quan và sĩ quan rằng, phân đội và đơn vị chỉ trở thành một lực lượng gây khủng khiếp cho quân thù khi toàn thể cán bộ và chiến sĩ của chúng ta được huấn luyện chu đáo. Nhân vấn đề này, tôi trân trọng nhớ tới đồng chí cục trưởng cục tuyên truyền chính trị quân khu, chính ủy sư đoàn Ê-phim Ta-ra-xô-vích Pô-gi-đa-ép. Đồng chí đã làm được nhiều việc có ích trong lĩnh vực giáo dục huấn luyện quân đội.

Tôi chỉ nhắc tới một cuộc kiểm tra mà đồng chí Ủy viên nhân dân quốc phòng X.K. Ti-mô-sen-cô đã tiến hành trong quân khu.

Những cuộc diễn tập kiểm tra như vậy, bộ tư lệnh quân khu đã tiến hành nhiều trong năm 1940 và vì vậy không phải ngẫu nhiên mà trong những ngày đầu tiên của chiến tranh, bộ đội Phương diện quân Tây-nam đã chiến đấu thành thạo và dũng cảm, giáng cho quân thù những đòn đáng kể.

Cuối tháng 9-1940, Bộ Tổng tham mưu thông báo cho biết là, theo chỉ thị của Ban Chấp hành trung ương Đảng, một hội nghị cán bộ cao cấp của quân đội sẽ được triệu tập họp ở Mát-xcơ-va trong tháng 12. Tôi được giao nhiệm vụ báo cáo về "Tính chất các chiến dịch tấn công hiện

đại". Ngoài ra còn trù tính tiến hành một cuộc diễn tập chiến dịch - chiến lược lớn và tôi được giao nhiệm vụ chỉ huy quân "xanh". Đồng chí Ủy viên nhân dân quốc phòng yêu cầu tôi phải đệ trình dự thảo báo cáo lên đồng chí ấy trước ngày 1-11.

Vấn đề phải trình bày thì phức tạp mà nơi trình bày lại là một hội nghị cao cấp, cho nên trong suốt một tháng ròng tôi phải dành nhiều thời gian ngày đêm chuẩn bị bản báo cáo ấy. Đồng chí I-van Khri-xtô-phô-rô-vích Ba-gra-mi-an, trưởng phòng tác chiến cục tham mưu quân khu đã giúp tôi nhiều trong công việc này.

Dự thảo báo cáo của tôi đã được báo cáo lên đồng chí Ủy viên nhân dân quốc phòng trước ngày đã định. Và hai tuần sau đồng chí Tổng Tham mưu trưởng K.A. Mê-rét-xcốp đã gọi điện thoại cho biết dự thảo báo cáo của tôi đã được lãnh đạo thông qua và tôi cần chuẩn bị sẵn sàng để phát biểu.

Hội nghị đã họp cuối tháng 12-1940. Tham gia hội nghị này có các đồng chí tư lệnh các quân khu và các tập đoàn quân, các đồng chí ủy viên Hội đồng quân sự và tham mưu trưởng các quân khu và các tập đoàn quân, các đồng chí chỉ hiệu trưởng tất cả các học viện quân sự, các giáo sư và tiến sĩ khoa học quân sự, các đồng chí cục trưởng các cục ở trung ương, và các đồng chí cán bộ lãnh đạo trong Bộ Tổng tham mưu. Các đồng chí ủy viên Bộ Chính trị Ban Chấp hành trung ương Đảng Cộng sản (b) Liên Xô đã tham dự hội nghị trong suốt thời gian họp.

Nhiều bản báo cáo quan trọng đã được trình bày. Đại tướng I.V. Tiu-lê-nép đã chuẩn bị một báo cáo quy mô "Về tính chất của một chiến dịch phòng ngự hiện đại". Bám sát vấn đề, đồng chí đã không vượt quá phạm vi chiến đấu phòng ngự của một tập đoàn quân và không nêu ra những đặc điểm của công tác phòng ngự chiến lược hiện đại.

Tư lệnh không quân của Hồng quân, trung tướng P.V. Rư-cha-gốp đặc biệt nổi tiếng ở Tây Ban Nha, đã trình bày báo cáo "Không quân trong tấn công và trong chiến đấu giành quyền làm chủ trên không". Đây là một bản báo cáo có nội dung phong phú.

Trung tướng A.K. Xmiếc-nốp báo cáo về vấn đề "sư đoàn bộ binh trong tấn công và phòng ngự".

Tổng Tham mưu trưởng, đại tướng K.A. Mê-rét-xcốp báo cáo về các vấn đề tổng quát trong công tác chuẩn bị chiến đấu và chiến dịch của Hồng quân. Đồng chí đã đặc biệt nhấn mạnh tình trạng chưa được huấn luyện đầy đủ của các cán bộ chỉ huy cao cấp và của các cơ quan tham mưu mọi cấp. Lúc đó tình trạng này phần nào là hậu quả của việc đề bạt hàng loạt những cán bộ trẻ và chưa được huấn luyện đầy đủ về mặt chiến dịch - chiến thuật và công tác tham mưu lên những cương vị công tác cao hơn.

Bản báo cáo của tư lệnh Quân khu Bê-lô-ru-xi, thượng tướng Đ.G. Páp-lốp "Về vấn đề sử dụng các binh đoàn cơ giới trong chiến dịch tấn công hiện đại" đã được mọi người chú ý. Vấn đề này lúc đó là một vấn đề mới và lớn. Trong bản báo cáo rất có lý lẽ của mình, đồng chí Đ.G. Páp-lốp đã khéo léo chứng minh rằng, các quân đoàn xe tăng và cơ giới có khả năng cơ động và có sức mạnh thọc sâu lớn mà lại ít bị hỏa lực của pháo và của máy bay sát thương hơn các binh chủng khác.

Báo cáo của tôi "về tính chất các chiến dịch tấn công hiện đại" cũng đã được mọi người lắng nghe. Những đồng chí tham dự hội nghị đã đưa ra nhiều ý kiến bổ sung và nhận xét phê phán quý giá.

Tất cả các đồng chí đã tham gia thảo luận và cả đồng chí Ủy viên nhân dân quốc phòng trong báo cáo tổng kết của mình đều nhất trí rằng, nếu phát-xít Đức gây ra chiến tranh chống lại Liên Xô thì chúng ta sẽ phải đương đầu với một quân đội mạnh nhất của phương Tây. Hội nghị đã nhấn mạnh rằng quân đội này có binh chủng xe tăng, xe bọc thép, bộ đội cơ giới và không quân hùng mạnh và có nhiều kinh nghiệm trong việc tổ chức và chỉ huy một cuộc chiến tranh hiện đại.

Tất cả các đồng chí đã phát biểu ý kiến đều cho là cần phải tiếp tục xây dựng các binh đoàn xe tăng và cơ giới cỡ sư đoàn, quân đoàn để có lực lượng tương đương với quân đội Đức. Hội nghị cũng đã nói nhiều đến việc cải tổ và vũ trang lại cho không quân, cho các đơn vị phòng không và chống tăng và cả việc cơ giới hóa sức kéo pháo để nâng cao tính cơ động của pháo binh, làm cho pháo có thể đi qua được những nơi không có đường.

Nói chung, Hội nghị đã chứng tỏ rằng tư tưởng - lý luận quân sự Xô-viết cơ bản đã xác định được đúng những phương hướng chủ yếu trong sự phát triển của nghệ thuật quân sự hiện đại.

Cần phải đưa được lý luận đó càng nhanh càng tốt vào thực tiễn chiến đấu của quân đội. Dựa vào các kết luận của Hội nghị, ít lâu sau đã đề ra nhiều biện pháp tiếp tục nâng cao trình độ sẵn sàng chiến đấu của quân đội các quân khu biên giới và hoàn thiện nghệ thuật công tác tham mưu. Các quân khu đã tổ chức đợt huấn luyện và diễn tập mới về chiến dịch - chiến lược, đã vạch kế hoạch bảo vệ biên giới quốc gia, đã củng cố thêm tính tổ chức trong quân đội. Sau hội nghị một ngày, lễ ra có một cuộc tập trận lớn nhưng bất thành lành chúng tôi được triệu tập đến gặp đồng chí I.V. Xta-lin.

I.V. Xta-lin đã tiếp đón chúng tôi một cách khá lạnh lùng, hơi khế gật đầu chào chúng tôi rồi mời ngồi vào bàn.

Đồng chí trách X.K. Ti-mô-sen-cô đã kết thúc hội nghị mà không hỏi ý kiến đồng chí về bản báo cáo tổng kết của Ủy viên nhân dân quốc phòng. X.K. Ti-mô-sen-cô đã trình bày lại rằng đồng chí đã gửi dự thảo báo cáo tổng kết của mình lên I.V. Xta-lin rồi và nghĩ là I.V. Xta-lin đã đọc bản dự thảo ấy rồi mà không có nhận xét gì.

- Lúc nào các đồng chí bắt đầu tập trận? - I.V. Xta-lin hỏi.

- Sớm mai, - X.K. Ti-mô-sen-cô trả lời.

- Thế thì tốt, các đồng chí cứ tập trận đi, sau đó đừng giải tán ngay các đồng chí tư lệnh. Ai đóng vai bên “xanh” ai đóng vai bên “đỏ”?

- Đại tướng Giu-cốp chỉ huy quân “xanh” (bên Tây) còn thượng tướng Páp-lốp chỉ huy quân “đỏ” (bên Đông).

Sớm hôm sau, cuộc tập trận lớn về chiến dịch - chiến lược bắt đầu. Những sự kiện có thể xảy ra tại biên giới phía tây trong trường hợp Đức tấn công Liên Xô đã được lấy làm cơ sở cho tình huống chiến lược.

Lãnh đạo cuộc tập trận này là đồng chí Ủy viên nhân dân quốc phòng X.K. Ti-mô-sen-cô và đồng chí Tổng Tham mưu trưởng K.A. Mê-rét-xcốp. Các đồng chí đó “đóng vai” tư lệnh hướng chiến lược tây-nam. Ước định rằng bên “xanh” (Đức) là bên tấn công còn bên “đỏ” (Hồng quân) là bên phòng ngự.

Mục đích cơ bản của cuộc tập trận về chiến lược quân sự là kiểm tra lại xem những điểm chủ yếu trong kế hoạch bố trí và hoạt động của quân đội trong thời kỳ đầu chiến tranh có thiết thực và hợp lý hay không?

Cần phải nêu công lao của Bộ Tổng tham mưu: những hoạt động chiến tranh mới nhất của quân đội phát-xít Đức ở châu Âu đã được phản ánh trên một mức độ đáng kể trong tất cả các tài liệu chuẩn bị cho cuộc tập trận này.

Trên hướng chiến lược phía tây, cuộc tập trận đã diễn ra trên một mặt trận từ Đông Phổ đến Pô-li-xi-ê. Lực lượng hai bên: bên Tây (bên “xanh”) có hơn 60 sư đoàn, bên Đông (bên “đỏ”) có trên 50 sư đoàn. Hoạt động của lực lượng được những lực lượng mạnh của không quân yểm hộ. Trong cuộc tập trận này đã để cho quân bên Đông nhiều lần sa vào những tình huống bi đát. Những tình huống ấy rất giống với tình huống xảy ra ngày 22-6-1941, khi Đức phát-xít tấn công Liên Xô...

Lúc kết thúc cuộc diễn tập, đồng chí Ủy viên nhân dân quốc phòng đã lệnh cho tư lệnh các bên - cho Đ.G. Páp-lốp và tôi - tiến hành phân tích kiểm điểm riêng, nhận xét những thiếu sót và những nhân tố tích cực trong hoạt động của các bên dự tập.

I.V. Xta-lin đề nghị tiến hành cuộc kiểm điểm phân tích chung tại điện Crem-lanh và mời những cơ quan lãnh đạo Bộ Ủy viên nhân dân quốc phòng và Bộ Tổng tham mưu, các đồng chí tư lệnh và tham mưu trưởng các quân khu tới họp. Ngoài đồng chí I.V. Xta-lin ra, còn có các đồng chí ủy viên Bộ Chính trị tham dự.

Tổng Tham mưu trưởng, đại tướng K.A. Mê-rét-xcốp báo cáo lại diễn biến của cuộc tập trận. Khi đồng chí nêu ra những số liệu về tương quan lực lượng hai bên và về ưu thế của bên “xanh” trong thời kỳ đầu cuộc diễn tập, đặc biệt là về xe tăng và không quân, I.V. Xta-lin đã khó chịu vì thất bại của bên “đỏ”, đồng chí ngắt lời K.A. Mê-rét-xcốp và nói:

- Không được quên rằng, trong chiến tranh không phải chỉ đa số số học là quan trọng mà cả nghệ thuật của cán bộ chỉ huy và của quân đội cũng là quan trọng.

Sau khi nêu ra một vài nhận xét nữa, I.V. Xta-lin hỏi:

- Đồng chí nào muốn phát biểu?

Đồng chí Ủy viên nhân dân quốc phòng X.K. Ti-mô-sen-cô lên tiếng. Đồng chí đã báo cáo về sự

trưởng thành của các tư lệnh và tham mưu trưởng quân khu về mặt chiến dịch - chiến thuật nêu lên lợi ích rõ ràng của hội nghị và của cuộc tập trận về mặt chiến lược vừa qua.

- Sang năm huấn luyện 1941, - X.K. Ti-mô-sen-cô nói, - quân đội sẽ có thể được chuẩn bị một cách có chủ đích hơn, có tổ chức hơn, vì rằng đến lúc đó quân ta sẽ được bố trí xong tại những khu vực đóng quân mới.

Sau đó thượng tướng Đ.G. Páp-lốp phát biểu ý kiến. Đồng chí mở đầu bằng việc đánh giá cuộc hội nghị vừa qua.

- Nguyên nhân những hoạt động bất lợi của quân bên “đỏ” là ở đâu? - I.V. Xta-lin hỏi.

Đ.G. Páp-lốp định đánh trống lảng bằng cách nói đùa rằng trong khi tập vẫn thường xảy ra như vậy. Rõ ràng là câu nói bông này không làm vừa lòng I.V. Xta-lin. Đồng chí liền nhận xét:

- Tư lệnh một quân khu phải nắm vững nghệ thuật chiến tranh, phải biết tìm ra những giải pháp đúng trong bất kỳ tình huống nào, nhưng trong cuộc tập trận vừa rồi ở đồng chí thiếu những cái đó. Còn ai có ý kiến nữa không?

Tôi xin nói.

Sau khi đã nêu lên giá trị to lớn của những cuộc tập trận như vậy đối với việc nâng cao trình độ chiến dịch - chiến lược của cơ quan chỉ huy cao cấp, tôi đề nghị nên tiến hành những cuộc tập trận này nhiều hơn nữa mặc dù tổ chức tập trận như vậy là rất phức tạp. Tôi nói :

- Để nâng cao trình độ quân sự của các tư lệnh và cán bộ tham mưu các quân khu và các tập đoàn quân, cần phải tổ chức những cuộc diễn tập lớn ở ngoài trời về công tác chỉ huy và tham mưu với các phương tiện giao thông liên lạc dưới sự lãnh đạo của đồng chí Ủy viên nhân dân quốc phòng và của Bộ Tổng tham mưu.

Sau đó tôi đã đề cập đến việc xây dựng những khu vực được củng cố ở miền Tây Bê-lô-ru-xi.

- Theo tôi, ở miền Tây Bê-lô-ru-xi các tuyến được củng cố nằm quá gần biên giới và như vậy là nằm ở thế chiến đấu cực kỳ bất lợi đặc biệt là ở vùng đất lồi Bê-lô-xtốc. Quân thù có thể từ Bre-xto và Xu-van-ca đánh vào hậu phương toàn bộ cánh quân ta ở Bê-lô-xtốc. Ngoài ra do có chiều sâu không lớn lắm, những tuyến được củng cố này không thể cầm cự lâu dài được vì pháo địch có thể bắn vào khắp trận địa ta. Tôi cho rằng cần phải xây dựng các tuyến được củng cố này tại một nơi nào đó ở sâu hơn nữa.

- Thế ở Û-crai-na xây dựng các tuyến được củng cố có đúng không? - Đ.G. Páp-lốp hỏi, rõ ràng là không bằng lòng vì tôi đã phê bình quân khu đồng chí ấy.

- Tôi chưa chọn tuyến để xây dựng các tuyến được củng cố ở Û-crai-na, nhưng tôi nghĩ rằng, cả ở đây nữa cũng cần phải xây dựng các tuyến ấy ở xa biên giới.

- Các khu vực được củng cố đều xây dựng theo các kế hoạch đã được Tổng Hội đồng quân sự phê chuẩn, và đồng chí Phó Ủy viên nhân dân quốc phòng, nguyên soái B.M. Sápô-sni-cốp đích thân chỉ đạo công việc xây dựng cụ thể. - K.E. Vô-rô-si-lốp đột nhiên có ý kiến phản đối.

Vì cuộc tranh luận đã bắt đầu, tôi ngừng phát biểu và ngồi xuống ghế.

Sau đó một số tướng lĩnh có cương vị lãnh đạo đã phát biểu về một loạt những vấn đề cần thảo luận.

Đồng chí tư lệnh không quân của Hồng quân, tướng P.V. Rư-cha-gốp đã phát biểu rất xác đáng. Đồng chí ấy đã nhấn mạnh rằng, cần phải nhanh chóng phát triển lực lượng không quân của chúng ta trên cơ sở những máy bay hiện đại nhất và phải hoàn thiện công tác huấn luyện quân sự cho phi công.

Bài phát biểu của đồng chí Phó Ủy viên nhân dân quốc phòng phụ trách vấn đề vũ trang, nguyên soái G.I. Cu-lích đã gây nên những ấn tượng kỳ lạ. Đồng chí đã đề nghị nâng quân số một sư đoàn bộ binh lên tới 16.000 – 18.000 người và bảo vệ chủ trương dùng ngựa kéo pháo. Xuất phát từ kinh nghiệm chiến đấu ở Tây Ban Nha, đồng chí kết luận rằng các đơn vị xe tăng phải lấy việc trực tiếp chi viện cho bộ binh làm hoạt động chủ yếu của mình và chỉ hoạt động từng đại đội và tiểu đoàn một mà thôi.

- Hiện nay, - G.I. Cu-lích nói, - chưa nên thành lập những quân đoàn xe tăng và những quân đoàn cơ giới.

Đồng chí Ủy viên nhân dân quốc phòng X.K. Ti-mô-sen-cô phản đối:

- Các cán bộ lãnh đạo quân đội đều đã thấy cần phải cơ giới hóa quân đội một cách nhanh chóng nhất. Riêng mình đồng chí Cu-lích vẫn còn luẩn quẩn trong vấn đề đó.

I.V. Xta-lin cắt ngang cuộc tranh luận, phê phán quan điểm lạc hậu G.I. Cu-lích. Đồng chí nhận

xét:

- Trong chiến tranh bên nào có nhiều xe tăng hơn và nhiều bộ đội cơ giới hơn, bên ấy sẽ chiến thắng.

Một ngày sau, khi đã họp phân tích xong về cuộc tập trận, tôi được triệu tập lên gặp đồng chí I.V. Xta-lin.

Sau khi đã chào hỏi xong, I.V. Xta-lin nói:

- Bộ Chính trị đã quyết định không để Mê-rét-xcốp làm Tổng Tham mưu trưởng nữa và cử đồng chí lên thay.

Tôi chờ đón mọi chuyện nhưng không hề ngờ đến một quyết định như vậy, và, không biết trả lời thế nào, tôi ngồi im. Cuối cùng tôi đã nói:

- Tôi chưa bao giờ làm công tác tham mưu cả. Tôi luôn ở đơn vị chiến đấu. Tôi không thể làm Tổng Tham mưu trưởng.

- Bộ Chính trị đã quyết định cử đồng chí rồi - I.V. Xta-lin nói, nhấn mạnh vào tiếng “đã quyết định”.

Biết rằng có không đồng ý nữa cũng chẳng ích gì, tôi cảm ơn sự tín nhiệm đó của Bộ Chính trị và nói:

- Nhưng nếu không làm được tốt công tác Tổng Tham mưu trưởng, tôi đề nghị xin được quay trở về đơn vị chiến đấu.
- Được chúng ta đồng ý với nhau là như vậy. Ngày mai sẽ có quyết định của Ban Chấp hành trung ương - I.V. Xta-lin nói.

Mười lăm phút sau, tôi đến gặp đồng chí Ủy viên nhân dân quốc phòng. Vừa mỉm cười, đồng chí vừa nói :

- Mình biết cậu đã khước từ nhiệm vụ Tổng Tham mưu trưởng như thế nào. I.V. Xta-lin vừa nói chuyện bằng điện thoại với mình. Giờ đây cậu trở về quân khu đi và mau trở lại Mát-xcơ-va. Thượng tướng M.P. Kiếc-pô-nô-xơ sẽ được cử làm tư lệnh quân khu thay cậu nhưng đừng chờ M.P. Kiếc-pô-nô-xơ đến, có thể để tham mưu trưởng quân khu M.A Puốc-ca-ép tạm thời thay mặt tư lệnh phụ trách quân khu.

Tôi chưa từng công tác cùng với Mi-kha-in Pê-tơ-rô-vích Kiếc-pô-nô-xơ, nhưng theo những người đã cùng làm việc với đồng chí đó nhận xét, thì đây là một sĩ quan toàn năng rất có kinh nghiệm và đã từng phục vụ trong quân đội cũ. Trong thời gian Cách mạng tháng Hai năm 1917 đồng chí đã được bầu làm Chủ tịch Hội đồng binh sĩ trung đoàn. Đồng chí vào Đảng tháng 5-1918. Từ năm 1934 đến hết năm 1939 đồng chí đã làm giám đốc Trường quân chính bộ binh Ca-dan mang tên Xô-viết tối cao nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô-viết tự trị Ta-ta-rơ. Do có thành tích chỉ huy sư đoàn bộ binh 70 trong một tình huống chiến đấu, đồng chí đã được tặng danh hiệu Anh hùng Liên Xô. Tháng 6-1940, M.P. Kiếc-pô-nô-xơ được cử làm tư lệnh Quân khu Lê-nin-grát.

Tôi vui mừng vì Quân khu đặc biệt Ki-ép được ủy thác cho một tư lệnh xứng đáng như vậy. Đương nhiên cũng như nhiều người khác đồng chí này cũng còn chưa có đủ những tri thức và kinh nghiệm cần thiết để lãnh đạo một quân khu biên giới lớn như vậy, nhưng kinh nghiệm sống, tính cần cù và bản chất khẩn tiếp đã bảo đảm rằng Mi-kha-in Pê-tơ-rô-vích sẽ trở thành một tư lệnh ưu tú của quân đội.

Ngay chiều hôm đó, tôi về Ki-ép để rồi lại từ đây đi Mát-xcơ-va.

Thành thật mà nói, tôi đã đi với một tâm trạng nặng nề. U-crai-na có thành Ki-ép cổ kính và tươi đẹp bao giờ cũng làm cho tôi ưa thích. Nhân dân U-crai-na quý trọng và tín nhiệm tôi, đã bầu tôi làm đại biểu Xô-viết tối cao U-crai-na và đại biểu Xô-viết tối cao Liên Xô. Ban Chấp hành trung ương Đảng U-crai-na đã kiên quyết giúp đỡ quân đội quân khu trong việc tổ chức các lần học tập dã chiến và công tác giáo dục cũng như trong việc tổ chức đời sống.

Trong thời gian ngắn ngủi ở cương vị tư lệnh quân khu, tôi đã có thể đánh giá cao tinh thần cần mẫn và tính sáng tạo trong công việc của tập thể cơ quan quân khu, đặc biệt là của các đồng chí I Kh. Ba-gra-mi-an, E.X. Pơ-tu-khin, N.Đ. Ya-cốp-lép, của các tư lệnh các tập đoàn quân và các chỉ huy trưởng các binh đoàn của quân khu. Tôi tin tưởng sâu sắc vào các đồng chí này và cảm thấy rằng sẽ hoàn toàn có thể trông cậy ở họ trong những thử thách của chiến tranh.

Từ Mát-xcơ-va, đồng chí Ủy viên nhân dân quốc phòng đã nhiều lần gọi điện thoại cho tôi, giục tôi bàn giao nhanh công việc ở quân khu.

Tôi lưu lại ở Ki-ép không lâu và ngày 31-1 tôi đã đến Mát-xcơ-va. Hôm sau, tôi nhận bàn giao của K.A Mê-rét-xcốp và bắt đầu nhận trách nhiệm làm Tổng Tham mưu trưởng.

Chương 9

SÁT TRƯỚC CHIẾN TRANH GIỮ NƯỚC VĨ ĐẠI

SUỐT tháng 2, tôi bận nghiên cứu kỹ những công việc có liên quan trực tiếp tới sự hoạt động của Bộ Tổng tham mưu. Làm việc 15 - 16 giờ một ngày, tôi thường thường ngủ lại ở phòng làm việc. Tôi không thể nói rằng, ngay tức khắc tôi đã nắm được sự hoạt động nhiều mặt của Bộ Tổng tham mưu. Tất cả những điều đó không thể làm được ngay. N.Ph. Va-tu-tin, G.K. Ma-lan-đin, A.M. Va-xi-lép-xki, V.D. I-va-nốp, A.I. Xi-mô-na-ép, N.I. Chét-ve-ri-cốp và các đồng chí khác trong Bộ Tổng tham mưu đã giúp đỡ tôi rất nhiều.

Chúng ta đã có những gì khi chiến tranh bắt đầu, đất nước và các lực lượng vũ trang của ta đã chuẩn bị sẵn sàng để đánh trả quân địch một cách đích đáng chưa?

Trả lời đầy đủ cho câu hỏi quan trọng nhất này trong toàn bộ sự tổng hợp các mặt chính trị, kinh tế, xã hội và quân sự, tính đến tất cả những yếu tố chủ quan và khách quan, đòi hỏi phải có sự nghiên cứu hết sức công phu. Tôi tin rằng các nhà bác học, nhà viết sử của chúng ta sẽ đảm đương được nhiệm vụ đó.

Về phía mình, tôi sẵn sàng nói lên ý kiến, trước hết về mặt quân sự của vấn đề, theo sức và khả năng của mình, dựng lại khung cảnh chung và nêu lên những sự kiện riêng biệt của những tháng và những ngày lo âu trong nửa đầu năm 1941.

Chúng ta hãy bắt đầu từ vấn đề chủ yếu nhất - sự phát triển kinh tế và công nghiệp, cơ sở của khả năng quốc phòng ở nước ta.

Kế hoạch 5 năm lần thứ ba (1938-1942) là sự tiếp tục tất nhiên của các kế hoạch 5 năm lần thứ hai và lần thứ nhất. Mọi người đều biết rằng hai kế hoạch đó đã được thực hiện vượt mức. Công nghiệp trong 4 năm của kế hoạch 5 năm lần thứ nhất tăng hai lần, mức định tăng trong kế hoạch 5 năm lần thứ hai là 2,1 lần, thực tế đã tăng lên 2,2 lần. Lúc này Đại hội XVIII của Đảng cộng sản liên bang (b) lại quy định mức tăng sản phẩm công nghiệp trong 5 năm là 1,9 lần. Liệu có cơ sở gì để cho rằng kế hoạch đó là không thực tế, không hoàn thành được không? Không có. Mà ngược lại.

Đến tháng 6-1941, so với mức đề ra cho cuối năm 1942, tổng sản lượng công nghiệp đã đạt 86%, mức chuyên chở của giao thông đường sắt - 90%. 2.900 nhà máy, nhà máy điện, mỏ than, mỏ kim loại và các xí nghiệp công nghiệp mới khác đã bước vào sản xuất.

Nếu lấy vốn đầu tư tính bằng tiền, thì kế hoạch mới đã dành cho việc xây dựng các xí nghiệp mới và sửa sang các xí nghiệp cũ một khoản chi 182 tỷ rúp so với 103 tỷ rúp trong kế hoạch 5 năm lần thứ hai và 39 tỷ rúp trong kế hoạch 5 năm lần thứ nhất. Từ đó ta thấy rằng, tính cả giá xây dựng có đắt hơn trong những năm gần đó, chúng ta đã huy động một nguồn lực sản xuất nhiều hơn so với nguồn lực huy động trong hai kế hoạch 5 năm trước cộng lại.

Tình hình công nghiệp nặng và đặc biệt là công nghiệp quốc phòng như thế nào? Trong bản báo cáo trước Đại hội XVIII của Đảng Cộng sản liên bang (b) về kế hoạch phát triển kinh tế quốc dân có nói rằng, trong quá trình thực hiện các kế hoạch trước, vì tình hình quốc tế thêm phức tạp, nên đã có những điều chỉnh quan trọng trong việc phát triển công nghiệp nặng, tăng một cách đáng kể nhịp độ đã dự tính về phát triển công nghiệp quốc phòng. Theo kế hoạch 5 năm lần thứ ba, công nghiệp nặng và công nghiệp quốc phòng, vẫn được phát triển đặc biệt nhanh chóng.

Thực vậy, sản lượng hàng năm của toàn bộ công nghiệp trung bình tăng lên 13%, còn công nghiệp quốc phòng tăng 39%. Một loạt các nhà máy chế tạo cơ khí và các nhà máy lớn khác đã được chuyển sang sản xuất kỹ thuật quốc phòng, việc xây dựng các nhà máy quốc phòng đặc biệt loại lớn được đẩy mạnh.

Ban chấp hành trung ương Đảng đã giúp đỡ các xí nghiệp mới sản xuất kỹ thuật chiến tranh

trong việc cung cấp nguyên liệu hiếm và các thiết bị mới nhất. Để các nhà máy quốc phòng lớn có đủ mọi điều kiện đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ, Ban chấp hành trung ương Đảng đã cử các cán bộ Đảng giàu kinh nghiệm, các chuyên gia lớn với tư cách là cán bộ tổ chức tới làm việc ở các nhà máy đó. Cần phải nói rằng I.V. Xta-lin đích thân làm việc nhiều với các xí nghiệp quốc phòng, biết rõ hàng chục giám đốc nhà máy, các cán bộ Đảng, các kỹ sư trưởng, thường xuyên gặp họ, và với tính kiên quyết vốn có của mình, I.V. Xta-lin thúc giục phải thực hiện bằng được những kế hoạch đã định.

Như vậy là, đứng về mặt kinh tế, thấy rõ nền công nghiệp quốc phòng được phát triển không ngừng và nhanh chóng, thậm chí tôi có thể nói là rất gấp.

Thêm nữa, không được quên rằng, một là sự phát triển to lớn đó trong mức độ đáng kể đã đạt được là nhờ ở tinh thần lao động vô cùng khẩn trương của quần chúng, hai là nó diễn ra phần lớn nhờ vào sự phát triển công nghiệp nhẹ và các ngành khác trực tiếp cung cấp cho nhân dân thực phẩm và hàng hóa. Cũng cần phải hiểu thêm rằng sự phát triển của công nghiệp nặng và công nghiệp quốc phòng diễn ra trên cơ sở của nền kinh tế hòa bình, trong khuôn khổ một nước yêu chuộng hòa bình chứ không phải quân sự hóa.

Vì vậy nếu làm mạnh và nghiêng nhiều nữa về mặt này thì sẽ là thực tế chuyển sự phát triển hòa bình của đất nước sang con đường phát triển sản xuất hàng chiến tranh, sẽ dẫn đến sự thay đổi đảo lộn cả cơ cấu của nền kinh tế quốc dân, quân sự hóa nền kinh tế quốc dân, có hại trực tiếp tới lợi ích nhân dân lao động.

Tất nhiên, đứng ở vị trí của những năm sau chiến tranh thì dễ nói rằng đối với loại vũ khí này lẽ ra phải chú trọng nhiều hơn, đối với loại kia - ít hơn. Nhưng thậm chí đứng ở vị trí đó, cũng không thể đòi phải có sự thay đổi căn bản toàn diện về kinh tế đến mức nào đó trong nền kinh tế trước chiến tranh. Tôi xin nói thêm: khi nhớ lại rằng chúng tôi, các cán bộ quân sự đã đòi hỏi ở công nghiệp như thế nào và đòi hỏi những gì trong những tháng hòa bình cuối cùng, tôi thấy là, có khi chúng tôi đã không tính hết đến tất cả những khả năng sản xuất thực tế của nền kinh tế nước ta. Mặc dù, có lẽ, đứng trên cương vị trách nhiệm của mình, chúng tôi vẫn đúng.

Ví dụ, nhiều điều kiện khách quan đã hạn chế những đề nghị của Bộ Ủy viên nhân dân quốc phòng về mở rộng sản xuất hàng loạt máy bay, xe tăng, xe kéo pháo, xe hơi vận tải, phương tiện liên lạc và kỹ thuật chiến tranh khác thuộc loại mới nhất.

Tất nhiên, trong lĩnh vực công nghiệp quốc phòng đã có nhiều thiếu sót, khó khăn mà chúng ta sẽ còn nói tới. Do quy mô xây dựng rộng lớn nên thiếu nhân lực lành nghề, chưa đủ kinh nghiệm sản xuất vũ khí mới và tổ chức sản xuất hàng loạt vũ khí đó. Nhu cầu về phương tiện kỹ thuật chiến đấu và vũ khí ngày càng vùn vụt vượt lên.

Quy chế xét duyệt một loại vũ khí mới để sản xuất hàng loạt như sau:

Thoạt tiên các loại mẫu phải qua những cuộc thí nghiệm của nhà máy có đại diện quân đội tham dự, tiếp sau là các cuộc thí nghiệm trong quân đội, và chỉ sau đó Bộ Ủy viên nhân dân quốc phòng mới kết luận. Chính phủ, có sự tham gia của Ủy viên nhân dân quốc phòng, các Ủy viên nhân dân công nghiệp quốc phòng và các tổng công trình sư, xét đề nghị và thông qua quyết định cuối cùng.

Thực hiện theo quy thể đó mất khá nhiều thời gian. Có khi, trong lúc còn đang chế tạo và thí nghiệm kỹ thuật mới thì các công trình sư đã có loại mới hơn, hoàn thiện hơn, và hoàn toàn đúng theo quy luật là, trong trường hợp này, vấn đề xét duyệt vũ khí bị xếp lại cho đến khi thí nghiệm đầy đủ loại mới nhất.

Nói chung, các nguồn lực sản xuất to lớn được xây dựng trong hai kế hoạch 5 năm trước chiến tranh và đặc biệt trong 3 năm sát trước chiến tranh đã đủ làm cơ sở cho sức phòng thủ của đất nước.

Đứng về quan điểm quân sự, chủ trương của Đảng nhằm phát triển nhanh chóng công nghiệp ở các vùng phía đông, xây dựng các nhà máy sản xuất thời bình nhưng có thể chuyển ngay sang sản xuất phục vụ thời chiến trong một loạt các ngành chế tạo cơ khí, sản xuất dầu hỏa và hoá học, đã có một ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Ở đây đã xây dựng $\frac{3}{4}$ tổng số các lò cao mới, cơ sở dầu lửa lớn thứ hai giữa Vôn-ga và U-ran, các nhà máy lớn luyện kim loại màu ở Trung Á, ngành công nghiệp nặng ở Viễn Đông, các nhà máy lắp ráp xe hơi, các nhà máy liên hợp sản xuất nhôm và các xí nghiệp sản xuất thép ống, thép dẹt, các nhà máy thủy điện.

Trong thời gian chiến tranh, kết hợp với các xí nghiệp được di chuyển tới, miền đông nước ta

đã có một cơ sở công nghiệp mới đủ đảm bảo đánh lui và đánh tan quân thù. Tôi muốn nói vắn tắt về tình hình dự trữ vật tư trước chiến tranh. Những lượng dự trữ này nhằm đảm bảo chuyển nền kinh tế sang kinh tế chiến tranh và nuôi quân đội trong thời gian mà nền kinh tế chưa cung ứng đầy đủ cho nhu cầu thời chiến. Từ năm 1940 đến tháng 6-1941, tổng giá trị các lượng dự trữ vật tư của Nhà nước đã được tăng từ 4 tỷ lên đến 7,6 tỷ rúp. Trong đó bao gồm lượng dự trữ các nguồn lực sản xuất, nhiên liệu, nguyên liệu, năng lượng, kim loại đen và màu, lương thực.

Những lượng dự trữ có sát trước chiến tranh này, mặc dù khá nhỏ bé, đã giúp cho nền kinh tế quốc dân trong năm 1941, là năm có nhiều khó khăn, nhanh chóng có được nhịp độ và quy mô cần thiết để tiến hành chiến tranh.

Như vậy là, nhịp đập của công nghiệp nặng, của công nghiệp quốc phòng là nhanh, trong những năm và những tháng sát trước chiến tranh nó đã đạt tới mức căng thẳng và đầy đủ nhất. Cả đời sống của nhà nước nói chung cũng trở nên khắc khổ hơn, dường như phải thắt lưng buộc bụng lại.

Kỳ họp bất thường lần thứ IV của Xô-viết tối cao Liên Xô vào tháng 9-1939 đã thông qua “đạo luật toàn dân làm nghĩa vụ quân sự”. Theo đạo luật mới này những người 19 tuổi được gọi nhập ngũ, còn đối với những người đã tốt nghiệp trung học, tuổi nhập ngũ quy định là 18. Để nâng cao trình độ thành thạo về kỹ thuật quân sự, thời hạn tại ngũ được tăng lên: đối với các hạ sĩ quan lục quân và không quân từ 2 năm tăng lên 3 năm; đối với toàn bộ chiến sĩ không quân và chiến sĩ hạ sĩ quan bộ đội biên phòng - lên 4 năm, trên các chiến hạm và các đơn vị hải quân - lên 5 năm.

Việc thực hiện nhiệm vụ của kế hoạch 5 năm lần thứ ba nói chung và những nhiệm vụ trong ngành công nghiệp nặng và công nghiệp quốc phòng nói riêng, cũng như nguy cơ xảy ra một cuộc tấn công quân sự vào Liên Xô đòi hỏi phải tăng thêm số lượng thời gian làm việc dành cho nền kinh tế quốc dân. Do đó, Đoàn chủ tịch Xô-viết tối cao Liên Xô ngày 26-6-1940 ra sắc lệnh “về việc chuyển sang ngày làm việc 8 giờ, tuần lễ làm việc 7 ngày, và cấm công nhân viên chức tự ý thôi việc ở xí nghiệp, cơ quan”. Đã thực hiện một hệ thống mới đào tạo công nhân lành nghề trong các trường chuyên nghiệp dạy nghề và đường sắt, các trường kỹ thuật ở các nhà máy, những trường này đào tạo hàng năm trung bình từ 80 vạn đến một triệu người.

Cũng hồi đó, giữa năm 1940, Đoàn chủ tịch xô-viết tối cao Liên Xô đã ra sắc lệnh “về trách nhiệm của xí nghiệp công nghiệp đối với việc sản xuất sản phẩm xấu và đối với việc không tuân thủ các tiêu chuẩn bắt buộc”. Những biện pháp nghiêm ngặt nhằm cải tiến sự lãnh đạo các xí nghiệp được áp dụng; kỷ luật, tinh thần trách nhiệm và nội quy được củng cố. Cơ quan nhà nước, bộ máy quản lý công nghiệp cũng có những thay đổi quan trọng, trở nên linh hoạt hơn, không còn cồng kềnh, không tập trung ở trung ương quá mức cần thiết. Bộ Ủy viên nhân dân công nghiệp quốc phòng chia thành bốn bộ mới: Bộ công nghiệp hàng không, Bộ công nghiệp đóng tàu, Bộ đạn dược, Bộ vũ khí; Bộ Ủy viên nhân dân công nghiệp cơ khí chia thành các Bộ công nghiệp cơ khí nặng, trung và tổng hợp.

Các Bộ Ủy viên nhân dân mới (Bộ giao thông xe hơi, Bộ xây dựng, v.v...) được thành lập, có liên quan trực tiếp tới việc củng cố quốc phòng. Công tác của Hội đồng kinh tế thuộc Hội đồng các Ủy viên nhân dân Liên xô được cải tiến. Trên cơ sở của Hội đồng này đã thành lập các ủy ban công nghiệp quốc phòng, luyện kim, nhiên liệu, cơ khí, v.v... Các nhà hoạt động lớn của Nhà nước, các Phó chủ tịch Hội đồng các Ủy viên nhân dân Liên Xô - N.Đ. Vô-dơ-ne-xen-xki, A.N. Cô-xư-ghin, V.A. Ma-lư-xép, v.v... được cử làm chủ nhiệm các ủy ban.

Tất cả những sự thay đổi đó là cần thiết để đáp ứng với khối lượng công việc ngày càng lớn, với những yêu cầu của việc chuẩn bị phòng thủ tích cực chống ngoại xâm, mà khả năng xảy ra mỗi tháng thêm tăng.

Để thích ứng với điều kiện lúc đó và do có “đạo luật toàn dân làm nghĩa vụ quân sự”, cơ quan quân sự trung ương, các cơ quan quân sự địa phương cũng được hoàn thiện. Tại các nước cộng hòa tự trị, các tỉnh và các biên khu, thành lập các ủy ban quân sự và áp dụng quy chế hoạt động mới của các ủy ban đó.

Những vấn đề có tính nguyên tắc và lớn trong Bộ Ủy viên nhân dân quốc phòng được đem ra xem xét tại Hội đồng quân sự trung ương Hồng quân. Chủ tịch Hội đồng quân sự trung ương là Ủy viên nhân dân quốc phòng, ủy viên của Hội đồng là các Phó Ủy viên nhân dân quốc phòng

và một ủy viên Bộ chính trị Ban chấp hành trung ương Đảng Cộng sản liên bang (b). Những vấn đề đặc biệt quan trọng thường được báo cáo và quyết định với sự có mặt của I.V. Xta-lin và các ủy viên khác trong Bộ chính trị Ban chấp hành trung ương Đảng Cộng sản liên bang (b).

Nghị quyết của Ban chấp hành trung ương Đảng và Chính phủ Liên Xô ngày 8-3-1941 quy định rõ việc phân công trách nhiệm trong Bộ Ủy viên nhân dân quốc phòng Liên Xô. Ủy viên nhân dân quốc phòng lãnh đạo Hồng quân thông qua Bộ Tổng tham mưu, các Phó Ủy viên nhân dân quốc phòng và thông qua hệ thống các tổng cục và các tổng vụ. Tổng cục xe bọc thép, văn phòng Bộ, Tổng cục tài vụ, Tổng cục cán bộ và ủy ban phát minh sáng chế trực tiếp đặt dưới sự lãnh đạo của Ủy viên nhân dân quốc phòng.

Trước chiến tranh, trách nhiệm trong Bộ Ủy viên nhân dân quốc phòng được phân công như sau:

- Phó Ủy viên nhân dân quốc phòng, Tổng tham mưu trưởng, đại tướng G.K. Giu-cốp phụ trách Cục liên lạc, Cục cung cấp nhiên liệu, Tổng cục phòng không, Học viện Bộ Tổng tham mưu và Học viện M.V. Phơ-run-dê.

- Phó Ủy viên nhân dân quốc phòng thứ nhất, nguyên soái Liên Xô X.M Bu-đi-on-nui phụ trách Tổng cục hậu cần, Cục quân y và Cục thú y của Hồng quân, ngành vật tư.

- Phó Ủy viên nhân dân quốc phòng về pháo binh, nguyên soái Liên Xô G.I. Cu-lích phụ trách Tổng cục pháo binh, Cục chống vũ khí hóa học và Học viện pháo binh.

- Phó Ủy viên nhân dân quốc phòng, nguyên soái Liên Xô B.M. Sa-pô-sni-cốp phụ trách Tổng cục công binh, Cục xây dựng công trình phòng thủ.

- Phó Ủy viên nhân dân quốc phòng phụ trách huấn luyện quân sự, đại tướng K.A. Mê-rét-xcốp làm công tác thanh tra tất cả các quân chủng, phụ trách Cục nhà trường quân sự và Cục quân huấn Hồng quân.

- Phó Ủy viên nhân dân quốc phòng, đại tướng P.V. Rư-cha-gốp, chủ nhiệm Tổng cục không quân của Hồng quân.

- Phó Ủy viên nhân dân quốc phòng, chính ủy tập đoàn quân bậc một A.I. Da-pô-rô-giét, chủ nhiệm Tổng cục tuyên truyền chính trị Hồng quân, phụ trách các cơ quan xuất bản và văn hóa giáo dục Hồng quân, Học viện quân chính V.I. Lê-nin, Học viện quân pháp và các trường quân chính.

Tôi muốn nhắc lại rằng, người đứng đầu Bộ Tổng tham mưu Hồng quân, từ năm 1931 là nguyên soái Liên Xô A.I. Ê-gô-rốp, từ năm 1937 là nguyên soái Liên Xô B.M. Sa-pô-sni-cốp, từ tháng 8-1940 là đại tướng K.A. Mê-rét-xcốp.

Bây giờ chúng ta xem các lực lượng vũ trang của chúng ta ở thời gian sát trước chiến tranh như thế nào. Để tiện cho người đọc và để dễ rút ra kết luận, tốt hơn là trình bày tất cả những điều đó theo trình tự: những gì nhân dân, Đảng và Chính phủ đã làm được, những gì chúng ta định làm trong thời gian tới và những gì chưa kịp làm hoặc không làm được. Tất nhiên, chỉ sử dụng một số ít tư liệu để nêu lên những nét cơ bản.

Bộ binh. Tháng 4-1941 đã thực hiện quy chế thời chiến đối với bộ binh. Sư đoàn bộ binh - binh đoàn bộ đội hợp thành cơ bản của Hồng quân - gồm ba trung đoàn bộ binh và hai trung đoàn pháo, một tiểu đoàn chống tăng và một tiểu đoàn pháo cao xạ, một tiểu đoàn công binh và một tiểu đoàn liên lạc, các đơn vị hậu cần và cơ quan. Theo quy chế thời chiến, một sư đoàn có gần 14.500 người, 78 pháo dã chiến, 54 đại bác chống tăng và đại bác 45 mm, 12 pháo cao xạ, 66 súng cối 82 - 120 mm, 16 xe tăng loại nhẹ, 13 xe bọc thép, hơn 3.000 ngựa. Các sư đoàn bộ binh được hoàn chỉnh như vậy có thể là đơn vị chiến đấu khá cơ động và mạnh.

Năm 1939 - 1940 và nửa đầu năm 1941, bộ binh đã có hơn 105.000 trung liên, thương liên, đại liên và trọng liên, gần 85.000 tiểu liên. Đó là còn do việc sản xuất vũ khí bộ binh - pháo binh trong thời gian này có phần bị giảm xuống. Nguyên nhân là vì đã thôi không sản xuất các loại cũ mà sản xuất hàng loạt loại mới lại gặp khó khăn vì nó phức tạp và đòi hỏi kỹ thuật đặc biệt. Giữa tháng 3, X.K. Ti-mô-sen-cô và tôi đề nghị I.V. Xta-lin cho phép động viên thêm quân số hậu bị dành cho các sư đoàn bộ binh để có thể cấp tốc huấn luyện theo yêu cầu chiến đấu hiện đại. Lúc đầu đề nghị của chúng tôi không được chấp nhận; chúng tôi được giải thích lại là, việc động viên quân số dự bị với quy mô đó có thể là cái cớ cho bọn Đức khiêu khích chiến tranh. Song, cuối tháng 3 đã có quyết định động viên 50 vạn chiến sĩ và hạ sĩ quan và đưa quân số đó đến bổ sung cho các quân khu vùng biên giới nhằm nâng quân số các sư đoàn bộ binh lên, dù

chỉ là lên tới 8.000 người.

Để không trở lại vấn đề này nữa, tôi xin nói ngay rằng, ít ngày sau đã có quyết định động viên 30 vạn quân hậu bị để bổ sung các quân nhân chuyên nghiệp cho các khu phòng thủ vững chắc và các quân chủng, binh chủng khác, cho pháo binh dự bị của Bộ tổng tư lệnh, cho công binh, bộ đội liên lạc; bộ đội phòng không và hậu cần của không quân. Như vậy là sát trước chiến tranh, Hồng quân đã được bổ sung thêm gần 80 vạn người. Việc tuyển quân dự định sẽ tiến hành vào tháng 5 - tháng 10 năm 1941.

Tính đến sát trước chiến tranh, tại các quân khu vùng biên giới, trong tổng số không ít các đơn vị - 170 sư đoàn và 2 lữ đoàn - có 19 sư đoàn với quân số 5.000 - 6.000 người mỗi sư đoàn, 7 sư đoàn kỵ binh với quân số 6.000 người mỗi sư đoàn, 144 sư đoàn với quân số 8.000 - 9.000 người mỗi sư đoàn. Tại các quân khu phía trong, đa số các sư đoàn cũng có quân số theo biên chế giảm bớt, và nhiều sư đoàn bộ binh vừa mới được thành lập và đang bắt đầu huấn luyện. Bộ đội xe tăng thiết giáp. Trên kia, khi nói về công nghiệp sản xuất xe tăng của Liên Xô, tôi đã nhấn mạnh đến nhịp độ phát triển cao của nó và trình độ khá hoàn thiện về cơ cấu của các xe của ta. Tới năm 1938, so với thời gian đầu những năm 30, mức sản xuất xe tăng đã tăng hơn 3 lần. Để đáp ứng nhu cầu mới của công cuộc phòng thủ đất nước, Ban chấp hành trung ương Đảng và Chính phủ Liên Xô đã đề ra cho các công trình sư và những người sản xuất xe tăng nhiệm vụ chế tạo những xe tăng có lớp vỏ bảo vệ bằng thép khỏe hơn, súng mạnh hơn, có sức cơ động cao và sử dụng được bền hơn. Trong những năm 1939 - 1940, nhiệm vụ này được hoàn thành một cách rực rỡ.

Các nhóm công trình sư tài giỏi dưới sự lãnh đạo của G.Ya. Cô-tin đã chế tạo xe tăng hạng nặng KV, dưới sự lãnh đạo của M.I. Cô-skin, Á.A. Mô-rô-dốp và N.A. Cu-che-ren-cô đã chế tạo xe tăng hạng vừa T-34 nổi tiếng. Những người sản xuất động cơ đã chế tạo động cơ đi-ê-zen cực mạnh V-2 cho xe tăng. Các xe tăng KV và T-34 là những xe loại tốt nhất được chế tạo sát trước chiến tranh. Và trong quá trình chiến tranh, các xe tăng này đã giữ vững ưu thế đối với những xe tăng loại tương đương của quân địch. Vấn đề là làm thế nào để nhanh chóng sản xuất nó ra hàng loạt.

Theo chỉ thị tháng 12-1940 của Ban chấp hành trung ương Đảng, sau khi nghiên cứu tình hình sản xuất các xe tăng loại mới, Hội đồng quốc phòng đã báo cáo với Ban chấp hành trung ương Đảng rằng, do một số nhà máy không hoàn thành kế hoạch và có những khó khăn lớn trong quá trình sản xuất nên việc trang bị xe tăng KV và T-34 cho quân đội hết sức chậm. Chính phủ đã đề ra những biện pháp khắc phục. Cùng một lúc, Ban chấp hành trung ương Đảng và Hội đồng các Ủy viên nhân dân đã thông qua quyết định "tổ chức sản xuất hàng loạt các xe tăng ở Pô-vôn-gie và U-ran". Quyết định này có ý nghĩa đặc biệt đối với công cuộc phòng thủ đất nước. Từ tháng 1-1939 đến ngày 22-6-1941, Hồng quân đã được trang bị hơn 7.000 xe tăng, riêng năm 1941 nền công nghiệp đã cung cấp gần 5.500 chiếc tất cả các loại. Về xe tăng KV và T-34, tới đầu chiến tranh các nhà máy đã sản xuất được 1.861 chiếc. Tất nhiên, số lượng đó là ít. Thực tế là mãi đến 6 tháng cuối năm 1940, loại xe tăng này mới bắt đầu được đưa tới bộ đội các quân khu vùng biên giới.

Cùng với những khó khăn về số lượng lại có thêm những vấn đề về tổ chức. Có thể người đọc còn nhớ rằng quân đội ta đã là quân đội đi đầu trong việc thành lập các đơn vị cơ giới lớn - binh đoàn, lữ đoàn và quân đoàn. Song vì không coi trọng kinh nghiệm sử dụng các đơn vị cỡ đó trong điều kiện đặc biệt ở Tây Ban Nha, nên chúng ta đã giải tán các quân đoàn cơ giới. Tuy vậy, ngay từ trận đánh ở Khan-khin Gôn, nhờ tích cực sử dụng các đơn vị xe tăng cơ động, chúng ta đã giành được nhiều thắng lợi. Quân Đức đã sử dụng rộng rãi các xe tăng lớn trong khi đi xâm lược các nước châu Âu.

Cần thiết phải gấp rút lập lại các đơn vị xe tăng thiết giáp lớn.

Năm 1940, bắt đầu xây dựng các quân đoàn cơ giới, sư đoàn xe tăng và cơ giới mới. Chín quân đoàn cơ giới đã được thành lập. Tháng 2-1941, Bộ Tổng tham mưu đã đề ra kế hoạch thành lập nhiều đơn vị xe tăng thiết giáp và cơ giới hơn so với nghị quyết năm 1940 của Chính phủ.

Tính đến số lượng bộ đội xe tăng cơ giới trong quân đội Đức, Ủy viên nhân dân quốc phòng và chúng tôi đã đề nghị nên lấy các lữ đoàn xe tăng hiện có và thậm chí cả các binh đoàn kỵ binh là những đơn vị về mặt "tinh thần cơ động" gần hơn cả với bộ đội xe tăng để xây dựng các quân đoàn cơ giới.

I.V. Xta-lin chắc là chưa có ý kiến dứt khoát về vấn đề này nên do dự. Thế là thời gian trôi qua và mãi tháng 3-1941 mới có quyết định thành lập 20 quân đoàn cơ giới mà chúng tôi đề nghị. Song, chúng tôi đã không tính đúng khả năng khách quan của ngành công nghiệp xe tăng của ta. Để trang bị đầy đủ các quân đoàn cơ giới mới, chỉ riêng xe tăng loại mới đã cần có 16.600 chiếc, còn tổng số các loại xe tăng thì cần 32.000. Trong một năm, thực tế là trong bất kỳ điều kiện nào, cũng không thể lấy đâu ra được số lượng xe tăng như thế, cán bộ kỹ thuật, chỉ huy cũng không đủ.

Như vậy là, đến đầu chiến tranh chúng ta mới trang bị được non nửa số quân đoàn đã thành lập. Và chính những quân đoàn này đã đóng vai trò to lớn trong việc đánh lui những trận tấn công đầu tiên của quân thù. Còn những quân đoàn cơ giới và xe tăng đang ở thời kỳ thành lập khi chiến tranh bắt đầu, thì đã được sử dụng để tổ chức lực lượng dự bị chiến lược và hoạt động của nó chủ yếu là ở giai đoạn thứ hai của chiến tranh.

Pháo binh. Theo tài liệu lưu trữ chính xác, từ ngày 1-1-1939 đến ngày 22-6-1941, Hồng quân đã nhận của ngành công nghiệp 29.637 pháo dã chiến, 52.407 súng cối, tổng số pháo và súng cối tính cả đại bác trên xe tăng là 92.578. Phần lớn số vũ khí này trang bị cho pháo binh trực thuộc, nằm trong biên chế các bộ đội và binh đoàn. Pháo binh trực thuộc ở các quân khu biên phòng, về cơ bản, được trang bị đủ pháo theo biên chế.

Sát trước chiến tranh, chúng ta có 60 trung đoàn lựu pháo và 14 trung đoàn pháo nòng dài. Pháo binh dự bị thuộc Bộ Tổng tham mưu chiếm khoảng 8% toàn bộ pháo binh. Số lượng đó thật hoàn toàn không đủ.

Mùa xuân năm 1941, chúng ta bắt đầu thành lập 10 lữ đoàn pháo chống tăng, nhưng cho đến tháng 6 chưa được trang bị đủ. Thêm nữa sức kéo của pháo binh còn yếu nên không cho phép cơ động ra ngoài các đường lớn, đặc biệt là vào tiết thu đông. Tuy vậy, các lữ đoàn pháo chống tăng đã đóng vai trò quan trọng trong việc tiêu diệt xe tăng địch. Trong một số trường hợp, đó là phương tiện duy nhất vững vàng để chặn những cuộc tiến công lớn bằng xe tăng của giặc. Là người báo cáo chính về các vấn đề pháo binh, nguyên soái G.I. Cu-lích không phải bao giờ cũng trình bày đúng với I.V. Xta-lin về hiệu lực của loại này hay loại khác của vũ khí pháo binh và súng cối. Lúc đầu chiến tranh, Tổng cục pháo binh đã không thấy hết tính năng, tác dụng của vũ khí phản lực mạnh như BM-13 (Ca-chiu-sa), mà những loạt bắn đầu tiên của nó ở vùng Ốc-sa đã làm cho các đơn vị quân địch phải bỏ chạy. Hội đồng quốc phòng mãi đến tháng 7 mới ra quyết định sản xuất hàng loạt loại vũ khí này. Cần phải nêu lên tinh thần khẩn trương và lao động sáng tạo của những người sản xuất ra vũ khí của ta. Họ đã làm tất cả những gì có thể làm được để chỉ 10 - 15 ngày sau khi nổ ra chiến tranh, quân đội ta đã có những số vũ khí đầu tiên thuộc loại mạnh đó.

Lẽ ra cũng có thể làm ra được nhiều súng cối hơn nữa. Kế hoạch sản xuất đã được nêu ra trong nghị quyết của Bộ chính trị Ban chấp hành trung ương Đảng ngày 30-1-1940 "về việc tăng mức sản xuất súng cối và đạn súng cối". Song, mãi đến sát trước chiến tranh, quân đội mới bắt đầu nhận được số lượng cần thiết súng cối 82 mm và 120 mm. Tháng 6-1941, về mặt số lượng và chất lượng, các súng cối của ta đã vượt khá xa các súng cối Đức.

I.V. Xta-lin coi pháo binh là phương tiện quan trọng nhất của chiến tranh, chú trọng nhiều đến việc hoàn thiện nó. Ủy viên nhân dân Bộ vũ khí trong thời gian chiến tranh là Đ.Ph. U-xti-nốp, Ủy viên nhân dân Bộ đạn dược trước chiến tranh và trong thời chiến tranh là B.L. Van-ni-cốp, các tổng công trình sư các loại pháo binh là tướng I.I. I-va-nốp và tướng V.G. Gra-bin. I.V. Xta-lin biết rõ tất cả các đồng chí này, thường xuyên gặp họ và hoàn toàn tin tưởng vào tài năng của họ.

Binh chủng thông tin, công binh, đường sắt và đường bộ. Từ giữa năm 1940, tiểu ban thuộc Ban chấp hành trung ương Đảng và Hội đồng Ủy viên nhân dân Liên Xô đã nhận xét đúng rằng, số lượng công binh trong thời bình không thể đảm bảo cho nó triển khai công tác ở mức bình thường trong thời chiến.

Vào thời kỳ sát trước chiến tranh, quân số các đơn vị thông tin và công binh chủ lực đã được tăng lên, nhiều đơn vị mới được thành lập, việc huấn luyện chung của công binh được cải tiến, cơ cấu và quân số chiến đấu của các đơn vị bộ đội thông tin được nâng cao; các đồng chí phụ trách thông tin binh đoàn đã chú ý nhiều hơn đến việc chuẩn bị hoạt động trong điều kiện thời chiến; công binh và bộ đội thông tin bắt đầu có trang bị kỹ thuật công binh và phương tiện liên

lạc mới. Song đến trước khi chiến tranh bắt đầu, chúng ta cũng chưa kịp khắc phục hết những thiếu sót trong công binh và bộ đội thông tin..

Cuối tháng 2, cùng với Ủy viên nhân dân quốc phòng, chúng tôi đã xem kỹ lại công việc xây dựng các khu phòng thủ dọc theo biên giới, tình hình đường sắt, đường cái lớn, đường đất và tình hình phương tiện thông tin liên lạc. Chúng tôi đã được nghe các tướng N.Ph. Va-tu-tin, G.K. Ma-lan-din và A.M. Va-xi-lép-xki báo cáo rành rọt về các vấn đề đó. Về cơ bản có thể kết luận như sau:

Mạng lưới đường cái lớn ở tây Bê-lô-ru-xi và tây U-crai-na còn xấu. Nhiều cầu không chịu được xe tăng hạng vừa và pháo binh, còn các đường qua làng mạc thì cần sửa chữa lớn.

N.Ph. Va-tu-tin, Phó tổng tham mưu trưởng thứ nhất, đã báo cáo tỉ mỉ với Ủy viên nhân dân quốc phòng về tình hình đường sắt ở tất cả các quân khu vùng biên giới.

- Các đường sắt gần biên giới chưa thể phục vụ nhiều cho việc chuyên chở lớn của quân đội - N.Ph. Va-tu-tin báo cáo - Những con số sau đây chứng tỏ điều đó. Hệ thống đường sắt của Đức chạy đến biên giới Lít-va có khả năng thông 220 chuyến xe trong một ngày đêm, còn trên hệ thống Lít-va của ta chạy đến biên giới Đông Phổ chỉ có thể chạy được 84 chuyến. Tình hình ở tây Bê-lô-ru-xi và tây U-crai-na cũng không khá hơn. Ở đây các tuyến đường sắt của ta ít hơn gần hai lần so với của địch. Bộ đội đường sắt và các đội xây dựng trong năm 1941, rõ ràng là không thể hoàn thành được những công việc cần làm.

Nghe xong báo cáo, Ủy viên nhân dân quốc phòng cho biết, năm 1940 thi hành chỉ thị của Ban chấp hành trung ương Đảng, Bộ Ủy viên nhân dân giao thông đã lập kế hoạch 7 năm tu bổ kỹ thuật trên các đường xe lửa phía tây. Tuy vậy lúc này vẫn chưa làm được gì, ngoài việc sửa lại các đường và những công việc cải tạo thông thường để có thể chuyên chở quân đội và bốc dỡ vũ khí với quy mô lớn hơn.

Chúng tôi được biết rằng tư lệnh Quân khu miền Tây, Đ.G. Páp-lốp ngày 18-2-1941 đã gửi báo cáo số 867 lên I.V. Xta-lin, và V.M Mô-lô-tốp và X.K. Ti-mô-sen-cô. Đ.G. Páp-lốp đề nghị dành một số khá lớn phương tiện để đắp các đường cái lớn và đường đất, và trong báo cáo có đoạn viết:

“Tôi cho rằng nhất thiết phải chuẩn bị đầy đủ chiến trường miền tây trong năm 1941, vì vậy theo ý kiến tôi, kéo dài việc xây dựng ra trong mấy năm là điều dứt khoát không thể được”.

Tư lệnh binh chủng thông tin Hồng quân, thiếu tướng N.I. Ga-ích, báo cáo với chúng tôi rằng, hiện nay không đủ phương tiện thông tin liên lạc hiện đại và thiếu lượng dự trữ phương tiện đó để sử dụng khi tổng động viên cũng như để phòng bị lâu dài.

Thực vậy, mới có 39% mạng lưới ra-đi-ô của Bộ Tổng tham mưu được trang bị đài vô tuyến loại RAT, 60% đài vô tuyến loại RAF và các đài thay thế nó là 11-AK, v.v..., 45% các máy nạp điện, v.v... Quân khu gần biên giới miền Tây chỉ có các đài vô tuyến ở mức 27% so với yêu cầu, Quân khu Ki-ép - 30%, Quân khu Pri-ban-tích - 52%. Các phương tiện liên lạc khác bằng ra-đi-ô và điện thoại cũng ở trong tình trạng tương tự.

Trước chiến tranh đã có quan niệm cho rằng, trong thời chiến, để lãnh đạo, chỉ huy các phương diện quân, các quân khu phía trong và bộ đội dự bị của Bộ tổng tư lệnh, chủ yếu sẽ dùng các phương tiện liên lạc của Bộ Ủy viên nhân dân bưu điện và của bộ đội thuộc Bộ Ủy viên nhân dân nội vụ. Các đầu mối liên lạc của Bộ tổng tư lệnh, Bộ Tổng tham mưu và các phương diện quân sẽ có đủ mọi phương tiện cần thiết do các cơ quan thuộc Bộ ủy viên nhân dân bưu điện ở các địa phương phục vụ. Nhưng về sau mới thấy là các cơ quan đó chưa được chuẩn bị đầy đủ để làm việc trong điều kiện chiến tranh.

Tôi được biết về tình hình bộ máy liên lạc thông tin địa phương bởi vì, trong một số lần hành quân và diễn tập cán bộ chỉ huy và cơ quan tham mưu, tôi đã sử dụng các phương tiện của họ. Ngay từ khi ấy chúng tôi đã không tin rằng, các cơ quan liên lạc thông tin địa phương có thể đảm bảo vững vàng việc liên lạc của lực lượng vũ trang trong thời chiến.

Tất cả tình hình trên là nguyên nhân đưa đến một thiếu sót trong công tác huấn luyện cán bộ chỉ huy, cơ quan tham mưu binh đoàn và tập đoàn quân: cán bộ ta không quen chỉ huy bộ đội trong những điều kiện tình hình phức tạp và thay đổi nhanh chóng của chiến tranh. Anh em đã tránh không muốn sử dụng đường liên lạc vô tuyến và ưa dùng liên lạc đường dây. Điều đó đã dẫn đến hậu quả như thế nào trong những ngày đầu chiến tranh, mọi người đều đã rõ. Mạng liên lạc vô tuyến nội bộ trong các đơn vị máy bay chiến đấu, trong mạng lưới các sân bay, trong

các đơn vị xe tăng là những nơi nói chung không dùng liên lạc đường dây, cũng không được đảm bảo thật tốt.

Cần phải có những biện pháp khẩn cấp để ổn định mạng lưới dây nói - điện tín, mạng lưới ra-đi-ô và ra-đi-ô chuyển tiếp. Mạng lưới đường dây ngầm cần thiết để phục vụ các cơ quan chiến dịch và chiến lược hoàn toàn không có.

Những lần bàn bạc về các vấn đề này với Bộ Ủy viên nhân dân bưu điện đều không có kết quả. Và không phải là vì có người cho đó là công việc thừa nên không làm, trái lại, vấn đề cải tiến tổ chức liên lạc đã rõ ràng là hoàn toàn cần thiết. Bộ Ủy viên nhân dân bưu điện đã không đủ sức thực hiện các yêu cầu của quân đội. Những việc làm được vào cuối năm 1940 - đầu năm 1941 để hoàn thiện sự liên lạc trong từng địa phương và của một số trung tâm với Mát-xcơ-va, không đủ để hoàn thành nhiệm vụ đã đặt ra.

Sau khi nghe báo cáo của chúng tôi, X.K. Ti-mô-sen-cô nói:

- Tôi đồng ý với sự nhận định tình hình của các đồng chí. Nhưng tôi nghĩ rằng khó mà có thể làm được gì hơn, để ngay bây giờ loại trừ được tất cả những thiếu sót đó. Hôm qua tôi gặp I.V. Xta-lin. I.V. Xta-lin đã nhận được điện của Đ.G. Páp-lốp và đã chỉ thị trả lời Đ.G. Páp-lốp rằng, những yêu cầu của đồng chí đó rất chính đáng, song hiện nay chúng ta không có khả năng đáp ứng những yêu cầu đó.

Lực lượng không quân. Tôi đã có nói, Đảng và Chính phủ luôn luôn hết sức chú trọng đến việc phát triển không quân xô-viết. Năm 1939, Hội đồng quốc phòng quyết định xây dựng 9 nhà máy mới sản xuất máy bay và 7 nhà máy mới sản xuất động cơ máy bay, và có thêm 7 nhà máy thuộc các ngành khác trong nền kinh tế quốc dân được chuyển sang chế tạo sản phẩm dùng cho máy bay. Cũng trong năm đó, các xí nghiệp đều được trang bị máy móc loại mới và đến cuối năm 1940, công nghiệp sản xuất máy bay so với năm 1939 đã tăng lên 70%.

Cùng một lúc với việc xây dựng các xí nghiệp mới để sản xuất động cơ máy bay, chúng ta đã xây dựng thêm những nhà máy sản xuất thiết bị máy bay trên cơ sở những xí nghiệp thuộc các ngành khác trong nền kinh tế quốc dân được chuyển cho công nghiệp sản xuất máy bay.

Theo số liệu lưu trữ chính xác, từ ngày 1-1-1939 đến ngày 22-6-1941, Hồng quân đã nhận được của ngành công nghiệp 17.745 máy bay chiến đấu, trong số đó có 3.719 chiếc thuộc các loại mới.

Giai đoạn phát triển mới của không quân bắt đầu. Thực tế là, Viện nghiên cứu hàng không khí động lực trung ương đã hoàn toàn được cải tổ các cơ quan thiết kế mới của không quân được thành lập. Các công trình sư có tài X.V. I-li-u-sin, A.I. Mi-côi-an, X.A. La-vốt-kin, V.M. Pét-li-a-cốp, A.X. Ya-cốp-lép, cùng với các tập thể trẻ tuổi của mình, đã chế tạo cho không quân các máy bay tiêm kích Yak-1, Mig-3, LAGG-3, máy bay cường kích IL-2, máy bay phóng pháo PE-2 và nhiều loại khác - tất cả gần 20 loại. Cuối năm 1940 - đầu năm 1941, đã tích cực phấn đấu để nhanh chóng sản xuất hàng loạt các loại máy bay tốt nhất. Ban chấp hành trung ương Đảng, I.V. Xta-lin dành nhiều thì giờ làm việc với các công trình sư máy bay. Có thể nói không quân đã được sự chú ý đến say mê của I.V. Xta-lin.

Song nền công nghiệp vẫn không theo kịp đòi hỏi của thời đại. Về số lượng, sát trước chiến tranh, các máy bay của không quân phần lớn là kiểu cũ. Khoảng 75 - 80% tổng số máy bay của ta kém hơn các máy bay cùng loại của phát-xít Đức về các chỉ tiêu kỹ thuật bay. Về không quân hiện đại, chúng ta chỉ có máy bay mới, nhưng thiết bị kỹ thuật hàng không hiện đại thì mới kịp trang bị cho 21% các đơn vị không quân.

Thực ra số lượng các binh đoàn không quân tăng lên rất nhanh - đến tháng 6-1941, tổng số các trung đoàn không quân đầy đủ biên chế tăng hơn nhiều so với năm 1939. Đơn vị kỹ thuật cao nhất của không quân tiêm kích, cường kích và ném bom là sư đoàn, chủ yếu là các sư đoàn hỗn hợp, gồm bốn - năm trung đoàn. Mỗi trung đoàn có bốn - năm đại đội.

Hệ thống tổ chức không quân đó đã cho phép đảm bảo hợp đồng chiến đấu tốt hơn giữa các binh chủng không quân và giữa không quân với lực lượng. Sát trước chiến tranh, tương quan giữa các binh chủng quan trọng nhất của lực lượng không quân như sau: các trung đoàn ném bom - 45%, các trung đoàn tiêm kích - 42%, các trung đoàn cường kích, trinh sát, v.v... - 13%.

Cuối năm 1940, Ủy viên nhân dân quốc phòng, Bộ Tổng tham mưu cùng với tư lệnh và bộ tham mưu không quân đã nghiên cứu và báo cáo lên Ban chấp hành trung ương Đảng những đề nghị nhằm cải tổ và trang bị lại lực lượng không quân. Những đề nghị của chúng tôi được xét và

chuẩn y ngay.

Quyết định "Về việc cải tổ lực lượng không quân của Hồng quân" đề ra việc thành lập các đơn vị mới (106 trung đoàn không quân), mở rộng và kiện toàn các trường không quân, trang bị lại các phi đoàn chiến đấu bằng các máy bay loại mới. Đến cuối tháng 5-1941, đã thành lập và trang bị gần hoàn chỉnh 19 trung đoàn.

Ít lâu sau, lực lượng không quân lại được kiện toàn thêm một bước... Ngày 10-4-1941, Ban chấp hành trung ương Đảng và hội đồng các Ủy viên nhân dân Liên Xô ra quyết định cải tổ hệ thống hậu cần không quân. Hệ thống hậu cần mới của lực lượng không quân được tổ chức theo nguyên tắc khu vực đất đai: cơ quan hậu cần thuộc các phi đội và phi đoàn chiến đấu được giải thể, thay vào đó chúng ta thành lập các khu căn cứ không quân và các tiểu đoàn phục vụ sân bay. Các khu căn cứ không quân trở thành cơ quan hậu cần của không quân trực thuộc các tập đoàn quân, quân khu, phương diện quân.

Trong thành phần các khu căn cứ, thì mỗi sư đoàn có một sân bay trong đó mỗi trung đoàn không quân có một tiểu đoàn phục vụ sân bay. Không quân trinh sát và không quân trực thuộc các binh chủng vẫn có cơ quan hậu cần riêng của mình. Việc chuyển sang hệ thống tổ chức hậu cần mới, cơ động hơn của không quân được dự định sẽ thực hiện xong vào tháng 7-1941.

Nhưng thực tế là tất cả những việc đó được hoàn thành trong quá trình chiến tranh.

Căn cứ vào tính chất của việc chiến đấu sắp diễn ra, chúng tôi nhận thấy cần tăng thêm nhiều bộ đội đổ bộ đường không. Tháng 4-1941 bắt đầu thành lập 5 quân đoàn đổ bộ đường không. Đến ngày 1-6-1941 đã có đủ số quân, song phương tiện kỹ thuật chiến đấu thì còn thiếu. Vì vậy trong thời gian đầu chiến tranh, trong các quân đoàn mới chỉ có các lữ đoàn quân đổ bộ đường không cũ đảm đang được nhiệm vụ của bộ đội đổ bộ đường không, còn phần lớn các đơn vị mới khác được sử dụng như bộ binh.

Tháng 2-1941, Ban chấp hành trung ương Đảng và Hội đồng các Ủy viên nhân dân Liên Xô phê chuẩn kế hoạch xây dựng thêm sân bay. Dự định sẽ xây dựng ở các khu miền Tây 190 sân bay mới. Đến đầu chiến tranh, công việc xây dựng này được tiến hành rất khẩn trương, song phần lớn sân bay chưa làm xong.

Nói chung, chiến tranh nổ ra vào lúc lực lượng không quân ta đang trong giai đoạn cải tổ lớn, giai đoạn chuyển sang trang bị vật chất mới và huấn luyện lại cho phi công và nhân viên kỹ thuật. Chỉ có một số phi đoàn được huấn luyện kịp để hoạt động trong những điều kiện thật phức tạp và mới có không quá 15% các đơn vị được huấn luyện để hoạt động ban đêm. Bộ tư lệnh không quân chú trọng nhiều tới việc huấn luyện lại phi công theo trang bị vật chất mới, song đã có phần coi nhẹ việc duy trì sự sẵn sàng chiến đấu theo trang bị vật chất cũ.

Chỉ vắn vắn một năm đến một năm rưỡi sau, không quân ta đã hoàn toàn đổi mới, có sức chiến đấu rất mạnh mẽ.

Bộ đội phòng không. Mỗi uy hiếp của cuộc tiến công bằng không quân vào Liên Xô trong những năm trước chiến tranh đã tăng lên rõ rệt. Vì vậy Ban chấp hành trung ương Đảng đã nâng cao yêu cầu đối với việc bảo vệ bầu trời, đề ra những biện pháp cụ thể để tăng cường đáng kể công cuộc phòng không. Trước hết những cải tiến quan trọng về mặt tổ chức đã được tiến hành, vì hệ thống phòng không được áp dụng từ năm 1932 nay đã quá cũ.

Các vùng phòng không được thành lập trong tất cả các quân khu cụ thể là có các vùng phòng không Bắc, Tây-bắc, Tây, Ki-ép, Nam, Bắc Cáp-ca-dơ, Da-cáp-ca-dơ, Trung Á, Da-bai-can, Viễn Đông, Mát-xcơ-va, O-ri-ôn, Khác-cốp. Các vùng phòng không lại chia thành các khu vực phòng không gồm các trận địa phòng không. Trong một vùng phòng không, có các binh đoàn và đơn vị bảo vệ thành phố và bảo vệ mục tiêu.

Trách nhiệm của tư lệnh các quân khu đối với việc phòng không được nâng cao, tuy vậy các đơn vị máy bay của quân khu được tách ra làm nhiệm vụ phòng không vẫn thuộc dưới quyền chỉ huy của lực lượng không quân quân khu. Tất nhiên, tốt hơn cả là có sự thống nhất về lãnh đạo và tập trung về chỉ huy phòng không trên phạm vi toàn quốc. Điều này được thực hiện vào tháng 11-1941.

Lực lượng phòng không được vũ trang bằng gì và như thế nào?

Đến tháng 6-1941, số đơn vị trung cao có đủ súng chiếm 85%, số đơn vị tiểu cao - 70%. Máy bay tiêm kích còn thiếu 40% (trước chiến tranh có 39 trung đoàn không quân được tách ra làm nhiệm vụ phòng không nhưng thực ra nó vẫn dưới quyền chỉ huy của các tư lệnh không

quân khu và về sau được sử dụng vào các nhiệm vụ chiến đấu khác), trang bị súng máy, cao xạ mới được 70%, về khí cầu phòng không và đèn chiếu mới có độ một nửa. Bộ đội phòng không thuộc các quân khu gần biên giới miền Tây cũng như Mát-xcơ-va và Lê-nin-grát được trang bị tốt hơn cả. Các quân khu miền Tây nhận được nhiều vật tư mới hơn các quân khu khác. Về pháo cao xạ, họ được trang bị tới 90 – 95%, lại có các phương tiện mới để phát hiện và theo dõi quân địch trên không. Bộ đội bảo vệ Mát-xcơ-va, Lê-nin-grát và Ba-cu nắm trong tay 40% tổng số pháo trung cao xạ. Ở đó cũng có tới 30 trạm ra-đa RUX-2 hoạt động.

Căn cứ vào báo cáo của chúng tôi, Ban chấp hành trung ương Đảng và Hội đồng các Ủy viên nhân dân Liên Xô đã ra quyết định thành lập các quân đoàn máy bay tiêm kích để tăng cường sức phòng không của thủ đô và Lê-nin-grát. Các quân đoàn này, như chúng ta đều biết, đã đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong việc đánh lui những cuộc tiến công của không quân phát-xít vào Mát-xcơ-va và thành phố Lê-nin.

Tới khi nổ ra chiến tranh, hệ thống phòng không mới chưa được kiện toàn đầy đủ, việc trang bị kỹ thuật chiến đấu chỉ mới được bắt đầu, ranh giới “vùng bị uy hiếp” (phạm vi không quân ném bom của địch có thể tới được) quy định không chính xác. Vận tải không được hoàn bị. Hải quân. Sau khi nhận chức vụ Tổng tham mưu trưởng, vì thời gian quá ngắn và vì quá bận các công việc liên quan trực tiếp tới Hồng quân, nên tôi không thể tìm hiểu đến nơi đến chốn tình hình hải quân. Song tôi được biết rằng đội ngũ hải quân được chuẩn bị tốt, các tư lệnh hạm đội, giang đội và các bộ tham mưu các đơn vị đó đều sẵn sàng chiến đấu. Bộ tham mưu trung ương hải quân hồi đó do đô đốc I.X. I-xa-cốp đứng đầu. Đô đốc I-xa-cốp là người tài, có đầu óc sáng tạo và có nghị lực.

Nhịp độ trang bị của hải quân tăng nhanh. Chỉ trong 11 tháng của năm 1940 đã hạ thủy 100 tàu các loại bao gồm tàu khu trục, tàu ngầm, tàu quét mìn, tàu phóng ngư lôi, tất cả đều có tính năng chiến đấu cao. Gần 270 tàu các loại được đóng vào sát cuối năm 1940. Những căn cứ hải quân mới được xây dựng, các khu vực ở Biển Ban-tích, Biển Bắc và Biển Đen được củng cố thêm. Trên tất cả các hạm đội, các đơn vị đều được bổ sung nhiều tàu mới, các đơn vị tàu khu trục lớn và phóng ngư lôi mới được thành lập. Sát trước chiến tranh, hải quân đã có lực lượng tàu ngầm và tàu nhẹ trên biển được huấn luyện tốt, có khả năng thi hành đắc lực những nhiệm vụ chiến đấu.

Sát trước chiến tranh, trong biên chế chiến đấu của hải quân có gần 600 tàu chiến đấu, trong đó có 3 thiết giáp hạm, 7 tuần dương hạm, 49 tàu khu trục, 211 tàu ngầm, 279 tàu phóng ngư lôi, hơn 1.000 nòng pháo phòng thủ bờ biển, trên 2.500 máy bay.

Hải quân hiện đại đòi hỏi chi phí rất tốn kém. Đặc biệt tốn là các tàu lớn, nhưng chính vì nó lớn nên lại là mục tiêu tốt cho không quân và tàu phóng ngư lôi tiến công. Năm 1939, Hội đồng quốc phòng thuộc Hội đồng các Ủy viên nhân dân Liên Xô đã thông qua một quyết định rất đúng: giảm bớt và sau đó đình chỉ hẳn việc đóng các chiến hạm hạng nặng đòi hỏi chi những món tiền khổng lồ, tốn nhiều kim loại và thu hút một số lớn kỹ sư, cán bộ kỹ thuật và công nhân ngành công nghiệp đóng tàu.

Mặt khác, việc phòng thủ bờ biển và phòng không, việc vũ trang thủy lôi và ngư lôi không được chú ý đúng mức. Khuyết điểm nghiêm trọng nữa của Bộ Ủy viên nhân dân hải quân là không đánh giá đúng vai trò của hạm đội phía Bắc mà lẽ ra nó phải đóng vai trò cực lớn trong chiến tranh.

Nói chung, sát trước chiến tranh, hải quân Liên Xô được mọi người tin tưởng và đã đánh trả quân địch một cách đích đáng.

Trong cuốn sách “Sát trước chiến tranh” của mình, đô đốc N.G. Cu-dơ-nép-xốp có viết về việc tôi được cử làm Tổng tham mưu trưởng như sau: “Lúc đầu tôi nghĩ, chỉ có quan hệ giữa tôi và G.K. Giu-cốp không được ổn, còn người bạn đồng nghiệp của G.K. Giu-cốp là I.X. I-xa-cốp, Tham mưu trưởng Bộ tham mưu trung ương Hải quân sẽ tâm đồng ý hợp với G.K. Giu-cốp. Song, I-xa-cốp cũng không tâm đồng ý hợp gì”.

Bây giờ tôi không còn nhớ các đồng chí nói trên “không tâm đồng ý hợp” với tôi hay là tôi “không tâm đồng ý hợp” với các đồng chí đó, - điều này hoàn toàn không có nghĩa lý gì cả[1]. Nhưng để giữ tính chính xác về mặt lịch sử, tôi phải nói rằng, nói chung, Ủy viên nhân dân quốc phòng X.K. Ti-mô-sen-cô cũng như Tổng tham mưu trưởng đều không được mời dự khi I.V.

Xta-lin bàn đến các vấn đề về hải quân.

Việc tăng quân số các lực lượng vũ trang của chúng ta cũng nói lên rõ ràng tầm lớn lao của những biện pháp mà Đảng và Chính phủ đã áp dụng nhằm củng cố quốc phòng trong các năm 1939-1941. Trong thời gian này quân số đã tăng lên 2,8 lần, thành lập 125 sư đoàn mới, và tới ngày 1-1-1941 trong lục quân, không quân, hải quân, bộ đội phòng không có hơn 4,2 triệu người.

Ở một chương đầu của cuốn này tôi đã nói qua về vai trò của việc huấn luyện quân sự toàn dân. Chúng ta vẫn coi việc huấn luyện cho người dân thường và trước hết cho toàn thể - thanh niên những điều cần thiết để sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc, trước khi họ nhập ngũ, là một việc làm có tính chất truyền thống. Lúc bấy giờ, có Hội trợ lực quốc phòng và xây dựng hàng không - hóa chất để chuyên trách việc huấn luyện quần chúng về các môn cần thiết cho quốc phòng. Đến ngày 1-1-1941, trong hàng ngũ của Hội có hơn 13 triệu người và mỗi năm có hàng chục nghìn người mê nghề lái máy bay, thích môn nhảy dù, bắn súng, cơ khí máy bay đã được huấn luyện tại hơn 300 câu lạc bộ máy bay và ô-tô - mô-tô, các trường hàng không và các câu lạc bộ tàu lượn. Những kết quả luyện tập đó về sau đã rất có ích cho anh chị em dân quân và du kích. Còn về mặt huấn luyện chuyên môn cho các cán bộ chỉ huy các cấp thì hàng trăm nghìn người chỉ huy đã được học theo chương trình đầy đủ trong hơn 200 trường quân sự của Hồng quân và Hải quân, trong 19 học viện, hàng chục các khoa quân sự thuộc các trường đại học ngoài quân đội, 7 trường Hải quân cao cấp. Theo quyết định của Hội đồng quân sự trung ương và chỉ thị số 120 của Ủy viên nhân dân quốc phòng, hệ thống đào tạo trong các trường quân sự đã được cải tiến.

Tới thăm Học viện thuộc Bộ Tổng tham mưu mà tôi phụ trách, một lần nữa tôi lại có thể thấy được rõ ràng, sát trước chiến tranh, tại các khoa quân sự, trong giáo trình, trong chương trình giảng dạy và trong khi các học viên nghiên cứu học tập, đều quán triệt lý luận quân sự hiện đại, và kinh nghiệm của Thế chiến thứ hai đang diễn ra cũng được chú ý nghiên cứu.

Các học viên đều nghĩ rằng, các cuộc chiến tranh trong thời đại hiện nay là chiến tranh không tuyên bố, rằng bọn xâm lược mưu giành cho mình mọi ưu thế của cuộc tiến công bất ngờ. Điều được mọi người chú ý đúng là, ngay từ lúc thoát đầu, chủ lực của hai bên tham chiến sẽ đi vào cuộc chiến tranh với tất cả những đặc điểm về chiến lược và chiến dịch sinh ra từ các đặc điểm nói trên. Mọi người đều nhấn mạnh tính chất không thể dung hòa và ác liệt của đấu tranh vũ trang. Ai cũng biết chiến tranh sẽ lâu dài, cần phải động viên sự nỗ lực của toàn thể nhân dân, bảo đảm sự thống nhất giữa tiền phương và hậu phương trong chiến đấu.

Chiến lược quân sự được xây dựng chủ yếu trên điều khẳng định đúng đắn rằng, chỉ có thể đánh tan được quân xâm lược bằng hành động tiến công. Nhưng trong khi đó các hình thức chiến đấu khác, - tao ngộ chiến, rút lui bắt buộc, chiến đấu trong điều kiện bị bao vây (tất nhiên, không tính theo từng tài liệu riêng biệt, mà theo phương hướng chung giảng dạy các môn quân sự) - không được chú ý đầy đủ.

Sau khi bắt đầu trở lại làm việc ở cơ quan Bộ Ủy viên nhân dân quốc phòng, tôi liền chú ý ngay xem, trong khi xây dựng điều lệ và điều lệnh chúng ta đã quán triệt các quan điểm mới, tiên tiến về tính chất và các phương thức tác chiến như thế nào. Cục quân huấn Hồng quân cũng như các tổng cục phụ trách các quân chủng, binh chủng thuộc lực lượng vũ trang trong hai năm gần đó đã ban hành hàng chục điều lệnh và điều lệ quan trọng. Song, không phải tất cả những điều đó đã được đưa ra áp dụng trong các đơn vị, nhiều quy định vẫn còn là tạm thời.

Nói chung, có thể nói, lý luận quân sự được nêu lên trong các tác phẩm, bài giảng của những năm đó và được cô đúc lại trong các điều lệnh cơ bản đáp ứng với yêu cầu của thời đại. Song, việc làm vẫn chậm hơn lý thuyết ở mức nhất định.

Nghiên cứu những vấn đề chiến dịch và chiến lược, tôi đi tới kết luận là, trong công cuộc phòng thủ một nước lớn như nước ta, đã có nhiều thiếu sót quan trọng. Các cán bộ lãnh đạo chủ chốt trong Bộ Tổng tham mưu cũng cùng ý kiến đó, các đồng chí ấy còn cho tôi biết rằng, các đồng chí trước đây đảm đương chức vụ của tôi cũng đã nhiều lần nêu lên vấn đề này.

Việc quân đội Đức tập trung một số lượng lớn ở Đông Phổ, Ba Lan và vùng Ban-căng đã làm cho chúng tôi rất không yên tâm. Trong khi đó, các lực lượng vũ trang ta đóng ở các quân khu phía tây chưa hoàn toàn trong tư thế sẵn sàng chiến đấu, điều đó thật đáng lo ngại.

Sau khi suy nghĩ kỹ mọi mặt về tình hình, tôi cùng với N.Ph. Va-tu-tin đã báo cáo tỉ mỉ với Ủy

viên nhân dân quốc phòng về những thiếu sót trong công tác tổ chức và tình trạng sẵn sàng chiến đấu của quân đội ta, về tình hình các lương dự trữ đã được động viên, đặc biệt là về trái phá và bom. Ngoài ra, chúng tôi cũng nêu lên tình hình nền công nghiệp không thực hiện kịp các đơn đặt hàng của chúng tôi về phương tiện kỹ thuật chiến đấu.

- Tất cả những điều đó, cấp trên đã biết rõ. Tôi cho rằng vào lúc này đất nước ta không thể cung cấp cho ta nhiều hơn nữa - X.K. Ti-mô-sen-cô nói

Một hôm, X.K. Ti-mô-sen-cô gọi tôi tới và nói:

- Hôm qua tôi gặp I.V. Xta-lin để bàn về vấn đề súng cối phản lực. I.V. Xta-lin có hỏi, anh đã nhận việc của K.A. Mê-rét-xcốp bàn giao chưa và trong công tác mới anh thấy thế nào? I.V. Xta-lin chỉ thị anh tới báo cáo.

- Cần phải chuẩn bị những vấn đề gì? - Tôi hỏi.

- Tất cả các vấn đề - Ủy viên nhân dân quốc phòng trả lời - Nhưng anh cần biết là I.V. Xta-lin sẽ không nghe báo cáo dài dòng đâu. Những gì mà anh nói với tôi trong suốt mấy tiếng đồng hồ thì chỉ cần báo cáo với I.V. Xta-lin chừng mười phút.

- Trong mười phút thì tôi biết báo cáo những gì? Các vấn đề đều lớn, đòi hỏi phải được đặc biệt quan tâm. Bởi vì cần hiểu rõ tầm quan trọng của những vấn đề đó và phải quyết định về những biện pháp cần thiết của Nhà nước.

- Những điều mà anh dự định báo cáo, về căn bản I.V. Xta-lin đã biết, - Ủy viên nhân dân quốc phòng nói - Vì vậy, hãy cố gắng chỉ đề cập tới những vấn đề mấu chốt thôi.

Sau khi đã chuẩn bị một loạt vấn đề để báo cáo, tối thứ bảy tôi tới nhà riêng của I.V. Xta-lin. Ở đây đã có mặt nguyên soái X.K. Ti-mô-sen-cô, nguyên soái G.I. Cu-lích. Một số các đồng chí ủy viên Bộ chính trị cũng có mặt.

Sau khi chào hỏi, I.V. Xta-lin hỏi tôi đã biết súng cối phản lực “Ca-chiu-sa” chưa.

- Tôi mới nghe nói, nhưng chưa nhìn thấy. - Tôi trả lời.

- Vậy thì đồng chí cùng với Ti-mô-sen-cô, Cu-lích và A-bô-ren-cốp trong những ngày tới, cần đến trường bắn để xem bắn thử. Còn bây giờ đồng chí cho chúng tôi biết về công việc của Bộ Tổng tham mưu.

Sau khi nhắc lại vắn tắt những điều mà tôi đã báo cáo với Ủy viên nhân dân quốc phòng, tôi nói rằng, do sự phức tạp của tình hình quân sự và chính trị, cần phải có những biện pháp cấp bách và kịp thời để khắc phục những thiếu sót hiện có trong việc bảo vệ biên giới phía tây và trong các lực lượng vũ trang.

V.M. Mô-lô-tốp ngắt lời tôi:

- Sao, đồng chí cho rằng chúng ta sẽ phải đánh nhau với Đức à?

- Hãy khoan... - I.V. Xta-lin cản lời V.M. Mô-lô-tốp.

Sau khi nghe xong báo cáo, I.V. Xta-lin mời mọi người ăn cơm.

Câu chuyện bị ngắt quãng lại tiếp tục. I.V. Xta-lin hỏi, tôi đánh giá không quân Đức như thế nào. Tôi nói điều mà tôi đã từng suy nghĩ:

- Không quân Đức không phải là kém, đội ngũ phi công Đức có thực tiễn chiến đấu khá tốt trong hợp đồng với bộ binh. Còn về mặt vật chất, các máy bay tiêm kích và ném bom của ta không hề kém máy bay Đức, có phần còn hơn. Chỉ tiếc rằng nó quá ít.

- Đặc biệt là ít máy bay tiêm kích - X.K. Ti-mô-sen-cô bổ sung.

Có ai đó đưa ra nhận xét:

- Xê-mi-on Kôn-xtan-ti-nô-vích Ti-mô-sen-cô chỉ nghĩ nhiều đến không quân phòng ngự.

Ủy viên nhân dân quốc phòng không đáp lại. Tôi cho rằng vì hơi nặng tai nên X.K. Ti-mô-sen-cô không nghe rõ hết.

Bữa ăn rất giản dị. Món thứ nhất: súp rau U-crai-na; món thứ hai: mì mạch đen nấu rất ngon và nhiều thịt nhừ; món thứ ba: nước quả và quả tươi. I.V. Xta-lin vui vẻ, nói đùa nhiều, uống rượu vang nhẹ Gru-di-a “Khơ-văn-chor-ca-ra” và mời khách rượu vang đỏ, nhưng khách chọn rượu cô-nhắc.

Cuối cùng, I.V. Xta-lin nói rằng, cần phải suy nghĩ và nghiên cứu những vấn đề cấp thiết nhất và đưa ra Chính phủ quyết định. Nhưng trong khi đó cần xuất phát từ những khả năng thực tế của ta chứ đừng vẽ vời ra những thứ mà hiện nay chúng ta không thể bảo đảm được về mặt vật chất.

Đêm khuya, tôi trở về Bộ Tổng tham mưu, ghi lại tất cả những gì I.V. Xta-lin đã nói, và thảo ra

những vấn đề cần được giải quyết trước tiên. Những đề nghị này đã được đưa trình Chính phủ. Ngày 15 - 20 tháng 2-1941, Hội nghị toàn liên bang của Đảng Cộng sản liên bang (b) lần thứ XVIII họp. Tôi được dự Hội nghị này. Hội nghị đã đặc biệt lưu ý các tổ chức Đảng về những nhu cầu của công nghiệp và giao thông vận tải, đặc biệt là của các xí nghiệp quốc phòng. Những nhu cầu này được nâng cao hơn. Trong các nghị quyết của Hội nghị có nêu lên rằng, các cán bộ lãnh đạo, các Bộ Ủy viên nhân dân công nghiệp hàng không, công nghiệp hóa chất, đạn dược, công nghiệp điện và nhiều ngành kinh tế quốc dân khác phục vụ quốc phòng cần phải rút ra những bài học qua những lời phê bình của Hội nghị để làm tốt hơn nữa công việc của mình. Vào trường hợp ngược lại, họ sẽ bị cách chức.

Kế hoạch kinh tế quốc dân thời bình cuối cùng cho năm 1941 do Hội nghị thông qua đã chủ trương phát triển mạnh hơn nữa ngành công nghiệp quốc phòng.

Tại Hội nghị, nhiều cán bộ quân sự được bầu làm ủy viên dự khuyết Ban chấp hành trung ương Đảng và vào Ban kiểm tra trung ương: I.V. Chiu-lê-nép, M.P. Kiếc-bô-nô-xơ, I.X. Yu-ma-xép, V.Ph. Tờ-ri-bút, Ph.X. Ốc-chi-a-brơ-xki và các đồng chí khác. Tôi cũng được bầu làm ủy viên dự khuyết Ban chấp hành trung ương Đảng, đó là sự tin cậy cao quý của Đảng đối với tôi.

Sát trước chiến tranh, trong Bộ Tổng tham mưu chúng tôi có một tập thể làm việc thân thiết, đoàn kết chặt chẽ, gồm các tướng lĩnh và sĩ quan có trình độ và có kinh nghiệm. Tôi chỉ xin nêu lên một số đồng chí.

Phó tổng tham mưu trưởng thứ nhất là trung tướng N.Ph. Va-tu-tin, một người được cả nước biết là một cán bộ hết sức cần cù và có tầm suy nghĩ rộng lớn về chiến lược. Phó tổng tham mưu trưởng chuyên trách về vấn đề tổ chức là trung tướng V.Đ. Xô-cô-lốp-xki, nguyên tham mưu trưởng Quân khu Mát-xcơ-va; đồng chí được cử làm Phó tổng tham mưu trưởng từ đầu mùa xuân năm 1941. Trong những năm chiến tranh, Va-xi-li Đa-ni-lô-vích Xô-cô-lốp-xki tỏ ra có năng khiếu của nhà chỉ huy quân sự lớn. Phụ trách Cục tác chiến là thiếu tướng G.K. Ma-lan-đin, một chuyên gia về tác chiến có kiến thức cao và có tài. Ở đây còn có thiếu tướng A.M. Va-xi-lép-xki.

Trong thời gian chiến tranh A.M. Va-xi-lép-xki đã là một tướng lĩnh lỗi lạc của lực lượng vũ trang chúng ta. A.M. Va-xi-lép-xki đã lãnh đạo nhiều chiến dịch rất lớn và xuất sắc. Sát trước chiến tranh, tại Bộ Tổng tham mưu, A.M. Va-xi-lép-xki đã phụ trách kế hoạch tác chiến của hướng tây-bắc và hướng tây.

Ngoài các cán bộ quân sự nói trên, trong Bộ Tổng tham mưu còn có nhiều nhà chỉ huy quân sự khác có tài và có nghị lực, bằng tinh thần lao động sáng tạo của mình, họ đã góp phần làm cho tập thể Bộ Tổng tham mưu có được khả năng làm việc lớn. Bộ Tổng tham mưu phụ trách những việc lớn về tác chiến, về tổ chức và động viên, là bộ máy chủ yếu của Ủy viên nhân dân quốc phòng. Khi chiến tranh nổ ra, nó trở thành bộ máy của Đại bản doanh của Bộ tổng tư lệnh. Song trong công tác của bản thân Bộ Tổng tham mưu cũng có những thiếu sót. Ví dụ, nếu nghiên cứu tình hình công tác trong mùa xuân năm 1941 thì thấy rằng, Bộ Tổng tham mưu cũng như Ủy viên nhân dân quốc phòng và tư lệnh các quân chủng, binh chủng đã không chuẩn bị các sở chỉ huy để khi xảy ra chiến tranh có thể từ đó chỉ huy các lực lượng vũ trang, nhanh chóng truyền các mệnh lệnh của Bộ tổng tư lệnh tới quân đội, nhận và nghiên cứu các báo cáo của các đơn vị.

Trong những năm trước chiến tranh, đã bỏ qua việc xây dựng các sở chỉ huy. Đến khi chiến tranh nổ ra, Bộ tổng tư lệnh, Bộ Tổng tham mưu, tất cả các bộ tham mưu các quân chủng, tổng cục đều phải thực hiện sự lãnh đạo từ các phòng làm việc của mình trong thời bình, điều đó làm trở ngại nhiều cho công việc.

Đến đầu chiến tranh, chúng ta vẫn chưa giải quyết xong vấn đề cơ quan của Đại bản doanh và Bộ tổng tư lệnh, ví như: cơ cấu bộ máy, dự kiến bổ nhiệm cán bộ, trụ sở, cơ quan phục vụ và các phương tiện vật chất, kỹ thuật.

Trong 5 năm trước chiến tranh đã thay đổi 4 Tổng tham mưu trưởng. Việc thay đổi cán bộ lãnh đạo luôn như vậy gây nhiều trở ngại cho việc nắm vững hoàn toàn đầy đủ công cuộc phòng thủ đất nước và làm cho không thể suy tính sâu xa về tất cả mọi chi tiết của cuộc chiến tranh sắp nổ ra.

Những vấn đề cơ bản gì đã được chuẩn bị ở Bộ Tổng tham mưu trong những tháng đó?

Hiện nay, một số tác giả các hồi ký về chiến tranh nói rằng, trước chiến tranh chúng ta không

có các kế hoạch động viên lực lượng vũ trang và các kế hoạch triển khai chiến lược. Tất nhiên và thực tế là tại Bộ Tổng tham mưu đã có các kế hoạch tác chiến và động viên lực lượng vũ trang. Việc nghiên cứu đề ra và điều chỉnh các kế hoạch đó được tiến hành liên tục. Sau khi thành hình, các kế hoạch đó được báo cáo ngay lên cơ quan lãnh đạo Nhà nước và khi được phê chuẩn, lập tức được đưa tới các quân khu. Sát trước chiến tranh, Cục tác chiến - các tướng G.K. Ma-lan-din, A.M. Va-xi-lép-xki, A.Ph. A-ni-xốp và các đồng chí khác - đã dành nhiều thì giờ để làm các kế hoạch tác chiến và động viên. Trước khi tôi tới Bộ Tổng tham mưu, việc nghiên cứu đề ra các kế hoạch được tiến hành dưới sự lãnh đạo chung của nguyên soái Liên Xô B.M. Sa-pô-sni-cốp, sau đó là đại tướng K.A. Mê-rét-xốp và trung tướng N.Ph. Va-tu-tin.

Ngay từ mùa thu năm 1940, kế hoạch tiến hành chiến tranh xây dựng trước đây đã được đem ra nghiên cứu lại để làm cho nó có căn cứ hơn và cho nó sát với những nhiệm vụ phải giải quyết trong trường hợp bị tấn công. Nhưng trong kế hoạch, có những sai lầm về chiến lược do một nhận định không đúng gây ra.

Hướng nguy hiểm nhất về mặt chiến lược đã được coi là hướng tây-nam, tức là U-crai-na - chứ không phải hướng tây - tức là Bê-lô-ru-xi mà ở đó tháng 6-1941, bộ chỉ huy tối cao của Hít-le đã tập trung và tung vào những cụm bộ binh và không quân mạnh nhất của chúng.

Vì vậy ngay trong những ngày đầu chiến tranh đã phải điều tập đoàn quân 19, nhiều đơn vị và binh đoàn của tập đoàn quân 16, từ trước vẫn đóng ở U-crai-na hoặc mới chuyển về đó sang hướng tây[2] và các đơn vị này vừa đánh vừa chuyển thuộc Phương diện quân miền Tây. Tình hình đó tất nhiên đã có ảnh hưởng tới quá trình chiến đấu phòng ngự ở hướng tây.

Mùa xuân 1941, từ tháng 2 đến tháng 4, khi đề ra kế hoạch tác chiến, chúng tôi đã không triệt để sửa chữa điều dự tính sai đó. I.V. Xta-lin tin rằng trong cuộc chiến tranh với Liên Xô, bọn Đức trước nhất sẽ nhằm vào chiếm U-crai-na, vùng Đô-nết, để làm cho nước ta bị mất những miền kinh tế hết sức quan trọng, còn chúng thì chiếm được vừa lúa mì U-crai-na, than Đôn-bát, rồi tiếp đó dầu lửa Cáp-ca-dơ. Mùa xuân 1941 khi xét kế hoạch tác chiến, I.V. Xta-lin đã nói: "Không có những nguồn sống hết sức quan trọng đó, bọn Đức phát-xít sẽ không thể tiến hành một cuộc chiến tranh lâu dài và lớn được."

I.V. Xta-lin có uy tín hết sức lớn đối với tất cả chúng tôi, khi đó không ai nghĩ đến chuyện nghi ngờ những lập luận và nhận định tình hình của I.V. Xta-lin. Tuy rằng sự phán đoán đó của I.V. Xta-lin cũng có cơ sở của nó, nhưng nó đã không tính đến những kế hoạch của quân địch nhằm tiến hành cuộc chiến tranh chớp nhoáng chống Liên Xô.

Phương án cuối cùng về kế hoạch động viên các lực lượng vũ trang (các vấn đề về tổ chức và vật chất) đã được phê chuẩn hồi tháng 2-1941 và mang ký hiệu MP-41. Đến ngày 1-5-1941, kế hoạch này đã được phổ biến tới các quân khu kèm theo chỉ thị điều chỉnh các kế hoạch tác chiến cũ.

Năm 1940, đã có quyết định đưa ngay một phần quân đội các quân khu phía tây sang các vùng lãnh thổ miền tây mới thống nhất vào Liên Xô. Mặc dù các vùng này chưa được chuẩn bị đúng mức cần thiết để phòng thủ, các đơn vị tuyển một của bộ đội các quân khu phía tây đã sang đóng ở đó.

Ở đây tôi muốn đề cập tới vấn đề những khu phòng thủ vững chắc mới và cũ. Việc xây dựng các khu phòng thủ mới ở biên giới phía tây được khởi công vào đầu năm 1940. Dự án xây dựng các khu đó được I.V. Xta-lin duyệt theo báo cáo của K.E. Vô-rô-si-lốp.

Đến đầu chiến tranh đã xây được gần 2.500 công sự bê-tông cốt sắt, trong số đó 1.000 công sự được trang bị pháo binh phòng ngự, còn 1.500 công sự có súng máy. Song việc xây dựng các khu phòng thủ chưa làm xong hoàn toàn.

Nếu nói về U-crai-na, thì trong tháng 6-1941, các khu được chuẩn bị chiến đấu tốt nhất là các khu Ra-va - Ru-xki và Pê-lê-mư-sơ, trong những ngày đầu chiến tranh các khu này đã đóng vai trò rất tích cực mà tôi sẽ nói tới sau.

Bây giờ tôi muốn nói rõ vấn đề bố trí pháo binh ở các khu phòng thủ vững chắc cũ. Từ tháng 2 đến tháng 3 năm 1941, Hội đồng quân sự trung ương của Hồng quân đã hai lần thảo luận việc nhanh chóng hoàn thành công cuộc xây dựng và trang bị các khu phòng thủ mới. Tôi còn nhớ kỹ những cuộc bàn luận gay gắt diễn ra trong Hội đồng. Nhưng bàn luận gì thì bàn luận vẫn không tìm ra cách giải quyết cụ thể để xúc tiến việc sản xuất pháo binh phòng ngự và đảm bảo những thiết bị cần thiết cho các khu phòng thủ. Vì vậy, Phó Ủy viên nhân dân quốc

phòng chuyên trách về vũ khí, nguyên soái G.I. Cu-lích và Phó Ủy viên nhân dân quốc phòng chuyên trách về khu phòng thủ, nguyên soái B.M. Sa-pô-sni-cốp, cũng như ủy viên Hội đồng quân sự trung ương A.A. Giơ-đa-nốp đã đề nghị lấy một phần pháo binh phòng ngự ở một số khu phòng thủ cũ để trang bị cho các khu mới đang được xây dựng. Ủy viên nhân dân quốc phòng, nguyên soái Ti-mô-sen-cô và tôi không tán thành đề nghị đó với lý do là các khu phòng thủ cũ còn có thể được dùng tới.

Vì không nhất trí trong Hội đồng quân sự trung ương nên vấn đề được báo cáo lên I.V. Xta-lin. I.V. Xta-lin đồng ý với ý kiến của G.I. Cu-lích, B.M. Sa-pô-sni-cốp, A.A. Giơ-đa-nốp và đã chỉ thị lấy một phần pháo ở các nơi thứ yếu đưa sang các hướng tây và tây-nam.

Các khu phòng thủ cũ được xây dựng trong các năm 1929-1935. Các lô-cốt chủ yếu đều có súng máy. Trong năm 1938-1939, nhiều lô-cốt được tăng cường hệ thống pháo binh. Theo quyết định của Hội đồng quân sự trung ương Hồng quân, ngày 15-11-1939, quân số các khu phòng thủ cũ đã giảm bớt hơn 1/3. Bây giờ ở một số nơi, lại lấy vũ khí đi.

Song, sau khi báo cáo lần thứ hai với I.V. Xta-lin, chúng tôi được phép giữ lại một phần vũ khí ở những nơi bị lấy vũ khí đi.

Về các khu phòng thủ được bắt đầu xây dựng trong các năm 1938-1939, ngày 8-4-1941, Bộ Tổng tham mưu đã ra các chỉ thị số UN/584814 và UN/584815 cho các tư lệnh Quân khu đặc biệt miền Tây và Quân khu Ki-ép với nội dung như sau:

“Cho đến khi có chỉ thị đặc biệt, các khu phòng thủ Xlút-xcơ, Xê-be-giơ, Xê-bê-tốp, I-di-a-xláp, Sta-rô-côn-xtan-ti-nốp, Ô-xcơ-rô-pôn-xcơ vẫn giữ nguyên trạng thái cũ.

Để sử dụng các khu phòng thủ nói trên khi chiến tranh nổ ra, cần phải chuẩn bị và tiến hành các biện pháp sau đây:

- Thành lập bộ máy chỉ huy các vùng phòng thủ vững chắc.
- Để củng cố hệ thống hỏa lực pháo và súng máy ở mỗi khâu phòng thủ và mỗi điểm tựa, cần có các công sự bằng đất và gỗ hoặc bằng bê-tông đá hộc, các công sự này cần được xây dựng trong 10 ngày đầu từ khi chiến tranh nổ ra bằng lực lượng của bộ đội dã chiến...

- Căn cứ theo các dự án và hướng dẫn kỹ thuật của Cục xây dựng các khu phòng thủ của Hồng quân, cần tính toán nhu cầu về vũ khí và thiết bị bên trong đơn giản nhất...

- Khi tính toán lực lượng, phương tiện và các kế hoạch xây dựng, cần chú ý đến các công sự bê-tông cốt sắt đã được xây dựng trong các năm 1938-1939 ở các vùng Lê-ti-chép, Mô-ghi-lép, Yam-pôn-xcơ, Nô-vô-grát, Vô-lun-xcơ, Min-xcơ, Pô-lốt-xcơ và Mô-dư-a...

Cục trưởng Cục xây dựng khu phòng thủ có trách nhiệm đề ra và đến ngày 1-5-1941 gửi cho các quân khu những điểm hướng dẫn kỹ thuật để đặt vũ khí và thiết bị bên trong giản đơn nhất trong các công sự năm 1938-1939”.

Các khu phòng thủ tại biên giới cũ không bị hủy và vũ khí ở đó không bị lấy đi như trong một số hồi ký và tài liệu nghiên cứu lịch sử đã nói. Các khu đó vẫn được giữ lại ở tất cả những nơi và hướng trọng yếu, lại còn được dự định tăng cường thêm. Nhưng quá trình diễn biến chiến sự trong thời gian đầu chiến tranh đã không cho phép thực hiện đầy đủ những biện pháp dự định và không cho phép sử dụng các khu phòng thủ cũ theo đúng ý nghĩa của nó.

Còn về các khu phòng thủ mới, Ủy viên nhân dân quốc phòng và Bộ Tổng tham mưu đã nhiều lần ra chỉ thị cho các quân khu phải đẩy mạnh việc xây dựng. Hàng ngày có gần 14 vạn người làm việc để củng cố công trình quốc phòng trên các biên giới mới. I.V.Xta-lin cũng thúc giục chúng tôi phải làm nhanh công việc này.

Tôi xin nêu ra một chỉ thị số UA/584838 ngày 14-4-1941 của Bộ Tổng tham mưu về vấn đề này:

“Mặc dù đã có nhiều chỉ thị của Bộ Tổng tham mưu Hồng quân, việc xây nắp hầm tránh bom đạn cho các công sự chiến đấu lâu dài và chuẩn bị cho các công sự đó sẵn sàng chiến đấu được tiến hành hết sức chậm chạp.

Ủy viên nhân dân quốc phòng ra lệnh:

1. Toàn bộ vũ khí dành cho các vùng phòng thủ trong phạm vi quân khu cần được bố trí xong trong các công sự chiến đấu và chuẩn bị cho các công sự sẵn sàng chiến đấu.
2. Nếu thiếu thiết bị đặc biệt thì tạm thời (che lấp giản đơn) đặt các thượng liên, đại liên vào các hầm có lỗ châu mai và nơi nào có thể, đặt cả các pháo vào ụ súng.
3. Đưa các công sự vào tư thế sẵn sàng chiến đấu dù còn thiếu các thiết bị khác theo quy định,

nhưng nhất thiết phải có các cửa bằng thép, bằng kim loại và có chấn song.

4. Tổ chức việc trông nom và bảo vệ chu đáo các thiết bị trong công sự.

5. Cục trưởng Cục xây dựng khu phòng thủ của Hồng Quân có trách nhiệm gửi ngay tới các quân khu những chỉ thị kỹ thuật về việc đặt các thiết bị tạm thời trong các công sự bê-tông cốt sắt.

Đến ngày 25-4-1941 phải báo cáo lên Bộ tổng tham mưu Hồng quân về những biện pháp đã tiến hành.

Tổng tham mưu trưởng Hồng quân

Đại tướng GIU-CÔP đã ký

Sao nguyên bản: Cục trưởng Cục các khu phòng thủ

Bộ Tổng tham mưu Hồng quân

Thiếu tướng X. SI-RI-A-EP”

Tháng 3-1941, Bộ Tổng tham mưu hoàn thành việc nghiên cứu kế hoạch động viên đối với công nghiệp sản xuất sản phẩm quốc phòng trong trường hợp chiến tranh nổ ra. Tôi và Phó tổng tham mưu trưởng, tướng V.Đ. Xô-cô-lốp-xki báo cáo kế hoạch này với Chủ nhiệm ủy ban quốc phòng thuộc Hội đồng các ủy viên nhân dân.

Bộ Tổng tham mưu còn có một bản báo cáo đặc biệt nói về đạn dược gửi lên Ban chấp hành trung ương Đảng và Hội đồng các ủy viên nhân dân. Bản báo cáo này chuyên nói về việc bảo đảm đạn dược cho pháo binh. Chúng tôi nêu lên tình hình hết sức nghiêm trọng đối với đạn trái phá và đạn cối. Đạn lựu pháo, cao xạ và pháo chống tăng không đủ. Đặc biệt đạn cho các loại pháo tối tân rất thiếu.

I.V. Xta-lin ra chỉ thị phải nghiên cứu bản báo cáo của chúng tôi và cùng với Bộ Ủy viên nhân dân đạn dược và Bộ Ủy viên nhân dân quốc phòng báo cáo xem trên thực tế, những gì cần phải làm và có thể làm được.

N.A. Vô-dơ-nê-xen-xki và các đồng chí khác cho rằng những yêu cầu của chúng tôi quá cao và đã báo cáo với I.V. Xta-lin là yêu cầu về năm 1941 cần được giải quyết nhiều nhất là 20%. Đề nghị này được phê chuẩn.

Song, sau khi nghe báo cáo lần thứ hai, I.V. Xta-lin đã chỉ thị ra chỉ lệnh đặc biệt, trong nửa sau năm 1941- đầu 1942 phải sản xuất đạn dược nhiều hơn nữa.

Trong suốt mùa xuân năm 1941, các cơ quan hậu cần trung ương thuộc Bộ Ủy viên nhân dân quốc phòng đã tích cực lo việc tăng thêm kho dự trữ lâu dài cho tất cả các quân khu gần biên giới phía tây. Số kho này lấy ở số dự trữ của nhà nước về nhiên liệu, lương thực và các vật dụng. Các kho đạn pháo binh quân khu nhận được thêm nhiều đạn dược do các kho của Bộ Ủy viên nhân dân quốc phòng cung cấp.

Ủy viên nhân dân quốc phòng, Bộ Tổng tham mưu và cả tôi nữa đều cho rằng trong điều kiện chiến tranh đang nhích gần, cần phải đưa các phương tiện vật chất và kỹ thuật tới gần quân đội, gần người sử dụng. Đã tưởng như vậy là đúng, nhưng sau thì thấy rằng tất cả chúng tôi đã sai. Khi chiến tranh nổ ra, quân địch trong một thời hạn ngắn đã chiếm được những lượng dự trữ vật chất, kỹ thuật của các quân khu, điều đó đã gây khó khăn đối với việc cung cấp cho quân đội và đối với những biện pháp nhằm xây dựng lực lượng dự bị.

Mùa xuân năm 1941, trong khi nghiên cứu các kế hoạch tác chiến, chúng tôi chưa cân nhắc thật đầy đủ các phương thức mới để tiến hành chiến tranh trong giai đoạn đầu. Bộ Ủy viên nhân dân quốc phòng và Bộ Tổng tham mưu đã cho rằng, chiến tranh giữa các nước lớn như Đức và Liên Xô có thể bắt đầu ở cả hai bên theo trình tự đã có từ trước: quân chủ lực sẽ bước vào chiến đấu mấy ngày sau những trận đánh ở biên giới. Về mặt thời hạn tập trung và điều quân, chúng tôi cho rằng, nước Đức phát-xít cũng ở trong những điều kiện giống như chúng ta. Trên thực tế thì lực lượng cũng như điều kiện rất khác nhau.

Khả năng kinh tế của Đức cho đến khi tiến công Liên Xô như thế nào?

Sau khi nắm được hầu hết các nguồn lực kinh tế và quân sự chiến lược của châu Âu, nước Đức, như chúng ta đều biết, đã trang bị cho lực lượng vũ trang của chúng đầy đủ vũ khí hiện đại, binh khí kỹ thuật và đủ số lượng phương tiện vật chất. Tình hình ở Tây Âu không có các hoạt động tích cực về mặt quân sự đã làm cho bọn Hít-le rảnh rang tập trung tất cả các lực lượng chủ lực của chúng để đánh Liên Xô.

Sát trước chiến tranh, nước Đức cùng với các nước bị Đức chiếm đóng sản xuất được 31,8 triệu

tấn thép, một mình Đức khai thác được 257,4 triệu tấn than, và cùng với các nước chư hầu - 439 triệu tấn. Liên Xô thì sản xuất được 18,3 triệu tấn thép, 165,9 triệu tấn than. Chỗ yếu của Đức là khai thác dầu lửa, nhưng trong mức độ nào đó nó đã được bù đắp bằng việc nhập dầu lửa Ru-ma-ni, bằng số dự trữ đã có và nhiên liệu nhân tạo.

Sau khi trắng trợn hủy bỏ những điều hạn chế của hiệp ước Véc-xây, bọn cầm đầu nước Đức, nhằm đảm bảo các kế hoạch xâm lược của chúng, đã hướng toàn bộ chính sách kinh tế vào việc phục vụ cuộc chiến tranh xâm lược mà chúng dự định tiến hành. Công nghiệp Đức đã chuyển toàn bộ sang kinh tế chiến tranh. Tất cả những việc khác đều lùi lại phía sau.

Nước Đức đã có một tiềm lực kinh tế chiến tranh lớn, trong thời gian tương đối ngắn đã xây dựng hơn 300 nhà máy lớn sản xuất hàng quân sự, mức sản xuất hàng chiến tranh ở Đức năm 1940 đã tăng lên 2/3 so với năm 1939 và 22 lần so với năm 1932. Năm 1941, công nghiệp Đức đã sản xuất hơn 11.000 máy bay, 5.200 xe tăng và xe bọc thép, 30 nghìn pháo các cỡ, gần 1,7 triệu carbin, súng trường và tiểu liên. Thêm vào đó cần tính thêm những lượng dự trữ lớn vũ khí cướp được và sức mạnh sản xuất của các nước chư hầu của Đức và của các nước bị Đức chiếm đóng.

Hồi đó chúng ta đã biết những gì về lực lượng vũ trang mà Đức tập trung để đánh Liên Xô? Theo các tài liệu của Cục tình báo Bộ Tổng tham mưu Hồng Quân do tướng Ph.I. Gô-li-cốp phụ trách, nước Đức bắt đầu đưa thêm quân tới Đông Phổ, Ba Lan và Ru-ma-ni từ cuối tháng 1-1941. Cục tình báo cho biết, trong tháng 2 và tháng 3, số lượng quân địch đã tăng lên 9 sư đoàn: đối diện với Quân khu Pri-ban-tích có thêm 3 sư đoàn bộ binh; đối diện với Quân khu miền tây có thêm 2 sư đoàn bộ binh và 1 sư đoàn xe tăng; đối diện với Quân khu Ki-ép có thêm 2 sư đoàn bộ binh và 1 sư đoàn xe tăng; đối diện với Quân khu Ô-đét-xa có 1 sư đoàn bộ binh và 3 trung đoàn xe tăng.

Tin này do Cục trưởng Cục tình báo tướng Ph.I. Gô-li-cốp nêu ra, đã được chúng tôi báo cáo ngay lên I.V.Xta-lin. Tôi không biết tướng Ph.I. Gô-li-cốp còn báo cáo riêng với I.V.Xta-lin những tin tức tình báo gì nữa.

Đến ngày 4-4-1941, quân số tăng thêm của Đức từ biển Ban-tích đến Xlô-va-ki, theo tài liệu của tướng Ph.I. Gô-li-cốp, là 5 sư đoàn bộ binh và 6 sư đoàn xe tăng. Đối diện với Liên Xô, tất cả có 72-73 sư đoàn. Cộng với số lượng đó cần phải tính thêm số quân đội Đức đóng ở Ru-ma-ni và Hung-ga-ri tất cả là 9 sư đoàn bộ binh và 1 sư đoàn cơ giới.

Đến ngày 5-5-1941, theo báo cáo của tướng Ph.I. Gô-li-cốp, số lượng quân đội Đức chuẩn bị đánh Liên Xô đã lên tới 103-107 sư đoàn, kể cả 6 sư đoàn đóng ở vùng Đan-xích và Pô-dơ-nan, và 5 sư đoàn ở Phần Lan. Sự phân bố các sư đoàn đó ở các nơi như sau: ở Đông Phổ, 23-24 sư đoàn; ở Ba Lan đối diện Quân khu miền Tây, 29 sư đoàn; ở Ba Lan đối diện Quân khu Ki-ép, 31-34 sư đoàn; ở Pri-các-pát, 14-15 sư đoàn.

Quân địch ráo riết tiến hành công việc chuẩn bị chiến trường: lập đường sắt thứ hai tới Xlô-va-ki và Ru-ma-ni, mở rộng mạng lưới các sân bay và các bãi đỗ máy bay, tăng cường xây dựng các kho quân dụng. Tại các thành phố và các công trình công nghiệp, chúng tổ chức huấn luyện phòng không, xây dựng các hầm trú ẩn và tiến hành các cuộc động viên thử.

Trong số quân đội Hung-ga-ri có tới 4 binh đoàn đóng ở vùng Û-crai-na - Pri-các-pát, một phần đáng kể quân đội Ru-ma-ni đóng ở miền Các-pát.

Ở Phần Lan, quân Đức đổ bộ lên cảng A-bô, ở đây từ ngày 10 đến ngày 29 tháng 4, chúng đã đổ bộ tới 22.000 quân, số quân này về sau đã chuyển đến vùng Rô-va-ni-ê-mi rồi đến Kiếc-ki-ne-xơ.

Tướng Ph.I. Gô-li-cốp cho rằng trong thời gian tới, quân đội Đức có thể sẽ còn được tăng thêm bằng lực lượng có thể rút ở Nam Tư.

Đến ngày 1-6-1941, theo tài liệu của Cục tình báo, để chuẩn bị đánh Liên Xô, Đức đã có tới 120 sư đoàn.

Mùa xuân 1941, bọn Hít-le đã yên tâm vì thấy đối phương phía tây không có những hành động đe dọa nghiêm trọng, và cùng thời gian đó lực lượng chủ lực của chúng đã được tập trung dọc suốt từ biển Ban-tích đến biển Đen.

Đến tháng 6-1941, Đức đã đưa tổng số quân đội của chúng lên tới 8,5 triệu người, tăng 3,55 triệu người so với năm 1940, tức là lên tới 208 sư đoàn. Đến tháng 6, các lực lượng vũ trang Liên Xô có gần 5 triệu người, tính cả các đợt nhập ngũ bổ sung.

Hít-le cho rằng thời cơ có lợi để tiến công Liên Xô đã đến. Hắn vội vã và không phải là không có cơ sở. ...

Bộ chỉ huy Đức bắt đầu ồ ạt chuyển quân sang phía Đông từ ngày 25-5-1941. Tới thời gian này đường sắt của Đức hoạt động ở mức cao nhất. Riêng từ 25-5 đến giữa tháng 6, đã có 47 sư đoàn Đức, trong đó có 28 sư đoàn xe tăng và cơ giới, được đưa tới gần biên giới Liên Xô.

Còn ở phía chúng ta tình hình diễn ra như sau. Trong suốt tháng 3 và tháng 4 năm 1941, Bộ Tổng tham mưu khẩn trương làm việc để xác định kế hoạch bảo vệ biên giới phía tây và kế hoạch động viên khi chiến tranh nổ ra. Trong khi xác định kế hoạch bảo vệ, chúng tôi báo cáo với I.V.Xta-lin rằng, chúng tôi đã tính toán và thấy quân số hiện có của các Quân khu Pri-ban-tích, miền Tây, Ki-ép, Ô-đét-xa sẽ không đủ để chống lại sự tiến công của quân Đức. Cần phải cấp tốc lấy ngay quân của các đơn vị ở phía trong để thành lập một vài tập đoàn quân và để đề phòng mọi trường hợp bất trắc, đầu tháng 5, phải đưa các đơn vị đó đến Pri-ban-tích, Bê-lô-ru-xi và U-crai-na.

Bốn tập đoàn quân với quân số giảm bớt đã được điều về U-crai-na và Bê-lô-ru-xi - mỗi nơi hai tập đoàn quân dưới hình thức tập hành quân dã ngoại. Chúng tôi được căn dặn là phải hết sức thận trọng và phải có các biện pháp giữ bí mật về cuộc điều động này. Cùng khi đó, I.V.Xta-lin ra chỉ thị phải tăng cường bằng mọi cách công việc xây dựng mạng lưới các sân bay cơ bản và dã chiến. Nhưng chỉ được phép lấy sức người sau khi hoàn thành công việc đồng áng vụ xuân. Một lần, sau cuộc họp bàn công việc thường lệ, I.V.Xta-lin có hỏi về tình hình gọi thêm quân hậu bị vào quân thường trực. Ủy viên nhân dân quốc phòng trả lời rằng, việc tuyển quân được tiến hành bình thường, quân số tuyển thêm đến cuối tháng 4 sẽ có mặt ở các quân khu gần biên giới. Đầu tháng 5, các đơn vị sẽ bắt đầu huấn luyện số quân này.

Ngày 13-5, Bộ Tổng tham mưu ra chỉ thị điều quân từ các quân khu phía trong sang phía tây. Tập đoàn quân 22 từ U-ran chuyển đến khu Vê-li-ki Lu-ki; tập đoàn quân 21 từ Quân khu Pri-vôn-ga đến Gô-men; tập đoàn quân 19 từ Quân khu Bắc Cáp-ca-dơ đến Be-lai-a Séc-cốp; quân đoàn khinh binh 25 từ Quân khu Khác-cốp đến giáp Tây Đơ-vi-na; tập đoàn quân 16 từ Da-bai-can đến Se-pê-tốp-ca thuộc U-crai-na.

Tổng cộng trong tháng 5, đã có 28 sư đoàn khinh binh và 4 cơ quan tư lệnh tập đoàn quân được chuyển từ các quân khu phía trong tới gần biên giới phía tây.

Cuối tháng 5, Bộ Tổng tham mưu chỉ thị cho các tư lệnh quân khu gần biên giới cấp tốc chuẩn bị các sở chỉ huy, và giữa tháng 6 đã chỉ thị đưa các cơ quan chỉ huy các phương diện quân tới các sở chỉ huy đó: Phương diện quân Tây-bắc - tới vùng Pa-nê-vê-gi-xơ; Phương diện quân miền Tây tới vùng O-bu-dơ; Phương diện quân Tây-nam - tới vùng Téc-nô-pôn; Quân khu Ô-đét-xa với tính chất là cơ quan chỉ huy tập đoàn quân tới Ti-ra-xôn. Cơ quan chỉ huy dã chiến của các phương diện quân và các tập đoàn quân từ ngày 21 đến 25 tháng 6 phải đến các vùng đó.

Đóng gần với đối phương hơn cả có 47 đơn vị bộ binh và 6 đơn vị hải quân biên phòng, 9 đơn vị biên phòng độc lập, 11 trung đoàn quân tác chiến thuộc Bộ Ủy viên nhân dân nội vụ và các sư đoàn khinh binh tuyển I đóng sát biên giới nhưng chưa triển khai đội hình chiến đấu thuộc các tập đoàn quân bảo vệ biên giới.

Tổng cộng ở các quân khu và các hạm đội gần biên giới miền tây có 2,9 triệu người, hơn 1.500 máy bay các loại mới và khá nhiều máy bay các loại cũ, gần 35.000 pháo và súng cối (không có súng cối 50 mm), 1.800 xe tăng hạng nặng và hạng vừa (2/3 là xe tăng các loại mới) và một số đáng kể các xe tăng loại nhẹ hạn chế về sức mạnh.

Việc huấn luyện chiến đấu và tinh thần chiến đấu ở các quân khu gần biên giới không đều nhau và phụ thuộc vào nhiều yếu tố: truyền thống của cán bộ chỉ huy trong việc giáo dục bộ đội, tính sáng tạo và tinh thần trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, tính tổ chức và quyết tâm trong việc thực hiện những yêu cầu của điều lệnh chiến đấu. Bây giờ khó mà dựng lại một cách đầy đủ tất cả những gì đã diễn ra ở các quân khu gần biên giới và thuật lại không khí của các nơi đó khi chiến tranh nổ ra. Tôi còn nhớ, trong thời gian đầu làm việc ở Bộ Tổng tham mưu, tôi vẫn nghĩ tới quân khu đặc biệt Ki-ép là nơi tôi mới rời khỏi. Tình hình ở đó ra sao?

Nhân đây tôi muốn trích dẫn vài đoạn trong hồi ký của nguyên soái Liên Xô I.Kh. Ba-gra-mi-an - hồi đó là đại tá trưởng phòng tác chiến Quân khu đặc biệt Ki-ép. Tôi nghĩ rằng những trang hồi ký này phản ánh đúng tình hình công việc trong quân đội với tất cả những khó khăn của

những tháng sau cùng trước chiến tranh.

“Chúng tôi vừa mới tiến đồng chí tư lệnh của mình đi dự Hội nghị Đảng lần thứ XVIII - I.Kh. Ba-gra-mi-an viết - thì Bộ Tổng tham mưu có chỉ thị: tham mưu trưởng quân khu cùng với nhóm các tướng và sĩ quan tham gia vào việc xây dựng kế hoạch bảo vệ biên giới quốc gia phải về Mát-xcơ-va ngay. Cùng với M.A. Puốc-ca-ép lên đường đi Mát-xcơ-va còn có các tướng N.A. La-xkin - tham mưu trưởng không quân, I.I. Tơ-rút-cô - phó tham mưu trưởng quân khu phụ trách các vấn đề tác chiến - hậu cần, D.M. đô-bư-kin - chủ nhiệm thông tin quân khu, đại tá A.A. Coóc-xu-nốp - trưởng phòng giao thông quân sự quân khu, tôi và người phó của tôi - đại tá A.I. Đa-ni-lốp. Đến Mát-xcơ-va mới biết rõ mọi việc: tất cả chúng tôi phải tham gia việc nghiên cứu những biện pháp tác chiến của quân khu.

Công việc của chúng tôi đang tiếp tục thì bỗng có lệnh cho chúng tôi phải trở về Ki-ép ngay để thi hành nhiệm vụ theo chức vụ ở đây, trước hết phải xem xét các kế hoạch bảo vệ biên giới của các tập đoàn quân do các bộ tham mưu các tập đoàn quân đề ra theo chỉ thị của bộ tư lệnh quân khu. Chúng tôi rất mừng là các kế hoạch của các tập đoàn quân không đòi hỏi phải chỉnh lý nhiều. Chỉ cần sửa đổi chút ít.

Song, ít lâu sau - ngay sau khi bọn phát xít bắt đầu chiếm đóng Nam Tư - Bộ Tổng tham mưu chỉ thị dựa vào kế hoạch bảo vệ biên giới nhiều điều bổ sung quan trọng. Bộ tư lệnh quân khu được lệnh phải tăng thêm quân số đảm đương nhiệm vụ trực tiếp bảo vệ biên giới...

Tướng Kiếc-pô-nô-xơ phản nản rằng lực lượng dự bị ở đây đã giảm sút rõ rệt và lực lượng đưa vào “phòng thủ tiêu cực” là quá nhiều so với mức cần thiết. Nhưng mệnh lệnh là mệnh lệnh: ngày 18-4, chúng tôi đã chỉ thị cho các tập đoàn quân đưa vào kế hoạch những sự thay đổi đó. Do nguyên nhân này nên trong tháng 4 chúng tôi cũng vẫn chưa “chấm” xong các kế hoạch bảo vệ biên giới của các tập đoàn quân.

Tham mưu trưởng các tập đoàn quân cùng với các cán bộ tham gia xây dựng kế hoạch lại được triệu tập về Bộ tham mưu quân khu. Mọi việc lại được làm lại từ đầu. Khó khăn lớn kéo dài công việc là ở chỗ các tướng và sĩ quan thảo kế hoạch phải tự tay viết tất cả từ trang thứ nhất đến trang cuối cùng...

Việc làm lại các kế hoạch cần phải kết thúc trước ngày 10-5. May thay, đó là sự bổ sung quan trọng lần cuối cùng, chứ không thì các kế hoạch có thể không được dựng xong trước khi bọn phát-xít bắt đầu tiến công.

Trong nửa sau của tháng 4, cơ quan lãnh đạo Hồng quân bắt đầu tích cực thực hiện những biện pháp nhằm tăng cường sức mạnh cho các quân khu gần biên giới. Tôi còn nhớ, ngày 26-4, quân khu chúng tôi nhận được lệnh của Mát-xcơ-va: tới ngày 1-6 phải tổ chức xong 5 lữ đoàn pháo cơ động chống tăng và một quân đoàn đổ bộ đường không. Bốn sư đoàn khinh binh của chúng tôi được cải tổ thành các sư đoàn khinh binh chiến đấu ở rừng núi. Bộ tư lệnh quân khu được báo cho biết, đến ngày 25-5, quân khu được bổ sung thêm cơ quan chỉ huy quân đoàn bộ binh nhẹ thứ 31 từ Viễn Đông tới.

Tháng xuân cuối cùng không hề làm ấm thêm bầu không khí quan hệ quốc tế. Việc I.V. Xta-lin bỗng nhiên được cử làm Chủ tịch Hội đồng các Ủy viên nhân dân được mọi người trong quân khu coi là điều chứng tỏ tình hình quốc tế trở nên phức tạp. Lần đầu tiên trong những năm có chính quyền xô-viết, sự lãnh đạo tối cao của Đảng và Nhà nước tập trung vào một người. Ngoài ra còn những dấu hiệu khác về mối nguy cơ đang tăng nhanh.

Vào nửa sau của tháng 5, chúng tôi nhận được của Bộ tổng tham mưu lệnh tiếp nhận của Quân khu Bắc Cáp-ca-dơ và bố trí nơi đóng quân cho cơ quan chỉ huy quân đoàn bộ binh nhẹ 34 cùng với các đơn vị của nó - 4 sư đoàn khinh binh với quân số 12.000 người mỗi sư đoàn và một sư đoàn khinh binh chiến đấu ở rừng núi.

Một đoàn cán bộ thuộc Quân khu Bắc Cáp-ca-dơ do phó tư lệnh thứ nhất quân khu, trung tướng M.A. Rây-te đứng đầu, sẽ tới để chỉ huy các đơn vị này. Việc bố trí số quân mới tới cũng do Bộ tổng tham mưu quy định. Theo lệnh này thì các đơn vị của Quân khu Bắc Cáp-ca-dơ sẽ bắt đầu tới vào ngày 20-5. Mặc dù mệnh lệnh này không phải là bất ngờ đối với bộ tư lệnh, song vẫn là điều phải lo: trong một thời gian ngắn phải bố trí cho hầu như cả một tập đoàn quân. Do phải làm nhiệm vụ mới khẩn cấp nên chúng tôi đành phải hoãn lại cuộc diễn tập cán bộ chỉ huy và cơ quan tham mưu các tập đoàn quân đã được dự định tiến hành vào nửa thứ hai của tháng 5.

Cuối tháng 5, các đoàn quân cuộn cuộn tới quân khu. Phòng tác chiến trở thành tựa như trạm điều hành, ở đó tập trung toàn bộ tin tức hành quân và tình hình các đơn vị thuộc quân khu Bắc Cáp-ca-dơ tới. Tôi còn nhớ một việc điển hình. Các cán bộ chỉ huy được cử đến nắm các sư đoàn bổ sung cho quân khu, khi báo cáo về khả năng chiến đấu của các sư đoàn này đã nhấn mạnh rằng, tất cả các đơn vị đều tổ chức theo quy chế thời bình do đó thiếu không những một số lớn quân số và cán bộ chỉ huy, mà thiếu cả trang bị kỹ thuật, trước hết là các phương tiện vận tải và phương tiện liên lạc, mà lẽ ra các sư đoàn được nhận khi có lệnh động viên. Rõ ràng là cả trong vấn đề này, ý muốn nghiêm chỉnh tuân thủ những điều kiện của hiệp ước với Đức phát-xít cũng đã có tác dụng không nhỏ.

Tôi xin nói trước một chút, khi chiến tranh nổ ra, các sư đoàn này được cấp tốc điều đến hướng chiến lược phía tây và trong khi đang hành quân đã buộc phải đánh nhau.

Năm sư đoàn của Quân khu Bắc Cáp-ca-dơ chưa kịp hoàn thành việc tập trung ở phạm vi quân khu chúng tôi, thì đầu tháng 6, Bộ Tổng tham mưu đã báo tin, Ủy viên nhân dân quốc phòng ra lệnh thành lập bộ tư lệnh tập đoàn quân 19 và đến ngày 10-6, bộ tư lệnh này phải tới Chéc-ca-xơ. Tập đoàn quân 19 gồm 5 sư đoàn thuộc quân đoàn khinh binh 34 và 3 sư đoàn thuộc quân đoàn khinh binh 25, tất cả đều của Quân khu Bắc Cáp-ca-dơ. Thêm vào đó mệnh lệnh lại quy định rằng, tập đoàn quân mới trực thuộc Ủy viên nhân dân quốc phòng. Tư lệnh Quân khu Bắc Cáp-ca-dơ, trung tướng I.X. Cô-nép được cử chỉ huy tập đoàn quân này.

Ngày hôm sau, Bộ Tổng tham mưu báo cho bộ tư lệnh quân khu chuẩn bị tiếp nhận và bố trí nơi đóng quân cho một tập đoàn quân nữa - tập đoàn quân 16 của trung tướng M.Ph. Lu-kin từ Da-bai-can tới. Kế hoạch dự tính tập trung đủ quân của tướng Lu-kin trên đất Quân khu đặc biệt Ki-ép trong thời gian từ 15-6 đến 10-7.

Như vậy là trong một thời gian rất ngắn, chúng tôi phải tiếp nhận và bố trí cho tập đoàn quân thứ hai nữa ở trong phạm vi quân khu. Điều đó làm mọi người phấn khởi. Không còn phải lo, khi chiến tranh nổ ra, ở phía sau chúng tôi không có quân đội. Bây giờ đã thấy hoàn toàn rõ ràng là Ủy viên nhân dân quốc phòng và Bộ tổng tham mưu đã quan tâm đến điều đó khi ra lệnh chuẩn bị đưa tất cả các lực lượng của quân khu tới trực tiếp gần biên giới" [3].

Có lẽ bây giờ đã đến lúc có thể nói về sai lầm chính của thời kỳ ấy và tất nhiên, từ đó sinh ra nhiều sai lầm khác, đó là việc tính sai thời gian quân đội phát-xít Đức có thể tiến công. Trong kế hoạch tác chiến năm 1940 mà sau khi chỉnh lý đã được áp dụng trong năm 1941, có đề ra:

- trong trường hợp có nguy cơ chiến tranh, tất cả các lực lượng vũ trang phải ở trong tư thế hoàn toàn sẵn sàng chiến đấu;
- lập tức tiến hành ở trong nước việc động viên nhập ngũ;
- phát triển các đơn vị đúng với biên chế thời chiến theo kế hoạch động viên;
- tập trung và triển khai tất cả lực lượng được động viên trên các vùng biên giới phía tây theo kế hoạch của các quân khu gần biên giới và của Bộ tổng tư lệnh.

Những biện pháp đề ra trong kế hoạch tác chiến và động viên nói trên chỉ được thi hành khi có quyết định đặc biệt của Chính phủ. Quyết định đặc biệt đó mãi tới rạng sáng ngày 22-6-1941 mới có. Còn trong những tháng gần sát chiến tranh, các chỉ thị của cơ quan lãnh đạo không thấy đề ra những biện pháp cần tiến hành khẩn cấp trong thời kỳ chiến tranh đặc biệt uy hiếp. Tất nhiên, nảy ra vấn đề: vì sao cơ quan lãnh đạo do I.V. Xta-lin đứng đầu không thực hiện những biện pháp của kế hoạch tác chiến thời chiến mà mình đã phê chuẩn?

Về những thiếu sót và sự tính sai này, người ta thường quy vào lỗi của I.V. Xta-lin. Tất nhiên, I.V.Xta-lin quả là có những thiếu sót nhưng không thể xem xét nguyên nhân các khuyết điểm đó tách rời những quá trình và hiện tượng lịch sử khách quan, tách rời toàn bộ khối tổng hợp các nhân tố kinh tế và chính trị. Không có gì giản đơn hơn việc trở lại từ đầu để đánh giá các sự kiện khi tất cả mọi hậu quả của nó đã rõ ràng. Và không có gì phức tạp bằng việc phân tích rõ được toàn bộ khối tổng hợp các vấn đề, toàn bộ sự đấu tranh giữa các lực lượng, đối chiếu rất nhiều các ý kiến, các tài liệu và các sự việc ngay trong thời kỳ lịch sử đó.

So sánh và phân tích tất cả những lời của I.V. Xta-lin nói với những người gần gũi trong những lần tôi có mặt, tôi nhận thấy một điều chắc chắn: tất cả ý nghĩ và việc làm của I.V. Xta-lin đều quán triệt một mong muốn: tránh chiến tranh và tin tưởng rằng có thể đạt được điều đó.

I.V. Xta-lin hiểu rất rõ rằng, chiến tranh với một quân thù mạnh và có kinh nghiệm như Đức

phát-xít có thể sẽ gây ra cho nhân dân Liên Xô những tai họa như thế nào, vì vậy I.V. Xta-lin cũng như toàn thể Đảng ta cố tìm cách ngăn chặn nó lại.

Bây giờ ngay trước mắt chúng ta, đặc biệt trong những tài liệu được công bố rộng rãi, về cơ bản có đủ những tài liệu báo trước về cuộc tiến công đã chuẩn bị đánh vào Liên Xô và về việc quân đội Đức đã tập trung ở biên giới nước ta, v.v... Nhưng, các tài liệu thu thập được sau khi phát-xít Đức bị đánh bại lại chứng minh rằng, hồi đó, nhiều tin tức, thông báo hoàn toàn thuộc loại khác đã được đưa tới bàn làm việc của Xta-lin. Đây là một ví dụ.

Theo lệnh của Hít-le đưa ra trong cuộc họp ngày 3-2-1941, tổng tham mưu trưởng Đức, thống chế Cây-ten ngày 15-2-1941 đã ra “chỉ thị đặc biệt về việc đánh lạc hướng đối phương”. Để giữ kín việc chuẩn bị cho chiến dịch “Bác-ba-rô-xơ”, cục tình báo và phản gián bộ tổng tham mưu quân Đức đã đề ra và thực hiện rất nhiều biện pháp nhằm tung ra những lời đồn và tin tức giả. Việc điều quân sang phía đông được dựng lên như là “thủ đoạn đánh lạc hướng lớn nhất trong lịch sử để làm cho người ta không chú ý đến những công việc chuẩn bị cuối cùng cho cuộc xâm nhập vào Anh”.

Những tài liệu về địa dư nước Anh được in ra rất nhiều. Nhân viên phiên dịch tiếng Anh được phái thêm đến các đơn vị quân đội. Việc “phong tỏa” một số vùng trên bờ eo biển Măng-sơ, Pa-đơ Ca-le và ở Na Uy được chuẩn bị. Tin về quân đoàn đổ bộ đường không tưởng tượng được tung ra. Những ụ tên lửa giả được bố trí trên bờ biển. Trong quân đội truyền bá tin về khả năng được nghỉ ngơi trước khi đánh Anh, và về khả năng quân Đức sẽ vượt qua lãnh thổ Liên Xô để đánh Ấn Độ. Để làm cho giả thuyết về việc đổ bộ sang Anh thêm phần đúng sự thật, Đức đề ra những kế hoạch đặc biệt mang mật hiệu “cá mập” và “đỉnh ba”. Bộ máy tuyên truyền hoàn toàn quay vào việc chống Anh và thôi không chống Liên Xô như thường lệ nữa. Các nhân viên ngoại giao cũng tham gia vào công việc này, v.v...

Những tài liệu về tin tức giả đó cộng với tình trạng thiếu sẵn sàng chiến đấu của các lực lượng vũ trang đã làm cho I.V. Xta-lin hết sức thận trọng khi đưa ra thực hiện những biện pháp cơ bản của kế hoạch tác chiến - động viên nhằm chuẩn bị chống lại cuộc xâm lược có thể xảy ra.

I.V. Xta-lin còn tính đến tình hình, do chuyển từ hệ thống địa phương sang hệ thống chính quy, các cán bộ chỉ huy và chính trị phụ trách các đơn vị còn chưa nắm được nghệ thuật chiến dịch - chiến thuật theo cấp mình.

Thi hành nghị quyết của Đại hội Đảng lần thứ XVIII và các chỉ thị sau đó của Ban chấp hành trung ương Đảng về việc lựa chọn, đào tạo và giáo dục các cán bộ lãnh đạo, cho đến mùa hè 1941, các cấp chỉ huy, các cơ quan công tác Đảng, công tác chính trị của quân đội đã tiến hành một khối lớn công tác huấn luyện, giáo dục để nâng cao trình độ lý luận chung và năng lực thực hành của cán bộ. Song vấn đề cán bộ chỉ huy lực lượng vũ trang trong các năm 1940 - 1941 vẫn còn gay go. Việc đề bạt hàng loạt cán bộ chỉ huy trẻ, chưa qua trận mạc lên giữ các chức vụ cao, trong một thời gian nào đó, đã làm giảm sức chiến đấu của quân đội. Sát trước chiến tranh trong khi tiến hành những biện pháp quan trọng và lớn lao về mặt tổ chức, đã cảm thấy thiếu đội ngũ cán bộ chỉ huy giỏi, không đủ chuyên gia, chiến sĩ lái xe tăng, chiến sĩ pháo binh, phi công và đội ngũ nhân viên kỹ thuật hàng không cũng mỏng. Qua đó càng thấy rõ quân số đã tăng lên nhiều. Mọi nhược điểm đó, dự tính đến cuối năm 1941 sẽ có thể khắc phục về căn bản.

Trong khi mong muốn giữ vững hòa bình, coi đó là điều kiện quyết định đối với công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô, I.V. Xta-lin thấy rằng, các chính phủ Anh và Mỹ đã làm mọi việc để đẩy Hít-le tới chỗ gây chiến tranh với Liên Xô, rằng, Anh và các nước phương Tây khác bị lâm vào tình trạng chiến tranh nặng nề và muốn cứu mình khỏi tai họa nên hết sức trông chờ vào việc Đức tiến công Liên Xô. Chính vì thế mà I.V. Xta-lin nghi ngờ thông báo của các chính phủ phương Tây cho biết về việc Đức chuẩn bị tiến công Liên Xô.

Chúng ta chỉ cần nhắc đến một số sự việc, mà những tin tức về nó đã làm cho I.V. Xta-lin thêm hoài nghi các thông báo nói trên. Đó là việc đàm phán bí mật với Đức phát-xít ở Luân Đôn, cũng vào năm 1939, khi Liên Xô đang tiến hành các cuộc đàm phán quân sự với Anh và Pháp mà tôi đã kể.

Giới ngoại giao Anh muốn thỏa thuận với bọn Hít-le trong việc phân chia phạm vi ảnh hưởng của nhau trên thế giới. Bộ trưởng thương mại Hát-sơn trong cuộc đàm phán với Vôn-tát - cố vấn mật của chính phủ Đức, một người gần gũi của thống chế Gơ-rinh - đã tuyên bố rằng, đối với hai nước, có ba khu vực rộng lớn để hoạt động kinh tế: hệ thống các thuộc địa Anh, Trung

Quốc và Nga.

Cuộc đàm phán này đã bàn tới các vấn đề chính trị và quân sự, các vấn đề tìm kiếm nguyên liệu cho Đức, v.v... Tham gia cuộc đàm phán còn có các nhân vật khác; đại sứ Đức ở Luân Đôn là Diecksen báo cáo về Béc-lanh rằng, y nhận thấy có “những chính sách có chiều hướng xây dựng trong giới cầm quyền ở đây”.

Nhân đây tôi thấy rất đúng chỗ để nhắc lại rằng, khi Hít-le đình đề nghị với Liên Xô cùng nhau tính đến việc phân chia thế giới ra các phạm vi ảnh hưởng, thì đã bị Liên Xô bác bỏ thẳng thừng và dứt khoát, thậm chí chúng ta phản đối ngay cả việc nói về vấn đề này. Những tài liệu và những người tham gia vào chuyến đi của V.M. Mô-lô-tốp sang Béc-lanh tháng 11-1940 đã chứng minh việc này.

Như mọi người đã biết, cuối tháng 4, U. Séc-sin gửi thông điệp cho I.V. Xta-lin. Bức thông điệp đó viết: “Tôi nhận được tin chắc chắn của một người đáng tin cho biết; sau khi cho là Nam Tư đã nằm trong rọ của chúng, tức là vào ngày 20-3, bọn Đức đã điều 3 sư đoàn xe tăng và xe bọc thép trong số 5 sư đoàn đóng ở Ru-ma-ni sang miền Nam Ba Lan. Nhưng khi chúng được tin về cuộc cách mạng ở Séc-bi, việc điều quân này đã bị bãi bỏ. Ngài sẽ dễ dàng đánh giá được ý nghĩa của hành động này”. I.V. Xta-lin không tin vào bức thông điệp này. Năm 1940, có lúc báo chí thế giới đã truyền đi tin đồn về việc giới cầm quyền Anh và Pháp đích thân chuẩn bị tiến công vào Bắc Cáp-ca-dơ, ném bom Ba-cu, Grô-dơ-nui, Mai-cốp. Sau đó lại xuất hiện các tài liệu xác nhận điều đó. Nói tóm lại, không những chỉ có những việc làm và lời nói chống Liên Xô, chống chủ nghĩa cộng sản - điều đó U. Séc-sin không hề giấu giếm, mà còn có nhiều sự việc cụ thể khác của hoạt động ngoại giao thời đó đã làm cho I.V. Xta-lin phải thận trọng khi nghe thông báo của các giới đế quốc

Mùa xuân năm 1941, tại các nước phương tây lưu truyền nhiều tin tức khiêu khích về sự chuẩn bị ồ ạt của Liên Xô nhằm gây chiến với Đức. Báo chí Đức tìm mọi cách thổi phồng những tin tức đó và ca thán rằng, những tin tức này gây ảnh hưởng xấu tới quan hệ Xô-Đức.

- Xem đấy! - I.V. Xta-lin nói - họ đem người Đức ra dọa chúng ta, và lấy chúng ta để dọa Đức, họ xúc xiểm chúng ta và Đức.

Còn đối với hiệp ước không tiến công lẫn nhau đã ký với Đức năm 1939, vào lúc nước ta có thể bị tiến công từ hai mặt - từ phía Đức và từ phía Nhật - thì không có cơ sở nào để nói rằng, I.V. Xta-lin hy vọng vào hiệp ước ấy. Ban chấp hành trung ương Đảng và Chính phủ Liên Xô khẳng định rằng, hiệp ước này không làm cho Liên Xô thoát khỏi nguy cơ một cuộc xâm lược phát-xít, nhưng nó mang lại khả năng tranh thủ thời gian để củng cố quốc phòng ở nước ta, làm cản trở sự thành lập mặt trận thống nhất chống Liên Xô. Dù sao tôi cũng không hề thấy ở I.V. Xta-lin có nhận định gì tỏ ra yên tâm đối với hiệp ước không tiến công lẫn nhau đã ký với Đức.

Ngày 5-5-1941, I.V. Xta-lin phát biểu trước các học viên Học viện của Hồng quân trong cuộc chiêu đãi nhân dịp họ tốt nghiệp.

Sau khi chúc mừng những người đã tốt nghiệp các Học viện quân sự, I.V. Xta-lin đề cập tới những sự biến đổi trong quân đội ở thời gian gần đó.

- Các đồng chí, - I.V. Xta-lin nói - các đồng chí rời quân đội 3-4 năm nay, bây giờ trở lại hàng ngũ, các đồng chí sẽ không nhận ra quân đội nữa. Hồng quân nay đã không phải là Hồng quân của mấy năm trước đây. Chúng ta đã xây dựng được một quân đội mới, trang bị cho nó bằng kỹ thuật quân sự hiện đại. Xe tăng, không quân, pháo binh của chúng ta đã khác trước. Các đồng chí về quân đội sẽ thấy nhiều cái mới.

Tiếp đó, I.V. Xta-lin nói đến những sự biến đổi trong từng loại quân chủng và binh chủng.

- Các đồng chí từ thủ đô về các đơn vị - I.V. Xta-lin nói tiếp - các chiến sĩ và cán bộ chỉ huy Hồng quân sẽ hỏi: tình hình hiện nay đang diễn ra như thế nào? Tại sao Pháp bị bại? Tại sao Anh bị thua mà Đức thì thắng? Có thực quân đội Đức là vô địch không? Tư tưởng quân sự của quân đội Đức đang phát triển. Quân đội chúng được vũ trang bằng kỹ thuật tối tân, được huấn luyện về các phương thức mới tiến hành chiến tranh, có nhiều kinh nghiệm. Sự thật là Đức có quân đội mạnh về mặt kỹ thuật cũng như về mặt tổ chức, những người Đức quan niệm một cách vô ích rằng quân đội của họ là quân đội lý tưởng, vô địch. Không có những quân đội vô địch. Đức sẽ không thể có được thắng lợi dưới những khẩu hiệu “chiến tranh xâm lược”, “ăn cướp”, dưới những khẩu hiệu “chinh phục các nước khác”, “khuất phục các dân tộc và các nước khác”.

Đề cập tới những nguyên nhân thắng lợi về quân sự của Đức ở châu Âu, I.V. Xta-lin nói rằng,

quân đội ở một số nước không được quan tâm đúng mức, không được ủng hộ về mặt tinh thần. Đó là yếu tố mới làm tan rã quân đội. Quân nhân bắt đầu bị khinh rẻ. Quân đội cần được nhân dân và chính phủ đặc biệt quan tâm và yêu mến, đó là sức mạnh tinh thần hết sức to lớn của quân đội. Cần phải coi trọng quân đội.

Trường quân sự có trách nhiệm và có thể tiến hành huấn luyện các cán bộ chỉ huy trên cơ sở sử dụng kỹ thuật mới, sử dụng rộng rãi kinh nghiệm của chiến tranh hiện đại. Sau khi vẫn tất đề ra những nhiệm vụ cho pháo binh, bộ đội xe tăng, không quân, kỵ binh, bộ đội liên lạc, bộ binh trong chiến tranh, I.V. Xta-lin nhấn mạnh rằng cần phải cải tiến công tác tuyên truyền, thông tin, báo chí của chúng ta. Để chuẩn bị đối phó với chiến tranh không những cần phải có quân đội hiện đại, mà cần phải chuẩn bị về mặt chính trị.

Như vậy là, chúng ta có thể rút ra kết luận gì từ các tình hình trên đây? Cần đánh giá như thế nào đối với những gì đã làm được trước chiến tranh, những gì mà chúng ta định làm trong thời gian sắp tới và những gì chúng ta không kịp làm hoặc không làm được trong việc củng cố khả năng phòng thủ của Tổ quốc chúng ta? Ngày nay, sau khi tất cả mọi việc đã đi vào quá khứ, khi đánh giá tình hình, chúng ta phải suy xét một cách có phê phán về những điều đã qua, đồng thời phải đặt mình vào thời gian sát trước cuộc Chiến tranh giữ nước vĩ đại.

Tôi suy nghĩ nhiều về tất cả những điều đó và đi tới ý kiến như sau:

Tôi nghĩ rằng, công việc phòng thủ đất nước trên các điểm chủ yếu và phương hướng cơ bản, đã được tiến hành một cách đúng đắn. Suốt trong nhiều năm, về mặt kinh tế và xã hội, chúng ta đã làm tất cả hoặc gần như tất cả những gì có thể làm được. Còn đối với thời kỳ từ năm 1939 đến giữa năm 1941, thì trong thời gian này nhân dân ta và Đảng ta đã có những cố gắng đặc biệt, đã đưa tất cả sức lực và phương tiện ra để củng cố quốc phòng.

Công nghiệp phát triển, chế độ nông trang tập thể, toàn dân biết chữ, sự thống nhất giữa các dân tộc, sức mạnh của Nhà nước xã hội chủ nghĩa, tinh thần yêu nước rất cao của nhân dân, sự lãnh đạo của Đảng sẵn sàng kết hợp tiền tuyến với hậu phương - đó là cơ sở tuyệt diệu của khả năng phòng thủ đất nước vĩ đại của chúng ta, là nguyên nhân thứ nhất của thắng lợi lớn lao mà chúng ta đã giành được trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa phát-xít. Mặc dù có những khó khăn và thiệt hại to lớn trong 4 năm chiến tranh, nền công nghiệp của Liên Xô đã sản xuất một số lượng hết sức lớn các loại vũ khí - gần 49 vạn cỗ pháo và súng cối, hơn 10,2 vạn xe tăng và pháo tự hành, hơn 13,7 vạn máy bay chiến đấu, điều đó nói lên rằng, cơ sở của nền kinh tế, đứng về quan điểm quân sự, quốc phòng, đã được xây dựng một cách đúng đắn và vững chắc. Sau khi đã một lần nữa suy xét về quá trình xây dựng các lực lượng vũ trang của Liên Xô bắt đầu từ thời gian nội chiến, tôi cũng phải nói rằng, trong vấn đề này, về cơ bản chúng ta cũng đã đi con đường đúng. Nền lý luận quân sự xô-viết, những nguyên lý giáo dục và huấn luyện bộ đội, việc trang bị cho quân đội và hải quân, việc đào tạo cán bộ chỉ huy, cơ cấu và tổ chức của các lực lượng vũ trang đã không ngừng được hoàn thiện theo những phương hướng cần thiết. Đạo đức và tinh thần chiến đấu, ý thức giác ngộ và sự trưởng thành về chính trị của quân đội luôn luôn ở một trình độ rất cao.

Tất nhiên, nếu như có thể đi lại cả con đường đó, thì cũng có thể có gì đó cần phải bỏ, không làm. Nhưng bây giờ thì tôi không thể nêu lên được một phương hướng lớn có tính nguyên tắc nào trong việc xây dựng các lực lượng vũ trang của ta mà cần phải xóa đi, vứt bỏ, thay đổi. Còn thời kỳ từ năm 1939 đến giữa năm 1941 thì nói chung, được đánh dấu bằng những biến đổi mà lẽ ra sau đó hai ba năm đã có thể làm cho nhân dân Liên Xô có được một quân đội tuyệt vời. Đối với những nhân tố chủ yếu, cơ bản - và đó chính là những nhân tố cuối cùng quyết định vận mệnh của đất nước trong chiến tranh, những nhân tố quyết định thắng hay bại - thì Đảng và Nhà nước đã chuẩn bị đủ cho việc phòng thủ Tổ quốc.

Tôi nói lên điều này không phải là để rút phần trách nhiệm của mình đối với những sơ suất trong thời kỳ đó. Nhân đây cần nói là bất kỳ người nào biết suy nghĩ chín chắn cũng hiểu rằng, ngay ở vị trí chức vụ cao như Tổng tham mưu trưởng Hồng quân, cũng không thể làm được tất cả mọi việc trong vòng bốn tháng rưỡi. Về một số khuyết điểm của mình tôi đã nói tới, về những khuyết điểm khác tôi sẽ nói sau. Điều quan trọng đối với tôi là giúp cho việc miêu tả tình hình thật đúng với thực tế.

Lịch sử quả là dành cho chúng ta quá ít thời gian hòa bình để có thể xếp đặt mọi việc vào đúng vị trí của nó. Chúng ta bắt đầu làm đúng nhiều việc và chưa kịp làm xong nhiều việc. Chúng ta

đã tính sai thời gian có thể nổ ra cuộc tiến công của Đức phát-xít, và đó là nguyên nhân đưa đến những sơ suất trong việc chuẩn bị chống lại những trận đánh đầu tiên. Những nhân tố tích cực mà tôi đã nói tới, đã phát huy tác dụng liên tục, phát triển ngày càng rộng hơn và mạnh mẽ hơn, trong suốt cuộc chiến tranh từ ngày đầu tiên đến ngày cuối cùng, và đã tạo điều kiện cho thắng lợi. Nhân tố tiêu cực - tính sai thời gian - đã gây tác động, rồi dần dần giảm đi, nhưng đã hết sức làm tăng ưu thế khách quan của quân thù, bổ sung ưu thế tạm thời cho chúng và do đó đã gây nên tình hình nặng nề cho chúng ta trong thời gian đầu chiến tranh.

Năm 1940, Đảng và Chính phủ đã thông qua một loạt những biện pháp bổ sung để tăng cường quốc phòng. Song, khả năng kinh tế đã không cho phép trong thời gian ngắn đến như thế có thể thực hiện được trọn bộ những biện pháp đã định về mặt tổ chức và các mặt khác đối với lực lượng vũ trang. Chiến tranh đã đến vào lúc đất nước đang trong giai đoạn cải tổ, vũ trang lại và huấn luyện lại các lực lượng vũ trang, đang xây dựng những lực lượng hậu bị cần được động viên và các lực lượng dự trữ của Nhà nước. Vì không định gây ra chiến tranh và mong cố tránh nó, nhân dân Liên Xô đã dành mọi sức lực vào việc thực hiện các kế hoạch kinh tế hòa bình. Trong tình hình nguy cơ chiến tranh đã chín muồi, chúng tôi, các cán bộ quân sự, có lẽ đã không làm tất cả những gì có thể làm, để I.V. Xta-lin thấy rõ là chiến tranh rất gần rồi và để chứng minh sự cần thiết phải thực hiện những biện pháp cấp bách mà các kế hoạch tác chiến và động viên đã đề ra.

Tất nhiên, những biện pháp đó có thể không đảm bảo được thắng lợi hoàn toàn trong việc chống lại cuộc tiến công của quân địch, bởi vì lực lượng đôi bên quá chênh lệch. Nhưng có thể là quân đội ta sẽ bước vào chiến đấu một cách có tổ chức hơn, và, do đó, gây cho địch những tổn thất lớn hơn nhiều nữa. Các trận phòng ngự có kết quả của các đơn vị ở các vùng Vla-di-mia - Vô-lun-xơ, Ra-va - Rút-xcai-a, Pê-rê-mư-sơ và trên các trận địa của Phương diện quân miền Nam đã chứng tỏ điều đó.

Hiện nay, có nhiều giả thiết về vấn đề chúng ta đã biết hay không biết chính xác ngày chiến tranh nổ ra và kế hoạch chiến tranh của Đức.

Tôi không thể nói một cách chính xác rằng I.V. Xta-lin có được báo cáo đúng không, có thực là I.V. Xta-lin đã được báo cáo về ngày nổ ra chiến tranh không. Những báo cáo quan trọng loại này, I.V. Xta-lin có thể đã nhận được riêng, và không cho tôi biết.

Thực ra có một hôm, I.V. Xta-lin nói với tôi:

- Có một người báo cáo với chúng ta những tin rất quan trọng về ý đồ của chính phủ Hít-le nhưng chúng ta có phần nghi hoặc...

Có thể đây là R. Doóc-ghê, người mà sau chiến tranh tôi mới được biết.

Liệu cơ quan lãnh đạo quân sự có thể tự mình và kịp thời phát hiện ra việc quân địch tiến vào những vùng xuất phát tiến công của chúng và từ đó bắt đầu cuộc tiến công vào ngày 22-6 không? Trong những điều kiện hồi ấy, rất khó làm được việc đó.

Thêm nữa, qua các bản đồ và tài liệu sau này chiếm được của địch, chúng ta biết rằng bộ chỉ huy quân Đức mãi đến giờ phút cuối cùng mới tập trung quân ở biên giới, còn bộ đội xe tăng thiết giáp của chúng đóng ở khá xa, mãi đến rạng sáng ngày 22-6 mới được đưa vào các vùng xuất phát.

Tiếc là, ngay từ những tin đã có, không phải lúc nào cũng rút ra được những kết luận đúng để có thể dứt khoát và rõ ràng giúp cho cơ quan lãnh đạo tối cao định phương hướng hành động. Dưới đây là một số tài liệu trong kho lưu trữ của quân đội, có liên quan tới điều đó.

Ngày 20-3-1941, Cục trưởng Cục tình báo, tướng Ph.I. Gô-li-cốp đưa lên cơ quan lãnh đạo bản báo cáo về những tin đặc biệt quan trọng. Trong tài liệu này có nêu những phương án về các hướng tiến công có thể có của quân Đức phát-xít khi chúng đánh vào Liên Xô.

Về sau này tôi thấy rõ những phương án đó đã phản ánh đúng quá trình bọn Hít-le nghiên cứu kế hoạch "Bác-ba-rô-xơ", và một trong những phương án đã phản ánh đúng thực chất của kế hoạch này. Trong bản báo cáo có nói: "trong số những hoạt động quân sự có thể diễn ra nhất nhằm chống Liên Xô, đáng chú ý những điều dưới đây:

Phương án số 3 theo tài liệu... tháng 2-1941: "... để tiến công Liên Xô, - trong báo cáo viết - đã thành lập ba cụm tập đoàn quân: cụm thứ nhất do chuẩn thống chế Bốc chỉ huy đánh vào hướng Pê-trô-grát; cụm thứ hai do chuẩn thống chế Run-stết chỉ huy đánh vào hướng Mát-

xơ-va và cụm thứ ba do chuẩn thống chế Lê-ép chỉ huy đánh vào hướng Ki-ép. Mở màn cuộc tiến công vào Liên Xô được phác định vào ngày 20-5.

Theo báo cáo ngày 14-3 của tùy viên quân sự của ta, - trong báo cáo nói tiếp, - một thiếu tá Đức đã tuyên bố: chúng ta thay đổi hoàn toàn kế hoạch của chúng ta. Chúng ta tiến sang phía đông, vào Liên Xô. Chúng ta sẽ lấy của Liên Xô lúa mì, than, dầu lửa. Khi đó chúng ta sẽ là vô địch và có thể tiếp tục chiến tranh với Anh và Mỹ...”

Cuối cùng, trong tài liệu này, dựa vào tin của tùy viên quân sự ở Béc-lanh, có nói rằng: “Khởi đầu chiến sự chống Liên Xô sẽ vào khoảng từ ngày 15-5 đến ngày 15-5 năm 1941”.

Song những kết luận rút ra từ các tin đã nêu trong bản báo cáo, về thực chất, lại đã gạt bỏ toàn bộ ý nghĩa của những tin đó. Cuối bản báo cáo của mình, tướng Ph.I. Gô-li-cốp viết:

“1 - Trên cơ sở tất cả những điều và những phương án hành động có thể diễn ra mùa xuân năm nay đã trình bày ở trên, tôi cho rằng, thời gian bắt đầu hành động chống Liên Xô có khả năng chính xác nhất là sau khi đã thắng Anh hoặc đã ký với Anh một hòa ước vĩnh dự cho Đức.

2 - Tin đồn và những tài liệu nói về cuộc chiến tranh chống Liên Xô tất nhiên sẽ xảy ra vào mùa xuân năm nay cần được coi như là sự đưa tin đánh lừa, do cơ quan tình báo Anh và thậm chí, có thể, do cơ quan tình báo Đức tung ra”.

Ngày 6-5-1941, Ủy viên nhân dân hải quân, đô đốc N.G. Cu-dơ-nét-xốp viết thư gửi I.V. Xta-lin:

“Tùy viên hải quân ở Béc-lanh, đại tá hải quân Vô-rôn-xốp báo cáo: ... rằng, theo lời một sĩ quan Đức ở trong tổng hành dinh của Hít-le, quân Đức chuẩn bị đến ngày 14-5 xâm nhập vào Liên Xô qua Phần Lan, Pri-ban-tích và Ru-ma-ni. Đồng thời chúng dự định tiến công mạnh bằng không quân vào Mát-xơ-va và Lê-nin-grát và đổ quân nhảy dù xuống các trung tâm sát biên giới”

Những tin tức nói trong tài liệu này cũng có giá trị đặc biệt. Song những kết luận do đô đốc N.G. Cu-dơ-nét-xốp đề ra với cơ quan lãnh đạo đã không phù hợp với những sự việc do chính đô đốc nêu lên.

“Tôi cho rằng, - trong thư viết, - những tin tức này là những tin tức giả và đặc biệt là chúng tung ra để xem Liên Xô sẽ phản ứng đối với việc đó như thế nào”.

Tình hình căng thẳng đã tăng thêm. Và nguy cơ chiến tranh càng tới gần thì ban lãnh đạo Bộ Ủy viên nhân dân quốc phòng càng làm việc khẩn trương. Các cán bộ lãnh đạo Bộ ủy viên nhân dân quốc phòng và Bộ Tổng tham mưu, đặc biệt là nguyên soái X.K Ti-mô-sen-cô, trong thời gian này làm việc 18 - 19 tiếng đồng hồ một ngày. Thường thường đồng chí Ủy viên nhân dân quốc phòng ở lại phòng làm việc của mình cho tới sáng.

Ngày 13-6, X.K. Ti-mô-sen-cô, với sự có mặt của tôi, đã gọi dây nói tới I.V. Xta-lin và đề nghị cho phép ra lệnh chuyển bộ đội các quân khu gần biên giới vào tư thế sẵn sàng chiến đấu và triển khai các đơn vị tuyển một theo kế hoạch bảo vệ.

- Chúng tôi sẽ suy nghĩ - I.V. Xta-lin trả lời.

Ngày hôm sau, chúng tôi lại tới I.V. Xta-lin để báo cáo về tình hình đáng lo ngại ở các quân khu và về sự cần thiết phải ra lệnh chuyển quân đội vào tư thế hoàn toàn sẵn sàng chiến đấu.

- Các đồng chí đề nghị ra lệnh động viên ở trong nước, báo động quân đội ngay và điều quân đội tới biên giới phía tây? Như thế là chiến tranh rồi! Cả hai đồng chí có hiểu điều đó hay là không?

Tuy thế, sau đó I.V. Xta-lin vẫn hỏi:

- Chúng ta có bao nhiêu sư đoàn đóng ở các Quân khu Pri-ban-tích, miền Tây, Ki-ép và Ô-đét-xa?

Chúng tôi báo cáo rằng, tính đến ngày 1 tháng Sáu ở 4 quân khu gần biên giới phía tây có tất cả 149 sư đoàn và 1 lữ đoàn bộ binh độc lập. Trong số đó:

Quân khu Pri-ban-tích có 19 sư đoàn bộ binh, 4 sư đoàn xe tăng, 2 sư đoàn cơ giới, 1 lữ đoàn độc lập;

Quân khu miền Tây - 24 sư đoàn bộ binh, 12 sư đoàn xe tăng, 6 sư đoàn cơ giới, 2 sư đoàn kỵ binh;

Quân khu Ki-ép - 32 sư đoàn bộ binh, 16 sư đoàn xe tăng, 8 sư đoàn cơ giới, 2 sư đoàn kỵ binh;

Quân khu Ô-đét-xa - 13 sư đoàn bộ binh, 4 sư đoàn xe tăng, 2 sư đoàn cơ giới, 3 sư đoàn kỵ binh.

- Như vậy chẳng lẽ còn ít sao? Theo tài liệu của chúng ta, bọn Đức không có số quân đến như

thế - I.V. Xta-lin nói.

Tôi báo cáo rằng, theo tin tình báo, các sư đoàn Đức được kiện toàn và vũ trang theo biên chế thời chiến. Quân số sư đoàn có từ 15.000 đến 16.000 người. Còn các sư đoàn của chúng ta thậm chí với quân số 8.000 người một sư đoàn, thực tế vẫn yếu hơn các sư đoàn Đức tới hai lần.

I.V. Xta-lin nói:

- Không thể tin ở tình báo trong tất cả mọi việc.

Trong khi I.V. Xta-lin đang nói chuyện với chúng tôi thì A.N. Pô-xcơ-rê-bu-sép, thư ký của I.V. Xta-lin bước vào phòng và báo cáo là N.X. Khơ-rút-xốp từ Ki-ép gọi dây nói tới. I.V. Xta-lin cầm máy nói. Qua những câu trả lời, chúng tôi hiểu là cuộc nói chuyện về nông nghiệp.

- Tốt - I.V. Xta-lin nói.

Chắc là N.X. Khơ-rút-xốp báo cáo, trong màu sắc rực rỡ, về triển vọng tốt của vụ mùa...

Chúng tôi từ Crem-lanh ra về trong lòng nặng trĩu.

Tôi muốn đi bộ một lúc. Lòng tôi không được vui. Trong vườn hoa A-lếch-xan-đơ cạnh Crem-lanh, trẻ em đang nhón nhờ chơi đùa. Tôi cũng nhớ đến các con gái tôi và tự dưng cảm thấy đặc biệt sâu sắc rằng, tất cả chúng ta đang gánh vác trách nhiệm lớn lao như thế nào đối với các trẻ em, đối với tương lai của chúng, đối với toàn thể đất nước...

Mỗi một thời hòa bình có những đặc điểm của nó, màu sắc của nó, cái tuyệt vời của nó. Nhưng tôi muốn nói những điều tốt đẹp về thời gian trước chiến tranh. Nó nổi bật ở tinh thần phấn khởi, lạc quan có một không hai, rất đặc biệt, phần chấn như thế nào đó và đồng thời sốt sắng, giản dị và chân thật trong cách đối xử với nhau. Chúng ta đã bắt đầu sống một cách tốt đẹp, rất tốt đẹp!

Vài nhà kinh tế, nhà triết học hoặc nhà văn nào sẽ có thể miêu tả được một cách xác thực việc, nếu như chiến tranh không cắt quãng còn đường xây dựng, phát triển rộng lớn, hòa bình và mạnh mẽ của những năm đó thì ngày nay đất nước ta đã phồn vinh như thế nào, chúng ta đã vượt lên phía trước xa đến như thế nào...

Tôi đã nói về những biện pháp gì đã được áp dụng để không tạo nên có cho Đức gây ra xung đột quân sự. Ủy viên nhân dân quốc phòng, Bộ Tổng tham mưu và các tư lệnh các quân khu gần biên giới đã được báo trước rằng họ phải chịu trách nhiệm riêng đối với những hậu quả có thể xảy ra do những hành động không thận trọng của quân đội chúng ta. Chúng tôi nhất thiết không được điều quân đội ra tiền duyên theo kế hoạch bảo vệ, nếu không được phép của I.V. Xta-lin.

Ủy viên nhân dân quốc phòng X.K. Ti-mô-sen-cô đã dặn các tư lệnh quân khu phải tiến hành các cuộc huấn luyện chiến thuật của các binh đoàn ở ngay cạnh biên giới quốc gia để có thể đưa quân tới gần các khu vực triển khai đội hình theo kế hoạch bảo vệ. Lời dặn này của đồng chí Ủy viên nhân dân quốc phòng đã được các quân khu thực hiện, song, có một điều cần lưu ý: một phần lớn pháo binh không tham gia vào hành quân.

Vấn đề là pháo binh thuộc các sư đoàn, quân đoàn và pháo cao xạ hồi đầu năm 1941 còn chưa qua các cuộc bắn tập và chưa được huấn luyện đầy đủ cho nên chưa chiến đấu được. Vì vậy, tư lệnh các quân khu đã quyết định đưa một phần pháo binh đi bắn tập ở các thao trường. Do đó, một số quân đoàn và sư đoàn bảo vệ biên giới, khi phát-xít Đức tiến công, đã ở trong tình trạng thiếu một phần đáng kể pháo binh của mình.

Tối 21-6 tham mưu trưởng quân khu Ki-ép – trung tướng M.A. Puốc-ca-ép gọi dây nói cho tôi và báo cáo rằng một lính Đức chạy sang gặp quân biên phòng của ta, tên này đã quả quyết rằng quân Đức đang tới các địa điểm xuất phát tiến công, cuộc tiến công sẽ bắt đầu vào sáng 22-6. Tôi lập tức báo cáo với Ủy viên nhân dân quốc phòng và I.V. Xta-lin những điều mà M.A. Puốc-ca-ép báo cáo. I.V. Xta-lin nói:

- Mời đồng chí cùng với đồng chí Ủy viên nhân dân quốc phòng tới Crem-lanh.

Mang theo bản dự thảo mệnh lệnh cho quân đội, tôi cùng với Ủy viên nhân dân quốc phòng và trung tướng N.Ph. Va-tu-tin đi vào Crem-lanh. Dọc đường chúng tôi nhất trí với nhau dù thế nào cũng phải đề nghị bằng được quyết định ra lệnh cho quân đội sẵn sàng chiến đấu.

I.V. Xta-lin một mình đón chúng tôi. I.V. Xta-lin rất tự lự.

- Liệu có thể là bọn tướng Đức tung người chạy sang để khiêu khích gây ra xung đột không? -

I.V. Xta-lin hỏi.

- Không. - X.K. Ti-mô-sen-cô trả lời - chúng tôi cho rằng người chạy sang đó nói đúng sự thật. Lúc này các ủy viên Bộ chính trị bước vào phòng làm việc của I.V. Xta-lin.

- Chúng ta sẽ làm gì? - I.V. Xta-lin hỏi.

Không có câu trả lời tiếp theo.

- Cần phải ngay tức khắc ra lệnh chuyển tất cả các đơn vị các quân khu gần biên giới vào tư thế triệt để sẵn sàng chiến đấu - Ủy viên nhân dân quốc phòng nói.

- Các đồng chí đọc xem! - I.V. Xta-lin trả lời.

Tôi đọc bản dự thảo mệnh lệnh. I.V. Xta-lin nói:

- Bây giờ ra mệnh lệnh đó còn sớm, vấn đề còn có thể giải quyết được bằng con đường hòa bình. Cần phải ra mệnh lệnh khẩn cấp, trong đó nói rằng, cuộc tiến công có thể nổ ra do hành động khiêu khích của các đơn vị quân Đức. Bộ đội các quân khu gần biên giới không được rơi vào bất kỳ sự khiêu khích nào để khởi gây ra những rắc rối.

Không để mất thời gian, tôi và N.Ph. Va-tu-tin đi sang phòng bên và nhanh chóng dự thảo chỉ thị của Ủy viên nhân dân quốc phòng.

Trở lại phòng làm việc, chúng tôi đề nghị được phép báo cáo. I.V. Xta-lin, sau khi nghe bản dự thảo và tự mình đọc lại một lần nữa, sửa chữa một số điểm và chuyển bản chỉ thị đó cho Ủy viên nhân dân quốc phòng ký.

Do tầm quan trọng đặc biệt của nó tôi xin đưa ra đây toàn văn bản chỉ thị.

“Gửi các Hội đồng quân sự Quân khu Lê-nin-grát, Quân khu đặc biệt Pri-ban-tích, Quân khu đặc biệt miền Tây, Quân khu đặc biệt Ki-ép, Quân khu Ô-đét-xa.

Sao gửi: Ủy viên nhân dân hải quân.

1. Trong thời gian 22 - 23 tháng 6 năm 1941 có thể xảy ra cuộc tiến công bất ngờ của quân Đức tại các mặt trận thuộc các Quân khu Lê-nin-grát, Pri-ban-tích, miền Tây, Ki-ép, Ô-đét-xa. Cuộc tấn công có thể nổ ra do hành động khiêu khích.

2. Nhiệm vụ của quân ta: không được rơi vào bất kỳ sự khiêu khích nào có thể gây ra những sự rắc rối lớn. Đồng thời Quân đội các Quân khu Lê-nin-grát, Pri-ban-tích, miền Tây, Ki-ép và Ô-đét-xa phải hoàn toàn sẵn sàng chiến đấu, sẵn sàng đối phó với sự tiến công bất ngờ có thể xảy ra của quân Đức hoặc quân các đồng minh của chúng.

3. Tôi ra lệnh:

a) Trong đêm 21 rạng ngày 22 tháng 6 năm 1941, bí mật chiếm lĩnh các hỏa điểm các khu phòng thủ vững chắc ở biên giới quốc gia;

b) Trước rạng ngày 22 tháng 6 năm 1941, phân tán toàn bộ không quân kể cả không quân trực thuộc ra các sân bay dã chiến, nguy trang chu đáo;

c) Tất cả các đơn vị sẵn sàng chiến đấu. Bộ đội phải đóng phân tán và nguy trang;

d) Bộ đội phòng không sẵn sàng chiến đấu, không cần huy động thêm quân số dự phòng. Chuẩn bị mọi biện pháp để nguy trang ánh sáng của các thành phố và các mục tiêu;

e) Không có lệnh đặc biệt không được tiến hành bất kỳ biện pháp nào khác.

Ti-mô-sen-cô. Giu-cốp.

Ngày 21 tháng 6 năm 1941”.

N.Ph. Va-tu-tin mang chỉ thị này đi ngay về Bộ tổng tham mưu để lập tức truyền đi các quân khu. Việc truyền chỉ thị này tới các quân khu được làm xong vào lúc 0 giờ 30 phút ngày 22-6-1941.

Bản sao chỉ thị đã được chuyển tới Ủy viên nhân dân hải quân.

Với tâm trạng lạ lùng, bàng hoàng khó tả, tôi và X.K. Ti-mô-sen-cô từ chỗ I.V. Xta-lin ra về.

Một mặt, dường như đã làm tất cả những gì phụ thuộc vào chúng tôi để đối phó một cách có chuẩn bị tới mức tối đa với nguy cơ chiến tranh đang đến gần: nhiều biện pháp lớn về mặt tổ chức theo kế hoạch tác chiến - động viên đã được tiến hành; các quân khu phía tây là những quân khu đầu tiên sẽ phải đánh nhau với quân thù, đã được củng cố theo mức có thể làm được; sau nữa, hôm nay đã được phép chỉ thị cho quân đội các quân khu gần biên giới sẵn sàng chiến đấu.

Nhưng, mặt khác, sáng ngày mai quân Đức có thể tiến công, mà nhiều biện pháp quan trọng của chúng ta vẫn chưa được hoàn thành. Và điều đó có thể làm cho cuộc chiến đấu với một quân thù có kinh nghiệm và mạnh sẽ phức tạp thêm nhiều. Chỉ thị, mà lúc này Bộ Tổng tham mưu truyền đi các quân khu, có thể bị chậm.

Trời tối đã lâu. Ngày 21 tháng 6 đang hết. Tôi và X.K. Ti-mô-sen-cô im lặng đi về tới cổng Bộ Ủy viên nhân dân quốc phòng, nhưng tôi cảm thấy rằng cũng những điều lo âu đó đang thu hút mọi suy nghĩ của Ủy viên nhân dân quốc phòng. Bước xuống xe hơi, chúng tôi thỏa thuận mười phút nữa sẽ gặp nhau tại phòng làm việc của đồng chí.

[1] Trong nhiều tài liệu, sách và các bài báo có tính chất hồi ký đã nêu lên những sự đánh giá khác nhau về công tác của tôi trong những năm Chiến tranh giữ nước vĩ đại. Đối với những lời tốt đẹp, tôi xin chân thành cảm ơn các tác giả. Về những thiếu sót và sai lầm của mình, mà tôi mắc phải, cũng như mỗi người, tôi sẽ nói trong cuốn này. Còn về những lời phê phán, đặc biệt là có tính chất cảm tính chung chung, thì tôi đã định không tranh luận, nếu như những lời phê phán đó không liên quan đến những vấn đề chung, mà nhận định sai về những vấn đề đó có thể có hại cho chân lý.

[2] tức là Bê-lô-ru-xi - ND

[3] “Ghi chép của trưởng phòng tác chiến”. I.Kh. Ba-gra-mi-an

Chương 10

CHIẾN TRANH BẮT ĐẦU

ĐÊM 21 rạng 22 tháng 6 năm 1941, tất cả các cán bộ Bộ Tổng tham mưu và Bộ Ủy viên nhân dân quốc phòng được lệnh ở lại nơi làm việc. Cần cấp tốc truyền tới các quân khu chỉ thị chuyển bộ đội đóng gần biên giới sang tư thế sẵn sàng chiến đấu. Lúc này tôi và Ủy viên nhân dân quốc phòng liên tiếp nói chuyện với tư lệnh và tham mưu trưởng các quân khu, các đồng chí đó cho chúng tôi biết, có nhiều tiếng động mỗi lúc một tăng ở phía bên kia biên giới. Các tin này do các chiến sĩ biên phòng và các đơn vị bảo vệ tiền tiêu báo cáo về.

Khoảng 12 giờ đêm ngày 21-6, tư lệnh Quân khu Ki-ép M.P. Kiếc-pô-nô-xơ tại sở chỉ huy ở Téc-nô-pôn báo cáo, ngoài người lính Đức chạy sang mà tướng M.A. Puốc-ca-ép đã báo cáo, có thêm một lính Đức nữa thuộc trung đoàn bộ binh 222, sư đoàn bộ binh 74, chạy sang ta. Người này bơi qua một con sông nhỏ, tìm tới các chiến sĩ biên phòng và nói rằng, quân đội Đức sẽ tiến công vào 4 giờ sáng. M.P. Kiếc-pô-nô-xơ được lệnh khẩn cấp đưa quân đội vào tư thế sẵn sàng chiến đấu.

Mọi việc đều chứng tỏ rằng quân Đức đang tiến gần hơn đến biên giới. Chúng tôi báo cáo tình hình đó với I.V. Xta-lin vào lúc 0 giờ 30 phút đêm. I.V. Xta-lin hỏi, chỉ thị cho các quân khu đã truyền đi chưa. Tôi trả lời là đã.

Sau khi I.V. Xta-lin tạ thế, đã xuất hiện những giả thuyết rằng, trong đêm 21 rạng 22 tháng 6, một số tư lệnh cùng với bộ tham mưu của họ nằm ngủ ngon lành hoặc bình thản vui chơi coi như không có điều gì đáng lo ngại cả. Điều đó không đúng với sự thật Đêm hòa bình cuối cùng hoàn toàn khác hẳn. Như tôi đã nói, Ủy viên nhân dân quốc phòng và tôi, khi từ Crem-lanh trở về, đã nói chuyện nhiều lần với các tư lệnh quân khu - Ph.I. Cu-dơ-nét-xốp, Đ.G. Páp-lốp. M.P. Kiếc-pô-nô-xơ và các tham mưu trưởng các quân khu đó, các đồng chí này đều có mặt ở các sở chỉ huy của mình.

Lúc gần sáng 22-6, Ủy viên nhân dân quốc phòng X.K. Ti-mô-sen-cô, N.Ph. Va-tu-tin và tôi đều có mặt tại phòng làm việc của Ủy viên nhân dân quốc phòng.

Hồi 3 giờ 17 phút, tư lệnh Hạm đội Biển Đen, đô đốc Ph.X. Ốc-chi-a-brơ-xki gọi đây nói cho tôi, báo: “Hệ thống cảnh giới của hạm đội báo cáo, ở phía bên kia biển có một số lớn máy bay không rõ của nước nào đang tiến tới gần, hạm đội hiện ở trong tư thế hoàn toàn sẵn sàng chiến đấu. Tôi chờ lệnh”.

Tôi hỏi đô đốc:

- Quyết tâm của đồng chí thế nào?
- Chỉ có một quyết tâm: đón các máy bay đó bằng hỏa lực phòng không của hạm đội.

Sau khi bàn với X.K. Ti-mô-sen-cô, tôi trả lời Ph.X. Ốc-chi-a-brơ-xki:

- Đồng chí cứ xử trí đi và báo cáo với đồng chí Ủy viên nhân dân hải quân.

Lúc 3 giờ 30 phút, tham mưu trưởng Quân khu miền Tây, tướng V.E. Cli-mốp-xkích báo cáo, không quân Đức tấn công các thành phố thuộc Bê-lô-ru-xi. Ba phút sau, tham mưu trưởng Quân khu Ki-ép, tướng M.A. Puốc-ca-ép báo cáo, máy bay Đức tấn công các thành phố biên giới U-crai-na. Lúc 3 giờ 40 phút, tư lệnh Quân khu Pri-ban-tích, tướng Ph.I. Cu-dơ-nét-xốp gọi đây nói báo cáo, không quân địch tấn công Cau-na-xơ và các thành phố khác.

Ủy viên nhân dân quốc phòng chỉ thị cho tôi gọi đây nói tới I.V. Xta-lin. Tôi gọi. Không có ai trả lời. Tôi gọi liên tiếp. Cuối cùng tôi nghe thấy giọng ngái ngủ của tướng trực ban Cục bảo vệ. Tôi yêu cầu mời I.V. Xta-lin tới máy nói.

Ba phút sau I.V. Xta-lin tới máy.
Tôi báo cáo tình hình và đề nghị cho phép bắt đầu đánh trả. I.V. Xta-lin im lặng. Tôi chỉ nghe thấy hơi thở của I.V. Xta-lin.

- Đồng chí hiểu tôi chứ ạ?

Lại im lặng.

Cuối cùng, I.V. Xta-lin hỏi:

- Ủy viên nhân dân quốc phòng đâu?
- Đồng chí Ủy viên nhân dân quốc phòng đang nói chuyện với Quân khu Ki-ép.
- Mời đồng chí cùng với Ti-mô-sen-cô tới Crem-lanh. Đồng chí báo Pô-xơ-rê-bư-sép triệu tập tất cả các đồng chí ủy viên Bộ chính trị về họp.

Lúc 4 giờ, tôi lại nói chuyện với Ph.X. Ốc-chi-a-bơ-xki. Ph.X. Ốc-chi-a-bơ-xki với giọng bình tĩnh, báo cáo:

- Cuộc tấn công của máy bay địch bị đánh lui. Âm mưu của địch đánh vào các tàu chiến ta bị đập tan. Nhưng trong thành phố có bị tàn phá.

Tôi muốn nêu lên rằng, Hạm đội Biển Đen do đô đốc Ph.X. Ốc-chi-a-bơ-xki chỉ huy, là một trong số những đơn vị đầu tiên của ta đã đối phó một cách có tổ chức chống lại cuộc tấn công của địch.

Lúc 4 giờ 10 phút, các Quân khu miền Tây và Pri-ban-tích báo cáo, quân Đức bắt đầu đánh vào các khu vực đất liền thuộc quân khu.

Lúc 4 giờ 30 phút sáng, tất cả các ủy viên Bộ chính trị được triệu tập đã tới đủ. Ủy viên nhân dân quốc phòng và tôi được mời vào phòng làm việc.

I.V. Xta-lin sắc mặt tái tái ngồi bên bàn, tay cầm tẩu thuốc lá nhét đầy thuốc. I.V. Xta-lin nói:

- Cần phải gọi ngay điện thoại tới đại sứ quán Đức.

Ở đại sứ quán trả lời rằng đại sứ Đức, bá tước Su-len-bua đề nghị được gặp để thông báo khẩn cấp.

V.M. Mô-lô-tốp được giao trách nhiệm gặp đại sứ Đức.

Lúc này Phó Tổng tham mưu trưởng thứ nhất, tướng N.Ph Va-tu-tin báo tin rằng, bộ binh Đức tại nhiều địa điểm trên các hướng tây-bắc và tây đã chuyển sang tấn công, sau khi cho pháo binh bắn mãnh liệt.

Một lúc sau V.M. Mô-lô-tốp bước nhanh vào phòng.

- Chính phủ Đức tuyên chiến với chúng ta.

I.V. Xta-lin ngồi xuống ghế và đắm chìm suy nghĩ.

Im lặng kéo dài, nặng nề.

Tôi đánh bạo phá sự im lặng và đề nghị ngay tức khắc dùng tất cả các lực lượng hiện có ở các quân khu miền biên giới đánh lại các đơn vị quân địch đã xâm nhập và chặn bước tiến của chúng.

- Không phải là để chặn, mà là để tiêu diệt, - X.K. Ti-mô-sen-cô bổ sung.
- Các đồng chí thảo chỉ thị đi, - I.V. Xta-lin nói.

Lúc 7 giờ 15 phút ngày 22-6, chỉ thị số 2 của Ủy viên nhân dân quốc phòng được truyền tới các quân khu. Nhưng theo tương quan lực lượng và tình hình đã diễn ra khi đó, rõ ràng là chỉ thị không sát với thực tế, và vì vậy đã không thực hiện được.

Một lúc sau chúng tôi được biết rằng, sáng ngày 22-6, tại tất cả các quân khu gần biên giới phía tây, đường liên lạc dây với các đơn vị bị đứt nên các bộ tham mưu các quân khu và các tập đoàn quân đã không thể nhanh chóng truyền đi các mệnh lệnh của mình. Bọn gián điệp và các đội biệt kích phá hoại do Đức tung vào lãnh thổ ta, đã phá đường dây, giết các chiến sĩ liên lạc và định giết các cán bộ chỉ huy đi lại trong khi báo động. Như tôi đã nói, phần lớn các đơn vị quân đội các quân khu gần biên giới không có phương tiện liên lạc vô tuyến.

Các bộ tham mưu quân khu bắt đầu nhận được từ nhiều nguồn đủ các loại tin tức mâu thuẫn nhau, phần nhiều có tính chất khiêu khích.

Về phần mình, Bộ Tổng tham mưu không thể nhận được những tin tức chính xác của các bộ tham mưu quân khu và các đơn vị, và đương nhiên điều đó không thể không làm cho Bộ Tổng tư lệnh và Bộ Tổng tham mưu trong lúc nào đó gặp những khó khăn.

Đến 8 giờ ngày 22-6, Bộ Tổng tham mưu đã xác định được rằng:

- Máy bay ném bom địch đã đánh mạnh nhiều sân bay các Quân khu Bê-lô-ru-xi, Ki-ép và Pri-

ban-tích, làm tổn hại nghiêm trọng, trước nhất là bộ phận không quân chưa kịp cất cánh, phân tán về các sân bay dã chiến;

- Nhiều thành phố và các đoạn đường sắt ở Pri-ban-tích, Bê-lô-ru-xi, U-crai-na, các căn cứ hải quân ở Xê-va-xtô-pôn và Pri-ban-tích bị ném bom;

- Có nhiều trận đánh ác liệt với bộ binh Đức ở suốt dọc biên giới của ta ở phía tây. Tại nhiều nơi quân Đức đã đánh nhau với các đơn vị tiên tiêu của Hồng quân;

- Các đơn vị khinh binh thuộc tuyến một sau khi báo động, đã tham chiến trong hành tiến, không kịp chiếm các vị trí đã chuẩn bị;

- Các vùng thuộc Quân khu Lê-nin-grát hiện vẫn yên tĩnh, quân địch chưa hành động gì.

X.K. Ti-mô-sen-cô gọi đây nói tới I.V. Xta-lin đề nghị được phép tới Crem-lanh trình bày bản dự thảo sắc lệnh của Đoàn chủ tịch Xô-viết tối cao về việc động viên trong nước, đề án thành lập Bộ Tổng tư lệnh và nhiều vấn đề khác.

Đến 9 giờ, Ủy viên nhân dân quốc phòng và tôi tới Crem-lanh. Nửa giờ sau, I.V. Xta-hn tiếp chúng tôi.

Sau khi nghe báo cáo tình hình, I V. Xta-lin nói:

- 12 giờ, V.M. Mô-lô-tốp sẽ phát biểu trên đài phát thanh.

Khi thông qua dự thảo sắc lệnh động viên, I.V. Xta-lin đã rút ngắn một số điều khoản do Bộ Tổng tham mưu đề nghị. Sau đó dự thảo được giao cho A.N. Pô-xcơ-rê-bư-sép đưa lên Đoàn chủ tịch Xô-viết tối cao phê chuẩn. Sắc lệnh công bố lệnh, từ ngày 23-6 động viên nhập ngũ những người sinh các năm 1905 đến 1918 trên phạm vi 14 quân khu, tức là gần hết các quân khu chỉ trừ các quân khu Trung Á, Da-bai-can và Viễn Đông, đồng thời tuyên bố tình trạng chiến tranh ở phần châu Âu của đất nước. Tại đây tất cả các chức năng cơ quan chính quyền nhà nước về phòng thủ, bảo vệ trật tự xã hội và bảo đảm an ninh quốc gia đều được chuyển sang các cơ quan quân sự. Các cơ quan quân sự có quyền huy động nhân dân lao động, tất cả các phương tiện giao thông để phục vụ công việc phòng thủ và bảo vệ các mục tiêu quân sự và kinh tế quốc dân quan trọng nhất.

I.V. Xta-lin giữ lại bản dự án quyết định thành lập Bộ Tổng tư lệnh, nói rằng, để đưa ra Bộ chính trị thảo luận.

Ngày 23-6 được công bố thành phần Bộ Tổng tư lệnh, có sửa đổi ít nhiều so với đề nghị của chúng tôi. Ủy viên nhân dân quốc phòng không được thỏa thuận trước về những sửa đổi này, mà lẽ ra thì nên chấp nhận bản dự thảo của chúng tôi trong đó có đề nghị cử I.V. Xta-hn giữ chức Tổng tư lệnh.

Bởi vì theo thể thức hiện hành thì dù thế nào, nếu không có ý kiến của I.V. Xta-lin, Ủy viên nhân dân quốc phòng X.K. Ti-mô-sen-cô cũng không thể tự mình thông qua những quyết định quan trọng. Thành ra có hai vị Tổng tư lệnh: Ủy viên nhân dân X.K. Ti-mô-sen-cô về pháp lý theo sắc lệnh, và I.V. Xta-lin - về thực tế. Điều đó khó cho công việc điều khiển quân đội và đương nhiên làm mất thêm thời gian trong khi ra các quyết định và mệnh lệnh. Chúng tôi cũng đề nghị trong thành phần Bộ Tổng tư lệnh có cả Phó Tổng tham mưu trưởng thứ nhất N. Ph. Va-tu-tin. I.V. Xta-lin không đồng ý.

Theo quyết định của Ban chấp hành trung ương Đảng và Hội đồng Ủy viên nhân dân Liên Xô, Đại bản doanh Bộ Tổng tư lệnh được thành lập gồm có Ủy viên nhân dân quốc phòng X.K. Ti-mô-sen-cô (Chủ tịch), Tổng tham mưu trưởng, tướng G.K. Giu-cốp, I.V. Xta-lin, V.M. Mô-lô-tốp, các nguyên soái K.E. Vô-rô-si-lốp và X.M. Bu-đi-on-nui, Ủy viên nhân dân hải quân, đô đốc N.G. Cu-dơ-nép-xốp.

Ngày 22-6, các Quân khu đặc biệt Pri-ban-tích, miền Tây và Ki-ép được tổ chức lại thành các Phương diện quân Tây-bắc, Tây và Tây-nam.

Khoảng 13 giờ ngày 22-6, I.V. Xta-lin gọi đây nói cho tôi và nói:

- Các tư lệnh phương diện quân của chúng ta chưa có đủ kinh nghiệm lãnh đạo quân đội chiến đấu, do đó chắc là có phần lúng túng. Bộ Chính trị quyết định cử đồng chí tới Phương diện quân Tây-nam với tư cách là đại diện Đại bản doanh Bộ Tổng tư lệnh. Chúng tôi sẽ cử nguyên soái Sa-pô-sni-cốp và nguyên soái Cu-lích tới Phương diện quân miền Tây. Tôi đã mời Sa-pô-sni-cốp và Cu-lích tới gặp và đã ra chỉ thị. Đồng chí cần đi máy bay ngay tới Ki-ép rồi từ đó cùng với Khơ-rút-xốp đến Bộ tư lệnh Phương diện quân ở Téc-nô-pôn.

Tôi hỏi:

- Vậy trong tình hình phức tạp hiện nay ai sẽ lãnh đạo Bộ Tổng tham mưu?

I.V. Xta-lin trả lời:

- Giao cho đồng chí Va-tu-tin thay.

Sau đó I.V. Xta-lin có phần hơi bức dọc, nói thêm:

- Đừng để mất thời gian, chúng tôi ở đây sẽ liệu thu xếp.

Tôi gọi đây nói về nhà bảo đừng chờ tôi, và khoảng 40 phút sau tôi đã ở trên không. Bấy giờ tôi mới nhớ ra là chưa ăn gì từ hôm qua. Các phi công đã lo giúp tôi, mời tôi nước chè đặc và bánh mì có nhân.

Cuối ngày tôi mới tới Ki-ép, đến Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản U-crai-na, ở đây N.X. Khơ-rút-xốp đã chờ tôi. N.X. Khơ-rút-xốp nói rằng, đi máy bay thêm nữa sẽ nguy hiểm. Bọn phi công Đức sẵn các máy bay vận tải. Cần phải đi bằng ô-tô. Sau khi nhận được tin tức cuối cùng về tình hình do N.Ph. Va-tu-tin thông báo, chúng tôi đi Téc-nô-pôn, tới sở chỉ huy của tư lệnh Phương diện quân Tây-nam, lúc đó là thượng tướng M.P. Kiếc-pô-nô-xơ.

Chúng tôi tới sở chỉ huy lúc đêm khuya, ngay lúc đó tôi nói chuyện với N.Ph. Va-tu-tin theo đường liên lạc riêng.

Ni-cô-lai Phê-đô-rô-vích Va-tu-tin cho tôi biết những việc như sau:

- Đến cuối ngày 22-6, mặc dù có những biện pháp tích cực Bộ Tổng tham mưu vẫn không thể nhận được từ các bộ tham mưu phương diện quân, tập đoàn quân và bộ đội phòng không tin tức chính xác về quân ta và quân địch, Những tin nói về chiều sâu xâm nhập của quân địch vào lãnh thổ nước ta khá trái ngược nhau. Không có những số liệu chính xác về những tổn thất trong không quân và quân trên bộ. Chỉ mới biết rằng không quân Quân khu miền Tây bị thiệt hại rất lớn. Bộ Tổng tham mưu và ủy viên nhân dân quốc phòng không thể liên lạc được với các tư lệnh phương diện quân, thượng tướng Ph.I. Cu-dơ-nét-xốp và đại tướng Đ.G. Páp-lốp, các đồng chí này xuống các đơn vị ở chỗ nào đó mà không báo cáo với Ủy viên nhân dân quốc phòng. Các bộ tham mưu phương diện quân không biết lúc này tư lệnh của họ ở đâu.

Theo tài liệu của cơ quan trinh sát không quân, các trận đánh đang diễn ra ở các khu phòng thủ vững chắc của ta và có nơi ở sâu 15 - 20 km trong lãnh thổ nước ta. Các bộ tham mưu phương diện quân cố bắt liên lạc trực tiếp với các đơn vị song không có kết quả bởi vì đa số các tập đoàn quân và các quân đoàn độc lập không có liên lạc đường dây cũng như không có liên lạc vô tuyến với phương diện quân.

Tiếp đó, N.Ph. Va-tu-tin nói rằng, I.V Xta-lin đã thông qua dự thảo chỉ thị số 3 của Ủy viên nhân dân quốc phòng và bảo ghi chữ ký của tôi vào.

- Chỉ thị về việc gì vậy? - Tôi hỏi.

- Chỉ thị cho quân ta chuyển sang phản công với nhiệm vụ đánh tan quân địch tại các hướng chủ yếu nhất, thêm nữa, vượt sang lãnh thổ quân địch.

- Nhưng chúng ta còn chưa biết chính xác quân địch đánh ở đâu và dùng lực lượng như thế nào - tôi nói. - Tốt hơn là chờ đến sáng để xem xét rõ tình hình ở mặt trận ra sao rồi khi ấy sẽ có quyết định cần thiết.

- Tôi tán thành ý kiến của đồng chí, nhưng vấn đề đã được quyết định rồi.

- Được, - tôi nói, - đồng chí ghi chữ ký của tôi vào.

Gần 12 giờ đêm chỉ thị này được truyền tới tư lệnh Phương diện quân Tây-nam. Như tôi đã dự đoán, tham mưu trưởng phương diện quân M.A. Puốc-ca-ép tỏ vẻ rất không đồng ý với chỉ thị. M.A. Puốc-ca-ép cho rằng phương diện quân không có lực lượng và phương tiện để thi hành chỉ thị này.

Tình hình được đem ra thảo luận tỉ mỉ tại Hội đồng quân sự phương diện quân. Tôi đề nghị với M.P. Kiếc-pô-nô-xơ, ngay tức khắc ra mệnh lệnh sơ bộ tập trung các quân đoàn cơ giới để phản kích vào bộ phận chủ lực của cụm tập đoàn quân "Nam" đã lọt vào vùng Xô-can, điều toàn bộ không quân của phương diện quân và một phần không quân ném bom tầm xa thuộc Bộ Tổng tư lệnh vào tham gia phản kích. Bộ tư lệnh và bộ tham mưu phương diện quân, sau khi nhanh chóng thảo các chỉ lệnh chiến đấu sơ bộ, đã truyền những văn kiện này tới các tập đoàn quân và các quân đoàn.

Cần phải nêu lên tinh thần kỷ luật cao và tài tổ chức xuất sắc của tham mưu trưởng phương diện quân M.A Puốc-ca-ép và trưởng phòng tác chiến bộ tham mưu phương diện quân I.Kh. Ba-gra-mi-an đã thể hiện trong tình hình rất phức tạp này của ngày đầu chiến tranh.

Lúc 9 giờ sáng ngày 23-6, chúng tôi tới sở chỉ huy của tư lệnh quân đoàn cơ giới 8, trung tướng Đ.I. Ri-a-bư-sép. Tôi biết rõ trung tướng từ hồi làm việc ở Quân khu đặc biệt Ki-ép. Trông vẻ ngoài của tư lệnh quân đoàn và các cán bộ chỉ huy bộ tham mưu là đã đoán ra được ngay, họ đã qua một cuộc hành binh không dễ dàng gì. Họ đã đi rất nhanh từ khu Đrô-gơ-bút đến khu Brô-đa và tinh thần anh em vẫn phần chấn. Nhìn Đ.I. Ri-a-bư-sép và các cán bộ chỉ huy bộ tham mưu, tôi nhớ lại lũ đoàn xe tăng 11, người chỉ huy của nó - lũ đoàn trưởng dũng cảm M.P. Ya-cốp-lép - và trận họ đã đánh tan quân địch năm 1939 gần núi Ba-in Xa-gan ở Khan-khin Gôn. “Những người này sẽ chiến đấu không kém hơn, - tôi nghĩ. - Miễn là cuộc phản kích không bị chậm...”.

Đ.I. Ri-a-bư-sép chỉ vào bản đồ bố trí quân của quân đoàn, vẫn tắt báo cáo về tình hình các đơn vị.

- Quân đoàn cần một ngày đêm để tập trung đủ quân, ổn định phần vật chất và bổ sung lương dự trữ, - Đ.I. Ri-a-bư-sép nói, - trong một ngày đêm này sẽ tiến hành trinh sát chiến đấu và tổ chức chỉ huy. Như vậy là quân đoàn có thể sẵn sàng chiến đấu với toàn bộ lực lượng của mình vào sáng ngày 24-6.

- Được, - tôi trả lời. - Tất nhiên tốt hơn là cùng phản kích với các quân đoàn cơ giới 9, 19 và 22, nhưng tiếc là các quân đoàn đó từ địa điểm xuất phát lên đường chậm. Tình hình không cho phép chúng ta chờ đến lúc tập trung đầy đủ các quân đoàn. Quân địch có thể dùng lực lượng mạnh xe tăng và pháo chống tăng để đánh lại cuộc phản kích của quân đoàn cơ giới 8. Do đó, cần phải điều tra tỉ mỉ địa hình và quân địch.

Đ.I. Ri-a-bư-sép vừa định nói gì đó với tôi thì có hiệu lệnh: “Máy bay địch!”.

- Thế đấy, - Đơ-mi-tơ-ri I-va-nô-vích Ri-a-bư-sép thản nhiên nói, - chúng tôi chưa kịp đào hầm trú ẩn. Báo cáo đồng chí đại tướng, đồng chí với tôi đành phải tưởng tượng là chúng ta đang nấp trong hầm.

- Đơ-mi-tơ-n I-va-nô-vích, vừa rồi đồng chí định nói gì?

- Tôi định đề nghị, hay là, chúng ta ăn uống một tí.

- Ý kiến hay. Trên xe tôi có thức ăn đấy.

Tham mưu trưởng quân đoàn và các cán bộ chỉ huy khác của bộ tham mưu bước vào trong lều. Họ chưa kịp tự giới thiệu thì đã nghe thấy tiếng rú của máy bay ném bom Đức đang lao xuống và những tiếng bom nổ. Tôi nhìn Đ.I. Ri-a-bư-sép và các cán bộ chỉ huy. Trên nét mặt họ chỉ thấy có sự tập trung vào công việc. Thái độ của họ cũng tựa như trong các cuộc tập trận trước kia.

“Giỏi, - tôi nghĩ. - Có những con người như thế này, chúng ta không thể thua trong chiến tranh được...”.

Đến tối, sau khi bàn bạc với tư lệnh quân đoàn về các vấn đề quan trọng, chúng tôi trở về sở chỉ huy của phương diện quân ở Téc-nô-pôn.

Tham mưu trưởng phương diện quân, trung tướng M.A. Puốc-ca-ép và tư lệnh phương diện quân, thượng tướng M.P. Kiếc-pô-nô-xơ báo cáo:

- Trên tất cả các khu vực của phương diện quân đều có giáp chiến. Trận đánh chủ yếu ác liệt nhất diễn ra ở khu Brô-đa - Đúp-nô - Vla-di-mia Vô-lun-xơ. Các quân đoàn cơ giới 9 và 19 ngày 25-6 đang tiến vào các khu rừng ở Rốp-nô. Chúng tôi đã quyết định, - tư lệnh phương diện quân nói, - ngày 24-6, không cần chờ tập trung đủ các quân đoàn, sẽ bắt đầu phản kích vào Clê-van và Đúp-nô. Tư lệnh tập đoàn quân 5, để lại quân đoàn cơ giới 22 phải chỉ huy thống nhất các đơn vị còn lại là quân đoàn 9 và 19, giúp đỡ các quân đoàn đó mọi sự cần thiết.

Quyết định đó hợp lý, tôi đồng ý với tư lệnh phương diện quân, song tôi đề nghị, kiểm tra lại việc bảo đảm hợp đồng giữa các quân đoàn với không quân của phương diện quân.

Ngày 24-6, quân đoàn cơ giới 8 của Đ.I. Ri-a-bư-sép chuyển sang phản kích ở hướng vào Bê-rê-xtếch-cô. Chúng tôi đặt nhiều hy vọng vào quân đoàn này. Nó được kiện toàn tốt hơn các quân đoàn khác về kỹ thuật xe tăng mới và được huấn luyện khá.

Quân đoàn cơ giới 15 dưới sự chỉ huy của tướng I.I. Các-pê-dô tấn công ở phía đông Ra-dê-khốp. Ngay sau đó bọn Đức đã được ném đòn của các quân đoàn này, thậm chí đối với chúng là các cú đánh có hiệu quả của quân đoàn cơ giới 8. Điều đó xảy ra đặc biệt sau khi ta đã đánh tan sư đoàn bộ binh 57 bảo vệ sườn bên phải quân đoàn mô-tô 48 thuộc tập đoàn quân của Cây-xơ.

Ngày hôm đó quân đoàn mô-tô 48 của Đức bị lâm vào tình thế khá gay go, và bọn Hít-le đã buộc phải tung toàn bộ lực lượng không quân của chúng ra chống lại cuộc phản công của ta mới cứu chúng khỏi nguy cơ bị đánh tan. Quân địch buộc phải đưa thêm quân đoàn 44 và các đơn vị khác vào đối phó với các đơn vị Quân đội Xô-viết.

Dưới đây là những điều mà Tổng tham mưu trưởng lục quân Đức, thượng tướng Gan-đe đã ghi ở nhật ký công tác trong ngày đó:

“Đối phương mỗi lúc càng đưa thêm nhiều lực lượng mới từ phía sau đến để chống lại mũi dao nhọn bằng xe tăng của ta ... Như đã dự đoán, họ dùng số lớn xe tăng chuyển sang tấn công vào sườn phía nam đạo quân xe tăng thứ nhất. Ở một số khu vực thấy có sự di chuyển”.

Như vậy là quân đội Phương diện quân Tây-nam đã thực hiện có kết quả một trong những trận phản kích đầu tiên vào quân địch. Sức mạnh của nó còn có thể lớn hơn nữa nếu như bộ tư lệnh phương diện quân có không quân mạnh để phối hợp với các quân đoàn cơ giới và có thêm lực lượng, dù chỉ 1 - 2 quân đoàn khinh binh.

Ở sở chỉ huy Phương diện quân Tây-nam, chúng tôi tập trung sự chú ý chính vào hướng Đúp-nô, nơi diễn ra những trận đánh chủ yếu ở U-crai-na.

Qua các cuộc nói chuyện bằng điện thoại với tư lệnh tập đoàn quân 6, tướng I.N. Mu-dư-chen-cô và tư lệnh tập đoàn quân 26, tướng Ph.Ya. Cốt-xten-cô, tôi được biết rằng tập đoàn quân 17 của địch đang tấn công, hướng chủ yếu đánh vào Lvốp. Tư binh Đức khai rằng, bộ chỉ huy của chúng định sẽ cho quân đoàn mô-tô 14 tham chiến để chiếm lấy Ra-va - Rút-xcai-a.

Khu chiến lũy Ra-va - Rút-xcai-a ngay từ những phút chiến tranh đầu tiên do các tiểu đoàn súng máy độc lập 35 và 140 và đội biên phòng của thiếu tá Ya.Đ. Ma-lưi bảo vệ. Ít lâu sau, sư đoàn khinh binh 41 của thiếu tướng G.N. Mi-cu-sép đã tiến về đây.

Bộ chỉ huy tập đoàn quân 17 Đức tung vào trận địa này 5 sư đoàn bộ binh. Mặc dù có hỏa lực pháo binh mạnh, có không quân bắn phá và chúng mở những cuộc tấn công ác liệt bằng bộ binh, quân địch vẫn không chiếm được khu phòng thủ Ra-va - Rút-xcai-a và không bẻ gãy được sức chống cự của sư đoàn khinh binh 41. Chiều ngày 22-6, sư đoàn 41 vốn có hai trung đoàn pháo lại được bổ sung trung đoàn pháo 152 mm của quân đoàn 209. Hôm đó quân địch bị thiệt hại nặng mà không đạt được kết quả gì.

Khu chiến lũy Pê-rê-mư-slơ do các tiểu đoàn súng máy độc lập 52 và 150 và đội biên phòng 92 bảo vệ. Các đơn vị của khu phòng thủ chiếm lĩnh các công sự của mình vào lúc 6 giờ sáng 22-6. Cùng với các chiến sĩ biên phòng và các đội vũ trang của công nhân, viên chức, họ là những người đầu tiên chống lại hỏa lực và sự tấn công của địch.

Trong mấy tiếng đồng hồ, những người dũng cảm bảo vệ thành phố đã chặn được cuộc tiến công của quân địch có ưu thế về lực lượng. Sau đó theo lệnh của đội trưởng đội biên phòng 92, họ rút ra ngoài thành phố và ở đây họ tiếp tục chặn quân địch. Làm như thế, họ đã tạo điều kiện đưa được sư đoàn khinh binh 99 của đại tá N.I. Ê-men-chi-ép tới Pê-rê-mư-slơ. Ngày 23-6, cùng với các tiểu đoàn biên phòng, sư đoàn này đã phản kích và đánh bật bọn phát-xít ra khỏi thành phố.

Ngày 23-6, quân Đức lại tấn công, đặc biệt chúng tấn công mạnh ở hướng Ra-va - Rút-xcai-a. Một số đơn vị địch thọc được vào tuyến phòng thủ của sư đoàn 41, nhưng nhờ có sự lãnh đạo vững vàng của tướng G.N. Mi-cu-sép, quân ta đã phản kích lại và đánh bật chúng về nơi xuất phát tấn công.

Song đến cuối ngày, quân Đức đã tìm ra chỗ yếu của ta: chúng đánh mạnh vào nơi tiếp giáp giữa Ra-va - Rút-xcai-a và Pê-rê-mư-slơ do các sư đoàn khinh binh 97 và 159 bảo vệ. Sư đoàn 159 đang ở trong giai đoạn triển khai, phần đông quân số lấy từ lực lượng hậu bị chưa được huấn luyện. Không chịu được sự tấn công của địch, sư đoàn bắt đầu rút, do đó gây nên tình hình khó khăn cho các đơn vị bên cạnh. Những biện pháp đối phó của tư lệnh tập đoàn quân 6, tướng I.N. Mu-dư-chen-cô, không làm thay đổi được tình thế, và đến cuối ngày 24-6, tuyến phòng thủ ở đây bị cắt một quãng dài tới 40 km.

Các khu chiến lũy Ra-va - Rút-xcai-a và Pê-rê-mư-slơ vẫn tiếp tục đánh trả có kết quả các trận tấn công của địch. Sư đoàn 99 gây cho địch những thiệt hại lớn và không để mất một thước trận địa nào. Sư đoàn 99 đã được tặng huân chương Cờ đỏ về trận đánh dũng cảm đó.

Sư đoàn khinh binh 41 cũng hoạt động có kết quả. Sau chỉ vì một số lớn quân địch đột phá được vào trận địa sư đoàn 159 và có nguy cơ các khu phòng thủ vững chắc bị đánh vu hồi nên

đêm ngày 27-6, bộ tư lệnh phương diện quân đã đưa sư đoàn 41 về tuyến hậu phương. Còn sư đoàn khinh binh 99 vẫn giữ được Pê-rê-mư-sơ trong các ngày 23 đến ngày 28-6 và mãi sáng ngày 29-6, theo lệnh của bộ tư lệnh mới rời khỏi thành phố.

Ngày 25 – 26 tháng 6, chiến sự tiếp diễn càng mạnh. Quân địch tung vào đây nhiều đơn vị không quân chiến đấu. Trên không và trên mặt đất diễn ra những trận ác liệt. Cả hai bên đều bị thiệt hại lớn. Nhiều lần, không quân Đức không chịu được những đòn dũng mãnh của các phi công ta, phải bỏ chạy về các sân bay của chúng.

Các đơn vị đi trước của địch đã tiến vào Đúp-nô, vì vậy tướng Đ.I. Ri-a-bư-sép được lệnh đưa quân đoàn 8 về phía đó. Quân đoàn cơ giới 15 thì được lệnh đưa chủ lực theo hướng chung về phía Bê-rê-xtếch-cô và xa hơn nữa, về phía Đúp-nô. Quân đoàn khinh binh 36 và quân đoàn cơ giới 19 đã tới gần đó cũng được điều về vùng Đúp-nô. Trận đánh ác liệt ở vùng Đúp-nô đã nổ ra vào ngày 27-6.

Bọn Đức đưa ngay quân đoàn 55 của chúng đến tăng cường, nhờ vậy đã cứu được đạo quân của chúng ở Đúp-nô khỏi bị đánh tan hoàn toàn. Bị thiệt hại nặng, địch buộc phải lấy quân ở các hướng khác ném vào Đúp-nô.

Quân ta không đánh tan hoàn toàn được quân địch và không chặn được trận tấn công của chúng, nhưng đã hoàn thành điều chủ yếu: chặn được ở khu Brô-đa - Đúp-nô đạo quân xung kích địch tấn công về phía thủ đô U-crai-na và làm cho chúng bị kiệt sức.

Lúc 17 giờ ngày 24-6, tôi nói chuyện qua máy “Bô-đô” với tư lệnh tập đoàn quân 5, tướng M.I. Pô-ta-pốp.

Trước khi kể lại nội dung cuộc nói chuyện, tôi muốn nói rằng M.I. Pô-ta-pốp là một tướng giàu kinh nghiệm đã trải qua thực tế chiến đấu trong các trận trên sông Khan-khin Gôn. Đó là một tư lệnh tập đoàn quân dũng cảm và mưu lược, và không phải ngẫu nhiên bộ chỉ huy Đức biết rất rõ tập đoàn quân 5, mà chính là vì chúng đã bị tập đoàn quân này nhiều lần giáng cho những đòn thẩm thía.

Tôi nêu lại vắn tắt cuộc nói chuyện của chúng tôi khá điển hình đối với những ngày đầu chiến tranh.

M.I. Pô-ta-pốp ở bên máy.

“Giu-cốp. Đồng chí báo cáo tình hình đi.

Pô-ta-pốp. Tại mặt trận Vla-đô-va - U-xti-lúc, địch có tới 5 sư đoàn bộ binh và hai nghìn xe tăng[1]. Chủ lực xe tăng địch nằm trên tuyến đư-ben-ca - Gô-rốt-lô. Từ U-xti-lúc đến Xô-can có tới 6 sư đoàn bộ binh và sư đoàn xe tăng thiết giáp 14. Hướng chủ yếu của sư đoàn xe tăng thiết giáp này là Vla-đi-mia Vô-lưn-xcơ - Lút-xcơ. Ở nơi tiếp giáp giữa các tập đoàn quân 5 và 6 có các đơn vị cơ giới, lực lượng chưa rõ. Quân địch đột kích chủ yếu vào hướng Vla-đi-mia Vô-lưn-xcơ - Lút-xcơ, đòn phối hợp - từ Bre-xtơ - Li-tốp-xcơ vào Cô-ven.

Tôi báo cáo về tình hình các đơn vị quân ta đến 14 giờ 20 phút ngày 24-6-1941: Đồng chí Phê-đi-u-nin-xki giữ mặt trận Pư-lê-mét - Cu-xni-si - Vi-snép - Ni-ki-ti-chi. Sư đoàn khinh binh 87 của đồng chí đó có hai trung đoàn giữ các khu phòng thủ ở vùng U-xti-lúc và đang chiến đấu ở vùng lân cận; sư đoàn bị thiếu đạn.

Từ chiều qua tôi không có tin về sư đoàn 124.

Sư đoàn xe tăng 41 ở vùng Ma-sê-i-úp - ga Cô-sa-rư sau trận đánh, đang chỉnh đốn về trang bị vật chất.

Từ 14 giờ, sư đoàn 135, có sư đoàn xe tăng 19 và một trung đoàn của sư đoàn khinh binh 87 phối hợp và có lữ đoàn chống tăng 1 và toàn bộ pháo binh của quân đoàn yểm hộ, đang tấn công ở hướng Vla-đi-mia - Vô-lưn-xcơ

Lút-xcơ có tuyến phòng thủ bao quanh, nhưng rất mỏng. Điều chính mà tôi lo là đòn đánh ở hướng Lút-xcơ của các đơn vị xe tăng địch từ phía nam đánh lên, nó sẽ tạo ra cho ta nguy cơ phải đánh trên hai mặt.

Tôi hoàn toàn không có lực lượng gì để đánh lại quân địch ở hướng nam ...

Đề nghị tăng cường viện trợ bằng hoạt động của máy bay ném bom và giữ không cho các đơn vị xe tăng địch tới Đư-ben-ca - Gô-rốt-lô, chặn bước tiến của các đơn vị xe tăng địch từ phía Bre-xtơ - Li-tốp-xcơ và dùng không quân cường kích và tiêm kích yểm hộ trận tiêu diệt đạo quân địch ở Vla-đi-mia Vô-lưn-xcơ.

Tôi không có lực lượng dự bị. Quân đoàn cơ giới 9, với khoảng 200 xe tăng cũ, có thể tập trung

ở khu Ô-lư-ca nhanh nhất là sau 2 ngày đêm nữa.
Đường liên lạc dây nói bị phá hủy ở khắp nơi, vừa nối lại xong thì quân địch lại dùng không quân phá.
Tôi có liên lạc chắc chắn bằng ra-di-ô với các quân đoàn cơ giới...
Đề nghị cho mệnh lệnh về hành động sắp tới.
Giu-cốp. 1. Đơn vị bạn đang chiến đấu ở vùng Pru-gia-nư - Gô-rô-đét.
Các đơn vị địch từ Bre-xtơ tiến được về Cô-ven là hậu quả của hành động không có tổ chức của đồng chí Cô-rốp-cốp.
Đồng chí phải giữ kín sườn ở phía Bre-xtơ - Li-tốp-xơ và chặn đường vào Cô-ven.
2. Mu-dư-chen-cô đang chiến đấu có kết quả ở quá phía bắc Ca-mi-ô-ni, Xơ-ru-mi-lốp, Ra-va - Rút-xcai-a và tiếp đó tại biên giới. Quân địch tung vào một lực lượng xe tăng mạnh, đã cắt đứt nơi tiếp giáp giữa các tập đoàn quân 5 và 6 đang mưu chiếm Brô-đư.
3. Các-pê-dô và Ri-a-bư-sép đang phản kích ở các hướng: Các-pê-dô xuyên qua Brô-đư lên phía tây-bắc, hiện nay các trận chính chắc là đang diễn ra ở phía tây-nam Brô-đư khoảng 15 km; Ri-a-bư-sép bên trái - trên hướng bắc. Những trận này sẽ hỗ trợ cho đồng chí.
Mục đích của đòn phản kích là đánh tan quân địch ở vùng Brô-đư - Cru-xtư-nô-pôn và tiếp đó tiến lên phía bắc, tạo khả năng cho đồng chí ổn định các đơn vị và tổ chức thể trận vững chắc ... các quân đoàn 19 và 9 cùng hai quân đoàn khinh binh sẽ được điều tới phía bắc và phía nam Lút-xơ để tăng cường cho đơn vị của đồng chí.
Đối với không quân sẽ có các biện pháp.
Qua máy vô tuyến của đồng chí, không nhận được và không dịch mã được gì hết.
Cần phải cho cán bộ chuyên môn đi máy bay đến để báo cáo những rắc rối về kỹ thuật trong việc sử dụng máy vô tuyến và mật mã.
Tôi nhắc lại: phải bịt kín các đường từ phía bắc vào Cô-ven, không được phản kích bằng các sư đoàn khinh binh nếu không có xe tăng phối hợp, bởi vì như vậy sẽ không có kết quả gì. Cần phải tiếp viện trái phá và đạn dược cho sư đoàn khinh binh 87. Hãy tính xem, liệu có thể đưa sư đoàn đó ra khỏi vòng vây vào ban đêm không?
Các xe tăng KV và các xe tăng khác của đồng chí hoạt động ra sao? Có bắn thủng vỏ thép của xe tăng Đức không và địch đã mất khoảng bao nhiêu xe tăng trên mặt trận của đồng chí?
Pô-ta-pốp. Phối thuộc tôi có sư đoàn không quân 14, sư đoàn này tính đến sáng nay có 41 máy bay. Trong mệnh lệnh của phương diện quân có nói rằng các sư đoàn ném bom 62 và 18 yểm hộ chúng tôi. Các sư đoàn đó ở đâu, tôi không biết, tôi không có liên lạc với họ.
Các xe tăng lớn KV có 30 chiếc. Tất cả những xe này đều không có đạn cho pháo 152 mm.
Tôi có các xe tăng T-26 và BT, chủ yếu là các xe kiểu cũ, trong đó có cả những xe loại hai tháp.
Khoảng 100 xe tăng địch bị diệt.
Mệnh lệnh của đồng chí, tôi đã rõ. Tôi có điều lo ngại: liệu tôi có kịp khép chặt sườn bên phải của Phê-đi-u-nin-xki và bịt kín các đường từ phía bắc không. Bởi vì các xe tăng địch hiện nay đang ở vùng Rát-nô. Dù thế nào tôi cũng sẽ áp dụng ngay mọi biện pháp để thi hành mệnh lệnh.
Giu-cốp. Các pháo 152 mm của xe tăng KV bắn trái phá 09-30 g, vì vậy đồng chí ra lệnh phát ngay các đạn phá bê-tông 09-30 g và cho sử dụng những đạn đó. Phải đánh thật mạnh vào xe tăng địch.
Về các mặt khác chúng tôi đang tổ chức giúp đỡ.
Tôi hết sức hy vọng vào đồng chí và đồng chí Ni-ki-sép.
Đêm nay hoặc mai tôi sẽ tới chỗ đồng chí.
Tạm biệt".
Để tiếp tục cuộc tấn công ở hướng Ki-ép, bộ chỉ huy Đức đã phải lấy trong lực lượng dự trữ chiến lược của chúng một số lớn quân và hàng trăm xe tăng cùng với các đội lái để bổ sung cho các đơn vị của Clây-xtơ.
Nếu như, trong các đơn vị lớn của Phương diện quân Tây-nam, công tác trinh sát bộ binh và trên không được tổ chức tốt hơn, sự hợp đồng và chỉ huy chiến đấu được hoàn bị hơn, thì kết quả phản công còn có thể lớn hơn nữa.
Trong những trận đánh này, quân đoàn cơ giới 22 dưới quyền chỉ huy của thiếu tướng X.M. Côn-đru-xép, quân đoàn khinh binh 27 thuộc tập đoàn quân 5, quân đoàn cơ giới 8 của Đ.I. Ri-

a-bư-sép đã chiến đấu xuất sắc.

Lẽ ra hoạt động của quân đoàn cơ giới 8 còn có thể có hiệu quả lớn hơn nữa, nếu như tư lệnh quân đoàn không chia quân đoàn thành hai cánh quân và thêm vào đó đã không giao quyền chỉ huy một trong hai cánh quân đó cho tướng N.K. Pô-pen, là người chưa được huấn luyện về chiến dịch - chiến thuật để lãnh đạo những trận đánh lớn hơn.

Quân đoàn cơ giới 15 của tướng I.I. Các-pê-dô đã hoàn thành được nhiệm vụ, song tiếc là, chưa hết mức so với khả năng lớn của mình hồi đó.

Sách báo, tài liệu lịch sử của chúng ta có phần nói lướt qua về trận chiến đấu vĩ đại này ở sát biên giới trong giai đoạn đầu chiến tranh với phát-xít Đức. Lẽ ra cần phải phân tích đầy đủ tác dụng về mặt chiến dịch của việc sử dụng ở đây, các quân đoàn cơ giới để tổ chức một trận phản kích vào đạo quân chủ lực giặc đã đột phá và cần phải nghiên cứu tỉ mỉ cả việc tổ chức cuộc phản kích đó. Bởi vì, chính nhờ có những hoạt động này của quân ta mà ngay từ đầu ở U-crai-na, kế hoạch tốc chiến của địch đánh vào Ki-ép đã bị phá vỡ. Quân địch đã chịu thiệt hại nặng và chúng đã thấy rõ tinh thần kiên cường của các chiến sĩ xô-viết sẵn sàng chiến đấu đến giọt máu cuối cùng.

Ý kiến đánh giá trận chiến đấu này trong hồi ký của tướng Gót, nguyên tư lệnh đạo quân xe tăng thứ 3 của Đức, không phải là không đáng chú ý:

“Cụm tập đoàn quân “Nam” bị thiệt hại nặng hơn tất cả. Đối phương phòng ngự chống lại các đơn vị lớn của cánh phía bắc đã bị đánh bật khỏi biên giới, nhưng sau cú đánh bất ngờ của ta, họ đã nhanh chóng hồi phục và đã dùng các cuộc phản kích của lực lượng dự bị và các đơn vị xe tăng nằm ở phía sau để chặn bước tiến của quân đội Đức. Đạo quân xe tăng thứ nhất, có thêm tập đoàn quân 6, đến ngày 28-6 vẫn không thể vượt lên được. Những cuộc phản kích mạnh của đối phương là trở ngại lớn trên đường tiến quân của các đơn vị quân Đức”.

Qua cuộc nói chuyện trong những ngày này, theo đường liên lạc riêng với tướng N.Ph. Va-tu-tin, tôi được biết rằng tại các Phương diện quân Tây và Tây-bắc, các tư lệnh và các bộ tham mưu vẫn chưa có liên lạc chặt chẽ với các tư lệnh tập đoàn quân. Các sư đoàn và quân đoàn đánh nhau với địch một cách đơn độc, không có sự phối hợp với các đơn vị bạn và không quân, không có sự lãnh đạo cần thiết của cấp trên. Qua thông báo của Ni-cô-lai Phê-đô-rô-vích Va-tu-tin, tôi thấy rõ là tại các Phương diện quân Tây và Tây-bắc tình hình hết sức khó khăn.

Ni-cô-lai Phê-đô-rô-vích nói rằng I.V. Xta-lin bức bối và có ý buộc tất cả trách nhiệm vào bộ tư lệnh và bộ tham mưu Phương diện quân Tây, chê trách sự bất lực của nguyên soái G.I. Cu-lích. Qua thông báo của nguyên soái B.M. Sa-pô-sni-cốp lúc đó ở bộ tham mưu Phương diện quân Tây thì sáng ngày 23-6, G.I. Cu-lích ở bộ tham mưu tập đoàn quân 3, nhưng liên lạc với tập đoàn quân này bị đứt.

Song, sau một thời gian ngắn, nhờ có nhiều nguồn tin khác nhau, Bộ Tổng tham mưu đã xác định được rằng, các đạo quân lớn xe tăng và cơ giới của địch đã chọc thủng nhiều trận địa của hai phương diện quân này và đang tiến nhanh vào đất Bê-lô-ru-xi và Pri-ban-tích.

Những thử thách gian khổ của nhân dân Liên Xô đã bắt đầu.

Trong những năm gần đây có người thường phê phán Bộ Tổng tư lệnh đã không ra lệnh đưa các lực lượng chủ lực của ta từ phía trong đất nước ra để chống lại và đánh lui trận đột kích của quân địch.

Tôi không dám khẳng định nếu như điều đó được thực hiện thì tình hình sẽ như thế nào: tốt hơn hay là xấu hơn. Hoàn toàn rất có thể là trong khi chưa có đủ các phương tiện phòng ngự chống tăng và chống máy bay, sức cơ động còn kém quân địch, quân ta sẽ không thể chống lại được những đòn mạnh mẽ đánh chia cắt của các lực lượng xe tăng, thiết giáp địch, do đó quân ta có thể lâm vào tình thế nặng nề như một số tập đoàn quân các quân khu miền biên giới đã gặp. Và còn chưa biết, nếu như vậy, thì về sau tình hình ở gần Mát-xcơ-va, Lê-nin-grát và ở miền nam đất nước sẽ diễn ra sao?

Sáng sớm ngày 26-6, tướng N.Ph. Va-tu-tin báo cho tôi khi tôi ở sở chỉ huy tại Téc-nô-pôn như sau:

- Tình hình ở Pri-ban-tích và Bê-lô-ru-xi hết sức bất lợi. Tập đoàn quân 8 Phương diện quân Tây-bắc đang rút về Ri-ga, tập đoàn quân 11 đang rút ở hướng Pô-lốt-xcơ; quân đoàn cơ giới 21 của Quân khu Mát-xcơ-va được điều đi tăng cường cho phương diện quân này.

- I.V. Xta-lin ra lệnh thành lập Phương diện quân Dự bị và bố trí nó trên tuyến Xu-se-vô - Nô-

ven - Vi-tép-xơ - Mô-ghi-lép - Giơ-lô-bin - Gô-men - Chép-ni-gốp - sông Đe-xna - sông Đơ-nép. Phương diện quân Dự bị gồm các tập đoàn quân 19, 20, 21 và 22.

Về căn bản đó là tuyến mà Ủy viên nhân dân quốc phòng X.K. Ti-mô-sen-cô, tôi và một số cán bộ Bộ Tổng tham mưu đã tính đến vào tháng 5-1941.

Các bộ tư lệnh phương diện quân, Đại bản doanh Bộ Tổng tư lệnh, Bộ Tổng tham mưu trong những ngày này vẫn chưa có đầy đủ tài liệu về các đơn vị quân đội địch được tung vào đánh giá phương diện quân của ta. Về xe tăng, không quân và các đơn vị cơ giới của địch, Bộ Tổng tham mưu nhận được của các phương diện quân những số liệu quá khuếch đại. Bây giờ, khi trong tay chúng ta có hầu hết các tài liệu về quân đội của đôi bên, để thấy đầy đủ khung cảnh trong những ngày đầu chiến tranh, cần phải xem sự bố trí của quân đội Liên Xô tại các quân khu biên giới, và tiếp đó của cả quân đội Đức xâm nhập vào nước ta hồi đó.

Người ta đã viết nhiều bài báo và sách về vấn đề này, nhưng trong nhiều trường hợp nó có tính xu thời và người viết tỏ ra không hiểu biết gì cả.

Chúng ta biết rằng, 170 sư đoàn của ta sát trước chiến tranh được rải ra trên một vùng dài tới 4.500 km, từ Ba-ren-xép đến Biển Đen, và sâu trên 400 km. Song ở đây cần chú ý rằng, khoảng cách từ Ba-ren-xép đến Biển Đen là 4.500 km đó, bao gồm không những các khu vực đất liền của năm phương diện quân miền biên giới mà cả phần bờ biển chỉ được bảo vệ bằng lực lượng phòng thủ bờ biển và hải quân. Trên bờ biển từ Ta-lin đến Lê-nin-grát, nói chung, không có bộ đội. Vì vậy, 170 sư đoàn của chúng ta thực tế đóng trên 3.375 km. Dọc biên giới đất liền, các đơn vị quân đội Liên Xô tập trung thành từng cụm rất không đều nhau.

Ví dụ, ở Phương diện quân Bắc (Quân khu Lê-nin-grát) dài 1.275 km, có 21 sư đoàn và 1 lữ đoàn khinh binh, tính trung bình gần 61 km có 1 sư đoàn.

Trên khoảng đất liền thuộc các Quân khu Pri-ban-tích, miền Tây, Ki-ép và Ô-đét-xa dài 2.100 km, có 149 sư đoàn và 1 lữ đoàn. Trung bình 1 sư đoàn tại khu vực hết sức quan trọng này rải trên hơn 14 km.

Số lực lượng nói trên, sát trước chiến tranh, được phân bố như Quân khu Pri-ban-tích (tư lệnh - thượng tướng Ph.I. Cu-dơ-nét-xốp, ủy viên Hội đồng quân sự - chính ủy quân đoàn P.A. Đi-brô-va, tham mưu trưởng - thiếu tướng P.X. Clê-nốp) có 25 sư đoàn và 1 lữ đoàn khinh binh, trong số đó có 4 sư đoàn xe tăng, 2 sư đoàn mô-tô cơ giới.

Quân khu đặc biệt miền Tây (tư lệnh - đại tướng Đ.G. Páp-lốp, ủy viên Hội đồng quân sự - chính ủy quân đoàn A.Ph.I. Phô-mi-núc, tham mưu trưởng - thiếu tướng V.E. Cli-mốp-xkích) có 24 sư đoàn khinh binh, 12 sư đoàn xe tăng, 6 sư đoàn mô-tô hóa, 2 sư đoàn kỵ binh.

Quân khu đặc biệt Ki-ép (tư lệnh - thượng tướng M.P. Kiếc-pô-nô-xơ, ủy viên Hội đồng quân sự - chính ủy lữ đoàn E.P. Rư-cốp; tham mưu trưởng - trung tướng M.A. Puốc-ca-ép) có 32 sư đoàn khinh binh, 16 sư đoàn xe tăng, 8 sư đoàn mô-tô cơ giới, 2 sư đoàn kỵ binh.

Quân khu Ô-đét-xa (tư lệnh - trung tướng Ya.T. Chê-rê-vi-chen-cô, ủy viên Hội đồng quân sự - chính ủy quân đoàn A.Ph. Cô-lô-bi-a-cốp; tham mưu trưởng - thiếu tướng M.V. Da-kha-rốp) có 13 sư đoàn khinh binh, 2 sư đoàn mô-tô cơ giới và 3 sư đoàn kỵ binh.

Như chúng ta thấy, bộ phận lực lượng mạnh nhất của quân ta đóng ở hướng tây-nam (Quân khu Ki-ép và Quân khu Ô-đét-xa). Nó gồm có 45 sư đoàn khinh binh, 20 sư đoàn xe tăng, 10 sư đoàn mô-tô hóa, 5 sư đoàn kỵ binh.

Trong số 149 sư đoàn và 1 lữ đoàn của 4 quân khu sát biên giới, có 48 sư đoàn thê đội 1 của các tập đoàn quân bảo vệ biên giới được bố trí cách biên giới quốc gia 10 - 50 km (các sư đoàn khinh binh ở gần hơn, các sư đoàn xe tăng ở xa hơn). Chủ lực các quân khu miền biên giới đóng cách biên giới quốc gia 80 - 300 km.

Sườn các quân khu sát biển do hải quân và lực lượng phòng thủ bờ biển (chủ yếu gồm pháo binh) bảo vệ.

Các đơn vị biên phòng thuộc Bộ Ủy viên nhân dân nội vụ đóng ngay trên biên giới.

Trên kia, tôi đã nói tới một số nhân tố là nguyên nhân của những thất bại trong thời gian đầu chiến tranh. Những sự việc khác thuộc loại đó sẽ được đề cập tới sau, nhưng bây giờ tôi muốn nói rằng, những sai lầm của cơ quan lãnh đạo không thể làm nhẹ trách nhiệm của người chỉ huy quân sự các cấp đối với những sơ suất và tính toán sai của mình.

Mỗi một cán bộ chỉ huy quân đội, khi có những hành động không đúng thì về mặt tinh thần, không có quyền trốn trách nhiệm mà đổ cho cấp trên. Theo điều lệnh, các đơn vị và các cán bộ

chỉ huy đơn vị, trong bất kỳ tình huống nào, cũng phải luôn luôn sẵn sàng làm nhiệm vụ chiến đấu. Song, sát trước chiến tranh, thậm chí vào đêm 21 rạng 22 tháng 6, trong một số trường hợp, các cán bộ chỉ huy các binh đoàn và binh đoàn lớn thuộc tuyến bảo vệ biên giới, đến giờ phút cuối cùng vẫn chờ đợi lệnh của trên mà không chuyển đơn vị vào tư thế sẵn sàng chiến đấu ở mức cần thiết, mặc dù ở phía bên kia biên giới, đã nghe thấy tiếng ầm ì của các động cơ và tiếng rít của các bánh xích sắt.

Bộ tổng chỉ huy quân Đức, ngay tức khắc đã huy động 153 sư đoàn, trong số đó 29 sư đoàn đánh vào Quân khu Pri-ban-tích, 50 sư đoàn (có 15 sư đoàn xe tăng) đánh vào Quân khu đặc biệt miền Tây, 34 sư đoàn (có 9 sư đoàn xe tăng và mô-tô cơ giới) đánh vào Quân khu đặc biệt Ki-ép, 12 sư đoàn đánh vào Quân khu Ô-đét-xa và có tới 3 sư đoàn đóng ở Phần Lan. Chúng đã lập đội dự bị gồm 24 sư đoàn và đã điều nó đến các hướng chiến lược cơ bản.

Những số liệu này, chúng ta biết được trong quá trình giai đoạn đầu chiến tranh, chủ yếu là qua việc hỏi cung các tù binh và qua các tài liệu bắt được. Sát chiến tranh, I.V. Xta-lin, Ủy viên nhân dân quốc phòng và Bộ Tổng tham mưu, căn cứ vào những tin tức của cơ quan tình báo, đã cho rằng bộ chỉ huy Hít-le phải giữ lại ở phương Tây, Cận đông và ở các nước khác mà chúng chiếm đóng, không dưới 50% quân số và lực lượng không quân của chúng. Trên thực tế, tới lúc bắt đầu chiến tranh với Liên Xô, bộ chỉ huy Hít-le đã để lại ở các nơi ấy dưới 1/3 quân số, thêm nữa, chỉ là những sư đoàn thứ yếu, và chẳng bao lâu lại rút bớt số đó đi.

Quân địch đã dùng 3.712 xe tăng và các pháo tiến công để trang bị cho các cụm tập đoàn quân “Bắc”, “Trung tâm” và “Nam”. Quân bộ có 4.950 máy bay yểm hộ. Các đơn vị địch xâm nhập vào lãnh thổ ta đã có ưu thế về pháo binh hơn ta gần 2 lần, sức kéo của pháo binh của chúng về cơ bản được cơ giới hóa.

Nhiều lần nghĩ lại những ngày đầu chiến tranh, tôi có suy xét và phân tích những sai lầm về chiến lược và chiến dịch của các đồng chí lãnh đạo quân sự (Ủy viên nhân dân quốc phòng, Bộ Tổng tham mưu và các Bộ tư lệnh các quân khu) trong thời kỳ sát trước và thời kỳ đầu chiến tranh. Tôi đi tới những kết luận sau đây:

Chúng tôi không dự kiến trước được việc địch chuyển bất ngờ sang tấn công trên những quy mô như thế, hơn nữa, không thấy trước chúng có thể sử dụng ngay tức khắc tất cả các lực lượng sẵn có và được bố trí trước tại các hướng chiến lược quan trọng nhất, nghĩa là chưa thấy hết tinh chất của ngay đòn đột kích với toàn bộ tầm lượng của nó. Cả Ủy viên nhân dân quốc phòng, tôi, cả các đồng chí giữ chức vụ của tôi trước kia - B.M. Sa-pô-sni-cốp, K.A. Mê-rét-xcốp - và cơ quan lãnh đạo Bộ Tổng tham mưu đã không tính rằng quân địch sẽ tập trung một số lớn đến thế các đạo quân xe tăng thiết giáp và mô-tô cơ giới và sẽ dùng lực lượng đó ngay trong ngày đầu tiên, hình thành những quả đấm rắn chắc và mạnh mẽ trên tất cả các hướng chiến lược để đánh những đòn chia cắt mãnh liệt.

Sát trước chiến tranh, tập đoàn quân 10 và nhiều đơn vị khác của Quân khu miền Tây đã đóng ở Bê-lô-xtốc là vùng đất đột xuất nhô ra về phía địch. Đây là một trận địa bố trí bất lợi nhất. Hình thái bố trí tác chiến như thế gây ra nguy cơ bị đánh vòng đằng sau và bị bao vây bằng các mũi đánh vào sườn từ phía Grốt-nô và Bre-xtơ. Thêm nữa, sự bố trí quân của phương diện quân ở các hướng Grốt-nô, Xu-van-cốp và Bre-xtơ không đủ sâu và đủ mạnh để chặn, không cho quân địch đột phá và hợp vây được cánh quân ta ở vùng đất nhô đó.

Sự bố trí quân sai lầm đó có từ năm 1940, cho đến trước chiến tranh đã không được khắc phục. Khi quân chủ lực địch áp đảo các sườn của bộ đội bảo vệ biên giới của ta và đột phá vào vùng Grốt-nô và Bre-xtơ, lẽ ra ta phải cấp tốc đưa tập đoàn quân 10 và các cánh quân của các tập đoàn quân 3 và 4 tiếp giáp với nó thoát khỏi nguy cơ bị bao vây, chuyển nó về tuyến hậu phương - tới những nơi đang bị uy hiếp. Các đơn vị đó có thể tăng cường một cách đáng kể cho sức đề kháng của các đơn vị đang bị uy hiếp. Nhưng việc này đã không được thực hiện.

Các tập đoàn quân thuộc Phương diện quân Tây-nam cũng mắc sai lầm tương tự, cũng chậm rút ra, khi có nguy cơ bị bao vây.

Tất cả những điều đó xảy ra là do khi ấy chúng ta chưa có đủ kinh nghiệm lãnh đạo quân đội trong tình hình phức tạp của những trận đánh lớn, ác liệt diễn ra trên một vùng rộng.

Cần phải nói tới một sai lầm nữa của Bộ Tổng tư lệnh và Bộ Tổng tham mưu mà tôi đã nói qua ở trên. Đó là chủ trương phản công theo chỉ thị số 3 ngày 22-6-1941. Khi đề ra nhiệm vụ phản công, Bộ Tổng tư lệnh không biết tình hình thực tế diễn ra đến cuối ngày 22-6. Các bộ tư lệnh

phương diện quân cũng không biết được tình hình. Trong quyết định của mình, Bộ Tổng tư lệnh không xuất phát từ sự phân tích tình hình thực tế và những tính toán có căn cứ, mà xuất phát từ cảm tính và ý muốn tích cực hành động, không tính đến khả năng của quân đội, đó là điều không được làm ở bất kỳ trường hợp nào trong những giờ phút quan trọng của cuộc đấu tranh vũ trang.

Trong tình hình đã diễn ra cho đến cuối ngày 22-6, việc duy nhất đúng chỉ có thể là tổ chức các cuộc phản kích của các quân đoàn cơ giới, đánh vào các mũi tiến công của các đạo quân xe tăng cơ giới địch. Các cuộc phản kích đã được tiến hành thì trong nhiều trường hợp không được tổ chức chu đáo, và vì thế không đạt được mục đích.

Còn một vấn đề khác cũng có ảnh hưởng không thuận lợi tới quá trình các trận đánh trong những ngày đầu. Một số tư lệnh các tập đoàn quân lẽ ra phải từ các sở chỉ huy của mình mà tổ chức việc chỉ huy cho vững và giữ chặt liên lạc với các tập đoàn quân bạn và bộ tham mưu phương diện quân, thì lại bố xuống các đơn vị và ra những chỉ thị trong khi không biết tình hình ở các trận địa khác thuộc tập đoàn quân. Do đó, các cán bộ chỉ huy các đơn vị và các binh đoàn bị lâm vào tình huống khó khăn. Không có liên lạc vững với cấp trên, họ buộc phải hành động theo suy xét của mình, theo sự cần thiết của mình và thường rất dễ có hại cho các đơn vị bạn.

Ví dụ: việc rút lui vô tổ chức của tập đoàn quân 3 ra khỏi vùng Grót-nô và của tập đoàn quân 4 ra khỏi vùng Bre-xơ đã làm cho tình thế của tập đoàn quân 10 do thiếu tướng K.Đ. Gô-lu-bép chỉ huy trở nên hết sức gay go. Lúc đó tập đoàn quân 10, không bị địch uy hiếp mạnh, vẫn đang dựa vào khu phòng thủ Ô-xô-vét mà chiến đấu.

Phó tư lệnh Phương diện quân miền Tây, trung tướng I.V. Bôn-đin đã tới Ô-xô-vét. Trung tướng trực tiếp nắm một đoàn quân kỵ binh cơ giới gồm các quân đoàn cơ giới 6 và 11 và các đơn vị thuộc quân đoàn kỵ binh 6. Ngày 23-6, từ mỏm đất nhô ra ở Xu-van-cốp, I.V. Bôn-đin tổ chức cuộc phản kích vào sườn bên địch đã lọt vào trận địa ta. Cuộc phản kích không thành công. Nguyên nhân là vì không tập trung được tất cả các binh đoàn để tiến hành cuộc phản kích, đã sử dụng lực lượng phân tán và quyền chủ động bị quân địch khống chế.

Trong trận này chỉ có quân đoàn cơ giới 11 dưới sự chỉ huy của thiếu tướng Đ.K. Mô-xtô-ven-cô là hoạt động được thực sự tích cực. Quân đoàn cơ giới 6, dưới sự chỉ huy của thiếu tướng M.G. Khát-xki-lê-vích thì đang phòng ngự trong đội hình tập đoàn quân 10 trên sông Na-rép, cho nên không được tập trung kịp thời để phản kích. Khi rút được quân đoàn này ra khỏi trận chiến đấu và tập hợp nó được thì đã mất thời gian rồi. Các đơn vị của quân đoàn kỵ binh 6, dưới sự chỉ huy của thiếu tướng I.X. Ni-ki-tin, thì bị không quân địch liên tục tập kích do đó hành quân chậm.

Trong suốt ngày 24-6, một trận chiến đấu ác liệt đã diễn ra ở vùng Grót-nô.

Mặc dù có ưu thế trên không, quân địch tại vùng Grót-nô vẫn gặp khó khăn. Bộ tư lệnh cụm tập đoàn quân "Trung tâm" buộc phải đưa tới đây thêm hai quân đoàn nữa và phải điều trở lại một số đơn vị thuộc đạo quân xe tăng 3.

Ngày 25, những trận đánh đẫm máu vẫn tiếp diễn nhưng vì thiếu sự cung cấp cần thiết về phương tiện vật chất, kỹ thuật nên các đơn vị quân ta phản kích không thắng lợi. Trong quá trình chiến đấu, quân ta bị thiệt hại nặng và bắt đầu rút lui. Các chiến sĩ xe tăng không rút được toàn bộ xe ra ngoài vì lúc đó đã hết nhiên liệu.

Tư lệnh quân đoàn M.G. Khát-xki-lê-vích cũng không trở về sau trận đó. M.G. Khát-xki-lê-vích là một cán bộ chỉ huy tốt, một con người dung cảm. Tôi và đồng chí đó thân với nhau từ nhiều năm, ngay từ hồi công tác trong cơ quan thanh tra kỵ binh đầu những năm 30. Tướng I.X. Ni-ki-tin cũng không trở về. I.X. Ni-ki-tin xứng đáng là một cán bộ chỉ huy sáng suốt, có nghị lực và dũng cảm của quân đoàn kỵ binh.

Hướng đột kích của đạo quân mạnh nhất của các lực lượng bộ binh và không quân Đức trên hướng chiến lược phía tây đất nước ta là nhằm vào Mát-xcơ-va. Để đánh vào Phương diện quân miền Tây, quân địch sử dụng cụm tập đoàn quân "Trung tâm", trong đó có hai tập đoàn quân bộ đội hợp thành (các tập đoàn quân 4 và 9) và hai đạo quân xe tăng (2 và 3). Phối hợp với cụm tập đoàn quân "Trung tâm" có tập đoàn không quân 2, trong thành phần của nó có cả một quân đoàn máy bay ném bom bổ nhào. Quân của cụm tập đoàn quân "Trung tâm" được trang bị đầy đủ bằng pháo binh của bộ tổng chỉ huy địch, bằng các đơn vị công binh mô-tô cơ

giới và binh khí kỹ thuật hỗ trợ mạnh.

Ở đây trên tất cả các hướng đột kích chủ yếu của chúng, quân Đức đã tạo nên một ưu thế gấp 5-6 lần. Mọi hoạt động của quân chủ lực địch đều được các trận tập kích bằng không quân yểm hộ.

Tình hình ở vùng Bre-xơ cũng khá gay go. Tuy vậy quân địch không bẻ gãy được sức đề kháng của các chiến sĩ bảo vệ pháo đài Bre-xơ. Các chiến sĩ anh hùng bị bao vây đã đánh trả lại địch một cách đích đáng. Bản anh hùng ca Bre-xơ là điều hoàn toàn bất ngờ đối với bọn Đức. Các đơn vị xe tăng thiết giáp thuộc đạo quân của Gu-đê-ri-an và tập đoàn quân đã chiến 4 Đức đã bắt buộc phải đi vòng qua thành phố.

Tập đoàn quân 4 của ta (tư lệnh - thiếu tướng A.A. Cô-rốp-cốp) cũng bị đánh mạnh không kém tập đoàn quân 3 (tư lệnh - trung tướng V.I. Cu-dơ-nét-xốp) ở vùng Grôt-nô. Nhưng, có thành Bre-xơ anh hùng và các đơn vị thuộc sư đoàn xe tăng 32, các sư đoàn khinh binh 6, 42, 49 và 75 đóng cách không xa, bộ tư lệnh tập đoàn quân 4 có thể tổ chức những trận phòng ngự tốt hơn nữa. Đáng tiếc là bộ tư lệnh tập đoàn quân 4 đã không làm được điều đó, ngay cả khi đã nhận quân đoàn cơ giới 14 chuyển thuộc mình.

Tình hình trong những ngày này ở phía xa các ngã đường vào Min-xơ như thế nào?

Vì không biết chính xác tình hình chiến sự ở các tập đoàn quân 3, 10 và 4, không hình dung được đầy đủ về các đạo quân xe tăng thiết giáp của địch đã vượt biên giới vào như thế nào, đại tướng Đ.G. Páp-lốp, tư lệnh phương diện quân, thường có những quyết định không phù hợp với tình hình.

Bị thiệt hại lớn trong trận đánh vùng biên giới, các đơn vị của tập đoàn quân 3, 10 và 4 vừa dừng cảm đánh lùi quân địch dồn tới, vừa rút về phía đông. Bốn sư đoàn thuộc tập đoàn quân 13 cũng chiến đấu anh dũng để kìm cuộc tiến công của địch: ngày 26 và 27 tháng 6, các sư đoàn này chiến đấu ở khu phòng thủ Min-xơ.

Theo chỉ thị của Bộ Tổng tư lệnh, tướng Đ.G. Páp-lốp ra lệnh cho các tập đoàn quân 3 và 10 rút về phía đông và chiếm lĩnh trận địa phòng ngự tại tuyến Li-đa - Xlô-nim - Pin-xơ. Nhưng điều đó không sao thực hiện được, bởi vì các tập đoàn quân này đã gần như bị bao vây kiệt sức và rút ra ngoài một cách khó khăn dưới những đòn đánh liên tiếp của không quân và các đơn vị xe tăng thiết giáp Đức.

Ngày 26-6, quân đoàn mô-tô cơ giới 39 của địch đến gần vùng phòng thủ Min-xơ, ở đây chúng đụng độ với các đơn vị đang đi tới thuộc quân đoàn khinh binh, do tướng V.Đ. Yút-kê-vích chỉ huy.

Để tăng cường phòng thủ Min-xơ trên hướng từ Mô-lô-đếch-nô vào cửa ngõ tây-bắc thành phố, quân đoàn khinh binh 2 dưới sự chỉ huy của thiếu tướng A.N. éc-ma-cốp đã được cấp tốc điều tới. Quân đoàn gồm các sư đoàn khinh binh 100 và 161.

Thiếu tướng I.N. Ru-xi-a-nốp chỉ huy sư đoàn 100, một sư đoàn đã được tặng Huân chương Lê-nin. Trước kia khi tôi là sư đoàn trưởng sư đoàn kỵ binh 4 ở thành phố Xlút-xơ, đồng chí đã là một trung đoàn trưởng xuất sắc của trung đoàn khinh binh thuộc sư đoàn khinh binh 4 mang tên Giai cấp vô sản Đức. Trong tất cả các lần huấn luyện và tập trận, trung đoàn của I.N. Ru-xi-a-nốp đã là mẫu mực về chiến thuật, kỷ luật và trật tự. Bây giờ các binh đoàn đó đang anh dũng chiến đấu trên các ngã đường đi vào Min-xơ, đánh lại các đơn vị của đạo quân xe tăng 3 của địch, gây cho chúng những thiệt hại nặng.

Song, khi quân đoàn cơ giới 47 thuộc đạo quân xe tăng của Gu-đê-ri-an tiến đến các ngã đường tây-nam vào Min-xơ, thì tình hình các đơn vị đang phòng ngự trở nên rất gay go.

Quân địch ném bom ác liệt Min-xơ. Thành phố bị ngọn lửa bao phủ. Hàng nghìn thường dân bị chết. Những người không có tội lỗi gì hết, trước khi chết đều nguyện rửa bọn giặc lái máy bay phát-xít dã man...

Tại các ngã đường vào Min-xơ đã diễn ra một cuộc chiến đấu khốc liệt. Các đơn vị thuộc các sư đoàn khinh binh 64, 100 và 161 đã chiến đấu đặc biệt xuất sắc. Họ tiêu diệt hơn trăm xe tăng địch và hàng nghìn tên phát-xít.

Ngày 26-6, I.V. Xta-lin gọi dây nói cho tôi tại sở chỉ huy Phương diện quân Tây-nam ở Téc-nô-pôn và nói:

- Tình hình tại Phương diện quân miền Tây trở nên khó khăn. Quân địch tới gần Min-xơ. Không hiểu Páp-lốp thế nào. Không rõ nguyên soái Cu-lích ở đâu. Nguyên soái Sa-pô-sni-cốp

bị ốm. Đồng chí có thể đáp máy bay ngay về Mát-xcơ-va không?

- Tôi sẽ nói chuyện ngay bây giờ với các đồng chí Kiếc-pô-nô-xơ và Puốc-ca-ép về những công việc sẽ tiếp tục, - tôi nói, - và sẽ ra sân bay.

Tối khuya ngày 26-6, tôi đi máy bay về tới Mát-xcơ-va và từ sân bay đi thẳng đến chỗ I.V. Xta-lin. Trong phòng làm việc của I.V. Xta-lin, Ủy viên nhân dân quốc phòng X.K. Ti-mô-sen-cô và người phó thứ nhất của tôi, trung tướng N.Ph. Va-tu-tin đang đứng nghiêm, thẳng người. Cả hai xanh gầy hằn đi, mắt đỏ lên vì không ngủ. I.V. Xta-lin trông cũng không khá gì hơn.

Gật đầu chào tôi, I.V. Xta-lin nói:

- Các đồng chí cùng nhau suy nghĩ và nói cho biết có thể làm gì trong tình hình hiện nay? - Sau đó I.V. Xta-lin buông tấm bản đồ Phương diện quân miền Tây xuống bàn.

- Chúng tôi cần chừng 40 phút để bàn bạc - Tôi nói.

- Được 40 phút nữa, các đồng chí báo cáo.

Chúng tôi sang phòng bên để thảo luận về tình hình chiến sự và những khả năng của ta tại Phương diện quân miền Tây.

Tình hình ở đó quả thực vô cùng nặng nề. Ở phía tây Min-xcơ, số quân còn lại của các tập đoàn quân 3 và 10 đã tìm được một số lực lượng đáng kể của địch, nhưng bị bao vây và chiến đấu với lực lượng quá chênh lệch. Một số đơn vị của tập đoàn quân 4 rút vào rừng Pri-pi-át-ki. Sau khi bị thiệt hại nghiêm trọng trong các trận đánh, các binh đoàn đã bị xé lẻ ra để rút từ tuyến Đốc-si-na - Xmô-lê-vích - Xlút-xcơ - Pin-xcơ về sông Bê-rê-di-na. Các đạo quân mạnh của địch đang rượt theo họ.

Sau khi thảo luận tình hình, chúng tôi không có thể có đề nghị gì khác hơn là, đề nghị cấp tốc trụ lại phòng ngự ở tuyến Bắc Đơ-vi-na - Pô-lốt-xcơ - Vi-tép-xcơ - Oóc-sa - Mô-ghi-lép - Mô-dư-rơ và giao cho các tập đoàn quân 13, 19, 20, 21, 22 làm việc đó. Ngoài ra cần phải nhanh chóng chuẩn bị phòng ngự ở tuyến hậu phương theo đường hồ Xê-li-gia-rô-vơ - Xmô-len-xcơ - Rốt-xláp - Gô-men bằng các lực lượng của các tập đoàn quân 24 và 28 thuộc quân dự bị của Bộ Tổng tư lệnh. Ngoài ra chúng tôi đề nghị cấp tốc tổ chức thêm 2-3 tập đoàn quân nữa lấy trong số các sư đoàn dân quân Mát-xcơ-va.

Tất cả những đề nghị này được I.V. Xta-lin chuẩn y và ngay tức khắc được biến thành các mệnh lệnh.

Trong những đề nghị của mình, chúng tôi xuất phát từ nhiệm vụ chủ yếu là xây dựng phòng ngự có chiều sâu gồm nhiều tuyến trên các đường vào Mát-xcơ-va, đánh cho quân địch kiệt sức đi và, sau khi chặn được chúng tại một trong số những phòng tuyến phòng thủ, sẽ tập trung các lực lượng cần thiết bằng số quân lấy của Viễn Đông và các đơn vị mới để tổ chức phản công. Nơi nào quân địch sẽ bị chặn lại, lấy chỗ nào làm điểm xuất phát có lợi để phản công, những lực lượng như thế nào sẽ được tập trung để làm nhiệm vụ đó - khi này chúng tôi còn chưa biết. Hiện tại những điều đó mới chỉ là ý đồ.

Ngày 27-6, vào 10 giờ 05 phút, qua máy "Bô-đô" tôi truyền đạt mệnh lệnh của Đại bản doanh Bộ Tổng tư lệnh cho tham mưu trưởng phương diện quân, tướng V.E. Cli-mốp-xkích, nội dung như sau:

"Giu-cốp. Mệnh lệnh của Đại bản doanh Bộ Tổng tư lệnh. Nhiệm vụ của các đồng chí:

1. Cấp tốc tìm ra tất cả các đơn vị, liên lạc với các cấp chỉ huy và nói rõ cho họ biết tình hình - tình hình địch và tình hình các đơn vị của mình - nói thật cặn kẽ về những nơi mà các đơn vị cơ giới đi đầu của địch đã kéo tới. Báo cho các đơn vị của ta biết nơi có các kho nhiên liệu, đạn dược và lương thực để các đơn vị nhận lấy mọi thứ cần thiết cho chiến đấu.
- Đề ra cho các đơn vị nhiệm vụ, hoặc chiến đấu hoặc tập trung lại tại các khu rừng. Khi giao nhiệm vụ tập trung phải chỉ rõ đi theo con đường nào và sát nhập vào đơn vị nào.
2. Tính xem các đơn vị nào cần phải dùng máy bay để đưa nhiên liệu và đạn dược tới, không để mất những kỹ thuật quý, đặc biệt là các xe tăng hạng nặng và pháo binh hạng nặng.
3. Đưa số quân còn lại ra theo ba hướng:
 - qua Đốc-si-na và Pô-lốt-xcơ rồi tập hợp lại sau các khu phòng thủ Lê-pen-xcơ và Pô-lốt-xcơ;
 - hướng Min-xcơ, tập hợp các đơn vị sau khu phòng thủ Min-xcơ;
 - hướng thứ ba: rừng Glu-xki và Bô-brui-xcơ.
4. Chú ý rằng, các đơn vị cơ giới thê đội 1 của địch hiện nay đã vượt rất xa bộ binh, đó là chỗ yếu, cả đối với đạo quân địch đã vượt lên cũng như đối với đơn vị bộ binh của chúng đang tiến

không có xe tăng đi cùng. Nếu các cán bộ chỉ huy dưới quyền các đồng chí nắm được đơn vị, đặc biệt là các đơn vị xe tăng, thì có thể đánh đòn tiêu diệt để đập tan cả thế đội 1 địch lẫn các đơn vị bộ binh chúng đang tiến không có xe tăng đi cùng. Nếu làm được, thì thoát đầu hãy tổ chức đánh mạnh vào hậu phương thế đội 1 địch đang tiến về Min-xơ và Bô-brui-xơ, sau đó có thể quay lại đánh thẳng vào bộ binh chúng.

Hành động được dừng cảm như vậy sẽ làm vẻ vang cho Phương diện quân miền Tây. Sẽ đạt được kết quả đặc biệt to lớn, nếu các đồng chí tổ chức được trận tấn công ban đêm vào các đơn vị cơ giới địch.

5. Đưa kỵ binh vào rừng Min-xơ và dựa vào Min-xơ, Lu-ni-nốt, mở những trận tấn công thật mãnh liệt và lớn vào hậu phương và chính diện các đơn vị địch. Rải các nhóm nhỏ kỵ binh dưới sự chỉ huy của các cán bộ tận tụy và can đảm ra hoạt động trên tất cả các ngã đường.”

Lúc 2 giờ đêm ngày 28-6, tôi lại nói chuyện thêm theo đường liên lạc thẳng với V.E. Cli-mốp-xkích. Tôi trích nội dung cuộc nói chuyện đó:

“Giu-cốp. Đồng chí báo cáo cho biết về tình hình các tập đoàn quân 3, 10 và 4. Min-xơ ở trong tay ai, quân địch ở đâu?

Cli-mốp-xkích. Min-xơ vẫn thuộc ta. Chúng tôi nhận được tin quân địch đổ bộ xuống vùng Min-xơ và Xmô-lê-vi-chi. Bọn địch đổ bộ ở vùng Min-xơ đã bị quân đoàn khinh binh 44 tiêu diệt.

Gần suốt ngày, máy bay địch ném bom đường Bô-ri-xốp - Oóc-sa. Các ga và các quãng đường sắt có bị hư hại. Không có liên lạc ra-đi-ô với tập đoàn quân 3.

Theo những báo cáo cuối cùng, quân địch đang ở trước khu phòng thủ.

Ba-ra-nô-vi-chi, Bô-brui-xơ, Pu-khô-vi-chi cho đến ngày hôm qua, thuộc quân ta.

Giu-cốp. Về các đồng chí Cu-lích, Bôn-đin, Cô-rốp-cốp ở đâu? Quân đoàn cơ giới, quân đoàn kỵ binh ở đâu?

Cli-mốp-xkích. Về các đồng chí Cu-lích và Bôn-đin không có tin tức gì. Chúng tôi đã liên lạc với đồng chí Cô-rốp-cốp, đồng chí đó ở sở chỉ huy tại phía đông Bô-brui-xơ. Binh đoàn của Khát-xki-lê-vích tiến về Ba-ra-nô-vi-chi, binh đoàn của A-khô-lút-tin tiến về Xtôn-bxư.

Giu-cốp. Các binh đoàn của Khát-xki-lê-vích và A-khô-lút-tin tiến về các nơi đó khi nào?

Cli-mốp-xkích. Các binh đoàn đó bắt đầu tập trung ở đó cuối ngày 26. Hôm qua lúc gần 19 giờ, trợ lý của tư lệnh quân đoàn, đồng chí Xvét-li-sin, đã tới các binh đoàn đó. Ngày mai chúng tôi sẽ phái các chiến sĩ nhảy dù đi truyền đạt mệnh lệnh cho các đồng chí Cu-dơ-nét-xốp và Gô-lu-bép.

Giu-cốp. Quân đoàn khinh binh 21 vượt ra vùng Mô-tô-đếch-nô - Vi-lây-ca có thuận lợi hay không? Đồng chí có biết không?

Cli-mốp-xkích. Về quân đoàn khinh binh 21, chúng tôi được tin nó định rút về hướng Mô-lô-đếch-nô, nhưng tin này chưa được xác định.

Giu-cốp. Pháo binh nặng ở đâu?

Cli-mốp-xkích. Phần lớn pháo binh nặng ở trong tay chúng tôi. Chúng tôi không nắm được các trung đoàn lựu pháo 375 và 120.

Giu-cốp. Kỵ binh, các quân đoàn cơ giới 13, 14 và 17 ở đâu?

Cli-mốp-xkích. Quân đoàn cơ giới 13 ở Xtôn-bxư. Quân đoàn cơ giới 14 còn lại một số xe tăng, số này đã nhập vào quân đoàn 17 đang ở Ba-ra-nô-vi-chi. Không có tin về nơi ở của kỵ binh.

Đồng chí Cô-rốp-cốp đã đưa số quân còn lại của các sư đoàn 42, 6, 75 ra. Có cơ sở để cho rằng sư đoàn khinh binh 49 ở trong rừng Be-lô-ve-giơ. Chúng tôi đã phái cán bộ đặc biệt nhảy dù đi thẩm tra việc này và đưa sư đoàn ra trước khi trời sáng. Chúng tôi cho rằng đồng chí Cu-dơ-nét-xốp rút ra theo dọc hai bên bờ Nê-man.

Giu-cốp. Hôm nay trận đánh với quân đoàn cơ giới địch trước khu phòng thủ Min-xơ ra sao và bọn địch hôm qua ở Xlút-xơ và trước khu phòng thủ Min-xơ hiện nay ở đâu?

Cli-mốp-xkích. Sư đoàn khinh binh 64 đánh nhau với quân đoàn cơ giới địch ở khu phòng thủ Min-xơ. Quân địch từ Xlút-xơ đang tiến đến Bô-brui-xơ nhưng đến chiều Bô-brui-xơ chưa bị chiếm.

Giu-cốp. Thế nào là “chưa bị chiếm”?

Cli-mốp-xkích. Chúng tôi dự đoán là quân địch định thọc vào Bô-brui-xơ. Việc đó không xảy ra.

Giu-cốp. Cẩn thận, quân địch có thể từ phía bắc đi vòng qua khu phòng thủ Min-xơ của các đồng chí. Phải bịt kín hướng Lô-gôi-xơ - Dem-bin - Plê-sê-nít-sa, nếu không, quân địch vòng qua khu phòng thủ sẽ tới Bô-ri-xốp trước các đồng chí. Tôi nói xong. Tạm biệt”.

Mặc dù các chiến sĩ và các cán bộ chỉ huy đã chiến đấu với tinh thần của chủ nghĩa anh hùng tập thể, mặc dù các tướng lĩnh anh dũng xử trí, tình hình ở tất cả các trận địa của Phương diện quân miền Tây vẫn tiếp tục xấu đi. Tối ngày 28-6, quân ta rút khỏi Min-xơ.

Thọc được vào Min-xơ, quân địch bắt đầu tiêu diệt một cách dã man nhân dân thành phố, đốt và phá các quý vật văn hóa và di tích lịch sử.

Đại bản doanh và Bộ Tổng tham mưu đau đớn nhận tin quân ta phải bỏ thủ đô Bê-lô-ru-xi. Tất cả chúng tôi đều hiểu rằng những người dân trong thành phố không kịp đi về phía đông, bị lâm vào tình thế nặng nề như thế nào.

Ngày 29-6, I.V. Xta-lin hai lần tới Bộ ủy viên nhân dân quốc phòng, tới Đại bản doanh Bộ Tổng tư lệnh và cả hai lần I.V. Xta-lin đều vô cùng bức bối trước tình hình diễn ra ở hướng chiến lược phía tây

Lúc 6 giờ 45 phút ngày 30-6, theo lệnh của Ủy viên nhân dân quốc phòng X.K. Ti-mô-sen-cô, tôi nói chuyện theo máy “Bô-đô” với tư lệnh phương diện quân, đại tướng Đ.G. Páp-lốp. Qua cuộc nói chuyện thì thấy ngay tư lệnh phương diện quân cũng không biết rõ tình hình.

Dưới đây trích dẫn cuộc nói chuyện:

“Giu-cốp. Chúng tôi không thể có quyết định gì được trong khi không biết tình hình ở các vùng Min-xơ, Bô-brui-xơ, Xlút-xơ đã diễn ra như thế nào. Yêu cầu đồng chí cho biết thực chất của tình hình ra sao.

Páp-lốp. Ở vùng Min-xơ quân đoàn khinh binh 44 đang rút về phía nam đường Mô-ghi-lép; tuyến phòng ngự cần phải trụ lại được quy định là Xta-khốp - Chéc-ven.

Ở vùng Xlút-xơ ngày hôm qua, theo sự quan sát của không quân, sư đoàn bộ binh cơ giới 210 chiến đấu ở vùng Si-sết-sư.

Ở vùng Bô-brui-xơ hôm nay vào lúc 4 giờ, quân địch đã bắc cầu và bắt đầu cho 12 xe tăng vượt qua.

Giu-cốp. Quân Đức truyền qua ra-đi-ô rằng hai tập đoàn quân bị chúng bao vây ở phía đông Bê-lô-xtốc. Chắc có phần nào đúng sự thật. Tại sao bộ tham mưu của đồng chí không cử phái viên đi tìm các đơn vị? Các đồng chí Cu-lích, Bôn-đin, Cu-dơ-nét-xốp ở đâu? Quân đoàn kỵ binh ở đâu? Không lẽ, không quân lại không phát hiện ra kỵ binh?

Páp-lốp. Đúng, phần lớn là đúng sự thật. Chúng tôi được biết rằng ngày 25 và ngày 26 tháng 6 có các đơn vị ta chiến đấu ở trên sông Sa-ra để giành giật đường qua sông với bọn địch chiếm giữ bờ phía đông. Tập đoàn quân 3 định rút theo hai bờ sông Sa-ra.

Quân đoàn khinh binh 21 ở vùng Li-đa. Trước đây có liên lạc vô tuyến với quân đoàn này, nhưng từ hôm qua đã mất liên lạc, quân đoàn đang rút ra khỏi vòng vây về hướng đã quy định. Không quân không thể tìm thấy kỵ binh và các đơn vị cơ giới, vì tất cả đều ẩn kín để tránh không quân địch. Một nhóm cán bộ có mang theo đài vô tuyến đã được phái đi tìm đồng chí Cu-lích và các đơn vị của ta. Hiện nay chưa có trả lời của nhóm này. Các đồng chí Bôn-đin và Cu-dơ-nét-xốp cũng như đồng chí Gô-lu-bép cho đến ngày 26 tháng 6 đều ở dưới các đơn vị.

Giu-cốp. Nhiệm vụ chủ yếu của đồng chí là nhanh chóng tìm ra các đơn vị và đưa các đơn vị về bên này sông Bê-rê-di-na. Đồng chí hãy trực tiếp nắm lấy việc này và chọn những cán bộ bộ binh và không quân có khả năng để làm nhiệm vụ.

Đại bản doanh Bộ Tổng tư lệnh yêu cầu đồng chí trong thời hạn ngắn nhất phải tập hợp toàn bộ số quân của phương diện quân và khôi phục lại trạng thái cần thiết.

Trong bất kỳ trường hợp nào cũng không được để cho các đơn vị địch thọc vào vùng Bô-brui-xơ và vùng Bô-ri-xốp. Dù thế nào đồng chí cũng không được để xảy ra sự gián đoạn của việc tập trung các quân đoàn ở vùng Ốc-sa - Mô-ghi-lép - Giơ-lô-bin - Rô-ga-chép.

Để lãnh đạo các trận đánh và để đồng chí biết được tình hình diễn ra ở gần Bô-brui-xơ, cần cử tới đó một nhóm cán bộ mang theo đài vô tuyến và do đồng chí phó của đồng chí chỉ huy. Cần cấp tốc di chuyển các kho tàng để tất cả những kho đó không rơi vào tay địch.

Khi tình hình rõ ràng, đồng chí báo cáo ngay về mọi việc.

Páp-lốp. Để giữ Bô-brui-xơ và Bô-ri-xốp chúng tôi sẽ điều tất cả các đơn vị thậm chí cả trường huấn luyện”.

Song, tình hình phát triển không tốt hơn bao nhiêu. Ngày 30-6, I.V Xta-lin gọi đây nói tới Bộ Tổng tham mưu và ra lệnh triệu hồi tư lệnh Phương diện quân miền Tây, đại tướng Đ.G. Páp-lốp.

Ngày hôm sau, tướng Đ.G. Páp-lốp về đến nơi. Tôi gần như không nhận ra đồng chí, trong 8 ngày chiến tranh, Đ.G. Páp-lốp đã thay đổi hẳn. Ngay trong ngày hôm đó Đ.G. Páp-lốp bị cách chức tư lệnh phương diện quân và ít lâu sau bị đưa ra tòa án: cùng với Đ.G. Páp-lốp, theo đề nghị của Hội đồng quân sự Phương diện quân miền Tây, tòa án xét xử tham mưu trưởng phương diện quân, tướng Cli-mốp-xkích; chủ nhiệm thông tin, tướng Gri-gô-ri-ép; tư lệnh pháo binh, tướng Cu-lích, và các tướng khác trong bộ tham mưu phương diện quân.

Ủy viên nhân dân quốc phòng X.K. Ti-mô-sen-cô được cử làm tư lệnh Phương diện quân miền Tây, trung tướng A.I. Ê-rê-men-cô làm phó. Các tập đoàn quân của Phương diện quân Dự bị được chuyển sang tăng cường cho Phương diện quân miền Tây.

Tại Phương diện quân Tây-bắc, tình hình tiếp tục xấu đi.

Các tập đoàn quân 8 và 11 đã thoát ra khỏi vòng vây, nhưng do bộ tư lệnh phương diện quân, tổ chức kém nên đã rút tản mát theo nhiều hướng khác nhau và bị thiệt hại lớn.

Để bịt hướng Pơ-xcốp - Lê-nin-grát, Đại bản doanh Bộ Tổng tư lệnh ra lệnh cho tư lệnh quân đoàn cơ giới 21, tướng Đ.Đ. Lê-liu-sen-cô từ vùng Ô-pốt-ca - I-dri-sa tiến đến vùng Đâu-ga-pin-xơ để đánh chặn, không cho địch vượt qua sông Tây Đờ-vi-na.

Song, nhiệm vụ này hoàn toàn không thể thực hiện được và ngày 26-6, quân địch dùng lực lượng lớn đã vượt qua sông Tây Đờ-vi-na và chiếm Đâu-ga-pin-xơ. Tuy vậy quân đoàn cơ giới 21, dũng cảm chuyển sang tấn công quân đoàn mô-tô cơ giới 56 của địch, đã chặn bước tiến của chúng.

Nhớ lại trận này, chuẩn thống chế, bá tước Man-xten, khi đó là tư lệnh quân đoàn mô-tô cơ giới 56 đã viết trong cuốn sách “Những thắng lợi bị mất” của y:

“... chẳng bao lâu chúng tôi đã phải chuyển sang phòng ngự ở bờ bắc sông Đờ-vi-na chống lại các cuộc tấn công của một sư đoàn xe tăng đối phương. Tại một số trận địa tình hình trở thành nghiêm trọng”.

Song, dưới áp lực của các lực lượng địch nhiều hơn và của không quân địch, quân đoàn cơ giới 21 buộc phải rút về phòng ngự. Trên trận địa phòng ngự này, quân đoàn đã đánh lui các cuộc tấn công của địch, giữ vững vị trí đến tận ngày 2-7. Về sau quân đoàn cơ giới 21 được sát nhập vào tập đoàn quân 27 do thiếu tướng N.E. Béc-da-rin chỉ huy.

Tôi ân cần nhắc lại chiến công xuất sắc và tinh thần chiến đấu dũng cảm của một đơn vị thuộc quân đoàn cơ giới 21, sư đoàn xe tăng 46 do đại tá V.A. Cốp-xốp, anh hùng của Khan-khin Gôn chỉ huy, cũng như của tư lệnh tập đoàn quân 27, tướng N.E. Béc-da-rin. N.E. Béc-da-rin trong thời gian cuối chiến tranh, đã chỉ huy tập đoàn xung kích anh hùng 5 thuộc Phương diện quân Bê-lô-ru-xi 1 dũng cảm đột phá Béc-lanh và trở thành tư lệnh quân quản đầu tiên của thành phố.

Cuối tháng, I.V. Xta-lin lại ra quyết định thay đổi cán bộ trong cơ quan lãnh đạo quân đội. Ngày 30-6, trung tướng N.Ph. Va-tu-tin được cử làm tham mưu trưởng Phương diện quân Tây-bắc. Ngày 2-7, tập đoàn quân 27 bị lực lượng địch uy hiếp, bắt đầu rút lui. Suốt trong thời gian này, tập đoàn quân đã chiến đấu trên một trận tuyến rộng và không còn lực lượng cũng như phương tiện để tổ chức các tuyến phòng ngự ở phía sau.

Vì lực lượng dự bị ta chưa kịp đến sông Vê-li-cai-a, nên quân địch trong hành tiến đã chiếm thành phố Pơ-xcốp. Tập đoàn quân 8 của Phương diện quân Tây-bắc, sau khi bị mất liên lạc với các đơn vị khác đã rút lên phía bắc.

Như vậy là trong 18 ngày đầu chiến tranh, Phương diện quân Tây-bắc đã bị mất Lít-va, Lát-vi-a và một phần lãnh thổ Cộng hòa liên bang Nga, do đó có nguy cơ quân địch sẽ vượt qua Lu-ga tiến về phía Lê-nin-grát mà công sự và thiết bị trên các ngã đường đi vào thành phố này chưa được củng cố và lực lượng bảo vệ lại mỏng.

Trong suốt thời gian này, Bộ Tổng tham mưu không nhận được của bộ tham mưu Phương diện quân Tây-bắc những báo cáo rõ ràng và đầy đủ về tình hình quân ta, về các đạo quân của địch và vị trí của các đoàn quân xe tăng và mô-tô cơ giới của chúng. Đôi khi, đành phải xác định sự phát triển tình hình theo cảm tính, nhưng phương pháp đó, như chúng ta đều biết, không đảm bảo tránh khỏi sai lầm.

Tại Phương diện quân miền Tây - các hướng Vi-tép-xơ, Oóc-sa, Mô-ghi-lép, và Bô-brui-xơ - các trận đánh đầu tháng 7 đã diễn ra trong điều kiện quân địch có ưu thế tuyệt đối về lực lượng cơ giới thiết giáp và không quân. Quân ta mệt mỏi sau những trận chiến đấu liên tiếp, đã rút về phía đông, nhưng trong khi rút, lúc nào cũng cố gắng gây cho địch những thiệt hại lớn nhất và, theo sức mình, kìm lâu chúng tại các tuyến phòng ngự.

Trên triền sông Bê-rê-di-na, quân ta chiến đấu đặc biệt ngoan cường ở vùng thành phố Bô-ri-xốp, ở đó có trường huấn luyện xe tăng Bô-ri-xốp, do chính ủy sư đoàn I.Đ. Xu-xai-cốp lãnh đạo. Vừa lúc đó sư đoàn bộ binh cơ giới Mát-xơ-va 1 do thiếu tướng Ya.G. Crây-de chỉ huy được điều động tới. Sư đoàn được kiện toàn theo quy chế thời chiến, được huấn luyện tốt và có các xe tăng T-34. Tướng Ya.G. Crây-de đã chỉ huy sư đoàn và trường huấn luyện xe tăng Bô-ri-xốp đánh chặn được sư đoàn xe tăng tăng cường 18 của địch trong hơn 2 ngày đêm. Trong lúc này điều đó có ý nghĩa quan trọng. Tướng Ya.G. Crây-de chỉ huy các trận đánh rất xuất sắc.

Tại Phương diện quân Nam, quân Đức - Ru-ma-ni từ lãnh thổ Ru-ma-ni tấn công sang, đột kích chủ yếu vào hướng Mô-ghi-lép - Pô-đôn-xơ - Giơ-mê-rin-ca, đe dọa tiến đánh sườn và hậu phương các tập đoàn quân 12, 26, 6 của Phương diện quân Tây-nam.

Trong 6 ngày đêm đầu tiên của các trận đánh ác liệt, quân địch chọc thủng được tuyến phòng ngự của Phương diện quân Nam và tiến được khoảng 60 km. Tình hình Phương diện quân Tây-nam cũng xấu đi nhiều, bởi vì lúc này quân Đức, sau mấy lần cố gắng, cuối cùng đã bẻ gãy được phòng ngự của ta ở vùng Rốp-nô - Đúp-nô - Crê-mê-nét và ùn ùn kéo vào cửa đột phá.

Ngày 4-7, quân Đức tiến gần đến khu phòng thủ Nô-vô-grát - Vô-lun-xơ nhưng đến đây các cuộc tấn công của chúng bị đánh lui và chúng bị thiệt hại lớn.

Các đơn vị cơ giới thiết giáp, xe tăng địch phải trụ lại ở đó gần 3 ngày đêm. Không đạt được kết quả, chúng tập trung lực lượng lại ở phía nam Nô-vô-grát - Vô-lun-xơ và sau đó, ngày 7-7, đánh chiếm Béc-đi-chép và ngày 9-7 chiếm Gi-tô-mia.

Việc quân Đức - Ru-ma-ni chiếm Béc-đi-chép, Gi-tô-mia và tiếp tục tấn công ở hướng Mô-ghi-lép - Pô-đôn-xơ làm cho các tập đoàn quân 12, 26 và 6 của Phương diện quân Tây-nam có nguy cơ bị hợp vây. Các tập đoàn quân này vừa chiến đấu chống lại quân địch đang ào tới, vừa từ từ lùi về phía đông.

Ngày 9-7, bộ tư lệnh Phương diện quân Tây-nam đã tổ chức phản kích vào Béc-đi-chép để thủ tiêu nguy cơ thực tế bị hợp vây. Các quân đoàn cơ giới 15, 4 và 16 được điều tới tham gia phản kích. Tập đoàn quân 5 vẫn tiếp tục phản kích từ phía bắc vùng Gi-tô-mia.

Ngay lúc này Phương diện quân Tây-nam đã tiến hành cuộc tập kích mạnh từ khu phòng thủ Cô-rô-xten vào sườn đạo quân xe tăng 1 của địch.

Các trận đánh ở vùng Béc-đi-chép - Gi-tô-mia bắt đầu vào ngày 9-7 tiếp diễn đến ngày 16-7. Bị thiệt hại lớn và sợ ngọn đòn từ phía bắc đánh vào sườn tập đoàn quân chủ yếu của chúng, bộ tư lệnh cụm tập đoàn quân "Nam" của Đức phải tạm ngừng tấn công ở vùng Gi-tô-mia.

Tình hình đó cho phép bộ tư lệnh Phương diện quân Tây-nam cuối cùng đã đưa được chủ lực của các tập đoàn quân 6 và 12 ra khỏi nguy cơ bị hợp vây và củng cố thêm được sự phòng thủ Ki-ép.

Như vậy là, quân địch một lần nữa lại không bao vây được quân của Phương diện quân Tây-nam. Chúng buộc phải luôn luôn tiến hành những trận đánh vô mặt đăm máu. Và như vậy là các quân đoàn xe tăng thiết giáp, mô-tô cơ giới thuộc tập đoàn quân của Clây-xơ không thể đột phá và tới được dải phòng ngự chiến dịch của ta.

Tại Phương diện quân Bắc, địch bắt đầu tấn công ngày 29-6 nhưng các trận đánh của chúng có tính chất địa phương và không có ảnh hưởng gì đặc biệt tới tình hình chiến lược chung.

Lực lượng hải quân ta trong hồi đầu chiến tranh không có những trận xung đột đặc biệt với lực lượng hải quân Đức mà chủ yếu là đánh lại các đợt tấn công của không quân địch. Tuy vậy Hạm đội Ban-tích cũng lâm vào tình thế khó khăn. Tình hình đặc biệt phức tạp đối với căn cứ hải quân chính, nơi tập trung tất cả các tàu chiến chủ lực và lực lượng dự trữ vật chất của Hạm đội Ban-tích. Và các trận chiến đấu của tập đoàn quân 8 thuộc Phương diện quân Tây-bắc không đạt kết quả nên lực lượng bảo vệ trên đất liền của căn cứ hải quân Ta-lin và thành phố Ta-lin trở nên rất yếu.

Toàn bộ lực lượng của Hạm đội Huân chương Cờ Đỏ Ban-tích, các đội vũ trang của công nhân thành phố được tung ra để bảo vệ thủ đô E-xtô-ni-a. Các tuyến phòng ngự được cấp tốc dựng

lên tại các ngã đường đi vào Ta-lin, các vật chướng ngại được xây dựng, các mục tiêu trong thành phố được chuẩn bị để phòng thủ.

Nhiều lần địch cố gắng đánh chiếm thành phố và căn cứ hải quân trong hành tiến, nhưng các cố gắng đó đã bị quân đoàn khinh binh 10 thuộc tập đoàn quân 8, các đơn vị lính thủy đánh bộ, pháo binh trên các tàu của hạm đội và các đội vũ trang của dân quân Ta-lin anh dũng đánh lui. Cuối tháng 7 và gần suốt tháng 8, cuộc chiến đấu để bảo vệ Ta-lin và căn cứ hải quân chủ yếu của Hạm đội vẫn tiếp diễn. Cuối tháng 8, vì quân ta bị kiệt sức và quân địch được tăng cường, Đại bản doanh Bộ Tổng tư lệnh quyết định đưa các tàu của hạm đội từ căn cứ ngoài biển về Crôn-xtát và bến Lê-nin-grát, bỏ Ta-lin lại.

Máy bay chiến đấu của hạm đội đã tham gia tích cực và trực tiếp vào việc bảo vệ bàn đạp Ta-lin, nhiều lần tập kích vào các binh đoàn tấn công của địch. Cũng cần phải đánh giá cho đúng chiến công của các chiến sĩ hải quân Ban-tích: ở trên bộ cũng như trên hạm tàu, họ đã chiến đấu như những người anh hùng chân chính.

Trong thời kỳ này, Hạm đội Bắc phối hợp với Phương diện quân Bắc đã mở các chiến dịch dùng tàu ngầm đánh vào các tàu vận tải địch chở quặng kền từ Pét-xa-mô về. Hạm đội Biển Đen chủ yếu đảm bảo việc chở người và vũ khí đạn dược cho các tập đoàn quân ở ven biển và hoạt động trên các đường giao thông của địch để ngăn cản việc chuyên chở của chúng vào các hải cảng Ru-ma-ni và Bun-ga-ri.

Một đội tàu chiến của Hạm đội Biển Đen cùng với không quân đã đánh vào căn cứ của hạm đội Ru-ma-ni ở Côn-xtan-xơ. Máy bay của Hạm đội Biển Đen đã ném bom có hệ thống xuống các vùng khai thác dầu lửa và các đầu mối đường sắt của Ru-ma-ni.

Tôi chủ tâm không nói cặn kẽ về các hoạt động chiến đấu của hải quân vì nghĩ rằng các đô đốc và các sĩ quan hải quân sẽ làm việc đó đầy đủ và đặc sắc hơn tôi. Song cần phải nói rằng, kết quả phối hợp hành động của các Phương diện quân trên bộ và hải quân có thể có hiệu quả lớn hơn nữa, nếu như trong những năm trước chiến tranh các vấn đề về phòng thủ bờ biển và phòng thủ các căn cứ hải quân được giải quyết một cách chín chắn hơn. Tiếc rằng, bộ tư lệnh hải quân, Ủy viên nhân dân quốc phòng và Bộ tổng tham mưu nắm lấy những vấn đề này quá chậm.

Đã gần 3 tuần lễ kể từ khi phát-xít Đức xé bỏ hiệp ước không tấn công, dùng lực lượng vũ trang xâm nhập vào lãnh thổ nước ta. Chỉ trong thời gian này thôi, quân đội Hít-le đã bị mất gần 10 vạn người, hơn 1.000 máy bay, 1.500 xe tăng (50% tổng số xe tăng mà chúng có trong thời kỳ đầu chiến tranh).

Lực lượng vũ trang Liên Xô, và đặc biệt là Phương diện quân miền Tây cũng bị những thiệt hại lớn, điều đó còn để lại dấu vết rõ rệt trong các sự kiện tiếp diễn về sau. Tương quan lực lượng trên chiến trường Xô - Đức càng biến đổi mạnh về phía có lợi cho quân thù. Địch giành được những thắng lợi quan trọng, đã tiến sâu vào trong nước ta 500 - 600 km, chiếm được những vùng kinh tế quan trọng và những mục tiêu chiến lược.

Tất cả những điều đó quả là rất bất ngờ đối với nhân dân và quân đội ta. Song, trong những ngày tháng nặng nề này, sự nhất trí về tư tưởng - chính trị của những người xô-viết đã xuất hiện với một sức mạnh đặc biệt.

Đảng và nhân dân ta không hề nao núng.

Ngay từ lúc đầu và mỗi ngày một tăng, công tác tổ chức và chính trị to lớn của Đảng được mở rộng toàn diện và đầy đủ nhằm một mục đích: động viên toàn bộ lực lượng nhân dân đứng lên chống quân thù.

Ngay trong ngày 23-6, ta đã thực hiện những kế hoạch động viên đề ra từ trước, trong đó có các kế hoạch sản xuất vũ khí đạn dược. Các Bộ Ủy viên nhân dân nhận được chỉ thị tăng mức sản xuất xe tăng, pháo, máy bay và các loại kỹ thuật chiến tranh khác. Một tuần lễ sau, chính phủ bãi bỏ kế hoạch đang thực hiện của quý ba năm 1941 và phê chuẩn kế hoạch động viên kinh tế quốc dân trong quý đó nhằm tăng mức sản xuất kỹ nghệ chiến tranh lên hơn 1/4.

Song, các việc xảy ra chứng tỏ rằng, như vậy còn là ít. Vì vậy, một ủy ban do N.A. Vô-dơ-nê-xen-xki làm chủ tịch đã nghiên cứu đề ra cho quý ba năm 1941 kế hoạch kinh tế chiến tranh mới, khẩn trương hơn. Dựa vào các nguồn dự trữ kinh tế đã có cơ sở từ trước chiến tranh, chính phủ thông qua kế hoạch khẩn trương phát triển các vùng Pô-vôn-gie, U-ran, Tây Xi-bê-ri, Ca-dắc-xtan và Trung Á trong năm 1942. Các vùng này đã đóng vai trò lớn lao trong việc chuyển toàn

bộ nền kinh tế quốc dân sang kinh tế chiến tranh. Các tỉnh đảng ủy đã làm được nhiều việc lớn để cải tổ và khôi phục kinh tế ở miền đông đất nước. Ví dụ như tỉnh ủy Chê-li-a-bin-xcơ hồi đó do N.X. Pa-tô-li-chép lãnh đạo, đã góp phần đáng kể vào công cuộc quốc phòng. Chúng ta bắt đầu xây dựng lại công nghiệp và vận tải, phân bố lại các nguồn nhân lực và vật lực, động viên nông nghiệp phục vụ chiến tranh. Hàng nghìn nhà máy mới hôm qua còn sản xuất sản phẩm thời bình, nay đã chuyển sang sản xuất vũ khí đạn dược và kỹ thuật chiến tranh. Các nhà máy cơ khí, các nhà máy sản xuất máy công cụ được cấp tốc chuyển sang sản xuất xe tăng và máy bay, các nhà máy luyện kim thực hiện các biện pháp để tổ chức việc sản xuất hàng loạt các tấm thiết giáp, vỏ và đầu trái phá, thép cao cấp. Các xí nghiệp công nghiệp ra-đi-ô và điện bây giờ sản xuất các động cơ và máy phát điện cho xe tăng, máy dò mìn, máy bắt tiếng động, thiết bị ra-đa. Êt-xăng cho máy bay và nhiên liệu cho xe tăng và tàu chiến trở thành sản phẩm chủ yếu của các nhà máy chế biến dầu lửa. Kíp nổ cho các đạn trái phá được đặt lên dây chuyền sản xuất thay vào chỗ các máy móc đồng hồ. Các xe lửa bọc thép bị hỏng được đưa tới các nhà máy sửa chữa của đường sắt.

Quân địch chiếm những vùng kinh tế hết sức quan trọng, làm tê liệt công cuộc động viên ở nhiều quân khu cũ, hàng triệu người Xô-viết, nhiều kho tàng vật chất lớn bị nằm trong hậu phương địch. Trên vùng đất đai bị địch chiếm được trong 3 tuần lễ đầu, có 40% dân số, đó cũng là nơi sản xuất hơn 1/3 tổng sản lượng của cả nước. Mức sản xuất các vật liệu chiến lược, gang, thép, thép dẹt, điện lực, giảm rất nhiều. Nguy cơ đang uy hiếp các trung tâm công nghiệp mới.

Cần phải có những phương sách khác thường để bốc các nhà máy còn nguyên vẹn lên, đưa nó về phía đông, kết hợp nó với các xí nghiệp đang hoạt động ở đó, và dựa vào phần đất nước này để đánh địch, chặn nó lại, đánh gục nó.

Những công việc lớn lao chưa từng thấy trong lịch sử về quy mô và tính chất của nó được tiến hành khẩn trương. Ngày 24-6, Ban chấp hành trung ương Đảng và Hội đồng ủy viên nhân dân Liên Xô ra quyết định thành lập ủy ban di chuyển do N.M. Svéc-ních làm Chủ tịch, A.N. Cô-xư-ghin, M.G. Péc-vu-khin làm Phó chủ tịch. Tại các bộ Ủy viên nhân dân có các phòng và các ban phụ trách công tác di chuyển. Hơn 1.500 xí nghiệp lớn, chủ yếu là các xí nghiệp lớn, các xí nghiệp quốc phòng đã được di chuyển trong thời hạn rất ngắn - từ tháng 6 đến tháng 11 năm 1941 - và nhanh chóng trở lại hoạt động. Trong khi đó, như dòng thác không ngừng cả ngày lẫn đêm, các đoàn tàu xe vẫn chở quân và vũ khí tiến về phía Tây và Tây-nam.

Toàn bộ sự giao lưu vĩ đại đó diễn ra với sự khẩn trương cao độ về sức lực gây ra nhiều sự rối loạn, xung đột, làm thần kinh căng thẳng, nhưng vẫn được tiến hành không phút đình trệ, ngày càng tăng, càng phục tùng chặt chẽ vai trò lãnh đạo và tổ chức của Đảng.

Tôi nghĩ rằng thời kỳ anh hùng đó trong đời sống của nhân dân Liên Xô, của Đảng ta không thể lãng quên được, và cho đến nay, tất cả những việc nói chung mà Đảng và nhân dân ta đã làm về phương diện kinh tế. trong những năm chiến tranh vẫn chưa được khai thác, miêu tả đầy đủ. Mà chính trong những thời kỳ gay gắt đó, dưới ánh sáng của những sự kiện hùng vĩ đó, đã hiện lên một cách rõ nhất những tính ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa, của nền kinh tế quốc dân dựa trên cơ sở sở hữu xã hội.

Bản anh hùng ca lao động của nhân dân trong việc di chuyển và khôi phục các nguồn lực sản xuất trong những năm chiến tranh và công tác tổ chức cực kỳ lớn lao của Đảng trong việc này, về mặt quy mô rộng lớn và ý nghĩa của nó đối với vận mệnh của Tổ quốc ta, cũng ngang với các chiến dịch vĩ đại nhất của Thế chiến thứ hai.

Nếu như tôi không nhớ sai, thì ngay trong những ngày đầu chiến tranh, theo quyết định của Bộ Chính trị Ban chấp hành trung ương Đảng, đã có hơn 50 ủy viên và ủy viên dự khuyết Ban chấp hành trung ương Đảng, hơn 100 bí thư các đảng ủy biên khu, tỉnh ủy và các Ban chấp hành trung ương Đảng các nước Cộng hòa liên bang, các cán bộ nhà nước lỗi lạc và giàu kinh nghiệm đã được cử trực tiếp làm công tác quân sự. Đảng đã lập tức thi hành nhiều biện pháp thực tế để tăng cường sự lãnh đạo tập trung đối với mọi mặt của đời sống đất nước và cuộc chiến đấu của các lực lượng vũ trang. Cơ quan của Ban chấp hành trung ương Đảng được cải tổ, chức năng và nhiệm vụ giữa các ủy viên Trung ương Đảng trong việc lãnh đạo các mặt công tác quân sự, kinh tế và chính trị được quy định rõ.

Đảng ta có kinh nghiệm biến đất nước trở thành một doanh trại quân đội thống nhất. Tôi đã

nói tới điều đó ở đầu cuốn sách. Kinh nghiệm này được áp dụng ngay từ những ngày đầu chiến tranh, có tính toán cả đến những điều kiện mới. Kinh nghiệm này do Lê-nin đề ra đầu tiên, những nguyên tắc Lê-nin chỉ đạo việc tiến hành mọi công việc khi đất nước gặp cơn nguy hiểm sống còn là cơ sở cho toàn bộ sự hoạt động của những người đảng viên cộng sản ở tiền tuyến cũng như ở hậu phương. Nhân dân tin tưởng rằng Đảng sẽ tìm ra con đường thoát khỏi tình hình khó khăn đã xảy ra và sẽ biết cách tổ chức đánh tan quân phát-xít Đức. Chỉ cốt có thời gian.

Ngày 30-6-1941, Hội đồng quốc phòng Nhà nước do Tổng bí thư Ban chấp hành trung ương Đảng, I.V. Xta-lin, đứng đầu được thành lập. Đó là cơ quan có đủ uy tín để lãnh đạo công cuộc phòng thủ đất nước, nó tập trung trong tay toàn bộ quyền lực. Các tổ chức nhân dân, Đảng, Nhà nước đều có trách nhiệm thi hành mọi quyết định và chỉ thị của Hội đồng quốc phòng Nhà nước.

Để kiểm tra sự thi hành các quyết định và chỉ thị đó, Hội đồng quốc phòng Nhà nước có các đại diện của mình tại các biên khu và các tỉnh, tại các Bộ Ủy viên nhân dân công nghiệp, quốc phòng, tại các xí nghiệp và công trình chủ yếu nhất.

Những vấn đề quan trọng nhất của thời đó được thảo luận và quyết định trong các phiên họp của Hội đồng quốc phòng Nhà nước được triệu tập vào bất kỳ lúc nào trong ngày đêm, thường là ở Crem-lanh hoặc ở nhà riêng của I.V. Xta-lin. Ý đồ của những chiến dịch lớn nhất được Hội đồng quốc phòng Nhà nước cùng với Ban chấp hành trung ương Đảng, các Ủy viên nhân dân mà quyền hạn được mở rộng nhiều, xem xét. Điều đó cho phép, khi có điều kiện, đảm bảo tập trung được các lực lượng vật chất to lớn vào các hướng quan trọng nhất, cho phép thực hiện một đường lối thống nhất trong lĩnh vực lãnh đạo chiến lược và dựa chắc chắn vào một hậu phương có tổ chức, nó là điều kiện thuận lợi để gắn liền sự hoạt động chiến đấu của quân đội với sức cố gắng của cả nước.

Rất nhiều lần trong các phiên họp của Hội đồng quốc phòng Nhà nước đã nổ ra những cuộc tranh luận gay go trong đó những ý kiến được nêu ra một cách khẳng định và gay gắt, và I.V. Xta-lin thường thường đi đi lại lại gần bàn, chăm chú nghe các đồng chí khác tranh luận. I.V. Xta-lin ít lời và không ưa người khác nhiều lời, thường ngăn những người nói bằng những tiếng “ngắn hơn”, “rõ hơn”. I.V. Xta-lin khi khai mạc các phiên họp, không có những lời nói mở đầu, I.V. Xta-lin nói khoan thai, tự nhiên, chỉ đi vào thực chất của vấn đề, nói gọn, diễn đạt rõ ràng các ý nghĩ.

Nếu trong phiên họp của Hội đồng quốc phòng Nhà nước mà không đi tới ý kiến thống nhất, thì lập tức thành lập tiểu ban gồm đại diện các phía đối lập nhau và tiểu ban này có nhiệm vụ nêu ra những ý kiến đã nhất trí. Đây là vào những trường hợp khi I.V. Xta-lin chưa có ý kiến dứt khoát. Còn nếu I.V. Xta-lin tới họp đã có ý định sẵn thì hoặc các cuộc tranh luận không nổ ra hoặc các cuộc tranh luận nhanh chóng chấm dứt khi I.V. Xta-lin ngả về một trong các phía. Trong toàn bộ thời gian chiến tranh, Hội đồng quốc phòng Nhà nước đã thông qua gần một vạn quyết định và chỉ thị có tính chất quân sự và kinh tế. Thực hiện nghiêm chỉnh và tích cực các chỉ thị và nghị quyết đó chính là đảm bảo chấp hành đường lối thống nhất lãnh đạo đất nước của Đảng trong thời kỳ khó khăn gian khổ này.

I.V. Xta-lin là một người cương nghị và, như phương ngôn nói, không phải là người non gan. Chỉ có một lần tôi thấy I.V. Xta-lin hơi bàng hoàng, đó là vào buổi sớm ngày 22-6-1941: lòng tin tưởng của I.V. Xta-lin vào khả năng tránh được chiến tranh bị sụp đổ.

Sau ngày 22-6-1941, trong suốt cả cuộc chiến tranh, I.V. Xta-lin cùng với Ban chấp hành trung ương Đảng và Chính phủ Liên Xô đã vùng vằng lãnh đạo đất nước, lãnh đạo cuộc đấu tranh vũ trang và sự thực hiện nhiệm vụ quốc tế của chúng ta.

Những thất bại và những thiệt hại nặng nề xảy ra trong thời gian đầu chiến tranh làm cho cuộc chiến đấu diễn biến phức tạp thêm. Quân đội vừa chiến đấu vừa rút về phía sâu trong đất nước. Hội đồng quốc phòng Nhà nước, Ban chấp hành trung ương Đảng và các tổ chức Đảng tại các địa phương đã dùng mọi biện pháp cần thiết để giải thích cho nhân dân rõ tình thế bất buộc phải tạm thời rút lui.

Mặc dù tình hình rất phức tạp, các tổ chức Đảng và các cơ quan Nhà nước U-crai-na, Bê-lô-ru-xi và các nước Cộng hòa miền Pri-ban-tích đã triển khai có kết quả công tác động viên nhân dân tích cực đấu tranh với quân thù. Để thực hiện mục đích này, tại các vùng tạm thời phải bỏ

lại, đã thành lập nhiều tổ chức bí mật của Đảng và Đoàn thanh niên cộng sản, đã đào tạo đội ngũ cán bộ cốt cán của các đội du kích trong đó có các chiến sĩ Hồng quân, cán bộ chỉ huy và cán bộ chính trị của các đơn vị đã thoát khỏi vòng vây. Đặt chân lên đất nước ta, quân địch không những mau chóng thấy rõ lòng căm thù của người Xô-viết đối với bọn phát-xít Đức xâm lược mà ngay lập tức còn bị những người đã rút vào hoạt động bí mật đánh đau. Trong những ngày đó, Bộ tư lệnh Liên Xô không có cách nào khác, ngoài việc phải chuyển sang phòng ngự về chiến lược. Lúc đó chưa có lực lượng cũng như phương tiện để tiến hành các chiến dịch tấn công, đặc biệt là những chiến dịch lớn. Cần phải thành lập các lực lượng dự bị chiến lược lớn, vũ trang đầy đủ cho số quân đó, để có sức mạnh lớn hơn địch để giành lại từ tay địch thế chủ động; sau đó chuyển sang tấn công, mở đầu việc đuổi các lực lượng địch ra khỏi Liên Xô.

Tất cả những điều đó đã được thực hiện, nhưng mãi về sau này.

Quân ta chuyển sang phòng ngự chiến lược trong quá trình rút lui bị động. Chúng ta phải hành động trong tình thế không đủ lực lượng để bố trí đội hình chiến dịch - chiến thuật, thiếu lực lượng và phương tiện để tổ chức phòng ngự có chiều sâu và đặc biệt là không xây dựng được xương sống của nó - việc phòng ngự chống xe tăng.

Không thể không nói tới sự yếu ớt của các phương tiện cao xạ phòng không của chúng ta và tình trạng không đủ tới mức cần thiết không quân để bảo vệ bầu trời. Trong thời kỳ đầu chiến tranh, quân địch đã làm chủ trên không, điều đó ảnh hưởng nhiều đến sức vững vàng của quân ta

Tuy vậy, mặc dù có nhiều thiếu sót và đôi khi tinh thần chống cự của chính các đơn vị cũng không đều nhau, công cuộc phòng ngự chiến lược về cơ bản vẫn được tổ chức xong.

Như chúng ta biết, trong các giai đoạn thứ hai và thứ ba của cuộc chiến tranh, khi bọn Hít-le thấm đau vì những thất bại trên khắp chiến trường Liên Xô, chúng đã không thể xây dựng nổi việc phòng ngự như thế

Mục đích chủ yếu nhất của phòng ngự chiến lược của ta lúc đó là:

- Kìm thật lâu quân phát-xít lại trên các tuyến phòng ngự để tranh thủ thời gian nhiều nhất đưa các lực lượng từ phía sau tới và thành lập các lực lượng dự bị mới, điều động và triển khai các lực lượng đó trên các hướng quan trọng nhất.

- Gây cho địch những thiệt hại lớn nhất, làm cho chúng mỗi mệt và hao hụt và do đó phần nào làm cân bằng so sánh lực lượng.

- Đảm bảo thực hiện các biện pháp của Đảng và Chính phủ trong việc di nhân dân và các mục tiêu công nghiệp vào sâu trong nước, tranh thủ thời gian để chuyển công nghiệp sang phục vụ nhu cầu chiến tranh.

- Tích lũy tối đa các lực lượng và chuyển sang phản công để đập tan toàn bộ kế hoạch chiến tranh của bọn Hít-le.

Trong phòng ngự chiến lược, quân ta không những chống lại quân địch ở trên bộ, trên không và trên biển, mà quan trọng hơn cả là mở hàng loạt cuộc phản kích, ráo riết đánh vào quân thù. Ở bất cứ nơi nào có thể được, quân đội và du kích ta đã chiến đấu dũng cảm, gây thiệt hại hết sức to lớn cho bọn phát-xít xâm lược.

Vào ngày thứ năm của cuộc chiến tranh, theo quyết định của Ban chấp hành trung ương Đảng, bắt đầu có cuộc động viên các đảng viên và đoàn viên thanh niên cộng sản ra tiền tuyến, trong đó có những người làm chiến sĩ chính trị. Họ sẽ trở thành chỗ dựa cho các tổ chức Đảng trong quân đội.

Sát trước chiến tranh, trong Hồng quân và Hải quân có hơn 65 vạn đảng viên và 1/3 ba tổng số quân là các đoàn viên thanh niên cộng sản. Chỉ riêng trong 6 tháng đầu chiến tranh đã có hơn 110 vạn đảng viên cộng sản ra tiền tuyến.

Trong sách báo nước ngoài cho đến nay vẫn thường định nghĩa các đảng viên cộng sản, các cán bộ Đảng như là một hạng "người đặc biệt" tầng lớp có đặc quyền ở xã hội ta. Với tư cách là một quân nhân, tôi mong cho bất kỳ nước nào cũng có được "lớp người đặc biệt" đó, lớp người mà đại biểu của nó đã có thể hy sinh anh dũng và không chút do dự vì Tổ quốc mình.

Tôi đã nhiều lần chuyện trò với các chiến sĩ chính trị đang trên đường đi tới các đơn vị quân đội. Những con người này có lòng tin tưởng đặc biệt sắt đá vào thắng lợi của chúng ta. "Chúng tôi sẽ đứng vững?" - họ thường nói như vậy. Và tôi cảm thấy đó không chỉ là lời nói, đó là hình

tượng của suy nghĩ, đó là chủ nghĩa yêu nước xô-viết chân chính. Bằng tinh thần lạc quan cao độ của mình các chiến sĩ chính trị đã mang lại tin tưởng cho những người bắt đầu mất tinh thần.

Ngày 3-7, trong bài diễn văn trên đài phát thanh, I.V. Xta-lin thay mặt Ban chấp hành trung ương Đảng, giải thích về tình hình đã diễn ra trên các mặt trận và kêu gọi nhân dân Liên Xô khẩn trương tổ chức lại đời sống và nền kinh tế của đất nước cho phù hợp với yêu cầu của một cuộc chiến tranh chống một kẻ thù mạnh, xảo quyệt và độc ác. I.V. Xta-lin kêu gọi Đảng và nhân dân đứng lên tham gia vào cuộc chiến đấu thiêng liêng chống quân thù, chấm dứt thái độ vô tư và nâng cao tinh thần cảnh giác.

Bài diễn văn đáng ghi nhớ này của I.V. Xta-lin dựa vào chỉ thị của Ban chấp hành trung ương Đảng và Hội đồng Ủy viên nhân dân Liên Xô gửi ngày 29-6-1941, cho tất cả các tổ chức Đảng và Nhà nước tại các tỉnh sát tiền tuyến. Lời kêu gọi này đề ra những nhiệm vụ cơ bản của nhân dân và các lực lượng vũ trang Liên Xô trong cuộc chiến tranh giữ nước vĩ đại.

Hướng về nhân dân, diễn văn của I.V. Xta-lin, chỉ thị của Đảng và Chính phủ đã vang lên như hồi chuông báo động mạnh mẽ, trong đó vang lên âm thanh lời hiệu triệu nổi tiếng của Lê-nin: "Tổ quốc xã hội chủ nghĩa lâm nguy?". Mọi người cảm thấy rằng, tiếng phẫn nộ và giục giã của hồi chuông đó chỉ sẽ ngừng vang khi nào tên phát-xít xâm lược cuối cùng phải rút khỏi đất đai của Tổ quốc ta.

Trong đời sống của bất kỳ nước nào, ở những thời kỳ khó khăn, khủng hoảng, khi bị kẻ thù bên trong hoặc quân thù bên ngoài tấn công, đều cần có một lời hiệu triệu, một khẩu hiệu nêu rõ và đầy đủ những cố gắng cần có của toàn thể nhân dân, có khả năng đoàn kết tất cả mọi người lại. Nhân dân ta đã tin cậy giao phó vận mệnh của mình cho Đảng, Đảng cần nêu rõ mục tiêu và chỉ rõ kẻ thù, phát động được tất cả các tầng lớp, các giai cấp đứng lên chiến đấu. Đảng ta đã hoàn toàn nắm được nghệ thuật đó, nghệ thuật mà chỉ có người lãnh đạo chân chính của nhân dân mới có.

Lúc này bằng khẩu hiệu "Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để chiến thắng?", Đảng đã hướng từng người Xô-viết nhìn thẳng vào mối nguy cơ. Những người có các quan điểm và thói quen khác nhau, các quân nhân và cán bộ dân sự, đàn ông và đàn bà, không phân biệt tuổi tác và thành phần đã đoàn kết lại xung quanh khẩu hiệu đó.

Vì mục đích yêu nước cao cả - bảo vệ Tổ quốc mình - nhân dân Nga, tất cả các dân tộc trên đất nước ta, đã đứng thẳng lên, với tinh thần kiên cường thống nhất của mình, họ đã làm tăng sức mạnh vật chất và sức mạnh của vũ khí lên gấp bội.

Tháng 7, để tăng cường công tác Đảng, công tác chính trị và củng cố ảnh hưởng của Đảng trong các lực lượng vũ trang, theo quyết định của Ban chấp hành trung ương Đảng, đã tiến hành việc cải tổ các cơ quan tuyên truyền chính trị trong quân đội và áp dụng chế độ chính ủy.

Ngay từ những ngày đầu chiến tranh sự hoạt động của tất cả các tổ chức quần chúng đều phục tùng lợi ích của tiền tuyến. Theo ý kiến của Ban chấp hành trung ương Đảng, Hội đồng trung ương các công đoàn Liên Xô, Ban chấp hành trung ương Đoàn thanh niên cộng sản Lê-nin đã đề ra nhiều biện pháp thiết thực để phục vụ tiền tuyến về mọi mặt, để củng cố kỷ luật lao động và nâng cao năng suất lao động ở hậu phương, tăng cường việc chăm sóc thương binh và các gia đình quân nhân, để chuẩn bị các lực lượng dự trữ cho chiến đấu, tổ chức nhân dân lao động tích cực tham gia vào công cuộc phòng không ở địa phương.

Tại tiền tuyến và ở hậu phương, các thanh niên gái, trai của chúng ta đã nêu cao gương chủ nghĩa yêu nước Xô-viết và luôn luôn sẵn sàng xả thân vì Tổ quốc.

Tôi có nói chuyện với một số đoàn viên thanh niên cộng sản trước khi họ được đưa vào hậu địch làm nhiệm vụ trinh sát và phá hoại. Tiếc rằng tôi không ghi lại họ tên của những anh chị em đó, nhưng những lần gặp gỡ họ vẫn còn lại trong trí nhớ tôi.

Tôi muốn kể lại một cuộc gặp gỡ.

Trong những ngày đầu tháng 7, khi Min-xơ đã bị địch chiếm và quân địch đang lao về phía sông Bê-rê-di-na, một tổ trinh sát phá hoại có nhiệm vụ nhảy dù xuống hậu địch ở vùng Min-xơ. Tổ có hai thanh niên gái và hai thanh niên trai, đều là đoàn viên thanh niên cộng sản, thạo tiếng Đức. Nếu như tôi không nhầm thì hai em gái trước có học ở trường đại học tiếng nước ngoài. Trong khi nói chuyện, tôi được biết họ là người Mát-xcơ-va. Tôi hỏi, bay vào hậu địch có sợ không, họ nhìn nhau và mỉm cười trả lời:

- Tất nhiên là hơi sờ sớ. Nếu chúng bắt được vào lúc đang xuống đất thì sẽ hỏng việc. Còn nếu không bắt được vào lúc ấy thì mọi việc sẽ đầu vào đó

Các thanh niên gái, trai này còn rất trẻ và đẹp nết. Tổ quốc kêu gọi họ, và họ đã đi vào làm những việc khó khăn nguy hiểm. Tôi không biết tình hình của họ sau đó ra sao. Nếu như người nào trong tổ này còn sống, có thể, người đó còn nhớ cuộc gặp gỡ này ở Mát-xcơ-va, tại Bộ Tổng tham mưu, ở phố Phơ-run-dê, vào những ngày tháng 7 năm 1941...

Những thiệt hại đáng kể về quân số và phương tiện vật chất buộc phải tiến hành nhiều biện pháp tổ chức để kiên toàn bộ chỉ huy quân đội và củng cố sức chiến đấu của các bộ đội và binh đoàn. Hệ thống quân đoàn tạm thời giải tán, số cán bộ và phương tiện liên lạc dôi ra được dùng vào việc củng cố các tập đoàn quân và các sư đoàn. Trong tập đoàn quân trước đây có từ 9 - 12 sư đoàn, nay có 6 sư đoàn. Đơn vị chiến thuật cao nhất trước là quân đoàn nay là sư đoàn. Số máy bay ở các trung đoàn và sư đoàn không quân giảm bớt một nửa. Việc thành lập lực lượng dự bị của Bộ Tổng tư lệnh được tiến hành khẩn trương.

Hội đồng quốc phòng Nhà nước và Ban chấp hành trung ương Đảng đòi hỏi các cơ quan chỉ huy và cơ quan chính trị phải dùng mọi biện pháp để củng cố kỷ luật trong quân đội. Để thực hiện nhiệm vụ này, Tổng cục chính trị và Ủy viên nhân dân quốc phòng đã ra nhiều chỉ thị.

Tháng 7, tình hình ở tất cả các hướng lại trở nên phức tạp hơn nữa. Tuy một số lớn các đơn vị từ các quân khu phía trong tới đã bước vào chiến đấu, chúng ta vẫn chưa xây dựng được thế trận phòng ngự chiến lược vững chắc. Quân địch, trên các hướng quyết định, mặc dù bị thiệt hại lớn, vẫn có ưu thế gấp ba, bốn lần, chưa kể xe tăng.

Việc vận chuyển quân đội ta bằng đường sắt, vì nhiều nguyên nhân, không được thực hiện liên tục. Các đạo quân tới nơi thường được sử dụng ngay khi chưa tập trung đầy đủ, do đó ảnh hưởng không tốt tới tình hình chính trị tư tưởng và sức chiến đấu bền bỉ của các đơn vị.

Chỗ yếu của ta trong phòng ngự về mặt chiến dịch - chiến thuật chủ yếu là ở chỗ, do thiếu lực lượng và phương tiện nên không lập được nhiều tuyến theo chiều sâu. Phòng ngự của các bộ đội và binh đoàn, về thực chất mang tính chất tuyến kéo dài. Vì thiếu sức kéo nhanh và sức kéo trên bất kỳ đường nào nên quân ta không thể cơ động rộng rãi pháo binh để khi cần thiết, yểm hộ các đơn vị đẩy lùi các cuộc tấn công bằng xe tăng của địch. Các phương diện quân và các tập đoàn quân còn lại rất ít đơn vị xe tăng. Trận đánh ác liệt giành Xmô-len-xcơ đã diễn ra trong những điều kiện đó.

Phòng giữ hướng Xmô-len-xcơ từ phía tây-bắc có tập đoàn quân 22 do trung tướng Ph.A. éc-sa-cốp chỉ huy, lùi về phía sau, bên sườn trái của nó là tập đoàn quân 19 do trung tướng I.X. cô-nép chỉ huy, tại trận địa từ Vi-tép-xcơ đến Oóc-sa có tập đoàn quân 20 do trung tướng P.A. Cu-rốt-kin chỉ huy, quá phía nam theo bờ trái sông Đơ-nép đến Rô-ga-chép có tập đoàn quân 13 do trung tướng Ph.N. Rê-mê-dốp chỉ huy. Ở vùng Xmô-len-xcơ, tập đoàn quân 16 do tướng M.Ph. Lu-kin chỉ huy - được tập trung thành lực lượng dự bị của phương diện quân. Tại cánh phía nam Phương diện quân miền Tây có tập đoàn quân 21 do trung tướng V.Ph. Ghê-ra-xi-men-cô, và sau đó do thượng tướng Ph.I. Cu-dơ-nét-xốp chỉ huy, hoạt động.

Ý đồ của địch là dùng các đoàn xung kích rất mạnh để cắt Phương diện miền Tây của ta ra, bao vây các lực lượng cơ bản của ta ở vùng Xmô-len-xcơ và mở đường tiến đánh Mát-xcơ-va.

Bên những bức tường của thành phố Nga cổ kính, trước kia đã từng làm chướng ngại ghê gớm trên đường quân đội Na-pô-lê-ông tiến vào Mát-xcơ-va, nay lại nổ ra trận đánh ác liệt. Trận đánh này kéo dài 2 tháng.

Mở đầu cuộc tấn công vào Phương diện quân miền Tây, địch đã dùng đạo quân xe tăng 2 và 3 thuộc cụm tập đoàn quân "Trung tâm" làm thê đội 1. Đạo quân xe tăng 2 từ vùng Sơ-clốp dùng lực lượng đột kích chủ yếu đánh vu hồi Xmô-len-xcơ ở phía tây-nam, còn quân đoàn cơ giới 24 của nó - từ vùng Bu-khốp đánh vào Cri-chép và En-nha. Đạo quân xe tăng 3 phối hợp với các quân đoàn 5 và 6 đánh vu hồi Xmô-len-xcơ ở phía tây-bắc. Quân địch có lực lượng mạnh hơn ta nhiều.

Ngay từ đầu cuộc tấn công, địch đã đột phá sâu vào các vùng Pô-lốt-xcơ, Vi-tép-xcơ phía bắc và phía nam Mô-ghi-lép. Cánh phải Phương diện quân miền Tây buộc phải lui về Nê-ven. Các đạo quân xe tăng của Gu-đê-ri-an liên lao về phía Mô-ghi-lép.

Địch dùng bốn sư đoàn bộ binh, một sư đoàn xe tăng, trung đoàn "Đại Đức" và các đơn vị khác của chúng tấn công vào Mô-ghi-lép.

Các binh đoàn của tập đoàn quân 13 của ta, ngoan cường bảo vệ thành phố, đã bị bao vây. Quân đoàn 61 của tướng Ph.A. Ba-cu-nin phòng ngự ở vòng ngoài thành phố. Sư đoàn khinh binh 172 do thiếu tướng M.T. Rô-ma-nốp chỉ huy, đã chiến đấu đặc biệt xuất sắc trong các trận đánh bảo vệ Mô-ghi-lép. Gần 45.000 người dân Mô-ghi-lép đã tham gia xây dựng các công sự phòng ngự. Trong 23 ngày, các chiến sĩ dũng cảm bảo vệ thành phố đánh lui nhiều cuộc tấn công của giặc. Phối hợp với các sư đoàn sườn phải của tập đoàn quân 21 thường xuyên mở các cuộc phản kích từ phía nam lên hướng Mô-ghi-lép, họ đã giam chân một phần lực lượng các quân đoàn mô-tô cơ giới 46, 24 thuộc đạo quân xe tăng 2 của địch và đã gây cho chúng những thiệt hại đáng kể. Trong các trận đánh ở gần Mô-ghi-lép, Hít-le đã mất 3 vạn lính và sĩ quan. Trong khi quân địch tấn công từ Đơ-nép về phía đông, các đơn vị của tập đoàn quân 21 (tư lệnh là tướng Ph.I. Cu-dơ-nét-xốp) đã vượt sông này ngày 13-7, giải phóng được Rô-ga-chép và Giơ-lô-bin và vừa đánh vừa tiến theo hướng tây-bắc về Bô-brui-xơ.

Quân đoàn khinh binh 63, do L.G. Pê-tơ-rốp-xki chỉ huy, là đơn vị phụ trách mũi đột kích chủ yếu. Mấy ngày sau, L.G. Pê-tơ-rốp-xki đã anh dũng hy sinh. Tôi biết rõ L.G. Pê-tơ-rốp-xki, một trong số các tướng lĩnh có tài và có kiến thức, nếu như đồng chí không bị hy sinh sớm, thì tôi tin rằng, đồng chí sẽ trở thành người cán bộ chỉ huy cao hơn. Bằng cuộc phản kích này, tập đoàn quân 21 đã giam chân 8 sư đoàn Đức. Lúc đó việc ấy có ý nghĩa rất lớn.

Cuộc chiến đấu phòng ngự ngoan cường của tập đoàn quân 13 ở vùng Mô-ghi-lép, những đợt tấn công của tập đoàn quân 21 ở gần Bô-brui-xơ đã kìm chân rõ rệt bước tiến của địch ở hướng Rô-xláp. Bộ chỉ huy cụm tập đoàn quân "Trung tâm" Đức buộc phải đưa một số sư đoàn từ các trận địa khác đến vùng hoạt động của tập đoàn quân 21.

Tại khu vực giữa mặt trận, các trận đánh ác liệt với quân chủ lực địch đã đột phá về phía Xmô-len-xơ vẫn tiếp diễn. Các đơn vị của tập đoàn quân 20 vừa liên tục tiến công địch, vừa phòng ngự trên chính diện rộng, nhưng vẫn không thể chặn được cuộc tấn công của tập đoàn quân 9 của địch. Các binh đoàn xe tăng địch đã vòng qua tập đoàn quân của ta và lọt vào Xmô-len-xơ. Hội đồng quốc phòng Nhà nước và đặc biệt là I.V. Xta-lin rất đau lòng khi nhận được tất cả những tin đó. I.V. Xta-lin không kìm được mình, đã nổi giận. Các cán bộ lãnh đạo quân sự chúng tôi đã chịu đựng toàn bộ sự nặng nề của cơn tức giận đó của Xta-lin. Song các trận đánh ở vùng Xmô-len-xơ không những không giảm đi mà ngược lại càng thêm ác liệt. Đại bản doanh cấp tốc thành lập mặt trận phòng ngự mới, bố trí nó ở hậu phương Phương diện quân miền Tây.

Ngày 14-7, ngay trong khi các trận đánh còn đang diễn ra trên các ngã đường vào Xmô-len-xơ, đã có quyết định thành lập phương diện quân mới của các đơn vị dự bị gồm các tập đoàn quân 29, 30, 24, 28, 31 và do trung tướng I.A. Bốc-đa-nốp chỉ huy, phần lớn các đơn vị của phương diện quân này về sau đã sát nhập vào Phương diện quân miền Tây. Các tập đoàn quân này được bố trí rải ra trên tuyến Xta-rai-a Ru-xa - Ô-xta-scốp - Be-lui - En-nha - Bri-an-xơ. Để bảo vệ các ngã đường phía xa vào Mát-xơ-va, lại có quyết định thành lập mặt trận mới trên tuyến phòng ngự Mô-gia-ích và dự định bố trí ở đó các tập đoàn quân 32, 33, 34, mới được thành lập. Để khắc phục tình hình cực kỳ nguy hiểm đã xảy ra, Đại bản doanh quyết định giao cho tư lệnh Phương diện quân miền Tây, nguyên soái X.K. Ti-mô-sen-cô 20 sư đoàn khinh binh lấy từ các tập đoàn quân của Phương diện quân Dự bị. Các sư đoàn này nhập vào các tập đoàn quân do thiếu tướng K.K. Rô-cô-xốp-xki, thiếu tướng V.A. Khô-men-cô, trung tướng X.A. Ca-li-nin, trung tướng V.Ya. Ca-cha-lốp, trung tướng I.I. Ma-xlen-ni-cốp chỉ huy.

Theo chỉ thị của Đại bản doanh, nguyên soái X.K. Ti-mô-sen-cô đã giao cho các tập đoàn quân này nhiệm vụ: mở các cuộc phản kích từ các vùng Be-lui - Yác-xê-vô - Rô-xláp theo hướng chung về Xmô-len-xơ, tiêu diệt số quân địch đã đột nhập và bắt liên lạc với lực lượng cơ bản của phương diện quân đang chiến đấu ngoan cường trong vòng vây ở vùng Xmô-len-xơ.

Trong nửa thứ hai của tháng 7, các trận đánh ở vùng Xmô-len-xơ và phía đông Xmô-len-xơ diễn ra ngày càng thêm ác liệt. Trên khắp mặt trận, quân địch đã gặp sự đánh trả tích cực của các đơn vị Hồng quân.

Ngày 23-7, một bộ phận thuộc tập đoàn quân 28 bắt đầu tấn công từ vùng Rô-xláp, còn ngày 24 và 25 thì các đơn vị của tập đoàn quân 30 và 24 tấn công từ vùng Bê-lui - Yác-xê-vô. Các đơn vị của tập đoàn quân 16 và 20 cũng vòng qua phía bắc và phía nam Xmô-len-xơ tiến ra. Quân địch lập tức đưa quân tăng viện đến vùng Xmô-len-xơ với ý định đánh tan các đơn vị của tập đoàn quân 16 và 20 thuộc Phương diện quân miền Tây đang bị bao vây ở đây. Trận đánh vì vậy

mang tính chất vô cùng ác liệt.

Được sự viện trợ của tập đoàn quân K.K. Rô-cô-xốp-xki có bộ đội xe tăng đi cùng, phần lớn các đơn vị của tập đoàn quân 16 và 20 đã chọc thủng vòng vây ở phía nam Yác-xê-vô, tiến ra bờ phía đông sông Đơ-nép, ở đây họ gặp chủ lực của phương diện quân và chuyển sang phòng ngự.

Quân địch tung một đạo quân gồm 9 sư đoàn ra chống lại tập đoàn quân của V.Ya. Ca-cha-lốp gồm 3 sư đoàn đang tiến từ vùng Rô-xláp về Xmô-len-xcơ. Trong đạo quân địch có một quân đoàn mô-tô hóa. Địch đã chiếm Rô-xláp trong hành tiến và bao vây đạo quân của V.Ya. Ca-cha-lốp.

Lực lượng ở đây quá chênh lệch. Đạo quân của V.Ya. Ca-cha-lốp lâm vào tình thế hết sức khó khăn. Một số ít rút ra được và nhập vào các đơn vị bạn. Trong các trận đánh này, tư lệnh tập đoàn quân, tướng V.Ya. Ca-cha-lốp đã anh dũng hy sinh.

Quân đoàn mô-tô hóa 46 của địch chiếm En-nha và định đánh vào Đô-rô-bô-gu-giơ, nhưng bị tập đoàn quân 24 của Phương diện quân Dự bị chặn lại.

Để bảo vệ hướng Gô-men, Đại bản doanh thành lập Phương diện quân Trung ương gồm các tập đoàn quân 4, 13 và 21 của Phương diện quân miền Tây đang chiến đấu tại tuyến Xe-sa - Prô-pôi-xcơ và quá phía nam theo sông Đơ-nép.

Chiến trận Xmô-len-xcơ giữ vai trò quan trọng trong giai đoạn đầu của cuộc chiến tranh vĩ đại bảo vệ Tổ quốc. Mặc dù không đánh tan được quân địch như kế hoạch của Đại bản doanh đề ra, nhưng chúng ta đã đánh tiêu hao nặng các đạo quân xung kích của chúng.

Theo sự thừa nhận của tướng tá Đức, trong chiến trận Xmô-len-xcơ, bọn Hít-le đã mất 25 vạn lính và sĩ quan. Ngày 30-7, bộ chỉ huy Đức ra lệnh cho cụm tập đoàn quân "Trung tâm" chuyển sang phòng thủ. Còn bộ đội Xô-viết thì đã trụ vững được trên tuyến Vê-li ki-e Lu-ki - Yác-xê-vô - Cri-chép - Giơ-lô-bin.

Trong quá trình diễn biến của chiến trận Xmô-len-xcơ, Hồng quân, nhân dân thành phố và nhân dân các vùng xung quanh đã biểu lộ một tinh thần rất kiên cường. Họ đã chiến đấu quyết liệt để giành từng lô-cốt, từng đường phố, từng khu dân cư. Kìm được sự tấn công của địch ở hướng chủ yếu này là một thắng lợi có ý nghĩa chiến lược to lớn. Nhờ kết quả đó, chúng ta tranh thủ được thời gian chuẩn bị lực lượng dự bị và tiến hành các biện pháp phòng thủ ở hướng Mát-xcơ-va. Đơn vị cận vệ Xô-viết xuất hiện đầu tiên trong chiến trận Xmô-len-xcơ. Tại đây, ngày 14-7-1941 trong trận đánh gần Oóc-sa, đội pháo của đại úy I.A. Phơ-lê-rốp lần đầu tiên đã sử dụng các dàn pháo cối phản lực "Ca-chiu-sa" nổi tiếng.

Cần phải đánh giá đúng nguyên soái X.K. Ti-mô-sen-cô. Trong những tháng khó khăn đầu tiên của chiến tranh, nguyên soái đã làm được nhiều việc, vững vàng lãnh đạo quân đội, động viên tất cả các lực lượng nhằm đánh lui cuộc tiến công của quân địch và tổ chức công cuộc phòng ngự.

Giới lãnh đạo quân sự - chính trị, cơ quan chỉ huy của bọn Hít-le và bản thân quân đội của chúng đã thấy rõ tinh thần dũng mãnh và chủ nghĩa anh hùng tập thể của các chiến sĩ Xô-viết. Bây giờ chúng đã biết rằng chiến tranh càng vào sâu trong nước ta, thì càng trở nên khó đối với chúng.

Cuối tháng 7, A.N. Pô-xcơ-rê-bư-sép gọi đây nói cho tôi và hỏi:

- Đồng chí Ti-mô-sen-cô hiện ở đâu?

- Nguyên soái Ti-mô-sen-cô ở Bộ Tổng tham mưu, chúng tôi đang thảo luận về tình hình ở mặt trận.

- Đồng chí Xta-lin mời đồng chí và đồng chí Ti-mô-sen-cô tới ngay nhà riêng gặp đồng chí đó - A.N. Pô-xcơ-rê-bư-sép nói.

Chúng tôi nghĩ là I.V. Xta-lin muốn bàn với chúng tôi về những hoạt động sắp tới. Nhưng hóa ra lệnh gọi có mục đích khác. Khi chúng tôi bước vào phòng đã thấy hầu hết các ủy viên Bộ chính trị đang ngồi bên bàn. I.V. Xta-lin mặc chiếc áo cũ, đứng ở giữa phòng và tay cầm tẩu thuốc đã tắt - một biểu hiện chắc chắn khi không vui.

- Có việc này - I.V. Xta-lin nói, - Bộ chính trị đã thảo luận về công tác của đồng chí Ti-mô-sen-cô trên cương vị tư lệnh Phương diện quân miền Tây và đã quyết định để đồng chí ấy thôi nhiệm vụ đó. Có ý kiến đề nghị cử đồng chí Giu-cốp đảm đương nhiệm vụ này. Các đồng chí thấy thế nào? - I.V. Xta-lin quay lại phía tôi và X.K. Ti-mô-sen-cô, hỏi.

X.K. Ti-mô-sen-cô im lặng.

- Đồng chí Xta-lin, - tôi nói, - việc thay đổi luôn các tư lệnh phương diện quân ảnh hưởng không tốt tới diễn biến các trận đánh. Các tư lệnh chưa kịp nắm tình hình công việc đã phải mở các trận đánh lớn. Nguyên soái Ti-mô-sen-cô chỉ huy phương diện quân chưa đến 4 tuần lễ. Trong quá trình diễn biến chiến trận Xmô-len-xcơ, nguyên soái đã biết rõ quân đội, thấy được khả năng của họ như thế nào. Nguyên soái đã làm tất cả những gì có thể làm được trên cương vị của mình, và gần suốt một tháng đã kìm quân địch lại ở vùng Xmô-len-xcơ. Tôi nghĩ rằng không ai có thể làm được gì nhiều hơn nữa. Quân đội tin tưởng ở đồng chí Ti-mô-sen-cô và điều đó là chủ yếu. Theo tôi hiện nay để đồng chí Ti-mô-sen-cô thôi giữ chức tư lệnh phương diện quân là điều không đúng và không lợi.

M.I. Ca-li-nin chăm chú nghe xong, nói:

- Có lẽ đúng đấy?

I.V. Xta-lin chậm rãi rút tẩu thuốc, nhìn các ủy viên khác trong Bộ chính trị và nói:

- Hay là, chúng ta đồng ý với đồng chí Giu-cốp?

- Đồng chí Xta-lin, đồng chí nói đúng, - nhiều người nói. - Đồng chí Ti-mô-sen-cô có thể còn làm cho tình hình trở lại tốt được.

Chúng tôi ra về. X.K. Ti-mô-sen-cô nhận lệnh phải ra ngay mặt trận.

Rõ ràng là Xê-mi-on Kôn-xtan-ti-nô-vích Ti-mô-sen-cô rất bức mình về những nhận xét đã nêu ra. Nhưng trong chiến tranh, mọi việc đều có thể xảy ra, không phải lúc nào cũng có thể tính đến những tâm tư riêng của mỗi người trong khi giải quyết những vấn đề to lớn và phức tạp. Trên hướng Tây, sau các trận giao tranh cực kỳ ác liệt ở vùng Xmô-len-xcơ, cuộc chiến tạm thời ngừng lại. Cả hai bên chỉnh đốn lại quân đội và chuẩn bị cho các sự kiện sắp nổ ra. Riêng ở vùng En-nha, trận đánh không chấm dứt. Mỏm En-nha mà quân Đức chiếm được, là bàn đạp rất có lợi để đánh vào Mát-xcơ-va. Vào bất kỳ tình thế nào quân Đức cũng cố giữ lấy nó. Trên hướng Lê-nin-grát, địch tiếp tục tấn công. Nhưng, mặc dù có thắng lợi, chúng vẫn không chọc thủng được trận địa phòng ngự của quân đội Liên Xô và không tiến được tới những ngã đường gần vào Lê-nin-grát.

Trong thời gian diễn ra chiến trận Xmô-len-xcơ, cụm tập đoàn quân "Bắc" của Đức có âm mưu đánh qua Lu-ga để tiến gần đến Lê-nin-grát. Ngày 12-7, quân đoàn mô-tô cơ giới 41 địch tiến dọc theo đường Lê-nin-grát để tới Lu-ga, nhưng bị chặn lại. Song, sau khi tìm ra được chỗ phòng ngự yếu ở vùng Kin-ghi-xép - I-va-nốp-xcơ, các đơn vị của đạo quân xe tăng 4 địch đã nhanh chóng chuyển từ vùng Lu-ga sang và định chọc vào phòng ngự của ta ở đó, nhưng đội dự bị của ta đến kịp và đã chặn chúng lại.

Một đạo quân khác của địch âm mưu tiến vào Nốp-gô-rốt và sau đó tới Chu-đô-vô đã gặp phải sự chống cự kịch liệt và ở đây chúng cũng không thành công. Quân đoàn mô-tô cơ giới Đức đang tiến đến khu vực Xôn-xư thì bị các đơn vị của tập đoàn quân 11 tấn công. Cuộc phản kích này của tập đoàn quân 11 được tổ chức chu đáo, lại có không quân yểm hộ. Bị đánh bất ngờ, quân địch phải quay trở lại và bắt đầu vội vã rút lui. Các đơn vị của tập đoàn quân 11 đã truy kích quân địch và gây cho chúng những thiệt hại lớn. Nếu như không có tập đoàn quân 16 địch đến viện trợ kịp thì quân đoàn cơ giới 56 của Mân-xten có thể đã bị tiêu diệt.

Khi giặc đưa quân bổ sung tới, thì các tập đoàn quân 11 và 27 của Phương diện quân Tây-bắc phải rút về tuyến Xta-rai-a Ru-xa - Khôn-mơ.

Mũi tấn công của cụm tập đoàn quân "Bắc" gồm hai tập đoàn quân và một đạo quân xe tăng đã gặp phải sự chống cự kịch liệt của quân ta ở khu phòng thủ Lu-ga, khu Đờ-nô, trên tuyến Xta-rai-a Ru-xa - Khôn-mơ cũng như ở vùng Kin-ghi-xép - Xi-véc-xki. Ở đây, địch bị thiệt hại nặng và vì thiếu lực lượng bổ sung, chúng không đủ sức tiến đánh Lê-nin-grát.

Kết quả của chiến trận Xmô-len-xcơ, các hoạt động ngày càng tích cực và sức mạnh đánh trả ngày càng tăng của các Phương diện quân Bắc, Tây-bắc, của Hạm đội Ban-tích và của không quân làm cho kế hoạch "Bác-ba-rô-xơ" của địch bị vỡ một mảng lớn.

Trong thời gian này, tình hình ở U-crai-na, nơi bộ đội hướng tây-nam đang tiến hành những trận đánh phòng ngự ác liệt, diễn ra như thế nào?

Chiếm U-crai-na có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với bọn Đức. Chúng cố gắng nhanh chóng chiếm lấy U-crai-na để làm cho Liên Xô mất một cơ sở công nghiệp và nông nghiệp lớn nhất, đồng thời để củng cố nền kinh tế của chúng bằng quặng miền Cri-vô-rô-giơ-xcơ, than Đôn-bát,

măng-gan Ni-cô-pôn-xơ và lúa mì U-crai-na.

Đứng về mặt chiến lược, chiếm được U-crai-na sẽ đảm bảo chi viện từ phía nam cho cụm tập đoàn quân "Trung tâm" là cụm vẫn được giao nhiệm vụ chủ yếu nhất là chiếm Mát-xcơ-va. Ngay từ những ngày đầu chiến tranh, quá trình diễn biến của các sự kiện ở U-crai-na cũng phát triển không đúng như kế hoạch chiến tranh chớp nhoáng của bọn Hít-lê dự tính. Trong khi rút lui trước các đòn đột kích của quân Đức, mặc dù bị thiệt hại rất nặng nề, Hồng quân vẫn dũng cảm chống cự lại.

Tập đoàn quân 5 do tướng M.I. Pô-ta-pốp chỉ huy, tập đoàn quân 26 do tướng Ph.Ya. Cô-xten-cô chỉ huy, và tập đoàn quân 6 do tướng I.N. Mu-dư-chen-cô chỉ huy đã chiến đấu vô cùng ngoan cường, tài giỏi và dũng mãnh.

Tôi đặc biệt phần khởi nhắc đến các tư lệnh xuất sắc đó còn là bởi vì trước đây họ là các trung đoàn trưởng thuộc sư đoàn Cô-dắc sông Đông 4 và tôi đã có dịp cùng với họ, trong những năm 1932 - 1936, phục vụ dưới lá cờ của sư đoàn kỳ cựu nổi tiếng đó của tập đoàn quân kỵ binh thứ nhất.

Gặp phải sức đánh trả quyết liệt của quân ta ở vùng phòng thủ vững chắc Ki-ép, quân Đức ngoắt hẳn về phía nam để thọc vào hậu phương các tập đoàn quân 6 và 12 của ta đang rút khỏi tuyến Béc-đi-chép - Xta-rô-côn-xtan-ti-nốp - Prô-xcu-rốp. Một bộ phận lực lượng quân địch đã tiến tới phía nam Ki-ép đến trận địa của tập đoàn quân 26. Nhưng cuộc tiến quân này không có ý nghĩa quan trọng bởi vì bộ phận chủ yếu của các tập đoàn quân "Nam" của địch đã đi xuống phía nam. Sắp diễn ra giao chiến ác liệt giữa các tập đoàn quân 6, 12, và 18 của ta với đạo quân địch thọc vào hậu phương của họ.

Tình hình thêm gay go còn là vì tập đoàn quân 11 Đức sau khi đột phá phòng ngự của Phương diện quân Nam đã đánh qua Mô-ghi-lép - Pô-đôn-xơ, tiến tới sườn và hậu phương của ba tập đoàn quân này.

Bộ đội của Phương diện quân Tây-nam phối hợp với Phương diện quân Nam cố gắng dùng các trận phản kích để kìm bước tiến của địch. Quân ta đã gây cho địch những thiệt hại lớn, song không chặn được chúng. Sau khi bố trí lại lực lượng chút ít, quân Đức lại đánh vào các tập đoàn quân 6 và 12 của ta đang rút lui, lần này các tập đoàn của ta đã rơi vào một tình thế khó khăn. Vì cách xa và khó chỉ huy các tập đoàn quân này nên Phương diện quân Tây-nam đề nghị chuyển thuộc họ sang bộ tư lệnh Phương diện quân Nam. Đại bản doanh đồng ý, và các tập đoàn quân 6 và 12 đã được chuyển sang Phương diện quân Nam do đại tướng I.V. Chiu-lê-nép chỉ huy.

Phần lớn các binh đoàn đang rút lui của hai tập đoàn quân này đã bị bao vây trong thời gian chuyển sang Phương diện quân Nam.

Do bị thương nặng, tư lệnh tập đoàn quân 6, tướng I.N. Mu-dư-chen-cô bị bắt làm tù binh. Tư lệnh tập đoàn quân 12, tướng P.G. Pô-nê-đê-hn cũng không tránh được số phận đó. Lúc đó Phương diện quân Nam đang trong hoàn cảnh rất khó khăn, nặng nề. Tập đoàn quân 9 vừa rút lui vừa chiến đấu trong tình thế nửa bị bao vây. Các đơn vị còn lại của nó rút về sông In-gu-lét. Việc quân địch tiến đến Đờ-nép, chọc thủng về phía Da-pô-rô-giơ, Đne-prô-pê-tơ-rốp-xơ và Ô-đét-xa đã làm cho quân đội Xô-viết ở toàn bộ hướng tây-nam lâm vào tình thế phức tạp nghiêm trọng. Song quân Đức cũng phải trả giá rất đắt đối với thắng lợi này. Chúng bị tiêu hao trăm trọng và bị thiệt hại nặng.

Tất cả những sự kiện nói trên xảy ra từ sau khi tôi rời Phương diện quân Tây-nam về Mát-xcơ-va trở lại cương vị Tổng tham mưu trưởng và chính trên cương vị này mà tôi tham gia vào các sự kiện đó cùng gánh vác trách nhiệm với các ủy viên Đại bản doanh, cùng chia sẻ nỗi đau đớn của những thất bại và niềm vui sướng của những thắng lợi thừa thót của quân ta. Ở đây tôi nghĩ rằng đúng chỗ để nói ít lời về công việc của Đại bản doanh và của I.V. Xta-lin.

Tháng 7-1941, theo quyết định của Bộ chính trị Ban chấp hành trung ương Đảng, hệ thống cơ quan chỉ đạo chiến lược của các lực lượng vũ trang được cải tổ. Ngày 10-7, Hội đồng quốc phòng Nhà nước quyết định cải tổ Đại bản doanh Bộ Tổng tư lệnh thành Đại bản doanh Bộ Tổng tư lệnh tối cao. Thành phần Đại bản doanh gồm có I.V. Xta-lin (Chủ tịch), V.M. Mô-lô-tốp, các nguyên soái X.K. Ti-mô-sen-cô, X.M. Bu-đi-on-nui, K.E. Vô-rô-si-lốp B.M. Sa-pô-sni-cốp, tướng G.K. Giu-cốp. Ngày 19-7, I.V. Xta-lin được cử làm Ủy viên nhân dân quốc phòng và ngày 8-8 được cử làm Tổng tư lệnh tối cao các lực lượng vũ trang Liên Xô. Từ ngày đó, cơ quan lãnh

đạo chiến lược cao nhất được gọi là Đại bản doanh Bộ Tổng tư lệnh tối cao. Việc cử I.V. Xta-lin - người có uy tín lớn - làm Tổng tư lệnh tối cao được nhân dân và quân đội nhiệt liệt hoan nghênh.

Bộ Ủy viên nhân dân quốc phòng cũng được cải tổ, chức năng của từng Cục được xác định rõ, các cơ quan mới được thành lập.

Cùng với việc thành lập Đại bản doanh Bộ Tổng tư lệnh tối cao, để phối hợp tốt hơn nữa các hoạt động của các phương diện quân và các hạm đội và để thống nhất các cố gắng của các quân chủng tại các hướng chiến lược quan trọng nhất, đã thành lập ba Bộ tổng tư lệnh. Nhưng điều đó không làm trở ngại việc Đại bản doanh lãnh đạo các phương diện quân, các hạm đội và thậm chí các tập đoàn quân. Bởi vì hồi ấy các lực lượng dự bị cố hạn của bộ binh và không quân hoàn toàn ở trong tay Bộ Tổng tư lệnh tối cao. Việc này, tất nhiên, không thể không có ảnh hưởng đến mức nào đó tới sự chủ động của các Tổng tư lệnh các hướng.

Cùng hồi đó, theo chỉ thị của Ban chấp hành trung ương Đảng, đã thực hiện thêm một biện pháp nữa có ảnh hưởng tốt tới khả năng chiến đấu của quân đội, Đảng đã đánh giá đúng, xứng đáng ý nghĩa của các cơ quan hậu cần trong thời gian chiến tranh. Chức vụ Chủ nhiệm Tổng cục hậu cần Hồng quân được đặt ra, một hệ thống mới các cơ quan hậu cần trong tất cả các lực lượng vũ trang được kiên quyết thành lập. Tại các phương diện quân và các hạm đội thành lập các cục hậu cần, trong các tập đoàn quân thành lập các phòng hậu cần, tại các quân đoàn và sư đoàn có chức phó tư lệnh phụ trách về vật chất kỹ thuật. Theo quyết định của Ban chấp hành trung ương Đảng, tại các phương diện quân và các tập đoàn quân thành lập các phòng chính trị hậu cần và định ra chức vụ ủy viên Hội đồng quân sự chuyên trách hậu cần. Các tổ chức hậu cần của ta đã tiến hành công việc to lớn trong việc chuẩn bị các chiến dịch và các trận lớn. Về điều đó chúng ta sẽ còn nói tới sau.

Đại bản doanh không có cơ quan điều khiển công việc nào khác ngoài Bộ Tổng tham mưu. Thông thường, các mệnh lệnh và chỉ thị của Bộ Tổng tư lệnh tối cao đều đi qua Bộ Tổng tham mưu. Các mệnh lệnh và chỉ thị này được thảo ra và thường được thông qua trong điện Krem-lanh, tại phòng làm việc của I.V. Xta-lin.

Đó là một căn phòng rộng, khá sáng sủa. Các tường lát bằng gỗ sồi màu sẫm, một chiếc bàn dài phủ nỉ xanh. Trên tường bên trái và phải, treo các chân dung Mác, Ăng-ghe-n, Lê-nin. Trong thời gian chiến tranh, có các chân dung Xu-vô-rốp và Cu-tu-dốp. Ghế cứng, không có đồ vật gì thừa. Một quả địa cầu lớn đặt ở phòng bên, cạnh quả địa cầu có chiếc ghế, trên tường là các tấm bản đồ thế giới.

Phía sâu trong phòng làm việc, bên tường là bàn làm việc của I.V. Xta-lin, lúc nào cũng đầy tài liệu, giấy tờ, bản đồ. Ở đây có máy điện thoại mạnh đường dài và máy điện thoại trong Krem-lanh, một lô các bút chì màu đã gọt nhọn. I.V. Xta-lin thường viết ý kiến của mình bằng bút chì xanh, viết nhanh, ngoáy, nhưng khá dễ xem.

Lối vào phòng làm việc đi qua phòng của A.N. Pô-xcơ-rê-bư-sép và một căn phòng nhỏ của đội trưởng bảo vệ riêng Tổng tư lệnh tối cao. Sau phòng làm việc là phòng nghỉ và phòng liên lạc, ở đây có các máy điện thoại và máy "Bô-đô". Qua các máy này, A.N. Pô-xcơ-rê-bư-xép tổ chức các cuộc nói chuyện của I.V. Xta-lin với các tư lệnh phương diện quân và các đại diện của Đại bản doanh tại các phương diện quân.

Các cán bộ Bộ Tổng tham mưu và các đại diện Đại bản doanh trải các bản đồ trên chiếc bàn lớn và theo các bản đồ đó báo cáo về tình hình ở các mặt trận, đứng báo cáo, đôi khi dùng sổ tay. I.V. Xta-lin thường vừa nghe vừa đi đi lại lại trong phòng bằng những bước đi rộng, người hơi ngả, chốc chốc lại đi tới gần bàn lớn, cúi xuống chăm chú xem bản đồ trải rộng. Thỉnh thoảng quay lại bàn của mình, lấy gói thuốc sợi, tẽ rời thuốc và chậm rãi nhét vào tẩu.

Nhiệm vụ cơ bản của Đại bản doanh là nghiên cứu và đề ra nhiệm vụ chiến lược cho các đơn vị, phân bố các lực lượng và phương tiện giữa các phương diện quân và các hướng, đặt kế hoạch và quyết định sự hoạt động chiến đấu về toàn cục cho quân đội và hải quân. Trong việc này, các lực lượng dự bị của Đại bản doanh, luôn luôn được bổ sung và thành lập thêm, đóng vai trò to lớn. Các lực lượng này là công cụ mạnh mẽ trong tay Đại bản doanh để tăng cường một cách đáng kể cho các đơn vị quân ta ở các hướng quan trọng nhất và trong các chiến dịch có nhiệm vụ nặng nhất.

Các cuộc thảo luận trong Đại bản doanh về những quyết định chiến lược quan trọng thường có

sự tham gia của các ủy viên Hội đồng quốc phòng Nhà nước. Các cán bộ lãnh đạo Bộ tổng tham mưu, các tư lệnh không quân, pháo binh, Chủ nhiệm Tổng cục xe tăng, xe bọc thép, Chủ nhiệm hậu cần Hồng quân, các cán bộ lãnh đạo các tổng cục khác của Bộ Ủy viên nhân dân quốc phòng, thường được mời tới họp. Tư lệnh các phương diện quân được triệu tập về Đại bản doanh, khi xem xét các vấn đề liên quan tới phạm vi của họ, nhất là khi thảo luận về trận đánh sắp mở. Có khi các công trình sư máy bay, xe tăng, pháo binh cũng được mời tới dự. Nếp làm việc của Đại bản doanh khẩn trương, không ồn ào, mọi người đều có thể nói lên ý kiến của mình. I.V. Xta-lin đối xử với mọi người như nhau, nghiêm nghị và khá chính quy. I.V. Xta-lin biết nghe, khi người báo cáo nắm chắc vấn đề.

Nhân đây cần nói rằng, như tôi đã được thấy rõ trong những năm chiến tranh, I.V. Xta-lin hoàn toàn không phải là người mà khi quan hệ với người đó, ta không thể đặt ra những vấn đề gay gắt, không thể tranh luận, mà thậm chí không thể giữ vững quan điểm của mình. Nếu như có ai khẳng định trái lại, tôi xin nói thẳng: điều khẳng định của họ không đúng.

Cơ quan làm việc của Đại bản doanh là Bộ Tổng tham mưu. Hồi đầu chiến tranh, tôi cùng các cán bộ lãnh đạo Bộ Tổng tham mưu thực tế là suốt ngày đêm phải cùng một lúc nhận những tin tức có khi trái ngược nhau từ tất cả các mặt trận gửi về, và nghiên cứu báo cáo lên Đại bản doanh Bộ Tổng tư lệnh tối cao những đề nghị khẩn cấp. Chức năng của Bộ Tổng tham mưu ngay từ đó trở nên phức tạp. Khối lượng công việc tăng lên quá nhanh, nhiều cái trong việc tổ chức công việc ở thời bình là tốt, nay không còn hợp nữa. Tuy đã nhanh chóng chỉnh đốn lại, song chúng tôi không làm ngay được mọi việc.

Khó mà có được những tài liệu tình báo chính xác và xác định được tính chất của sự bố trí của quân ta và của lực lượng địch vào mọi thời gian khác nhau trong ngày đêm; khó mà nhanh chóng đưa ra được những đề nghị có căn cứ về khả năng bảo đảm vũ khí, đạn dược cho mặt trận này hay mặt trận kia; khó mà viết được những chỉ thị quan trọng nhất của Bộ Tổng tư lệnh tối cao do Đại bản doanh giao cho trong vòng mấy tiếng đồng hồ và có khi trong vòng mấy phút.

Đi lên Đại bản doanh báo cáo với I.V. Xta-lin, mà mang theo các bản đồ còn có những “điểm trắng” nào đó, hoặc với những số liệu ước lượng, chứ đừng nói gì những số liệu quá sự thật, là điều không thể được. I.V. Xta-lin không chịu được lối trả lời mò mẫm, đòi hỏi phải hết sức đầy đủ và rõ ràng.

I.V. Xta-lin nhạy cảm đặc biệt đối với những chỗ yếu trong các báo cáo hoặc các tài liệu, phát hiện ra ngay những chỗ đó và nghiêm khắc khiển trách người có lỗi về báo cáo không rành rọt. Có được trí nhớ giỏi, I.V. Xta-lin nhớ kỹ những việc đã nói, phê bình khá gay gắt đối với những việc bị quên. Vì vậy, khi chuẩn bị các tài liệu tham mưu, chúng tôi làm hết sức kỹ càng, với mọi khả năng của mình trong những ngày đó.

Song, trong khi tình hình ở các mặt trận vô cùng nặng nề, trong khi nhịp sống ở điều kiện chiến tranh chưa được hoàn toàn vào nề nếp, tôi cần phải nói tới nỗ lực của các cán bộ lãnh đạo Bộ tổng tham mưu: về toàn cục, trong Bộ Tổng tham mưu đã xây dựng được ngay nếp làm việc khẩn trương và sáng tạo, mặc dù mức độ căng thẳng trong công tác hồi đó lên đến tột bậc.

Về sau trong suốt thời gian chiến tranh, tôi vẫn giữ được mối quan hệ riêng và liên hệ công tác với Bộ Tổng tham mưu, mối liên hệ này đã giúp đỡ tôi rất nhiều trong điều kiện ở mặt trận, khi chuẩn bị và lúc tiến hành các chiến dịch lớn. Bộ Tổng tham mưu đã tiến hành có kết quả việc chuẩn bị các lực lượng vũ trang mới, có đủ khả năng và nhanh chóng nghiên cứu đề ra dự thảo các chỉ thị và mệnh lệnh của Bộ Tổng tư lệnh tối cao, theo dõi chặt chẽ việc thực hiện các chỉ thị của Hội đồng quốc phòng Nhà nước, lãnh đạo công tác của các bộ tham mưu trung ương các quân chủng và binh chủng, có tín nhiệm trong việc báo cáo các vấn đề lớn và quan trọng với Đại bản doanh Bộ Tổng tư lệnh tối cao.

I.V. Xta-lin suy tính các vấn đề quan trọng phần nhiều căn cứ vào báo cáo của các đại diện Đại bản doanh được phái đến các nơi để xem xét tình hình ngay tại chỗ và hỏi ý kiến các bộ tư lệnh binh đoàn, hoặc căn cứ vào những kết luận của Bộ Tổng tham mưu, những ý kiến và các đề nghị của các bộ tư lệnh phương diện quân và các thông báo đặc biệt.

Tôi hiểu biết I.V. Xta-lin được sát từ sau năm 1940, khi tôi làm việc ở chức vụ Tổng tham mưu trưởng, và trong thời gian chiến tranh ở chức vụ Phó Tổng tư lệnh tối cao.

Về bề ngoài của I.V. Xta-lin, nhiều người đã diễn tả nhiều lần. Người không cao và trông ngoài

không có gì đặc biệt. I.V. Xta-lin gây cho những người khác ấn tượng mạnh mẽ. Không có cử chỉ cách điệu hóa, I.V. Xta-lin hấp dẫn người nói chuyện với mình bằng cách đối xử giản dị. Phong thái tự nhiên khi nói chuyện, tài diễn đạt một cách rành rọt ý nghĩ, trí thông minh phân tích bẩm sinh, sự uyên bác và trí nhớ giỏi, thậm chí làm cho những người tài giỏi và rất hiểu biết cũng phải tập trung suy nghĩ và thận trọng trong khi nói chuyện với I.V. Xta-lin.

I.V. Xta-lin không thích ngồi, trong khi nói chuyện chậm rãi đi đi lại lại trong phòng, chốc chốc đứng lại, tới gần người nói chuyện và nhìn thẳng vào mắt người đó. I.V. Xta-lin có cái nhìn sáng sủa, sâu sắc. I.V. Xta-lin nói khoan thai, mạch lạc từng câu một, hầu như không có điệu bộ, trong tay thường cầm tẩu thuốc, cả lúc tẩu thuốc đã tắt, thích dùng cán tẩu rê râu mép.

I.V. Xta-lin nói giọng Gru-di-a, nhưng rất thạo tiếng Nga và thích dùng những hình tượng so sánh văn học, những ví dụ, những ẩn dụ. I.V. Xta-lin ít cười, và khi cười thì cười khẽ, tựa như cười thầm. Nhưng hiểu chuyện vui và biết đánh giá sự tinh tế và lời nói đùa.

I.V. Xta-lin có sức nhìn rất tốt, đọc vào bất kỳ lúc nào trong ngày, đêm cũng không cần kính. Thông thường I.V. Xta-lin tự tay mình viết. Đọc nhiều và là người hiểu biết rộng trong đủ mọi lĩnh vực. Sức làm việc rất lớn, tài nhanh chóng hiểu được tài liệu đã giúp cho trong một ngày I.V. Xta-lin xem và nắm được một số lượng tài liệu về đủ mọi vấn đề.

Bình thường I.V. Xta-lin bình tĩnh và từ tốn, nhưng có khi hay nổi nóng. Khi đó mất tính khách quan, con người thay đổi ngay, nét mặt căng tái, mắt nhìn trở nên nặng nề và khắc nghiệt. Tôi thấy có ít người can đảm chịu nổi cơn giận dữ của I.V. Xta-lin và dám chống lại.

Khó mà nói được đặc điểm gì lớn hơn cả ở I.V. Xta-lin. Một con người hiểu biết nhiều mặt và có tài, I.V. Xta-lin không phải là người thần nhiên. I.V. Xta-lin có nghị lực lớn, tính tình kín đáo và nóng.

I.V. Xta-lin hàng ngày làm việc có phần khác thường: làm việc chủ yếu là vào chiều tối và đêm. Không dậy trước 12 giờ trưa. Làm việc nhiều, tới 12 - 15 tiếng đồng hồ trong một ngày đêm. Để thích ứng với giờ làm việc của I.V. Xta-lin, Ban chấp hành trung ương Đảng, Hội đồng Ủy viên nhân dân, các Bộ Ủy viên nhân dân và các cơ quan Nhà nước và các cơ quan lập kế hoạch chủ chốt, cũng làm việc đến tận đêm khuya. Điều đó rất làm mệt mọi người.

Nhiều vấn đề chính trị, quân sự có tính chất quốc gia được thảo luận và giải quyết, không phải chỉ trong các cuộc họp chính thức của Bộ chính trị và trong Ban bí thư Ban chấp hành trung ương Đảng, mà cả vào các buổi tối trong bữa ăn tại nhà ở hoặc tại nơi nghỉ mát của I.V. Xta-lin. Ở đây, thường có mặt các ủy viên Bộ chính trị gần gũi nhất của I.V. Xta-lin. Ngay trong bữa ăn thường hết sức giản dị, I.V. Xta-lin giao nhiệm vụ cho các ủy viên Bộ chính trị hoặc các Ủy viên nhân dân được mời đến để bàn về các vấn đề thuộc phạm vi của họ. Cùng với Ủy viên nhân dân quốc phòng, có khi Tổng tham mưu trưởng cũng được mời đến.

Trong thời kỳ trước chiến tranh, tôi khó đánh giá được độ sâu về hiểu biết và năng lực của I.V. Xta-lin trong lĩnh vực khoa học quân sự, trong các vấn đề nghệ thuật chiến dịch và chiến lược, bởi vì Bộ chính trị và riêng I.V. Xta-lin (ít ra thì cũng vào những khi tôi được có mặt) chủ yếu là xem xét và quyết định những vấn đề về tổ chức, động viên và vật chất, kỹ thuật.

Tôi chỉ có thể nói rằng I.V. Xta-lin luôn luôn chú ý nhiều đến các vấn đề vũ khí và kỹ thuật chiến đấu, I.V. Xta-lin thường mời các tổng công trình sư máy bay, pháo binh và xe tăng tới căn cứ hỏi họ về những chi tiết cơ cấu của những loại kỹ thuật chiến đấu đó ở nước ta và ở nước ngoài. Cần phải đánh giá cho đúng là I.V. Xta-lin hiểu biết khá đầy đủ những tính chất của các loại vũ khí cơ bản.

I.V. Xta-lin đòi hỏi các tổng công trình sư, các giám đốc các nhà máy quốc phòng, mà trong số này nhiều người I.V. Xta-lin quen biết riêng, phải sản xuất các loại mẫu máy bay, xe tăng, pháo và kỹ thuật quan trọng nhất khác trong thời hạn quy định, và về chất lượng không những phải bằng mà còn phải hơn những loại của nước ngoài.

Như tôi đã nói, nếu không được I.V. Xta-lin chuẩn y thì không một loại mẫu vũ khí nào hoặc kỹ thuật chiến đấu nào được sử dụng để trang bị cho quân đội hoặc bị gạt đi. Tất nhiên điều đó đụng chạm đến sự chủ động của Ủy viên nhân dân quốc phòng và các Phó ủy viên nhân dân quốc phòng phụ trách vấn đề trang bị của Hồng quân.

Trước cuộc chiến tranh giữ nước và đặc biệt sau chiến tranh, I.V. Xta-lin được coi là người đã giữ vai trò lỗi lạc trong việc xây dựng các lực lượng vũ trang, trong việc đề ra những nền tảng của khoa học quân sự Xô-viết, những nguyên tắc cơ bản trong lĩnh vực chiến lược và cả nghệ

thuật chiến dịch.

I.V. Xta-lin có thực sự là nhà tư tưởng quân sự lỗi lạc trong lĩnh vực xây dựng các lực lượng vũ trang và là người tinh thông các vấn đề về chiến dịch và chiến lược không?

Là một cán bộ quân sự, tôi đã tìm hiểu kỹ I.V. Xta-lin, bởi vì đã cùng với I.V. Xta-lin trải qua suốt cả cuộc chiến tranh.

I.V. Xta-lin nắm được các vấn đề tổ chức các trận đánh của một phương diện quân và các trận đánh của nhiều phương diện quân và đã lãnh đạo các trận đánh đó với sự hiểu biết đầy đủ công việc, hiểu biết đầy đủ các vấn đề chiến lược lớn. Nhưng khả năng đó của I.V. Xta-lin, với tư cách là vị Tổng tư lệnh, đặc biệt được thể hiện bắt đầu từ Xta-lin-grát.

Trong việc lãnh đạo cuộc đấu tranh vũ trang nói chung, trí tuệ sẵn có, trực giác lớn lao đã giúp I.V. Xta-lin. I.V. Xta-lin biết tìm ra khâu chủ yếu trong tình thế chiến lược và nắm lấy nó, đối phó trả lại quân giặc, tiến hành những trận tấn công lớn. Rõ ràng I.V. Xta-lin là vị Tổng tư lệnh tối cao xứng đáng.

Tất nhiên, I.V. Xta-lin không đi vào toàn bộ khối lượng các vấn đề mà các đơn vị quân đội và các cơ quan chỉ huy các cấp phải thực hiện tỉ mỉ để chuẩn bị tốt trận đánh của một hoặc của nhiều phương diện quân. Và điều đó I.V. Xta-lin không nhất thiết phải biết đến. Trong những trường hợp này, lẽ đương nhiên, I.V. Xta-lin bàn bạc với các ủy viên Đại bản doanh, Bộ Tổng tham mưu và các chuyên viên về các vấn đề pháo binh, xe tăng, thiết giáp, không quân và hải quân, về các vấn đề bảo đảm hậu phương và cung cấp. Riêng I.V. Xta-lin viết nhiều tài liệu quan trọng, trong số đó có tài liệu nói về phương thức tấn công của pháo binh, về việc giành quyền khống chế trên không, về phương thức bao vây địch, về việc cắt các đạo quân địch bị bao vây và tiêu diệt chúng từng phần một, v.. v...

Tất cả những vấn đề hết sức quan trọng đó của nghệ thuật quân sự là những kết quả đạt được trên thực tiễn, trong các trận đánh và chiến dịch chống quân thù, là những kết quả của sự suy nghĩ và tổng hợp sâu sắc kinh nghiệm của tập thể lớn các tướng lĩnh và của bản thân các quân chủng, binh chủng. Ở đây, công lao của I.V. Xta-lin là ở chỗ đã tiếp nhận một cách đúng đắn những ý kiến của các chuyên gia quân sự lớn của chúng ta, bổ sung và phát triển những ý kiến đó và đã tổng hợp lại trong các thông tư, chỉ thị và điều lệnh, nhanh chóng đưa xuống quân đội làm phương hướng lãnh đạo thực hiện. Hơn nữa, trong việc bảo đảm các trận đánh, xây dựng các lực lượng dự bị chiến lược, tổ chức sản xuất kỹ thuật chiến tranh và nói chung trong việc tạo ra mọi điều kiện cần thiết cho tiền tuyến, tôi xin nói thẳng là I.V. Xta-lin đã tỏ ra là một nhà tổ chức lỗi lạc. Nếu như chúng ta không đánh giá đúng điều đó thì sẽ thiếu sự công bằng.

Nhưng, tất nhiên, trước hết chúng ta cần phải rap mình cúi chào người Xô-viết chúng ta đã hy sinh cả những thứ cần thiết nhất, không ăn và không ngủ, làm tất cả những gì mình cần làm để làm tròn những nhiệm vụ mà Đảng cộng sản đề ra trước nhân dân nhằm tổ chức đánh thắng quân thù.

Tháng thứ hai của chiến tranh diễn ra, lời hứa hẹn được quảng cáo ầm ĩ của Hít-le là trong thời hạn ngắn nhất sẽ tiêu diệt Hồng quân, chiếm Mát-xcơ-va và tiến tới sông Đông, đã bị tan vỡ. Ở khắp nơi, quân Đức đều bị những thiệt hại hết sức lớn. Mặt trận chung của địch bị mở rộng ra. Mật độ chiến dịch của quân Đức bị giảm thấp rất nhiều, và bây giờ chúng không còn đủ số quân để tấn công cùng một lúc ở tất cả các hướng chiến lược.

Nhưng tuy vậy, các lực lượng xung kích chủ yếu của quân Đức - các đạo quân xe tăng thiết giáp và không quân - vẫn hoàn toàn có khả năng làm cho quân ta thiệt hại nghiêm trọng bằng những đòn đánh tập trung lớn.

Trước tình hình nặng nề tại các mặt trận, Đảng đã đặc biệt chú trọng tới tinh thần của quân đội. Theo chỉ thị của Ban chấp hành trung ương Đảng, Tổng cục chính trị Hồng quân, mà nói chung trong những năm chiến tranh đã tiến hành công tác sáng tạo to lớn trong quân đội, hồi giữa tháng 7 đã gửi hai chỉ thị quan trọng cho các đơn vị, trong đó nêu sự đánh giá về tình hình trong ba tuần lễ đầu chiến tranh đề ra yêu cầu nâng cao vai trò tiên phong của các đảng viên và đoàn viên thanh niên cộng sản ngay trong chiến đấu và trong việc thi hành các mệnh lệnh của người chỉ huy.

Các cơ quan chính trị, các tổ chức Đảng và Đoàn thanh niên cộng sản, gánh vác trách nhiệm đặc biệt về tình hình tư tưởng đơn vị và khả năng chiến đấu của nó, có nhiệm vụ làm cho các đảng viên và đoàn viên thanh niên cộng sản, đặc biệt là trong tình thế khó khăn và phức tạp, biết

dẫn dắt các chiến sĩ theo mình, kiên quyết đấu tranh với những biểu hiện hoang mang, vô tổ chức, biết phổ biến kinh nghiệm chiến đấu, nêu gương dũng cảm và ngoan cường, chủ động và nhanh trí, giúp đỡ lẫn nhau trong chiến đấu. Công tác chính trị trong quân đội ngày càng được tăng cường đã mang lại nhiều kết quả và đã có ý nghĩa to lớn.

Sau khi thảo luận về tình hình chung với Cục trưởng Cục tác chiến V.M. Giô-lô-bin, tướng A.M. Va-xi-lép-xki và các cán bộ tác chiến khác của Bộ Tổng tham mưu, chúng tôi đi đến kết luận rằng, trong thời gian gần nhất chắc là quân địch sẽ mưu toan đánh tan Phương diện quân Trung ương của ta để thọc vào sườn và hậu phương của Phương diện quân Tây-nam.

Còn về cuộc tấn công vào Mát-xcơ-va, thì cuộc tấn công này chắc là chỉ sẽ bắt đầu khi nào quân địch khắc phục được nguy cơ từ phía Phương diện quân Trung ương và từ phía các đơn vị thuộc hướng tây-nam của ta đối với sườn cụm tập đoàn quân trung ương của chúng. Ở hướng tây-bắc, quân địch sau khi tăng cường lực lượng, muốn nhanh chóng chiếm lấy Lê-nin-grát và liên kết với quân Phần Lan.

Một lần nữa sau khi cân nhắc và thẩm tra kỹ càng mọi việc, tin chắc rằng những phán đoán đó là đúng, tôi quyết định báo cáo ngay những điều này với Tổng tư lệnh tối cao để có những biện pháp đối phó cần thiết.

Ngày 29-7, tôi gọi đây nói tới I.V. Xta-lin đề nghị được gặp để báo cáo công việc khẩn cấp. Mang theo bản đồ tình hình chiến lược, bản đồ đội hình quân Đức những tài liệu về tình hình quân ta và các lực lượng dự trữ vật chất kỹ thuật của các phương diện quân và của trung ương, tôi tới phòng tiếp khách gặp A.N. Pô-xcơ-rê-bư-sép. Tôi yêu cầu báo cáo là tôi đã có mặt. A.N. Pô-xcơ-rê-bư-sép trả lời:

- Mời đồng chí ngồi. Có lệnh chờ đồng chí Mê-khơ-lít.

Mười phút sau tôi được mời vào gặp I.V. Xta-lin.

- Thế nào, đồng chí có gì báo cáo đi - I.V. Xta-lin nói.

Trải các tấm bản đồ lên bàn, tôi báo cáo căn cứ về tình hình, bắt đầu từ hướng tây-bắc và kết thúc bằng hướng tây-nam. Tôi nêu lên những số liệu về những thiệt hại chủ yếu ở các mặt trận và quá trình xây dựng các lực lượng dự bị. Tôi nói tỉ mỉ về sự bố trí lực lượng của quân địch, kể về các cụm tập đoàn quân của chúng và trình bày tính chất của những hoạt động chiến lược của địch mà chúng tôi phán đoán. I.V. Xta-lin chăm chú nghe, hơi cúi xuống xem xét các bản đồ, tất cả những ghi chú nhỏ trên các bản đồ đó.

- Do đâu mà đồng chí biết được quân Đức sẽ hành động như thế? - L.D. Mê-khơ-lít hỏi.
- Tôi không biết được các kế hoạch quân Đức sẽ hành động, - tôi đáp, - nhưng, qua phân tích tình hình tôi thấy chúng có thể hành động đúng như vậy chứ không thể nào khác. Những điều phán đoán của chúng tôi dựa trên sự phân tích trạng thái và sự bố trí của quân đội Đức và trước hết của các đạo quân xe tăng thiết giáp và cơ giới là lực lượng chủ chốt trong các chiến dịch có ý nghĩa chiến lược của chúng.
- Đồng chí báo cáo tiếp đi. - I.V. Xta-lin nói.

Tôi tiếp tục:

- Ở hướng chiến lược Mát-xcơ-va, trong những ngày sắp tới quân Đức không thể mở trận tấn công, bởi vì chúng đã bị những thiệt hại quá lớn. Ở đây chúng không có các lực lượng dự bị chiến lược lớn để đảm bảo cánh phải và cánh trái của cụm tập đoàn quân "Trung tâm"; ở hướng Lê-nin-grát, nếu không có lực lượng tăng viện, quân Đức không thể mở trận đánh để chiếm Lê-nin-grát và hợp với quân Phần Lan; ở U-crai-na, các trận chính có thể nổ ra tại vùng Đơ-me-prô-pê-tơ-rốp-xcơ, Crê-men-chúc, nơi quân chủ lực của đạo quân xe tăng thiết giáp thuộc cụm tập đoàn quân "Nam" của địch đã kéo tới; Nơi yếu và nguy hiểm nhất trên các mặt trận của chúng ta là Phương diện quân Trung ương. Các tập đoàn quân bảo vệ hướng U-nê-cha, Gô-men quá ít quân và yếu về kỹ thuật. Quân Đức có thể lợi dụng chỗ yếu này đánh vào sườn và hậu phương của Phương diện quân Tây-nam.
- Đồng chí đề nghị như thế nào? - I.V. Xta-lin hỏi.
- Trước hết phải củng cố Phương diện quân Trung ương, giao cho nó ít nhất ba tập đoàn quân được tăng cường bằng pháo binh. Một tập đoàn quân lấy của hướng tây, một tập đoàn quân lấy của Phương diện quân Tây-nam, tập đoàn quân thứ ba lấy ở lực lượng dự bị của Đại bản doanh. Cứ một tư lệnh có kinh nghiệm và kiên nghị để phụ trách mặt trận. Cụ thể tôi đề nghị cử N.Ph. Va-tu-tin.

- Sao, - I.V. Xta-lin hỏi, - đồng chí cho rằng có thể làm yếu hướng vào Mát-xcơ-va?

- Không, tôi không nghĩ vậy. Sau 12 - 15 ngày, chúng ta có thể đưa từ Viễn Đông về ít nhất 8 sư đoàn có khả năng chiến đấu đầy đủ trong đó có một sư đoàn xe tăng. Số quân này sẽ không làm yếu mà sẽ làm mạnh thêm hướng Mát-xcơ-va.

- Còn Viễn Đông, chúng ta sẽ giao cho bọn Nhật? - L.D. Mê-khơ-lít bức bối hỏi.

Tôi không trả lời và nói tiếp:

- Cần phải đưa toàn bộ Phương diện quân Tây-nam về đằng sau Đờ-nép. Phía sau nơi tiếp giáp giữa Phương diện quân Trung ương và Phương diện quân Tây-nam, cần tập trung lực lượng dự bị ít nhất là 5 sư đoàn được tăng cường.

- Còn Ki-ép thì sao? - I.V. Xta-lin hỏi.

Tôi hiểu hai chữ “bỏ Ki-ép” đối với tất cả những người Xô-viết và đối với I.V Xta-lin có nghĩa như thế nào. Nhưng tôi không thể đi theo tình cảm. Là cán bộ quân sự tôi bắt buộc phải đề nghị một quyết định, theo quan điểm của tôi, duy nhất có thể thực hiện được trong tình hình đã diễn ra.

- Buộc phải bỏ Ki-ép, - tôi trả lời. - ở hướng tây cần phải khẩn cấp tổ chức cuộc phản kích để tiêu diệt địch ở mỏm En-nha. Quân địch có thể dùng bàn đạp này để đánh vào Mát-xcơ-va.

- Phản kích nào nữa ở đây, sao lại có chuyện hồ đồ ấy? - I.V. Xta-lin bức lên - Thế nào mà đồng chí lại có thể nghĩ đến việc bỏ Ki-ép cho quân thù?

Tôi không thể kìm được mình và trả lời:

- Nếu như đồng chí cho rằng Tổng tham mưu trưởng chỉ có thể làm được những chuyện hồ đồ, vậy thì Tổng tham mưu trưởng ở đây không có việc gì để làm nữa. Tôi đề nghị cho tôi thôi chức vụ Tổng tham mưu trưởng và cử tôi ra tiền tuyến. Chắc là ở ngoài đó có ích hơn đối với Tổ quốc.

- Đồng chí đừng nóng, - I.V. Xta-lin nói - Nếu đồng chí đặt vấn đề một cách như vậy, thì không có đồng chí chúng tôi cũng xong...

Tôi nói rằng, tôi có quan điểm riêng đối với tình hình và các phương thức tiến hành chiến tranh và đã báo cáo quan điểm đó như tôi và Bộ Tổng tham mưu suy nghĩ.

- Đồng chí hãy ra làm việc đi, chúng tôi bàn ngay với nhau một tí và sẽ gọi đồng chí sau. Thu lấy các bản đồ, tôi bước ra ngoài phòng, trong lòng nặng trĩu.

Chừng 40 phút sau tôi được gọi vào gặp Tổng tư lệnh tối cao.

- Bây giờ thế này, - I.V. Xta-lin nói, - chúng tôi đã bàn bạc và quyết định để đồng chí thôi trách nhiệm Tổng tham mưu trưởng. Chúng tôi sẽ cử B.M. Sa-pô-sni-cốp làm Tổng tham mưu trưởng. Thực ra sức khỏe của đồng chí ấy không được tốt lắm, nhưng không sao, chúng tôi sẽ giúp đỡ đồng chí ấy.

- Đồng chí ra lệnh cho tôi đi đâu?

- Vậy đồng chí muốn đi đâu?

- Tôi có thể làm bất kỳ công tác gì. Tôi có thể chỉ huy sư đoàn, quân đoàn, tập đoàn quân, phương diện quân.

- Đừng nóng, đừng nóng! Đồng chí vừa nói tới việc tổ chức cuộc phản kích ở En-nha. Vậy đồng chí đảm đương lấy việc đó. Chúng tôi sẽ cử đồng chí làm tư lệnh Phương diện quân Dự bị. Bao giờ đồng chí có thể đi?

- Một giờ sau.

- B.M. Sa-pô-sni-cốp sẽ tới Bộ Tổng tham mưu ngay, đồng chí bàn giao công việc rồi lên đường. Đồng chí cần biết rằng đồng chí vẫn là ủy viên Đại bản doanh Bộ Tổng tư lệnh tối cao. - I.V. Xta-lin kết thúc.

- Đồng chí cho phép tôi đi?

- Đồng chí hãy ngồi lại đây uống nước chè với chúng tôi, - I.V. Xta-lin nói, lúc này đã mỉm cười, - chúng ta còn có việc cần nói chuyện.

Mọi người ngồi vào bàn và uống nước chè, nhưng chuyện thì không thành.

Tôi chuẩn bị rất chóng. Chẳng bao lâu B.M. Sa-pô-sni-cốp từ Phương diện quân miền Tây đã trở về, tại đây đồng chí là đại diện Đại bản doanh Bộ Tổng tư lệnh tối cao. Tôi lên đường tới vùng Gơ-giát-xcơ. Cơ quan chỉ huy của Phương diện quân Dự bị đóng ở đó.

[1] Tin về xe tăng nêu ra bị phóng đại - TG.

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>